Nguyễn Quang Huy dịch

SỐNG SÓT Ở BERLIN

ERIK LARSON

BAOVIET
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

SỐNG SÓT Ở BERLIN

ERIK LARSON

Nguyễn Quang Huy dịch

****

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội

Tel: (024) 3851 5380 - Fax: (024) 3851 5381

Email: info@nxblaodong.com.vn

Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3839 0970 - Fax: (028) 3925 7205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

VÕ THỊ KIM THANH

Biên tập: Nguyễn Thị Lan Anh

Vẽ bia: Reiko Miori

Sửa bản in: Doãn Kỳ

Trình bày: Thanh Phong

Liên kết xuất bản **Công ty CP Sách Bách Việt**

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 9, Ngõ 55/9 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ,

Q. Đống Đa, Hà Nội

Tel: (024) 3776 5580 - Fax: (024) 3776 5579

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 146 Hoa Lan, P2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

Tel: (028) 3517 1788 - Fax: (028) 3517 1799

Website: http://www.bachvietbooks.com.vn

http://www.facebook.com/bachvietbooks.com.vn

In 3000 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Công ty TNHH In Thương Mại Thuận Phát.

Địa chỉ: Vân Trì, Minh Khai Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB số 1527/QĐ-NXBLĐ ngày 16/10/2018

Số ISBN: 978-604-59-5532-1

In xong và nộp lưu chiểu năm 2018

TÌNH YÊU, NỖI KINH HOÀNG VÀ MỘT GIA ĐÌNH NGƯỜI MỸ MẮC KẸT TẠI BERLIN THỜI HITLER

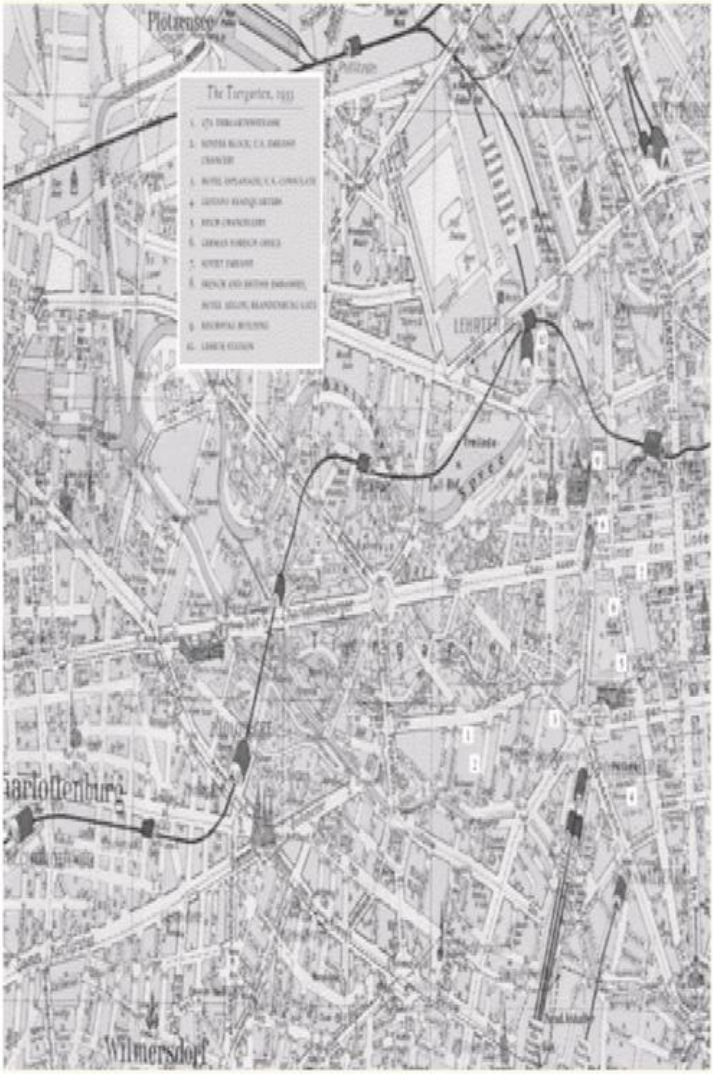

PHARUS-PLAN
BERLIN
Kleine Ausgabe
Charlottenburg
Schöneberg

Gửi các cô gái, và tuổi hai mươi lăm sắp tới

(tưởng nhớ Molly, một chú chó ngoan)

Giữa đường đời, tôi thấy mình trong rừng tối, lạc mất đường chính đạo.

- DANTE ALIGHERI, Thần Khúc, Khúc I

(Bản dịch của Carlyle-Wicksteed, 1932)

DAS VORSPIEL

Đoạn nhạc dạo đầu, khai tấu khúc, màn dạo đầu, sự bắt đầu, biểu diễn, (kiểm tra) thực tế, thử giọng. Đây chỉ là định nghĩa dành cho người mới học.

Từ điển tiếng Đức Collins Toàn tập

(Tái bản lần thứ bảy, năm 2007)

Ngày xưa, vào buổi rạng đông của đúng giai đoạn đen tối ấy, hai cha con người Mỹ bỗng lên đường rời khỏi tổ ấm của họ tại Chicago, đến trung tâm thành phố Berlin thời Hitler[1]. Họ đã ở lại đây bốn năm rưỡi, nhưng cuốn sách này chỉ tập trung vào năm đầu tiên của họ, vì lúc đó trùng với thời điểm Hitler từ Thủ tướng trở thành bạo chúa chuyên chế, khi mọi thứ rất mông lung chẳng có gì chắc chắn. Năm đầu tiên ấy hình thành một đoạn dạo đầu, trong đó bao gồm tất cả các chủ đề của thiên sử thi về chiến tranh và sự tàn sát.

[1] Adolf Hitler (1889 - 1945): Quốc trưởng của Đức Quốc xã, kẻ đã khơi ngòi Chiến tranh thế giới thứ hai.

Tôi đã không ngừng tự hỏi, sẽ thế nào nếu một người ngoài cuộc chứng kiến ngay từ đầu mặt tối của chế độ Hitler đang dần hình thành. Thành phố trông như thế nào, người ta đã nghe thấy, nhìn thấy và ngửi thấy gì. Các nhà ngoại giao và du khách giải thích những sự kiện diễn ra xung quanh họ như thế nào? Sau này, chúng ta biết rằng trong khoảng thời gian mong manh ấy, tiến trình lịch sử có thể dễ dàng bị thay đổi. Vậy tại sao không ai thay đổi nó? Tại sao phải mất nhiều thời gian đến thế mới nhận ra sự nguy hiểm của chế độ Hitler?

Như hầu hết mọi người, tôi có được cảm nhận đầu tiên về kỉ nguyên này từ các cuốn sách, bức ảnh, và tôi có ấn tượng rằng thế giới hồi ấy chẳng có sắc màu nào, ngoài những gam đen trắng.

Tuy nhiên, hai nhân vật chính của tôi đã trực tiếp đối mặt với thực tế ấy, trong khi vẫn cố gắng hoàn thành các trách nhiệm đời thường. Sáng sáng, họ đi qua một thành phố treo đầy những băng rôn khổ lớn màu đỏ, trắng và đen. Họ cũng ghé vào các quán cà phê, tương tự như các thành viên SS[2] gầy còm, mặc đồng phục đen của Hitler. Thi thoảng, họ có thoáng nhìn thấy chính Hitler, một người thấp nhỏ ngồi trong chiếc Mercedes mui trần to đùng. Nhưng mỗi ngày, họ cũng bước qua những ngôi nhà có ban công đỏ rực hoa phong lữ, mua sắm trong các cửa hàng bách hóa tổng hợp to nhất thành phố, tham dự các bữa tiệc trà và hít sâu vào lồng ngực hương thơm mùa xuân tại Tigergarten, công viên chính của Berlin. Họ quen biết xã giao Goebbels[3] và Göring[4], cùng ăn uống, khiêu vũ và cười đùa - cho đến khi năm đầu tiên ở nước Đức của họ kết thúc. Một trong những sự kiện quan trọng nhất đã xảy ra, lật tẩy bản chất của Hitler, và sự kiện ấy đã định hình cả một thập niên sau đó. Đối với cả hai cha con, biến cố này đã làm thay đổi mọi thứ.

[2] Schutzstattel (SS): đội cận vệ của Đảng Quốc xã ở Đức, thành lập năm 1925.

[3] Paul Joseph Goebbels (1897 - 1945): Bộ trưởng Bộ Giác ngộ quần chúng và Tuyên truyền của Đức Quốc xã.

[4] Wilheim Göring (1893 - 1946): lãnh đạo cấp cao của Đức Quốc xã

Đây là một tác phẩm phi hư cấu. Lúc nào cũng vậy, tư liệu trích dẫn của tôi đến từ những lá thư, nhật kí, hồi kí hay tài liệu lịch sử. Tôi không cố gắng viết về lịch sử của thời đại này. Mục tiêu của tôi riêng tư hơn, đó là hé lộ thế giới trong quá khứ, thông qua trải nghiệm và nhận thức của hai nhân vật chính, người cha và cô con gái, những người khi đến Berlin đã dấn thân vào cuộc hành trình của khám phá, thay đổi và nhất là nỗi đau sâu sắc.

Trong truyện sẽ không có những người hùng, ít nhất không theo kiểu anh hùng trong Danh sách Schindler[5], tuy nhiên vẫn có những hình ảnh le lói của chủ nghĩa anh hùng, những con người hành xử với lòng vị tha đến bất ngờ. Luôn tồn tại một sự khác biệt nhỏ, cho dù đôi khi khó chịu. Đó là vấn đề của tiểu thuyết phi hư cấu. Ta phải gạt sang bên những gì tất cả chúng ta đều biết là đúng - ít nhất là cho tới lúc này - thay vào đó, cố gắng đồng hành cùng hai nhân vật ngây thơ của chúng ta, khi họ trải nghiệm thế giới ấy.

[5] Danh sách Schindler: bộ phim lịch sử của Mỹ nói về Oskar Schindler,

một doanh nhân người Đức đã cứu hàng ngàn người Ba Lan gốc Do Thái, thoát khỏi tay Đức Quốc xã.

Đây là những con người phức tạp đã đi qua một thời đại đầy rắc rối, trước khi quỷ dữ phơi bày bản chất thật sự của chúng.

Erik Larson

Seattle

NĂM 1933

NGƯỜI ĐÀN ÔNG SAU BỨC RÈM

Chuyện những người Mỹ sống ở Đức tìm đến Đại sứ quán Mỹ ở Berlin không hiếm, nhưng hoàn cảnh của người đàn ông tìm đến đây hôm thứ Năm, ngày 29 tháng 6 năm 1933 thì rất lạ. Tên anh ta là Joseph Schachno, ba mươi mốt tuổi, một bác sĩ đến từ New York. Cho đến mãi gần đây, anh ta vẫn đang hành nghề y ở ngoại ô Berlin. Giờ đây, anh ta đang trần truồng đứng giữa một trong các phòng khám bệnh có che rèm, ở tầng một của Đại sứ quán, nơi vào ngày thường, một bác sĩ phẫu thuật sẽ kiểm tra y tế những người nộp đơn xin visa nhập cảnh vào Mỹ. Nhiều phần da trên cơ thể anh ta đã bong tróc.

Hai viên chức Đại sứ quán bước vào phòng khám bệnh. Một người tên là George S. Messersmith, Tổng Lãnh sự Mỹ tại Đức từ năm 1930 (không có quan hệ gì với Wilhelm "Willy" Messerschmitt, kĩ sư máy bay người Đức). Từng là nhân viên Sở Ngoại vụ cao cấp tại Berlin, Messersmith giám sát mười lãnh sự quán Mỹ trên khắp nước Đức. Đứng cạnh ông ta là Phó Tổng Lãnh sự, Raymond Geist. Nói chung, Geist là người lạnh lùng và điềm tĩnh, một thuộc cấp lí tưởng, tuy nhiên Messersmith xem Geist như một kẻ nhợt nhạt và yếu bóng vía.

Cả hai người đều khiếp đảm trước thương tích của Schachno.

"Từ cổ đến chân anh ta phơi ra thịt đỏ lòm," Messersmith nói. "Thực tế là người này bị đánh bằng roi đến mức như bị lột da, máu me be bét. Mới nhìn qua, tôi đã phải chạy đến nôn thốc nôn tháo ở cái bồn rửa mặt, chỗ 'vị bác sĩ phẫu thuật sức khỏe công cộng' rửa tay."

Messersmith biết trận đòn này diễn ra đã chín ngày trước, thế nhưng các vết thương vẫn chưa lành. "Các vết lằn ngang dọc hằn rõ trên hai xương bả vai xuống đến đầu gối, cho thấy anh ta bị đánh từ cả hai bên. Thực tế là mông anh ta bị mất hết da, các mảng thịt lớn lòi ra ngoài. Ở nhiều chỗ, thịt đã nát bét."

Và Messersmith tự hỏi đã qua chín ngày rồi mà còn thế này, vậy thì ngay sau khi bị đánh, các vết thương sẽ trông như thế nào?

Câu chuyện xảy ra như sau:

Đêm ngày 21 tháng 06, một nhóm lính mặc đồng phục ập vào nhà Schachno, vì có kẻ tố cáo nặc danh anh ta là kẻ thù nguy hại của Nhà nước. Chúng khám nhà, và cho dù chẳng tìm thấy gì, chúng vẫn lôi anh ta đến trụ sở. Schachno bị ép phải cởi hết quần áo, và ngay lập tức bị hai tên dùng roi đánh rất tàn bạo, suốt mấy giờ đồng hồ. Đánh chán, chúng thả anh ta về. Bằng cách nào đó, anh ta về được đến nhà, rồi dắt vợ cùng bỏ trốn đến trung tâm Berlin, trú tạm ở nhà mẹ vợ. Anh ta nằm bẹp trên giường suốt một tuần. Ngay sau khi cảm thấy có thể đi lại được, anh ta bèn đến Đại sứ quán.

Messersmith ra lệnh đưa anh ta đến bệnh viện, cùng ngày cấp cho anh ta hộ chiếu Mỹ mới. Ngay sau đó, Schachno cùng vợ trốn qua Thụy Điển, rồi sang Mỹ.

Từng xảy ra nhiều vụ bắt bớ và đánh đập công dân Mỹ, kể từ khi Hitler làm thủ tướng vào tháng Một, nhưng chưa vụ nào khủng khiếp như thế này - cho dù hàng nghìn người Đức bản xứ cũng bị đối xử tàn bạo tương tự, và thường là tồi tệ hơn nhiều. Đối với Messersmith, đây là một dấu hiệu nữa về thực tế cuộc sống dưới sự cai trị của Hitler. Ông hiểu toàn bộ làn sóng bạo lực này không chỉ là hậu quả của cơn điên rồ tàn bạo thoáng qua, mà là sự thay đổi căn bản đã diễn ra ở Đức.

Ông biết điều đó, nhưng tin rằng không mấy người Mỹ hiểu được. Càng ngày ông càng thấy khổ sở vì khó mà thuyết phục được cả thế giới về mức độ nguy hiểm của Hitler. Ông hiểu quá rõ thực tế Hitler đang bí mật và hùng hổ kéo Đức vào chiến tranh chinh phục. “Tôi ước gì mình thực sự giải thích được cho đồng bào tôi hiểu,” ông viết trong lá thư vào tháng Sáu năm 1933 gửi Bộ Ngoại giao, “vì tôi cảm thấy họ cần phải hiểu tinh thần hiếu chiến này được phát triển chắc chắn ra sao tại Đức. Nếu chính phủ này còn nắm quyền thêm một năm nữa, và nếu vẫn tiếp tục đi theo hướng này, nước Đức sẽ tiến xa đến mức gây nguy hiểm cho hòa bình thế giới nhiều năm sau nữa.”

Ông nói thêm, “Tôi và các ngài không thể hiểu nổi suy nghĩ của hầu hết những người đang điều hành chính phủ này. Vài người trong số họ thần kinh không ổn định và thông thường sẽ cần phải bị đưa đi điều trị ở đâu đó.”

Nhưng nước Đức vẫn không có nhà riêng cho Đại sứ Mỹ. Cựu Đại sứ Mỹ, Frederic M. Sackett đã về Mỹ vào tháng Ba, sau khi Franklin D. Roosevelt trở thành Tân Tổng thống Mỹ (lễ nhậm chức năm 1933 diễn ra vào ngày 04 tháng 03). Trong gần bốn tháng, vị trí này bỏ trống và người mới được bổ nhiệm phải ba tuần nữa mới đến. Messersmith không hề quen biết vị đại sứ này, ngoài những gì nghe nói từ nhiều mối quan hệ của ông trong Bộ Ngoại giao. Điều ông biết là đại sứ mới sẽ lâm vào hiểm cảnh của tàn bạo, tham nhũng và quá khích. Ông ta sẽ phải là người quyết liệt để chứng tỏ được quyền lợi và sức mạnh Mỹ, vì sức mạnh là thứ duy nhất Hitler và đồng bọn của hắn hiểu.

Ấy thế nhưng, vị đại sứ mới được xem là thuộc dạng người ít phô trương, từng thể sống một cuộc đời khiêm nhường tại Berlin, như một cử chỉ đồng cảm với người dân Mỹ đang thiếu thốn, cơ cực trong cuộc Đại Khủng hoảng[6]. Điều khó tin là ông ta thậm chí còn mang cả chiếc xe cũ của mình sang Berlin - một chiếc Chevrolet tàn tạ - nhằm chứng minh tính tiết kiệm của mình. Đây là thành phố nơi quan chức của Hitler tiến vào trên những chiếc xe du lịch màu đen, mỗi chiếc to gần bằng xe buýt.

[6] Đại Khủng hoảng: thời kì suy thoái kinh tế toàn cầu, kéo dài từ năm 1929 đến đầu những năm 1940.

Phần I
ĐI VÀO RỪNG

Gia đình Dodd đến Hamburg

Chương 1
PHƯƠNG TIỆN TRỐN THOÁT

Cú điện thoại mãi mãi thay đổi cuộc đời gia đình Dodd ở Chicago đến vào buổi trưa ngày thứ Năm, 08 tháng 06 năm 1933, khi William E. Dodd đang ngồi tại bàn làm việc của ông, ở trường Đại học Chicago.

Hiện là chủ nhiệm khoa lịch sử, Dodd từng là giáo sư đại học từ năm 1909, nổi danh khắp cả nước về công trình nghiên cứu của ông về miền Nam nước Mỹ và tiểu sử Woodrow Wilson. Dodd sáu mươi tư tuổi, tóc ngắn, cao một mét bảy mươi hai, với đôi mắt xanh xám và mái tóc nâu nhạt. Gương mặt ông tỏ ra nghiêm nghị, nhưng thực tế ông là người có khiếu hài hước sống động, lạnh lùng và dễ dàng nổi quạu. Vợ ông, Martha, thường được gọi bằng cái tên Mattie, cùng hai đứa con đều đang ở lứa tuổi đôi mươi. Con gái ông cũng mang tên Martha, hai mươi tư tuổi và con trai ông, William Jr. - tên thường gọi là Bill - hai mươi tám.

Theo nhận xét chung, họ là một gia đình hạnh phúc và quan tâm đến nhau. Không giàu có lắm nhưng sung túc, bất chấp cuộc khủng hoảng kinh tế hồi đó đang tấn công đất nước. Họ sống trong một căn nhà lớn, số 5757, Đại lộ Blackstone, gần Hyde Park, cách trường đại học vài tòa nhà. Dodd còn sở hữu một trang trại nhỏ tại Round Hill, Virginia - mùa hè nào ông cũng về ở đó. Căn cứ theo khảo sát của hạt, trang trại rộng vào khoảng 156 héc ta, và là nơi Dodd, một nhà dân chủ ủng hộ Jefferson[7] hàng đầu, cảm thấy giống như ở nhà nhất. Ngày ngày, ông đi thăm thú hai mươi mốt con bê cái giống Guernsey, bốn con ngựa đực thiến tên là Bill, Coley, Mandy và Prince, chiếc máy kéo Farmall, cùng những chiếc máy cày Syracuse ngựa kéo. Ông pha cà phê đựng trong hộp Maxwell House[8], nằm trên lò sưởi đốt củi đã cũ. Vợ ông chẳng thích thú gì nơi này, bà sẽ vui hơn nhiều nếu chỉ một mình ông tới đây, trong khi cả gia đình vẫn ở lại Chicago. Dodd đặt tên cho

trang trại này là Stoneleigh, vì có nhiều tảng đá nằm rải rác khắp bề mặt trang trại. Ông hay nói về nó như những anh chàng say sưa kể về mối tình đầu. "Trái cây thì đẹp tuyệt vời, gần như hoàn hảo, đỏ tươi và ngon lành, chúng ta sẽ thấy những cành cây trĩu trái." Một buổi tối dễ chịu giữa mùa thu hoạch táo, ông ngồi viết thư. "Thật là lí tưởng đối với tôi."

[7] Thomas Jefferson (1743 - 1826): Tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ.

[8] Một thương hiệu cà phê của Mỹ.

Dù ít khi dùng sáo ngữ, nhưng Dodd đã mô tả cuộc gọi ấy như một "tiếng sét giữa trời quang". Tuy nhiên, ông đã nói quá. Vài tháng trước, ông từng bảo bạn bè rằng, ngày nào đó cuộc gọi này sẽ đến. Chính nội dung cuộc gọi mới là thứ khiến Dodd giật mình và phiền muộn.

Đã một thời gian rồi, Dodd cảm thấy không vui vẻ gì với công việc ở trường đại học. Mặc dù yêu thích giảng dạy lịch sử, nhưng ông thích viết về nó hơn. Đã nhiều năm, ông ấp ủ một tác phẩm dự kiến sẽ là bản tường thuật đáng tin cậy nhất về lịch sử miền Nam thuở ban đầu, một bộ sách gồm bốn tập tên là Thăng trầm miền Nam ngày xưa, nhưng công việc bận rộn toàn cản trở tiến độ của ông. Ông chỉ mới gần hoàn thành xong tập đầu, và vì tuổi tác ngày một cao, ông e rằng những tập còn lại chưa xong sẽ theo mình xuống mồ. Ông đã đàm phán xin giảm bớt áp lực công việc với khoa, nhưng bằng những thỏa thuận miệng như thế, mọi việc thường không diễn ra như ông hi vọng. Nhân viên bỏ đi, cộng thêm các sức ép tài chính trong trường đại học do cuộc Đại Khủng hoảng, khiến ông phải làm việc vất vả hơn bao giờ hết. Ông phải ứng phó với các quan chức trong trường, chuẩn bị các bài lên lớp và đối đầu với nhu cầu ngày càng tăng của các sinh viên tốt nghiệp. Trong một lá thư gửi Phòng Công trình và Đất đai của trường đại học ngày 31 tháng 10 năm 1932, ông van xin lắp hệ thống sưởi trong văn phòng ông vào những ngày Chủ nhật, để ít nhất được một ngày dành hết thời gian vào viết lách, mà không bị ngắt quãng. Ông đã mô tả với một người bạn rằng chức vụ của mình thật "đáng xấu hổ."

Bổ sung thêm vào sự bất mãn là niềm tin rằng lẽ ra sự nghiệp của ông phải tiến xa hơn thế. Ông giải thích với vợ, thứ cản trở ông thăng tiến là việc ông sinh ra trong gia đình chẳng được hưởng đặc quyền gì. Ông buộc phải làm việc như trâu như bò để đạt được những gì mình muốn, không như những ai kia trong lĩnh vực của ông thăng tiến rất nhanh. Và thực sự, ông đã phải rất vất vả mới

vươn lên được vị trí hiện giờ. Sinh ngày 21 tháng 10 năm 1869, ở nhà cha mẹ ông tại thị trấn Clayton, Bắc Carolina, Dodd thuộc tầng lớp da trắng dưới đáy xã hội ở phương nam, vẫn còn trung thành với những quy tắc phân biệt giai cấp của thời kì trước Nội chiến[9]. Cha ông, John D. Dodd, là một lão nông sống tằn tiện, chỉ học đủ để biết đọc biết viết, còn mẹ ông, Evelyn Creech, có dòng dõi xuất thân cao quý hơn ở Bắc Carolina. Đây được xem là cuộc hôn nhân không môn đăng hộ đối. Hai vợ chồng trồng bông trên mảnh đất cha Evelyn để lại và chỉ kiếm đủ sống. Trong những năm sau cuộc Nội chiến, khi sản lượng bông tăng vọt và giá cả thì tụt dốc, gia đình ông đều đặn có những khoản nợ với cửa hàng bách hóa của thị trấn, do người bà con thuộc tầng lớp hưởng đặc quyền của Evelyn làm chủ. "Những kẻ vô cảm," Dodd hay gọi họ như thế "lũ con buôn kiểm soát những ai phụ thuộc vào chúng theo kiểu quý tộc!"

[9] Nội chiến Mỹ (1861 - 1865): cuộc chiến giữa Liên bang miền Bắc và Liên minh miền Nam ở nước Mỹ.

Là một trong bảy anh em, Dodd dành cả tuổi trẻ của mình cày cuốc trên mảnh đất của gia đình. Cho dù xem công việc này là một vinh dự, ông cũng không hề muốn cả đời mình đi sau con trâu và nhận ra cách duy nhất để một người xuất thân thấp kém thoát khỏi kiếp nông dân là thông qua học vấn. Ông nỗ lực tìm đường thoát nghèo, đôi khi ra sức học hành đến nỗi bạn bè đặt cho ông biệt danh "Cha Dodd". Vào tháng Hai năm 1891, ông đỗ vào Đại học Nông nghiệp và Cơ khí Virginia (sau này là Đại học Công nghệ Virginia). Kể cả ở đây, ông cũng nghiêm chỉnh tập trung học hành. Các sinh viên khác thì đắm chìm vào đủ thứ trò tinh nghịch như vẽ bậy trêu chủ tịch trường đại học và dàn cảnh các cuộc đọ sức tay đôi giả, để những tên tay mơ tưởng rằng chúng đã giết chết đối thủ của mình. Nhưng Dodd chỉ cắm đầu vào học. Ông lấy bằng cử nhân năm 1895 và bằng thạc sĩ năm 1897, ở tuổi hai mươi sáu.

Nhờ một thành viên đáng kính trong khoa khuyến khích, cùng một khoản vay từ ông cậu tốt bụng, vào tháng Sáu năm 1897, Dodd lên đường sang Đức theo học Trường Đại học Leipzig, bắt đầu tháng ngày lấy bằng tiến sĩ. Ông mang theo mình chiếc xe đạp. Ông tập trung vào bài luận văn về Thomas Jefferson, bất chấp việc rõ ràng, ông gặp khó khăn khi tìm kiếm các tài liệu về nước Mỹ thế kỷ XVIII ở Đức. Dodd hoàn thành hết các bài tập cần thiết trên lớp, tìm thấy kho lưu trữ các tài liệu liên quan tại London và Berlin. Ông cũng du ngoạn rất nhiều, thường đi bằng xe đạp, không biết bao nhiêu lần, bầu không khí chủ nghĩa quân

phiệt tràn ngập khắp nước Đức khiến ông bị sốc. Có lần, một trong các giáo sư yêu thích của ông tổ chức cuộc thảo luận về vấn đề "Nước Mỹ sẽ vô dụng ra sao nếu bị quân đội Đức vĩ đại xâm lược?" Sự hiếu chiến kiểu Phổ[10] này khiến Dodd khó chịu. Ông đã viết "Đâu đâu cũng đầy ắp tinh thần chiến tranh."

[10] Prussia (Phổ): từng là một vương quốc lớn của người Đức, trước khi nước Đức thống nhất vào năm 1871.

Dodd quay về Bắc Carolina cuối mùa thu năm 1899, và sau nhiều tháng tìm kiếm, cuối cùng ông cũng được nhận một chân giảng dạy ở trường Đại học Randolph-Macon tại Ashland, Virginia. Ông cũng nối lại quan hệ bạn bè với một phụ nữ trẻ tên là Martha Johns, con gái một địa chủ giàu có sống gần thành phố quê hương Dodd. Tình bạn nảy nở thành một chuyện tình lãng mạn, vào đúng đêm Giáng sinh năm 1901, họ cưới nhau.

Tại Randolph-Macon, Dodd nhanh chóng tự vướng vào rắc rối. Năm 1902, ông ra mắt một bài viết trên tờ Nation, đả kích một chiến dịch của Hội Cựu Chiến binh Liên minh miền Nam vận động thành công bang Virginia cấm xuất bản một cuốn sách giáo khoa lịch sử, vì họ cho rằng có nội dung sỉ nhục danh dự người miền Nam. Dodd buộc tội các cựu chiến binh tin vào các dữ liệu lịch sử có hiệu lực duy nhất là những tài liệu một mực cho rằng, miền Nam "hoàn toàn đúng khi tách khỏi Liên bang".

Phản ứng mạnh xảy ra ngay lập tức. Một luật sư giỏi trong phong trào của các cựu chiến binh mở cuộc vận động sa thải Dodd khỏi trường Đại học Randolph-Macon. Nhà trường dành cho Dodd sự ủng hộ toàn diện. Một năm sau đó, ông lại công kích các cựu chiến binh, lần này là một bài diễn văn trước Hiệp hội Lịch sử Mỹ. Theo đó, ông gièm pha các nỗ lực của họ hòng "đóng cửa bất kì trường học nào, ngăn cấm bất kì cuốn sách nào không thỏa mãn tiêu chuẩn chủ nghĩa ái quốc địa phương của họ". Ông tức giận nói "im lặng không phải là phong cách của một người đàn ông mạnh mẽ và trung thực".

Danh tiếng sử gia của Dodd ngày càng lớn, gia đình của ông cũng có thêm thành viên. Con trai ông chào đời năm 1905 và con gái ông năm 1908. Nhận ra rằng khoản tăng lương sẽ có ích vào một lúc nào đó và rằng sức ép từ các kẻ thù sẽ không giảm bớt, nên Dodd ghi danh ứng cử khi trường Đại học Chicago thành lập. Ông có được việc làm, và vào tháng Một lạnh lẽo năm 1909, ở tuổi ba mươi chín, ông cùng gia đình chuyển nhà sang Chicago, nơi ông sống một phần tư thế kỷ tiếp theo. Tháng Mười năm 1912, cảm

thấy tiếng gọi từ di sản thừa kế và thấy cần phải khẳng định danh tiếng của mình như một nhà dân chủ ủng hộ Jefferson đích thực, ông mua lại trang trại của mình. Công việc đáng sợ gặm nhấm ông suốt thời thơ ấu giờ đây vừa trở thành bước chuyển đổi cứu rỗi linh hồn ông, vừa là tiếng vọng lãng mạn về quá khứ của nước Mỹ.

Thêm vào đó, Dodd phát hiện trong ông luôn có một sự quan tâm đối với đời sống chính trị, được thổi bùng lên trong háo hức vào tháng Tám năm 1916, khi ông tới Phòng Bầu dục[11] của Nhà trắng tham gia cuộc họp với Tổng thống Woodrow Wilson. Theo lời một nhà viết tiểu sử, cuộc gặp này "đã thay đổi sâu sắc cuộc đời ông".

[11] Phòng Bầu dục (Oval Office): phòng làm việc của Tổng thống Mỹ.

Dodd ngày càng khó chịu sâu sắc với những dấu hiệu cho thấy Mỹ đang có thiên hướng can thiệp vào Chiến tranh thế giới thứ nhất, đang nổ ra tại châu Âu. Trải nghiệm của ông tại Leipzig khiến ông tin chắc rằng chỉ mình nước Đức phải gánh chịu trách nhiệm là nước gây chiến, chỉ để thỏa mãn tham vọng của các nhà tư bản công ng- hiệp và quý tộc, lũ Sĩ quan Đức, những kẻ được ông so sánh với bọn quý tộc miền Nam trước thời Nội chiến. Giờ đây, ông chứng kiến sự xuất hiện của một tham vọng ngông cuồng tương tự ở các thành phần ưu tú về công nghiệp và quân sự Mỹ. Khi một viên tướng quân đội cố gắng lôi kéo trường Đại học Chicago vào một chiến dịch quốc gia, chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh, Dodd tức giận và gửi khiếu nại lên thẳng ngài Tổng Tư lệnh[12].

[12] Tổng Tư lệnh của Quân đội Mỹ chính là Tổng thống.

Dodd chỉ muốn nói chuyện với Tổng thống Wilson mười phút thôi, nhưng ông đã đi xa hơn thế và thấy mình bị cuốn hút mê mẩn, như thể được uống thứ chất lỏng ma thuật nào đó, trong một câu chuyện thần tiên. Ông có niềm tin rằng Wilson đã đúng khi ủng hộ Mỹ can thiệp chiến tranh. Đối với Dodd, Wilson là hiện thân đương đại của Jefferson. Trong bảy năm sau đó, ông cùng Wilson trở thành bạn bè và Dodd chấp bút viết tiểu sử cho Wilson. Sau cái chết của Wilson ngày 03 tháng 02 năm 1924, Dodd rơi vào buồn thương sâu sắc.

Cuối cùng, ông đến gặp Franklin Roosevelt[13], được xem là ngang ngửa với Wilson. Ông tự nguyện đứng sau chiến dịch năm 1932 của Roosevelt, lên tiếng và viết bài thay mặt ông ta, bất cứ khi nào có cơ hội. Ông nuôi hi vọng được làm một thành viên trong nhóm nòng cốt của Roosevelt, tuy nhiên, bản thân Dodd sớm cảm thấy

thất vọng, đành tạm hài lòng với những bổn phận của một cán bộ giáo dục, nhưng sự bất mãn ngày càng tăng.

[13] Franklin Delano Roosevelt (1882 - 1945): Tổng thống thứ ba mươi hai của Mỹ.

Giờ đây ở tuổi sáu mươi tư, dấu ấn ông để lại trên thế giới này sẽ là lịch sử miền Nam ngày xưa. Dường như điều này tình cờ cũng là thứ mọi thế lực trong vũ trụ đều muốn phá hoại, bao gồm cả chính sách không lắp lò sưởi trong các tòa nhà của trường đại học, vào các ngày Chủ nhật.

Ông ngày càng xem xét chuyện bỏ việc ở trường đại học và đảm nhận các vị trí khác cho phép ông có thời gian viết lách, "trước khi quá muộn". Ông chợt nghĩ rằng công việc lí tưởng có thể là một vị trí dễ chịu trong Bộ Ngoại giao, như làm đại sứ tại Brussels[14] hoặc The Hague[15]. Ông tin rằng mình đủ xuất sắc để được cất nhắc vào vị trí này, cho dù ông nhìn nhận mình có ảnh hưởng với các vấn đề trong nước hơn những gì ông đã chứng tỏ trên thực tế. Ông thường xuyên viết thư cho Roosevelt tư vấn các vấn đề kinh tế và chính trị, cả trước và ngay sau khi Roosevelt thắng cử. Điều chắc chắn khiến Dodd khó chịu là ngay sau khi Roosevelt đắc cử, ông nhận được một lá thư in sẵn từ Nhà Trắng. Thư viết, tuy Tổng thống muốn trả lời nhanh chóng từng lá thư ông gửi đến văn phòng, nhưng bản thân ông ta cũng không thể trả lời đúng hạn được, nên đề nghị thư kí làm thay.

[14] Brussels: thủ đô của Vương quốc Bỉ.

[15] The Hague: một thành phố lớn ở Hà Lan.

Tuy nhiên, Dodd có những người bạn tốt thân cận với Tổng thống Roosevelt, bao gồm cả Tân Bộ trưởng Bộ Thương mại, Daniel Roper, người xem hai con của Dodd như cháu mình. Dodd an tâm tới mức không hối hận khi phái con trai ông làm trung gian đến hỏi Roper, liệu chính quyền mới có cho rằng việc bổ nhiệm Dodd làm công sứ sang Bỉ hoặc Hà Lan là thích hợp. "Có vài vị trí chính phủ cần người, nhưng công việc thì lại nhẹ nhàng," Dodd nói với con trai. Ông thổ lộ rằng động cơ chủ yếu của ông là muốn hoàn tất nghiên cứu của mình. "Cha không thèm muốn bất kì sự bổ nhiệm nào của Roosevelt, mà chỉ thấy rất lo mình không đạt được mục đích ấp ủ suốt cả đời."

Nói ngắn gọn, Dodd muốn nhận một công việc ngồi mát ăn bát vàng, yêu cầu không quá cao nhưng sẽ mang lại cơ hội phát triển

lẫn khoản lương hậu hĩnh. Và quan trọng nhất, ông có nhiều thời gian để viết - bất chấp việc ông thừa nhận rằng, làm nhà ngoại giao không hợp với tính cách của mình. “Đối với ngành ngoại giao cao cấp (ở London, Paris, Berlin) thì anh không hợp,” ông biên thư cho vợ đầu năm 1933. “Anh rất buồn vì chuyện này làm phiền em. Anh đơn giản không đủ hai mặt, không đủ giảo hoạt để ‘ra nước ngoài vì Tổ quốc’. Nếu là loại người đó, anh đã có thể sang Berlin, quỳ gối trước Hitler - và học lại tiếng Đức.” Nhưng ông nói thêm, “Sao lại phải phí thời gian viết về chuyện này nhỉ? Ai thèm quan tâm đến chuyện sống ở Berlin bốn năm cơ chứ?”

Hoặc do màn đối thoại giữa con trai ông với Roper, hoặc do sự hỗ trợ của các thế lực khác, tên tuổi của Dodd bắt đầu vang xa.

Ngày 15 tháng 03 năm 1933, trong khi đang tạm trú tại trang trại ở Virginia, ông đến Washington gặp mặt Tân Ngoại trưởng của Roosevelt, Cordell Hull, một người ông từng gặp vài lần trước đó. Hull là người cao lớn có mái tóc bạc, cái cằm chẻ và quai hàm khỏe. Bề ngoài, sức mạnh thể chất của ông ta hội tụ những gì cần có của một ngoại trưởng. Nhưng những ai biết ông ta đều hiểu rằng, khi giận dữ ông ta hoàn toàn không hề giống một ngoại trưởng, sẵn sàng tuôn ra một tràng những lời tục tĩu. Hơn nữa, khả năng nói của ông ta cũng gặp trở ngại khi phát âm r thành w, giống nhân vật hoạt hình Elmer Fudd - một nét tiêu biểu mà Tổng thống Roosevelt thi thoảng vẫn trêu đùa những lúc riêng tư, như có lần ông từng nói đến “twade tweaties”[16] của Hull. Như thường lệ, Hull mang theo bốn, năm chiếc bút chì đỏ trong túi áo sơ mi, những món công cụ của nhà nước ông ta ưa thích nhất. Ông ta đưa ra khả năng Dodd sẽ được bổ nhiệm sang Hà Lan hoặc Bỉ, đúng như những gì Dodd đã hi vọng. Nhưng giờ đây, khi phải hình dung việc làm đại sứ sẽ như thế nào, Dodd nghĩ lại. “Sau khi cân nhắc thật kĩ tình hình,” ông viết trong cuốn nhật kí bỏ túi, “mình đã nói với Hull mình không thể đảm nhận vị trí đó.” Nhưng tên ông đã vào danh sách.

[16] Thực ra là "trade treaties" hiệp ước thương mại. Vì Hull không phát âm được âm r, nên Roosevelt nói đùa như vậy.

Và lúc này đây, vào ngày thứ Năm trong tháng Sáu, điện thoại của ông bắt đầu reo vang. Khi nhấc máy, ông nhận ra ngay lập tức giọng nói mình vừa nghe.

Chương 2
VIỆC CẦN NGƯỜI TẠI BERLIN

Chẳng ma nào muốn nhận việc này. Tưởng như đây là nhiệm vụ đơn giản nhất, nhưng hóa ra lại khó khăn nhất trong các vấn đề mà Franklin D. Roosevelt phải đối mặt, với tư cách là Tổng thống mới đắc cử, vào tháng Sáu năm 1933. Đối với các vị trí đại sứ cũng vậy, Berlin lẽ ra phải trở thành món bở - chắc chắn không bằng London hay Paris, nhưng vẫn là một trong các thủ phủ vĩ đại nhất châu Âu. Nước Đức đang trải qua sự thay đổi mang tính cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng mới đắc cử, Adolf Hitler. Tùy quan điểm mỗi người, Đức hoặc đang có sự hồi sinh mạnh mẽ hoặc đang chìm trong bóng đêm tàn ác. Theo con đường hoạn lộ của Hitler, đất nước này đã trải qua một làn sóng bạo lực tàn khốc được Nhà nước cổ súy. Lực lượng bán quân sự mặc áo nâu của Hitler, Sturmabteilung, SA - hay Sư đoàn Bão tố - hành động không ai kiểm soát, tha hồ bắt bớ, đánh đập và trong một số vụ, còn giết hại các nhà cộng sản, nhà xã hội học và người Do Thái. Chúng lập các nhà tù, các phòng tra tấn ngẫu hứng ở dưới các tầng hầm, trong các nhà kho và nhiều nơi khác. Chỉ riêng Berlin đã có đến năm mươi hoặc hơn thế những nơi được gọi là boong ke này. Hàng chục ngàn người bị bắt và đưa đến nơi "chăm sóc bảo vệ" - Schutzhaft - một uyển ngữ tức cười. Ước tính có từ năm trăm đến bảy trăm tù nhân đã chết trong thời gian giam giữ, những người khác phải chịu đựng các trò "mô phỏng treo cổ và dìm nước", căn cứ theo bản khai có tuyên thệ của một cảnh sát. Một nhà tù gần sân bay Tempelhof, tên là Columbus House, trở thành nơi đặc biệt khét tiếng: xin đừng nhầm nó với tòa nhà trùng tên hiện đại, mới xây ở trung tâm Berlin. Biến động đột ngột của thời cuộc khiến một nhà lãnh đạo Do Thái, Rabbi Stephen S. Wise ở New York nói với một người bạn rằng, "những ranh giới văn minh đã bị xâm phạm".

Roosevelt có nỗ lực đầu tiên lấp chỗ trống đại sứ vào ngày 09 tháng 03 năm 1933, chưa đầy một tuần sau ngày nhậm chức và đúng vào lúc bạo lực tại Đức lên đến đỉnh điểm tàn bạo. Ông gợi ý chuyện này với James M. Cox, người vào năm 1920 từng ra tranh cử tổng thống với Roosevelt.

Trong lá thư có lẫn những lời tâng bốc, Roosevelt viết, "Không chỉ vì tình cảm yêu mến của tôi dành cho ngài, mà còn vì tôi nghĩ rằng vị trí then chốt này phù hợp với ngài một cách kì lạ, đến mức tôi rất mong muốn tiến cử ngài lên Thượng viện, làm Đại sứ Mỹ tại Đức. Tôi rất hi vọng rằng ngài sẽ chấp nhận đề nghị này, sau khi bàn chuyện với phu nhân, người mà tôi cho rằng sẽ rất thích hợp làm vợ một Đại sứ. Xin hãy gửi tôi bức điện tín nói rằng ngài đồng ý."

Tuy nhiên, Cox từ chối, lấy cớ rằng công việc kinh doanh của ông ta, bao gồm một vài tờ báo, khiến ông ta không thể nhận lời. Ông ta không đề cập đến bạo lực đang làm suy yếu nước Đức.

Roosevelt phải gạt vấn đề này sang một bên, để đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế trong nước, cuộc Đại Khủng hoảng tính tới mùa xuân năm đó, đã làm một phần ba lực lượng lao động nông nghiệp quốc gia bị thất nghiệp và GDP[17] sụt giảm một nửa. Mãi đến gần một tháng sau đó, vấn đề đại sứ mới được xới lại, khi ông tiến cử Newton Baker cho vị trí này, người từng làm Bộ trưởng Chiến tranh dưới thời Woodrow Wilson và hiện là thành viên của hãng luật Cleveland. Baker cũng khước từ. Rồi người thứ ba, Owen D. Young, một thương gia nổi tiếng, cũng từ chối. Tiếp theo, Roosevelt mời Edward J. Flynn, một nhân vật chủ chốt trong Đảng Dân chủ và là một phóng viên xuất sắc. Flynn bàn lại chuyện này với vợ "và chúng tôi đồng ý rằng, vì con cái hẳng còn nhỏ, nên tôi không thể nhận sự bổ nhiệm này."

[17] Gross Domestic Product (GDP): là một chỉ số kinh tế, tính bằng tổng giá trị sản phẩm và dịch vụ hằng năm của một quốc gia.

Có lần Roosevelt nói đùa với một thành viên của gia đình Warburg, "Cậu biết không, Jimmy, sẽ đáng đời tên Hitler kia lắm, nếu tôi cử một người Do Thái sang Berlin làm đại sứ. Cậu nghĩ sao?"

Bây giờ, khi tháng Sáu đến gần, hạn chót ngày càng gấp rút, Roosevelt tham gia vào cuộc chiến hao người tốn của, đề nghị thông qua Đạo luật Phục hồi Công nghiệp Quốc gia, phần trọng tâm trong gói Chính sách Cải cách Kinh tế của ông. Chính sách

này nhằm đối mặt với sự phản đổi mạnh mẽ của một nhóm cốt lõi các đảng viên Đảng Cộng hòa hùng mạnh. Mới đầu tháng, vì Quốc hội chỉ còn vài ngày nữa là hoãn họp nghỉ hè, nên bản dự luật sắp được thông qua vẫn bị các thành viên Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ tấn công - những kẻ đưa ra hàng loạt các bản sửa đổi đề xuất và ép Thượng viện bước vào các kì họp dai dẳng. Roosevelt lo sợ rằng cuộc chiến càng kéo dài bao nhiêu, khả năng dự luật thất bại hoặc bị suy yếu nghiêm trọng càng lớn bấy nhiêu, một phần vì nếu kì họp Quốc hội kéo dài thêm chút nào, sẽ chỉ chọc giận các nhà lập pháp đang muốn rời Washington đi nghỉ hè. Ai ai cũng ngày càng trở nên buồn bực. Làn sóng nhiệt cuối xuân đẩy nhiệt độ tăng cao đến mức kỉ lục trên toàn quốc, cướp đi hơn một trăm mạng người. Washington như chảo dầu sôi, ai ai cũng căng thẳng. Một dòng tít dài ba cột báo trên trang nhất tờ New York Times viết: "ROOSEVELT RÚT GỌN CHƯƠNG TRÌNH NHẰM KẾT THÚC SỚM CÁC KÌ HỌP, CHO THẤY CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ÔNG TA BỊ ĐE DỌA."

Ngay trong vấn đề này, đã phát sinh xung đột: Quốc hội được yêu cầu phải xác nhận và tìm các đại sứ mới. Quốc hội càng trì hoãn sớm bao nhiêu, sức ép phải tìm đại sứ mới sang Berlin trên vai Roosevelt càng lớn bấy nhiêu. Nên ông buộc phải cân nhắc các ứng cử viên không nằm trong số các lựa chọn ông đỡ đầu, bao gồm cả các chủ tịch của ít nhất ba trường đại học và một người yêu hòa bình mãnh liệt tên là Harry Emerson Fosdick, một linh mục Tin Lành theo dòng Baptist của Nhà thờ Riverside, tại Manhattan. Tuy nhiên, dường như không ai trong số đó là lựa chọn lí tưởng, nên vị trí này vẫn bỏ trống.

Thứ Tư, ngày 07 tháng 06, chỉ vài ngày nữa Quốc hội sẽ ngừng họp, trong cuộc gặp gỡ vài cố vấn thân thiết, Roosevelt bày tỏ bức xúc vì không thể tìm ra một đại sứ mới. Một cố vấn trong số này là Bộ trưởng Bộ Thương mại Roper, người đôi khi được Roosevelt gọi là "Chú Dan".

Roper suy nghĩ một lúc, rồi thốt ra cái tên lạ hoắc của một người bạn lâu năm. "Thế William E. Dodd thì sao?"

"Ý kiến không tồi," Roosevelt đáp, chẳng ai biết ngay lúc đó ông có thực sự nghĩ thế không. Là người lịch sự, Roosevelt có xu hướng hứa những điều ông không nhất thiết phải thực hiện.

Roosevelt nói. "Tôi sẽ cân nhắc."

Dodd tuyệt nhiên không phải là ứng cử viên hoàn hảo cho một vị

trí ngoại giao. Ông không giàu, cũng chẳng có ảnh hưởng gì về mặt chính trị. Ông không nằm trong số bạn bè của Roosevelt. Nhưng ông biết tiếng Đức và được cho là hiểu rất rõ đất nước này. Một vấn đề lớn chính là lòng trung thành trước kia của ông đối với Woodrow Wilson, người tin rằng Mỹ nên can thiệp vào các quốc gia khác trên vũ đài thế giới. Quan điểm này của Wilson là cái gai trong mắt những người một mực cho rằng nước Mỹ không nên dính vào chuyện nội bộ của nước khác. Những kẻ "theo chủ nghĩa biệt lập" này do William Borah ở Idaho và Hiram Johnson ở California dẫn đầu, đang ngày càng mạnh mẽ và to mồm. Kết quả phiếu thăm dò cho thấy có 95% người Mỹ không muốn nước mình tham gia vào bất kì cuộc chiến nào ở nước ngoài. Cho dù bản thân Roosevelt ưa thích tham gia vào vấn đề quốc tế, ông ta cũng che giấu quan điểm của mình, để làm sao không cản trở chương trình nghị sự trong nước. Tuy nhiên, Dodd dường như không có khả năng khuấy động "những kẻ theo chủ nghĩa biệt lập". Ông là một sử gia đúng mực, nghiêm trang và hiểu biết trực tiếp của ông về nước Đức rõ ràng là có giá trị.

Hơn nữa, Berlin vẫn chưa thể là một tiền đồn hùng mạnh trong năm nay. Vào thời điểm này, nơi đây tồn tại quan điểm lan truyền rộng rãi, rằng chính quyền Hitler không thể chịu đựng nổi khi sức mạnh quân sự của Đức bị hạn chế. Quân đội của họ, Quân Phòng vệ Đế chế, chỉ gồm một trăm nghìn người, không thể sánh được các lực lượng quân sự của nước láng giềng Pháp, chứ chưa nói đến sức mạnh kết hợp của Pháp, Anh, Ba Lan và Liên bang Xô Viết[18]. Bản thân Hitler dường như bắt đầu điềm tĩnh hơn dự đoán nhiều, nếu xét đến tình hình bạo lực quét qua nước Đức hồi đầu năm. Ngày 10 tháng 05 năm 1933, Đảng Quốc xã[19] cho đốt các cuốn sách chúng căm ghét - của Einstein[20], Freud[21], anh em Heinrich và Thomas Mann[22] cùng nhiều cuốn sách khác nữa - trên các giàn thiêu lớn ở khắp nước Đức. Nhưng bảy ngày sau đó, đích thân Hitler tuyên bố cam kết hòa bình, hắn đã đi xa tới mức cam kết giải trừ quân bị toàn bộ, nếu các quốc gia khác cũng làm theo. Cả thế giới thở phào nhẹ nhõm. So với hàng loạt những thách thức lớn hơn Roosevelt đang phải đối mặt - khủng hoảng toàn cầu và thêm một năm hạn hán lụn bại nữa - nước Đức dường như là vấn đề khó chịu nhất. Điều mà Tổng thống Roosevelt và Ngoại trưởng Hull cho là cấp thiết nhất chính là khoản tiền 1,2 tỉ USD Đức nợ Mỹ, một khoản nợ mà đế chế của Hitler có vẻ ngày càng không muốn trả.

[18] Liên bang Xô Viết (1922 - 1991): một liên minh các nước cộng hòa theo Xã hội chủ nghĩa, trong đó Nga là nước lớn nhất.

[19] Đảng Công nhân Đức Quốc gia Xã hội chủ nghĩa, gọi tắt là Đảng Quốc xã.

[20] Albert Einstein (1879 - 1955): nhà vật lí học nổi tiếng người Đức.

[21] Sigmund Freud (1856 - 1939): nhà thần kinh học người Áo.

[22] Luiz Heinrich Mann (1871 - 1950) và Paul Thomas Mann (1875 - 1955): hai nhà văn nổi tiếng người Đức.

Hình như chẳng ai quan tâm nhiều đến chuyện một đại sứ cần phải có những phẩm chất gì, để đối phó hiệu quả với chính quyền Hitler. Bộ trưởng Roper tin rằng, "Dodd sẽ xử lí khôn ngoan các bổn phận ngoại giao, và khi các cuộc thảo luận trở nên căng thẳng, ông ta sẽ xoay chiều bằng cách trích dẫn các câu nói của Jefferson."

Roosevelt xem gợi ý của Roper là nghiêm túc.

Thời gian đang cạn dần, còn nhiều vấn đề cấp bách hơn cần phải giải quyết, khi đất nước đang ngày càng chìm sâu vào thảm họa kinh tế.

Hôm sau, ngày 08 tháng 06, Roosevelt ra lệnh thu xếp cuộc gọi đường dài sang Chicago.

Ông ta nói với Dodd rất ngắn gọn, "Tôi muốn biết liệu ngài có đồng ý hết mình phụng sự cho Chính phủ. Tôi muốn ngài sang Đức làm đại sứ."

Ông ta nói thêm, "Tôi muốn một người Mỹ theo chủ nghĩa tự do sang Đức như một tấm gương vững chắc."

Phòng Bầu dục đang nóng, văn phòng của Dodd cũng thế. Nhiệt độ tại Chicago lúc này đã đạt mức ba mươi hai độ C.

Dodd trả lời rằng mình cần thời gian suy nghĩ và bàn với vợ. Roosevelt cho ông thời gian hai tiếng.

Đầu tiên, Dodd nói chuyện với các quan chức trường đại học và họ thúc giục ông hãy chấp nhận đề nghị. Tiếp theo, ông nhanh chóng đi bộ về nhà, cố gắng trốn cái tiết trời ngày một nóng.

Ông có những nỗi lo sợ sâu sắc. Dự án Miền Nam ngày xưa của ông là ưu tiên cao nhất. Làm đại sứ tại nước Đức của Hitler sẽ không cho ông thời gian để viết lách, và có khả năng còn ít rảnh rỗi hơn

cả khi ông làm việc ở trường đại học.

Vợ ông, Mattie, tuy hiểu chuyện nhưng bà biết ông cần được công nhận, hiểu suy nghĩ của ông rằng tới tuổi này rồi, lẽ ra ông phải thành đạt hơn thế. Về phần mình, Dodd cảm thấy rằng ông nợ bà một điều gì đó. Bà đã sát cánh bên ông suốt những năm tháng qua, mà chỉ có được một phần thưởng nhỏ nhoi. "Chẳng có chỗ nào thích hợp cho kẻ tính khí như anh," ông từng nói với vợ đầu năm đó, trong lá thư gửi từ trang trại, "và anh rất hối hận vì em và vì con chúng ta." Ông viết tiếp, "Anh biết thật đau khổ làm sao khi một người vợ chân chính, tận tụy như em lại gặp phải thằng chồng vớ vẩn như anh, đúng vào giai đoạn lịch sử then chốt mà anh đã đoán trước từ lâu. Anh là người không thích hợp nắm giữ chức vụ cao, an phận hưởng những thành quả từ công việc nghiên cứu cực nhọc. Thật bất hạnh cho em!"

Sau màn thảo luận và tâm sự chóng vánh, hai vợ chồng đồng ý rằng ông nên chấp thuận đề nghị của Roosevelt. Quyết định được đưa ra khá dễ dàng như thế là do Roosevelt nhượng bộ rằng, nếu trường Đại học Chicago cứ "khăng khăng", Dodd có thể quay về Chicago trong vòng một năm. Nhưng Roosevelt nói rằng ngay lúc này, ông ta cần Dodd ở Berlin.

Vào lúc hai rưỡi chiều, nửa tiếng sau đó, những nỗi lo âu của ông tạm thời được xoa dịu. Dodd gọi đến Nhà Trắng và thông báo cho thư kí của Roosevelt rằng ông sẽ nhận công việc này. Hai ngày sau, Roosevelt đưa việc bổ nhiệm Dodd ra trước Thượng viện, hôm đó Thượng viện khẳng định rằng không cần Dodd phải có mặt, cũng như không cần cuộc họp kéo dài, điều mà sau này là chuyện bình thường khi tiến cử các vị trí chủ chốt. Báo chí chỉ bình luận vài dòng về cuộc bổ nhiệm này. Tạp chí New York Times đăng một thông báo ngắn trên trang mười hai, trong số ra ngày Chủ nhật, 11 tháng 06.

Trên đường đến dự hội nghị kinh tế quan trọng tại London, Ngoại trưởng Hull chẳng hé môi gì về chuyện này. Cho dù ông có mặt khi cái tên của Dodd lần đầu tiên được xướng lên, ông cũng không biết phải nói gì. Lí do là nét mới mẻ trong phong cách lãnh đạo của Roosevelt, tiến hành bổ nhiệm trực tiếp trong các cơ quan mà không thông qua cấp trên của cơ quan đó, một hành động khiến Hull vô cùng bất bình. Tuy nhiên, ông cho rằng mình không phản đối gì việc tiến cử Dodd, ngoại trừ việc ông thấy Dodd có xu hướng "đi quá xa với sự nhiệt tình và mạnh mẽ thái quá, thi thoảng chệch hướng như người bạn của chúng ta, William Jennings Bryan[23]. Do đó, tôi e dè khi tiến cử người bạn tốt này, mặc dù ông

ta có năng lực và thông minh, đến một nơi đầy khó khăn như Berlin."

[23] William Jennings Bryan (1860 - 1925): từng là Ngoại trưởng của Mỹ từ 1913 đến 1915.

Sau này, Edward Flynn, một trong số các ứng cử viên đã từ chối công việc này, tuyên bố sai lầm rằng Roosevelt đã gọi điện nhầm cho Dodd - ý rằng lẽ ra Roosevelt định gọi điện cho cựu giáo sư Đại học Yale tên là Walter F. Dodd, mời làm đại sứ. Lời đồn về sai lầm này làm nảy sinh ra một biệt danh, "Danh bạ Dodd".

Tiếp theo, Dodd gửi lời mời hai đứa con đã trưởng thành của ông, Martha và Bill, hứa hẹn với chúng đây sẽ là trải nghiệm của cả một đời. Ông cũng thấy chuyến phiêu lưu này là cơ hội cho gia đình ông ở bên nhau một lần cuối. Dự án Miền Nam ngày xưa của ông rất quan trọng, nhưng gia đình và tổ ấm mới là tình yêu và mong muốn lớn nhất của ông. Một đêm tháng Mười hai lạnh giá, Dodd đang một mình ở trang trại. Đã gần tới Giáng Sinh, mà con gái và vợ ông lại đang ở Paris, nơi Martha đang còn một năm học, còn Bill cũng ở xa. Dodd ngồi xuống viết một lá thư cho con gái. Đêm hôm đó, ông đang có tâm trạng trĩu nặng u buồn. Giờ đây, ông đã có hai đứa con ở tuổi trưởng thành, một điều tưởng chừng như không thể xảy ra. Ông biết sớm muộn gì chúng cũng sẽ phải tự đứng trên đôi chân mình, và một điều không tránh khỏi là mối liên kết giữa chúng với vợ chồng ông trong tương lai sẽ ngày càng ít. Ông thấy cuộc đời của chính mình đã sắp hết. Dự án của ông sẽ chẳng bao giờ hoàn thành được.

Ông viết, "Con yêu của cha, nếu con không thấy phiền với câu chào này? Con chính là điều quý giá đối với cha, trái tim cha lo lắng cho cuộc sống tuy có rắc rối, nhưng hạnh phúc của con, đến nỗi cha không ngừng nghĩ về con như đứa trẻ đang trưởng thành, sôi nổi và vui vẻ. Nhưng cha đã chứng kiến con lớn lên, ngưỡng mộ suy nghĩ và sự trưởng thành của con. Con không còn là cô bé trong vòng tay cha nữa rồi." Ông suy tư, "con đường trước mặt chúng ta còn rất dài. Con đường của con mới chỉ bắt đầu, cha đã đi con đường của mình đến mức thấy những bóng đen phủ xuống đầu. Một vài người bạn của cha đã mất, những người khác không ai còn tiếp tục làm việc nữa! Vừa mới tháng Năm mà giờ đã tháng Mười hai rồi." Ông viết, mái ấm "chính là niềm vui sướng của cuộc đời cha. Nhưng giờ đây, cả nhà sống tản mác khắp nơi trên thế giới. Cha không thể chịu đựng nổi ý nghĩ chúng ta sống cách nhau bốn phương trời như thế - mà thời gian còn lại quá ít."

Với lời đề nghị của Roosevelt, gia đình họ có thể nắm lấy cơ hội được đoàn tụ bên nhau lần nữa, dẫu chỉ trong một khoảng thời gian.

Chương 3
LỰA CHỌN

Xét đến cuộc khủng hoảng kinh tế quốc gia, lời mời của Dodd không phải thứ được dễ dàng chấp nhận. Martha và Bill may mắn cùng có việc làm. Martha làm phó biên tập văn học cho tờ Chicago Tribune, còn Bill làm giáo viên sử và là nhà nghiên cứu đào tạo - cho dù đến giờ, Bill theo đuổi sự nghiệp của mình một cách uể oải, lờ đờ đến mức cha cậu lo lắng. Trong một loạt các lá thư gửi vợ tháng Tư năm 1933, Dodd bộc bạch hết những âu lo của ông về Bill, "William là một giảng viên tốt, nhưng mà nó toàn né công to việc nặng." Dodd viết, nó quá sao nhãng, đặc biệt nếu thấy chiếc ô tô đỗ gần đó. "Chúng ta sẽ chẳng bao giờ mua xe tại Chicago, nếu còn muốn nó công tác tốt," Dodd viết tiếp. "Có cái xe lù lù ở đấy là sự cám dỗ quá lớn."

Sự nghiệp của Martha thì thăng tiến hơn nhiều, Dodd tuy rất vui, nhưng ông cũng lo lắng về cuộc sống cá nhân bừa bãi của cô. Dù yêu thương sâu sắc cả hai đứa con, nhưng Martha vẫn là niềm tự hào lớn lao của ông. (Theo các ghi chép của gia đình, ngay lời đầu tiên thốt ra khỏi miệng, cô đã gọi tiếng "Cha".) Cô cao một mét sáu mươi, tóc vàng, mắt xanh và có nụ cười rộng. Cô là người có trí tưởng tượng lãng mạn và bản tính thích yêu đương lăng nhăng, khiến nhiều đàn ông đều cảm thấy hứng tình, cả những anh trẻ và không còn trẻ nữa.

Tháng Tư năm 1930, khi mới hai mươi mốt tuổi, cô cặp kè với một giáo sư Anh văn tại trường Đại học bang Ohio tên là Royall Henderson Snow. Vào tháng Sáu, lễ đính hôn bị hủy. Cô trải qua cuộc tình chớp nhoáng với một tiểu thuyết gia, W.L. River, tác phẩm Cái chết của một thanh niên của anh ta được xuất bản vài năm trước đó. Anh ta gọi cô là Motsie và tự cam kết với cô trong các lá thư đầy những câu dài dằng dặc đến lạ lùng, có đoạn bảy mươi tư dòng chữ đánh máy sin sít vào nhau. Từng có thời chúng

được xem là một bài văn mẫu. “Cả cuộc đời này anh chẳng muốn gì ngoài em,” anh ta viết. “Anh muốn mãi mãi được ở bên em, làm việc và sáng tác cho em, sống cùng em ở bất kì đâu em muốn sống, anh sẽ chẳng yêu ai hết ngoài em, sẽ yêu em không chỉ với sự nồng nàn của Trái Đất, mà bằng cả những nguyên tố thần thánh của một tình yêu thiêng liêng và vĩnh hằng hơn...”

Tuy nhiên, anh ta không được toại nguyện. Martha đem lòng yêu người khác, một anh chàng Chicago tên là James Burnham, người đã viết về “những nụ hôn mềm mại, nhẹ nhàng tinh tế như một cánh hoa khẽ lướt qua”. Hai người đính hôn. Dường như lần này, Martha đã sẵn sàng đi đến hôn nhân, cho đến một buổi tối, mọi giả định cô đưa ra về một cuộc hôn nhân sắp tới bỗng lung lay. Cha mẹ cô mời một vài vị khách đến nhà nghỉ gia đình trên Đại lộ Blackstone, trong số này có George Bassett Roberts, một cựu chiến binh Chiến tranh thế giới thứ nhất và giờ làm phó chủ tịch một ngân hàng ở thành phố New York. Bạn bè thường gọi anh đơn giản là Bassett. Anh sống tại Larchmont, một khu ngoại ô phía bắc thành phố cùng cha mẹ. Anh có dáng người cao, môi dày và đẹp trai. Một nhà báo giữ chuyên mục đáng ngưỡng mộ, khi viết bài về sự thăng tiến của anh, đã nhận xét, “Gương mặt anh ta nhẵn nhụi. Giọng nói anh ta mềm mại. Cách ăn nói của anh ta chậm rãi... Trông anh ta chẳng hề giống một chủ nhà băng sắt đá, cổ hủ hay một nhà thống kê khô như ngói.”

Ban đầu, khi anh đứng lẫn trong đám khách, Martha không nghĩ rằng anh hấp dẫn đến thế, cho đến cuối buổi tối hôm đó, khi cô đi ngang qua lúc anh đứng một mình. Cô viết, mình đã “ngã gục”. “Thật đau đớn và ngọt ngào cùng lúc, khi em trông thấy anh lần nữa đứng tách khỏi đám đông, trong tiền sảnh nhà em. Điều này nghe thật lố bịch, nhưng thực sự là như thế đấy, lần duy nhất em biết thế nào là tình yêu sét đánh.”

Bassett cũng bị xúc động tương tự, giữa hai người bừng nở một tình yêu xa lãng mạn, đầy mạnh mẽ và nồng nàn. Trong lá thư đề ngày 19 tháng 09 năm 1931, anh viết, “Trong bể bơi chiều hôm ấy mới thật vui làm sao, và chúng mình thật đáng yêu làm sao sau khi anh cởi bộ đồ bơi.” Và vài dòng sau đó, “Ôi trời đất ạ, em đẹp làm sao, em đẹp làm sao!” Như Martha miêu tả, anh là người đầu tiên làm cô trở thành “đàn bà”. Anh gọi cô là “hũ mật ong” và “người tình ngọt ngào”.

Nhưng anh đã gieo sầu cho cô. Theo cô, cách hành xử của anh không đáng mặt đàn ông. Nhiều năm sau, cô viết thư cho anh, “Em chưa bao giờ yêu và được yêu nhiều đến thế, nhưng lời cầu

hôn đâu em chẳng thấy! Nên em thấy bị tổn thương sâu sắc, như thể một con sâu nào đó đã gặm mòn cây tình yêu của em!" Cô là người đầu tiên ngỏ ý muốn kết hôn nhưng anh vẫn chần chừ. Cô đã khéo léo dùng mánh khóe. Cô không từ bỏ đính hôn với Burnham, điều này khiến Bassett nổi cơn ghen. "Hoặc là em yêu anh, hoặc thôi nhau luôn đi," anh viết thư cho cô từ Larchmont, "và nếu em yêu anh, thực sự có cảm giác yêu anh, thì em không thể kết hôn cùng người khác."

Cuối cùng, cả hai đều mệt mỏi và lễ cưới được tổ chức, vào tháng Ba năm 1932, nhưng chính vì sự hoang mang vẫn đeo bám nên họ quyết tâm giữ kín hôn lễ, ngay cả với bạn bè. "Em cực kì muốn yêu anh và cố gắng 'ở bên' anh thật lâu dài, nhưng sau đó, có thể yêu anh làm em kiệt sức, nên ngay cả chính tình yêu cũng mệt mỏi," Martha viết. Và rồi, một ngày sau đám cưới, Bassett phạm một sai lầm chết người. Chuyện anh phải đi New York làm việc tại ngân hàng đã đủ tệ, nhưng tệ hơn nữa là ngày hôm đó, anh quên tặng hoa cho cô - một lỗi "nhỏ" thôi, như sau này cô nhận xét, tuy nhiên nó tượng trưng cho điều gì đó sâu sắc hơn. Không lâu sau đó, Bassett sang Geneva tham dự một hội nghị quốc tế về vàng, và tiếp tục phạm một sai lầm khác, không gọi điện cho cô trước khi khởi hành, để "bày tỏ nỗi lo lắng về cuộc hôn nhân của chúng ta và việc sắp phải sống xa nhau".

Năm đầu tiên sau khi cưới, họ chịu cảnh mỗi người một ngả, với những lần gặp nhau đều đặn tại New York và Chicago, tuy nhiên, sự xa cách này gây sức ép lên cuộc hôn nhân của họ. Sau này, cô hiểu rằng lẽ ra cô nên chuyển sang sống với anh tại New York, biến chuyến đi sang Geneva thành tuần trăng mật, như Bassett đã gợi ý. Nhưng ngay cả thế, Bassett vẫn chần chừ. Một lần nói chuyện qua điện thoại, anh lớn tiếng tự hỏi rằng phải chăng cuộc hôn nhân của họ là sai lầm. "Với tôi thế là HẾT," Martha viết. Vào lúc này cô bắt đầu đi "ve vãn" - đúng lời cô dùng - những người đàn ông khác và bắt đầu ngoại tình với Carl Sandburg, một người bạn lâu năm của cha mẹ cô, người cô quen biết khi mới mười lăm tuổi. Ông ta gửi cho cô bản thảo các bài thơ trên những mẩu giấy mỏng bé xíu, có hình dáng lạ lùng, cùng hai lọn tóc vàng của ông ta, thắt bằng một sợi chỉ đính cúc áo khoác đen. Trong một mẩu giấy, ông ta tuyên bố, "Ta yêu em từ kiếp trước, ta yêu em như trong những khúc ca bài Shenandoah[24], và trong những lời thì thầm của hạt mưa xanh."

[24] Oh Shenandoah: một bài dân ca của Mỹ.

Martha gieo vài gợi ý, đủ sức làm Bassett điên tiết. Như sau này cô

nói với anh, “Em còn bận hàn gắn những vết thương và qua lại với Sandburg, cùng những người khác để làm anh tổn thương.”

Một ngày trên bãi cỏ nhà Dodd tại Đại lộ Blackstone, tất cả những bức xúc này bùng nổ. “Thật ra anh có hiểu vì sao cuộc hôn nhân của chúng ta chấm dứt không?” cô viết. “Bởi vì em hẵng còn quá trẻ và non nớt khi muốn rời khỏi gia đình em, ngay cả khi đã hai mươi ba tuổi! Ngay sau khi chúng ta cưới nhau, lúc đang chú ý cái gì đó trên bãi cỏ trước nhà, cha em đã nói một câu làm trái tim em như tan nát, ‘Bé con đang muốn bỏ rơi lão già này đây mà.’ “

Và giờ đây, trong khi cuộc đời cô rơi vào hỗn loạn, cha cô lại mời cô làm bạn đồng hành của ông ở Berlin, và cô bỗng phải đối mặt với hai lựa chọn. Một bên là Bassett, ngân hàng, và điều chắc chắn sẽ có là một ngôi nhà, Larchmont, lũ trẻ cùng bãi cỏ. Một bên là cha cô, Berlin và có Trời biết là những gì nữa?

Lời mời của cha là không thể cưỡng lại. Sau này, cô nói với Bassett, “Em phải lựa chọn giữa ông ấy với cuộc ‘phiêu lưu’ và anh. Em không thể ngăn mình đưa ra lựa chọn hợp lí nhất.”

Chương 4
KHIẾP SỢ

Tuần tiếp theo, Dodd bắt xe lửa đến Washington, nơi vào hôm thứ Sáu, ngày 16 tháng 06, ông gặp gỡ Roosevelt và cùng ăn trưa tại bàn Tổng thống, mỗi người một đĩa đồ ăn.

Roosevelt, miệng mỉm cười và vui vẻ, rõ ràng thêm mắm dặm muối vào câu chuyện về chuyến thăm Washington gần đây của người đứng đầu Ngân hàng Trung ương Đệ tam Đế chế, Hjalmar Schacht - họ tên đầy đủ là Hjalmar Horace Greeley Schacht - người được ủy quyền quyết định liệu Đức có hoàn lại các khoản nợ cho Mỹ hay không. Roosevelt giải thích ông ta đã hướng dẫn Ngoại trưởng Hull sử dụng chiêu bài tâm lí như thế nào để dập tắt sự ngạo mạn đã thành huyền thoại của Schacht. Schacht được đưa đến văn phòng của Hull và đứng trước bàn làm việc của Ngoại trưởng. Hull hành xử như thể Schacht không có mặt ở đó và "giả vờ cực kì chú tâm đến việc tìm kiếm các giấy tờ nhất định, bỏ mặc Schacht cứ đứng đó, chẳng ai đoái hoài trong ba phút", như Dodd sau này nhớ lại. Cuối cùng, Hull tìm được thứ ông ta cần tìm - một lá thư nghiêm khắc của Roosevelt lên án bất kì nỗ lực quịt nợ nào của Đức. Chỉ đến lúc đó, Hull mới đứng thẳng người chào đón Schacht, đồng thời trao cho hắn ta mẩu giấy. Roosevelt nói mục đích của quy trình này là nhằm "giảm bớt nhuệ khí của bọn Đức". Ông ta dường như cho rằng kế hoạch đã diễn ra cực kì suôn sẻ.

Lúc này, Roosevelt dần dần cho Dodd biết những gì mình trông đợi ở ông. Đầu tiên, ông ta nêu vấn đề về khoản nợ của Đức, và đến đây ông ta bày tỏ sự mâu thuẫn. Ông ta hiểu rằng các chủ nhà băng người Mỹ đã kiếm được những khoản "lợi nhuận kếch xù" như ông ta gọi, khi cho các doanh nghiệp và thành phố của Đức vay tiền, bán trái phiếu liên kết cho người Mỹ. "Nhưng người dân của chúng ta có quyền được hoàn tiền, và trong khi việc này vượt quá trách nhiệm của Chính phủ, tôi muốn ngài làm tất cả những

gì có thể nhằm ngăn chặn lệnh hoãn nợ" - sự trì hoãn thanh toán của Đức. "Bởi nó sẽ làm chậm tiến trình phục hồi."

Ngài Tổng thống chuyển sang chủ đề tiếp theo dường như ai cũng biết, là "vấn đề" hay "câu hỏi" về người Do Thái.

Đối với Roosevelt, đây là vấn đề đầy trắc trở. Cho dù khiếp đảm chuyện Quốc xã đối xử với người Do Thái và nhận thức được bạo lực hoành hành tại Đức hồi đầu năm, ông vẫn không đưa ra tuyên bố lên án trực tiếp nào. Vài nhà lãnh đạo Do Thái, như Rabbi Wise, Thẩm phán Irving Lehman và Lewis L. Strauss, một đối tác tại Công ty Kuhn và Loeb, từng muốn Roosevelt lên tiếng. Những người khác như Felix Warburg và Thẩm phán Joseph Proskaner, lại ưa thích cách tiếp cận lặng lẽ hơn, để thúc giục tổng thống cho phép người Do Thái nhập cảnh vào Mỹ. Sự ngần ngừ của Roosevelt với cả hai bên khiến họ phát điên. Tháng Mười một năm 1933, Wise mô tả Roosevelt là "không thể lay chuyển, hết thuốc chữa và không ai có thể tiếp cận được, ngoại trừ những người bạn Do Thái ông ta hoàn toàn có thể tin tưởng, không gây rắc rối cho ông ta với bất kì vấn đề Do Thái nào". Felix Warburg đã viết, "Đến lúc này, chưa một lời hứa mơ hồ nào được thực hiện". Thậm chí một người bạn tốt của Roosevelt, Felix Frankfurter, giáo sư luật tại Harvard, sau này được cử làm Phó Chánh án Tòa án Tối cao, cũng thấy bực mình, khi không thể ép Tổng thống ra tay hành động. Nhưng Roosevelt hiểu có khả năng mình sẽ phải trả những cái giá chính trị to lớn nếu công khai lên án Đức Quốc xã, hoặc bất kì nỗ lực nào cho phép người Do Thái nhập cảnh vào Mỹ. Lí do là vì trong các bài diễn văn của Mỹ, vấn đề Do Thái bị quy thành vấn đề xuất nhập cảnh. Việc người Do Thái bị đàn áp tại Đức làm dấy lên nỗi ám ảnh người tị nạn Do Thái tràn vào Mỹ, đúng thời điểm quốc gia này đang quay cuồng do Đại Khủng hoảng. Những kẻ theo chủ nghĩa biệt lập thêm một yếu tố nữa vào cuộc tranh luận, như chính quyền Hitler đã làm, họ một mực cho rằng việc Quốc xã đàn áp người Do Thái ở Đức là chuyện nội bộ của Đức, chẳng liên quan gì đến Mỹ.

Ngay trong nội bộ người Mỹ gốc Do Thái cũng bị chia rẽ sâu sắc về cách tiếp cận vấn đề. Một bên là Hội đồng Người Mỹ gốc Do Thái, kêu gọi phản đối đủ mọi cách, bao gồm các cuộc biểu tình và tẩy chay hàng Đức. Một trong số các nhà lãnh đạo nổi bật nhất của họ là Rabbi Wise, chủ tịch danh dự, người vào năm 1933 đã ngày càng tức giận trước sự im lặng của Roosevelt. Trong chuyến đi sang Washington, nơi ông không thể gặp được Tổng thống, Rabbi Wise đã viết thư cho vợ ông, "Nếu ông ta từ chối gặp anh, anh sẽ quay về ra một loạt mệnh lệnh cho phép người Do Thái hành

động. Anh đã chuẩn bị sẵn những kế hoạch khác. Có lẽ như thế sẽ tốt hơn, vì anh sẽ được tự do lên tiếng như chưa từng được nói. Và Chúa phù hộ anh, anh sẽ chiến đấu."

Bên còn lại là các nhóm người Do Thái ủng hộ Ủy ban Người Mỹ gốc Do Thái, do Thẩm phán Proskauer đứng đầu, tư vấn nên chọn con đường lặng lẽ hơn, vì e sợ những phản đối, tẩy chay quá mạnh mẽ sẽ chẳng thay đổi được tình hình của người Do Thái tại Đức. Người cùng chia sẻ quan điểm này là Leo Wormser, một luật sư Do Thái tại Chicago. Trong lá thư gửi Dodd, Wormser đã viết, "chúng tôi ở Chicago... trước sau như một đều phản đối tiếp tục chương trình tẩy chay mang tính Do Thái của ngài Samuel Untermeyer và Tiến sĩ Stephen Wise đối với hàng hóa Đức". Ông ta giải thích sự tẩy chay như thế có thể khiến nạn đàn áp người Do Thái tại Đức thêm mạnh mẽ, "và chúng ta biết rằng, đối với nhiều người bọn họ, tình hình sẽ còn tồi tệ hơn lúc này." Ông ta cũng nêu rõ tẩy chay sẽ làm "cản trở nỗ lực của những người bạn tại Đức muốn đưa ra một quan điểm ôn hòa hơn, bằng cách kêu cầu lẽ phải và đừng hi sinh vô ích." Chuyện này cũng có thể làm ảnh hưởng đến khả năng Đức thanh toán khoản nợ trái phiếu cho người Mỹ. Ông ta sợ những hậu quả của hành động trên sẽ chỉ giáng xuống đầu người Do Thái. Ông ta nói với Dodd, "Chúng tôi cảm thấy nếu hành động tẩy chay do người Do Thái chỉ đạo trở nên công khai, sẽ làm lẫn lộn vấn đề 'quyền tự do còn tồn tại không' thành 'người Do Thái liệu còn tồn tại không'." Như Ron Chernow viết trên tờ The Warburgs, "Một sự chia rẽ chết người đã làm suy yếu 'cộng đồng Do Thái quốc tế', ngay cả khi báo chí Quốc xã tuyên bố rằng họ hoạt động với một ý chí riêng rẽ, không thể lay chuyển."

Tuy nhiên, cả hai phía đều thống nhất rằng bất kì chiến dịch nào rõ ràng và công khai cố gắng thúc đẩy người Do Thái nhập cảnh vào Mỹ chỉ có thể gây ra thảm kịch. Đầu tháng Sáu năm 1933, Rabbi Wise biên thư cho Felix Frankfurter, vào lúc này là giáo sư luật Harvard, nói rằng nếu cuộc tranh luận về việc di cư đến tai Hạ viện, có thể "gây ra một vụ nổ chống lại chúng ta". Thực ra, làn sóng chống người di cư vào Mỹ vẫn mạnh mẽ vào năm 1938, khi một cuộc bỏ phiếu thăm dò trên tờ Fortune cho thấy hai phần ba dân Mỹ được khảo sát không đồng ý chứa chấp những người di cư.

Ngay bản thân chính quyền Roosevelt cũng chia rẽ sâu sắc về chủ đề này. Bộ trưởng Bộ Lao động Frances Perkins, người phụ nữ đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ nắm vị trí trong nội các, rất hăng hái, cố gắng thuyết phục chính quyền làm gì đó giúp đỡ người Do Thái nhập cảnh dễ hơn vào Mỹ. Cơ quan của bà đã quan tâm đến chính sách xuất nhập cảnh, nhưng không có vai trò quyết định ai thực

sự tiếp nhận hoặc từ chối visa[25]. Thẩm quyền này là của Bộ Ngoại giao và các cố vấn của cơ quan này, họ dứt khoát đưa ra quan điểm khác. Thật ra một số quan chức cao cấp nhất của bộ thẳng thừng tỏ thái độ căm ghét người Do Thái.

Một trong số này là William Phillips, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, quan chức cao thứ hai trong bộ sau Ngoại trưởng Hull. Vợ của Phillips và Eleanor Roosevelt[26] là những người bạn thời thơ ấu, và chính FDR[27], chứ không phải Hull, là người đã lựa chọn Phillips làm thứ trưởng. Trong nhật kí của mình, Phillips đã mô tả một mối làm ăn của mình như "người bạn Do Thái của tôi từ Boston". Phillips thích đến thăm thành phố Atlantic, nhưng trong một cuốn nhật kí khác ông ta viết, "Người Do Thái đã tràn vào nơi này. Thực ra toàn bộ khung cảnh bãi biển chiều thứ Bảy và Chủ nhật là một cảnh tượng lạ thường - chẳng còn thấy cát đâu nữa, khắp nơi đầy đàn ông và phụ nữ Do Thái mặc quần áo mỏng."

[25] Visa: một con dấu trên hộ chiếu, cho ai đó quyền được vào, ở lại, hoặc rời khỏi một quốc gia.

[26] Anna Eleanor Roosevelt: phu nhân của Tổng thống Franklin D. Roosevelt.

[27] FDR: cách viết tắt tên Cựu Tổng thống Mỹ Franklin Delano Roosevelt.

Một quan chức chủ chốt khác, Wilbur J. Carr, Trợ lí Ngoại trưởng phụ trách toàn bộ dịch vụ lãnh sự đã gọi người Do Thái là "bọn xấu". Trong một biên bản ghi nhớ về dân nhập cư của Nga và Ba Lan, ông ta viết, "Một lũ bẩn thỉu, xa lạ với người Mỹ và các thói quen của chúng thường rất nguy hiểm." Sau một chuyến công du Detroit, ông ta mô tả thành phố này đầy "đầy khói bụi, bẩn thỉu và bọn Do Thái". Ông ta cũng phàn nàn chuyện người Do Thái có mặt tại thành phố Atlantic. Vợ chồng ông ta có ba ngày ở đó vào tháng Hai, và mỗi ngày trôi qua, ông ta đều ghi vào nhật kí sự khinh bỉ người Do Thái. "Trong suốt chuyến đi của chúng tôi dọc Boardwalk, chúng tôi chỉ thấy có vài người không phải dân Do Thái," ông ta viết vào ngày đầu tiên. "Bọn Do Thái ở khắp nơi, loại phổ biến nhất." Tối hôm đó, vợ chồng ông ta ăn tối trong khách sạn Claridge và thấy phòng ăn đầy người Do Thái, "vài tên ăn mặc đẹp thôi. Chỉ hai tên khác bên cạnh tôi mặc đồ tuxedo[28]. Một bầu không khí rất cẩu thả trong phòng ăn tối." Tối hôm sau, gia đình Carr đến ăn tối ở một khách sạn khác, Marlborough-Blenheim, và thấy nơi này sạch sẽ hơn. "Tôi thích nó," Carr viết. "Thật khác làm sao với bầu không khí Do Thái ở Claridge."

[28] Tuxedo: loại áo vest dành cho tiệc tối.

Một quan chức trong Ủy ban Người Mỹ gốc Do Thái mô tả Carr như "một kẻ bài Do Thái và lừa đảo, ăn nói thì duyên lắm nhưng chẳng bao giờ làm gì cho chúng tôi."

Cả Carr lẫn Phillips đều ủng hộ tuân thủ triệt để điều khoản Luật Xuất Nhập cảnh Quốc gia, cấm tiệt tất cả dân nhập cư trong tương lai bị xem là "có khả năng trở thành gánh nặng trợ cấp", "điều khoản LPC" khét tiếng. Một phần của Luật Xuất Nhập cảnh 1917 được chính quyền Hoover[29] phục hồi năm 1930, nhằm ngăn chặn nhập cảnh vào thời điểm tỉ lệ thất nghiệp đang tăng cao. Các quan chức lãnh sự quán có thẩm quyền đối với những ai được phép vào Mỹ, vì họ là những người quyết định từ chối ai xin visa vào Mỹ theo điều khoản LPC. Luật Xuất Nhập cảnh cũng quy định rằng người viết đơn xin visa phải cung cấp bản tuyên thệ của cảnh sát chứng nhận nhân cách tốt, kèm theo là các bản sao giấy khai sinh và các ghi chép khác của Chính phủ. Một người viết hồi kí cho biết, "Một điều có vẻ hết sức vô lí là phải đến chỗ kẻ thù của mình xin chứng nhận về tư cách."

[29] Herbert Clark Hoover (1874 - 1964): Tổng thống thứ ba mươi mốt của Mỹ.

Các nhà hoạt động Do Thái buộc tội các lãnh sự quán Mỹ tại nước ngoài được hướng dẫn âm thầm, chỉ cấp một số ít visa cho từng nước, một lời buộc tội được chứng minh là xác đáng. Luật sư riêng của Bộ Lao động, Charles E. Wyzanski, vào năm 1933, đã phát hiện các lãnh sự được căn dặn không chính thức hạn chế tổng số hạn ngạch visa được phép phê chuẩn của mỗi quốc gia xuống còn 10%.

Các nhà lãnh đạo Do Thái chắc chắn bộ luật còn quy định hồ sơ cảnh sát không chỉ gây khó dễ, mà còn trở nên nguy hiểm - "một vật cản gần như không thể vượt qua", như Thẩm phán Proskauer nêu rõ trong lá thư gửi Thứ trưởng Phillips.

Mếch lòng trước việc mô tả các lãnh sự như vật cản của Proskauer, Phillips đáp lại có ý trách nhẹ. "Lãnh sự chỉ quan tâm đến chuyện quyết định xem người viết đơn xin visa có đúng luật hay không, một cách thận trọng và hữu ích."

Kết quả, theo lời Proskauer và các nhà lãnh đạo Do Thái khác, người Do Thái đơn giản là không xin visa nhập cảnh vào Mỹ. Thực ra, con số người Đức nộp đơn xin visa chỉ chiếm phần nhỏ trong

tổng hạn ngạch hai mươi sáu nghìn người một năm của Mỹ. Sự chênh lệch đó thổi bùng lên tranh cãi thống kê quyết liệt giữa các quan chức trong Bộ Ngoại giao ủng hộ hoặc phản đối cải cách: Ngay từ đầu, chỉ vài người Do Thái xin visa có làm sao đâu? Ngay đầu tháng Tư năm 1933, Roosevelt có vẻ đồng tình. Ông ta cũng biết bất kì nỗ lực nào nới lỏng các quy định xuất nhập cảnh sẽ khiến Quốc hội yêu cầu giảm các hạn ngạch hiện có.

Vào thời điểm ăn trưa với Dodd, Roosevelt nhận thức chính xác những điều nhạy cảm đang diễn ra.

“Chính quyền Đức đang đối xử với người Do Thái một cách đáng xấu hổ, đồng bào của họ ở đất nước này cực kì lo lắng,” Roosevelt nói với ông. “Nhưng đây cũng không phải là vấn đề của Chính phủ. Chúng ta chỉ có thể nhúng tay vào, nếu người dân Mỹ vô tình bị biến thành nạn nhân. Chúng ta phải bảo vệ họ, và phải làm ngay bất cứ điều gì ta có thể làm nhằm giảm nhẹ đàn áp, bằng cả hai kênh chính thức và không chính thức.”

Cuộc đối thoại chuyển sang các vấn đề thực tiễn. Dodd khăng khăng rằng ông sẽ sống bằng đồng lương đã quy định là 17.500 USD - một số tiền rất lớn trong thời Đại Khủng hoảng, tuy nhiên lại rất bèo đối với một đại sứ, khi phải tiếp đón các nhà ngoại giao châu Âu và Quốc xã. Đối với Dodd, đây là vấn đề nguyên tắc: ông không nghĩ một đại sứ phải sống xa hoa, trong khi cả đất nước còn đang phải chịu khổ cực. Tuy nhiên, đối với ông điều này là hiển nhiên, vì ông không có của cải riêng như nhiều đại sứ khác, cho nên ông không thể sống xa hoa ngay cả khi ông muốn.

“Ngài hoàn toàn đúng,” Roosevelt nói. “Ngoài mấy bữa ăn tối chung và các chương trình giải trí, ngài không cần quan tâm bất kì sự kiện xã hội đắt đỏ nào cả. Cố gắng chú ý sâu sát đến người Mỹ tại Berlin, thi thoảng ăn tối với những người Đức muốn lập quan hệ với Mỹ. Tôi nghĩ ngài có thể sống khỏe với thu nhập của mình mà không phải tiêu tốn quá nhiều.”

Sau khi nói chuyện thêm vài câu về thuế quan mậu dịch và hạn chế vũ khí, bữa trưa kết thúc.

Đã hai giờ chiều. Dodd rời Nhà Trắng đi bộ về Bộ Ngoại giao, nơi theo kế hoạch, ông sẽ gặp gỡ nhiều quan chức và đọc các thông điệp gửi nhanh từ Berlin, cụ thể là các báo cáo dài viết tay của Tổng Lãnh sự George S. Messersmith. Nội dung của chúng gây bối rối.

Hitler đã làm thủ tướng được sáu tháng, được bổ nhiệm thông qua một thỏa thuận chính trị, nhưng hắn vẫn chưa nắm trong tay quyền lực tuyệt đối. Tổng thống Đức tám mươi lăm tuổi, Thống chế Lục quân Paul Von Beneckendorff und von Hindenburg, vẫn là người nắm thẩm quyền theo hiến pháp, được bổ nhiệm hay bãi nhiệm các thủ tướng và nội các của họ. Điều quan trọng không kém là ông ta kiểm soát quân đội chính quy, Quân Phòng vệ Đế chế. Trái ngược với Hindenburg, Hitler cùng các thuộc cấp của hắn trẻ tuổi đến ngạc nhiên - Hitler chỉ mới bốn mươi tư tuổi, Herman Göring bốn mươi và Joseph Goebbels ba mươi sáu tuổi.

Các mẩu chuyện trên báo về Hitler ngược hẳn với cách chính phủ của hắn đối xử tàn bạo với người Do Thái, các nhà cộng sản và những đối thủ khác. Trên khắp nước Mỹ còn lan truyền niềm tin rằng các báo cáo như thế là nói quá, rằng chắc chắn chẳng nhà nước hiện đại nào có thể hành xử kiểu thế. Tuy nhiên, trong Bộ Ngoại giao, Dodd đã đọc hết thông điệp này đến thông điệp khác, theo đó Messersmith mô tả Đức đang tụt dốc không phanh từ một nước cộng hòa dân chủ sang độc tài tàn bạo. Messersmith không chừa chi tiết nào - với xu hướng hay viết dài, ông ta sớm kiếm cho mình biệt danh "George Bốn Mươi Trang". Ông ta viết về bạo lực lan tràn đã xảy ra vài tháng trước, ngay sau khi Hitler được bổ nhiệm, Chính phủ ngày càng tăng cường kiểm soát xã hội Đức về mọi mặt. Ngày 31 tháng 03, ba công dân Mỹ bị bắt cóc và đưa đến một trong số các cơ sở tra tấn của Thành viên SA, nơi họ bị lột truồng và bỏ mặc giữa màn đêm lạnh giá. Trời sáng, họ bị đánh đập đến bất tỉnh rồi bị vứt ra phố. Một phóng viên của hãng Thông tấn Hoa Kỳ UPI đã biến mất, nhưng sau khi Messersmith hỏi han điều tra, anh ta đã được phóng thích và không hề hấn gì. Chính quyền của Hitler tuyên bố tẩy chay trong một ngày tất cả cơ sở kinh doanh của người Do Thái tại Đức - các cửa hàng tổng hợp, hãng luật, phòng mạch. Cả những vụ đốt sách nữa, các vụ phóng hỏa cơ sở kinh doanh của người Do Thái, những cuộc hành quân dường như đến vô tận của Lực lượng SA, và tự do báo chí từng một thời gây ấn tượng sâu sắc tại Đức cũng bị phong tỏa. Theo lời Messersmith, báo chí ở Đức được đặt dưới sự kiểm soát của Chính phủ ở mức độ có lẽ "ngặt nghèo nhất chưa từng thấy tại bất kì quốc gia nào. Chế độ kiểm duyệt báo chí có thể được xem là tuyệt đối."

Tuy nhiên, trong một số các thông điệp gửi nhanh mới nhất, Messersmith có chiều hướng tích cực hơn đáng kể, không nghi ngờ gì nữa Dodd cảm thấy phấn khích. Với giọng lạc quan lạ lẫm, Messersmith hiện thông báo rằng đang có những dấu hiệu cho thấy nước Đức ngày càng ổn định hơn, theo ông ta điều này là nhờ

sự tự tin đang tăng lên của Hitler, Göring và Goebbels. “Tinh thần trách nhiệm đã làm thay đổi căn bản các nhà lãnh đạo hàng đầu của Đảng,” ông ta viết. “Mọi bằng chứng cho thấy họ đang không ngừng trở nên khiêm nhường hơn.”

Tuy nhiên, Dodd không bao giờ có cơ hội đọc bức thư Messersmith v i ết ngay sau đó, trong thư, ông ta đã rút lại những lời đánh giá có phần lạc quan tếu. Bức thư đánh dấu “Riêng tư & Tuyệt mật” được ông ta gửi cho Thứ trưởng Phillips. Lá thư đề ngày 26 tháng 06 năm 1933 đến tay Phillips, ngay khi gia đình Dodd sửa soạn sang Berlin.

“Tôi đã cố gắng nêu rõ trong các thông điệp rằng các lãnh đạo cao cấp của Đảng đang ngày càng khiêm nhường hơn, trong khi các lãnh đạo trung gian và dân chúng lại cấp tiến hơn bao giờ hết. Câu hỏi là liệu các lãnh đạo cấp cao có khả năng áp đặt tính khiêm nhường lên dân chúng hay không,” Messersmith viết. “Cần phải bắt đầu nhận định chắc chắn rằng họ sẽ không thể làm điều đó, tuy nhiên sức ép từ dưới lên lúc nào cũng mạnh mẽ hơn. Đặc biệt, Göring và Goebbels không còn quá khiêm nhường. ‘Tiến sĩ Goebbels’ ngày ngày rao giảng cuộc cách mạng chỉ mới bắt đầu, và những gì đã làm được đến giờ chỉ là khúc dạo đầu.”

Các mục sư đã bị bắt. Nguyên chủ tịch tỉnh Lower Silesia, một người bản thân Messersmith biết rất rõ, bị tống vào trại tập trung. Ông ta cảm nhận được một “sự cuồng loạn” đang nổi lên giữa các lãnh đạo tầm trung của Đảng Quốc xã, được thể hiện ở niềm tin rằng “chỉ thấy an toàn khi tống tất cả vào tù”. Đất nước này đang âm thầm nhưng mạnh mẽ, tự chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh, triển khai chiến dịch tuyên truyền nhận thức rằng “cả thế giới đang chống lại Đức, rằng họ nằm phơi mình ra trước thế giới mà không được phòng thủ”. Những lời thề tìm kiếm hòa bình của Hitler chỉ là sáo rỗng, chỉ lợi dụng thời gian cho Đức âm thầm trang bị như Messersmith cảnh báo. “Tuy nhiên, điều chúng muốn làm nhất chính xác là biến Đức trở thành công cụ chiến tranh có năng lực nhất từng tồn tại.”

Trong khi đó ở Washington, Dodd tham gia buổi đón tiếp dành cho ông ở Đại sứ quán Đức, tại đây lần đầu tiên ông gặp gỡ Wilbur Carr. Sau này, Carr phác thảo nhanh về Dodd trong nhật kí của mình, “Một người vui vẻ, thú vị, có khiếu hài hước tinh tế và sự khiêm nhường giản dị.”

Dodd cũng gọi cho Trưởng phòng Phụ trách Các Vấn đề Tây Âu của Bộ Ngoại giao, Jay Pierrepont Moffat. Giống như Carr và

Phillips, ông ta cũng căm ghét người Do Thái và có thái độ cứng rắn đối với vấn đề nhập cảnh. Moffat ghi chép lại ấn tượng của riêng ông ta đối với Tân Đại sứ. "Ông ta cực kì chắc chắn về ý kiến của mình, thể hiện bản thân một cách mạnh mẽ và kẻ cả, có xu hướng kịch tính hóa những vấn đề ông ta nêu ra. Điều làm tôi cụt hứng đó là ông ta sẽ cố gắng điều hành Đại sứ quán và nuôi gia đình bốn người bằng đồng lương của mình, và ông ta sẽ làm thế tại Berlin, nơi giá cả đắt đỏ, một điều tôi không tưởng tượng nổi."

Một chi tiết cả Carr lẫn Moffat đều không thể hiện trong các mục này là họ cùng nhiều đồng nghiệp ngạc nhiên và khó chịu khi Dodd được bổ nhiệm. Đồng nghiệp của họ là nhóm tinh tú mà chỉ những ai có dòng dõi con ông cháu cha nhất định mới được kết nạp. Nhiều người từng theo học những trường trung học nội trú, chủ yếu là St. Paul và Groton, tiếp theo họ vào học tại Harvard, Yale và Princeton. Thứ trưởng Phillips trưởng thành tại vùng lân cận Back Bay của Boston, trong một rừng các ngôi nhà theo lối Victoria[30]. Ông ta là thương gia độc lập, ngay khi mới hai mươi mốt tuổi, sau này ông ta nằm trong hội đồng quản trị trường Đại học Harvard. Hầu hết đồng nghiệp của ông ta trong Bộ Ngoại giao đều có tiền, và trong khi ra nước ngoài, họ tiêu chủ yếu bằng tiền quỹ riêng mà không mong được bồi hoàn. Một quan chức như thế, Hugh Wilson, khi ca tụng các đồng nghiệp ngoại giao của mình đã viết. "Tất cả họ đều cảm thấy rằng mình là thành viên của một câu lạc bộ xuất sắc. Cảm xúc ấy đã nuôi dưỡng một tinh thần đồng đội lành mạnh."

[30] Victoria: phong cách kiến trúc bắt nguồn từ nước Anh, dưới triều đại của Nữ hoàng Victoria (1837 - 1901).

Theo các tiêu chuẩn của câu lạc bộ đó, có thể hình dung được Dodd nghèo đến thế nào.

Ông quay trở về Chicago gói ghém hành lí và nói lời chia tay nhiều người, sau đó vợ chồng ông cùng Martha và Bill bắt chuyến tàu đến Virginia, ở lại trang trại Round Hill lần cuối cùng. Người cha tám mươi sáu tuổi của ông, John, sống tương đối gần đó, tại Bắc Carolina, nhưng ước nguyện của cụ là muốn con cái ở gần bên. Ban đầu, Dodd không định đến thăm ông, vì Roosevelt muốn Tân Đại sứ tới Berlin càng sớm càng tốt. Dodd viết thư gửi cho cha thông báo mình được bổ nhiệm, rằng ông sẽ không có cơ hội đến thăm cha trước khi đi. Ông gửi kèm một ít tiền và viết, "Con rất tiếc khi suốt đời mình con đã không ở gần cha được." Cha ông ngay lập tức trả lời ông tự hào như thế nào, khi Dodd nhận được "vinh dự lớn lao này từ D.C", nhưng thấm trong đó vị chua chát

chỉ có những bậc làm cha làm mẹ mới hiểu. Những lời ấy làm bừng lên cảm giác tội lỗi trong ông và khiến ông thay đổi kế hoạch. Cha ông đã viết, "nếu cha không còn được gặp con nữa trong khi cha còn sống thì cũng ổn thôi, cha vẫn sẽ tự hào về con đến tận những giờ phút cuối cùng còn sống trên cõi đời này."

Dodd thay đổi kế hoạch. Ngày 01 tháng 07, một ngày thứ Bảy, vợ chồng ông lên một toa tàu giường nằm, tới Bắc Carolina. Trong suốt chuyến đi thăm cha, họ dành thời gian tham quan những thắng cảnh ở địa phương. Dodd cùng vợ về thăm chốn xưa, như thể muốn nói lời tạm biệt lần cuối. Họ đến thăm nghĩa trang gia đình, nơi Dodd đứng lặng trước mộ mẹ ông, người đã qua đời năm 1909. Khi bước đi trên cỏ, ông đến gần mộ của tổ tiên ông đã ngã xuống trong cuộc Nội chiến, bao gồm cả hai người đã đầu hàng cùng Tướng Robert E. Lee[31] trong trận Appomattox. Đó là chuyến thăm viếng nhắc đến "nỗi bất hạnh của gia đình" và sự bấp bênh của cuộc sống. "Một ngày khá đau buồn", ông viết.

[31] Robert Edward Lee (1807 - 1870): Đại tướng Lục quân Liên minh miền Nam trong cuộc Nội chiến Hoa Kỳ.

Ông cùng vợ quay về trang trại ở Virginia, sau đó đi tàu đến New York. Martha và Bill lái chiếc Chevrolet của gia đình, dự tính xuống xe ở cầu tàu để quá cảnh sang Berlin.

Dodd hẳn muốn dành hai ngày tiếp theo ở bên gia đình, nhưng Bộ Ngoại giao đòi ông ngay sau khi đến New York, phải gặp gỡ một số giám đốc điều hành ngân hàng, bàn về vấn đề khoản nợ của Đức - một chủ đề mà Dodd hầu như chẳng quan tâm - và gặp các nhà lãnh đạo Do Thái. Dodd e rằng giới báo chí của cả Mỹ lẫn Đức có thể xuyên tạc những cuộc họp này, nhằm bôi nhọ không khí khách quan ông hi vọng sẽ hiện diện tại Berlin. Tuy nhiên, ông vẫn tuân lệnh, kết quả là ông có một ngày gợi nhớ đến cuộc viếng thăm của các bóng ma trong cuốn Khúc hát mừng Giáng sinh của Dickens[32]. Một nhà hoạt động cứu giúp người Do Thái nổi tiếng biên thư cho Dodd bảo rằng có hai nhóm sẽ thăm ông vào thứ Hai, ngày 03 tháng 07, nhóm thứ nhất đến vào lúc tám rưỡi, nhóm thứ hai đến vào lúc chín giờ. Các cuộc gặp sẽ diễn ra tại Câu lạc bộ Century, nơi Dodd sống trong thời gian ở New York.

[32] Charles John Huffam Dickens (1812 - 1870): nhà văn nổi tiếng người Anh.

Tuy nhiên, đầu tiên Dodd gặp gỡ các chủ nhà băng, tại văn phòng của Ngân hàng Thành phố Quốc gia New York, mà nhiều năm sau

được gọi là Citibank. Dodd giật mình khi biết rằng Ngân hàng này và Ngân hàng Quốc gia Chase nắm hơn một trăm triệu USD trong trái phiếu Đức, mà vào thời điểm này, Đức đang đề xuất hoàn trả ở mức 30 xu trên 1 USD. "Đã nói chuyện rất nhiều, nhưng chẳng đạt được thỏa thuận nào khác, ngoài việc tôi phải cố gắng hết sức ngăn chặn Đức xù nợ công khai," Dodd viết. Ông chả ưa gì mấy tay chủ nhà băng. Bị triển vọng các mức lãi suất cao trên trái phiếu Đức che mắt, họ không nhận ra một quốc gia mỏng manh về chính trị, bị chiến tranh tàn phá như Đức rõ ràng có thể xù nợ.

Tối hôm đó, các nhà lãnh đạo Do Thái đã đến theo lịch, trong số này có Felix M. Warburg, một nhà tài phiệt hàng đầu có xu hướng ủng hộ các chiến thuật thầm lặng hơn của Ủy ban Người Mỹ gốc Do Thái, và Rabbi Wise của Hội đồng Người Mỹ gốc Do Thái to mồm. Dodd viết trong nhật kí: "Cuộc thảo luận diễn ra trong nửa tiếng. Người Đức đang không ngừng giết hại người Do Thái, họ bị đàn áp nghiêm trọng đến nỗi tự sát trở thành phổ biến (gia đình Warburg được báo cáo là nằm trong số này), và tài sản của tất cả người Do Thái đều bị tịch thu."

Trong suốt cuộc họp này, Warburg có vẻ đã đề cập đến vụ tự sát của hai họ hàng cao tuổi, Moritz và Käthie Oppenheim, khoảng ba tuần trước đó tại Frankfurt. Sau này Warburg viết, "Không nghi ngờ gì nữa, chế độ Hitler biến cuộc sống của họ thành địa ngục, và họ đang thèm khát được chấm dứt chuỗi ngày đau khổ."

Các vị khách thúc giục ông ép Tổng thống Roosevelt phải chính thức can thiệp, nhưng ông ngần ngại. "Tôi một mực cho rằng chính phủ không thể can thiệp chính thức, nhưng trấn an mọi người rằng tôi sẽ vận dụng hết toàn bộ ảnh hưởng cá nhân, để ngăn chặn sự đối xử bất công với người Đức gốc Do Thái, tất nhiên sẽ phản đối đàn áp cả người Mỹ gốc Do Thái."

Sau đó, Dodd bắt chuyến tàu lúc hai mươi ba giờ đi Boston, và khi đến nơi sáng sớm hôm sau, ngày 04 tháng 07, ông được chở bằng ô tô đến nhà của Đại tá Edward M. House, một người bạn từng là cố vấn gần gũi với Roosevelt, và gặp ông ta vào bữa sáng.

Trong suốt cuộc trò chuyện về đủ mọi chủ đề, lần đầu tiên Dodd biết rằng còn lâu ông mới là lựa chọn đầu tiên của Roosevelt. Tin tức này khiến ông thiếu tự tin. Dodd ghi chú trong nhật kí rằng tin tức đập tan ảo tưởng "quá tự cao tự đại" của ông về sự bổ nhiệm này. Khi chủ đề đối thoại chuyển sang việc người Do Thái bị đàn áp tại Đức, Đại tá House thúc giục Dodd làm tất cả những gì có thể "nhằm giảm nhẹ đau khổ của người Do Thái", nhưng ông ta

cảnh báo thêm: “Người Do Thái không nên được phép thống trị cuộc sống kinh tế, hoặc tri thức tại Berlin như họ đã làm từ lâu rồi.”

Trong lần nói chuyện này, Đại tá House cho biết một ý nghĩ đang lan khắp nước Mỹ, rằng người Do Thái tại Đức ít nhất phải chịu một phần trách nhiệm vì những rắc rối của chính mình. Dodd sau đó đã trải nghiệm khía cạnh điên rồ của chuyện này, khi cùng ngày hôm đó sau khi quay về New York, ông cùng gia đình đến ăn tối tại căn hộ ở Đại lộ Park của Charles R. Cane, bảy mươi lăm tuổi, một nhà từ thiện trở nên giàu có nhờ bán trang thiết bị đường ống nước. Crane là người nghiên cứu văn hóa Ả Rập được xem là có ảnh hưởng tại các quốc gia nhất định ở Trung Đông và Balkan, là nhà ủng hộ hào phóng cho khoa của Dodd tại trường Đại học Chicago, nơi ông ta tài trợ cho việc nghiên cứu lịch sử và các thể chế tại Nga.

Dodd vốn biết Crane không phải là bạn của dân Do Thái. Crane trước đó từng viết bài chúc mừng Dodd được bổ nhiệm, đồng thời dành cho ông vài lời khuyên. “Sau khi giành chiến thắng trong cuộc chiến, dân Do Thái bắt đầu phi nước đại thôn tính cả Nga, Anh và Palestine, bị bắt quả tang đang cố gắng thâu tóm cả nước Đức. Vì vấp phải sự phản đối thực sự đầu tiên của họ, nên chúng nổi điên muốn tràn ra cả thế giới - đặc biệt là nước Mỹ nhẹ dạ - bằng lối tuyên truyền chống Đức. Tôi cực kì muốn khuyên ngài khước từ mọi lời mời thân mật.”

Dodd phần nào đồng ý với quan điểm của Crane rằng dân Do Thái cùng chia sẻ trách nhiệm về hoàn cảnh khó khăn của mình. Sau này, ông biên thư cho Crane, sau khi đến Berlin, rằng trong khi ông không “ủng hộ sự tàn bạo dân Do Thái phải chịu đựng ở đây”, ông vẫn nghĩ rằng người Đức có lí do để bất bình. “Khi tôi có cơ hội nói chuyện không chính thức với những người Đức xuất chúng, tôi đã nói thẳng rằng họ gặp phải một vấn đề rất nghiêm trọng, nhưng dường như họ không biết cách giải quyết nó,” ông viết. “Dân Do Thái đã nắm giữ ngày một nhiều hơn những vị trí quan trọng tại Đức, nhiều hơn cả những gì họ xứng đáng được hưởng, nhờ số dân hoặc tài năng của họ.”

Trên bàn ăn tối, Dodd nghe Crane diễn tả sự ngưỡng mộ lớn lao đối với Hitler, và cũng biết rằng bản thân Crane không phản đối cách Quốc xã hành xử với dân Do Thái ở Đức.

Khi gia đình Dodds lên đường tối hôm đó, Crane tặng cho ngài đại sứ một lời khuyên nữa, “Hãy cứ để Hitler làm theo cách của

mình."

Vào lúc mười một giờ trưa hôm sau, ngày 05 tháng 07 năm 1933, gia đình Dodd bắt taxi đến cầu tàu rồi lên con tàu mang tên Washington, thẳng tiến tới Hamburg. Họ đến gặp Eleanor Roosevelt, ngay sau khi bà từ biệt con trai Franklin Jr., người đang ra khơi sang châu Âu, bắt đầu lưu trú tạm thời tại nước ngoài.

Rất nhiều nhà báo cũng vây chặt con tàu, bu kín quanh Dodd trên boong tàu, khi ông đứng đó cùng vợ và Bill. Lúc này, Martha đang ở đâu đó trên tàu. Các phóng viên đưa ra một lô lốc các câu hỏi, xô đẩy Dodd tạo dáng như thể đang vẫy tay chào từ biệt. Họ làm theo một cách miễn cưỡng, Dodd viết, "không hề nhận thức được họ đang mô phỏng thế chào của Hitler, chúng tôi chẳng biết gì cứ thế giơ tay lên."

Hậu quả là các bức ảnh đã gây ra sự phản đối nhẹ, vì dường như trong ảnh vợ chồng Dodd cùng con trai đang đứng chào theo kiểu Hitler.

Lòng Dodd xuất hiện những lo âu. Đến lúc này, ông bắt đầu thấy sợ phải bỏ lại sau lưng Chicago và cuộc sống cũ của mình. Khi con tàu dần dần tiến ra khơi, cả gia đình trải nghiệm một cảm xúc, mà sau này Martha mô tả như "sự pha trộn không cân xứng giữa nỗi u buồn và dự cảm không lành".

Martha khóc nức nở.

Chương 5
ĐÊM ĐẦU TIÊN

Martha tiếp tục lúc nóng lúc lạnh trong hai ngày tiếp theo - "mệt mỏi và mít ướt", như sau này cô kể lại. Không phải vì lo lắng, cô chẳng buồn nghĩ tới cuộc sống sau này sẽ ra sao tại nước Đức của Hitler. Mà cô khóc vì tất cả những gì mình bỏ lại sau lưng, những con người và nơi chốn, bạn bè, công việc, sự thoải mái thân thuộc của ngôi nhà ở Đại lộ Blackstone, Carl đáng yêu của cô - tất cả những gì đã tạo nên cuộc sống "quý giá vô ngần" cô từng có tại Chicago. Nếu cần điều gì đó nhắc cô nhớ tới những gì cô sắp mất, hình ảnh bữa tiệc chia tay của cô chính là kỉ niệm ấy. Cô ngồi giữa Sandburg và một người bạn thân khác, Thornton Wilder.

Nỗi buồn của cô rồi cũng dần nguôi ngoai. Những vùng biển tĩnh lặng, những ngày ngập ánh mặt trời. Cô cùng con trai của Roosevelt bên nhau khiêu vũ và uống sâm banh. Họ cùng kiểm tra hộ chiếu của nhau - hộ chiếu của anh chỉ ghi ngắn gọn "con trai Tổng thống Hợp Chủng quốc Hoa Kỳ", của cô thì ghi ngạo mạn hơn, "con gái của William E. Dodd, Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền của Hợp Chủng quốc Hoa Kỳ tại Đức". Cha cô yêu cầu cô cùng anh trai phải đến phòng khánh tiết của mình, phòng A-10, ít nhất mỗi ngày một giờ, lắng nghe ông đọc to tiếng Đức, để tất cả có thể hình dung tiếng Đức sẽ như thế nào. Dường như ông tỏ vẻ nghiêm trang hơn hẳn mọi ngày, Martha cảm nhận được sự căng thẳng kì lạ.

Nhưng rồi, kế hoạch về một cuộc phiêu lưu phía trước dần xua tan lo âu trong lòng cô. Martha chẳng hiểu gì về các hoạt động chính trị quốc tế, và cô thừa nhận cô không biết rõ sức nặng của những gì đang diễn ra tại Đức. Cô xem Hitler như một "thằng hề trông giống Charlie Chaplin[33]". Như nhiều người khác tại Mỹ vào thời điểm này và khắp nơi trên thế giới, cô không thể mường tượng ra hắn sẽ cầm quyền lâu hoặc được nhìn nhận một cách nghiêm túc.

Cô cũng mơ hồ về tình hình người Do Thái. Là một sinh viên của trường Đại học Chicago, cô không lạ gì "thông tin tuyên truyền tinh tế và ngấm ngầm giữa các sinh viên chưa tốt nghiệp", nuôi dưỡng sự thù địch với người Do Thái. Martha nhận thấy "ngay cả nhiều giáo sư đại học cũng tỏ ra ghen tị với các đồng nghiệp và sinh viên Do Thái xuất sắc". Đối với Martha, "Về mặt này tôi cũng bài Do Thái một chút. Tôi chấp nhận ý kiến cho rằng dân Do Thái không hấp dẫn về mặt thể chất như người thuộc chủng tộc khác, kém thu hút xã hội hơn." Cô cũng thấy mình đang tiếp thu quan điểm người Do Thái là những kẻ giàu có và huênh hoang, mặc dù họ xuất chúng. Về chuyện này, cô nghĩ tới ý kiến của số lượng người Mỹ nhiều đến ngạc nhiên, khi tham gia vào cuộc thăm dò dư luận đang nổi hồi những năm 1930 của các nhà chuyên môn. Kết quả cuộc thăm dò cho thấy 41% người tham gia phỏng vấn tin rằng dân Do Thái "nắm quá nhiều quyền lực tại nước Mỹ", kết quả khác cho thấy một phần năm số người được hỏi muốn "đuổi dân Do Thái ra khỏi nước Mỹ". (Một cuộc bỏ phiếu được thực hiện hàng chục năm sau đó, vào năm 2009, cho thấy tổng số người Mỹ tin rằng dân Do Thái nắm quá nhiều quyền lực chỉ còn 13%.)

[33] Hiệp sĩ Charles Spencer Chaplin (1889 - 1977): nghệ sĩ hài lừng danh của Anh quốc, nổi tiếng trong thời đại phim câm. Hitler để kiểu ria mép giống Charlie Chaplin khi diễn hài.

Một người bạn cùng lớp mô tả Martha như Scarlett O'Hara[34], như "mụ phù thủy - gợi cảm với mái tóc vàng, đôi mắt xanh long lanh và làn da nhạt". Cô tự xem mình như một nhà văn, hi vọng mình sẽ bắt đầu sự nghiệp viết truyện ngắn và tiểu thuyết. Sandburg thúc giục cô tiến lên. "Trong em tiềm ẩn mọi cá tính mạnh mẽ," ông ta viết. "Em sở hữu được những yếu tố tiên quyết quan trọng từ ngày xưa, đó là thời gian, trạng thái cô độc và sự lao động chăm chỉ. Em đã có gần như mọi thứ giúp em làm bất kì điều gì mình muốn như một nhà văn." Ngay sau khi gia đình cô khởi hành đi Berlin, Sandburg hướng dẫn cô không ngừng ghi chép về bất kì điều gì và "đừng ngần ngại viết ra những câu văn ngắn, những ấn tượng và những câu thơ ngắn trữ tình, mà em hoàn toàn có thể viết được". Trên hết, ông ta thúc giục, "hãy tìm hiểu xem thằng cha Hitler này là người như thế nào, điều gì khiến hắn mất trí như vậy, xương và máu của hắn làm bằng gì."

[34] Katie Scarlett O'Hara: nhân vật nữ chính trong tác phẩm kinh điển "Cuốn theo chiều gió" của nhà văn Margaret Mitchell.

Thornton Wilder cũng tặng cô thêm một lời khuyên nữa lúc chia tay. Anh ta cảnh báo Martha phải tránh viết cho báo chí, bởi "công

việc viết thuê" này sẽ triệt tiêu sự tập trung cô cần cho sự nghiệp viết văn nghiêm túc. Anh khuyến cáo nên ghi đều nhật kí "mọi chuyện như thế nào - lời đồn đại, ý kiến của mọi người trong một thời điểm chính trị". Anh viết, trong tương lai một cuốn nhật kí như thế sẽ là "niềm thích thú sống động nhất cho em - và lạy Chúa - cho cả anh nữa". Vài bạn bè của Martha tin rằng giữa hai người có chuyện tình lãng mạn, cho dù thực ra anh ta thích người khác. Martha giữ một bức ảnh của anh ta, trong mặt dây chuyền bạc có lồng ảnh.

Vào ngày thứ hai của Dodd trên biển, khi ông thả bước trên boong tàu Washington thì nhận ra một gương mặt quen thuộc, Rabbi Wise, một trong các nhà lãnh đạo Do Thái ông từng gặp tại New York ba ngày trước. Trong chuyến hải hành hơn một tuần sau đó, họ đã nói chuyện với nhau về nước Đức "không biết đến bao nhiêu" lần. Wise gửi báo cáo về cho một nhà lãnh đạo Do Thái khác, Julian W. Mack, một thẩm phán phúc thẩm liên bang, "Ông ấy là người thân thiện và chân tình nhất, thực sự là người đáng tin cậy."

Đúng với tính cách của mình, Dodd nói chuyện rất dài về lịch sử nước Mỹ, có lúc ông nói với Rabbi Wise, "Người ta không thể viết ra toàn bộ sự thật về Jefferson và Washington[35] - họ chưa sẵn sàng và phải chuẩn bị tâm lí lắng nghe nó."

[35] George Washington (1732 - 1799): Tổng thống đầu tiên của nước Mỹ.

Câu này khiến Wise giật mình, ông ta đã gọi đây là "Lời lưu ý chấn động duy nhất trong tuần". Ông ta giải thích, "Nếu người dân phải được chuẩn bị để đón nhận sự thật về Jefferson và Wash- ington, vậy [Dodd] sẽ làm gì với sự thật ông ta biết về Hitler, khi đang ở vị thế chính trị hiện giờ?"

Wise nói tiếp, "Hễ khi nào tôi gợi ý rằng công trạng lớn nhất ông ta có thể làm cho đất nước mình và nước Đức sẽ là nói sự thật với thủ tướng Đức, cho ông ta biết dư luận bao gồm ý kiến của người theo đạo Thiên Chúa và ý kiến chính trị đều phản đối nước Đức... ông ta cứ lặp đi lặp lại câu trả lời: 'Tôi không thể nói gì cho đến khi gặp Hitler. Nếu tôi thấy mình có thể làm được điều đó, tôi sẽ nói chuyện rất thẳng thắn với ông ta và kể mọi thứ cho ông ta nghe.' "

Nhiều cuộc nói chuyện giữa họ trên tàu đưa Wise đến kết luận rằng "W.E.D[36] tự cảm thấy mình là đại diện nuôi dưỡng chủ nghĩa tự do của người Mỹ tại Đức". Ông ta trích lại nhận xét cuối cùng

của Dodd, "Tình hình sẽ rất nghiêm trọng nếu tôi thất bại - nghiêm trọng với chủ nghĩa tự do, với tất cả mọi thứ mà Tổng thống và cả tôi cùng ủng hộ."

[36] W.E.D: viết tắt tên đầy đủ của ông Dodd - William Edward Dodd.

Thực sự vào lúc này, Dodd đã mường tượng được vai trò đại sứ của mình không chỉ là người quan sát và báo cáo thông thường. Ông tin rằng bằng lí lẽ và sự gương mẫu, ông có thể tạo một ảnh hưởng khiêm nhường lên Hitler và chính quyền của hắn, cùng lúc đó, tìm cách thuyết phục nước Mỹ thay đổi quá trình cô lập và tham gia nhiều hơn vào vấn đề quốc tế. Ông tin cách tiếp cận tốt nhất là tỏ ra đồng cảm và trung lập hết sức có thể, cố gắng thấu hiểu nhận thức của người Đức, vốn bị cả thế giới hiểu sai. Ở mức độ nào đó, Dodd đồng ý với điều này. Trong nhật kí của mình, ông viết rằng Hiệp ước Versailles[37], mà Hitler căm ghét, "có nhiều điểm không công bằng, như tất cả những hiệp ước kết thúc chiến tranh khác". Trong một hồi kí, Martha đã nói mạnh mẽ hơn, nêu rõ cha cô thấy "hối tiếc" về bản hiệp ước.

[37] Hiệp ước Versailles (28/01/1919): hiệp ước kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất, với những điều khoản rất khắt khe, áp đặt lên nước Đức.

Từng là một sinh viên sử, Dodd tin vào lẽ phải vốn có của con người, rằng lí lẽ và sự thuyết phục sẽ thắng thế, đặc biệt sẽ giúp ngăn chặn Quốc xã đàn áp dân Do Thái.

Ông nói với một người bạn, Trợ lí Ngoại trưởng R. Walton Moore, rằng ông thà từ chức còn hơn "mãi làm một kẻ bù nhìn xã hội và chính trị".

Gia đình Dodd đặt chân lên đất Đức vào hôm thứ Năm, ngày 13 tháng 07 năm 1933. Dodd đã lầm tưởng toàn bộ những việc thu xếp cho gia đình ông đã đâu vào đấy, nhưng sau một chuyến đi chậm chạp và tẻ ngắt đến Elbe, họ lên bờ tại Hamburg thì thấy chẳng có ai ở Đại sứ quán đặt tàu hỏa cho họ, chưa nói đến một toa tàu riêng theo đúng quy tắc, để đưa họ đến Berlin. Một vị quan chức, George Gordon, Tham tán Đại sứ quán, gặp họ tại bến tàu và nhanh chóng thu xếp các toa trên một chuyến tàu thường, cũ kĩ, còn xa mới được như "Hamburger Bay" - chuyến tàu chỉ mất hai giờ để tới thủ đô Berlin. Gia đình ông phải đối mặt với một vấn đề khác. Bill Jr. đã có kế hoạch lái chiếc xe Chevrolet đến Berlin, nhưng quên không điền hết giấy tờ cần thiết để mang xe xuống tàu và chạy trên đường phố ở Đức. Giải quyết xong vấn đề, Bill

phóng xe đi. Trong khi đó, Dodd trả lời rất nhiều câu hỏi của một nhóm phóng viên, bao gồm người viết bài cho một tờ báo Do Thái, Hamburger Israelitisches Familienblatt. Tờ báo này sau đó cho đăng một bài báo ngụ ý rằng, sứ mệnh ưu tiên hàng đầu của Dodd là chặn đứng việc Quốc xã đàn áp người Do Thái - đúng kiểu xuyên tạc mà Dodd hi vọng không gặp phải.

Đến chiều, gia đình Dodd cảm thấy khó chịu với Tham tán Gordon. Ông ta là cấp phó ở Đại sứ quán, quản lí các nhóm bí thư thứ nhất và thứ hai, những người viết tốc kí, nhân viên văn thư, các mật mã viên và các nhân viên khác, khoảng hơn hai mươi người cả thảy. Ông ta cứng nhắc, ngạo mạn và ăn mặc như một nhà quý tộc từ thế kỷ trước, mang theo một cây ba toong. Râu của ông ta quăn tít, nước da khỏe mạnh và đỏ au, một quan chức đã gọi đây là dấu hiệu của "kẻ cục tính". Theo Martha mô tả, cách ăn nói của ông ta "rõ, nhanh, lịch sự và nhất định là trịch thượng". Ông ta chả buồn giấu giếm sự khinh bỉ trước vẻ ngoài xoàng xĩnh của gia đình, hoặc khó chịu khi thấy họ chỉ đến có một mình, không có bầu đoàn thê tử gồm đầy tớ, hầu gái và lái xe riêng. Vị đại sứ tiền nhiệm, Sackett, mới là kiểu người Gordon ưa thích hơn nhiều, giàu có, với chục người hầu trong nhà riêng của ông ta tại Berlin. Martha cảm nhận rằng với Gordon, gia đình cô tượng trưng cho tầng lớp người "mà ông ta sẽ không bao giờ cho phép mình hòa nhập, có lẽ trong suốt phần đời còn lại của mình".

Martha cùng mẹ lên toa tàu, ngồi giữa những bó hoa chào đón họ trên sân ga. Cô nhớ lại, bà Dodd tỏ ra khó chịu và xuống tinh thần, mường tượng ra "những bổn phận và thay đổi trong các sắc thái cuộc sống" trước mắt. Martha tựa đầu vào vai mẹ, nhanh chóng ngủ thiếp đi.

Dodd ngồi cùng Gordon trong một toa riêng, thảo luận các vấn đề của Đại sứ quán và hoạt động chính trị tại Đức. Gordon cảnh báo Dodd rằng sự thanh đạm của ông và việc ông quyết tâm chỉ sống bằng đồng lương của Bộ Ngoại giao sẽ tạo ra một rào cản cho việc xây dựng mối quan hệ với chính quyền Hitler. Gordon nhắc nhở Dodd ông không còn là một giáo sư đơn thuần nữa. Ông là một nhà ngoại giao quan trọng, phải đương đầu với một chế độ kiêu căng, ngạo mạn, chỉ tôn thờ duy nhất sức mạnh. Cách tiếp cận với cuộc sống thường ngày của Dodd sẽ phải thay đổi.

Chuyến tàu tăng tốc qua những thị trấn xinh đẹp, các thung lũng hẹp cây cối sum suê với ánh nắng xiên buổi chiều, khoảng ba tiếng thì tới Berlin rộng lớn. Cuối cùng, con tàu phun khói tiến vào ga Lehrter Bahnhof của Berlin, tại một khúc ngoặt của dòng

Spree, nơi con sông này chảy qua trung tâm thành phố. Là một trong năm cửa ngõ đường sắt chính của Berlin, nhà ga cao vọt hơn hẳn so với những ngôi nhà xung quanh như một thánh đường, với trần vòm uốn cong hình trụ và các dãy cửa sổ hình vòng cung.

Trên sân ga, gia đình Dodd đụng phải một đám đông người Đức và người Mỹ đang đứng chờ gặp họ, bao gồm các quan chức Bộ Ngoại giao Đức, cùng các phóng viên được trang bị máy quay phim có đèn flash, hồi đó được gọi là "đèn pin". Một người đàn ông trông có vẻ mạnh mẽ, tuổi trung niên, cao khoảng một mét sáu mươi bảy, bước lên phía trước và tự giới thiệu bản thân. Sử gia, nhà ngoại giao George Kennan sau này đã mô tả ông ta là "người khô khan, ăn nói lè nhè và nóng nảy". Ông ta là George Messersmith, Tổng Lãnh sự, cán bộ Ngoại giao, chính ông ta đã viết các thông điệp gửi nhanh tràng giang đại hải Dodd từng đọc khi còn ở Washington. Martha và cha cô yêu thích ông ta ngay lập tức, nhận xét ông ta là người có nguyên tắc, thật thà, ngay thẳng và thích hợp để làm bạn, cho dù lời khen ngợi đó cần phải nghiêm túc xét lại.

Messersmith đáp lại thiện chí ban đầu này. "Vừa gặp tôi đã yêu thích Dodd." Messersmith viết. "Ông ấy là người giản dị và dễ gần." Tuy nhiên, ông ta lưu ý rằng Dodd "cho tôi ấn tượng là ông ta khá yếu đuối."

Trong đám đông chào đón, gia đình Dodd còn gặp hai người phụ nữ, mà vài năm sau này sẽ đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống gia đình ông. Một người Đức và một người Mỹ đến từ Wisconsin làm dâu một trong các gia đình học giả cao quý nhất.

Cô nàng người Đức tên là Bella Fromm - "Dì Voss", người phụ trách chuyên mục xã hội của tờ báo rất được tôn trọng, Vossische Zeitung, một trong hai trăm tờ báo vẫn đang hoạt động tại Berlin. Nhưng không giống như những báo khác, tờ báo này vẫn được đăng phóng sự độc lập. Fromm có khổ người đẫy đà và xinh xắn, với đôi mắt hút hồn - có màu đá onyx ẩn dưới đôi lông mày đen được tôn cao, hai con ngươi của cô ta nằm khuất sau hàng mi trên, mang cả vẻ trí thức lẫn hoài nghi. Rõ ràng, cô ta được tất cả các thành viên cộng đồng ngoại giao thành phố, cũng như các thành viên cao cấp của Đảng Quốc xã tin tưởng, một thành tích không nhỏ, xét đến chuyện cô ta là người Do Thái. Cô ta tuyên bố mình có nguồn tin cao cấp trong chính quyền Hitler, người đã báo trước cho cô các hành động của Đế chế trong tương lai. Cô ta là người bạn thân thiết của Messersmith, con gái cô, Gonny, gọi ông ta là "chú".

Trong nhật kí, Fromm ghi lại những nhận xét đầu tiên của mình về gia đình Dodd. Cô ta viết, Martha có vẻ "là hình ảnh hoàn hảo của một thiếu nữ Mỹ trẻ tuổi, thông minh". Còn về ngài đại sứ, ông ấy "trông như một học giả. Óc châm biếm của ông ấy cuốn hút tôi. Tinh ý và tỉ mỉ. Ông ấy bảo mình đã yêu nước Đức từ khi là sinh viên ở Leipzig, và sẽ cố gắng hết sức mình xây dựng mối quan hệ chân thành giữa đất nước của ông ấy với nước Đức."

Cô ta nói thêm, "Tôi hi vọng ông ấy và Tổng thống Hợp Chủng quốc Hoa Kỳ sẽ không quá thất vọng vì những nỗ lực của họ."

Cô nàng người Mỹ, tên là Mildred Fish Harnack, một đại diện của Câu lạc bộ Phụ nữ Mỹ tại Berlin. Trái ngược hoàn toàn với Fromm về hình thức - cô ta mảnh mai, tóc vàng, thanh tú và kín đáo. Martha cùng Mildred ưa thích nhau ngay tắp lự. Mildred sau này viết rằng Martha "trong sáng, có năng lực và thực sự có khao khát muốn hiểu biết thế giới. Nên những mối quan tâm của chúng tôi tương đồng với nhau". Cô ta cảm nhận được mình vừa tìm thấy một người bạn tâm giao, "một phụ nữ quan tâm nghiêm túc đến viết lách. Rào cản của việc viết truyện đó là người viết cảm thấy cô đơn và biệt lập. Ý tưởng này kích thích ý tưởng khác, tình yêu với viết lách rất dễ lây."

Đến lượt Martha thấy ấn tượng với Mildred. "Tôi bị cô ấy hấp dẫn ngay lập tức," cô viết. Mildred cho thấy sự kết hợp lí tưởng của sức mạnh và sự tinh tế. "Cô ấy nói và bày tỏ ý kiến chậm rãi, lặng lẽ lắng nghe, đôi mắt to màu xanh lam và xám trông nghiêm túc... cân nhắc, đánh giá và cố gắng thấu hiểu."

Tham tán Gordon dìu Martha vào xe cùng một thư kí lễ tân trẻ tuổi có nhiệm vụ đi cùng cô đến khách sạn, nơi gia đình Dodd sẽ sống cho đến khi thuê được ngôi nhà thích hợp. Cha mẹ cô đi xe riêng cùng với Gordon, Messersmith và phu nhân. Xe của Martha tiến về phía nam, qua sông Spree vào thành phố.

Cô nhận thấy những đại lộ dài, thẳng tắp gợi nhớ đến mạng lưới đường bộ ngang dọc, cứng nhắc ở Chicago, nhưng sự tương đồng chỉ đến mức đó thôi. Không như cảnh quan đầy rẫy những tòa nhà chọc trời cô từng đi qua mỗi ngày tại Chicago, hầu hết những tòa nhà ở đây đều khá thấp, chỉ cao khoảng năm tầng gì đó, chúng củng cố thêm ấn tượng về thành phố thấp lùn và bằng phẳng. Hầu hết các tòa nhà trông rất cũ kĩ, chỉ vài tòa nhà trông còn mới, với các bức tường kính, mái bằng và mặt tiền uốn cong - tác phẩm của Walter Gropius[38], Bruno Taut và Erich Mendelsohn, tất cả đều bị Quốc xã kết tội là những kẻ suy đồi, cộng sản và lẽ dĩ nhiên là

Do Thái. Thành phố đầy màu sắc và sức sống. Có mấy xe buýt hai tầng, xe lửa S-Bahn và xe điện màu sắc sặc sỡ, với những sợi dây xích bắn ra các tia lửa màu xanh đẹp mắt. Mấy chiếc xe trần thấp nhẹ nhàng phóng qua, hầu hết đều sơn đen, nhưng vài xe sơn màu đỏ, màu kem và xanh thẫm. Nhiều xe có thiết kế lạ lùng: xe Opel 16 PS đáng ngưỡng mộ, xe Horch với hình trang trí cánh cung đang giương tên trên mui xe, và những chiếc Mercedes đâu đâu cũng có sơn đen, trần thấp, mạ viền chromium[39]. Bản thân Joseph Goebbels cũng đưa vào bài diễn văn chán ngắt của hắn ta nhịp sống đầy năng lượng của thành phố này, thể hiện trong khu mua sắm nổi tiếng nhất, Kurfürs- tendamm. Tuy nhiên, bài phát biểu đó không nhằm khen ngợi mà có ý lên án, gọi con phố là "mặt rỗ" của thành phố. "Xe điện rung chuông inh ỏi, xe buýt kêu leng keng khi kéo còi, nhồi nhét toàn người là người, xe taxi và các xe cá nhân đẹp mắt phóng rì rì, trên đường trải nhựa bóng loáng," hắn viết. "Hương thơm nước hoa nồng nàn thoảng qua. Những ả gái điếm mỉm cười từ các bức tranh vẽ chân dung phụ nữ thượng lưu đầy nghệ thuật bằng phấn màu. Những kẻ được gọi là đàn ông đi dạo tới lui, những chiếc kính một mắt sáng lấp lóa, các viên đá quý hàng xịn lẫn giả mạo lấp lánh." Hắn viết, Berlin đã từng là một "hoang mạc đá" đầy tội lỗi, hư hỏng và dân cư sống ở đây "xem cái chết nhẹ tựa lông hồng".

[38] Walter Gropius, Bruno Taut và Erich Mendelsohn là những kiến trúc sư nổi tiếng người Đức đương thời.

[39] Chromium: một nguyên tố kim loại trong Bảng Tuần hoàn Các nguyên tố Hóa học.

Tay thư kí trẻ tuổi giới thiệu rất nhiều thắng cảnh. Martha hỏi hết câu này đến câu khác, không để ý là cô đang thử thách sự kiên nhẫn của anh ta. Xe lăn bánh chưa lâu, họ đi qua một quảng trường rộng rãi, ngự trên quảng trường là một tòa nhà hoành tráng xây bằng sa thạch Silesia[40], với bốn tòa tháp cao hơn sáu mươi mét ở bốn góc. Tòa nhà được xây theo "kiến trúc Phục hưng[41] Italia sặc sỡ", một trong các phong cách được mô tả trong cẩm nang hướng dẫn du lịch của Karl Baedeker. Đó là Tòa nhà Quốc hội Đức, nơi cơ quan lập pháp của Đức, Quốc hội triệu tập các cuộc họp, cho đến khi tòa nhà bị hỏa hoạn bốn tháng trước. Một thanh niên người Hà Lan trẻ tuổi - từng là đảng viên Đảng Cộng sản tên là Marimus van der Lubbe - đã bị bắt và bị buộc tội là kẻ phóng hỏa, cùng bốn nghi can khác bị quy là tòng phạm. Cho dù một lời đồn đại được chứng thực rộng rãi cho rằng chính chế độ Quốc xã đã đạo diễn màn phóng hỏa, nhằm khơi lên nỗi sợ hãi một cuộc nổi dậy của Bôn sê vích[42], qua đó được quần chúng ủng

hộ hủy bỏ các đặc quyền dân sự và tiêu diệt Đảng Cộng sản Đức. Phiên tòa sắp tới là chủ đề bàn tán tại Berlin.

[40] Silesia: một khu vực nằm giữa Ba Lan, Cộng hòa Czech và Đức. Phần lớn lãnh thổ của khu vực này nằm ở Ba Lan.

[41] Kiến trúc Phục hưng là phong cách kiến trúc ở châu Âu, từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVII, phục hồi và phát triển các yếu tố trong kiến trúc Hy Lạp và La Mã.

[42] Bôn sê vích: những thành viên của Đảng Cộng sản Liên Xô và các Đảng Cộng sản khác.

Nhưng Martha thấy bối rối. Trái ngược với những gì cô được nghe trong các bản tin, tòa nhà có vẻ vẫn nguyên vẹn. Các tòa tháp vẫn đứng đó, bề ngoài có vẻ không bị sứt sẹo gì. "Ồ, tôi tưởng nó bị cháy rụi rồi chứ!" Cô thốt lên khi xe phóng qua tòa nhà. "Trông nó vẫn bình thường. Kể tôi nghe đã xảy ra chuyện gì đi."

Sau câu này và một tràng những câu hỏi khác đến chính Martha cũng phải thừa nhận là quá ngây thơ, tay thư kí nghiêng người về phía cô, đưa tay lên môi. "Suỵt! Tiểu thư à, cô phải học cách quan sát hơn là hỏi. Cô không được phép nói quá nhiều và hỏi quá nhiều. Đây không phải nước Mỹ và cô không thể nói hết ra những gì mình nghĩ."

Cô giữ im lặng suốt chặng đường còn lại.

Khi đến khách sạn Esplanade, trên con phố Bellevuestrasse râm mát và đáng yêu, Martha cùng cha mẹ được dẫn lên các căn phòng do đích thân Messersmith thu xếp.

Dodd thấy khiếp sợ, còn Martha thì bị mê hoặc.

Đây là một trong những khách sạn đẹp nhất Berlin, với các ngọn chúc đài và lò sưởi cỡ lớn, hai sân sau có mái che bằng kính. Một trong số hai sân - Palm Courtyard - nổi tiếng vì là nơi tổ chức các buổi khiêu vũ tiệc trà, nơi người dân Berlin lần đầu tiên được nhảy vũ điệu 4/4 Charleston. Greta Garbo[43] cũng như Charlie Chaplin đã từng ở khách sạn này. Messersmith đã đặt trước dãy phòng hạng sang, gồm một phòng có giường đôi lớn và nhà tắm riêng, hai phòng đơn cũng có nhà tắm riêng, một phòng khách, cùng một phòng hội nghị. Tất cả được sắp xếp ngay ngắn dọc tiền sảnh theo số chẵn, từ phòng 116 đến phòng 124. Trên các bức tường hai phòng tiếp tân bọc đầy vải thêu kim tuyến. Những đóa hoa do khách trọ có nhã ý trao tặng tỏa hương ngào ngạt như mùa

xuân khắp dãy phòng, quá nhiều hoa, Martha nhớ lại, "không đủ chỗ mà dọn vào nữa - các bông phong lan và hoa loa kèn có mùi hương rất hiếm, những bông hoa đủ màu sắc và hình dạng." Khi bước vào dãy phòng, cô viết, "chúng tôi chết ngạt vì hương hoa". Nhưng sự sang trọng này vi phạm từng nguyên tắc lí tưởng Jefferson mà Dodd tuân thủ suốt cuộc đời ông. Trước khi tới đây, ai cũng biết Dodd nói rằng ông muốn "những khu phố khiêm nhường trong một khách sạn nho nhỏ," Messersmith viết. Ông ta thấu hiểu khao khát của Dodd muốn được sống "một cách giản dị và kín đáo nhất", nhưng cũng biết rằng "các quan chức và dân chúng Đức sẽ không hiểu điều đó".

[43] Greta Lovisa Gustafsson (1905 - 1990): nữ diễn viên nổi tiếng người Mỹ gốc Thụy Điển.

Còn một yếu tố khác. Các nhà ngoại giao Mỹ và quan chức Bộ Ngoại giao đã luôn luôn ở Esplanade. Làm ngược lại điều này hẳn sẽ được xem là vi phạm nghiêm trọng truyền thống và nghi thức ngoại giao.

Gia đình Dodd đã yên vị. Bill Jr. và chiếc Chevrolet phải một lúc lâu nữa mới đến. Dodd cầm theo quyển sách rút vào phòng ngủ, Martha nhận thấy mọi chuyện rất khó hiểu. Các tấm thiệp mừng của khách trọ có nhã ý tiếp tục được gửi đến, kèm theo là ngày càng nhiều hoa. Cô cùng mẹ sợ hãi ngồi ngắm thế giới xa hoa xung quanh mình, "tuyệt vọng tự hỏi tiền đâu trả cho những thứ này nếu không bán linh hồn cho quỷ".

Cuối buổi tối hôm đó, sau khi trấn tĩnh lại, gia đình Dodd xuống nhà hàng khách sạn ăn tối, nơi Dodd nhớ lại hình ảnh một người Đức đã lãng quên mấy thập niên và cố gắng pha trò với các bồi bàn. Martha viết, ông "có khiếu hài hước xuất sắc". Các bồi bàn vốn đã quen với thái độ hống hách, độc đoán của những người quyền quý và quan chức Quốc xã, nên không biết phản ứng thế nào, đành tỏ ra lịch sự đến mức Martha thấy gần như là xun xoe. Đồ ăn ngon lành, nhưng toàn đồ ăn Đức truyền thống và khó tiêu, cô nhận xét, cần phải đi dạo sau bữa tối cho tiêu bớt.

Rời khách sạn, gia đình Dodd rẽ trái, tản bước dọc phố Bellevuestrasse qua các bóng cây và vùng tối nơi đèn đường không chiếu tới. Ánh sáng mờ mờ gợi Martha nhớ đến những thị trấn nông thôn nước Mỹ say ngủ lúc đêm muộn. Cô chẳng thấy bóng người lính hay cảnh sát nào. Ban đêm dễ chịu và đáng yêu, cô viết, "mọi thứ thật thanh bình, lãng mạn, lạ lùng và hoài cổ."

Họ đi tiếp đến cuối đường, băng qua một quảng trường nhỏ vào Tiergarten, được xem như Công viên Trung tâm[44] của Berlin. Dịch ra thì cái tên này nghĩa là "vườn thú" hoặc "vườn dã thú", có liên quan đến quá khứ xa xôi, khi đây vốn là nơi săn bắn của hoàng gia. Chỗ này giờ là công viên rộng 255 héc ta đầy cây cối, lối đi bộ, đường cưỡi ngựa và những bức tượng trải dài về phía tây, từ Cổng Brandenburg đến quận dân cư giàu có và khu mua sắm Charlottenburg. Con sông Spree chảy dọc theo rìa phía bắc vườn thú nổi tiếng của thành phố. Vào ban đêm, công viên đặc biệt quyến rũ. Một nhà ngoại giao người Anh đã viết, "Trong Tiergaten, những ngọn đèn nhỏ lấp ló giữa những cây nhỏ, trên mặt cỏ tràn ngập đom đóm, trông như cả nghìn mẩu thuốc lá cháy đỏ."

[44] Công viên Trung tâm ở Thành phố New York, Mỹ.

Gia đình Dodd tiến vào Siegesallee - Đại lộ Chiến thắng - dọc hai bên là chín mươi sáu bức tượng đủ các kích cỡ và tượng bán thân các nhà lãnh đạo Phổ xa xưa. Trong số này có Frederick Đại Đế[45] cùng nhiều người mang tên Frederick nhưng kém danh giá hơn, có cả những ngôi sao một thời tỏa sáng như Bá tước Albert[46], Hoàng tử Henry[47] và Otto V[48]. Người dân Berlin gọi họ là Puppen - những con búp bê. Dodd kể lể dông dài về tiểu sử từng người, khoe vốn kiến thức về nước Đức ông học được ở Leipzig ba mươi năm trước. Martha đoán chắc rằng dự cảm không lành của ông đã tan biến. "Tôi chắc rằng tối nay là một trong những buổi tối hạnh phúc nhất của chúng tôi ở Đức," cô viết. "Tất cả chúng tôi đều vui vẻ và bình an."

[45] Frederick Đại Đế - Frederick II (1712 - 1786): vị vua tài giỏi của nước Phổ, đã đưa nước Phổ trở thành một cường quốc ở châu Âu.

[46] Albert the Bear (1100 - 1170): Bá tước vùng Anhalt, nước Đức thời Trung đại.

[47] Henry I vùng Hesse (1244 - 1308): người đã lập nên triều đại Brabant của vùng Hesse.

[48] Vua Louis II không có con, và sau khi chết năm 1365, em trai ông, Otto V, sinh năm 1346, lên làm Bá tước và Tuyển hầu vùng Brandenburg. Chưa từng tìm được ai phù hợp hơn với biệt danh Otto Lười nhác đến thế. Ông hoàn toàn chẳng chú ý gì đến trách nhiệm trong chính phủ, cho đến khi Hoàng đế Charles chịu đựng quá đủ và ép ông phải từ chức.

Cha cô đã đem lòng yêu nước Đức, kể từ khi học tại Leipzig, hồi ấy ngày nào cũng có một phụ nữ trẻ mang hoa violet vào phòng ông. Giờ đây vào đêm đầu tiên này, khi mọi người cùng sải bước dọc Đại lộ Chiến thắng, Martha cũng cảm thấy trào dâng tình yêu với quốc gia này. Toàn bộ bầu không khí của Berlin chẳng giống như những gì cô xem trên báo. “Tôi cảm thấy báo chí đã nói xấu đất nước này. Tôi muốn lên tiếng về sự ấm áp và thân thiện của người dân, về đêm hè dịu mát với hương thơm của cây cối, hoa cỏ, cùng với cảnh thanh bình trên các con phố.”

Hôm ấy là ngày 13 tháng 07 năm 1933.

Phần II
TÌM NHÀ Ở ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ

Đại sứ Dodd tại bàn làm việc

Chương 6
CÁM DỖ

Trong vài ngày đầu tiên ở Berlin, Martha bị cảm lạnh.

Khi cô đang dần hồi phục ở khách sạn Esplanade, một vị khách đến thăm cô. Một phụ nữ Mỹ tên là Sigrid Schultz, người từng có mười bốn năm làm phóng viên báo chí tại Berlin cho tờ báo cũ của Martha, Chicago Tribune, và hiện giờ làm phóng viên chính tại Trung Âu. Schultz bốn mươi tuổi, cao một mét sáu mươi - bằng Martha - tóc vàng và mắt xanh. "Nấm lùn bé bỏng," Martha nói, với "một suối tóc vàng óng". Bất chấp thân hình mập mạp và nét mặt trẻ thơ, các phóng viên đồng nghiệp cũng như các quan chức Quốc xã đều biết cô ta là người ngoan cường, kiên trì, dám nói và cực kì không biết sợ. Cô ta luôn nằm trong danh sách khách mời của từng nhà ngoại giao, thường xuyên có mặt tại các bữa tiệc do Goebbels, Göring và các quan chức Quốc xã khác tổ chức. Göring sung sướng đến vô lí khi gọi cô ta là "con rồng đến từ Chicago".

Schultz và Martha ban đầu chuyện phiếm vô thưởng vô phạt, nhưng không lâu sau chủ đề thảo luận quay về sự biến đổi nhanh chóng của Berlin trong sáu tháng qua, kể từ khi Hitler làm Thủ tướng. Schultz kể những câu chuyện về bạo lực chống dân Do Thái, các nhà cộng sản và bất kì ai Quốc xã xem là không ủng hộ bước chuyển mình của họ. Trong một số vụ, các nạn nhân là công dân Mỹ.

Martha phản đối, cho rằng Đức đang trong giai đoạn tái sinh mang tính lịch sử. Những biến cố này có chăng cũng chỉ do lòng nhiệt tình thái quá lan tràn khắp đất nước này. Từ khi đến đây, đã vài ngày qua, Martha chẳng thấy điều gì chứng thực các câu chuyện của Schultz.

Tuy nhiên, Schultz vẫn tiếp tục kể về những vụ đánh đập và bắt

bớ khác thường trong các trại "hoang dã" - các nhà tù đặc b i ệt mọc lên như nấm trên toàn quốc, dưới sự kiểm soát của các lực lượng bán quân sự Quốc xã - và trong các nhà tù đúng nghĩa, giờ được biết đến như các trại tập trung. Từ tiếng Đức gọi là Konzentrationslager, hay KZ. Một trại tập trung như thế được thành lập vào ngày 22 tháng 03 năm 1933, sự tồn tại của nó được một tư lệnh cảnh sát Munich trước kia là nông dân nuôi gà, tên là Heinrich Himmler, tiết lộ tại một buổi họp báo. Trại này vốn là một nhà máy đạn dược cách Munich một đoạn đường xe lửa ngắn, ngay bên ngoài ngôi làng Dachau quyến rũ, hiện là nơi giam giữ hàng trăm tù nhân, có thể lên đến hàng ngàn - chẳng ai biết được. Đa số đều bị bắt không phải do phạm tội gì cụ thể, mà họ bị đưa vào đây để được "chăm sóc bảo vệ". Các tù nhân này không phải dân Do Thái, đúng hơn là chưa phải, mà là các nhà cộng sản và thành viên của Đảng Dân chủ Xã hội, phải chịu đựng những điều kiện kỉ luật khắc nghiệt.

Martha ngày càng bực tức khi Schultz cố gắng bôi đen hình ảnh đẹp đẽ về nước Đức của mình, nhưng cô yêu thích Schultz, nhận thấy cô ta sẽ là một người bạn rất giá trị, căn cứ theo phạm vi các mối quan hệ rộng của cô ta với các phóng viên và nhà ngoại giao. Họ chia tay nhau trong hòa nhã, nhưng Martha vẫn giữ nguyên quan điểm: cuộc cách mạng đang bùng nổ quanh mình là một chương hào hùng, có thể mở ra một nước Đức mới mẻ và lành mạnh.

"Mình không tin tất cả các câu chuyện của chị ấy," sau này Martha viết. "Mình nghĩ rằng chị ấy nói quá lên và có hơi kích động." Khi Martha rời khách sạn, cô không chứng kiến vụ bạo lực nào, chẳng thấy ai đang co rúm trong sợ hãi, chẳng cảm thấy sự đàn áp nào. Thành phố thật thú vị. Cô thích thú với những gì Goebbels đã lên án. Đi khỏi khách sạn một quãng ngắn, rẽ phải rời xa vùng xanh ngút mắt của Tiergarten, cô đến Potsdamer Platz, một trong những giao lộ nhộn nhịp nhất thế giới, với ngọn đèn đường chia năm hướng nổi tiếng, được xem là ngọn đèn giao thông được lắp đặt sớm nhất châu Âu. Berlin chỉ có 120.000 xe ô tô, nhưng vào bất kì thời điểm nào, toàn bộ xe cũng đều tập trung tại đây, như bầy ong bay về tổ. Người ta có thể ngắm dòng xe và người cuồn cuộn, từ một chiếc bàn ngoài trời của quán cà phê Josty. Một công trình kiến trúc nữa cũng hiện diện ở đây, đó là Haus Vaterland, một hộp đêm năm tầng có khả năng phục vụ sáu nghìn người đến ăn tối với mười hai nhà hàng. Trong đó bao gồm một quán bar Miền Tây Hoang Dã, với các hầu bàn đội mũ cao bồi rộng, và Nhà hàng Rượu Tầng thượng Rhineland, nơi cứ mỗi giờ, các vị khách sẽ trải nghiệm một trận bão tố ngắn trong phòng, với sấm, chớp

và một cơn mưa phùn hẳn làm phiền lòng các quý cô ăn mặc điệu đà. "Đúng là một nơi thật lãng mạn, vô tư và đầy sức trẻ, khiến người ta muốn đến đây chơi thâu đêm suốt sáng!" một vị khách đã viết. "Chốn ăn chơi vui nhất tại Berlin."

Đối với một thiếu nữ hai mươi tuổi chưa có việc làm, không phải quan tâm đến tài chính và sớm thoát khỏi cuộc hôn nhân không hạnh phúc, thì Berlin có sức hấp dẫn bất tận. Trong nhiều ngày, cô tham dự buổi "tiệc trà" với một phóng viên Mỹ nổi tiếng, H.R. Knickerbocker - bạn bè thường gọi anh ta là "Knick" - người soạn những câu chuyện cho tờ New York Evening Post. Anh ta dẫn cô đến khách sạn Eden, Vườn Địa đàng khét tiếng, nơi nhà cộng sản xúi giục bạo động Rosa Luxemburg bị đánh suýt chết năm 1919, trước khi bị đưa vào công viên Tiergarten gần đó và giết chết.

Trong phòng trà Eden, Martha và Knick khiêu vũ. Với dáng người gầy còm, thấp lùn, mái tóc đỏ cùng đôi mắt nâu, anh ta dắt cô qua sàn thành thạo và duyên dáng. Cuộc đối thoại không tránh được chủ đề nước Đức. Giống như Sigrid Schultz, Knickerbocker cố gắng giảng giải cho Martha hiểu một chút về hoạt động chính trị tại Đức và đặc tính của bộ máy lãnh đạo mới. Martha không có hứng thú và cuộc đối thoại như lạc đi đâu đó. Những nam giới và phụ nữ Đức xung quanh khiến Martha bị thu hút. Cô yêu mến "kiểu khiêu vũ khô cứng của họ, lắng nghe thứ ngôn ngữ âm yết hầu khó hiểu của họ, ngắm nhìn những cử chỉ đơn giản, hành vi tự nhiên và sự say mê tìm hiểu cuộc sống như trẻ con của họ."

Cô yêu thích những người Đức mình đã gặp cho đến giờ - chắc chắn thích hơn nhiều những người Pháp cô gặp khi đang học tại Paris. Cô viết, không như người Pháp, người Đức "không phải là phường trộm cắp, họ không ích kỷ, nôn nóng, không lạnh lùng và cứng rắn."

Con mắt nhìn đời màu hồng của Martha được nhiều du khách thăm Đức, đặc biệt là ở Berlin, chia sẻ rộng rãi. Thực tế là ngày nào cũng như ngày nào, ở hầu hết các địa phương lân cận, quang cảnh và hoạt động của nước Đức chẳng có gì thay đổi. Người bán xì gà trước cửa khách sạn Adlon, trên phố Unter Den Linden 1, vẫn tiếp tục bán xì gà như cũ (Hitler vẫn tiếp tục xa lánh khách sạn này, thay vào đó hắn ưa thích khách sạn Kaiserhof gần đấy). Sáng sáng, người Đức tụ tập đông đúc tại Tiergarten. Nhiều người cưỡi ngựa đến, còn hàng nghìn người khác thường xuyên đi vào trung tâm thành phố bằng tàu hỏa và xe điện, từ các nơi lân cận như nhà ga Onkel hay Wedding. Đàn ông và phụ nữ ăn mặc sành điệu, ngồi trong quán cà phê Romanisches, uống cà phê và rượu vang,

hút thuốc lá, xì gà, cùng thể hiện chất hài hước dí dỏm thành thương hiệu của người Berlin - Berliner Schnauzer, hay "Chó Berlin[49]". Tại hộp đêm Katakombe, diễn viên hài Werner Finck tiếp tục đùa cợt về chế độ mới, bất chấp nguy cơ bị bắt. Trong một buổi diễn, một khán giả đã gọi anh ta là "tên Do Thái xấu xa", anh ta đáp lại, "Tôi không phải Do Thái. Chỉ là trông tôi thông thái thôi." Khán giả cười phá lên khoái trá.

[49] Tại Berlin, khi gặp nhau người ta thường hay kể về vật nuôi của mình, còn bản thân họ thì không nói đến. Thay vì sự thân thiện, họ được biết đến với một chút gì đó lỗ mãng, khiếm nhã, với những cái tên không mấy hay ho như Berlin snout. Nhưng vẻ ngoài lạnh lùng và những lời nói ấy lại che giấu một trái tim lớn.

Những ngày tốt đẹp vẫn êm đềm trôi. Tiểu thuyết gia Christopher Isherwood viết trong cuốn Những câu chuyện Berlin của mình, "Mặt trời lên và Hitler là chủ nhân của thành phố này. Mặt trời lên, hàng chục người bạn của tôi... bị cầm tù, có thể là đã chết." Bầu không khí bình yên này thật có sức quyến rũ. "Bước vào một cửa hàng, tôi bắt gặp hình ảnh mình trong gương và choáng váng khi thấy mình đang mỉm cười," Isherwood viết. "Bạn không thể không mỉm cười trước thời tiết đẹp thế này." Những chiếc tàu điện vẫn di chuyển như thường lệ, tương tự khách bộ hành vẫn bước trên các con phố. Mọi thứ xung quanh chìm trong "bầu không khí quen thuộc đến lạ lùng, có sự tương đồng kinh ngạc với điều gì đó bình thường và êm dịu trong quá khứ - như một bức ảnh tuyệt đẹp."

Tuy nhiên, ẩn dưới bề mặt ấy, nước Đức trải qua một cuộc cách mạng nhanh chóng và có ảnh hưởng sâu rộng, ăn sâu vào sợi tơ liên kết cuộc sống hằng ngày. Nó diễn ra âm thầm và trên quy mô lớn, nhưng không dễ nhận thấy. Cốt lõi của nó là một chiến dịch của Chính phủ có tên là Gleichschaltung - nghĩa là "Đồng bộ hóa"- làm sao để các công dân, các bộ của Chính phủ, các trường đại học, các cơ sở xã hội, văn hóa cùng hòa nhịp niềm tin và thái độ của họ với Quốc xã.

"Đồng bộ hóa" xảy ra với tốc độ kinh ngạc, ngay cả trong các mặt cuộc sống không trở thành mục tiêu trực tiếp của các luật cụ thể, khi người Đức sẵn sàng đặt mình dưới sự thống trị của Quốc xã. Hiện tượng này được biết đến với cái tên Selbstgleichschaltung, hay "tự đồng bộ hóa". Sự thay đổi đối với nước Đức diễn ra quá nhanh và trên phạm vi rộng tới mức, công dân Đức xa quê đi làm ăn hay du lịch khi trở về thấy mọi thứ không còn như xưa, như thể họ đang trong một bộ phim kinh dị. Khi quay về, họ thấy

những ai từng là bạn bè, khách hàng hay bệnh nhân đều khác đi rất khó hiểu. Gerda Laufer, một nhà xã hội học đã viết rằng cô ta cảm thấy "bị chấn động sâu sắc khi những người cô từng coi là bạn, từng quen biết một thời gian dài, thế mà trong tích tắc đã không còn là chính mình".

Những người láng giềng trở nên cáu kỉnh, gắt gỏng, những ghen tị nhỏ nhen bùng lên thành lời tố cáo gửi tới SA - Sư đoàn Bão tố - hoặc lực lượng Geheime Staatspolizei mới thành lập, được biết đến với cái tên viết tắt, Gestapo (GEheime STAatsPOlizei), do một thư kí bưu điện nghĩ ra khi anh ta tìm cách rút ngắn tên gọi cơ quan này. Có hai hiện tượng làm nổi bật danh tiếng nắm chắc mọi diễn biến và ra tay tàn nhẫn của Gestapo. Thứ nhất là bầu không khí chính trị tại Đức mà hễ ai đơn thuần chỉ trích Chính phủ cũng có thể bị bắt. Thứ hai là sự tồn tại của một đám quần chúng không chỉ háo hức muốn tuân thủ và chấp thuận bị đồng bộ hóa, mà còn muốn lợi dụng sự nhạy cảm của Quốc xã, hòng thỏa mãn cái tôi cá nhân và những ghen tức, thù hằn. Một nghiên cứu các ghi chép của Quốc xã cho thấy một mẫu 213 đơn tố cáo, 37% trong số này không phát sinh từ niềm tin chính trị chân thành, mà xuất phát từ những xung đột cá nhân, với động cơ thường chẳng ra đâu vào đâu. Chẳng hạn vào tháng Mười năm 1933, nhân viên bán hàng một cửa hàng tổng hợp tố cáo một khách hàng kì quặc, ương bướng, khăng khăng đòi trả ba đồng mác Đức tiền lẻ. Anh ta tố cáo bà ta trốn thuế. Người Đức tố cáo lẫn nhau với sự khoái trá, đến nỗi các quan chức Quốc xã cao cấp phải kêu gọi dân chúng phải biết phân biệt ở hoàn cảnh nào thì có thể báo cảnh sát. Trong một nhận xét gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp, bản thân Hitler cũng nhận thức rằng, "hiện giờ chúng ta đang sống trong một biển đầy những lời tố cáo và sự hèn hạ của con người."

Một yếu tố trọng tâm của Đồng bộ hóa đó là thi hành "điều khoản Aryan", có hiệu lực cấm dân Do Thái đảm nhận công việc của Chính phủ. Thêm vào đó, các quy định và sự thù hằn địa phương không cho phép dân Do Thái hành nghề dược và luật. Những lệnh cấm này vừa gây phiền hà, vừa ảnh hưởng sâu sắc đến dân Do Thái. Tuy nhiên, người Do Thái hầu như chẳng tạo ấn tượng gì đối với du khách và những qua đường, vì có quá ít dân Do Thái sống tại Đức. Tính đến tháng Một năm 1933, chỉ khoảng 1% trong số sáu mươi lăm triệu người Đức là dân Do Thái. Hầu hết đều sống trong các thành phố lớn, còn một phần không đáng kể sống rải rác khắp cả nước. Gần một phần ba trong số đó - khoảng trên 160.000 người - sống tại Berlin, nhưng họ chưa chiếm đến 4% trong tổng số 4,2 triệu dân của thành phố, nhiều người sống trong các vùng ngoại ô, không nằm trong hành trình của du khách.

Thế nhưng, nhiều cư dân Do Thái vẫn chưa hiểu hết được chuyện gì đang diễn ra. Năm mươi nghìn người đã hiểu và rời khỏi nước Đức vài tuần sau khi Hitler nhậm chức Thủ tướng, nhưng phần lớn vẫn ở lại. "Gần như chẳng ai cho rằng mối đe dọa với dân Do Thái là nghiêm trọng," Carl Suckmayer, một nhà văn Do Thái viết. "Thậm chí nhiều người Do Thái xem những lời huênh hoang, rỗng tuếch bài Do Thái độc ác của Quốc xã chỉ đơn thuần là công cụ tuyên truyền, một đường lối Quốc xã sẽ bỏ quên, ngay sau khi chúng nắm quyền trong Chính phủ và được ủy thác gánh vác trách nhiệm công". Cho dù trong Sư đoàn Bão tố lan truyền một bài hát có tựa đề "Khi lưỡi dao chúng ta thấm máu dân Do Thái", nhưng vào thời điểm gia đình Dodd đến đây, bạo lực chống dân Do Thái đã bắt đầu suy yếu. Các vụ bạo lực đều xảy ra lác đác, cục bộ. "Rất dễ rơi vào cảm giác an toàn," sử gia John Dippel đã viết trong khi nghiên cứu lí do tại sao nhiều dân Do Thái quyết định ở lại Đức. "Nhìn bề ngoài, nhiều mặt của cuộc sống bình thường vẫn như trước khi Hitler lên nắm quyền. Quốc xã tấn công dân Do Thái như các cơn bão mùa hè đến rồi đi rất nhanh, bỏ lại một khung cảnh yên bình đến quái lạ."

Dấu ấn dễ thấy nhất của chiến dịch Đồng bộ hóa đó là sự xuất hiện bất ngờ của kiểu chào Quốc xã, hay Hitlergruss. Kiểu chào này xa lạ với thế giới bên ngoài, đến nỗi Tổng Lãnh sự Messersmith phải soạn ngay một thông điệp gửi nhanh cụ thể về chủ đề này, vào ngày 08 tháng 08 năm 1933. Ông viết, trong thế giới hiện đại kiểu chào này chưa từng có, ngoại trừ kiểu chào nghiêm túc hơn của quân đội khi có mặt cấp trên. Điều khiến nó trở nên độc đáo đó là bất kì ai cũng đều phải chào, ngay cả giữa thường dân với nhau. Người bán hàng chào khách hàng. Trẻ em được dạy phải chào thầy giáo vài lần mỗi ngày. Khi kết thúc các màn trình diễn trong nhà hát, một quy định mới ban ra là khán giả đứng dậy chào, rồi hát đầu tiên là quốc ca Đức, "Deutschland über Alles", tiếp theo là bài ca Sư đoàn Bão tố, "Horst Wessel Lied" hoặc "Horst Wessel Song". Bài ca này mang tên của người sáng tác ca khúc, một kẻ sát nhân SA bị các nhà cộng sản giết chết, nhưng được bộ máy tuyên truyền của Quốc xã sau này hô biến thành một anh hùng. Dân chúng Đức say sưa, thích thú với kiểu chào này, lập tức chào liên tục không ngừng rất tức cười, đặc biệt trong hành lang các tòa nhà công cộng, nơi mọi người từ anh đưa thư thấp kém nhất, đến quan chức cao quý nhất đều chào kiểu Quốc xã với nhau, khiến quãng đường đến nhà vệ sinh trở nên khá vất vả.

Messersmith không chịu chào kiểu Quốc xã mà chỉ đứng im lặng, nhưng ông hiểu rằng đối với người Đức bình thường làm thế là không đủ. Thậm chí có những lúc, ông cảm thấy sức ép thật sự

phải làm theo. Cuối một buổi tiệc trưa ông tham gia tại thành phố cảng Kiel, tất cả khách mời cùng đứng dậy giơ cao cánh tay phải lên hát quốc ca và bài "Horst Wessel Song". Messersmith đứng im tôn trọng, như ông hẳn sẽ làm thế ở Mỹ nếu ca khúc "Star-Spangled Banner ", quốc ca Hoa Kỳ, được tấu lên. Nhiều vị khách khác trong số này, bao gồm một số thành viên Sư đoàn Bão tố, nhìn ông trừng trừng và xì xào như thể đang cố gắng đoán danh tính của ông. "Tôi cảm thấy thật sự may mắn khi sự cố này xảy ra sau những cánh cửa đóng kín, và xung quanh tôi đều là những người thông minh," ông viết, "vì nếu nó diễn ra giữa đám đông trên phố, hoặc trong một cuộc biểu tình, sẽ chẳng ma nào thèm hỏi tôi là ai, và tôi hẳn sẽ bị tra tấn theo những cách không thể tưởng tượng nổi". Messersmith khuyên các vị khách người Mỹ phải cố đoán trước khi nào cần hát, khi nào cần chào, để mà còn về sớm.

Khi Đại sứ Dodd thi thoảng chào kiểu đó để chế nhạo, Messersmith chẳng lấy gì làm vui.

Trong tuần thứ hai ở Berlin, Martha phát hiện ra mình vẫn chưa rũ bỏ hẳn quá khứ như cô hi vọng.

Chồng cũ của Martha là Bassett, đã đến thành phố làm nhiệm vụ bí mật gọi là "Sứ mệnh Berlin", hòng giành lại trái tim Martha.

Anh đặt phòng tại khách sạn Adlon. Họ có thấy nhau vài lần, nhưng Bassett không có cơ hội thực sự tiếp cận Martha để ỉ ôi như ý muốn. Mà đúng hơn anh gặp phải sự thờ ơ xã giao. "Em còn nhớ chúng ta đạp xe đi chơi qua công viên không," sau này anh viết. "Em tuy thân thiện, nhưng anh cảm nhận được sự lạnh nhạt giữa hai ta."

Như để khiến vấn đề tồi tệ hơn, đến khi hết thời hạn lưu trú, Bassett bị cảm lạnh nặng. Anh nằm bẹp trên giường, vừa đúng lúc Martha đến thăm lần cuối trước khi anh về nước.

Anh biết rằng Sứ mệnh Berlin của mình đã thất bại vào lúc Martha bước vào phòng. Đi theo cô là người anh trai, Bill Jr.

Đó là khoảnh khắc vô tình tàn nhẫn. Cô biết rằng Bassett sẽ hiểu thật chính xác, vì cô đã quá mệt mỏi. Cô đã từng yêu anh, nhưng quan hệ của họ đầy những hiểu lầm và những xung đột về nhu cầu. Như Martha sau này nói rõ, ở nơi đã từng có tình yêu giờ chỉ còn lại những "tro tàn", và chừng ấy tình yêu là không đủ.

Bassett đã hiểu. "Em đã có tình yêu mới," anh viết. "Sao có thể

trách em chứ!"

Anh tặng hoa cho cô, thừa nhận thất bại. Tấm thiệp gửi kèm bắt đầu với dòng chữ, "Gửi vợ cũ đáng yêu và quyến rũ của anh."

Anh quay về Mỹ, đến vùng Larchmont, New York, sống cuộc đời đơn giản xén cỏ, chăm sóc cây ngô đồng ở khoảnh sân sau, tối thì đi đánh chén và sáng bắt tàu hỏa đến ngân hàng làm việc. Sau này anh viết, "Anh không hoàn toàn chắc chắn em sẽ hạnh phúc khi làm vợ một nhà kinh tế ngân hàng, bận rộn suốt với thư từ của ngân hàng, chăm sóc một gia đình, với con cái rồi học hành các thứ."

Liên hệ của Martha với Sigrid Schultz sớm phát triển theo chiều hướng tốt. Schultz tổ chức một buổi tiệc chào mừng dành cho Martha ngày 23 tháng 07 năm 1933, có mời một số người bạn thân nhất của cô ta, trong số này có một phóng viên nữa, Quentin Reynolds, người viết bài cho Hearst News Service. Martha và Reynolds ngay lập tức tâm đầu ý hợp với nhau. Anh ta to lớn và vui vẻ, với mái tóc xoăn và đôi mắt dường như luôn luôn có nét như sắp cười - cho dù anh ta cũng có tiếng là cứng đầu, hay hoài nghi và thông minh.

Họ gặp lại nhau năm ngày sau đó trong một quán bar tại khách sạn Esplanade, cùng anh trai của Martha. Giống như Schultz, Reynolds quen biết tất cả mọi người và cố gắng kết bạn với một số quan chức Quốc xã, bao gồm một người bạn tâm giao của Hitler, với cái tên đọc muốn cắn lưỡi là Ernst Franz Sedgwick Hanfstaengl. Là sinh viên tốt nghiệp trường Harvard, có mẹ sinh tại Mỹ, Hanfstaengl được biết đến là người chơi piano cho Hitler vào buổi đêm muộn, nhằm xoa dịu thần kinh kẻ độc tài. Anh không chơi nhạc của Mozart hay Bach. Phần lớn là nhạc của Wagner và Verdi, Liszt và Grieg, vài bản của Strauss và Chopin.

Martha muốn gặp gỡ anh ta. Reynolds biết một người bạn phóng viên của anh ta sắp tổ chức một bữa tiệc nơi Hanfstaengl dự kiến sẽ được mời, và ngỏ ý dẫn cô đi cùng.

Chương 7
XUNG ĐỘT TIỀM ẨN

Dodd đi bộ từ khách sạn Esplanade đến văn phòng của mình mỗi sáng, mười lăm phút đi dạo dọc theo Tiergartenstrasse, con phố hình thành ranh giới phía nam công viên. Ở phía nam là các cơ ngơi với những mảnh đất xanh ngắt và hàng rào sắt rèn, nhiều dinh thự thuộc các đại sứ quán và lãnh sự quán. Phía bắc chính là công viên, sum suê cây cối và nhiều tượng, các lối đi chìm trong bóng râm của buổi sáng. Dodd gọi nó là "công viên đẹp nhất tôi từng thấy". Cuộc đi bộ nhanh chóng trở thành hoạt động ông ưa thích trong ngày. Văn phòng của ông nằm trong tổ hợp văn phòng đại sứ quán trên con phố ngay bên phải công viên, Bendlerstrasse, còn gọi là "Bendler Block". Ở đây còn có một dãy các tòa nhà hình chữ nhật, nhợt nhạt, thấp lè tè được xem là trụ sở quân đội Đức chính quy, Quân Phòng vệ Đế chế.

Một bức ảnh Dodd đang làm việc tại trụ sở của ông, ngay tuần đầu tiên hoặc lâu hơn thế tại Berlin, chụp ông đang ngồi tại một chiếc bàn lớn, được chạm khắc công phu. Trên bức tường sau lưng là tấm thảm thêu, bên tay trái là chiếc điện thoại to và phức tạp cách ông khoảng tầm mét rưỡi. Có nét khôi hài nào đó ở bức ảnh này:

Dodd, dáng người mảnh khảnh, cổ cồn trắng cứng nhắc, mái tóc bôi sáp thơm và rẽ ngôi giản dị, nghiêm nghị nhìn chằm chằm vào máy ảnh, hình dáng của ông như lọt thỏm giữa bối cảnh xung quanh. Bức ảnh khiến những ai thất vọng vì vụ tuyển mộ Dodd ở Bộ Ngoại giao cười lăn lộn. Phó Ngoại trưởng Phillips trong lá thư gửi Dodd kết thúc bằng câu, "Bức ảnh chụp ngài ngồi tại bàn trước tấm thảm tuyệt đẹp ai ai cũng biết và là bức ảnh ấn tượng nhất."

Dù làm gì, Dodd dường như cũng đều vi phạm khía cạnh nào đó của nguyên tắc đại sứ quán, ít nhất là dưới con mắt Tham tán của ông, George Gordon. Dodd khăng khăng đòi đi bộ đến dự những

cuộc họp với các quan chức Chính phủ. Một lần, khi ghé thăm Đại sứ quán Tây Ban Nha gần đó, ông rủ Gordon đi bộ cùng mình, cả hai mặc áo choàng đi bộ và đội mũ lụa. Trong lá thư kể Thornton Wilder nghe về cảnh này, Martha đã viết rằng Gordon "trông rất khổ sở như bị ngập máu". Khi Dodd lái xe đi đâu đó, ông thường lái con Chevrolet của mình, thấp kém hơn hẳn những chiếc Opel và Mercedes yêu thích của các quan chức Đế chế. Ông ăn mặc giản dị, hay có những câu đùa cợt châm biếm. Thứ Hai, ngày 24 tháng 07, ông phạm phải một lỗi tày trời. Tổng Lãnh sự Messersmith đã mời ông cùng Gordon tham dự một cuộc họp với tay dân biểu Mỹ sang thăm Đức, sẽ được tổ chức tại văn phòng của Messersmith ở tòa lãnh sự Mỹ, chiếm hai tầng dưới của một tòa nhà đối diện khách sạn Esplanade. Dodd đến văn phòng của Messersmith trước Gordon, vài phút sau thì điện thoại reo. Kết thúc cuộc gọi, Messersmtih cho biết Gordon không đến. Lí do đơn giản chỉ là thấy bực mình. Theo quan điểm của Gordon, Dodd đã "tự xem thường" chính mình và chức vụ của ông ta, khi hạ mình đến dự cuộc họp với người có chức vụ thấp hơn. Dodd nhận xét trong nhật kí, "Gordon là tay chuyên nghiệp, cần mẫn và câu nệ đến khủng khiếp."

Dodd không thể trình quốc thư - "Ủy Nhiệm Thư" - lên Tổng thống Đức Hindenburg ngay lập tức, một yêu cầu theo nghi thức ngoại giao, vì Hindenburg thấy không khỏe nên đã rút về điền trang của ông ta tại Neudeck, Đông Phổ để dưỡng bệnh, phải đến cuối hè mới quay lại. Nên Dodd vẫn chưa chính thức được thừa nhận là đại sứ, và ông tận dụng quãng thời gian này tự làm quen với các chức năng cơ bản như xử lí các điện thoại ở Đại sứ quán, các mật mã điện tín và giờ giấc các cặp ngoại giao được gửi đi từ Đại sứ quán. Ông gặp gỡ một nhóm phóng viên người Mỹ, sau đó là gần hai mươi phóng viên Đức. Đúng như Dodd lo ngại, họ là những người đã đọc bải viết trên tờ Hamburger Israelitisches Familienblatt của Do Thái, nội dung cho rằng ông "đến Đức để hiệu chỉnh lại những sai lầm đối với dân Do Thái". Dodd đoán được trong thái độ của họ sự "bất mãn thoáng qua".

Ông nhanh chóng nếm đủ hương vị cuộc sống của nước Đức mới. Vào ngày đầu tiên ở Berlin, nội các của Hitler đã ban hành một luật mới, có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 1934, gọi là Luật Ngăn chặn Sinh con Mắc bệnh Di truyền - cho phép tiến hành thủ thuật làm vô sinh đối với các cá nhân có những khiếm khuyết về tinh thần và thể chất. Ông cũng biết nhân viên trong Đại sứ quán và tòa lãnh sự của Messersmith tin rằng chính quyền Đức đang chặn thư đi thư đến, rằng điều này đang buộc Messersmith phải có những biện pháp lạ thường, nhằm đảm bảo thư tín nhạy cảm

gửi sang Mỹ không bị đọc lén. Tổng Lãnh sự lúc này phái các bưu tá trao tận tay thư từ cho thuyền trưởng các tàu biển sang Mỹ, ở bến cảng, nước Mỹ sẽ cử mật vụ ra nhận thư.

Một trong các nhiệm vụ hàng đầu Dodd tự đặt ra cho mình là hiểu thấu được tài năng và điểm yếu của các nhân viên Đại sứ quán, bao gồm các bí thư thứ nhất và thứ hai, cùng rất nhiều thư kí, người viết tốc kí và nhiều nhân viên khác làm việc ngoài văn phòng đại sứ. Ngay từ đầu, Dodd nhận thấy thói quen làm việc của họ rất uể oải. Các nhân viên cao cấp hơn của ông đến cơ quan mỗi ngày vào bất kì giờ nào họ muốn, rồi đều đặn lủi đi săn hoặc chơi golf ở đâu đó. Ông thấy gần như tất cả đều là thành viên của một câu lạc bộ golf ở quận Wannsee, phía tây nam trung tâm Berlin. Nhiều người rất giàu có nhờ nguồn tiền khác, tuân thủ các truyền thống của ngành Ngoại giao, tiêu tiền không cần đếm, cả tiền của riêng họ lẫn tiền của Đại sứ quán. Dodd đặc biệt khiếp hãi trước số tiền họ tiêu cho cước đường truyền quốc tế. Các tin nhắn vừa dài dòng, vừa rời rạc làm đội giá lên đến vô lí.

Trong ghi chép báo cáo nhân sự, ông có bổ sung các mô tả về những nhân vật chủ chốt. Ông nhận xét vợ Tham tán Gordon có "khoản thu nhập lớn" và rằng Gordon có thiên hướng hay thay đổi, không kiên định. "Dễ xúc động. Thù địch quá nặng nề với người Đức... những cơn cáu giận của ông ta xảy ra rất nhiều và trầm trọng". Tóm tắt về một trong số các bí thư thứ nhất của Đại sứ quán, cũng là người giàu có, Dodd nhận xét nhanh rằng ông ta "thích đánh giá [về] màu tất của đàn ông". Dodd lưu ý Trưởng phòng Tiếp tân Đại sứ quán, Julia Swope Lewin là người không thích hợp cho nhiệm vụ này, vì bà ta "rất kì thị người Đức" và điều này "gây ấn tượng xấu với những người Đức gọi điện đến đây".

Dodd cũng am tường diễn biến của bối cảnh chính trị diễn ra ngoài bốn bức tường Đại sứ quán. Thế giới trong những thông điệp gửi nhanh của Messersmith lúc này hiện lên sống động ngoài cửa sổ văn phòng ông, dưới bầu trời rạng rỡ của ngày hè. Khắp nơi đều chăng biểu ngữ phối màu rất sặc sỡ: nền đỏ, vòng tròn trắng và ở giữa luôn có "dấu thập ngoặc", hoặc Hakenkreuz, in đậm đen ngòm. Từ "thập ngoặc" vẫn chưa phải là từ dùng nhiều trong Đại sứ quán. Khi đi dạo, Dodd hiểu ý nghĩa nhiều màu sắc trang phục của những người ông gặp phải. Quân phục nâu, có vẻ hiện diện ở khắp nơi, là của Sư đoàn Bão tố, hay là SA. Màu đen là của lực lượng nhỏ hơn, nhưng tinh nhuệ hơn tên là Schutzstaffel, hay SS. Màu xanh da trời là của cảnh sát chính quy. Dodd cũng biết sức mạnh của Gestapo đang tăng lên, và người trẻ tuổi đứng đầu lực lượng này là Rudolf Diels. Hắn ta mảnh khảnh, da ngăm đen và

được xem là đẹp trai, bất chấp một vết sẹo trên mặt, hậu quả từ một màn tỉ thí dùng dao thật do các thanh niên Đức khởi xướng, để chứng tỏ bản lĩnh đàn ông, hồi hắn còn là sinh viên đại học. Cho dù mang vẻ ngoài đáng sợ như kẻ ác trong phim ảnh, nhưng theo lời Messersmith, Diels đã chứng tỏ được mình là kẻ chính trực, hữu ích và sáng suốt, những phẩm chất các cấp trên của hắn như Hitler, Göring hay Goebbels chắc chắn đều không có.

Tương tự, cái thế giới mới mẻ này, theo nhiều cách, đang chứng tỏ nó đa sắc thái và phức tạp hơn nhiều so với Dodd hình dung.

Những rạn nứt sâu sắc tràn qua chính quyền Hitler. Hắn trở thảnh Thủ tướng kể từ ngày 30 tháng 01 năm 1933, khi được Tổng thống Hindenburg bổ nhiệm vào vị trí này, như một phần thỏa thuận do các chính trị gia cấp cao phe bảo thủ đề ra. Họ tin rằng mình có thể kiểm soát được hắn, một quan niệm vào thời điểm Dodd đến đây được thực tế chứng minh là hão huyền. Hindenburg - được biết đến rộng rãi với cái tên Quý ông Già - vẫn là đối trọng cuối cùng đối với quyền lực của Hitler. Vài ngày trước khi Dodd khởi hành, ông ta đã ra tuyên bố công khai phản đối những nỗ lực đàn áp Giáo hội Tin Lành của Hitler. Tự tuyên bố mình như "Giáo đồ Cơ Đốc Phúc Âm", trong một lá thư gửi Hitler đã được công khai, Hindenburg cảnh báo về "nỗi lo lắng cho sự tự do bên trong giáo hội" đang không ngừng tăng lên và rằng nếu những chuyện này còn tiếp tục, "nhân dân và Tổ quốc của chúng ta sẽ phải gánh chịu thiệt hại nặng nề nhất, cũng như làm tổn thương đến đoàn kết dân tộc". Không chỉ có thẩm quyền lập hiến bổ nhiệm thủ tướng mới, trong tay Hindenburg còn nắm đội quân chính quy trung thành với mình, Lực lượng Phòng vệ Đế chế. Hitler hiểu rằng nếu đất nước lại chìm trong hỗn loạn, Hindenburg có thể cảm thấy bức bách phải thay thế Chính phủ và tuyên bố thiết quân luật. Hắn cũng nhận ra nhiều khả năng nhất nguồn cơn gây ra sự bất ổn chính là SA, do người bạn và một đồng minh lâu năm của hắn, Đại tá Ernst Röhm, chỉ huy. Hitler ngày càng nhìn nhận SA như một lực lượng cực đoan và vô kỉ luật, đi chệch khỏi mục đích ban đầu. Röhm lại nghĩ khác: hắn cùng Sư đoàn Bão tố của mình đóng vai trò nòng cốt mang lại cuộc Cách mạng Quốc xã, và giờ đây đổi lại, hắn muốn kiểm soát toàn bộ quân đội quốc gia, bao gồm cả Lực lượng Phòng vệ Đế chế. Quân đội nhận thấy đây là nguy cơ đáng ghê tởm. Béo ị, gắt gỏng, thừa nhận là người đồng tính và là kẻ chơi bời phóng đãng triệt để, Röhm chẳng hề giống một quân nhân được quân đội nể vì. Tuy nhiên, hắn lại chỉ huy quân đoàn một triệu người, với quân số đang tăng lên nhanh chóng. Quân đội chính quy chỉ đông bằng một phần mười quân của hắn, tuy nhiên được đào tạo bài bản và

vũ trang tốt hơn. Tình thế đang sôi sục.

Dodd cho rằng ông đã phát hiện một xu hướng ôn hòa dứt khoát và mới mẻ đâu đó trong chính phủ Đức, ít nhất là so với Hitler, Göring hay Goebbels, những kẻ được ông mô tả như "bọn trẻ mới lớn chơi trò lãnh đạo quốc tế vĩ đại". Chính trong các bộ, bậc thang quyền lực tiếp theo, ông đã thấy lí do để hi vọng. "Họ mong muốn ngừng tất cả hành vi đàn áp dân Do Thái, hợp tác với những thành viên còn lại của Phong trào Chủ nghĩa Tự do Đức," ông viết, "Kể từ ngày chúng ta đến đây, giữa các nhóm này đã xảy ra mâu thuẫn."

Đánh giá của Dodd phần lớn xuất phát từ cuộc chạm trán sớm với Ngoại trưởng Đức, Konstantin Freiherr von Neurath, ít nhất cho đến lúc này, Dodd biết ông ta là thành viên của phe ôn hòa.

Thứ Bảy, ngày 15 tháng 07, Dodd ghé thăm Neurath tại nơi làm việc của ông ta ở Wilhelmstrasse, một đại lộ nằm song song với rìa phía đông của Tiergarten. Có quá nhiều văn phòng Đế chế quan trọng nằm dọc con phố, đến nỗi biến Wilhelmstrasse trở thành từ viết tắt khi muốn nói đến Chính phủ Đức.

Neurath trông đẹp trai với mái tóc màu xám bạc, đôi lông mày đen và hàng ria mép xám cạo thưa, khiến ông ta trông giống một nam diễn viên đóng vai các ông bố. Martha không lâu sau đó cũng gặp ông ta, kinh ngạc trước khả năng che giấu cảm xúc nội tâm của ông ta: cô viết, "gương mặt ông ta hoàn toàn vô cảm - như một gương mặt trên quân bài mà ai cũng biết." Giống như Dodd, Neurath ưa thích dạo bộ, lúc nào cũng làm một vòng qua Tiergarten để bắt đầu một ngày mới.

Neurath tự xem mình như một thế lực đúng mực trong chính phủ và tin rằng mình có thể giúp kiểm soát cả Hitler lẫn đảng của hắn. Như một đồng nghiệp đã chỉ rõ, "ông ta đang cố gắng huấn luyện Quốc xã, biến chúng thành những đối tác thực sự hữu ích trong chế độ dân tộc ôn hòa." Nhưng Neurath cũng cho rằng chính quyền của Hitler có khả năng sẽ tự làm điều đó. Một trong các phụ tá của ông ta viết, "Ông ta luôn tin rằng nếu mình cứ ở yên trong văn phòng, làm tốt bổn phận của mình và duy trì các mối liên hệ với nước ngoài, rồi một ngày đẹp trời nào đó, ông ta sẽ thức dậy và thấy Quốc xã đã biến mất."

Dodd nghĩ ông ta là người "dễ thương nhất", một nhận xét khẳng định quyết tâm của Dodd muốn tỏ ra càng khách quan càng tốt đối với mọi chuyện đang diễn ra tại Đức. Dodd cho rằng Hitler

phải có bên mình các quan chức có cùng phẩm chất giống Neurath. Trong lá thư gửi một người bạn, ông viết, “Hitler sẽ sát cánh với những người thông minh hơn, cùng nhau xoa dịu tình hình căng thẳng.”

Đúng vào ngày kế tiếp, khoảng 13 giờ 30 phút tại Leipzig, thành phố nơi Dodd lấy bằng tiến sĩ, một thanh niên trẻ người Mỹ tên là Philip Zuckerman có buổi đi dạo ngày Chủ nhật cùng vợ, em vợ và ông bố vợ người Đức. Xét đến chuyện họ là dân Do Thái, có lẽ đây là sơ suất lớn nhất của họ vào ngày cuối tuần đặc biệt này, khi mà có gần 140.000 lính Sư đoàn Bão tố càn quét thành phố - một trong những thú vui điên loạn thường xuyên của chúng, ngoài diễu hành, huấn luyện và đặc biệt là rượu chè. Chiều Chủ nhật hôm đó, một cuộc diễu hành lớn bắt đầu tràn qua trung tâm thành phố, dưới các tấm băng rôn Quốc xã ba màu đỏ, trắng và đen dường như đang phấp phới trên mọi tòa nhà. Một rưỡi chiều, một nhóm thanh niên SA tách khỏi đội hình chính, ngoặt vào một đại lộ giao nhau, Nikolaistrasse, nơi gia đình Zuckerman vô tình đang đi dạo.

Khi nhóm SA tách đội hình đi ngang qua, mấy thanh niên đi cuối hàng cho rằng gia đình Zuckerman và họ hàng là dân Do Thái, nên không một lời cảnh báo chúng bao vây họ, đánh họ gục xuống đất, tha hồ đấm đá không thương tiếc xuống người họ. Đánh chán chê rồi chúng bỏ đi.

Zuckerman cùng vợ bị thương nặng đến mức cả hai phải nhập viện cấp cứu, đầu tiên là ở Leipzig, sau đó được điều trị lần nữa tại Berlin, nơi đặt Đại sứ quán Mỹ. “Có khả năng [Zuckerman] đã bị các chấn thương nội tạng nghiêm trọng không bao giờ phục hồi được,” Tổng Lãnh sự Messersmith viết một thông điệp nhanh về vụ tấn công gửi Washington. Ông cảnh báo Mỹ có thể bị ép phải cố đạt được thỏa thuận đền bù thiệt hại cho Zuckerman bằng tiền, nhưng chính thức nêu rõ rằng họ không thể đại diện cho vợ anh ta, vì cô ta không phải là công dân Mỹ. Messersmith nói thêm, “vì cô ta cũng bị tấn công cùng lúc đó, nên có chuyện đáng lưu tâm là cô ta phải nhập viện và buộc phải bỏ cái thai mới vài tháng tuổi”. Ông cho biết do hậu quả của ca phẫu thuật, cô Zuckerman không bao giờ mang thai được nữa.

Những vụ tấn công như thế này cần phải chấm dứt, các nghị định của Chính phủ Đức cũng thúc giục sự kiềm chế. Nhưng có vẻ Sư đoàn Bão tố không buồn để tâm.

Trong một thông điệp gửi nhanh khác về vụ này, Messersmith

viết, “Tấn công người Do Thái là thú vui ưa thích khi rảnh rỗi của SA, và người ta không thể không nói thẳng tuột ra rằng chúng là bầy thú săn mồi.”

Chính vì thấu hiểu chuyện này và nhiều hiện tượng khác của nước Đức mới với tư cách người trong cuộc, nên ông tức giận khi nhiều du khách không thể nhận ra được bản chất thật sự của chế độ Hitler. Nhiều du khách Mỹ khi về nước bối rối vì mâu thuẫn giữa những cảnh kinh hoàng mà báo chí trong nước đăng tải - như những vụ đánh đập, bắt bớ hồi mùa xuân năm ngoái, các vụ đốt sách và các trại tập trung - với những khoảng thời gian dễ chịu họ thực sự đã trải qua khi du lịch Đức. Một vị khách như thế là bình luận viên đài phát thanh H.V. Kaltenborn - không lâu sau khi Dodd đặt chân lên đất Đức, anh ta cùng vợ, con gái và con trai đến Berlin. Được biết đến là “trưởng nhóm bình luận viên”, Kaltenborn làm việc cho Công ty Truyền thông và Phát thanh Hoa Kỳ, anh ta trở nên nổi tiếng khắp nước Mỹ, đến nỗi nhiều năm sau, anh ta xuất hiện vài giây trong phim Ngài Smith đến Washington và phim viễn tưởng li kì Ngày Trái Đất ngừng quay, diễn vai của chính mình. Trước khi lên đường sang Đức, Kaltenborn có ghé qua Bộ Ngoại giao và được phép đọc một số thông điệp gửi nhanh của Tổng Lãnh sự Messersmith. Lúc đó, anh ta cho rằng các thông điệp này quá cường điệu. Giờ đây sau bốn, năm ngày ở Berlin, anh ta nói với Messersmith rằng mình vẫn giữ nguyên kết luận ban đầu, rằng các thông điệp gửi nhanh là “không chính xác và phóng đại”. Anh ta cho rằng Messersmith chắc đã dựa vào các nguồn dữ liệu sai lầm.

Messersmith bị sốc. Ông không nghi ngờ Kaltenborn là người thật thà, nhưng ông gán quan điểm của tay bình luận viên với thực tế rằng “anh ta là người gốc Đức, nhưng lại không thể tin rằng người Đức có thể làm những chuyện đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ tại Berlin và trên khắp đất nước này.”

Đó là một vấn đề Messersmith rất thường xuyên nhận ra. Những ai sống tại Đức và những ai để ý đều hiểu rằng một điều quan trọng đã thay đổi, rằng bóng tối đã bao trùm khắp nơi. Chỉ các du khách là không nhìn ra được. Trong một thông điệp gửi nhanh, ông cho rằng một phần là do chính quyền Đức khởi xướng chiến dịch “dụ người Mỹ du lịch sang Đức lên tiếng ủng hộ các diễn biến trong nước”. Ông đã thấy bằng chứng của chiến dịch này trong hành vi đáng ngờ của Samuel Bossard, một người Mỹ bị các thành viên Đoàn Thanh niên Hitler tấn công vào ngày 31 tháng 08. Bossard nhanh chóng trình bản khai có tuyên thệ lên Đại sứ quán Mỹ, giận dữ trình bày về biến cố này với một số phóng viên tại

Berlin. Nhưng rồi ông ta bất ngờ im lặng. Messersmith đến thăm ông ta ngay trước khi ông ta về nước để hỏi thăm, nhưng ông ta tránh thảo luận về biến cố này. Nghi ngờ, Messersmith liền dò hỏi và biết rằng Bộ Tuyên truyền của Đức đã đưa Bossard đi tham quan khắp Berlin và Potsdam, đồng thời đối xử với ông ta hòa nhã, ân cần hẳn lên. Messersmith nhận thấy nỗ lực bỏ ra có vẻ được đền đáp. Theo bản tin thời sự, quay về New York, Bossard đã tuyên bố rằng "nếu người Mỹ tại Đức phải chịu bất kì cuộc tấn công nào, chẳng qua chỉ là do hiểu nhầm... Nhiều người Mỹ có vẻ không hiểu những thay đổi diễn ra tại Đức, và chính vì không hiểu biết nên [đã] hành xử không đúng, dẫn đến bị tấn công." Ông ta thề sẽ quay lại Đức vào năm sau.

Messersmith cảm nhận được một bàn tay giật dây đằng sau quyết định của Chính phủ hủy bỏ lệnh cấm các tổ chức từ thiện, gọi là câu lạc bộ Rotary tại Đức. Các câu lạc bộ này không những có thể tiếp tục hoạt động, mà quan trọng hơn, họ còn được phép giữ lại các thành viên Do Thái của mình. Bản thân Messersmith cũng là thành viên của câu lạc bộ tại Berlin. "Thực tế việc dân Do Thái được phép tiếp tục ở lại Rotary được sử dụng như vũ khí tuyên truyền giữa các câu lạc bộ Rotary trên toàn thế giới," ông viết. Sự thật bị che giấu đó là nhiều thành viên Do Thái đã mất việc, hoặc thấy khả năng hành nghề theo chuyên môn của mình bị hạn chế nghiêm trọng. Trong các thông điệp gửi nhanh, Messersmith lặp đi lặp lại một chủ đề: các du khách thông thường không thể hiểu được chuyện gì đang thực sự diễn ra tại nước Đức mới. "Người Mỹ sang Đức sẽ thấy bao quanh họ là những tác động của Chính phủ, rồi sự quyến rũ của thú giải trí hấp dẫn, gần như họ không còn cơ hội tìm hiểu tình hình thực sự thế nào."

Messersmith thúc giục Kaltenborn liên hệ với một số phóng viên Mỹ tại Berlin, những người sẽ cung cấp vô số lời xác nhận các thông điệp gửi nhanh của ông.

Kaltenborn bác bỏ ý kiến này. Anh ta quen biết hầu hết các phóng viên đó, tuyên bố rằng họ đầy định kiến và Messersmith cũng thế.

Anh ta vẫn tiếp tục nghĩ theo hướng đó, cho dù rất nhanh chóng, bằng cách thuyết phục nhất, anh ta sẽ buộc phải xem xét lại những quan điểm của mình.

Chương 8
GẶP GỠ PUTZI

Với sự giúp sức của Sigrid Schultz và Quentin Reynolds, Martha sẵn sàng hòa mình vào kết cấu xã hội của Berlin. Thông minh, gợi tình và duyên dáng, cô trở thành nhân vật được yêu thích trong đám viên chức trẻ tuổi của ngoại giao đoàn. Cô là vị khách thường xuyên tại các bữa tiệc thân mật, nghĩa là những buổi tối uống bia và các bữa tiệc vô thưởng vô phạt, được tổ chức sau khi hết ca làm việc trong ngày. Cô cũng tham gia đều đặn các buổi gặp mặt với hai mươi phóng viên hoặc hơn trong một nhà hàng Ý, Die Taverne, do một ông chồng người Đức cùng bà vợ người Bỉ làm chủ. Nhà hàng luôn dành riêng một cái bàn to, hình tròn đặt trong góc cho cả nhóm - Stammtisch, nghĩa là bàn dành cho khách quen. Các thành viên trong nhóm, bao gồm Schultz, thường bắt đầu đến lúc mười giờ tối và có thể lảng vảng quanh đó đến tận bốn giờ sáng. Nhóm trở nên nổi tiếng. "Tất cả mọi người trong nhà hàng đều nhìn họ, cố gắng nghe lỏm xem họ nói gì," Christopher Isherwood viết trong cuốn Chào tạm biệt Berlin. "Nếu bạn có một mẩu thông tin nào muốn cho họ biết - các chi tiết về một vụ bắt bớ, hay địa chỉ của một nạn nhân có họ hàng có thể phỏng vấn được - thì một trong số các phóng viên sẽ rời bàn, bước thấp bước cao dẫn bạn ra phố rời khỏi nhà hàng". Các bí thư thứ nhất và thứ hai của các đại sứ quán, nhiều viên chức báo chí của Quốc xã, và đôi khi thậm chí cả trùm Gestapo Rudolf Diels cũng hay ghé thăm chớp nhoáng bàn họp này. William Shirer[50], sau này là thành viên trong nhóm, xem Martha như một thành viên đáng giá: "xinh đẹp, sôi nổi và là nhà biện luận mạnh mẽ".

[50] William Lawrence Shirer (1904 - 1993): nhà báo và phóng viên chiến trường người Mỹ. Ông là tác giả của cuốn Sự trỗi dậy và suy tàn của Đế chế thứ ba, nói về Đức Quốc xã.

Trong thế giới mới mẻ này, danh thiếp trở nên cực kì phổ biến.

Hình thức tấm danh thiếp phản ánh tính cách một cá nhân, cách anh ta nhìn nhận về bản thân, hoặc cách anh ta muốn thế giới nhìn nhận mình thế nào. Giới lãnh đạo Quốc xã lúc nào cũng in các danh thiếp to nhất, nổi bật phần chức danh, thường dùng phông chữ Teutonic in đậm. Hoàng tử Louis Ferdinand, con trai của Thái tử Đức, một thanh niên tính tình dễ thương, làm việc trong nhà máy lắp ráp của hãng Ford tại Mỹ, in những tấm danh thiếp bé nhất, chỉ bao gồm tên họ và chức danh. Trái lại, cha cậu lại in danh thiếp to hơn với ảnh chụp chân dung của ông trên một mặt, với đầy đủ biểu trưng và y phục lộng lẫy, còn mặt sau để trống. Hình thức danh thiếp luôn luôn thay đổi. Các ghi chú viết nguệch ngoạc trên danh thiếp được xem là lời mời đến ăn tối hoặc uống cocktail, hay những cuộc hẹn hò bí mật hấp dẫn. Chỉ bằng cách đơn giản là gạch đi họ của mình, một nam một nữ có thể truyền tải ý nghĩa về tình bạn, sự quan tâm hay thậm chí là sự thân mật.

Martha tích lũy hàng tá danh thiếp, giữ chúng lại cho mình. Các danh thiếp của Hoàng tử Louis, người không lâu sau đó theo đuổi cô rồi trở thành bạn, của Sigrid Schultz, và dĩ nhiên là cả Mildred Fish Harnack, người đã có mặt trên sân ga khi Martha cùng cha mẹ cô đến Berlin. Một phóng viên của tờ United Press, Webb Miller, đã viết trên danh thiếp của mình. “Nếu em không có việc gì quan trọng để làm, vậy tại sao không đến ăn tối với anh”. Anh ta cho cô địa chỉ khách sạn cùng số phòng.

Cuối cùng, Martha cũng gặp được quan chức Quốc xã cấp cao đầu tiên. Đúng như đã hứa, Reynolds dẫn cô đến tham dự bữa tiệc do người bạn Anh quốc của anh ta tổ chức, “một bữa tiệc thịnh soạn và khá say sưa”. Ngay sau khi đến nơi, một người đàn ông to lớn với mái tóc đen như than gạch lao vào phòng như cơn lốc - “đầy cảm xúc” như Martha sau này nhớ lại - hết chìa danh thiếp sang trái rồi sang phải, cố tình chọn những cô nàng trẻ trung, xinh xắn. Với chiều cao một mét chín mươi, anh ta cao hơn hầu hết nam giới trong phòng hẳn một cái đầu, cân nặng dễ đến 113 kí. Một nữ quan sát viên đã mô tả anh ta “cực kì vụng về lóng ngóng - một con rối to đùng đứt dây”. Ngay giữa buổi tiệc ồn ào, giọng nói của anh ta vẫn vang lên sang sảng như sấm.

Reynolds cho Martha biết anh chàng này là Ernst Hanfstaengl. Như ghi trên tấm danh thiếp, chính thức thì anh ta là Auslandspressechef - Trưởng Cơ quan Báo chí Nước ngoài - của Đảng Quốc xã, cho dù trên thực tế, đó phần nhiều chỉ là một chân lon ton với thẩm quyền nhỏ nhoi, của bố thí của Hitler nhằm thừa nhận tình bạn với Hanfstaengl, ngay từ những ngày đầu, khi

Hitler thường xuyên đến nhà anh ta.

Sau khi được giới thiệu, Hanfstaengl nói với Martha, "Cứ gọi tôi là Putzi." Đó là biệt danh của anh ta từ thời thơ ấu, được các bạn bè, người quen và phóng viên khắp thành phố sử dụng rộng rãi.

Đây là ông khổng lồ mà lúc này Martha nghe nói đến nhiều với cái họ khó đọc, khó phát âm. Anh ta được nhiều phóng viên cùng các nhà ngoại giao ngưỡng mộ, cũng như bị nhiều người khác căm ghét và ghê tởm - phe này thì có bao gồm George Messersmith, ông ta đã tuyên bố "căm ghét theo bản năng" người đàn ông này. "Hắn ta hoàn toàn thiếu chân thành, không thể tin được vào bất kì lời nào hắn nói," Messersmith viết. "Hắn giả vờ trở thành bạn bè thân thiết nhất với mọi người, nhưng cùng lúc đó hắn rắp tâm hủy hoại hoặc tấn công trực tiếp họ."

Anh bạn Reynolds của Martha ban đầu yêu thích Hanfstaengl. Trái ngược với các tên Quốc xã khác, người này "cố gắng hết sức thân thiện với người Mỹ", Reynolds nhớ lại. Hanfstaengl gợi ý thu xếp các buổi phỏng vấn, một điều có thể rất khó thực hiện, để có cơ hội thể hiện mình trước mặt các phóng viên thành phố, với hình ảnh một trong những thanh niên "thân thiện, dễ gần và quyến rũ". Tuy nhiên, cảm tình của Reynolds dành cho Hanfstaengl dần dần nguội đi. Anh lưu ý, "Bạn phải quen biết Putzi để thực sự không thích anh ta. Điều đó sau này sẽ xảy ra."

Hanfstaengl nói tiếng Anh rất duyên. Tại trường Harvard, anh ta từng là thành viên của câu lạc bộ Hasty Pudding, một đoàn kịch. Khán giả mãi không quên anh ta đóng giả một cô gái Hà Lan, có tên là Gretchen Spootsfeiffer, trong một vở diễn. Anh ta được biết là bạn cùng lớp với Theodore Roosevelt Jr, con trai cả của Teddy Roosevelt[51], và là vị khách thường xuyên được mời thăm Nhà Trắng. Có câu chuyện được lan truyền rằng Hanfstaengl đã chơi dương cầm trong tầng hầm Nhà Trắng, hăng hái đến mức làm gãy vài phím đàn. Khi trưởng thành, anh ta điều hành một phòng trưng bày nghệ thuật của gia đình tại New York, nơi anh ta gặp gỡ người sau này thành vợ anh ta. Sau khi sang Đức sinh sống, cặp vợ chồng ngày càng gần gũi với Hitler, nhận hắn là cha đỡ đầu cho đứa con trai mới sinh của họ, Egon. Thằng bé gọi hắn là "Chú Dolf". Đôi lúc, khi Hanfstaengl chơi đàn cho Hitler nghe, tên độc tài khóc nức nở.

[51] Theodore Roosevelt (1858 - 1919): Tổng thống thứ hai mươi sáu của Hoa Kỳ, thường được gọi thân mật là Teddy.

Martha thích Hanfstaengl. Ở anh ta chẳng hề có dáng dấp một quan chức Quốc xã cấp cao như cô trông đợi, "vẻ quyến rũ và tài năng của anh ta lộ rõ mồn một". Anh ta to lớn và tràn đầy năng lượng, đôi bàn tay to bè với những ngón tay dài - đôi bàn tay mà người bạn của Martha, Bella Fromm, mô tả là "trông to phát khiếp" - và một tính cách luôn sẵn sàng chuyển ngay từ thái cực này sang thái cực khác. Martha viết, "tính cách anh ấy nhẹ nhàng, rất thu hút, biết khéo léo sử dụng giọng nói ngọt ngào. Phút trước anh ấy đang thì thầm dịu dàng, thì phút sau đã lại oang oang khắp phòng." Trong bất kì môi trường xã hội nào, anh ta cũng nổi bật. "Anh ta có thể làm bất kì ai kiệt sức, và bằng sự kiên trì tuyệt đối, bằng cách la hét hoặc thì thầm to tiếng, anh ta có thể đánh bại người khỏe nhất Berlin."

Hanfstaengl cũng bắt đầu thích Martha nhưng không nghĩ nhiều về cha cô. "Ông ấy là một giáo sư lịch sử phương nam nhỏ nhắn và khiêm nhường, điều hành Đại sứ quán với rất ít tiền và có lẽ đang cố gắng tiết kiệm càng nhiều càng tốt." Hanfstaengl viết trong nhật kí. "Vào lúc cần đến một triệu phú mạnh bạo để cạnh tranh với đám Quốc xã lòe loẹt, ông ta lại lượn lờ xung quanh một cách khiêm tốn, như thể vẫn đang ở trong khuôn viên trường đại học." Hanfstaengl tùy tiện gọi ông là "Cha" Dodd.

"Điều hấp dẫn nhất ở Dodd," Hanfstaengl viết, "đó là cô con gái tóc vàng quyến rũ của ông ta, Martha, người mà tôi biết rất rõ." Anh ta thấy cô quyến rũ, sôi nổi và rõ ràng là người phụ nữ có ham muốn tình dục.

Điều đó làm anh ta nảy ra một ý.

Chương 9
CHẾT LÀ CHẾT

Dodd cố gắng duy trì quan điểm khách quan của mình, dù cho ông sớm phải chạm trán với các du khách từng trải qua một nước Đức rất khác với nước Đức vui vẻ, lấm tấm nắng ông dạo bộ qua mỗi sáng. Một du khách như vậy là Edgar A. Mowrer, vào thời điểm đó là phóng viên nổi tiếng nhất Berlin, nằm trong tâm bão tranh luận. Ngoài việc viết bài cho tờ Chicago Daily News, Mowrer còn viết một cuốn sách bán chạy nhất, Nước Đức thụt lùi. Anh ta chọc giận các quan chức Quốc xã, đến nỗi bạn bè của Mowrer đều tin rằng tính mạng anh ta khó bảo toàn. Chính quyền Hitler muốn anh ta phải cuốn xéo khỏi đất nước. Vì muốn ở lại, Mowrer tìm đến Dodd nhờ can thiệp.

Mowrer từ lâu đã trở thành cái gai trong mắt Quốc xã. Trong các thông điệp gửi nhanh từ nước Đức, anh ta cố gắng đào sâu xuống lớp băng mỏng, nắm bắt các sự kiện thách thức niềm tin, có áp dụng các kĩ nghệ tường thuật của tiểu thuyết. Một trong các nguồn tin cơ bản nhất của anh ta là ông bác sĩ Do Thái, con trai một giáo trưởng Do Thái ở Berlin. Hai tuần một lần, hoặc lâu hơn, Mowrer đều gặp gỡ ông ta, bề ngoài là đi khám họng. Mỗi lần như vậy, anh ta lại nhận một bản báo cáo đánh máy những hành động quá đáng của Quốc xã. Cách này tỏ ra hiệu quả cho đến khi ông ta nghi ngờ Mowrer đang bị theo dõi. Hai người bố trí một điểm hẹn khác: thứ Tư mỗi tuần vào hồi 11 giờ 45 phút, họ gặp nhau trong nhà vệ sinh công cộng dưới quảng trường Potsdamer Platz. Họ đứng bên các bồn tiểu đặt sát cạnh nhau. Ông bác sĩ giả vờ làm rơi báo cáo mới nhất và Mowrer sẽ nhặt.

Putzi Hanfstaengl cố gắng bôi nhọ danh tiếng Mowrer bằng cách tung tin đồn thất thiệt, rằng sở dĩ các báo cáo của anh ta chỉ trích mạnh mẽ như thế, là vì anh ta che giấu "bí mật" xuất thân Do Thái của mình. Thực tế, Martha cũng có suy nghĩ tương tự. "Mình

cũng tin rằng anh ta là người Do Thái," cô viết, "sự thù ghét của anh ta chỉ được thúc đẩy từ việc tự ý thức về chủng tộc của mình."

Mowrer kinh hoàng khi thấy cả thế giới không hiểu nổi chuyện gì đang thật sự diễn ra tại Đức. Anh ta thấy ngay cả em trai anh ta cũng nghi ngờ tính xác thực trong các báo cáo của mình.

Mowrer mời Dodd đến ăn tối tại căn hộ của anh ta nhìn ra Tiergarten, cố gắng cung cấp cho ông những thực tế nhất định còn ẩn giấu. "Nhưng hoàn toàn vô ích," Mowrer viết. "Ông ta biết nhiều hơn thế." Ngay cả những cuộc tấn công định kì nhằm vào người Mỹ có vẻ cũng không làm ông Đại sứ bận tâm. Mowrer nhớ lại, "Dodd tuyên bố rằng mình không muốn làm đảo lộn chuyện nội bộ của Đức." Về phần mình, Dodd cảm nhận được Mowrer "về mặt nào đó, gần như anh ta cũng dữ dội chẳng kém gì Quốc xã".

Các mối đe dọa đối với Mowrer tăng dần lên. Trong hệ thống phân cấp của Quốc xã, râm ran câu chuyện tấn công bạo lực tay phóng viên. Trùm Gestapo Ruldolf Diels cảm thấy buộc phải cảnh báo Đại sứ quán Mỹ rằng Hitler nổi điên mỗi khi nghe nhắc đến cái tên Mowrer. Diels lo ngại rằng vài kẻ cuồng tín có thể giết chết Mowrer, hoặc bằng cách khác "loại bỏ anh ta", rằng họ đã cử một số lính Gestapo nhất định "có trách nhiệm" kín đáo theo dõi tay phóng viên và gia đình anh ta.

Khi sếp của Mowrer, Frank Knox, Tổng Biên tập tờ Chicago Daily News, nghe nói về những mối đe dọa này, ông đã quyết tâm chuyển Mowrer rời khỏi Berlin. Ông giới thiệu anh ta sang làm việc tại Tokyo. Mowrer bất đắc dĩ nhận lời, nhận thức được không sớm thì muộn mình sẽ bị trục xuất khỏi Đức, nhưng anh ta vẫn khăng khăng ở lại cho đến tháng Mười. Một phần vì anh ta muốn chứng minh rằng mình sẽ không cúi đầu trước cường quyền, nhưng chủ yếu là vì anh ta muốn đưa tin về buổi mít tinh của Đảng Quốc xã tại Nuremberg, dự kiến bắt đầu vào ngày 01 tháng 09. Buổi mít tinh tiếp theo này, mang tên "Ngày Chiến thắng của Đảng" hứa hẹn sẽ lớn chưa từng thấy.

Đảng Quốc xã muốn anh ta biến cho khuất mắt ngay lập tức. Sư đoàn Bão tố xuất hiện bên ngoài văn phòng của anh ta. Chúng theo dõi bạn bè anh ta, gửi những lời đe dọa đến cơ quan anh ta. Tại Washington, Đại sứ Đức tại Mỹ thông báo cho Bộ Ngoại giao vì "sự phẫn nộ chính đáng của người dân", nên chính phủ Đức không còn hi vọng bảo vệ được Mowrer nữa.

Vào lúc này, ngay cả các đồng nghiệp của anh ta cũng lo lắng. H. R.

Knickerbocker cùng một phóng viên khác đến gặp Tổng Lãnh sự Messersmith đề nghị ông ta thuyết phục Mowrer ra đi. Messersmith tỏ ra miễn cưỡng. Ông ta biết Mowrer rất rõ và tôn trọng lòng can đảm của anh ta muốn đánh bại mối đe dọa Quốc xã. Ông ta lo sợ rằng Mowrer có thể xem việc ông ta can thiệp như sự phản bội. Tuy thế, ông ta vẫn đồng ý giúp.

Đây là "một trong những cuộc đối thoại khó khăn nhất tôi từng trải qua," sau này Messersmith viết. "Khi anh ta thấy rằng tôi cùng những người bạn khác cố thuyết phục anh ta ra đi, đôi mắt anh ta ngấn lệ và nhìn tôi đầy trách móc". Nhưng Messersmith cảm thấy mình có bổn phận phải thuyết phục Mowrer ra đi bằng được.

Mowrer đành bỏ cuộc "bằng một cử chỉ tuyệt vọng", rời khỏi văn phòng Messersmith.

Lúc này, Mowrer mang trường hợp của mình đến thẳng văn phòng Đại sứ Dodd, nhưng Dodd cũng tin rằng anh ta nên đi, không chỉ vì sự an toàn tính mạng của anh ta, mà còn vì tin tức của anh ta làm tăng thêm mức độ căng thẳng, vốn đang thách thức môi trường ngoại giao.

Dodd nói, "dù sao nếu cậu ra đi vì những bài báo của mình, tôi cũng sẽ phải tranh cải nảy lửa về vấn đề này... Vậy sao cậu không làm thế để tránh phức tạp?"

Mowrer nhượng bộ. Anh ta đồng ý ra đi vào tháng Chín, đúng vào ngày đầu tiên của buổi mít tinh tại Nuremberg, mà anh ta hằng muốn được đưa tin.

Sau này, Martha viết Mowrer "không bao giờ chịu tha thứ cho cha tôi vì lời khuyên này".

Một trong những vị khách khác Dodd gặp gỡ đầu tiên "có lẽ là nhà hóa học nổi tiếng nhất nước Đức", như Dodd đã viết, nhưng trông ông ta chẳng hề giống nhà hóa học. Dáng người ông ta nhỏ thó với đầu hói bóng loáng, hàng ria mép đã bạc trên đôi môi đầy đặn. Nước da ông ta vàng vọt, trông già hơn nhiều so với tuổi.

Tên ông ta là Fritz Haber[52]. Đối với bất kì người Đức nào, cái tên này rất nổi tiếng và được tôn kính, hoặc đã từng như thế trước khi Hitler xuất hiện. Cho đến gần đây, Haber là giám đốc Viện Hóa Lí học Kaiser Wilheim danh tiếng. Ông từng là người hùng trong chiến tranh và được nhận giải Nobel. Hi vọng phá vỡ thế bế tắc trong các con hào trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, Haber đã phát minh ra khí Clo độc. Ông có công chỉnh sửa thứ sau này trở

thành định lí Haber, một công thức, C × t = k, với khả năng gây chết người nhanh gọn: phơi nhiễm với nồng độ khí độc thấp trong thời gian dài cũng có hiệu quả tương tự phơi nhiễm với nồng độ khí độc cao trong thời gian ngắn. Ông ta còn khám phá ra một phương thức lây truyền khí độc trên chiến trường, và vào năm 1915, đích thân ông ta có mặt trên chiến trường, lần đầu tiên áp dụng công thức này với lực lượng quân Pháp tại Ypres. Trên phương diện cá nhân, chiến tích ngày hôm đó tại Ypres khiến ông ta phải trả giá đắt. Người vợ ba mươi hai tuổi của ông ta, Clara, vốn từ lâu lên án công việc của chồng là vô nhân tính và thất đức, kêu gọi chồng dừng lại, nhưng ông ta không để tâm: chết là chết, không cần biết vì nguyên nhân gì. Chín ngày sau vụ tấn công bằng khí độc tại Ypres, vợ ông ta tự sát. Bất chấp quốc tế la ó phản đối nghiên cứu khí độc của mình, Haber vẫn được trao giải Nobel Hóa học năm 1918, vì phát minh ra phương thức chế biến hợp chất nitrogen từ không khí, qua đó cho phép sản xuất được phân bón giá rẻ, với số lượng lớn - và dĩ nhiên, là cả thuốc súng.

[52] Fritz Haber (1868 - 1934): nhà hóa học nổi tiếng người Đức, từng được trao giải Nobel Hóa học vào năm 1918.

Bất chấp cải đạo sang Đạo Tin lành trước chiến tranh, căn cứ theo luật mới của Quốc xã, Haber vẫn không phải là người Aryan thuần chủng[53], nhưng vì là cựu chiến binh Do Thái nên ông được hưởng ngoại lệ, vẫn là giám đốc viện. Tuy nhiên, nhiều khoa học gia Do Thái dưới quyền ông không được hưởng quy chế này, vào ngày 21 tháng 04 năm 1933, Haber được lệnh phải sa thải họ. Ông chống lại quyết định ấy nhưng chỉ vài người đứng về phía ông. Ngay cả bạn của ông, Max Planck[54], cũng chỉ dành cho ông câu an ủi nhạt thếch. Planck viết, "Trong nỗi buồn đau lớn lao này, tôi chỉ có thể an ủi ông rằng chúng ta sống trong thời đại tai ương, phải chứng kiến từng cuộc cách mạng diễn ra, phải coi phần nhiều những gì xảy ra như các hiện tượng tự nhiên, mà không nên đau đầu tự hỏi rằng liệu mọi chuyện có thể khác đi hay không."

[53] Aryan thực ra là cách các dân tộc ở Iran và Bắc Ấn Độ tự gọi mình. Chính quyền Hitler tự đặt ra giả thuyết rằng chủng tộc Aryan đến từ nước Đức, coi người Aryan ở Đức là thượng đẳng, các chủng tộc khác là hạ đẳng.

[54] Max Karl Ernst Ludwig Planck (1858 - 1947): nhà vật lí học người Đức, từng được trao giải Nobel Vật lí vào năm 1918.

Haber không nhìn nhận theo kiểu đó. Thay vì phải sa thải bạn bè và đồng nghiệp, ông nộp đơn xin từ chức.

Giờ đây - thứ Sáu, ngày 28 tháng 07 năm 1933 - khi trong tay chỉ còn vài lựa chọn, ông ta đến văn phòng của Dodd nhờ giúp đỡ, mang theo lá thư của Henry Morgenthau Jr, chủ tịch Ban Nông nghiệp Liên bang Roosevelt (sau này là Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ). Morgenthau là người Do Thái và là luật sư cho dân tị nạn Do Thái.

Khi Haber kể câu chuyện của mình, "từ đầu đến chân ông ta run như cầy sấy," Dodd viết trong nhật kí, gọi bài tường thuật của ông ta "là câu chuyện đàn áp dân Do Thái đau buồn nhất tôi từng được nghe". Haber đã sáu mươi lăm tuổi, đang mắc bệnh tim, và lúc này đang bị tước mất khoản lương hưu được bảo đảm cho ông theo Luật pháp Cộng hòa Weimar, tên gọi chính phủ Đức ngay trước thời kì Đệ tam Đế chế của Hitler. "Ông ta muốn biết liệu có khả năng dân nhập cư có thành tích khoa học xuất sắc tại Đức được nhập cảnh vào Mỹ hay không," Dodd viết. "Tôi chỉ có thể nói rằng lúc này luật pháp không cho phép ai nữa cả, hết chỉ tiêu rồi." Dodd hứa viết thư cho Bộ Lao động Mỹ, cơ quan quản lí các hạn ngạch xuất nhập cảnh, để hỏi xem "có quyết định nào có lợi cho những người này không".

Họ bắt tay nhau. Haber cảnh báo Dodd phải cẩn thận khi nói về vụ của ông ta với người khác, "vì có thể gặp phải hậu quả tồi tệ". Nói xong Haber ra về, một nhà hóa học tóc bạc nhỏ thó, từng là một trong những nguồn lực khoa học quan trọng nhất của Đức.

"Tội nghiệp ông già," Dodd nghĩ lại - giật bắn mình thấy thực ra Haber chỉ hơn ông một tuổi. "Giải quyết kiểu đó," Dodd viết trong nhật kí, "chỉ tổ khiến Chính phủ chuyên làm điều xấu xa tàn bạo trở nên ác ôn thêm".

Khi Dodd phát hiện ra những gì mình nói với Haber đơn giản là sai bét thì đã quá trễ. Một tuần sau, vào ngày 05 tháng 08, Dodd viết thư cho Isador Lubin, giám đốc Cục Thống kê Lao động Mỹ, "Biết là hết chỉ tiêu rồi, nhưng ngài có thể thấy rất đông người có trình độ xuất chúng mong được nhập cảnh vào Mỹ, cho dù nếu làm thế họ phải bỏ lại cả gia tài." Về vấn đề này, Dodd muốn biết liệu Bộ Lao động có nghĩ ra bất kì phương thức nào "giúp nhập cảnh những tài năng xứng đáng nhất trong số này".

Lubin chuyển thư của Dodd cho Đại tá D. W. MacCormack, ủy viên Hội đồng về Xuất Nhập cảnh và Nhập tịch, vào ngày 23 tháng 08, ông hồi âm thư của Lubin và bảo ông ta, "Có vẻ ngài Đại sứ nắm thông tin sai lệch về chuyện này." Thực ra căn cứ theo chỉ tiêu của Đức, mới chỉ sử dụng được một nhúm visa theo mức được phân phối, MacCormack nói rõ, lỗi này thuộc về Bộ Ngoại giao và Sở

Ngoại vụ, và việc họ quá hăng hái thực thi điều khoản cấm nhập cảnh những người "có thể làm tăng gánh nặng xã hội". Trong giấy tờ của Dodd chẳng có nội dung nào giải thích làm sao ông tin rằng đã hết chỉ tiêu.

Tất cả những điều này đến với Haber quá muộn. Ông ta bỏ sang Anh giảng dạy tại Trường Đại học Cambridge, một giải pháp có lẽ rất tốt, nhưng ông ta thấy mình lạc lõng trong một nền văn hóa lạ, bị giằng xé bởi quá khứ và khổ sở vì những ảnh hưởng của khí hậu không hợp. Sáu tháng sau khi rời khỏi văn phòng của Dodd, khi đang dưỡng bệnh tại Thụy Sĩ, ông ta bị trận đột quỵ nghiêm trọng. Ở nước Đức mới, chẳng ai buồn khóc thương cho cái chết của ông ta. Tuy nhiên, trong vòng mười năm, Đệ tam Đế Chế tìm ra công dụng mới của định lí Haber, và đối với loại thuốc trừ sâu Haber đã phát minh ra tại viện nghiên cứu của mình, có bao gồm một phần khí xyanua, chủ yếu được sử dụng để xông khói các công trình làm nơi bảo quản ngũ cốc. Ban đầu nó được gọi là Zyklon A, nhưng các nhà hóa học Đức đã tạo ra một biến thể nguy hiểm hơn nhiều: Zyklon B[55].

[55] Từ phát minh ban đầu của Haber, Zyklon B được tạo ra trở thành công cụ phổ biến của Phát xít Đức trong các phòng hơi ngạt ở Auschwitz.

Bất chấp cuộc chạm trán này, Dodd vẫn tin rằng chính quyền Đức đang ngày càng khiêm nhường hơn, và rằng việc Quốc xã đàn áp dân Do Thái đã kết thúc. Ông nói điều tương tự trong lá thư gửi Rabbi Wise của Hội đồng Người Mỹ gốc Do Thái, người ông đã gặp tại câu lạc bộ Century ở New York, và cùng đồng hành với ông trong chuyến đi sang Đức.

Rabbi Wise giật mình. Trong thư hồi âm ngày 28 tháng 07 từ Geneva, ông ta viết, "Tôi ước gì có thể chia sẻ sự lạc quan với ngài! Tuy nhiên, tôi phải nói với ngài rằng mọi câu chuyện, mọi lời nói của vô số người tị nạn tại London và Paris trong hai tuần qua khiến tôi cảm thấy rằng, sự cải thiện vẫn còn xa mới đạt tới được như ngài tin tưởng. Mọi thứ đang trở nên ngày càng nguy hiểm và ngột ngạt hơn đối với người Do Thái gốc Đức, từ ngày này sang ngày khác. Tôi chắc chắn rằng ấn tượng của tôi sẽ được những người ngài đã gặp tại một hội nghị nhỏ ở câu lạc bộ Century xác nhận." Ông ta nhắc nhở Dodd về cuộc họp tại New York có sự tham gia của Wise, Felix Warburg và các lãnh đạo Do Thái khác.

Trong lá thư gửi riêng cho con gái ông ta, Wise viết rằng Dodd "đang bị lừa gạt".

Dodd bảo lưu quan điểm của mình. Trong lá thư trả lời Wise, Dodd viết "dường như đối với tôi, nhiều nguồn thông tin mở tại văn phòng cho thấy rõ mong muốn giảm nhẹ vấn đề Do Thái. Tất nhiên, nhiều vụ tấn công có tính chất dã man tiếp tục được báo cáo. Tôi nghĩ chúng là những rơi rớt lại của sự chống đối trước kia. Trong khi tôi chưa sẵn sàng xin lỗi hay bào chữa cho những điều kiện này, tôi hoàn toàn tin rằng thành phần lãnh đạo trong Chính phủ Đức sẽ đề ra chính sách ôn hòa hơn càng sớm càng tốt."

Ông nói thêm, "Dĩ nhiên ngài biết Chính phủ của chúng ta không thể can thiệp vào các vấn đề nội bộ như vậy. Tất cả những gì ta có thể làm là đưa ra quan điểm của Mỹ, và nhấn mạnh vào những hậu quả bất hạnh của một chính sách như vậy khi nó được theo đuổi." Ông nói với Wise mình không ủng hộ phản đối công khai. "Đây là nhận định của tôi... vì một chính sách tử tế, nhân đạo hơn, chúng ta chỉ có thể tác động một cách không chính thức và thông qua các cuộc đối thoại riêng tư với những ai bắt đầu nhận thức được rủi ro của các chính sách hiện tại."

Quá lo lắng vì rõ ràng Dodd không thể nắm vững chuyện đang xảy ra, Wise ngỏ ý được đến Berlin, ông ta nói với con gái, Justine, "cha muốn cho ông ta biết sự thật mà ông ta sẽ không thể nghe được bằng cách khác". Vào lúc đó, Wise đang du lịch Thụy Sĩ. Từ Zurich, ông ta "một lần nữa van xin Dodd qua điện thoại, tạo điều kiện cho mình bay sang Berlin".

Dodd từ chối. Wise quá nổi tiếng tại Đức và bị rất nhiều người căm ghét. Ảnh ông ta lúc nào cũng xuất hiện trên hai tờ Völkischer Beobachter và Der Stürmer. Như Wise thuật lại trong hồi kí, Dodd sợ rằng "tôi có thể bị nhận ra, đặc biệt là vì hộ chiếu rõ rành rành của tôi, và gây ra một 'tình huống khó chịu' tại sân bay như ở Nuremberg." Viên Đại sứ không thay đổi quyết định, dù Wise đã gợi ý rằng một quan chức Đại sứ quán sẽ gặp ông ta tại sân bay và luôn để mắt đến ông ta trong suốt chuyến đi.

Khi đang ở Thụy Sĩ, Wise có tham gia Hội nghị Người Do Thái Thế giới tại Geneva, nơi ông trình bày một nghị quyết kêu gọi cả thế giới hủy bỏ thương mại với Đức. Nghị quyết được thông qua.

Wise hẳn sẽ thấy phấn khởi khi biết quan điểm của Tổng Lãnh sự Messersmith về các sự kiện còn u ám hơn Dodd. Trong khi Messersmith đồng ý rằng các vụ bạo lực tàn bạo đối với dân Do Thái đã giảm hẳn, nhưng thay vào đó là một hình thức đàn áp còn khủng khiếp và lan rộng hơn nhiều. Trong một thông điệp gửi nhanh cho Bộ Ngoại giao, ông viết, "Có thể nói ngắn gọn rằng với

dân Do Thái, ngoại trừ an toàn cá nhân được bảo đảm, còn lại tình hình đang ngày càng trở nên khó khăn hơn, rằng các lệnh cấm mới có hiệu lực đang ngày càng được thi hành hiệu quả hơn, và những lệnh mới không ngừng xuất hiện."

Ông trích dẫn vài diễn biến mới. Các bác sĩ nha khoa Do Thái giờ bị cấm chăm sóc bệnh nhân nằm trong hệ thống bảo hiểm xã hội của Đức, một tiếng vọng của những gì đã xảy ra với các bác sĩ Do Thái hồi đầu năm. Một "văn phòng thời trang mới của Đức" không cho các nhà may mặc Do Thái tham gia vào chương trình thời trang đang bừng nở. Dân Do Thái và bất kì ai mang vẻ ngoài không giống tộc Aryan thuần chủng sẽ không được làm cảnh sát. Messersmith báo cáo, dân Do Thái giờ đây chính thức bị cấm ra tắm ở hồ Wannsee.

Một kiểu đàn áp có hệ thống hơn hẳn sắp được thi hành, Messersmith viết. Ông biết có tồn tại một dự thảo luật mới, có hiệu lực tước quốc tịch và mọi quyền công dân của dân Do Thái. Dân Do Thái ở Đức "xem luật mới này như cú đấm trái đạo đức nghiêm trọng có thể giáng vào họ. Họ đã và đang bị mất hết toàn bộ phương tiện kiếm sống, và họ hiểu rằng luật quốc tịch mới sẽ tước hết mọi quyền công dân của mình."

Messersmith hiểu lí do duy nhất để dự thảo luật chưa được thông qua, đó là vào lúc này những kẻ đằng sau nó lo sợ "dư luận quốc tế sẽ phản đối". Dự thảo luật đang được lưu hành trong chín tuần, cho phép Messersmith kết thúc thông điệp gửi nhanh của mình bằng một chút mơ tưởng. "Thực tế là luật này sẽ còn phải cân nhắc rất lâu," ông viết, "mong rằng luật hoàn chỉnh có thể bớt cực đoan hơn dự thảo đang nằm trên bàn."

Dodd nhắc lại cam kết của ông là khách quan và thấu hiểu trong lá thư đề ngày 12 tháng 08 gửi Tổng thống Roosevelt. Trong khi ông phản đối đàn áp dân Do Thái ở Đức, hay tham vọng phục hồi sức mạnh quân sự quốc gia của Hitler, "nhưng về cơ bản, tôi tin rằng một dân tộc có quyền tự quyết định số phận của mình, và các dân tộc khác phải kiên nhẫn, ngay cả khi tồn tại bạo tàn và bất công. Hãy cho họ một cơ hội để thử các kế hoạch của mình."

Chương 10
SỐ 27A PHỐ TIERGARTENSTRASSE

Martha cùng mẹ bắt đầu tìm nhà cho thuê, để gia đình họ có thể rời khách sạn Esplanade - thoát khỏi sự sang trọng, theo quan điểm của Dodd - và có một cuộc sống ổn định hơn. Trong khi đó, Bill Jr. được tuyển sinh vào chương trình đào tạo tiến sĩ tại trường Đại học Berlin. Nhằm cải thiện vốn tiếng Đức càng sớm càng tốt, cậu đã thu xếp sống chung với gia đình một vị giáo sư, trong suốt một tuần theo học tại trường.

Vấn đề nhà cửa cho đại sứ Mỹ tại Berlin vốn từ lâu là nỗi xấu hổ. Vài năm trước, Bộ Ngoại giao đã sở hữu và cải tạo một tòa nhà to lớn, xa hoa, Điện Blücher, trên phố Pariser Platz đằng sau Cổng Brandenburg thành nhà riêng cho đại sứ. Việc này nhằm gom toàn bộ các văn phòng ngoại giao và lãnh sự trên khắp thành phố về một mối, đồng thời nhấn mạnh sự có mặt của Mỹ bên cạnh Anh và Pháp, những nước đặt đại sứ quán trong các cung điện hoành tráng trên quảng trường. Tuy nhiên, ngay trước khi người tiền nhiệm của Dodd, Frederic Sackett sắp sửa dọn vào, một trận hỏa hoạn đã thiêu rụi tòa nhà. Chỉ còn lại một đống hoang tàn đổ nát, trơ trụi, buộc Sackett và bây giờ là Dodd phải tìm nhà trọ thay thế. Về phần mình, Dodd lại thấy hài lòng vì điều đó. Mặc dù chửi rủa, mắng nhiếc chuyện phí cả đống tiền vào cung điện này - ông viết, Chính phủ đã phải trả một cái giá "cắt cổ" cho công trình này, nhưng "bạn biết đấy hồi đó là năm 1928 hay 1929, cái thời mà người ta ai cũng điên rồ". Ông lại thích ý tưởng có căn nhà riêng bên ngoài Đại sứ quán. Ông viết, "Cá nhân tôi thà mất nửa giờ đi bộ từ nhà riêng còn hơn sống trong Cung điện". Ông thừa nhận có được một tòa nhà đủ lớn cho các quan chức cấp thấp là điều tốt, "nhưng bất kì ai trong chúng tôi khi tiếp dân sẽ thấy rằng nhà

mình nằm sát cạnh văn phòng như thế sẽ mất sự riêng tư - đôi khi điều này rất quan trọng."

Mẹ con Martha đi xem các khu dân cư liền kề rộng lớn hơn ở Berlin, phát hiện ra thành phố này có rất nhiều công viên lẫn vườn tược, chậu hoa dường như có mặt trên mọi ban công. Ở các quận xa nhất, họ thấy kha khá trang trại xinh xắn, có thể người cha già Dodd của Martha sẽ yêu thích chúng. Họ chạm trán các nhóm thanh niên mặc đồng phục đang vui vẻ diễu hành và hát hò. Đây là đội hình đáng sợ hơn của Sư đoàn Bão tố với các thành viên to nhỏ lớn bé đủ cả, mặc những bộ đồng phục không vừa người, ở giữa ai cũng mặc chiếc sơ mi màu nâu thẫm xấu xí. Có khi hiếm hoi họ nhận ra những thành viên SS dáng đẹp hơn, mặc quần áo được may đo chỉnh tề hơn, bộ đồng phục đen như bóng đêm có pha thêm sắc đỏ làm điểm nhấn, giống như một loài chim hét ngoại cỡ nào đó.

Gia đình Dodd tìm được nhiều khu nhà để lựa chọn, mặc dù ban đầu họ đã thôi tự vấn bản thân, tại sao nhiều dinh thự cũ rộng lớn treo biển cho thuê, lại có đồ nội thất đầy đủ và xa hoa đến thế, với những cái bàn cái ghế trang trí công phu, những chiếc đàn dương cầm bóng nhoáng, những bình hoa, bản đồ và cuốn sách thuộc loại hiếm vẫn nằm nguyên trên giá. Khu họ đặc biệt ưa thích là một quận nằm ngay phía nam Tiergarten, dọc theo tuyến đường đi làm của Dodd, nơi họ trông thấy những khu vườn, rất nhiều bóng râm, một bầu không khí tĩnh lặng và một dãy những ngôi nhà xinh xắn. Họ biết tên một bất động sản trong khu này đã sẵn sàng để dọn vào ở, nhờ một tùy viên quân sự của Đại sứ quán. Anh ta nghe được thông tin từ chính chủ nhà, Alfred Panofsky, một người Do Thái giàu có sở hữu một ngân hàng tư nhân và là một trong số nhiều người Do Thái sống trong quận này - khoảng mười sáu nghìn người, chiếm gần 9% người Do Thái ở Berlin. Ngay cả cho dù người Do Thái đang bị tước việc làm trên khắp nước Đức, ngân hàng của Panofsky vẫn tiếp tục hoạt động và đáng ngạc nhiên là họ chính thức được xóa tội.

Panofsky đã hứa giá thuê sẽ rất phải chăng. Đến lúc này, dù đang hối hận nhưng vẫn trung thành với lời thề sống bằng đồng lương, Dodd rất thích thú và đến cuối tháng Bảy, ông đã đến xem qua căn nhà.

Nằm ở số 27A, phố Tiergartenstrasse, căn nhà là một dinh thự bốn tầng bằng đá được xây cho Ferdinand Warburg của triều đại Warburg danh tiếng. Công viên nằm bên kia đường. Panofsky cùng mẹ ông ta dẫn gia đình Dodd đi xem nhà, và lúc này Dodd

biết rằng thực ra Panofsky không giới thiệu toàn bộ ngôi nhà, mà chỉ ba tầng đầu tiên. Mẹ con ông chủ nhà băng muốn giữ lại tầng trên cùng và quyền được dùng thang máy điện.

Panofsky giàu đến mức ông ta không cần thu tiền cho thuê, nhưng kể từ khi Hitler lên làm Thủ tướng, ông ta đủ lão luyện để hiểu một khi đã là dân Do Thái, không cần biết bạn nổi danh đến đâu cũng không tránh khỏi sự đàn áp của Quốc xã. Giới thiệu căn nhà 27a cho tay đại sứ mới, ông ta không hề giấu giếm ý định muốn dành cho mẹ con mình sự bảo vệ tự nhiên, tính toán rằng chắc chắn ngay cả Sư đoàn Bão tố cũng sẽ không dám tấn công vào nhà của Đại sứ Mỹ, vì thế giới có thể lên tiếng phản đối. Về phần mình, gia đình Dodd sẽ được hưởng tất cả những tiện nghi của một căn nhà độc lập, nhưng giá cả lại phải chăng, trong một kết cấu mặt phố đủ gây ấn tượng, để thể hiện uy tín và sức mạnh Mỹ. Không gian nội thất đủ rộng rãi cho phép các vị khách ngoại giao cũng như Chính phủ được thoải mái giải trí, và không làm mất mặt ngài Đại sứ. Trong lá thư gửi Tổng thống Roosevelt, Dodd hoan hỉ, "Chúng tôi đã thuê được một trong những căn nhà đẹp nhất Berlin, với giá 150 USD một tháng - thực ra chủ nhà là một người Do Thái giàu có, nên sẵn lòng cho chúng tôi thuê."

Panofsky và Dodd cùng kí vào "thỏa thuận quý ông", cho dù Dodd vẫn còn băn khoăn về nơi này. Trong khi ông yêu mến khung cảnh tĩnh lặng, cây cối, vườn tược, và có thể tiếp tục đi bộ đến chỗ làm mỗi sáng, ông vẫn cho rằng căn nhà này quá sang trọng, mỉa mai gọi nó là "dinh thự mới của chúng ta".

Một tấm biển bằng đồng có hình ảnh chim đại bàng Mỹ được gắn trên cánh cổng sắt ngoài lối vào căn nhà. Hôm thứ Bảy, ngày 05 tháng 08 năm 1933, Dodd cùng gia đình ông rời khỏi khách sạn Esplanade, dọn vào căn nhà mới.

Sau này, Dodd thừa nhận giá mà ông biết ý định thật sự khi sử dụng tầng bốn của Panofsky, không chỉ đơn giản cho hai mẹ con ông ta có chỗ ở, hẳn ông sẽ không bao giờ đồng ý thuê nhà.

Cây cối vườn tược choán hết khoảnh sân, bao quanh là hàng rào sắt cao bên trong bức tường gạch chỉ cao đến đầu gối. Ai đi bộ thì vào qua cánh cổng có hình dáng như cửa ra vào, với các chấn song sắt dọc, đến bằng xe hơi thì vào qua cổng chính, phía trên có một mái vòm bằng sắt đẹp lộng lẫy, ở giữa có một quả cầu mờ ảo. Ô cửa trước nhà lúc nào cũng chìm trong bóng râm, tạo thành một hình chữ nhật tối om trên nền mặt tiền hình tròn, cao như ngọn tháp bằng chiều cao tòa nhà. Đường nét kiến trúc lạ kì nhất của dinh

thự là phần nhô ra từ mặt trước ngôi nhà gây ấn tượng mạnh mẽ, cao khoảng một tầng rưỡi, tạo nên một đường xe vào nhà có mái che, đóng vai trò như một gian trưng bày các tác phẩm hội họa.

Lối vào chính và tiền sảnh nằm ở tầng trệt, phía sau là trung tâm cho mọi hoạt động của ngôi nhà - các phòng cho người hầu, phòng giặt là, phòng trữ đông, rất nhiều phòng chứa đồ và tủ chẻ, cùng một nhà bếp lớn, mà theo Martha mô tả "nó to gấp đôi một căn hộ bình dân ở New York". Ngay khi bước chân vào nhà, gia đình Dodd bước vào ngay phòng giữ hành lí nằm hai bên tiền sảnh lớn, sau đó tới cầu thang thiết kế công phu dẫn lên tầng một.

Đây chính là nơi cho thấy sức hấp dẫn thật sự của tòa nhà. Phía ngoài, đằng sau mặt tiền cong, là một phòng khiêu vũ với sàn nhảy hình bầu dục bằng gỗ sáng bóng, với một cây đàn dương cầm được che bằng tấm vải chất lượng xịn, có tua rua, có chiếc ghế dài được nhồi đệm và mạ vàng. Trong phòng này, gia đình Dodd đặt trên đàn dương cầm một cái bình đẹp tuyệt mĩ cắm đầy những bông hoa dài, bên cạnh là bức ảnh chân dung viền khung của Martha, xinh đẹp tuyệt trần, nét gợi cảm lồ lộ, có thể xem là lựa chọn lạ lùng đối với phòng khiêu vũ trong nhà riêng đại sứ. Có hai phòng tiếp tân, trên tường một phòng bọc kín vải damask màu xanh đậm, còn tường phòng kia bọc vải sa tanh hồng. Bốn bức tường trong phòng ăn mênh mông bọc thảm thêu màu đỏ.

Phòng ngủ của gia đình Dodd nằm trên tầng ba. (Panofsky cùng mẹ ông ta sống ở ngay phía trên, tầng áp mái.) Phòng tắm chính to khủng khiếp, trang trí công phu tỉ mỉ và quá cường điệu đến tức cười, ít nhất theo quan điểm của Martha. Các mặt sàn và tường phòng tắm "hoàn toàn được mạ vàng và khảm sặc sỡ". Một bồn tắm lớn nằm trên sàn nâng, như thể một hiện vật nào đó để trưng bày trong bảo tàng. Martha viết, "Suốt mấy tuần, tôi đều rú lên cười mỗi khi thấy phòng tắm, thi thoảng tôi ham vui dẫn bạn bè tôi lên đó, khi cha tôi đi vắng."

Cho dù vẫn choáng váng vì ngôi nhà quá xa hoa, nhưng Dodd cũng phải thừa nhận các phòng khiêu vũ và tiếp tân rất thuận tiện cho hoạt động ngoại giao, đối với vài hoạt động trong số này, ông biết - và ghê sợ - khi phải mời cơ số khách sao cho xứng tầm với một vị đại sứ vốn đã không được ai chú ý. Và ông yêu thích Wintergarten đầu phía nam của tầng một, một căn phòng lắp kính dẫn lên sân thượng lát gạch nhìn ra vườn. Trong căn phòng này, ông có thể đọc sách trên ghế đệm thư giãn, vào những ngày đẹp trời, ông ngồi bên ngoài phòng trên ghế trúc, một quyển sách để trong lòng, và tắm mình trong ánh mặt trời phương nam.

Căn phòng được cả gia đình yêu thích là thư viện, hứa hẹn những đêm mùa đông ấm cúng cạnh lò sưởi. Các bức tường thư viện được làm bằng gỗ tối màu, sáng bóng và bọc vải damask, một lò sưởi cũ tuyệt đẹp với mặt lò sưởi tráng lớp men đen bóng, chạm khảm hình rừng và hình người. Các giá chất kín sách, Dodd nhận định nhiều cuốn trong số này là sách cũ từ lâu lắm rồi và rất giá trị. Vào những thời điểm nhất định trong ngày, làn ánh sáng sặc sỡ xuyên qua lớp kính màu nằm trên một bức tường. Một chiếc bàn mặt kính trưng bày nhiều bản thảo và thư từ quý giá do Panofsky để lại. Martha thích mê chiếc ghế đệm da màu nâu cỡ lớn của thư viện, chẳng bao lâu nó trở thành một báu vật trong cuộc sống lãng mạn của cô. Diện tích căn nhà, sự tách biệt của các phòng ngủ, không khí tĩnh lặng của các bức tường bọc vải - những ưu điểm này chứng tỏ giá trị của căn nhà, khi theo thói quen cha mẹ cô sẽ đi nghỉ sớm, bất chấp tập quán thức khuya đang thịnh hành ở Berlin.

Vào ngày thứ Bảy, tháng Tám hôm đó khi gia đình Dodd dọn vào đây, mẹ con Panofsky đã tế nhị đặt những bó hoa tươi khắp ngôi nhà, khiến Dodd phải lật đật viết thư cảm ơn ngay sau đó. “Nhờ nỗ lực và sự chu đáo của ngài, chúng tôi tin rằng mình sẽ rất hạnh phúc trong ngôi nhà đáng yêu của ngài.”

Trong cộng đồng ngoại giao, ngôi nhà ở số 27a trên phố Tiergartenstrasse nhanh chóng nổi tiếng là một chỗ an toàn, nơi người ta có thể nói thẳng ra suy nghĩ của mình mà không phải sợ. “Tôi thích tới đó vì trí tuệ mẫn tiệp của Dodd, khả năng quan sát và miệng lưỡi châm biếm đanh thép, sắc bén của ông ấy,” Bella Fromm, nhà báo phụ trách mảng xã hội đã viết. “Tôi cũng thích bởi vì ở đây không khách sáo, kiểu cách như các nhà ngoại giao khác.” Một vị khách thường xuyên là Vương tử Louis Ferdinand, người đã mô tả nơi đây như “ngôi nhà thứ hai” của mình trong hồi kí. Ông ta thường xuyên đến ăn tối với gia đình Dodd. “Khi những người hầu đã bỏ ra ngoài, chúng tôi có thể dốc bầu tâm sự,” ông ta viết. Đôi khi tính thật thà, thẳng thắn của vương tử khiến ngay cả Đại sứ Dodd cũng không chịu nổi, ông liền cảnh báo, “Nếu ngài không cố gắng cẩn trọng hơn trong lời nói, Vương tử Louis, một ngày nào đó chúng sẽ treo cổ ngài lên. Tôi cũng chẳng phiền đến dự đám tang ngài đâu, nhưng tôi e rằng làm thế chẳng lợi lộc gì cho ngài hết.”

Khi gia đình đã ổn định, Martha cùng cha mình chìm vào không khí dễ chịu của tình bạn. Họ trao đổi với nhau những câu chuyện hài hước và lạc quan. “Cha con em yêu thương nhau,” cô viết trong lá thư gửi Thornton Wilder, “và em được kể cho nghe những

bí mật tầm cỡ quốc gia. Cha con em cười nhạo bọn Quốc xã, và hỏi ông quản gia dễ thương của nhà em rằng dòng máu Do Thái có chảy trong huyết quản ông ta không." Ông quản gia, tên là Fritz - "lùn, tóc vàng, dễ bảo và hiệu quả" - đã làm việc cho vị đại sứ tiền nhiệm của Dodd. "Ở bàn ăn, cha con em chủ yếu nói chuyện chính trị," cô viết tiếp. "Cha em đọc các chương cuốn sách Miền Nam ngày xưa của ông cho các vị khách nghe. Gần như ai cũng khổ sở vì chán nản và khó hiểu."

Cô để ý mẹ của cô - người mà cô hay gọi là "Phu nhân" - có sức khỏe tốt "nhưng hơi căng thẳng [và] đang thích thú với mọi thứ". Cha cô thì "vui vẻ đến không tưởng được" và dường như "hơi ủng hộ nước Đức". Cô viết thêm, "Mà chúng tôi cũng thuộc dạng không ưa người Do Thái."

Carl Sandburg gửi tặng cô một lá thư chào đón với nội dung lung tung, được đánh máy trên hai trang giấy mỏng dính, với dấu cách thay cho dấu chấm câu. "Bây giờ hành trình hegira[56] bắt đầu những năm du ngoạn qua con đường mòn trên biển, con đường dích dắc qua lục địa, đến trung tâm và ngôi nhà tại Berlin, nơi các cuốn sách số học và chúc thư rách nát bị ném ra cửa, sẽ trở thành đề tài bàn tán trên khắp châu Âu những người Do Thái, người cộng sản, những kẻ theo thuyết vô thần, những ai không thuộc tộc Ary- an thuần chủng và những kẻ bị trục xuất không phải lúc nào cũng đến với tư cách đó, mà họ sẽ đến tromg bộ dạng những kẻ ăn mặc rách rưới... vài người sẽ đến cùng những lời ca lạ lùng và vài người đến với những vần thơ chúng ta đã biết và yêu quý, các phóng viên thông thường và các phóng viên thường trú các điệp viên quốc tế bọt sóng những người lang thang trên bãi biển phi công người hùng..."

[56] Hegira: sự kiện năm 622 sau Công nguyên, khi Nhà tiên tri Muhammad rời Mecca và du hành tới Medina. Đây cũng là năm khởi đầu của hệ thống lịch Hồi giáo.

Gia đình Dodd sớm biết rằng mình có một hàng xóm nổi bật, nhiều người khiếp sợ ở đầu kia đường Tiergartenstresse, trên con phố bên cạnh tên là Standartenstrasse. Chính là Đại úy Röhm, tư lệnh Sư đoàn Bão tố. Sáng nào, người ta cũng thấy hắn cưỡi con ngựa ô to dạo trong Tiergarten. Một dinh thự đáng yêu cao hai tầng gần đó từng là dinh thủ tướng của Hitler, không lâu sau trở thành trụ sở cho một chương trình giết người hàng loạt của Quốc xã, nhắm vào những ai có khiếm khuyết cơ thể hoặc mắc bệnh tâm thần, mang mật danh Aktion (Hành động) T-4, viết tắt tên phố và số nhà Tiergartenstrasse 4.

Trước sự kinh hoàng của Tham tán Gordon, Đại sứ Dodd vẫn tiếp tục cuốc bộ đi làm, một mình, không ai bảo vệ, trong bộ đồ công sở giản dị.

Lúc này, chủ nhật, ngày 13 tháng 08 năm 1993, với việc Hindenburg vẫn đang phải dưỡng thương tại tư dinh, Dodd vẫn là một đại sứ không chính thức. Vấn đề tìm nhà cuối cùng đã được giải quyết, và cả gia đình ông cùng một người bạn mới của Martha, phóng viên Quentin Reynolds, lên kế hoạch thăm thú một chút nước Đức. Ban đầu, họ du lịch bằng xe hơi - chiếc Chevrolet của gia đình Dodd - nhưng sau đó chia tay nhau tại Leipzig, cách Berlin khoảng một trăm bốn mươi cây số về phía nam, vì vợ chồng Dodd muốn ở đây lâu hơn một chút, thăm lại những cảnh quan từ hồi Dodd học lấy bằng tiến sĩ ở đây.

Martha, Bill Jr. và Reynolds thì tiếp tục đi về phía nam, với mục đích cuối cùng là sang Áo. Hành trình của họ sẽ đầy biến cố, khiến quan điểm về nước Đức mới đầy màu hồng của Martha lần đầu tiên bị thách thức.

Phần III
LUCIFER TRONG VƯỜN

Rudolf Diels

Martha Dodd

Chương 11
NHỮNG KẺ XA LẠ

Họ đi về phía nam qua vùng thôn quê tươi đẹp, những ngôi làng nhỏ xinh, mọi thứ rất giống ba mươi lăm năm trước, khi Dodd từng đi qua con đường này. Điểm khác biệt rõ ràng là các mặt tiền công trình nhà nước, từ thành phố này qua thành phố khác, treo đầy băng rôn có phù hiệu ba màu đỏ, trắng, đen của Đảng Quốc xã, và tất nhiên là dấu thập ngoặc ở giữa. Vào lúc mười một giờ, họ đến điểm dừng đầu tiên, Schlosskirche, hay Nhà thờ Castle tại Wittenberg, nơi Mục sư Martin Luther[57] đóng đinh "Chính đề 95" lên cửa ra vào và tiến hành Cải cách. Khi còn là sinh viên Dodd đã đến Wittenberg từ Leipzig và đã ngồi phụng sự trong nhà thờ, nhưng lúc này, ông thấy các cửa ra vào bị khóa kín. Một đoàn diễu hành của Quốc xã đi qua các con phố.

[57] Martin Luther (1483 - 1546): nhà thần học, mục sư và tác giả người Đức. Ông là người khởi xướng cuộc Cải cách Tin Lành, phản đối những sai lầm của giáo hội Công giáo La Mã.

Mọi người tạm nghỉ tại Wittenberg chỉ chừng một tiếng rồi tiếp tục đến Leipzig, họ đến nơi lúc một giờ chiều, ăn uống ngay tại một trong các nhà hàng nổi tiếng nhất nước Đức, Auerbachs Keller, nhà hàng yêu thích của Goethe[58]. Đây từng là điểm gặp gỡ giữa Mephistopheles[59] và Faust[60], trong cuộc gặp này rượu vang của Mephisto đã bốc cháy. Dodd thưởng thức bữa ăn ngon tuyệt trần, đặc biệt với cái giá chỉ ba mark. Ông không uống rượu, cũng chẳng uống bia. Martha, Bill và Reynolds lại nốc hết cốc bia này đến cốc bia khác.

[58] Johann Wolfgang von Goethe (1749 - 1832): nhà văn nổi tiếng người Đức.

[59] Mephistopheles: một con quỷ trong truyện dân gian Đức.

[60] Faust: nhân vật chính diện trong một truyện dân gian của Đức.

Lúc này, gia đình ông chia thành hai nhóm. Các thanh niên đi xe thẳng tiến về Nuremberg, còn Dodd cùng vợ đặt phòng khách sạn, nghỉ ngơi vài tiếng rồi đi ăn tối, hưởng thụ thêm bữa ăn tuyệt vời nữa, thậm chí với cái giá còn thấp hơn, một mark. Họ tiếp tục đi tham quan vào ngày hôm sau, rồi bắt tàu hỏa quay về Berlin và đến nơi lúc năm giờ. Sau đó, họ bắt taxi quay về ngôi nhà mới của họ ở số 27a, phố Tiergartenstrasse.

Dodd vừa về nhà chưa đầy hai mươi tư tiếng thì một vụ tấn công khác nhằm vào người Mỹ lại xảy ra. Nạn nhân lần này là một bác sĩ phẫu thuật ba mươi tuổi tên là Daniel Mulvihill, sống tại Manhattan nhưng hành nghề y tại một bệnh viện ở Long Island. Anh ta đến Berlin với mục đích học hỏi các kĩ năng của một bác sĩ phẫu thuật danh tiếng người Đức. Messersmith, trong một thông điệp gửi nhanh về vụ này, đã nói rằng Mulvihill là "một công dân Mỹ tốt bụng, không phải người Do Thái".

Vụ tấn công theo một khuôn mẫu rất quen thuộc: Tối hôm thứ Ba, ngày 15 tháng 08, Mulvihill đang đi bộ trên đường Unter den Linden đến tiệm thuốc thì dừng lại xem một đoàn diễu hành của các thành viên SA đang đến gần. Sư đoàn Bão tố đang diễn lại cảnh duyệt binh hoành tráng qua cổng Brandenburg, vào đêm Hitler lên làm Thủ tướng trong một bộ phim tuyên truyền. Mulvihill đứng xem mê mải, không hề biết một tên SA đã rời khỏi đoàn diễu hành, tiến thẳng đến chỗ mình. Chẳng buồn nói câu nào, tên lính giáng xuống thái dương bên trái của Mulvihill một cú trời giáng, rồi bình thản quay lại đoàn diễu hành. Những người đứng bên cạnh bảo anh ta, lúc ấy còn đang choáng váng, rằng có thể nguyên nhân cuộc tấn công là vì Mulvihill đã không chào theo kiểu Hitler, khi đoàn diễu hành đi ngang qua. Đây là vụ tấn công bạo lực thứ mười hai nhắm vào người Mỹ, kể từ ngày 04 tháng 03.

Đại sứ quán Mỹ ngay lập tức lên tiếng phản đối, vào tối thứ Sáu, phía Gestapo tuyên bố đã bắt được kẻ tấn công. Hôm sau, thứ Bảy ngày 19 tháng 08, một quan chức chính phủ cao cấp thông báo cho Phó Lãnh sự Raymond Geist rằng các lực lượng SA và SS đã nhận chỉ đạo, rằng người nước ngoài không cần phải chào, hoặc đáp lại kiểu chào của Hitler. Ông ta còn nói rằng người đứng đầu chi nhánh của SA tại Berlin, một sĩ quan trẻ tên là Karl Ernst, sẽ đích thân đến gặp Dodd đầu tuần sau để xin lỗi về vụ này. Tổng Lãnh sự Messersmith, người từng gặp gỡ Enrst, đã viết rằng hắn "rất trẻ tuổi, tràn đầy năng lượng, thẳng thắn và nhiệt tình" nhưng "từ hắn tỏa ra sự tàn bạo và sức mạnh đặc trưng của SA".

Ernst đến như đã hứa. Anh ta giậm mạnh gót giày chào theo lối Quốc xã và hô to "Hitler Vạn tuế." Dodd hiểu lối chào đó nhưng không chào đáp lại. Ông lắng nghe "những lời thú nhận hối tiếc" của Ernst, lời hứa hẹn của hắn rằng sẽ không xảy ra những vụ tấn công như vậy nữa. Ernst có vẻ nghĩ rằng hắn đã làm tất cả những gì hắn cần làm, nhưng lúc này Dodd mời hắn ngồi, và với vai trò quen thuộc của ông như một người cha và một giáo sư, ông thuyết giảng cho Ernst một hồi về hành vi tồi tệ của lính dưới quyền hắn, cùng những hậu quả tiềm tàng của hành vi đó.

Ernst khó chịu, một mực cho rằng hắn thực sự đã cố gắng ngăn chặn các vụ tấn công. Nói rồi, hắn đứng dậy, giậm chân thu hút sự chú ý, chào theo kiểu Quốc xã lần nữa, "lịch sự cúi đầu chào", rồi bỏ đi.

"Mình chẳng vui một chút nào cả," Dodd viết.

Chiều hôm đó, ông bảo Messersmith rằng Ernst đã có lời xin lỗi thích hợp.

Messersmith đáp, "Các vụ tấn công sẽ còn tiếp tục."

Trên khắp các tuyến đường đến Nuremberg, Martha cùng những người bạn đồng hành gặp phải các nhóm mặc đồng phục áo nâu của SA, trẻ già, béo gầy đủ cả, diễu hành, hát hò và tay giơ cao những tấm băng rôn Quốc xã. Khi chiếc xe chạy chậm lại qua các con đường làng chật hẹp, người dân đứng xem thường xuyên quay lại nhìn họ và chào theo kiểu Quốc xã, hô to lên "Hitler Vạn tuế". Rõ ràng họ cho rằng con số dưới cùng trên biển số - theo truyền thống Đại sứ Mỹ tại Đức đều mang số 13 - chứng minh rằng những kẻ ngồi trong xe chắc là gia đình của tên quan chức Quốc xã nào đó từ Berlin. "Sự phấn khích của họ thật dễ lây lan, tôi đã chào 'Hitler Vạn tuế' một cách đầy vinh quang như bất kì tên Quốc xã nào," Martha viết trong nhật kí. Hành vi của cô khiến anh trai và Reynolds khiếp đảm, nhưng cô tảng lờ những lời chế giễu sâu cay của họ. "Tôi cảm thấy mình như đứa trẻ, sôi nổi, nhiệt huyết và vô tư, thứ chất độc của chế độ mới ngấm vào tôi như rượu vang."

Gần nửa đêm, họ ghé vào một trạm dừng chân trước cửa khách sạn mà họ đặt phòng tại Nuremberg. Đã từng đến Nuremberg, Reynolds biết về đêm nơi này im lặng như chết, nhưng lúc này, anh viết, "họ thấy một đám đông phấn khích, vui vẻ". Suy nghĩ đầu tiên của anh là những kẻ này đang tham gia liên hoan ngành đồ chơi huyền thoại của thành phố.

Vào khách sạn, Reynolds hỏi nhân viên tiếp tân, "Sắp có đoàn diễu hành đi qua đây à?"

Tay nhân viên vui vẻ và dễ chịu, phá lên cười sung sướng đến mức râu của anh ta rung lên, Reynolds nhớ lại. "Đúng là sẽ có diễu hành," anh ta đáp. "Họ sắp dạy ai đó một bài học."

Sau khi mang hành lí lên phòng, họ ra ngoài ngắm thành phố và tìm quán ăn.

Bên ngoài ngày càng đông lên, không khí hân hoan tràn ngập. "Ai ai cũng kích động, cười nói," Reynolds chứng kiến. Điều khiến anh kinh ngạc đó là mọi người thân thiện làm sao - chắc chắn thân thiện hơn nhiều đám đông ở Berlin. Anh ghi lại rằng ở đây nếu bạn có vô tình va phải ai đó, họ sẽ nở nụ cười lịch thiệp và tha thứ cho bạn.

Từ khoảng cách xa, họ nghe thấy tiếng la hét thô tục khàn khàn, tăng dần cường độ của một đám đông ầm ĩ hơn đang tiến vào con phố. Vẳng lại từ xa là âm thanh của một ban nhạc đường phố, tất cả đều là tiếng kèn đồng ầm ĩ. Đám đông tiến đến trông háo hức vui vẻ, Reynolds viết. "Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng hò reo của đám đông từ cách ba khu phố, thanh âm ấy ùa đến chỗ chúng tôi cùng tiếng nhạc."

Tiếng ồn ngày càng tăng, đi kèm với đó là chùm ánh sáng lung linh màu cam, rung rinh trên mặt tiền các tòa nhà. Một lúc sau đoàn diễu hành xuất hiện trong tầm nhìn, một đội ngũ SA xếp hàng dọc mặc đồng phục nâu mang theo đuốc và băng rôn. "Thì ra là Sư đoàn Bão tố," Reynolds để ý. "Không phải là thợ làm búp bê."

Ngay sau đội đầu tiên là hai toán lính rất đông, đi ở giữa là một tù nhân nhỏ con hơn nhiều, cho dù Reynolds ban đầu không thể đoán chắc là nam hay nữ. Chúng "nửa dìu, nửa kéo lê" cái bóng đó trên phố. "Đầu người đó bị cạo trọc lốc," Reynolds viết, "mặt và đầu bị phủ đầy bột trắng." Martha mô tả gương mặt này mang "sắc màu của rượu absinth pha loãng."

Họ tiến vào gần hơn theo đám đông xung quanh, giờ thì Reynolds và Martha đã nhận ra bóng người đó là một phụ nữ trẻ - mặc dù Reynolds vẫn chưa hoàn toàn chắc chắn. "Ngay cả cho dù bóng người đó mặc váy, nhưng vẫn có thể là một người đàn ông ăn mặc như thằng hề," Reynolds viết. "Đám đông quanh tôi gào thét khi trông thấy bóng người đó bị kéo lê."

Người dân thành Nuremberg đang vui vẻ quanh họ bỗng biến đổi, to mồm mắng nhiếc và sỉ nhục người phụ nữ. Đám lính đứng hai bên cô ta đột ngột bắt cô ta đứng thẳng dậy, làm lộ ra một bức tranh áp phích đeo trên cổ. Tiếng cười thô tục vang lên từ khắp xung quanh. Martha, Bill và Reynolds vận dụng hết vốn tiếng Đức còm của họ hỏi người xung quanh xem chuyện gì đang diễn ra và biết lõm bõm rằng cô gái có quan hệ với một người đàn ông Do Thái. Cố gắng hết sức, Martha mới hiểu dòng chữ trên tấm áp phích, "TÔI ĐÃ DÂNG HIẾN CHO MỘT TÊN DO THÁI".

Khi Sư đoàn Bão tố đi qua, đám đông từ trên vỉa hè tràn xuống con phố phía sau và đi theo chúng. Một chiếc xe buýt hai tầng mắc kẹt giữa đám đông. Ông tài xế giơ hai tay lên giả đầu hàng. Hành khách trên hàng ghế đầu chỉ trỏ vào cô gái và cười. Đám lính một lần nữa bắt cô gái đứng thẳng dậy - như một món "đồ chơi của chúng," Reynolds khẳng định - để những người trên xe nhìn được rõ hơn. "Rồi ai đó nảy ra ý tưởng đem diễu cái thứ đó vào hành lang khách sạn chúng tôi," Reynolds viết. Anh biết rằng "cái thứ" đó có tên: Anna Rath.

Ban nhạc dừng lại trên phố, vẫn tiếp tục chơi nhạc một cách ầm ĩ, cay độc. Sư đoàn Bão tố xuất hiện từ hành lang, kéo lê cô gái đến một khách sạn khác. Ban nhạc chơi bài "Horst Wessel Song", và bất chợt từ khắp các hướng dọc con phố, đám đông chú ý đến những cánh tay phải vươn dài theo kiểu chào Quốc xã, tất cả cùng mạnh mẽ cất tiếng hát.

Hát xong, đám rước tiếp tục đi. "Tôi muốn đi theo họ," Martha viết, "nhưng hai người bạn của tôi ghê tởm đến mức họ kéo tôi ra chỗ khác". Bản thân cô cũng bị chấn động trước hình ảnh đó, nhưng cô không cho phép nó vấy bẩn toàn bộ quan điểm của cô về đất nước này và sự hồi phục tinh thần do cuộc Cách mạng Quốc xã đem lại. "Tôi đã cố gắng tự nhủ biện minh cho hành động của Quốc xã, khăng khăng cho rằng chúng ta không nên vội lên án khi chưa hiểu rõ toàn bộ câu chuyện."

Bộ ba bước vào quán bar trong khách sạn, Reynolds thề sẽ uống đến say mèm. Thật khẽ khàng, anh hỏi cậu phục vụ quầy bar về chuyện vừa xảy ra. Cậu ta thì thầm kể chuyện. Bất chấp những cảnh báo của Quốc xã cấm tiệt hôn nhân giữa dân Do Thái và người Aryan thuần chủng, cô gái đã lên kế hoạch kết hôn với vị hôn phu Do Thái. Việc này ở bất kì đâu trên đất Đức cũng đều mạo hiểm, cậu ta giải thích, nhưng chẳng nơi nào chuyện đó nguy hiểm hơn ở Nuremberg. "Anh đã từng nghe nói đến ngài S, người có nhà ở đây chưa?" Cậu ta hỏi.

Reynolds đã hiểu. Cậu ta muốn nói đến Julius Streicher, người mà Reynolds đã mô tả là "nhà tư tưởng bài Do Thái của Hitler ". Theo lời nhà tiểu sử của Hitler, Ian Kershaw, Streicher "có dáng người béo lùn, là kẻ du côn mày râu nhẵn nhụi... cực kì bị ám ảnh bởi những hình tượng ma quỷ về người Do Thái." Hắn là người sáng lập tờ báo bài Do Thái hiểm độc Der Stürmer.

Reynolds nhận ra rằng những gì anh, Martha và Bill vừa chứng kiến là một sự kiện có ý nghĩa hơn cả các chi tiết thực tế của nó. Các phóng viên nước ngoài tại Đức đã báo cáo các vụ lạm dụng người Do Thái, nhưng cho đến giờ các câu chuyện của họ chỉ dựa trên cuộc điều tra sau khi sự việc đã xảy ra, chỉ dựa vào mô tả của những người chứng kiến. Còn ở đây là một hành động tàn bạo chống người Do Thái mà một phóng viên đã chứng kiến tận mắt. "Bọn Quốc xã bấy lâu nay toàn phủ nhận những hành động tàn bạo đôi khi được báo cáo ở nước ngoài, nhưng đây là bằng chứng xác thực," Reynolds viết. "Không một phóng viên nào được chứng kiến tận mắt một hành động như thế," anh thốt lên Biên tập viên của anh đồng ý rằng đây là câu chuyện quan trọng, nhưng lo sợ rằng nếu Reynolds cố gắng gửi đi, điện tín sẽ bị những kẻ theo dõi của Quốc xã chặn lại. Ông bảo Reynolds gửi theo đường thư tín, khuyến cáo bỏ hết phần ám chỉ đến lũ trẻ nhà Dodd, nhằm tránh gây rắc rối cho Đại sứ mới.

Martha van xin anh đừng viết hết câu chuyện này ra. "Đó là một vụ riêng biệt," cô tranh luận. "Không thực sự nghiêm trọng, không để lại ấn tượng xấu, thực sự chẳng cho thấy chuyện gì đang diễn ra ở Đức, không phủ bóng đen lên công cuộc kiến thiết của họ."

Martha, Bill và Reynolds tiếp tục nam tiến sang Áo, nơi họ nghỉ thêm một tuần nữa trước khi về Đức, quay lại dọc theo sông Rhine. Khi trở về văn phòng, Reynolds thấy các lệnh triệu tập khẩn của trùm thông tấn nước ngoài Ernst Hanfstaengl.

Hanfstaengl rất tức tối, đến giờ vẫn chưa nhận thức được cả Martha và Bill đều là người chứng kiến vụ này.

"Chẳng có tí sự thật khốn kiếp nào trong câu chuyện của anh!" Anh ta gầm lên. "Tôi đã nói chuyện với mọi người ở Nuremberg, họ chẳng nói gì về sự việc xảy ra ở đó."

Reynolds nhẹ nhàng thông báo cho Hanfstaengl rằng mình đã xem đoàn diễu hành cùng hai nhân chứng quan trọng, anh không ghi tên họ vào câu chuyện, nhưng lời làm chứng của họ không thể

chối cãi được. Rồi Reynolds nói ra tên hai người đó.

Hanfstaengl ngồi thụp xuống ghế và gục đầu. Anh ta phàn nàn rằng lẽ ra Reynolds phải nói cho anh ta biết sớm hơn. Reynolds muốn anh ta phải gọi cho gia đình Dodd để xác nhận về sự có mặt của họ, nhưng Hanfstaengl xua tay phản đối.

Tại buổi họp báo không lâu sau đó, Goebbels, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền, đã không đợi phóng viên nêu ra vấn đề lạm dụng người Do Thái, mà lão đã tự mình làm điều đó. Lão trấn an bốn mươi hoặc hơn thế các phóng viên trong phòng rằng những vụ như thế chỉ là hiếm hoi, do những kẻ "không có trách nhiệm" gây ra.

Một phóng viên, Norman Ebbutt, người đứng đầu chi nhánh London Times tại Berlin, ngắt lời. "Nhưng thưa Bộ trưởng, chắc ngài đã nghe nói đến cô gái Aryan đó, Anna Rath, người bị đem diễu quanh Nuremberg, chỉ vì muốn kết hôn với một người Do Thái?"

Goebbels mỉm cười. Nụ cười làm gương mặt lão biến dạng kinh khủng, cho dù nét biểu cảm này chẳng hấp dẫn gì. Nhiều người trong phòng đã từng gặp phải hiệu ứng này rồi. Có điều gì đó dị hợm về mức độ các cơ nửa dưới gương mặt lão nặn ra nụ cười đó và những thay đổi rất nhanh trên nét mặt lão.

"Hãy để tôi giải thích làm sao một chuyện như thế có thể thi thoảng xảy ra," Goebbels đáp. "Trong suốt mười hai năm của nền Cộng hòa Weimar, người dân chúng tôi gần như bị cầm tù. Giờ đây, đảng của chúng tôi nắm quyền và họ đã có lại tự do. Khi một người đã bị cầm tù suốt mười hai năm rồi bất ngờ được tự do, vì vui quá anh ta có thể làm chuyện gì đó vô lí, thậm chí có lẽ là tàn bạo. Chẳng phải chuyện này cũng có thể xảy ra ở nước bạn sao?"

Ebbutt, với giọng điềm đạm lưu ý sự khác biệt cơ bản trong cách người Anh tiếp cận viễn cảnh đó. "Nếu thực sự có chuyện này," anh đáp, "chúng tôi sẽ lập tức tống hắn vào tù lần nữa."

Nụ cười của Goebbels tắt lịm, rồi hiện ra gần như ngay lập tức. Lão nhìn quanh phòng. "Còn câu hỏi nào khác không?"

Các phóng viên Mỹ không chính thức phản đối sự việc này, một quan chức Bộ Ngoại giao Đức gửi lời xin lỗi đến Martha. Anh ta không cho rằng đây là một vụ cá biệt và vụ này sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

Martha sẵn sàng chấp nhận quan điểm của anh ta. Cô vẫn còn bị

mê hoặc trước cuộc sống tại nước Đức mới. Trong lá thư gửi Thornton Wilder, cô bộc lộ một hồi, "Tuổi trẻ với gương mặt sáng ngời và đầy hi vọng, họ hát tụng ca bóng ma quý tộc của Horst Wessel với đôi mắt rực sáng và miệng lưỡi dẻo như kẹo. Những anh chàng người Đức này thật mạnh mẽ và đẹp trai, tốt bụng, chân thành, khỏe mạnh, tàn bạo một cách bí ẩn, đẹp đẽ, đầy hi vọng, có thể chết và yêu, sâu sắc, là những con người kì lạ và phi thường - những thanh niên của nước Đức Quốc xã hiện đại."

Trong khi đó, Dodd nhận được lời mời tham dự tiệc mít tinh sắp tới tại Nuremberg của văn phòng ngoại giao Đức, dự kiến bắt đầu sớm nhất vào ngày 01 tháng 09. Lời mời làm ông bối rối.

Ông đã đọc về thiên hướng của Đảng Quốc xã hay dàn dựng các màn phô diễn sức mạnh và tiềm năng của Đảng. Ông xem chúng không phải là các sự kiện chính thức được Nhà nước tài trợ mà là chuyện riêng của Đảng, chẳng liên quan gì đến các quan hệ quốc tế. Ông không thể tưởng tượng bản thân mình tham dự một buổi mít tinh như thế, cũng tương tự như hình dung ông Đại sứ Đức sang Mỹ tham dự hội nghị của đảng Cộng hòa hay Dân chủ. Hơn nữa, ông sợ rằng Goebbels cùng Bộ Tuyên truyền của lão sẽ nắm chặt lấy thực tế sự hiện diện của ông và khắc họa nó như một sự chứng thực các chính sách và hành vi của Quốc xã.

Thứ Ba, ngày 22 tháng 08, Dodd đánh điện về Bộ Ngoại giao xin lời khuyên. "Tôi nhận được một câu trả lời lấp lửng," ông viết trong nhật kí. Bộ Ngoại giao hứa hẹn ủng hộ bất kì quyết định gì ông đưa ra. "Ngay lập tức, tôi hạ quyết tâm sẽ không đi, ngay cả nếu tất cả các đại sứ khác đều tới". Đến thứ Bảy, ông thông báo cho văn phòng ngoại giao Đức rằng mình sẽ không tham dự. "Tôi từ chối lời mời lấy cớ vì sức ép công việc, cho dù lí do chính là vì tôi không ủng hộ lời mời của Chính phủ đến dự một hội nghị của Đảng," ông viết. "Tôi cũng chắc chắn rằng hành vi của nhóm thống trị thật đáng xấu hổ."

Dodd chợt lóe lên một ý tưởng: Nếu ông có thể thuyết phục các đồng nghiệp của ông từ Anh, Tây Ban Nha và Pháp cùng từ chối lời mời, hành động nhất trí của họ sẽ gửi một thông điệp gián tiếp, thích hợp nhưng hiệu quả về sự đoàn kết và phản đối.

Ban đầu Dodd gặp gỡ Đại sứ Tây Ban Nha, theo Dodd mô tả là một cuộc gặp "dân dã dễ chịu", vì Đại sứ Tây Ban Nha cũng chưa được công nhận chính thức. Ngay cả như thế, cả hai cùng tiếp cận vấn đề với sự thận trọng. "Tôi đã ngụ ý rằng mình sẽ không đi," Dodd viết. Ông cung cấp cho Đại sứ Tây Ban Nha một chút sự kiện lịch

sử là lí do khiến lời mời mất giá trị. Đại sứ Tây Ban Nha đồng ý rằng buổi mít tinh là chuyện riêng của Đảng, không phải sự kiện của nhà nước, nhưng không cho biết ông ta sẽ làm gì.

Tuy nhiên, Dodd biết rằng cuối cùng ông chỉ nhận được những lời xin lỗi của họ, như các đại sứ Pháp và Anh, mỗi người đều viện ra những lí do này kia không từ chối được.

Bộ Ngoại giao chính thức phê chuẩn lời từ chối nhẹ nhàng, không chính thức của Dodd, quyết định của ông khiến một số quan chức cao cấp bực bội, bao gồm Thứ trưởng Phillips và Trưởng phòng Phụ trách Các Vấn đề Tây Âu Jay Pierrepont Moffat. Họ xem quyết định của Dodd như sự khiêu khích không cần thiết, càng chứng minh rằng việc bổ nhiệm ông làm Đại sứ là một sai lầm. Sức ép bắt đầu đè nặng lên vai Dodd.

Chương 12
BRUTUS

Cuối tháng Tám, Tổng thống Hindenburg rốt cuộc cũng trở về Berlin từ nơi dưỡng bệnh ở tư dinh quê nhà. Đến thứ Tư, ngày 30 tháng 08 năm 1933, Dodd diện áo vest cổ mở kiểu Ý, đầu đội mũ chóp cao, lái xe đến phủ tổng thống đệ trình quốc thư.

Tổng thống có dáng người to lớn với bộ râu uốn cong màu xám trắng như đôi cánh bạc. Cổ áo bộ đồng phục của ông ta cao và cứng ngắc, chiếc áo trùm hông với những tấm huy chương tạo điểm nhấn, vài tấm trong số này có hình dạng ngôi sao tỏa sáng rực rỡ, to bằng những quả cầu trang trí trên cây thông Noel. Xét toàn diện, ông ta muốn người khác cảm nhận được sức mạnh cùng vẻ nam tính khỏe khoắn, trái ngược với cái tuổi tám mươi lăm. Hitler, cũng như Goebbels và Göring đều vắng mặt, bộ ba này được cho là đang chuẩn bị cho buổi mít tinh của Đảng sẽ bắt đầu hai ngày sau đó.

Dodd đọc một bài diễn văn ngắn gọn, nhấn mạnh sự cảm thông của ông dành cho nước Đức, lịch sử và văn hóa của quốc gia này. Trong bài viết, không có một dòng nào ám chỉ đến Chính phủ, hi vọng qua đó nêu bật quan điểm không cảm thông với chế độ Hitler.

Trong mười lăm phút tiếp theo, ông cùng Quý Ông Già ngồi bên nhau trên chiếc "ghế bành ưa thích", nói chuyện trên trời dưới biển, từ trải nghiệm ở trường đại học của Dodd tại Leipzig đến những nguy hiểm của chủ nghĩa dân tộc kinh tế. Về sau, Dodd ghi lại trong nhật kí, Hindenburg "nhấn mạnh chủ đề các quan hệ quốc tế rất sâu sắc, đến mức tôi nghĩ ông ấy có ý phê phán gián tiếp những kẻ cực đoan Quốc xã". Dodd giới thiệu các nhân viên sứ quán chủ chốt của ông, sau đó tất cả cùng rời khỏi tòa nhà đến gặp những người lính của đội quân chính quy, Quân Phòng vệ Đế

chế, đang sống ở cả hai bên con phố.

Lần này, Dodd không đi bộ về nhà. Khi các xe của Đại sứ quán lăn bánh rời đi, những người lính đứng nghiêm im lặng. "Tất cả đã kết thúc," Dodd viết, "cuối cùng cũng trở thành Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền của Mỹ tại Berlin." Hai ngày sau, ông thấy mình phải đương đầu với cuộc khủng hoảng chính thức đầu tiên.

Sáng ngày 01 tháng 09 năm 1933, thứ Sáu, H. V. Kaltenborn, bình luận viên đài phát thanh Mỹ, gọi điện cho Tổng Lãnh sự Messersmith bày tỏ hối tiếc rằng mình không thể ghé qua thăm, vì anh ta cùng gia đình đã kết thúc chuyến du lịch châu Âu và đang sắp quay về nhà. Chuyến xe lửa đưa họ đến bến tàu thủy theo kế hoạch sẽ khởi hành vào nửa đêm.

Anh ta nói rằng mình vẫn chẳng thấy bằng chứng gì cho những chỉ trích của Tổng Lãnh sự về nước Đức, anh ta buộc tội ông "thực sự đang sai lầm, khi không khắc họa hình ảnh nước Đức như nó vốn thế."

Không lâu sau cuộc gọi này, Kaltenborn cùng gia đình anh ta - vợ, con gái và con trai - rời khách sạn Adlon đi mua sắm vào phút cuối. Con trai họ, Rolf, lúc đó mười sáu tuổi. Bà Kaltenborn thực sự muốn đến thăm cửa hàng vàng bạc đá quý trên đường Unter den Linden, nhưng chuyến phiêu lưu của họ đi xa hơn về phía nam thêm bảy khu phố nữa đến Leipziger Strasse. Đây là một đại lộ đông - tây nhộn nhịp đầy xe ô tô, xe điện và hai bên là những tòa nhà tuyệt đẹp, vô số cửa hàng nhỏ bán đồng, đồ sứ Trung Quốc Dresden, lụa, thời trang đồ da, và hầu như bán mọi thứ đáng thèm muốn. Đây cũng là khu chợ Wertheim's Emporium nổi tiếng, một cửa hàng bách hóa khổng lồ - Warenhaus - bên trong đông nghịt khách hàng, đi hết tầng này đến tầng khác bằng tám mươi ba chiếc thang máy.

Khi gia đình anh ta từ cửa hàng đi ra, họ trông thấy một đội hình Sư đoàn Bão tố đang diễu hành dọc đại lộ về phía họ. Lúc này là 9 giờ 20 phút sáng.

Khách bộ hành bu lại trên mép vỉa hè, chào theo kiểu Quốc xã. Bất chấp quan điểm đồng cảm, nhưng Kaltenborn không muốn làm theo và biết rằng một trong các phó tướng hàng đầu của Hitler, Ru- dolf Hess, đã tuyên bố công khai rằng người nước ngoài không cần phải chào theo. "Chuyện này từ nay như làm dấu Thánh giá," Hess tuyên bố, "khi bạn bước vào một Nhà thờ Cơ Đốc giáo." Tuy nhiên, Kaltenborn dặn cả gia đình quay nhìn cửa kính quầy hàng

như thể đang xem món hàng nào đó.

Vài tên lính bước đến chỗ gia đình Kaltenborn, gặng hỏi tại sao họ quay lưng lại đoàn diễu hành và tại sao họ lại không chào. Bằng tiếng Đức thật trau chuốt, Kaltenborn trả lời rằng anh ta là người Mỹ, rằng anh ta cùng gia đình đang trên đường về khách sạn.

Đám đông bắt đầu sỉ nhục Kaltenborn và trở nên đầy đe dọa, đến mức mà tay bình luận viên phải lên tiếng gọi hai cảnh sát đang đứng cách đó ba mét. Nhưng họ không phản ứng.

Kaltenborn cùng gia đình bắt đầu đi bộ về khách sạn. Một thanh niên tiến đến từ phía sau, không nói một lời, túm chặt lấy con trai của Kaltenborn, đánh thật mạnh vào mặt thằng bé làm nó ngã gục xuống vỉa hè. Nhưng cảnh sát vẫn chẳng làm gì. Một trong hai tên còn mỉm cười.

Không bình tĩnh được nữa, Kaltenborn túm chặt cánh tay tên thanh niên, kéo hắn đến chỗ hai cảnh sát. Đám đông ngày càng kích động hơn, Kaltenborn nhận ra mình càng cố gắng đòi hỏi công bằng bao nhiêu sẽ càng ăn đòn thêm bấy nhiêu.

Cuối cùng, một thường dân đứng ra can thiệp và thuyết phục đám đông để yên cho gia đình Kaltenborn, vì rõ ràng họ là người Mỹ. Đoàn diễu hành tiếp tục đi.

Sau khi an toàn về đến khách sạn Adlon, Kaltenborn gọi điện cho Messersmith. Anh ta khó chịu và gần như líu cả lưỡi. Anh ta đề nghị Messersmith đến khách sạn Adlon ngay lập tức.

Đối với Messersmith, đây là một khoảnh khắc cực kì đáng lo ngại nhưng mơ hồ. Ông trả lời không thể đến khách sạn được. “Thật tình cờ là tôi cũng có việc trong vài tiếng nữa,” ông nhớ lại. Nhưng ông cũng phái Phó Lãnh sự, Raymond Geist đến khách sạn Adlon, bố trí hộ tống gia đình Kaltenborn đến nhà ga tối hôm đó.

“Thật mỉa mai khi đây chính là một trong những điều Kaltenborn cho rằng không thể xảy ra,” Sau này Messersmith viết, rõ ràng thấy hài lòng. “Một trong những chuyện anh ta đặc biệt cho rằng tôi đã báo cáo không chính xác, đó là cảnh sát chẳng làm gì bảo vệ người dân trước các cuộc tấn công.” Messersmith nhận thức rằng vụ này chắc phải là kinh nghiệm xương máu đối với nhà Kaltenborn, đặc biệt là với con trai họ. “Tuy nhiên, chuyện đã xảy ra lại là một điều tốt, bởi nếu không có vụ này, Kaltenborn hẳn sẽ về nước, kể lể với khán thính giả của anh ta rằng mọi thứ ở Đức tốt đẹp ra sao, rằng các quan chức người Mỹ đang báo cáo với Chính

phủ chúng ta những điều tồi tệ đến thế nào, và các phóng viên tại Berlin đang hình dung các diễn biến ở đất nước này sai lầm thế nào."

Messersmith gặp Dodd và hỏi phải chăng đã đến lúc Bộ Ngoại giao đưa ra lời cảnh báo đáng tin cậy đừng du lịch đến Đức. Cả hai đều biết, một lời cảnh báo như thế này sẽ tạo ra ảnh hưởng gây tổn hại uy tín của Quốc xã.

Dodd đồng ý hạn chế. Xuất phát từ quan điểm của một đại sứ, ông thấy những cuộc tấn công này gây phiền nhiễu hơn là một tình huống khẩn cấp đáng sợ, và trên thực tế, vào bất kì lúc nào có thể, ông đều muốn hạn chế báo chí thò mũi vào. Trong nhật kí, ông nói rõ sẽ cố xoay sở không để báo chí đánh hơi thấy mấy vụ tấn công nhằm vào người Mỹ, và "đồng thời ngăn chặn những biểu hiện không thân thiện."

Tuy nhiên, trên phương diện cá nhân, Dodd thấy những sự kiện này thật ghê tởm, cực kì xa lạ với trải nghiệm ông đã từng có khi còn học tiến sĩ ở Leipzig. Trong các bữa ăn của gia đình, ông lên án các vụ tấn công, tuy nhiên nét mặt con gái ông không hề cho thấy vẻ phẫn nộ nào hết.

Martha vẫn giữ thiên hướng nghĩ đến điều tốt đẹp nhất của nước Đức mới, như cô thừa nhận sau này, một phần vì tính ngoan cố đơn giản của một đứa con gái đang cố gắng định nghĩa bản thân. "Tôi đang cố biện minh cho những hành vi quá đáng của họ, và cha tôi nếu tha thứ sẽ nhìn tôi lạnh lùng một chút, vừa thầm lặng vừa công khai, ông nhẹ nhàng dán nhãn tôi là thanh niên Quốc xã," cô viết. "Điều này khiến tôi rơi vào thế khép mình một thời gian, và tôi tạm thời trở thành người bào chữa mạnh mẽ cho mọi chuyện đang diễn ra."

Cô biện hộ rằng còn nhiều điều tốt đẹp khác về nước Đức. Đặc biệt, cô tán dương sự nhiệt tình của lớp trẻ tại quốc gia này, về những biện pháp Hitler đang thi hành nhằm giảm tỉ lệ thất nghiệp. "Tôi cảm thấy điều gì đó cao cả trên những gương mặt trẻ trung, tươi tắn, sôi nổi, mạnh mẽ ở khắp nơi, và tôi sẽ nói lên điều đó một cách hùng hồn ngay khi có cơ hội." Trong những lá thư gửi về Mỹ, cô tuyên bố nước Đức đang trải qua một cuộc tái sinh li kì, "rằng các bài viết của báo chí và các câu chuyện tàn bạo đều chỉ là những ví dụ cá biệt, do những kẻ cay đắng, hẹp hòi nói quá lên."

Cái ngày thứ sáu ầm ĩ với cuộc tấn công gia đình Kaltenborn đã kết thúc, khiến tâm trạng Dodd hài lòng hơn rất nhiều.

Tối hôm đó, phóng viên Edgar Mowrer lên đường đến nhà ga Zoo, bắt đầu chuyến đi dài tới Tokyo. Vợ và con gái anh đi cùng đến nhà ga nhưng chỉ để tiễn chồng: họ sẽ ở lại giám sát, gói ghém đồ đạc của gia đình và sẽ sớm đi Tokyo.

Hầu hết các phóng viên nước ngoài trong thành phố đều tề tựu ở nhà ga, vài người Đức đủ bạo gan cũng làm tương tự, chẳng quan tâm có thể bị nhìn thấy và nhận diện bởi đám mật vụ, những kẻ vẫn không ngừng theo dõi Mowrer.

Tên quan chức Quốc xã được lệnh phải chắc chắn Mowrer thực sự lên tàu, bằng giọng thẽ thọt, hắn hỏi, "Khi nào ngài trở về Đức, thưa ngài Mowrer?"

Ánh mắt bừng lửa giận, Mowrer đáp. "Nếu tôi có thể quay lại với hai triệu người dân nước tôi thì thế nào?"

Messersmith ôm chầm lấy anh ta, cho thấy sự ủng hộ của ông, trước con mắt đám mật vụ. Bằng giọng đủ to để chúng nghe thấy, Messersmith hứa rằng vợ con của Mowrer sẽ đi theo mà không bị cản trở. Mowrer cảm kích nhưng vẫn không tha thứ cho Messersmith, vì không lên tiếng cho anh ta được ở lại Đức. Khi Mowrer lên tàu, anh ta quay lại khẽ mỉm cười với Messersmith và nói, "Ngài cũng vậy nhé, Brutus."[61]

[61] Nguyên văn "You too, Brutus." là cách chơi chữ của Mowrer. Anh ta ám chỉ đến câu "Et tu, Brute?" của Julius Caesar hỏi bạn ông Marcus Junius Brutus, trong vở kịch Julius Caesar của Shakespeare. Câu này nghĩa là "Cả cậu nữa sao, Brutus?". Brutus đã phản bội Julius Caesar và ám sát ông.

Đối với Messersmith đây là lời nhận xét hạ nhục. "Tôi cảm thấy đau khổ và tuyệt vọng," ông nói. "Tôi biết cậu ấy ra đi là điều cần thiết, nhưng tôi căm ghét bản thân mình cũng là nguyên nhân khiến cậu ấy phải bỏ đi."

Dodd không ra ga tiễn. Ông thấy mừng khi Mowrer đã đi rồi. Trong lá thư gửi một người bạn ở Chicago, ông viết rằng "bạn cũng biết có thời gian Mowrer gây chút rắc rối ở đây". Dodd thừa nhận rằng Mowrer là một cây bút tài năng. "Tuy nhiên, những trải nghiệm của anh ta sau khi xuất bản cuốn sách" - tai tiếng và một giải Pulitzer - "khiến anh ta trở nên sắc sảo và dễ bị kích động, không thèm uốn mình làm hài lòng tất cả."

Mowrer cùng gia đình anh ta đã an toàn đến Tokyo. Vợ anh ta, Lillian, nhớ lại nỗi đau buồn to lớn của cô khi phải rời khỏi Berlin.

“Tôi chẳng tìm thấy ở đâu những người bạn đáng yêu như ở Đức,” cô viết. “Nhìn lại tất cả như thể chứng kiến người bạn yêu thương hóa điên rồ - và làm những chuyện khủng khiếp.”

Những đòi hỏi về nghi thức ngoại giao - theo tiếng Đức là Protokoll - ám ảnh những tháng ngày của Dodd như một lớp sương mù đen kịt, tước đi thời gian được làm công việc ông yêu thích nhất, hoàn thành cuốn sách Miền Nam ngày xưa. Với địa vị là Đại sứ hiện được chính thức công nhận, các trách nhiệm ngoại giao theo thông lệ của ông bất ngờ nhiều lên, đến mức khiến ông hoang mang. Trong lá thư gửi Ngoại trưởng Hull, ông viết, “Nghi thức ngoại giao phán xử hành vi xã hội của ai đó theo tiền lệ, bắt ai đó phải tham gia các trò giải trí vô bổ, ngay sau khi người ta vừa ổn định nơi cư trú, và nó trao cho các bộ và từng đại sứ quán cái quyền “xã hội” được tổ chức những bữa tiệc tối hoành tráng.”

Tất cả gần như bắt đầu ngay lập tức. Nghi thức ngoại giao yêu cầu ông phải đón tiếp các ngoại giao đoàn. Ông đã tính nhiều lắm chỉ gần bốn mươi, năm mươi vị khách, nhưng rồi ông biết mỗi đoàn đều cử một hoặc vài nhân viên đến, khiến số người tham dự cuối cùng hơn hai trăm người. “Thế là buổi biểu diễn hôm nay bắt đầu vào lúc năm giờ,” Dodd viết trong nhật kí. “Các phòng của Đại sứ quán đã được chuẩn bị, hoa hoét bày ở khắp nơi, một bát to để pha rượu punch đã đổ đầy loại rượu quen thuộc.” Ngoại trưởng Neurath đến, rồi chủ tịch Ngân hàng Trung ương của Đệ tam Đế chế Schacht, một trong vài quan chức khác của chính quyền Hitler mà Dodd xem là người sáng suốt và biết điều. Schacht sẽ trở thành vị khách thường xuyên đến nhà Dodd, được bà Dodd rất quý mến, bà thường xuyên lợi dụng ông ta để lấp chỗ trống những cuộc gặp gỡ xã hội không thành, khi một vị khách tưởng sẽ đến nhưng bỗng dưng đổi ý. Bà rất thích nói rằng, “Chà, nếu mà vào phút cuối vị khách đó không đến được, chúng ta lúc nào cũng có thể mời Tiến sĩ Schacht”. Dodd quyết định, rốt cuộc “chuyện này cũng không tồi,” - và có một chi tiết ông đặc biệt hài lòng - “chỉ tốn 700 mác.”

Nhưng giờ đây, cơn lũ những lời mời đáp lễ, cả ngoại giao lẫn xã hội, tới tấp bay đến bàn làm việc rồi nhà riêng của Dodd. Tùy thuộc vào tầm quan trọng của sự kiện, thường kèm theo những lời mời này là trao đổi về sơ đồ xếp chỗ ngồi, được trao cho các nhân viên ngoại giao nhằm bảo đảm không sắp xếp nhầm lẫn họ hàng, tránh làm hỏng cả buổi tối. Số lượng các bữa tiệc, những cuộc đón tiếp phải tham dự nhiều đến mức ngay cả các nhà ngoại giao kì cựu cũng thấy phiền hà và mệt mỏi. Một quan chức mới ở Văn phòng Ngoại giao Đức nói với Dodd, “Người của ngài trong

Ngoại giao đoàn nên hạn chế các công tác xã hội đi, bằng không chúng tôi sẽ không nhận lời mời nữa." Một quan chức Anh cũng phàn nàn, "đơn giản là chúng tôi không thể kham nổi."

Dĩ nhiên, không phải lúc nào cũng mệt nhọc. Các bữa tiệc và buổi đón tiếp này có rất nhiều những phút vui vẻ và hài hước. Goebbels nổi tiếng vì sự hóm hỉnh, từng có dạo Martha thấy lão quyến rũ. "Vui vẻ và dễ làm người khác vui lây, ánh mắt lấp lánh, giọng nói mềm mại, cách ăn nói của ông ta dí dỏm và nhẹ nhàng. Thật khó nhớ sự tàn bạo và những biệt tài hủy diệt xảo quyệt của ông ta". Mẹ cô, Mattie, lúc nào cũng thích được xếp ngồi cạnh Goebbels trên bàn tiệc. Dodd xem lão "như một trong số vài người có khiếu hài hước ở Đức" và thường xuyên đối đáp với Goebbels bằng những câu nói dí dỏm ứng biến nhanh và những nhận xét mỉa mai. Một bức ảnh báo chí lạ thường chụp Dodd, Goebbels và Sigrid Schultz tại một bữa tiệc trang trọng, trong một khoảnh khắc có thể được xem là thân thiện, sôi nổi, vô tư. Cho dù bức ảnh rõ ràng có lợi cho bộ máy tuyên truyền của Quốc xã, khung cảnh diễn ra trong đại sảnh đãi tiệc còn phức tạp hơn trên ảnh chụp. Thực ra, như Schultz sau này giải thích trong cuộc phỏng vấn lịch sử truyền miệng, cô ta đang cố không nói chuyện với Goebbels nhưng trong quá trình này "chắc chắn trông như thể đang tán tỉnh". Cô giải thích (dùng ngôi thứ ba): "Trong bức hình này, Sigrid chẳng buồn để ý đến lão ta, anh thấy đấy. Lão ta đang ra sức dùng đủ chiêu trò quyến rũ, nhưng lão ta biết rằng cô ấy chẳng ưa gì mình." Cô nói khi Dodd xem bức ảnh gây chuyện kia, ông đã "phá lên cười sằng sặc."

Dường như Göring cũng có nhân cách khá tốt, ít nhất so với Hitler. Sigrid Schultz thấy gã là người dễ chịu nhất trong số các quan chức Quốc xã, vì ít nhất "bạn cảm thấy bạn có thể ở chung phòng với gã," cô nói, trái lại, Hitler "thuộc kiểu người khiến bụng tôi quặn lên". Một trong số các nhân viên đại sứ quán Mỹ, John C. White, nhiều năm sau cho biết, "Tôi đã luôn luôn có ấn tượng tốt đẹp với Göring.... Nếu bất kì quan chức Quốc xã nào có thể thương được, tôi cho rằng ông ta là người gần đạt tiêu chuẩn nhất."

Ban đầu, các nhà ngoại giao và những người khác thấy chẳng cần thiết phải đề phòng Göring. Gã giống một thằng nhóc giỏi giang, mặc dù cực kì nguy hiểm, vui sướng sáng tạo và mặc lên người những đồng phục mới. Khổ người to lớn khiến gã hứng chịu những trò đùa, cho dù những lời đùa cợt này không đến được tai gã.

Một đêm, Đại sứ Dodd cùng vợ đi xem một buổi hòa nhạc tại Đại

sứ quán Italia, Göring cũng tham dự. Trong bộ đồng phục trắng cỡ lớn tự thiết kế, trông gã rất to béo - "gấp ba lần người bình thường," như Martha kể trong câu chuyện. Ghế dành cho buổi hòa nhạc là những chiếc ghế cổ, dường như quá yếu ớt so với Göring.

Bị mê hoặc và không có một chút băn khoăn, bà Dodd nhìn Göring chọn ghế ngồi ngay trước mặt. Bà ngay lập tức thấy mình chết sững, khi Göring cố gắng nhét vừa cái mông "hình trái tim" bự tổ chảng xuống cái ghế bé tí. Trong suốt buổi hòa nhạc, bà cứ lo sợ cái ghế sẽ sụp đổ bất kì lúc nào, và tấm thân ục ịch của Göring sẽ đổ thẳng vào lòng bà. Martha viết, "Bà bị phân tâm trước hình ảnh cặp mông khổng lồ đang thò ra khỏi hai bên và mép ghế, ngay sát người bà rất nguy hiểm, bà không thể nhớ nổi một chút gì về vở kịch trên sân khấu."

Lời than phiền nổi bật nhất của Dodd về các bữa tiệc ngoại giao do nhiều đại sứ quán tổ chức là hao tiền tốn của, thậm chí cả các quốc gia đang chìm sâu trong Đại Khủng hoảng cũng vung tay quá trán.

"Để minh họa," ông viết cho Ngoại trưởng Hull, "tối qua vào lúc 20 giờ 30 phút, chúng tôi đi ăn tại ngôi nhà năm mươi ba phòng của công sứ Bỉ (quốc gia của ông ta được cho là không đáp ứng nổi các nghĩa vụ hợp pháp của chính họ)." Có hai người hầu mặc đồng phục đón xe của ông. Bốn người hầu đứng trên cầu thang, mặc trang phục theo phong cách người hầu của vua Louis XIV[62]. Ba người hầu khác mặc quần ống túm, phụ trách trông giữ áo choàng cho chúng tôi. Hai mươi chín người ngồi trong phòng ăn tối trang hoàng xa hoa hơn bất kì căn phòng nào trong Nhà Trắng tôi từng thấy. Tám món ăn đựng trên các đĩa bằng bạc do bốn hầu bàn không mặc đồng phục bưng lên. Có ba chai rượu vang đựng trên từng cái đĩa, và khi đứng lên, tôi nhận ra rất nhiều cốc rượu còn hẳn một nửa bị bỏ phí. Mọi người tại bữa tiệc đều có tính cách thoải mái, dễ chịu, nhưng đối với tôi chẳng có màn đối thoại nào để nghe tại bàn cả (điều này tôi cũng nhận thấy tại nhiều bữa tiệc lớn khác)... Chẳng có lấy bất cứ một thông tin hữu ích nào, hay thậm chí một cuộc chuyện trò hóm hỉnh nào sau bữa tối." Martha cũng tham dự, cô mô tả "trên người các quý bà phủ đầy kim cương, đá quý - tôi chưa từng thấy một màn khoe của nào hợm hĩnh đến thế". Cô cũng để ý việc cô cùng cha mẹ rời buổi tiệc lúc 22 giờ 30 phút đã gây ra một rắc rối nhỏ. "Rất nhiều quý ông, quý bà lịch lãm nhướng mày bối rối, nhưng chúng tôi vẫn mặc kệ tất cả và bỏ về". Sau này cô mới hiểu, rời khỏi một buổi họp mặt ngoại giao quan trọng trước 23 giờ là sai nghi thức.

[62] *Vua Louis XIV (1638 - 1715): một vị vua của triều đại Bourbon, nước Pháp. Ông là nhân vật chính trong tiểu thuyết về lính ngự lâm của Alexandre Dumas, với tựa đề "Tử tước thành Bragelonne".*

Dodd choáng váng khi biết các đại sứ tiền nhiệm giàu có, sung túc của ông tại Berlin đã từng chi 100.000 USD một năm vào giải trí, nhiều gấp năm lần tổng mức lương của Dodd. Thi thoảng họ còn boa cho người hầu nhiều hơn hẳn tiền thuê nhà của Dodd mỗi tháng. "Tuy nhiên," ông thề với Hull, "chúng tôi sẽ không đáp lại lòng hiếu khách này bằng những bữa tiệc mời quá mười hoặc mười hai khách, với bốn người hầu là tối đa, đều mặc quần áo bình thường" - có thể đoán chừng, ý ông muốn nói là họ mặc quần áo đầy đủ, nhưng không mặc quần ống túm như người Bỉ. Gia đình Dodd có nuôi ba người hầu, có một tài xế riêng và thuê thêm một, hai người hầu nữa phục vụ các bữa tiệc, với sự tham gia của nhiều hơn chục khách mời.

Theo bản tóm tắt chính thức về bất động sản thuộc sở hữu của Chính phủ trong "Báo cáo Cập nhật" hằng năm, trong tủ bát của đại sứ quán có bao gồm:

Đĩa đựng đồ ăn 26 cm	4 tá
Bát đựng súp 24 cm	2 tá
Đĩa đựng món khai vị 24 cm	2 tá
Đĩa đựng món tráng miệng	2 tá
Đĩa đựng salad 13,5 cm	2 tá
Đĩa đựng bơ bánh mỳ 15,7 cm	2 tá
Tách uống trà 8,9 cm	2 tá
Đĩa đặt dưới tách 14,5 cm	2 tá
Bát đựng nước canh 8,9 cm	2 tá

Đĩa đặt dưới tách 14,5 cm	2 tá
Tách uống trà sau bữa tối 6,3 cm	2 tá
Đĩa đặt dưới tách 12 cm	2 tá
Đĩa đựng thịt băm nhỏ	2 tá
Khay phục vụ đồ ăn các cỡ	4 tá
Ly có chân	3 tá
Ly cao	3 tá
Ly thấp	3 tá
Cốc vại nhỏ	3 tá
Cốc vại cao	3 tá
Bát nước rửa tay sau khi ăn	3 tá
Đĩa đựng bát nước rửa tay sau khi ăn	3 tá

"Chúng tôi sẽ không dùng khay bạc, không dùng hàng đống rượu

vang hay đặt các bàn chơi bài khắp nơi," Dodd nói với Hull. "Chúng tôi sẽ luôn cố gắng mời vài học giả, nhà khoa học hay nhà văn đến dự để có những buổi trò chuyện hữu ích, và xin hiểu rằng chúng tôi sẽ giải tán từ 22 giờ 30 phút đến 23 giờ. Chúng tôi nói những điều này không để quảng bá, nhưng hãy hiểu cho rằng chúng tôi sẽ không ở đây nữa, nếu biết rằng chúng tôi không thể sống nổi bằng đồng lương."

Trong lá thư gửi cho Carl Sandburg, ông viết, "Bản thân tôi không bao giờ thích nghi được với thói quen thông thường là nốc cho lắm mà chẳng hé môi nói câu nào, chưa kể đến chuyện trò, suốt ba tiếng đồng hồ dài dằng dặc". Ông lo sợ rằng mình là nỗi thất vọng đối với những người giàu có nhất, những người bỏ tiền túi tổ chức các bữa tiệc xa hoa. "Họ không thể hiểu được tôi," ông viết, "và tôi thấy tiếc cho họ". Ông chúc Sandburg chóng hoàn thành tác phẩm của ông ta về Lincoln, sau đó than phiền, "Có lẽ tôi phải ôm cuốn Miền Nam ngày xưa mới hoàn thành được một nửa xuống mồ mất thôi."

Ông kết thư bằng một dòng buồn bã, "Một lần nữa: Gửi lời chào thân ái từ Berlin!"

Dù sao thì sức khỏe của ông vẫn tốt, cho dù ông thường bị hành hạ bởi cơn sốt mùa hè, chứng khó tiêu và các bệnh đường ruột. Nhưng như thể báo trước những gì sắp đến, bác sĩ của ông tại Chica- go, Wilber E. Post gửi cho Dodd một biên bản ghi nhớ ông ta đã viết, sau lần khám tổng thể cuối cùng mười năm trước, để Dodd làm cơ sở so sánh với các lần khám sau này. Dodd có tiền sử đau tiền đình. Post viết, "với những cuộc tấn công của đau đầu, chóng mặt, mệt nhọc, xuống tinh thần và tính dễ bị kích thích của đường ruột". Triệu chứng cuối cùng đang được điều trị theo phương pháp tốt nhất "là thể dục ngoài trời, tránh căng thẳng và mệt mỏi". Huyết áp của ông rất tuyệt, 100 huyết áp tâm thu/60 huyết áp tâm trương, một người đàn ông ở tuổi cuối trung niên mà còn khỏe hơn cả vận động viên. "Đặc điểm lâm sàng nổi bật đó là sức khỏe của ông Dodd rất tốt, vì ông ấy có cơ hội tập thể dục ngoài trời nhiều và chế độ ăn tương đối lành mạnh, không ăn quá nhiều thịt."

Trong lá thư bổ sung vào báo cáo, bác sĩ Post viết, "Tôi tin rằng ông sẽ không cần phải dùng đến nó, nhưng báo cáo có thể hữu ích trong trường hợp cần dùng."

Tối thứ sáu hôm ấy, một chuyến tàu đặc biệt, tên là Sonderzug, xuyên màn đêm tiến về phía Nuremberg từ Berlin. Chuyến tàu

chở các đại sứ của một chùm các quốc gia nhỏ, trong số này là các công sứ Haiti, Xiêm và Ba Tư. Ngoài ra là các nhân viên nghi thức ngoại giao, nhân viên tốc kí, một bác sĩ và một thành viên có vũ trang của Sư đoàn Bão tố. Đây là chuyến tàu đã chở Dodd cùng các đại sứ của Pháp, Tây Ban Nha và Anh. Ban đầu người Đức đã lên kế hoạch dùng đến mười bốn toa tàu, nhưng rồi khi nghĩ lại, họ rút xuống còn chín toa.

Hitler đã có mặt tại Nuremberg. Hắn đến đây từ đêm hôm trước, tham dự một lễ chúc mừng. Từng chi tiết buổi lễ của hắn được dàn xếp tỉ mỉ đâu vào đấy, kể cả món quà do thị trường thành phố tặng cho hắn - một bức tranh nổi tiếng của họa sĩ Albrecht Dürer có tựa đề Hiệp sĩ, Tử thần và Ác quỷ.

Chương 13
BÍ MẬT ĐEN TỐI CỦA TÔI

Martha vui sướng với chính những trò giải trí đã khiến cha cô mệt phờ. Là con gái của đại sứ Mỹ, ngay lập tức cô để lại được dấu ấn. Trong thời gian ngắn, cô thấy mình được nam giới đủ mọi tầng lớp, lứa tuổi và quốc tịch thi nhau theo đuổi. Vụ li hôn với ông chồng là chủ nhà băng, Bassett, vẫn chưa xử xong, nhưng tất cả chỉ còn là vấn đề thủ tục pháp lí. Cô cân nhắc mình có quyền tự do hành xử như cô muốn, có quyền tiết lộ hay không thực tế pháp lí về cuộc hôn nhân của mình. Cô cho rằng kín đáo là một công cụ hữu ích và hấp dẫn: bề ngoài cô chứng tỏ mình như một trinh nữ trẻ tuổi người Mỹ, nhưng cô hiểu về tình dục và cô thích nó, đặc biệt thích cảm xúc của đàn ông khi họ biết sự thật. "Tôi cho rằng mình đã lừa ngoại giao đoàn một cú hoàn hảo, bằng cách không để họ đoán được lúc ấy tôi là phụ nữ đã có chồng," cô viết. "Nhưng tôi phải thừa nhận khá thích được họ đối xử như một thiếu nữ tuổi mười tám, trong khi vẫn biết hết bí mật đen tối của tôi."

Cô có nhiều cơ hội gặp gỡ những người tình mới. Ngôi nhà trên phố Tiergartenstrasse lúc nào cũng chật kín các sinh viên, quan chức người Đức, bí thư Đại sứ quán, các phóng viên và thành viên của Quân Phòng vệ Đế chế, SA và SS. Các sĩ quan Quân Phòng vệ Đế chế mang theo sự nhiệt tình của tầng lớp quý tộc, họ thú nhận với cô những bí mật, như khôi phục chế độ quân chủ Đức. Cô thấy họ "cực kì dễ chịu, đẹp trai, lịch thiệp và vô vị."

Cô chú ý đến Ernst Udet, một phi công xuất sắc từ Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhiều năm sau đó, anh ta được biết đến trên toàn nước Đức như một nhà phiêu lưu, nhà thám hiểm trên không và phi công biểu diễn nhào lộn. Cô tham gia chuyến săn chim ưng với đồng nghiệp phi công của Udet, chính là Göring, tại dinh thự rộng lớn của gã, Carinhall, đặt theo tên người vợ Thụy Điển quá cố. Martha đã trải qua cuộc tình ngắn ngủi với Putzi Hanfstaengl,

theo như con trai anh ta, Egon, sau này đã tuyên bố như thế. Cô là người thẳng thắn về chuyện tình dục, tận dụng thiết kế của ngôi nhà và thói quen đi ngủ sớm của cha mẹ để làm điều đó. Cuối cùng, cô đem lòng yêu Thomas Wolfe khi anh chàng nhà văn này ghé thăm Berlin. Wolfe sau này nói với một người bạn, rằng Martha "như một con bướm bay lượn quanh cái ấy của tớ."

Một trong những người tình của cô là Armand Berard, bí thư thứ ba của Đại sứ quán Pháp - cao một mét chín mươi tám và "đẹp trai muốn chết," Martha nhớ lại. Trước khi Berard rủ cô đi chơi trong cuộc hẹn đầu tiên, anh đã xin phép Đại sứ Dodd, một hành động Martha cho rằng vừa quyến rũ, vừa buồn cười. Cô giấu nhẹm anh ta cuộc hôn nhân của mình và thầm sung sướng trong lòng, khi anh ta lúc đầu tưởng cô còn ngây thơ về chuyện chăn gối. Cô biết rằng mình có quyền lực to lớn đối với anh ta, rằng ngay cả hành động hay lời nói bình thường của cô cũng khiến anh ta thất vọng. Những lúc hai người sống xa nhau, cô vẫn gặp gỡ những đàn ông khác - chắc chắn anh ta biết điều đó.

"Em có lẽ là người duy nhất trên đời này có thể làm anh tuyệt vọng," có thời điểm anh ta viết, "nhưng sao mà em biết rõ như thế và sao khi làm vậy em vui như thế." Anh ta van xin cô đừng quá nghiệt ngã. "Anh không thể chịu đựng được," anh ta viết. "Nếu em nhận ra anh đã bất hạnh như thế nào, có lẽ em sẽ thương hại anh." Đối với một người cầu hôn, Max Delbrück, một nhà sinh vật vật lí học trẻ tuổi, hồi kí về kĩ năng chơi đùa của cô vẫn còn tươi mới, cho dù đã bốn mươi năm trôi qua. Anh ta có dáng người gầy còm, với cái cằm đẹp như điêu khắc cùng mái tóc sẫm màu chải mượt, một vẻ ngoài gợi nhớ đến Gregory Peck[63]. Anh ta là kiểu người sẽ đạt được những điều lớn lao, bao gồm một giải Nobel được trao vào năm 1969.

[63] Eldred Gregory Peck (1916 - 2003): diễn viên gạo cội người Mỹ, từng được trao giải Oscar cho nam diễn viên chính xuất sắc nhất.

Trong thời gian trao đổi thư từ lúc cuối đời, Martha và Delbrück cùng hồi tưởng quãng thời gian họ bên nhau tại Berlin. Cô nhớ lại sự ngây thơ của họ khi ngồi sát bên nhau trong một trong các căn phòng tiếp tân, và tự hỏi liệu anh ta có nhớ hôm đó.

"Tất nhiên, anh nhớ căn phòng bọc vải damask xanh dương cách xa phòng ăn trên phố Tiergartenstrasse," anh viết. Nhưng hồi kí của anh khác hồi kí của cô một chút. "Chúng ta không chỉ ngồi một chỗ thôi đâu."

Với một chút dỗi hờn lỗi thời, anh ta nhắc cô nhớ một trong các cuộc hẹn hò tại quán cà phê Romanisches. “Em đã đến muộn kinh khủng và rồi ngáp ngủ, phân bua rằng em làm thế vì cảm thấy thoái mái khi làm bạn với anh, rằng với anh đó là một lời khen.”

Không một chút mỉa mai nào, anh ta nói thêm, “Anh hoàn toàn phấn chấn trước ý tưởng này (sau sự giận dỗi ban đầu), và kể từ đó trở đi, anh toàn ngáp trước mặt bạn bè anh.”

Cha mẹ Martha cho phép cô được độc lập tuyệt đối, không hạn chế cô đi đâu về đâu. Chuyện cô qua đêm ở ngoài đến tận sáng với đủ mọi loại bạn không phải hiếm, nhưng thật ngạc nhiên khi không có một lời chỉ trích nào của cha mẹ.

Tuy nhiên, những người khác thì để ý và bức xúc, trong số này có Tổng Lãnh sự George Messersmith, người đã bày tỏ sự khó chịu lên Bộ Ngoại giao, qua đó đổ thêm dầu vào chiến dịch đang âm thầm chống lại Dodd. Messersmith biết chuyện tình của Martha với Udet, người phi công xuất sắc, và tin rằng cô ta từng có quan hệ tình ái với các quan chức Quốc xã cấp cao, bao gồm Hanfstaengl. Trong một lá thư “riêng tư và tuyệt mật” gửi Jay Pierrepont Moffat, Trưởng phòng Phụ trách Các Vấn đề Tây Âu, Messersmith viết rằng những cuộc tình này đã trở thành chủ đề đàm tiếu. Ông đánh giá chúng phần lớn là vô hại - ngoại trừ trường hợp của Hanfstaengl. Ông lo sợ quan hệ của Martha với Hanfstaengl, có vẻ sự thiếu chín chắn của cô khiến các nhà ngoại giao, những người cung cấp tin khác sẽ thận trọng hơn với những gì họ nói với Dodd, sợ rằng những thông tin tuyệt mật ấy bằng cách nào đó sẽ đến tai Hanfstaengl. “Tôi thường cảm thấy phải nói chuyện với ngài Đại sứ,” Messersmith nói với Moffat, “nhưng vì đây là vấn đề khá tế nhị, nên tôi tự nhủ mình trước tiên phải tìm hiểu rõ Hanfstaengl thực sự là loại người gì.”

Quan điểm của Messersmith về hành vi của Martha ngày càng khắc nghiệt hơn theo thời gian. Trong một hồi kí không được xuất bản, ông viết rằng “lối hành xử của cô ta rất tồi tệ theo nhiều cách, đặc biệt xét đến chức vụ cha cô ta đang giữ.”

Quản gia của gia đình Dodd, Fritz, trình bày lời phê bình của ông rất ngắn gọn, “Đây không phải là một ngôi nhà, mà là một ngôi nhà tai tiếng.”

Cuộc đời yêu thương của Martha có bước ngoặt đen tối khi cô được giới thiệu với Rudolf Diels, tên trùm Gestapo trẻ tuổi. Hắn bước đi thoải mái và tự tin, nhưng không hề lao bừa vào phòng giống

Putzi Hanfstaengl, hắn từ tốn bước tới, hòa vào không gian như lớp sương mù đầy đe dọa. Cô viết, sự có mặt của hắn tại bữa tiệc "tạo ra bầu không khí lo lắng và căng thẳng mà không ai khác có thể tạo ra, ngay cả khi mọi người không biết danh tính của hắn."

Chính nét mặt biến dạng của hắn là thứ khiến cô chú ý, được mô tả như "gương mặt sẹo ngang sẹo dọc, ác độc nhất tôi từng thấy." Một vết sẹo dài có hình chữ "V" nông in hằn trên má phải, các vết sẹo khác uốn vòng cung dưới miệng ngang qua cằm, một vết sẹo đặc biệt thành hình trăng lưỡi liềm tít dưới má trái. Toàn bộ vẻ ngoài của hắn thật nổi bật, như của Ray Milland[64] tàn tạ - một "vẻ đẹp tuyệt vọng, tàn bạo," như Martha khẳng định. Chân dung của hắn trái ngược hoàn toàn với vẻ đẹp trai dịu dàng của các sĩ quan Quân Phòng vệ Đế chế trẻ tuổi. Cô bị thu hút ngay lập tức, bởi đôi môi "đáng yêu", "mái tóc dày đen nhánh" và đôi mắt nhìn thấu suốt của hắn.

[64] Ray Milland (1907 - 1986): nam diễn viên nổi tiếng người xứ Wales.

Không chỉ mình cô cảm nhận được sức hút này. Diels được cho là người có sức quyến rũ mạnh mẽ, thông thạo và có kinh nghiệm về tình dục. Thời sinh viên, hắn đã nổi tiếng là kẻ nghiện rượu và tán gái, theo lời Hans Bernd Gisevius, một thành viên Gestapo từng là sinh viên học chung trường với Diels. "Yêu đương lăng nhăng là chuyện bình thường với cậu ấy," Gisevius viết trong nhật kí. Cánh đàn ông cũng nhận thức được vẻ quyến rũ và phong cách của Diels. Khi Kurt Ludecke, một trợ lí ban đầu của Hitler, bị bắt giữ và triệu đến văn phòng của Diels, ông thấy trùm Gestapo chân thành đến bất ngờ. "Tôi cảm thấy dễ chịu với chàng thanh niên cao ráo, mảnh mai và lịch thiệp này, nhận thấy sự quan tâm của anh ta ngay lập tức làm tôi thoải mái," Ludecke viết. "Đó là một dịp khi các nhân cách tốt được chào đón gấp đôi." Ông lưu ý. "Tôi quay về phòng giam, cảm thấy thà bị một quý ông bắn chết, còn hơn bị đánh đập như kẻ hạ đẳng". Tuy nhiên, Ludecke về cơ bản bị cầm tù tại một trại tập trung ở Brandenburg an der Havel, dưới chiêu bài "chăm sóc bảo hộ".

Thêm một điều nữa ở Diels hấp dẫn Martha đó là thực tế mọi người khác đều sợ hắn. Diels thường được ví như "Hoàng tử Bóng tối", và như Martha biết, hắn chẳng buồn bận tâm chuyện đó. "Hắn lấy làm thích thú với tư cách xấu xa của mình, luôn mong muốn bắt tất cả câm lặng bằng sự xuất hiện kịch tính."

Diels ngay từ đầu đã xem mình là đồng minh thân thiết với

Göring, và khi Hitler trở thành Thủ tướng, với tư cách là Bộ trưởng Bộ Nội vụ mới của Phổ, Göring phong Diels làm chỉ huy cơ quan Gestapo mới thành lập, như phần thưởng cho lòng trung thành, bất chấp thực tế Diels không phải là thành viên Đảng Quốc xã. Göring đặt trụ sở cơ quan này trong một trường nghệ thuật cũ trên phố Prinz-Albrecht-Strasse 8, chỉ cách Đại sứ quán Mỹ trên phố Bellevuestrasse chưa đầy hai khu phố. Vào thời điểm gia đình Dodd tới Berlin, Gestapo đã khẳng định sự hiện diện đáng sợ, cho dù nó không hề là một thực thể ai cũng biết, ai cũng thấy như mọi người hình dung. Số lượng nhân viên của tổ chức này "ít đến khó tin", theo lời sử gia Robert Gellately. Ông đưa ra ví dụ về chi nhánh Gestapo ở Düsseldorf, một trong vài chi nhánh còn lưu lại các ghi chép chi tiết. Chi nhánh có 291 nhân viên chịu trách nhiệm phần lãnh thổ với bốn triệu dân. Gel- lately để ý đám mật vụ Gestapo, hay còn gọi là các "chuyên viên", không phải bọn tâm thần theo mô tả chung. "Hầu hết bọn chúng không hề điên rồ, loạn trí cũng như không phải siêu nhân, mà chúng bình dị đến rợn người."

Gestapo cố tình giữ hình ảnh đen tối của chúng càng bí ẩn càng tốt, bằng cách giữ bí mật các hành động và các nguồn cấp tin. Những người dân bình thường bất ngờ nhận được danh thiếp ra lệnh cho họ đến thẩm vấn. Những danh thiếp đáng sợ lạ thường. Bất chấp vẻ ngoài giản dị, người ta không thể vứt bỏ hay thờ ơ trước các lệnh triệu tập này. Chúng ép các công dân lâm vào tình thế phải tự mình đến các tòa nhà khủng khiếp nhất, nghe buộc các tội danh mà họ chỉ hiểu biết lơ mơ. Họ phải đối mặt với khả năng - thường xuyên là tưởng tượng nhưng trong một số trường hợp là thật - rằng đến cuối ngày, họ sẽ thấy mình ở trong một trại tập trung, ngụy trang dưới chiêu bài "chăm sóc bảo hộ". Chính sự tổng hợp những điều khó hiểu này khiến Gestapo trở nên rất đáng sợ. "Người ta có thể lảng tránh mối nguy hiểm mình nhận ra," sử gia Friedrich Zipfel viết, "nhưng một cảnh sát đang làm nhiệm vụ trong bóng tối mới là nguy hiểm thực sự". Không ai được an toàn cả. Bình thường chẳng thấy đâu, nhưng đột nhiên chúng có thể xuất hiện, khám xét và bắt giữ. Các công dân lo sợ không còn biết phải tin ai.."

Thế nhưng dưới thời của Diels, Gestapo đảm nhận vai trò phức tạp hơn. Trong nhiều tuần sau khi Hitler nhậm chức Thủ tướng, nhiệm vụ của Gestapo là kiềm chế làn sóng bạo lực do SA gây ra, trong thời gian Sư đoàn Bão tố lôi hàng ngàn nạn nhân đến các nhà tù tự chế của chúng. Diels mở những cuộc đột kích nhằm đóng cửa hết các nhà tù, phát hiện các tù nhân trong tình trạng kinh khủng, bị đánh đập và bầm tím khắp người, chân tay bị gãy, gần chết đói - "như một đống đất sét vô tri vô giác," hắn viết,

“những con rối ngớ ngẩn với đôi mắt vô hồn, nóng bừng vì sốt, cơ thể họ oằn xuống.”

Cha của Martha yêu thích Diels. Ông ngạc nhiên khi phát hiện trùm Gestapo đúng là trung gian hữu ích giúp giải thoát các công dân nước ngoài, cùng những người khác, khỏi các trại tập trung, đồng thời gây sức ép lên các cơ quan cảnh sát ngoài Berlin phải tìm kiếm và trừng phạt các thành viên SA chịu trách nhiệm về các cuộc tấn công nhằm vào người Mỹ.

Tuy nhiên, Diels không phải là thánh. Trong thời gian hắn làm trùm, hàng ngàn nam giới và phụ nữ bị bắt bớ, nhiều người bị tra tấn, một số người bị sát hại. Chẳng hạn, khi Diels làm trùm, một nhà cộng sản người Đức tên là Ernst Thälmann bị cầm tù và thẩm vấn tại trụ sở của Gestapo. Thälmann để lại một bản mô tả sống động. “Chúng ra lệnh cho tôi cởi quần dài, sau đó hai tên túm chặt sau gáy tôi, lôi tôi lên một cái ghế để chân. Một tên sĩ quan Gestapo mặc thường phục với cây roi da hà mã giấu trong tay, đánh vào mông tôi một cách có tính toán. Hóa điên vì đau đớn, tôi không ngừng la hét bằng hết sức mình.”

Theo quan điểm của Diels, bạo lực và nỗi sợ hãi là những công cụ có giá trị để bảo toàn sức mạnh chính trị. Trong cuộc họp với cánh báo chí nước ngoài tại nhà riêng của Putzi Hanfstaengl, Diels nói chuyện với các phóng viên, “Theo quan điểm của một chánh thanh tra chịu trách nhiệm trấn áp các xu hướng và hoạt động mang tính lật đổ, giá trị của SA và SS nằm ở thực tế rằng họ gieo rắc nỗi sợ hãi. Đó là một điều tốt.”

Martha và Diels cùng nhau đi dạo trong công viên Tiergarten, nơi đây nhanh chóng được thừa nhận là một chỗ ở trung tâm Berlin có thể mang lại cảm giác thanh bình. Martha đặc biệt yêu thích thả bước trong công viên vào mùa thu, giữa không gian cô từng gọi tên là “tử thần vàng của Tiergarten”. Họ đi xem phim, đến các hộp đêm và lái xe hàng giờ qua vùng nông thôn. Chuyện họ trở thành tình nhân dường như có khả năng, bất chấp thực tế cả hai đã kết hôn, Martha chỉ về mặt pháp lí, còn với Diels chỉ còn là cái tên, xét theo hứng thú ngoại tình của hắn. Martha thích được nổi tiếng là người ngủ với quỷ - rằng chẳng còn nghi ngờ gì chuyện cô lên giường với hắn, cho dù cũng có khả năng rằng Dodd, giống những người cha ngờ nghệch xưa nay, chẳng biết cái quái gì hết. Messersmith nghi ngờ chuyện này, Raymond Geist, cấp dưới của ông ta cũng thế. Geist phàn nàn với Wilbur Carr, trưởng các dịch vụ lãnh sự tại Washington, rằng Martha là một quý cô “vô ý vô tứ nhất”, là người “có thói quen bỏ đi chơi đêm với trùm Mật vụ Quốc

xã, một kẻ đã có vợ". Bản thân Geist đã từng nghe cô nhắc đến Diels bằng rất nhiều những cái tên âu yếm, trong số này có từ "người yêu dấu", ngay giữa nơi công cộng.

Martha càng quen biết Diels nhiều bao nhiêu, cô càng thấy hắn cũng sợ hãi bấy nhiêu. Hắn cảm thấy "đang không ngừng đối mặt với họng súng," cô viết. Trong những lần đi chơi của hai người, hắn chỉ cảm thấy thoải mái nhất khi không ai nghe lỏm được các cuộc chuyện trò, hoặc giám sát được hành vi của họ. Hai người sẽ nghỉ chân và dạo qua rừng, uống cà phê trong những quán xa xôi, ít người biết đến. Hắn kể cô nghe chuyện mọi người trong hệ thống phân cấp của Quốc xã không tin tưởng nhau ra sao, chuyện Göring và Goebbels căm ghét và do thám nhau, và cả hai tên dò xét Diels thế nào, rồi làm sao Diels cùng nhân viên của hắn do thám lại chúng.

Chính thông qua Diels, mà lần đầu tiên quan điểm màu hồng của Martha về cuộc Cách mạng Quốc xã dần tan đi. "Trước đôi mắt lãng mạn của tôi... hiện ra một mạng lưới to lớn và phức tạp của gián điệp, khủng bố, sự căm ghét và ưa thích những trò tàn bạo, mà không một ai, từ quan chức đến binh nhì có thể thoát được."

Kể cả Diels cũng không thoát và các sự kiện sớm chứng tỏ điều đó.

Chương 14
CÁI CHẾT CỦA BORIS

Vẫn còn một người tình khác trong cuộc đời Martha, người tình quan trọng nhất trong tất cả, một người Nga chịu số phận bi đát sẽ định hình phần còn lại của cuộc đời cô.

Lần đầu tiên cô bắt gặp anh là vào giữa tháng Chín năm 1933, tại một trong nhiều bữa tiệc Sigrid Schultz tổ chức tại căn hộ của mình, nơi cô ta sống cùng mẹ và nuôi hai chú chó. Schultz luôn luôn phục vụ bánh sandwich, đậu nướng sốt cà chua và xúc xích do mẹ cô ta chuẩn bị, dùng với rất nhiều bia, rượu và rượu vang, với dụng ý khiến ngay cả các vị khách Quốc xã cũng phải vứt hết học thuyết đi, tận hưởng cuộc vui và tán chuyện. Giữa tiếng nói chuyện ầm ĩ, Mar- tha vô tình liếc mắt sang bên kia phòng, trông thấy một anh chàng đẹp trai, dong dỏng cao ngồi giữa đám phóng viên. Anh không đẹp trai theo nghĩa thông thường nhưng rất quyến rũ - khoảng tầm ba mươi tuổi, tóc ngắn màu vàng nâu, đôi mắt sáng chói đẹp mê hồn. Martha thấy những ngón tay anh dài và mềm mại. "Anh ấy có cái miệng và môi trên khác thường," gợi cô nhớ đến một trong những người bạn, Agnes Knickerbocker, vợ của phóng viên H. R. "Knick" Knickerbocker. "Tôi không biết mô tả nó thế nào, đành nói rằng chỉ trong một tích tắc bùng nổ, làn môi ấy có thể chuyển từ nghiêm nghị sang vui vẻ."

Khi Martha ngắm anh, anh liền quay lại nhìn cô. Cô nhìn thẳng vào mắt anh một lúc, rồi quay sang nói chuyện với người khác. (Trong một bản miêu tả không xuất bản sau này, cô nhớ lại từng chi tiết nhỏ nhất của giây phút ấy và những thời khắc sau đó). Anh cũng quay đi - nhưng rồi khi bình minh đến và màn đêm chỉ còn rơi rớt lại những gì đẹp nhất, khoảnh khắc bốn mắt giao nhau ấy cả hai vẫn còn nhớ mãi.

Vài tuần sau, họ lại chạm trán nhau. Knick cùng vợ mời Martha

với vài người bạn khác đến uống rượu và khiêu vũ ban đêm với họ tại quán Ciro's, một hộp đêm nổi tiếng có dàn nhạc công da đen chơi nhạc Jazz. Đây là một hành động vô cùng thách thức, nếu xét đến nỗi ám ảnh của Đảng Quốc xã về chủng tộc thuần khiết và sự căm ghét của chúng đối với nhạc Jazz - ngôn ngữ đảng của chúng miệt thị Jazz là "nhạc của lũ mọi Do Thái" - một thứ nhạc suy đồi.

Knick giới thiệu Martha với anh chàng cao lớn cô đã thấy ở bữa tiệc của Sigrid Schultz. Giờ cô đã biết tên anh, Boris Winogradov (phát âm là "Vinogradov"). Một lúc sau, Boris xuất hiện trước bàn cô, mỉm cười và lúng túng. "Gnädiges Fräulein," anh ta bắt đầu nói, gửi đến cô một lời chào theo phong tục của người Đức, nghĩa là "Quý cô thân mến". Anh mời cô nhảy một điệu.

Ngay lập tức, cô choáng váng trước vẻ đẹp trong giọng nói của anh, được cô miêu tả là nằm đâu đó giữa giọng nam trung và giọng tenor[65]: "Ngọt lịm," cô viết. Nó khiến cô cảm động, "đốn gục tim tôi và trong một lúc, tôi nghẹt thở, chẳng biết nói gì." Anh chìa tay ra, dẫn cô rời khỏi chiếc bàn đông đúc.

[65] Tenor: giọng nam cao, quãng giọng nằm giữa baritone và alto.

Cô nhanh chóng nhận ra sự duyên dáng tự nhiên của anh cũng có giới hạn. Anh dẫn cô vòng quanh sàn nhảy, "giẫm lên ngón chân tôi, va vào người bên cạnh, cánh tay trái của anh ấy giơ ra cứng ngắc, đầu anh ấy quay hết bên nọ sang bên kia để tránh va chạm thêm."

Anh nói với cô, "Tôi không biết nhảy."

Chính sự thật rõ ràng này khiến Martha phá lên cười.

Boris cũng cười. Cô thích nụ cười và "khí chất quý ông" của anh.

Vài phút sau anh nói với cô, "Tôi làm việc ở Đại sứ quán Xô Viết. Còn cô? Cô có sợ không?"

Cô lại cười. "Dĩ nhiên là không, sao tôi phải sợ chứ? Sợ cái gì?"

"Chính xác," anh nói, "Cô là một người kín đáo và tôi cũng như vậy với cô."

Anh kéo cô lại gần hơn. Dáng người anh mảnh mai, vai rộng, với đôi mắt cô cho là tuyệt đẹp, màu xanh lam lấp lánh ánh vàng. Anh có hàm răng không đều, nhưng bằng cách nào đó lại tôn lên nụ cười của anh. Anh rất hay cười.

“Tôi đã từng gặp em vài lần,” anh nói. Anh nhắc cô nhớ lần trước tại nhà của Schultz. “Em còn nhớ không?”

Với bản chất thích phủ nhận lời người khác, Martha dường như không muốn để lại dấu ấn quá lộ liễu như thế. Cô gắng giữ giọng “lấp lửng” nhưng thừa nhận sự thật. “Vâng,” cô đáp, “em nhớ.”

Họ khiêu vũ thêm một lúc lâu nữa. Khi anh dẫn cô về lại bàn ngồi cùng nhà Knickerbocker, anh tiến lại sát bên cô và hỏi, “Ich möchte Sie sehr wiederzusehen. Darf ich Sie anrufen?”

Ý nghĩa câu nói này quá rõ ràng, đến mức dù khả năng tiếng Đức hạn chế, Martha vẫn hiểu - Boris đang muốn hỏi anh có thể gặp lại cô không.

Cô đáp, “Vâng, anh có thể gọi cho em.”

Martha còn khiêu vũ với những người khác. Chốc chốc nhìn về bàn mình, cô thấy Boris ngồi giữa nhà Knickerbocker. Anh đang ngắm nhìn cô.

“Khi nói ra câu đó cũng thấy khó tin,” cô viết. “Sau khi anh ấy đi, tôi cảm giác không khí xung quanh tôi ngày càng bừng sáng và sôi nổi hơn.”

Vài ngày sau, quả nhiên Boris gọi điện. Anh lái xe đến nhà Dodd, tự giới thiệu bản thân với Fritz, viên quản gia, rồi nhanh chóng đi lên tầng một, mang theo một bó hoa mùa thu và một đĩa nhạc. Anh không hôn tay cô, một điều tốt, vì cái tục lệ kiểu Đức ấy luôn khiến cô khó chịu. Sau lời mào đầu ngắn ngủi, anh chìa cái đĩa ra.

“Em không biết nhạc Nga đúng không, Quý cô Thân mến? Em đã từng nghe bản ‘Cái chết của Boris’ của Mussorgsky chưa?”

Anh nói thêm, “Anh hi vọng mình không cho em nghe cái chết của chính mình.”

Anh bật cười. Nhưng cô thì không. Cô rùng mình vì điều này nghe như “điềm báo” chuyện bất hạnh sẽ đến.

Họ cùng nghe nhạc - cảnh chết chóc từ vở opera Boris Godunov của Modest Mussorgsky, qua giọng trầm của ca sĩ Nga Fyodor Chaliapin - nghe xong Martha dẫn Boris đi xem nhà, cuối cùng là đến thư viện. Ở một đầu là bàn làm việc của cha cô, to đùng và tối màu, các ngăn kéo bàn làm việc luôn đóng kín. Mặt trời cuối thu chiếu xuyên qua lớp kính màu trên cửa sổ cao, thành những nếp

gấp sặc sỡ. Cô dẫn anh đến chiếc ghế dài yêu thích của mình.

Boris sung sướng. “Đây là góc của chúng ta, Quý cô Thân mến!” anh thốt lên. “Tốt hơn tất cả những nơi khác.”

Martha ngồi trên ghế dài, Boris kéo cái ghế sang ngồi. Cô rung chuông gọi Fritz, đề nghị ông ta mang bia và khẩu phần ăn như thường lệ gồm bánh quy xoắn, cà rốt thái lát và dưa chuột cùng các thanh pho mát nóng, những món ăn cô thường gọi khi đón những vị khách không chính thức.

Fritz mang đồ ăn lên, bước chân của ông rất lặng lẽ, như thể ông đang cố gắng nghe lén. Boris đoán chính xác Fritz cũng có nguồn gốc Slavic[66]. Hai người dành cho nhau những nhận xét dí dỏm lịch sự.

[66] Người Slav: các bộ tộc sống chủ yếu ở Đông Âu. Sau này, họ di cư đến Nga và Trung Á. Ngày nay, dân cư ở các nước Đông Âu và Nga hầu hết là hậu duệ của người Slav.

Vui vẻ trước thái độ dễ chịu của Boris, Fritz nói đùa, “Có đúng cộng sản các cậu đã đốt Nhà Quốc hội không?”

Nở nụ cười tinh nghịch, Boris nháy mắt. “Tất nhiên rồi,” anh đáp, “cả ông và tôi. Ông không nhớ cái đêm chúng ta ở nhà của Göring, được cho xem hành lang bí mật dẫn đến Nhà Quốc hội à?” Đây là lời ám chỉ đến thuyết âm mưu nhiều người tin, rằng có một nhóm những kẻ chống đối Quốc xã đã lẻn vào Nhà Quốc hội từ cung điện của Göring, thông qua một đường hầm bí mật giữa hai tòa nhà. Một đường hầm như thế thực sự có tồn tại.

Cả ba cùng cười. Trò đồng lõa giả đò trong vụ cháy Nhà Quốc hội vẫn là chuyện đùa giữa Boris và Fritz, lặp lại thường xuyên với rất nhiều biến thể khiến cha của Martha rất vui sướng - cho dù Martha tin rằng Fritz “gần như chắc chắn là cảnh sát mật”.

Fritz quay lại với chai vodka. Boris tự rót cho mình một ly lớn và nhanh chóng uống cạn. Martha ngồi lại xuống ghế dài. Lần này Boris ngồi bên cạnh cô. Anh uống ly vodka thứ hai, nhưng vẫn chẳng hề say.

“Ngay từ phút đầu tiên thấy em...” anh bắt đầu, ngập ngừng rồi nói tiếp, “Anh đã tự hỏi có thật thế không?”

Cô hiểu anh đang cố gắng nói gì, thực ra cô cũng cảm thấy sự hấp dẫn mạnh mẽ tức thì, nhưng cô không phải kiểu người thừa nhận

điều đó ngay từ đầu. Cô nhìn anh, trống rỗng.

Anh trở lại nghiêm túc, tiến hành một cuộc thẩm vấn dài lê thê. Em đã làm gì ở Chicago? Cha mẹ em thích gì? Mai sau em muốn làm gì?

Cuộc trò chuyện trở nên ngày càng giống một cuộc phỏng vấn báo chí, hơn là một màn đối thoại trong buổi hẹn đầu. Martha thấy bực mình nhưng vẫn kiên nhẫn trả lời. Theo chỗ cô biết, đây là cách hành xử của đàn ông Xô Viết. "Tôi chưa từng gặp một nhà cộng sản thật sự, hay một người Nga thật sự nào như thế," cô viết, "thế nên tôi hình dung chắc đây là cách để họ làm quen một ai đó."

Nói chuyện thêm lúc lâu nữa, cả hai phải giở từ điển bỏ túi ra. Boris biết vài từ tiếng Anh, nhưng không nhiều, chủ yếu phải dùng tiếng Đức. Martha chẳng biết tiếng Nga, nên phải dùng pha trộn tiếng Đức với tiếng Anh.

Cho dù phải khá vất vả, cô cũng cho Boris biết rằng cha mẹ mình đều có xuất thân từ các gia đình địa chủ miền nam cũ, "tổ tiên của mỗi người đều có vị thế như nhau và hầu hết là người Anh thuần khiết: gốc Scotland, Ireland, Anh quốc và Xứ Wales."[67]

[67] Vương quốc Anh (The United Kingdom): là quốc gia gồm bốn vùng: Anh quốc (England), Scotland, Xứ Wales và Bắc Ireland.

Boris cười. "Có vẻ không thuần khiết lắm nhỉ?"

Với giọng kiêu ngạo không chủ tâm, cô nói thêm rằng cả hai gia đình từng chiếm hữu nô lệ - "Mẹ em có khoảng mười hai người hoặc hơn. Cha em có khoảng năm, sáu người."

Boris im lặng. Nét mặt của anh đột ngột chuyển sang u sầu. "Martha," anh nói, "chắc chắn em không tự hào vì tổ tiên em chiếm hữu mạng sống người khác chứ."

Anh nắm tay cô và nhìn cô. Cho đến lúc này, sự thật chiếm hữu nô lệ của tổ tiên cha mẹ cô dường như luôn là một phần hấp dẫn trong trang sử của riêng họ, chứng minh rằng gia đình cô bắt nguồn từ nước Mỹ. Nhưng giờ đây, cô chợt nhận ra mặt trái của sự thật ấy - một chương buồn cô sẽ phải hối tiếc.

"Em không cố ý khoe khoang," cô nói. "Em cho rằng anh nghĩ như thế." Cô xin lỗi và ngay lập tức căm ghét bản thân vì điều đó. Cô thú nhận, mình là "một con nhóc hiếu chiến".

“Nhưng gia đình em có truyền thống lâu đời ở Mỹ,” cô nói với anh. “Nhà em không phải là dân mới đến.”

Thấy thái độ bênh vực gia đình của cô thật vui nhộn, Boris phá lên cười thực sự thoải mái.

Ngay sau đó, cô nhớ lại nét mặt và giọng nói của anh chợt thay đổi, chuyển sang “cực kì nghiêm nghị”.

“Xin chúc mừng Martha bé bỏng, cao quý, duyên dáng của ta! Ta cũng có xuất thân từ lâu đời, thậm chí còn lâu hơn em. Ta là hậu duệ trực tiếp của người Neanderthal[68]. Và có thuần khiết không ư? Có, giống người thuần khiết.”

[68] Neanderthal: một giống người cổ đại, rất giống loài người hiện đại, được xem như đã tuyệt chủng vào khoảng 40.000 năm trước đây.

Cả hai ngã vào nhau, cười rung nhà.

Họ trở thành bạn đồng hành đi đâu cũng có nhau, cho dù họ cố gắng giữ kín mối quan hệ càng lâu càng tốt. Nước Mỹ vẫn chưa thừa nhận Liên bang Xô Viết (cho đến ngày 16 tháng 11 năm 1933). Chuyện con gái một đại sứ Mỹ công khai quan hệ với bí thư thứ nhất Đại sứ quán Xô Viết tại những buổi họp mặt chính thức, hẳn sẽ là sự vi phạm nghi thức ngoại giao, khiến cả cha cô lẫn Boris có nguy cơ hứng chỉ trích từ cả trong lẫn ngoài chính phủ của hai quốc gia. Cô và Boris rời khỏi những buổi tiếp tân ngoại giao rất sớm, sau đó gặp nhau trong những bữa ăn bí mật tại các nhà hàng đẹp như Horcher ’s, Pelzer, Habel và Kempinski. Để tiết kiệm chút chi phí, Boris xây dựng quan hệ với các đầu bếp của các nhà hàng nhỏ, rẻ tiền và hướng dẫn họ cách chuẩn bị những món ăn anh yêu thích. Sau bữa tối, anh cùng Martha sẽ đi khiêu vũ tại Ciro’s hay tại hộp đêm trên tầng thượng khách sạn Eden, hoặc trong các chương trình múa hát chính trị, như Sân khấu nhỏ Komiker.

Có vài đêm, Martha và Boris cùng các phóng viên khác tụ tập ở Die Taverne, nơi Boris luôn luôn được đón chào. Các phóng viên yêu thích anh. Edgar Mowrer hiện đang bị lưu đày xem Boris như một sự thay đổi tươi mới so với các quan chức khác trong Đại sứ quán Xô Viết. Anh ta nhớ lại, Boris nói lên tâm tư của mình nhưng không trung thành mù quáng với học thuyết Đảng, và “dường như thứ quyền lực kiểm duyệt từng làm câm lặng các thành viên Đại sứ quán không đủ khiến anh ta sợ hãi.”

Như những kẻ khác cầu hôn Martha, Boris cố gắng thoát khỏi sự

đeo bám của Quốc xã, bằng cách lái xe đường dài đưa cô về nông thôn. Anh lái chiếc Ford mui trần mà anh rất yêu thích. Agnes Knickerbocker nhớ lại Boris "cẩn thận đến thế nào khi đi đôi găng tay da rất đẹp trước khi cầm vô lăng". Anh ấy "là một nhà vô sản kiên định," cô viết, nhưng "anh ấy cũng thích những gì được gọi là tốt đẹp trong cuộc đời."

Anh gần như luôn luôn mở mui xe, chỉ đóng lại vào những đêm trời lạnh nhất. Khi quan hệ với Martha ngày càng sâu đậm, anh nhất mực đòi vòng tay qua người cô khi lái xe. Dường như anh cần được chạm vào cô mọi lúc. Anh sẽ đặt bàn tay cô lên đầu gối mình, hay xỏ những ngón tay của cô vào găng tay mình. Có lần lái xe về muộn trong đêm, đôi khi họ ở ngoài trời cho đến tận khi bình minh lên. Martha viết, "để cùng đón mặt trời mọc trong những khu rừng tối, tràn ngập sắc thu vàng".

Cho dù tiếng Anh hạn chế, anh vẫn học và ngưỡng mộ từ "darling", sử dụng nó bất kì lúc nào có thể. Ngoài ra, anh cũng dùng những từ tiếng Nga thể hiện sự yêu mến, nhưng không chịu dịch, bảo rằng nếu dịch ra sẽ làm mất vẻ đẹp của từ đó. Bằng tiếng Đức, anh gọi cô là "cô gái bé bỏng của anh", hay "đứa trẻ ngọt ngào của anh", hay "người tình bé nhỏ của anh". Cô cho rằng anh nói vậy một phần vì chiều cao của cô, một phần vì toàn bộ nhận thức của anh về tư cách và sự trưởng thành của cô. "Anh ấy từng bảo rằng tôi ngây thơ và có chủ nghĩa lí tưởng mà anh không dễ dàng hiểu được," cô viết. Cô cảm nhận được anh thấy cô quá "đồng bóng", đến mức không tài nào truyền thụ nguyên lí chủ nghĩa Cộng sản cho cô. Cô nhận ra, đây chắc chắn là giai đoạn "tôi xuất hiện như một thiếu nữ Mỹ trẻ trung, ngây thơ và bướng bỉnh nhất, một nỗi khó chịu đối với tất cả những người nhạy cảm mà tôi biết."

Cô thấy rằng Boris cũng xem nhẹ thế gian, ít nhất là ở bề ngoài. Cô viết "Ở tuổi ba mươi mốt, Boris giữ một niềm tin và sự hồn nhiên như trẻ thơ, một khiếu hài hước bốc đồng và sự quyến rũ không thường thấy ở đàn ông trưởng thành." Tuy nhiên, thi thoảng thực tế vẫn len lỏi vào không gian Martha gọi là "thế giới mộng mơ của họ với những bữa tối, buổi hòa nhạc, những nhà hát và những hội hè đầy niềm vui". Cô cảm nhận được trong anh sự căng thẳng. Anh đặc biệt hoang mang khi thấy thế giới dễ dàng chấp nhận những tuyên bố về hòa bình của Hitler ra sao, ngay cả khi rõ ràng hắn đã chuẩn bị cho đất nước bước vào chiến tranh. Liên bang Xô Viết có vẻ là mục tiêu thích hợp. Một nguồn cơn gây căng thẳng khác là việc Đại sứ quán Xô Viết phản đối quan hệ của anh với Martha. Các cấp trên đã có lời khiển trách. Nhưng anh lờ đi.

Trong khi đó, Martha cảm thấy sức ép không rõ ràng. Cô nghĩ cha mình thích Boris, nhưng ông thường xuyên không bộc lộ suy nghĩ trước mặt anh, "ngay cả đôi khi quan điểm trái ngược". Cô đoán rằng đó là do ông sợ cô và Boris có thể cưới nhau.

"Bạn bè và gia đình em rất lo âu về chuyện chúng mình," cô nói với Boris. "Vì đâu nên nỗi chứ? Chỉ thấy phức tạp, giờ thì vui đấy, nhưng có lẽ chỉ còn thất vọng thôi."

Chuẩn bị cho một trong các cuộc hẹn vào tháng Chín, Boris và Martha mang theo bữa trưa đi dã ngoại về miền nông thôn. Họ tìm thấy một trảng cỏ kín đáo, liền trải thảm và bày đồ ăn. Không khí ngập tràn hương thơm cỏ mới cắt. Khi Boris nằm xuống ngắm trời và mỉm cười, Martha ngắt một cây bạc hà dại ngoáy ngoáy mặt anh.

Sau này, cô phát hiện ra anh đã giữ lại nhánh bạc hà đó. Anh là một kẻ lãng mạn, một người sưu tầm kho báu. Ngay từ khi bắt đầu mối quan hệ, anh đã rất day dứt và tình cờ bị giám sát chặt chẽ.

Có vẻ đến lúc này, Martha không biết nhiều phóng viên đã nghi ngờ: Boris không chỉ đơn thuần là bí thư thứ nhất của Đại sứ quán, mà còn là một mật vụ tình báo Xô Viết, NKVD[69], tiền thân của KGB[70].

[69] NKVD: Bộ Dân ủy Nội vụ của Liên bang Xô Viết.

[70] KGB: Ủy ban An ninh Quốc gia, cơ quan mật vụ của Liên bang Xô Viết

Chương 15
VẤN ĐỀ DO THÁI

Là một đại sứ, liên lạc chủ yếu của Dodd trong Chính phủ Đức là với Ngoại trưởng Neurath. Được thúc đẩy từ vụ Kaltenborn, Dodd thu xếp gặp gỡ Neurath vào sáng thứ Năm, ngày 14 tháng 09 năm 1933, để đưa ra lời phản đối chính thức, không chỉ đối với vụ này mà còn đối với nhiều cuộc tấn công khác nhằm vào người Mỹ, cũng như việc chế độ không sẵn sàng đưa bọn hung thủ ra trước công lí.

Cuộc gặp diễn ra trong văn phòng của Neurath ở Bộ Ngoại giao Đức, trên phố Wilhelmstrasse.

Ban đầu, hai bên tương đối hòa nhã khi thảo luận các vấn đề kinh tế, nhưng bầu không khí nhanh chóng trở nên căng thẳng, khi Dodd đề cập đến chủ đề "sự tàn bạo của SA" và nhắc lại cho Neurath nghe nửa tá vụ tấn công. Vụ gần đây nhất diễn ra ngày 31 tháng 08 tại Berlin - nạn nhân là Samuel Bossard, theo đó Bossard bị các thành viên Đoàn Thanh niên Hitler tấn công, vì không chào theo kiểu Hitler. Một tuần trước, một người Mỹ khác, Harold Dahlquist, bị một tên Sư đoàn Bão tố đánh, vì không dừng lại xem thành viên SA diễu hành. Nói chung, số vụ tấn công đã giảm so với mùa xuân năm ngoái, nhưng vẫn tiếp tục diễn ra đều đều, mỗi tháng một, hai vụ. Dodd cảnh cáo Neurath rằng mô tả của báo chí về các vụ này làm tổn hại nghiêm trọng danh tiếng nước Đức tại Mỹ, và lưu ý rằng chuyện này vẫn xảy ra, bất chấp chính ông đã nỗ lực ngăn cản các phóng viên Mỹ đưa tin tiêu cực. "Có thể cho ngài biết, Đại sứ quán của tôi đã vài lần ngăn chặn các sự kiện nhỏ không bị đưa lên báo, cũng như cảnh cáo phóng viên không làm rùm beng lên các câu chuyện của họ," ông nói với Neurath.

Bấy giờ, ông tiết lộ có lần xe của chính ông bị một sĩ quan SA chặn lại và khám xét, nhưng ông không muốn công khai vụ này, "nhằm

tránh lan tràn những cuộc thảo luận mà ngài biết sẽ không thể tránh khỏi".

Neurath cảm ơn ông và nói rằng ông ta nhận thức được Dodd đã nỗ lực ngăn chặn báo chí đưa tin về hành động bạo lực của SA, bao gồm vụ tấn công mà Martha và Bill Jr. đã chứng kiến tại Nuremberg. Ông ta thừa nhận mình rất biết ơn.

Dodd chuyển sang vụ Kaltenborn. Ông nói rằng phản ứng tại Mỹ có thể còn tồi tệ hơn nhiều, nếu đích thân Kaltenborn có ý muốn công khai. "Tuy nhiên, anh ta đủ cao thượng để đề nghị chúng tôi không cho phép làm lộ tin này ra ngoài, cả ngài Messersmith và tôi đều thúc giục báo chí Mỹ không được đả động gì," Dodd nói. "Tuy nhiên, chuyện này vẫn bị lộ và gây ra thiệt hại không thể đo đếm được cho nước Đức."

Cho dù nổi tiếng là sắt đá trước sức ép của dân chúng, Neurath ngày càng lo âu thấy rõ, một điều khác thường đáng ghi nhận, như Dodd đã chép lại trong hồi kí "cực kì tuyệt mật" sau ngày hôm đó. Neurath khẳng định mình có quen biết Kaltenborn và lên án cuộc tấn công là tàn bạo, không gì có thể biện minh.

Dodd theo dõi ông ta. Neurath có vẻ chân thành, nhưng sau đó, tay ngoại trường đang cho thấy thiên hướng đồng tình và chẳng chịu làm gì.

Dodd cảnh cáo rằng nếu các cuộc tấn công còn tiếp diễn, và nếu những kẻ ác vẫn không bị trừng phạt, thì nước Mỹ có thể thực sự buộc phải "đưa ra tuyên bố sẽ ảnh hưởng nặng nề đến uy tín của nước Đức trên trường quốc tế".

Nét mặt Neurath ngày càng đỏ rực.

Dodd tiếp tục nói như đang lên lớp cho sinh viên cứng đầu. "Tôi không hiểu nổi làm sao các quan chức của ngài lại có thể cho phép hành vi như thế, hay làm sao họ không thấy được rằng, đây là một trong những điều nghiêm trọng đang ảnh hưởng tới quan hệ của hai nước chúng ta."

Neurath cho rằng trong cả tuần trước đó, ông ta đã đặt vấn đề thẳng với Göring và Hitler. Ông ta nói cả hai đều bảo đảm rằng sẽ dùng ảnh hưởng của họ ngăn chặn các cuộc tấn công tiếp theo. Neurath cũng thề sẽ làm điều tương tự.

Dodd tiếp tục thúc ép, lúc này ông đánh vào địa hạt thậm chí còn căng thẳng hơn: "vấn đề" Do Thái, như cách cả Dodd lẫn Neurath

cùng gọi.

Neurath hỏi Dodd phải chăng nước Mỹ "không có vấn đề Do Thái" của riêng họ.

"Dĩ nhiên," Dodd nói, "ngài biết đấy, thi thoảng ở Mỹ chúng tôi gặp khó khăn với dân Do Thái, những người nắm quá nhiều chức vụ trong các phòng ban nhất định, thuộc về mảng trí thức và kinh doanh". Ông nói thêm, một số người đồng cấp tại Washington bí mật cho ông biết rằng "họ hiểu rõ những khó khăn của người Đức về mặt này, nhưng không bao giờ đồng tình với kiểu giải quyết vấn đề thường xuyên phải dùng tới bạo lực tuyệt đối như thế."

Dodd kể lại cuộc gặp gỡ của ông với Fritz Haber, nhà hóa học. "Phải," Neurath đáp, "Tôi biết Haber và thừa nhận ông ấy là một trong các nhà hóa học vĩ đại nhất châu Âu." Neurath đồng ý nước Đức đối xử với người Do Thái như thế là mù quáng, rằng Bộ Ngoại giao của ông ta đang thúc giục, nhằm tìm ra cách tiếp cận nhân đạo hơn. Ông ta khẳng định đã nhìn thấy những dấu hiệu thay đổi. Ông ta nói đúng vào tuần đó, ông ta đã đến tham dự các cuộc đua ngựa tại Baden-Baden, có ba người Do Thái nổi bật đã ngồi cạnh ông ta trên khán đài, cùng với ba quan chức Chính phủ khác, "và chẳng có biểu hiện không thân thiện nào cả".

Dodd nói, "Ngài không thể mong dư luận sẽ dịu giọng phê phán ngài, chừng nào các nhà lãnh đạo xuất sắc như Hitler và Goebbels còn tuyên bố trên bục, như tại Nuremberg, rằng toàn bộ dân Do Thái phải bị quét sạch khỏi Trái Đất."

Nói xong, Dodd đứng dậy định ra về, nhưng quay lại hỏi Neurath. "Liệu chúng ta có chiến tranh không?"

Một lần nữa, mặt Neurath lại đỏ bừng, "Không bao giờ!"

Ra đến cửa, Dodd nói, "Ngài phải hiểu rằng một cuộc chiến nữa sẽ phá hủy nước Đức."

Dodd rời khỏi tòa nhà, "Tôi thấy lo lắng vì mình đã thẳng thắn và phê bình hơi quá."

Ngay hôm sau, lãnh sự Mỹ tại Stuttgart, Đức, gửi một thông cáo báo chí "cực kì tuyệt mật" sang Berlin, theo đó với thẩm quyền của mình, ông ta báo cáo Công ty Mauser có sự tăng trưởng đột ngột về sản xuất vũ trang. Viên lãnh sự viết, "Không nghi ngờ gì nữa, Đức đang lên kế hoạch chuẩn bị xâm lược các quốc gia khác một lần nữa, trên quy mô lớn."

Không lâu sau đó, cũng viên lãnh sự này báo cáo cảnh sát Đức đã bắt đầu giám sát các đường cao tốc, đều đặn chặn đường các du khách, xe và hành lí của họ bị khám xét kĩ lưỡng.

Nhân một dịp khét tiếng, Chính phủ ra lệnh cấm lưu thông toàn bộ các phương tiện trên toàn quốc, từ giữa trưa đến 12 giờ 40 phút, tạo điều kiện cho các đội cảnh sát có thể khám xét tất cả xe lửa, xe tải và xe ô tô dọc đường. Lời giải thích chính thức, được trích trên báo chí Đức, rằng cảnh sát đang săn tìm vũ khí, tài liệu tuyên truyền nước ngoài và bằng chứng về sự chống đối của Cộng sản. Những người Berlin hoài nghi có một giả thuyết khác, sau đó được truyền tai nhau, rằng thứ mà cảnh sát thực sự hi vọng tìm thấy và tịch thu, là bản sao các tờ báo của Thụy Sĩ và Áo, có đăng các lí lẽ cho rằng chính bản thân Hitler có thể cũng mang dòng máu Do Thái.

Chương 16
MỘT ĐỀ NGHỊ BÍ MẬT

Dodd phải đối phó với các cuộc tấn công nhắm vào người Mỹ, những kẻ phản đối, Hitler và thuộc cấp của hắn cùng những hành động không thể đoán trước. Thêm vào đó là sự cần thiết phải dò từng bước thận trọng, đề phòng hành vi của giới quan chức, đến nỗi chỉ cần đi sai một bước là có thể bị bỏ tù. Tất cả những điều này gặm mòn sức khỏe Dodd. Ông bị những cơn nhức đầu và đau dạ dày hành hạ. Trong lá thư gửi một người bạn, ông mô tả chức đại sứ của mình như "quyền rơm vạ đá chẳng thú vị gì".

Trên hết, chính là những rắc rối hằng ngày, mà ngay cả các đại sứ cũng phải đương đầu.

Giữa tháng Chín, gia đình Dodd nghe thấy rất nhiều tiếng ồn phát ra từ tầng bốn ngôi nhà họ thuê trên phố Tiergartenstrasse, tầng này vốn được cho là chỉ dành cho mẹ con Panofsky. Không nói trước với Dodd một câu, vào lúc bảy giờ mỗi ngày, một nhóm thợ mộc đến và bắt đầu tay búa tay cưa, la hét ầm ĩ liên tục trong hai tuần. Ngày 18 tháng 09, Panofsky viết một thông báo ngắn gửi Dodd: "Tiện đây, tôi xin thông báo với ngài rằng, vào đầu tháng tới, vợ con tôi sẽ quay về Berlin, sau thời gian ở nông thôn. Tôi tin rằng họ sẽ không ảnh hưởng đến sự thoải mái của quý ngài và phu nhân, vì mong muốn của tôi là quý ngài sẽ ở lại trong nhà tôi càng thoải mái càng tốt."

Panofsky đưa vợ con lên tầng bốn, cùng vài người hầu.

Dodd bị sốc. Ông soạn ngay một lá thư cho Panofsky, được biên tập rất tỉ mỉ, gạch xóa và thay đổi từng dòng một, rõ ràng nhận thức được chuyện này không chỉ là quan hệ người thuê - chủ nhà thông thường. Panofsky đang đưa gia đình mình quay về Berlin, vì sự hiện diện của Dodd bảo đảm cho họ được an toàn. Bản thảo

đầu tiên lá thư của Dodd gợi ý rằng có thể bây giờ gia đình ông phải dọn đi, và khiển trách Panofsky đã không tiết lộ các kế hoạch của mình vào tháng Bảy. Nếu đây là bản chính, Dodd sẽ viết, "[lẽ ra] chúng ta không nên lâm vào tình thế đáng xấu hổ như thế này".

Bản thảo cuối cùng của Dodd nhẹ nhàng hơn. "Chúng tôi thực sự rất hạnh phúc khi nghe tin gia đình ngài được đoàn tụ," ông viết, bằng tiếng Đức. "Mối bận tâm duy nhất của chúng tôi là các cháu của ngài sẽ không thể tự do sử dụng toàn bộ ngôi nhà như ý muốn. Chúng tôi đã mua nhà ở Chicago, nên con cái chúng tôi đã trải nghiệm những niềm vui của cuộc sống ngoài trời. Tôi sẽ rất buồn, khi cảm thấy chúng tôi có thể đã cản trở các cháu của ngài tự do vận động, vui đùa. Giá mà chúng tôi biết các kế hoạch của ngài vào tháng Bảy, hẳn chúng tôi sẽ không để mình lâm vào tình thế khó khăn này."

Gia đình Dodd, giống như bao kẻ thuê nhà bị lợi dụng ở khắp nơi, quyết tâm đầu tiên phải kiên nhẫn, hi vọng rằng sự hỗn loạn do lũ trẻ và đám người hầu gây ra rồi sẽ giảm đi.

Nhưng điều đó không xảy ra. Tiếng ồn ào người ra người vào, lũ trẻ luôn xuất hiện bất ngờ gây ra những tình huống dở khóc dở cười, đặc biệt khi Dodd tiếp các nhà ngoại giao và quan chức Đế chế cao cấp. Đây là những kẻ vốn đã có thiên hướng khinh thường sự tằn tiện của Dodd - những bộ đồ giản dị, thói quen cuốc bộ đi làm, cùng chiếc Chevrolet cũ rích. Và bây giờ là sự xuất hiện bất ngờ của cả một gia đình Do Thái.

"Quá ầm ĩ và hỗn loạn, đặc biệt là khi văn phòng của mình phải tiếp khách thường xuyên," Dodd viết trong hồi kí. "Mình nghĩ ai đó hẳn sẽ cho rằng đây là hành động bội tín."

Dodd đi hỏi ý kiến luật sư.

Những rắc rối với chủ nhà và những bổn phận khi là một đại sứ khiến Dodd ngày càng khó có thời gian hoàn thành cuốn Miền Nam ngày xưa. Ông chỉ có thể viết vài tiếng vào buổi tối và những ngày nghỉ cuối tuần. Ông nỗ lực tìm kiếm những cuốn sách, những tài liệu hẳn sẽ dễ kiếm hơn nhiều nếu ở Mỹ.

Tuy nhiên, chuyện đè nặng tâm tư ông nhất là tính phi lí của thế giới, mà giờ đây ông thấy mình trong đó. Ở mức độ nhất định, ông là tù nhân của quá trình tôi luyện bản thân. Là một sử gia, ông có quan điểm thế giới là sản phẩm của các thế lực lịch sử, các quyết

định của những người ít nhiều có lí trí, và ông từng mong đợi những người xung quanh ông hành xử sao cho phải phép và lịch sự. Tuy nhiên, chính quyền của Hitler không hành xử như thế, và dân tộc này cứ thế chao đảo, từ thái cực khó hiểu này sang thái cực khó hiểu khác.

Ngay cả thứ ngôn ngữ do Hitler và đám quan chức đảng của hắn dùng cũng bị đảo ngược đến lạ lùng. Thuật ngữ "cuồng tín" lại mang nghĩa tích cực. Theo nhà ngữ văn Victor Klemperer, đang cư trú tại Berlin miêu tả, nó bất chợt mang nghĩa là "sự pha trộn vui vẻ của lòng can đảm và sự dâng hiến nhiệt thành". Các tờ báo bị Quốc xã kiểm soát đăng liên tu bất tận "những lời thề nhiệt thành", "những tuyên bố nhiệt thành" và "những niềm tin nhiệt thành", tất cả đều là những điều tốt đẹp. Göring được miêu tả như một "người yêu động vật cuồng nhiệt", Fanatischer Tierfreund.

Klemperer phát hiện mấy từ cũ mang nghĩa khá thô khi được dùng lại. Übermensch: người thượng đẳng. Untermensch: người hạ đẳng, tức là "Do Thái". Toàn bộ các từ mới cũng đang xuất hiện, trong số này có Strafexpedition - "cuộc chinh phạt"- cái tên Sư đoàn Bão tố đem đặt cho các vụ cướp phá những vùng Cộng sản và Do Thái lân cận.

Klemperer phát hiện sự "cuồng loạn ngôn ngữ", trong cơn lũ các nghị định, cảnh báo và đe dọa mới - "Đe dọa không ngừng đi kèm với án tử hình!" - và trong các sự kiện quan trọng lạ lùng, không thể cắt nghĩa, hoang tưởng đến quá thể, như cuộc khám xét trên toàn quốc mới đây. Trong tất cả các sự kiện này, Klemperer thấy một nỗ lực thận trọng, nhằm tạo ra một tình huống kịch tính mỗi ngày, "sao chép từ các bộ phim giật gân của Mỹ", để chắc chắn người dân sẽ cư xử đúng mực. Ông cũng đánh giá đây là biểu hiện thiếu tự tin giữa những kẻ nắm quyền lực. Cuối tháng Bảy năm 1933, Klemperer xem một bộ phim tài liệu, trong đó Hitler, với hai bàn tay nắm lại và mặt mũi nhăn nhó, rít lên, "Ngày 30 tháng 01, bọn chúng" - đến đây Klemperer đồ rằng hắn muốn nói đến dân Do Thái - "cười nhạo ta - nụ cười đó sẽ biến mất trên gương mặt chúng!" Klemperer choáng váng trước thực tế rằng, cho dù Hitler đang cố gắng chứng tỏ quyền lực vạn năng, có vẻ hắn đang trong cơn giận dữ điên cuồng, không kiểm soát được. Nghịch lí ở chỗ, cơn giận ấy lại làm suy yếu những lời khoe khoang của hắn, rằng Đế chế mới sẽ tồn tại một nghìn năm, rằng tất cả các kẻ thù của hắn sẽ bị tuyệt diệt. Klemperer tự hỏi, liệu ngài có nói chuyện trong cơn giận mù quáng như thế, "nếu ngài chắc chắn về sự trường tồn và hủy diệt này?"

Hôm ấy, ông rời rạp chiếu phim "với gần như chỉ một tia hi vọng."

Tuy nhiên, trong thế giới bên ngoài cửa sổ nhà Dodd, những bóng đen ngày càng trở nên đáng sợ hơn. Một cuộc tấn công khác nhằm vào người Mỹ lại xảy ra. Một đại diện của chuỗi siêu thị rẻ tiền Woolworth, tên là Roland Velz, bị tấn công tại Düsseldorf hôm Chủ nhật, ngày 08 tháng 10 năm 1933, khi ông ta cùng vợ đang thả bước trên một trong các con phố chính của thành phố. Giống như nhiều nạn nhân khác trước đó, cái tội họ phạm phải là không để ý đến đoàn diễu hành của SA. Một tên lính Sư đoàn Bão tố điên tiết đánh Velz rất mạnh vào mặt hai lần liên tiếp, trước khi bỏ đi. Khi Velz cố gắng báo cảnh sát bắt giữ tên đó, viên sĩ quan đã từ chối. Velz sau đó khiếu nại với một viên trung úy cảnh sát đang đứng gần đấy, nhưng anh ta cũng không chịu hành động. Thay vào đó, hắn lên lớp cấp tốc cho Velz biết nên chào ra sao và vào lúc nào.

Dodd gửi hai công hàm phản đối đến văn phòng ngoại giao, yêu cầu ngay lập tức bắt giữ kẻ tấn công. Nhưng ông không nhận được hồi âm. Một lần nữa, Dodd cân nhắc ý tưởng đề nghị Bộ Ngoại giao Mỹ "tuyên bố với thế giới rằng người Mỹ không an toàn tại Đức, rằng các du khách tốt nhất không nên tới đây", nhưng rồi ông lại lưỡng lự.

Sự khủng bố dân Do Thái vẫn tiếp tục, thậm chí còn tinh tế và lan rộng hơn, khi quá trình Đồng bộ hóa được thúc đẩy. Vào tháng Chín, Chính phủ Đức thành lập Bộ Văn hóa Đế Chế, đặt dưới sự kiểm soát của Goebbels, nhằm tập hợp các nhạc công, diễn viên, họa sĩ, nhà văn, phóng viên, các nhà làm phim vào mối liên kết về ý thức hệ, và đặc biệt là về chủng tộc. Đầu tháng Mười, Chính phủ ban hành Luật Biên tập, ngăn cấm các tờ báo và các nhà xuất bản tuyển dụng người Do Thái, luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1934. Không một lĩnh vực nào bị bỏ qua: Bộ Bưu điện quy định rằng từ rày trở đi, khi cố gắng đánh vần một từ qua điện thoại, người gọi đến không được phép nói "D tức là David", bởi vì từ "David" là một cái tên Do Thái. Thay vào đó, phải dùng cái tên "Dora". Tương tự là "Samuel" sửa thành "Siegfried". Và cứ thế. "Trong lịch sử xã hội chưa từng có chính sách nào lại cứng nhắc, vô lương tâm và mang tính hủy hoại như chính sách hiện tại chống dân Do Thái ở Đức," Tổng Lãnh sự Messersmith nói với Thứ trưởng Phillips, trong một lá thư dài đề ngày 29 tháng 09 năm 1933. Ông viết, "Không cần biết ở trong hay ngoài nước Đức, chắc chắn mục đích của Đức là xóa sổ dân Do Thái khỏi cuộc sống của người Đức."

Đã có thời, Messersmith tin rằng khủng hoảng kinh tế của Đức sẽ lật đổ Hitler. Nhưng ông không tin vậy nữa. Giờ đây, ông thấy Hitler, Göring và Goebbels đã nắm quyền lực chắc chắn trong tay. Chúng "thực tế chẳng biết gì về thế giới bên ngoài", ông viết. "Chúng chỉ biết rằng ở Đức, chúng có thể làm điều chúng muốn. Chúng cảm nhận được quyền lực của mình ở trong nước, đến mức khiến chúng say sưa."

Messersmith đề xuất một giải pháp có thể là "can thiệp cưỡng bức từ bên ngoài". Nhưng ông cảnh báo một hành động như thế sẽ phải diễn ra sớm. "Nếu lúc này có sự can thiệp của các cường quốc khác, có khả năng gần một nửa dân số Đức sẽ xem đó như vị cứu tinh," ông viết. "Nếu bị trì hoãn quá lâu, sự can thiệp ấy có thể phải đương đầu với một nước Đức thực sự thống nhất."

Messersmith tin vào một thực tế rõ ràng: Nước Đức giờ đây đã gây ra mối nguy hiểm thực sự và đáng sợ đối với thế giới. Ông gọi nó là "ung nhọt có thể quấy rối nền hòa bình của chúng ta nhiều năm tới".

Dodd bắt đầu cho thấy những dấu hiệu đầu tiên của sự chán nản và mệt mỏi sâu sắc.

"Chẳng có gì ở đây là hứa hẹn cả," ông viết thư cho một người bạn, Đại tá Edward M. House, "lại chỉ giữa chúng ta thôi nhé, tôi chẳng hề nghi ngờ chút nào về chuyện mùa xuân năm ngoái, trực giác mách bảo rằng tôi có thể làm việc ở Đức. Tôi có một tập Miền Nam ngày xưa cũng sớm xuất bản thôi. Còn những ba tập nữa. Tôi đã vất vả suốt hai mươi năm với cuốn sách này và không muốn đối mặt với nguy cơ không thể hoàn thành nó." Kết thư, ông viết, "Giờ thì tôi đây, sáu mươi tư tuổi, làm việc từ mười đến mười lăm giờ một ngày! Chẳng đi đến đâu cả. Thế nhưng nếu tôi rút lui, thực tế sẽ trở nên phức tạp hơn." Gửi người bạn Jane Addams, nhà cải cách sáng lập cơ sở dành cho người nghèo, có tên gọi Hull House tại Chicago, ông viết, "Công việc này cướp đi thời gian hoàn thành tác phẩm lịch sử của tôi, và tôi hoài nghi lựa chọn của mình hồi tháng Sáu liệu có đúng đắn không."

Ngày 04 tháng 10 năm 1933, mới tròn ba tháng ở đây, Dodd gửi cho Ngoại trưởng Hull một lá thư đề "Tuyệt mật và chỉ ngài được đọc". Sau khi dông dài về thời tiết ẩm ướt của không khí mùa thu và mùa đông Berlin, rằng ông chưa hưởng một kì nghỉ nào kể từ tháng Ba, Dodd đề nghị được nghỉ phép dài ngày đầu năm sau, để ông có thể dành nhiều thời gian cho trang trại của mình và việc giảng dạy ở Chicago. Ông hi vọng sẽ rời Berlin vào cuối tháng Hai,

rồi trở lại đây ba tháng sau đó.

Ông dặn Hull giữ kín chuyện này. “Làm ơn đừng hỏi ý kiến bất kì ai, nếu ngài thấy nghi ngờ.”

Hull phê chuẩn đề nghị xin nghỉ phép của Dodd, gợi ý rằng vào thời gian này, Washington không xem đánh giá của Messersmith về nước Đức là nghiêm túc, dù ông ta nói đến mối đe dọa đang tăng lên. Các nhật kí của Thứ trưởng Phillips và Trưởng phòng Các Vấn đề Tây Âu Moffat cho thấy rõ một điều, mối bận tâm chính của Bộ Ngoại giao vẫn là khoản vay khổng lồ Đức nợ Mỹ.

Chương 17
LUCIFER CHẠY TRỐN

Mùa thu đang đến gần và thách thức lừa gạt những kẻ theo đuổi trong đời đối với Martha có phần nào đó mất hứng thú, vì một lí do đáng buồn: Diels biến mất.

Một tối đầu tháng Mười, Diels đang làm việc muộn trong văn phòng tại Prinz-Albrecht-Strasse 8, thì vào quãng nửa đêm, hắn nhận được cuộc điện thoại của vợ, Hilde, nghe giọng có vẻ cực kì bấn loạn. Như sau này hắn thuật lại trong hồi kí, Lucifer trước cổng - vợ hắn kể rằng "một đội" có vũ trang, mặc đồng phục đen đột nhập vào căn hộ của hai vợ chồng, nhốt cô ta trong buồng ngủ, sau đó chúng hùng hổ khám xét, thu thập các nhật kí, thư từ và nhiều hồ sơ khác Diels cất ở nhà. Hắn lộn về căn hộ của mình, cố gắng thu thập lại đầy đủ thông tin giúp nhận diện những kẻ đột nhập, chúng là đội đặc nhiệm SS, theo lệnh của Đại úy Herbert Packebusch. Diels viết, Packebusch chỉ mới ba mươi mốt tuổi, nhưng "vẻ khắc nghiệt và nhẫn tâm hiện rõ trên mặt y". Diels nói y đích thị là "nguyên mẫu và hình ảnh của bọn sĩ quan chỉ huy trại tập trung sau này".

Cho dù Diels ngạc nghiên trước đòn tấn công liều lĩnh của Packebusch, nhưng hắn hiểu các thế lực giật dây đằng sau. Chế độ sôi sục xung đột và âm mưu. Diels ban đầu nghi Göring, vì Göring nắm giữ hết thế lực cảnh sát ở Berlin và kiểm soát vùng lãnh thổ xung quanh Phổ, bang rộng lớn nhất trong các bang của Đức. Nhưng Heinrich Himmler, trùm SS, đang nhanh chóng giành quyền kiểm soát các cơ quan cảnh sát mật, trên khắp phần còn lại của nước Đức. Göring và Himmler kèn cựa nhau, tranh giành ảnh hưởng của nhau.

Diels hành động rất nhanh. Hắn gọi cho một người bạn phụ trách đồn Tiergarten của cảnh sát Berlin, yêu cầu tập hợp một lực lượng

các sĩ quan không mặc đồng phục, mang theo súng máy và lựu đạn cầm tay. Diels dẫn chúng đến một cứ điểm của SS trên phố Potsdamer Strasse và chỉ đạo chúng bao vây tòa nhà. Lính gác cửa SS không nhận thức được đã xảy ra chuyện gì, ngây thơ dẫn Diels cùng một đội cảnh sát vào văn phòng của Packebush.

Và hắn thực sự sốc toàn tập. Khi bước vào, Diels trông thấy Packebusch đang ngồi tại bàn làm việc, trên người chỉ mặc sơ mi, chiếc áo khoác đồng phục đen đang mắc trên tường gần đó, cùng thắt lưng và bao súng. "Y ngồi đó, đang nghiền ngẫm các tài liệu trên bàn như một học giả đang làm việc về đêm," Diels viết. Hắn nổi cơn cuồng nộ. "Y đang xem xét các tài liệu của tôi, và tôi sớm phát hiện ra y muốn làm tôi bẽ mặt, với những chú thích vớ vẩn." Diels thấy Packebusch thậm chí đã biết vợ chồng Diels trang trí căn hộ của họ theo phong cách kinh dị. Trong một lá thư, Packebusch đã ghi nguệch ngoạc dòng chữ "phong cách trang trí theo kiểu Stresemann," một lời ám chỉ đến Gustav Stresemann[71], một kẻ chống đối Hitler thời Weimar.

[71] Gustav Stresemann (1878 - 1929): từng là Thủ tướng, và sau đó là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Đức, thời kì Cộng hòa Weimar. Ông được trao giải Nobel Hòa bình năm 1926.

"Ngươi đã bị bắt," Diels nói.

Packebusch chợt ngước mắt lên. Phút trước y còn đang đọc giấy tờ cá nhân của Diels, phút sau Diels đã đang đứng trước mặt y. "Packebusch chưa kịp hết ngạc nhiên," Diels viết. "Y nhìn tôi trừng trừng như thể tôi là quỷ hiện hình."

Lính của Diels bắt giữ Packebusch. Một sĩ quan lấy khẩu súng ngắn của viên đại úy SS từ bao súng trên tường, nhưng rõ ràng không ai tiến hành khám xét chính Packebusch. Các sĩ quan cảnh sát tỏa ra khắp tòa nhà bắt giữ nhiều người khác, những kẻ mà Diels tin rằng có tham gia vụ đột nhập vào căn hộ của hắn. Tất cả nghi phạm được chuyển về trụ sở Gestapo, còn Packebusch bị giải đến văn phòng của Diels.

Tại đó, vào những giờ đầu tiên của buổi sáng, Diels và Packebusch ngồi đối diện nhau, mặt cả hai cùng tím lại. Con chó lai sói giống Alsatin của Diels - hồi ấy là tên chính thức của chó chăn cừu Đức - ở gần đó trông chừng.

Diels đã thề sẽ tống Packebusch vào ngục. Packebusch buộc tội Diels âm mưu phản quốc.

Tức giận trước sự hỗn xược của Packebusch, Diels xô ghế chồm dậy trong lửa giận bừng bừng. Packebusch buông ra những lời tục tĩu, rút ra khẩu súng ngắn giấu trong túi quần sau. Y nhắm khẩu súng vào Diels, ngón tay đặt trên cò súng.

Con chó của Diels xông vào, chồm lên Packebusch, theo mô tả của Diels. Hai viên sĩ quan không mặc đồng phục túm lấy Packebusch và giật khẩu súng khỏi tay y. Diels ra lệnh tống y vào nhà lao của Gestapo, dưới tầng hầm.

Nhanh như cắt, Göring và Himmler nhúng tay vào và đạt được một thỏa thuận. Göring bãi chức trùm Gestapo của Diels, giáng hắn xuống làm phó ủy viên cảnh sát Berlin. Diels nhận ra rằng công việc mới này là sự sỉ nhục, chẳng có thực quyền - ít nhất không phải kiểu quyền lực hắn sẽ cần để đối phó với Himmler, nếu tên trùm SS này muốn trả thù thêm nữa. Tuy nhiên, hắn vẫn chấp nhận thỏa thuận, và mọi việc dừng lại ở đó cho đến một buổi sáng cuối tháng, khi hai nhân viên trung thành chặn hắn lại trên đường lái xe đi làm. Chúng bảo hắn rằng các mật vụ SS đang đợi hắn trong văn phòng của hắn với một lệnh bắt.

Diels đào tẩu. Trong hồi kí, hắn khẳng định vợ hắn khuyên nên mang theo một người bạn, một phụ nữ Mỹ, "cô ta có thể hữu ích khi băng qua biên giới". Cô ta sống trong "một căn hộ trên phố Tiergartenstrasse," hắn viết, và cô ta là người thích rủi ro. "Mình biết sự nhiệt tình của cô ta đối với nguy hiểm và phiêu lưu."

Những đầu mối khiến hắn lập tức nghĩ đến Martha, nhưng cô không đề cập gì về chuyến đi này trong hồi kí, cũng như trong bất kì văn bản nào khác của mình.

Diels cùng người bạn đồng hành lái xe đến Potsdam, sau đó tiến về biên giới ở phía nam, nơi hắn bỏ lại xe trong gara. Hắn mang theo một hộ chiếu giả. Họ băng qua biên giới, tiến vào Tiệp Khắc, rồi đi tiếp đến thành phố có suối nước khoáng Carlsbad, nơi họ đặt phòng trong một khách sạn. Diels cũng mang theo một hồ sơ nhạy cảm hơn của hắn, như một sự bảo đảm.

Hans Gisevius, người viết hồi kí Gestapo kể rằng, "Từ nơi ẩn náu của mình tại Bohemia, Diels đe dọa sẽ công bố những tiết lộ đáng xấu hổ. Để đổi lấy sự im lặng, hắn đề nghị phải trả giá thật cao."

Với việc Diels biến mất, nhiều người trong đám bạn bè ngày càng tăng của Martha hẳn nhiên thấy dễ thở hơn nhiều, đặc biệt những ai trót đồng cảm sâu sắc với các nhà cộng sản, hoặc khóc than cho

sự mất tự do của quá khứ Weimar. Đời sống xã hội của cô tiếp tục phát triển.

Trong số tất cả bạn bè mới, người hấp dẫn nhất đối với cô là Mildred Fish Harnack, người phụ nữ cô gặp gỡ lần đầu tiên trên sân ga, khi gia đình cô đến Berlin. Mildred nói tiếng Đức chuẩn xác. Nhiều người tả rằng, dáng người cô ấy cao ráo, mảnh mai, mái tóc dài vàng óng quấn thành búi dày, cùng đôi mắt xanh to, mang vẻ nghiêm túc. Cô ấy không bao giờ trang điểm. Sau này khi một bí mật nhất định của cô ấy bị lộ, mô tả phác thảo về cô ấy trong các hồ sơ tình báo Xô Viết, "rất giống phụ nữ Đức, kiểu phụ nữ vùng Nordic mãnh liệt và rất giỏi giang."

Martha nhận thấy, cô ấy nổi bật không chỉ do vẻ bề ngoài, mà còn ở tính cách. "Chị ấy nói và bày tỏ ý kiến chậm rãi," Martha viết, "chị ấy lặng lẽ lắng nghe, cân nhắc, đánh giá các từ ngữ, ý tưởng và động cơ của cuộc đối thoại... Những lời nói của chị ấy rất sâu sắc, đôi khi mơ hồ, khi cần thiết phải thăm dò ý định của ai."

Nghệ thuật phân tích các động cơ và thái độ của người khác trở nên đặc biệt quan trọng, xét đến những gì cô ấy cùng chồng, Arvid Harnack, đã trải qua vài năm trước. Hai người gặp nhau năm 1926 tại trường Đại học Wisconsin, nơi Mildred làm giảng viên. Họ kết hôn tháng Tám năm đó, chuyển đến Đức sinh sống và cuối cùng định cư tại Berlin. Suốt chặng đường, hai người thể hiện tài năng khiến mọi người xích lại gần nhau. Tại mỗi điểm dừng, họ đều đặn tổ chức các buổi họp để ăn uống, đối thoại, nghe các bài giảng, thậm chí đọc theo nhóm các vở kịch của Shakespeare[72]. Tất cả là sự mô phỏng một nhóm nổi tiếng họ đã tham gia tại Wisconsin, Friday Niters, người sáng lập là John R. Commons, một giáo sư và là đảng viên Đảng Cấp tiến hàng đầu, một ngày sẽ được biết đến là "người cha tinh thần" của An sinh Xã hội.

[72] *William Shakespeare (1564 - 1616): nhà thơ và nhà viết kịch vĩ đại của Anh quốc.*

Tại Berlin, vào mùa đông năm 1930 - 1931, Arvid thành lập thêm một nhóm khác, tận tâm nghiên cứu nền kinh tế kế hoạch của nước Nga Xô Viết. Khi Đảng Quốc xã mạnh mẽ hơn, lĩnh vực yêu thích của ông trở nên khó theo đuổi, tuy nhiên ông vẫn thu xếp và dẫn một nhóm, khoảng hơn hai mươi nhà kinh tế học và kĩ sư Đức đi tham quan Liên bang Xô Viết. Trong khi ở nước ngoài, ông được tình báo Xô Viết bí mật tuyển mộ làm việc cho họ, chống Quốc xã.

Ông đồng ý.

Khi Hitler lên nắm quyền, Arvid cảm thấy buộc phải giải tán nhóm kinh tế kế hoạch của mình. Không khí chính trị ngày càng nguy hiểm chết người. Ông cùng Mildred lui về vùng nông thôn, nơi Mildred dành thời gian viết lách và Arvid nhận công việc làm luật sư cho hãng hàng không Đức Lufthansa. Sau khi đợt khủng bố cộng sản lắng xuống, nhà Harnack quay về căn hộ của họ ở Berlin. Xét theo hoàn cảnh của ông, đáng ngạc nhiên khi Arvid lại nhận được việc làm trong Bộ Kinh tế học và bắt đầu thăng tiến nhanh chóng, đến mức khiến vài người bạn của Mildred tại Mỹ khẳng định hai vợ chồng họ đã bị "Quốc xã hóa".

Ngay từ đầu, Martha chẳng biết gì về cuộc sống bí mật của Ar- vid. Cô thích ghé thăm căn hộ của hai vợ chồng, sáng sủa, ấm áp và pha trộn những sắc màu dễ chịu: "những màu nâu vàng nhạt và xanh dương dịu dàng". Các bình hoa to trong nhà Mildred cắm đầy hoa oải hương cánh bướm, đặt đối diện bức tường màu vàng nhạt. Martha và Mildred đến chơi với nhau thường xuyên như những tâm hồn tương đồng, cả hai cùng quan tâm sâu sắc đến chuyện viết lách. Cuối tháng Chín năm 1933, hai người thu xếp làm một chuyên mục về các cuốn sách, trên một tờ báo bằng tiếng Anh tên là Berlin Topics. Ngày 25 tháng

09 năm 1933, trong bức thư gửi Thornton Wilder, Martha đã mô tả tờ báo là "tệ hại", nhưng nói rằng cô hi vọng có thể đóng vai trò như chất xúc tác, "để xây nên một khu kiều dân bé nhỏ trong cộng đồng nói tiếng Anh ở đây... Tập hợp lại những người yêu thích sách và các tác giả."

Khi nhà Harnack đi du ngoạn, Mildred gửi cho Martha các tấm bưu thiếp, trên đó cô viết các quan sát đẹp như thơ về khung cảnh trước mặt, những sự bày tỏ tình cảm ấm áp. Trên một tấm thiếp, Mildred viết, "Martha này, em có biết rằng chị quý em và lúc nào cũng nghĩ đến em." Cô ấy cảm ơn Martha vì đã đọc và phê bình một vài đoạn văn của mình. "Em có năng khiếu đấy," cô ấy viết.

Kết thư là tiếng thở dài say khướt. "Ôi, ôi cuộc sống... đáng yêu của chị..." Dấu ba chấm là của cô.

Đối với Martha, các tấm thiệp này giống như những cánh hoa rụng xuống, từ nơi cô chưa biết đến. "Tôi trân quý những tấm bưu thiếp và lá thư ngắn này, với những đoạn văn tinh tế, nhạy cảm gần như khiến tôi run rẩy. Chẳng có gì là gượng ép hay giả tạo cả. Cảm xúc chỉ đơn giản tuôn trào từ trái tim vui tươi, căng tràn sức sống của chị ấy, và được diễn tả bằng câu chữ."

Mildred trở thành khách quen tại các buổi họp chính thức ở Đại sứ quán, tháng Mười một, cô ấy được trả thêm tiền khi đánh máy bản thảo tập đầu tiên cuốn Miền Nam ngày xưa của Dodd. Đáp lại, Martha thường xuyên đến địa điểm gặp mặt mới do Mildred và Arvid thành lập, một phiên bản của Friday Niters tại Berlin. Từng có kinh nghiệm tổ chức, họ tập hợp được một nhóm những người bạn trung thành - các nhà văn, nhà biên tập, nghệ sĩ, nhà trí thức - họp nhau tại căn hộ của họ vài lần mỗi tháng, thưởng thức các bữa ăn nhẹ vào các ngày trong tuần, những buổi thưởng trà chiều thứ Bảy. Trong lá thư gửi Wilder, Martha viết tại đây cô đã gặp nhà văn Ernst von Salomon, người có tai tiếng vì dính vào vụ ám sát Cựu Ngoại trưởng của nền Cộng hòa Weimar, Walter Rathenau. Cô yêu thích bầu không khí ấm áp Mildred tạo nên, dù cho cô không có nhiều tiền để chi. Có đèn, nến và hoa, một khay bánh mì mỏng, pho mát, xúc xích gan và cà chua cắt lát. Không phải một bữa tiệc, nhưng thế là đủ. Martha nói với Wilder, chủ tiệc "là một người không hiểu sao thích đặt cây nến đằng sau một chùm hoa tầm xuân hoặc hoa hồng đỗ quyên."

Nội dung cuộc đối thoại thật thông minh và táo bạo. Đôi khi là quá táo bạo, ít nhất là theo quan điểm của vợ Salomon,dù cho bà ta là người Do Thái. Bà ta kinh hoàng khi các vị khách gọi Himmler và Hitler là "bọn cực ngu", thật thô lỗ làm sao, mà quên mất bà ta là ai, hay bà ta nên đồng cảm với ai. Bà ta quan sát một vị khách trao một phong bì màu vàng cho một người khác, rồi nháy mắt như thể lén cho kẹo trẻ con. "Tôi ngồi trên ghế đệm ngay đó," bà ta nói, "và sợ đến nỗi không dám thở."

Martha thấy thật hồi hộp và phấn khích, bất chấp thiên hướng chống Quốc xã của nhóm này. Cô ủng hộ nhiệt thành cuộc cách mạng Quốc xã, xem nó như một lối thoát ra khỏi hỗn loạn đã nhấn chìm nước Đức, kể từ cuộc chiến tranh trước đó. Tham gia cuộc gặp mặt này, cô củng cố ý thức bản thân mình là một nhà văn, nhà trí thức. Ngoài việc tham dự cuộc họp nhóm thường lệ của cánh phóng viên Stammtisch tại Die Taverne, cô bắt đầu dành nhiều thời gian hơn la cà ở các quán cà phê Berlin cũ, vốn chưa bị "đồng bộ hóa" hoàn toàn, như quán Josty trên đường Potsdamer Platz và quán bar cà phê Romanisches trên đường Kurfürstendamm. Quán này có thể phục vụ đến một nghìn người, từng có quá khứ nổi tiếng là nơi ẩn náu của những nhân vật như Erich Maria Remarque[73], Joseph Roth[74] và Billy Wilder[75], cho dù đến nay, tất cả bọn họ đã rời khỏi Berlin. Cô thường xuyên ra ngoài ăn tối và đến các hộp đêm như Ciro's và hộp đêm trên sân thượng khách sạn Eden. Giấy tờ của Đại sứ Dodd tuyệt không đả động gì đến chuyện này, nhưng xét theo tính tằn tiện của mình, ông chắc

phải thấy việc Martha làm là đáng báo động, khiến gia đình hao tiền tốn của.

[73] Erich Maria Remarque (1898 - 1970): tiểu thuyết gia nổi tiếng người Đức.

[74] Joseph Roth (1894 - 1939): tiểu thuyết gia người Áo, gốc Do Thái.

[75] Samuel "Billy" Wilder (1906 - 2002): nhà sản xuất và viết kịch bản phim người Mỹ gốc Áo. Ông từng dành giải Oscar cho nhà sản xuất phim xuất sắc nhất.

Martha đã hi vọng tự mình khẳng định được chỗ đứng trong bối cảnh văn hóa Berlin, không chỉ bằng ảnh hưởng của tình bạn giữa cô với gia đình Harnack, và cô muốn đó sẽ phải là một chỗ đứng đầy hứa hẹn. Cô đưa Salomon đến một buổi họp mặt chính thức trầm mặc của Đại sứ quán Mỹ, rõ ràng hi vọng tạo ra sự khuấy động. Cô đã thành công. Trong lá thư gửi Wilder, cô đắc chí trước phản ứng của đám đông khi Salomon xuất hiện: "sự kinh ngạc (có tiếng thở hổn hển và thầm thì kín đáo sau những bàn tay, trong cuộc họp cực kì thích hợp)... Ernst von Salomon! Kẻ tòng phạm trong vụ giết Ngoại trưởng Đức Rathenau..."

Cô thèm được chú ý và cô đã nhận được điều đó. Salomon đã mô tả các vị khách tập hợp tại một bữa tiệc của Đại sứ quán Mỹ - có khả năng chính là bữa tiệc đó - là "những thanh niên con nhà quyền quý của thủ đô, những nam thanh niên với tư cách hoàn hảo... mỉm cười quyến rũ, hoặc phá lên cười vui vẻ trước những câu nói hóm hỉnh, tinh quái của Martha Dodd."

Cô ngày càng trở nên liều lĩnh hơn. Cô biết, đã đến lúc bắt đầu tổ chức vài bữa tiệc của riêng mình.

Tron khi đó, vẫn đang ở nước ngoài, và đang sống khỏe tại một khách sạn xa hoa ở Carlsbad, Diels bắt đầu tung quân do thám tình hình ở Berlin, xem liệu đã an toàn cho hắn quay về hay chưa.

Chương 18
CẢNH BÁO TỪ MỘT NGƯỜI BẠN

Martha ngày càng thấy tự tin rằng mình có sức hút xã hội, rằng sức hút ấy đủ lớn để cô tổ chức một buổi gặp mặt ban chiều của riêng cô, bắt chước các bữa tiệc trà và nhóm thảo luận buổi tối của bạn cô, Mildred Fish Harnack. Cô cũng tự tổ chức tiệc sinh nhật. Nhưng chỉ khi bắt tay vào làm, cả hai sự kiện mới cho thấy chúng thực sự khác xa những gì cô kì vọng.

Ở khâu chọn khách mời, cô dùng các mối liên hệ riêng cũng như của Mildred. Cô mời vài chục nhà thơ, nhà văn và nhà biên tập, bề ngoài nhằm mục đích gặp gỡ một nhà xuất bản Mỹ đến thăm. Martha hi vọng "được nghe cuộc đối thoại thú vị, trao đổi một vài quan điểm hay ho, ít nhất là được nghe nói chuyện ở tầm cao hơn những gì cô đã quen trong giới ngoại giao". Tuy nhiên, các vị khách còn mang đến một người bạn đồng hành bất ngờ.

Thay vì hình thành một nhóm sống động và sôi nổi với cô là trung tâm, đám đông bị phân tán, chỗ này một nhóm, chỗ kia một nhóm. Một nhà thơ ngồi trong thư viện với vài vị khách tụm lại gần đó. Số khác bu xung quanh một vị khách danh dự, cho thấy một điều Martha gọi là "sự háo hức đáng thương muốn biết chuyện gì đang xảy ra tại Mỹ". Các vị khách Do Thái của cô tỏ ra đặc biệt khó chịu. Cuộc thảo luận bị kéo dài, chỉ tập trung vào ăn và uống. "Những vị khách còn lại đứng xung quanh uống như hũ chìm và ngấu nghiến các đĩa đồ ăn," Martha viết. "Có lẽ phần nhiều trong số họ rất nghèo, và thực sự đói ăn, số khác bị căng thẳng và nôn nóng muốn che giấu cảm xúc."

Martha viết, tóm lại "đó là một buổi chiều vừa tẻ ngắt, vừa căng thẳng". Vị khách không mời thật đáng sợ, ám ảnh buổi họp mặt. Cô viết, đám đông "toàn những linh hồn giận dữ và đau khổ... Căng thẳng, kiệt quệ, đánh mất lòng can đảm, sợ hãi bi kịch, lo sẽ

bị căm ghét, đến nỗi tôi thề không bao giờ lập một nhóm như thế trong nhà mình nữa."

Thay vào đó, cô tự hài lòng với việc giúp nhà Harnack tổ chức các buổi tiệc tối và tiệc trà thường kì. Họ cho thấy mình có tài trong việc tập hợp những người bạn trung thành, hấp dẫn và kéo họ lại gần nhau. Đối với Martha, ý tưởng rằng kiểu tiệc tùng này sẽ giết chết họ vào một ngày nào đó là cực kì buồn cười.

Danh sách khách mời cho bữa tiệc sinh nhật của cô, dự kiến tổ chức vào ngày 08 tháng 10, có bao gồm một công nương, một hoàng tử, vài người bạn phóng viên của cô, cùng rất nhiều sĩ quan SA và SS, "trẻ tuổi, gót giày khua lách cách, lịch thiệp gần như đến vô lí". Chuyện Boris Winogradov có tham dự hay không vẫn còn là ẩn số, cho dù đến giờ này, Martha đã xem anh ta như "khách quen". Có thể, thậm chí là nhiều khả năng cô không mời anh, vì người Mỹ vẫn chưa chịu thừa nhận Liên bang Xô Viết.

Hai quan chức Quốc xã nổi bật lần đầu xuất hiện tại bữa tiệc. Một người là Putzi Hanfstaengl, người kia là Hans Thomsen, một thanh niên từng làm liên lạc viên giữa Bộ Ngoại giao với văn phòng lãnh sự của Hitler. Anh ta rất biết kiềm chế, xúc cảm không bao giờ hiện rõ trên nét mặt, không như những kẻ cuồng tín Quốc xã khác. Kết quả là anh ta rất được lòng các thành viên của ngoại giao đoàn, và trở thành vị khách thường xuyên đến nhà Dodd. Cha của Martha thường nói chuyện với anh ta một cách bỗ bã, thân mật hơn mức cho phép trong nghi thức ngoại giao, tự tin rằng Thomsen sẽ truyền đạt lại quan điểm của ông lên các quan chức Quốc xã cao cấp, có khả năng là với chính Hitler. Đôi khi Martha có ấn tượng rằng Thomsen có thể che giấu những lo ngại cá nhân của anh ta về Hitler. Cha con cô đều gọi anh ta là "Tommy".

Hanfstaengl đến muộn, một thói quen của anh ta. Anh ta thèm khát được chú ý, nhờ chiều cao và năng lượng dồi dào, anh ta luôn thu hút mọi người, không cần biết trong phòng có bao nhiêu người. Anh ta đắm chìm vào cuộc trò chuyện với một vị khách sành nhạc về những cái hay của bản Giao hưởng Số 8 của Schubert[76]. Khi Martha bước đến chiếc máy hát Vitrola của gia đình, cô bật đĩa nhạc có bài tụng ca Quốc xã Horst Wessel, bản nhạc cô từng nghe Sư đoàn Bão tố đi diễu hành hát tại Nuremberg.

[76] Franz Peter Schubert (1797 - 1828): nhà soạn nhạc lừng danh người Áo.

Hanfstaengl có vẻ yêu thích âm nhạc. Rõ ràng, Hans Thomsen thì ngược lại. Anh ta đứng phắt dậy, bước đến chỗ máy nghe nhạc và giơ tay tắt phụt đi.

Ngây thơ hết mức có thể, Martha hỏi anh ta tại sao không thích nghe nhạc.

Thomsen trừng mắt, mặt sa sầm. "Đây không phải loại nhạc để chơi ở nơi tụ tập đông người một cách khiếm nhã như thế," anh ta sửng cồ. "Tôi không khiến cô chơi bài ca của chúng tôi, với ý nghĩa quan trọng như thế, tại một bữa tiệc xã giao."

Martha choáng váng. Đây là nhà cô, bữa tiệc của cô, và hơn thế, trên đất của Đại sứ quán Mỹ. Cô có thể làm bất kì điều gì cô thích.

Hanfstaengl nhìn Thomsen với ánh mắt được Martha diễn tả là "sinh động với sự thích thú xen lẫn coi thường". Anh ta nhún vai, ngồi xuống bên cây đàn dương cầm và bắt đầu chơi một bản nhạc sôi động.

Sau đó, Hanfstaengl kéo Martha sang một bên. "Phải," anh ta nói, "trong số chúng ta có vài người như thế. Những người có vùng cấm, không có khiếu hài hước - cô phải thật cẩn thận đừng xúc phạm linh hồn nhạy cảm của họ."

Tuy nhiên, đối với Martha, thái độ của Thomsen ám ảnh mạnh mẽ đến ngạc nhiên - vì mặc dù nhẹ nhàng - nhưng nó đã làm xói mòn lòng nhiệt tình của cô về một nước Đức mới, như thể một câu nói cực kì nhẫn tâm có thể hủy hoại một cuộc hôn nhân.

"Cả cuộc đời mình, tôi đã quen bày tỏ và lắng nghe các quan điểm," cô viết, "bầu không khí tối nay khiến tôi bị sốc, choáng váng, như kiểu vi phạm những lễ nghi trong quan hệ giữa người với người."

Dodd cũng nhanh chóng thấu hiểu được tính nhạy cảm nóng bỏng trong ngày. Không có sự kiện nào đánh giá điều này tốt hơn bài diễn văn ông đọc trước chi nhánh Phòng Thương mại Mỹ tại Berlin, vào Ngày Columbus[77], 12 tháng 10 năm 1933. Bài phát biểu của ông không chỉ khuấy động sự tranh cãi sôi nổi tại Đức, mà còn trong cả Bộ Ngoại giao và giữa nhiều người Mỹ ủng hộ việc Mỹ đứng ngoài các vấn đề châu Âu. Sau này khi biết điều đó, Dodd cảm thấy bất an.

[77] Ngày Columbus: là ngày lễ ở nhiều quốc gia châu Mỹ, kỉ niệm sự kiện Christopher Columbus lần đầu tiên đến châu lục này.

Dodd tin rằng một phần quan trọng trong nhiệm vụ của ông đó là gây sức ép kín đáo hướng đến sự kiềm chế, hoặc như ông viết trong lá thư gửi luật sư Chicago, Leo Wormser, "tiếp tục thuyết phục và van xin những người dân ở đây đừng tự biến mình thành kẻ thù tồi tệ nhất của chính họ". Lời mời đến phát biểu cho ông một cơ hội lí tưởng.

Kế hoạch của ông là dùng lịch sử để nói thay lời phê phán chế độ Quốc xã, nhưng không nói thẳng, sao cho chỉ những khán thính giả nào nắm chắc lịch sử cổ xưa và hiện đại mới hiểu thông điệp ngầm. Tại Mỹ, một bài diễn văn như thế này hẳn sẽ được nhìn nhận ngay là hào hùng, táo bạo và tích cực, ngay giữa làn sóng phản đối chính quyền Quốc xã ngày càng cao. Dodd giải thích động cơ của mình trong lá thư gửi Jane Addams, "Chính vì tôi đã thấy quá nhiều sự bất công và các nhóm nhỏ hách dịch, cũng như đã nghe những than phiền của bao nhiêu con người lỗi lạc nhất của quốc gia, nên tôi đành phải liều lĩnh ở mức độ chức vụ của tôi cho phép. Bằng cách vận dụng sự tương đồng về lịch sử, càng nghiêm trang càng tốt, tôi cảnh báo người dân chống lại những kẻ lãnh đạo có trí tuệ nửa vời, đang ngang nhiên dẫn dắt dân tộc này vào chiến tranh."

Ông đặt cho bài viết cái tựa vô hại "Chủ nghĩa Quốc dân Kinh tế". Bằng cách trích dẫn sự thăng trầm của Caesar và các sự kiện trong lịch sử Anh, Pháp và Mỹ, Dodd cố gắng cảnh báo mối nguy hiểm của chính phủ "chuyên quyền và thiểu số", mà không thực sự đả động đến nước Đức đương đại. Đây không phải việc một nhà ngoại giao truyền thống có thể làm được, nhưng Dodd xem nó đơn giản chỉ là hoàn thành sự ủy thác ban đầu của Tổng thống Roosevelt. Về sau để bảo vệ mình, ông viết, "Tổng thống nhấn mạnh với tôi rằng ông ấy muốn tôi làm đại diện thường trực, và nhà phát ngôn (khi có dịp) để bày tỏ các lí tưởng, cũng như quan điểm triết học của nước Mỹ."

Ông phát biểu trong một phòng dạ yến của khách sạn Adlon, trước lượng khán, thính giả đông đảo có bao gồm một số quan chức Chính phủ cao cấp, cả chủ tịch Ngân hàng Đế chế Hjalmar Schacht và hai người từ Bộ Tuyên truyền của Goebbels. Dodd biết ông sắp bước qua lằn ranh rất nhạy cảm. Trước sự có mặt của nhiều phóng viên nước ngoài trong phòng, ông cũng hiểu rõ bài phát biểu này sẽ được đăng tải rộng rãi trên báo chí tại Đức, Mỹ và Anh.

Khi bắt đầu đọc, ông cảm nhận được sự phấn khích thầm lặng lan tỏa khắp khán phòng. "Ở những thời điểm căng thẳng nhất," ông

bắt đầu, "con người rất dễ có khuynh hướng rũ bỏ các cách thức điều hành xã hội trước kia, liều lĩnh bước trên những chặng đường xa xôi chưa ai đến. Và hậu quả luôn có tác dụng ngược, đôi khi là thảm họa". Ông mượn quá khứ xa xưa để bắt đầu hành trình bóng gió với các ví dụ về Tiberius Gracchus[78], nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa dân túy, và Julius Caesar[79]. "Các chính khách không được học hành đầy đủ ngày nay đang mạnh mẽ xa rời mục đích lí tưởng của Gracchus I. Họ nghĩ rằng họ tìm thấy sự cứu rỗi cho dân tộc đang gặp khó khăn của mình theo các cách thức chuyên quyền, của một kẻ quá dễ gục ngã trước chiêu quyến rũ rẻ tiền của Cleopatra[80] dâm dật." Ông nói, họ quên rằng "lịch sử cho thấy Caesar đã thành công chỉ trong một thời gian ngắn."

[78] Tiberius Gracchus (169 TCN - 133 TCN): chính trị gia của Cộng hòa La Mã.

[79] Gaius Julius Caesar (100 TCN - 44 TCN): tướng quân và nhà lãnh đạo kiệt xuất của La Mã, góp phần biến nước này từ chế độ cộng hòa thành đế chế.

[80] Nữ hoàng Cleopatra VII (69 TCN - 30 TCN): vị pharaoh cuối cùng của vương triều Ptolemaic, ở Ai Cập cổ đại

Ông mô tả các thời điểm tương tự trong lịch sử Anh và Pháp, đưa ví dụ về Jean-Baptiste Colbert, Bộ trưởng Bộ Tài chính mạnh mẽ dưới thời vua Louis XIV. Trong lời ám chỉ rõ ràng đến mối quan hệ giữa Hitler và Hindenburg, ông kể chuyện làm sao Colbert "được ban cho thẩm quyền chuyên chế. Ông ta đã trục xuất hàng trăm gia đình lớn của những người mới giàu, tịch thu hết tài sản của họ cho Hoàng đế, xử tội chết hàng nghìn người vì họ chống đối ông ta... Sự chống đối với tầng lớp quý tộc ở khắp nơi bị đàn áp, các hội đồng không được phép tổ chức họp." Cai trị chuyên chế kéo dài tại Pháp cho đến năm 1789, khi cuộc Cách mạng Pháp nổ ra, "với tiếng ầm như sấm động", thể chế ấy đã sụp đổ. "Những kẻ cầm quyền cao nhất cũng thất bại thường xuyên như những kẻ ở dưới đáy. Từng thất bại vĩ đại tạo nên một phản ứng xã hội đáng buồn, hàng nghìn và hàng triệu con người bất lực phó mặc cuộc đời trong quá trình bất hạnh. Tại sao các chính khách lại không biết rút kinh nghiệm từ quá khứ, để tránh được những thảm kịch tương tự?"

Sau vài lời ám chỉ nữa, ông bắt đầu đi đến hồi kết. "Để kết thúc bài phát biểu," ông nói, "có thể nói rằng, mọi thứ sẽ tốt đẹp hơn, nếu nhờ rút kinh nghiệm từ quá khứ, các chính khách nhận ra, chẳng có hệ thống nào mà những kẻ hưởng ưu đãi kiểm soát xã hội lại có

kết cục nào khác ngoài sụp đổ." Không học hỏi được từ "những sai lầm ngớ ngẩn của tiền nhân," cuối cùng sẽ tiến thẳng đến "một cuộc chiến và sự hỗn loạn khác."

Dodd ghi trong nhật kí, tiếng vỗ tay thật "đáng kinh ngạc". Trong bài mô tả khoảnh khắc này gửi Roosevelt, Dodd lưu ý ngay cả Schacht "cũng vỗ tay nhiệt liệt", giống "tất cả những người Đức khác có mặt. Tôi chưa từng ghi nhận sự ủng hộ nào đồng tâm nhất trí như thế." Ông viết thư cho Ngoại trưởng Hull, "Khi tôi phát biểu xong, từng người Đức có mặt đều thể hiện sự ủng hộ, cho thấy một suy nghĩ rằng, "Ngài đã nói ra những điều mà tất cả chúng tôi đều không có quyền được nói." Một quan chức của Ngân hàng Deutsche đã gọi cho Dodd để bày tỏ sự ủng hộ của riêng mình. Ông ta nói, "Nước Đức im lặng nhưng lo âu, nhưng trên hết là một nước Đức hàn lâm và thương mại, hoàn toàn ủng hộ ngài. Rất cảm ơn ngài đã đến đây và nói những gì chúng tôi không thể nói."

Chuyện các khán thính giả này hiểu được ý định thực sự trong bài diễn văn của Dodd là điều hiển nhiên. Rốt cuộc, Bella Fromm, phóng viên phụ trách mục xã hội của tờ Vossische Zeitung, người nhanh chóng trở thành bạn bè của gia đình Dodd, nói với ông, "Tôi yêu thích tất cả những ẩn ý chống Hitler và chủ nghĩa Hitler."

Dodd nở nụ cười tinh quái. "Tôi chẳng có ảo tưởng gì về Hitler, khi được bổ nhiệm tại Berlin," ông đáp. "Nhưng ít nhất tôi đã hi vọng tìm thấy một số người chính trực quanh Hitler. Tôi khiếp sợ khi phát hiện ra bọn chúng chẳng khác gì lũ tội phạm và hèn nhát."

Sau này, Fromm chê trách Đại sứ Pháp ở Đức, André François-Poncet, vì bỏ lỡ bài diễn văn. "Tình hình đang rất khó khăn," ông ta đáp, với một nụ cười. "Ngay khi làm nhà ngoại giao, anh phải biết che giấu cảm xúc của mình. Anh vừa phải làm hài lòng cấp trên ở quê nhà, vừa không để bị trục xuất khỏi đây, nhưng tôi thấy rằng Quý ngài Dodd không thể bị lung lay bởi trò xu nịnh và vinh hoa phú quý."

Được phản hồi của khán thính giả kích thích, Dodd nói với Tổng thống Roosevelt, "Giải thích của tôi cho chuyện này là cả nước Đức tự do ở bên chúng ta - và hơn một nửa nước Đức về cơ bản theo chủ nghĩa tự do."

Dodd nhanh chóng phát hiện phản ứng ở nơi khác kém tích cực hơn hẳn. Goebbels chặn không cho phát tán bài diễn văn, cho dù có ba tờ báo lớn đã đăng các đoạn trích. Ngày hôm sau, thứ Sáu,

Dodd đến văn phòng của Ngoại trưởng Neurath tham dự cuộc họp đã lên kế hoạch từ trước, thì được bảo rằng Neurath không thể gặp ông - một sự vi phạm nguyên tắc ngoại giao trắng trợn. Trong điện tín gửi về Washington chiều hôm đó, Dodd nói với Ngoại trưởng Hull rằng có vẻ hành động của Neurath "là sự sỉ nhục đối với Chính phủ của chúng ta". Cuối cùng, Dodd cũng gặp được Neurath vào lúc tám giờ tối hôm đó. Neurath khẳng định rằng mình quá bận rộn không thể gặp ông trong ngày được, nhưng Dodd biết rằng ngài Ngoại trưởng vẫn hoàn toàn có thể thu xếp ăn trưa với nhà ngoại giao cấp thấp hơn. Dodd viết trong nhật kí rằng ông nghi ngờ chính Hitler đã gây sức ép phải hủy bỏ cuộc gặp, "như đòn trả đũa bài diễn văn của tôi ngày hôm qua".

Ông còn kinh ngạc hơn nữa, khi cảm nhận được cả làn sóng phê bình từ nước Mỹ, và ông phải tự tìm cách bảo vệ mình. Ông nhanh chóng gửi Tổng thống Roosevelt nguyên văn bài phát biểu, và nói với ngài ấy rằng ông làm thế vì sợ "những lời giải thích sai đáng xấu hổ có thể lan truyền tại quê nhà". Cùng ngày hôm đó, ông cũng gửi một bản sao cho Thứ trưởng Phillips, "với hi vọng rằng ngài, vốn đã quen với tất cả những chuyện này, có thể giải thích cho Ngoại trưởng Hull - tức là phòng trường hợp ông ta, hay bất kì ai khác trong Bộ Ngoại giao nghĩ rằng tôi đang làm hại tới sự nghiệp của chúng ta ở đây."

Nếu ông mong đợi Phillips sẽ đứng lên bảo vệ mình, thì ông đã nhầm.

Phillips và nhiều nhân viên cao cấp khác trong Bộ Ngoại giao, bao gồm cả Moffat, Trưởng phòng Các Vấn đề Tây Âu, đều đang ngày càng khó chịu với ngài Đại sứ. Các thành viên có cấp bậc cao nhất này trong "câu lạc bộ Pretty Good" của Hugh Wilson túm chặt lấy bài diễn văn của Dodd, như bằng chứng cho thấy chọn ông làm Đại sứ là sai lầm. Trong nhật kí, Moffat so sánh màn thể hiện của Dodd như "thầy giáo đang lên lớp cho học sinh". Phillips, bậc thầy trong nghệ thuật đàm tiếu, vui sướng trước sự khó chịu của Dodd. Ông ta chẳng buồn chú ý mấy lá thư của Dodd, trong đó ngài Đại sứ muốn xin lời khuyên về việc có nên chấp nhận các đề nghị phát biểu trước công chúng trong tương lai. Cuối cùng, Phillips cũng hồi âm, nói xin lỗi và giải thích rằng "tôi nghi ngờ tiếng nói của mình có thể giúp, hoặc hướng dẫn ngài, người đang sống trong một thế giới hoàn toàn khác với thế giới mà hầu hết các đại sứ khác đang ở."

Cho dù Phillips chúc mừng sự "tinh tế" Dodd thể hiện khi soạn bài diễn văn nói ra tâm tư của mình mà vẫn không xúc phạm trực

tiếp, nhưng ông ta cũng kèm theo lời khiển trách nhẹ. “Nói ngắn gọn, tôi cảm thấy là một đại sứ, vị khách danh dự của đất nước anh ta làm việc, thì nên thận trọng, đừng bày tỏ ý kiến công khai về bất kì điều gì có tính phê phán nước sở tại. Bởi vì khi làm thế, việc này sẽ khiến anh ta đánh mất niềm tin từ phía chính các quan chức có thiện ý, một điều rất quan trọng đối với thành công của anh ta trong nhiệm vụ này.”

Dodd dường như không nhận thức được, nhưng vài thành viên của câu lạc bộ Pretty Good đã phát động chiến dịch chống lại ông, với mục tiêu cơ bản là loại ông ra khỏi hàng ngũ của họ. Vào tháng Mười, một người bạn lâu năm của ông, Đại tá House gửi cho ông một lời cảnh báo thầm lặng. Mở đầu là tin tốt. House vừa gặp gỡ Roosevelt. “Thật vui mừng khi nghe Tổng thống nói rằng ông ta vui hết sảy với những gì ngài đang làm tại Berlin.”

Nhưng sau đó House đã ghé thăm Bộ Ngoại giao. “Mong ngài cực kì kín miệng cho, họ không hồ hởi tán dương ngài như Tổng thống,” ông ta viết. “Tôi khăng khăng ép họ cho biết lí do cụ thể, nhưng họ chỉ bảo rằng ngài không cập nhật hết thông tin cho họ. Tôi báo ngài biết chuyện này để ngài biết đường lo liệu trong tương lai.”

Thứ bảy, ngày 14 tháng 10, hai ngày sau bài diễn văn, Ngày Columbus, Dodd đang tổ chức bữa tiệc tối cho các tùy viên quân sự và hải quân, thì nhận được một tin giật mình. Hitler vừa tuyên bố quyết định rút Đức ra khỏi Hội Quốc Liên[81], và không tham dự một hội nghị giải trừ vũ trang lớn đã diễn ra không liên tục tại Geneva, kể từ tháng Hai năm 1932.

[81] Hội Quốc Liên (League of Nations): là một tổ chức liên chính phủ, ra đời năm 1920. Sứ mệnh của tổ chức này là duy trì hòa bình thế giới.

Dodd tìm thấy một cái radio và ngay lập tức nghe giọng nói khàn khàn của Thủ tướng, cho dù ông giật mình khi Hitler không giở những trò giả tạo như mọi khi. Dodd lắng nghe chăm chú khi Hitler khắc họa nước Đức như một quốc gia có thiện ý, đang muốn tìm kiếm hòa bình với khát vọng khiêm tốn được bình đẳng về vũ trang, vốn đang bị các nước khác phản đối. “Đây không phải bài diễn văn của một nhà tư tưởng,” Dodd viết trong nhật kí, “mà là của một kẻ đa cảm cho rằng Đức không đời nào chịu trách nhiệm về cuộc Thế Chiến, và rằng đất nước này là nạn nhân của những kẻ thù nham hiểm.”

Đó là một diễn biến gây sốc. Trong cơn bàng hoàng, Dodd nhận ra Hitler đã làm suy yếu Hội Quốc Liên và gần như vô hiệu hóa Hiệp ước Versailles, rõ ràng tuyên bố Đức có ý định tái vũ trang. Hắn cũng tuyên bố đang giải tán Quốc hội và tổ chức các đợt bầu cử mới vào ngày 12 tháng 11. Cuộc bỏ phiếu kín cũng sẽ công khai cho dân chúng bày tỏ ý kiến về chính sách ngoại giao của hắn, qua hình thức trưng cầu dân ý: chấp nhận hay không chấp nhận. Hitler cũng bí mật ra lệnh cho Tướng Werner von Blomberg, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, chuẩn bị đối phó với hành động quân sự có thể diễn ra của các thành viên Hội Quốc Liên muốn cố gắng thi hành Hiệp ước Versailles. Tuy nhiên, Blomberg biết rõ không thể hi vọng quân đội quá mỏng của Đức có thể chống đỡ cuộc tấn công của liên quân Pháp, Ba Lan và Tiệp Khắc. "Vào lúc này, tất cả các đồng minh có thể dễ dàng lật đổ Đức, hoàn toàn chắc chắn rằng một hành động như thế sẽ đặt dấu chấm hết cho Đệ tam Đế chế, đúng vào năm nó ra đời," William Shirer viết trong tác phẩm kinh điển của ông, Sự trỗi dậy và suy tàn của Đế chế thứ ba. Nhưng Hitler "biết rõ nhuệ khí những kẻ thù nước ngoài của hắn, một cách thành thạo và chuẩn xác đến phi thường, như hắn đã từng đánh giá đối thủ của hắn ở trong nước."

Cho dù Dodd có tiếp tục nuôi dưỡng hi vọng rằng Chính phủ Đức sẽ trở nên dân sự hơn, ông vẫn hiểu rằng hai quyết định của Hitler đã cho thấy sự xa rời đáng lo ngại khỏi xu thế ôn hòa. Ông biết đã đến lúc gặp gỡ Hitler mặt đối mặt.

Đêm đó, Dodd lên giường đi ngủ, lòng nặng trĩu lo âu. Ngay trước buổi trưa ngày thứ ba, 11 tháng 10 năm 1933, "đảng viên đảng tự do thường trực" của Tổng thống Roosevelt chuẩn bị áo mũ chỉnh tề cho cuộc gặp mặt đầu tiên với Adolf Hitler.

Chương 19
ÔNG MAI

Putzi Hanfstaengl biết nhiều quan hệ lãng mạn của Martha, nhưng vào mùa thu năm 1933, anh bắt đầu nghĩ đến việc tìm một bạn tình mới cho cô.

Vì cảm thấy Hitler sẽ trở thành nhà lãnh đạo sáng suốt hơn nếu hắn ta yêu ai đó, Hanfstaengl tự xem mình như ông tơ. Anh biết điều này sẽ chẳng dễ dàng. Là một trong các thuộc cấp thân cận nhất của Hitler, anh nhận ra lịch sử các quan hệ của Hitler với phụ nữ là một câu chuyện lạ lùng, bị hủy hoại bởi bi kịch và những lời đồn đại dai dẳng về hành vi trái đạo đức. Hitler yêu thích phụ nữ, nhưng nhiều khi hắn chỉ xem họ như món đồ trang trí, hơn là nơi kiếm tìm sự thân mật và yêu đương. Người ta từng nói đến nhiều mối quan hệ bất chính của hắn, đặc biệt với nhiều phụ nữ trẻ tuổi hơn - có lần với cô gái mười sáu tuổi tên là Maria Reiter. Một phụ nữ, Eva Braun, trẻ hơn hắn hai mươi ba tuổi và từng làm người bạn đồng hành không liên tục của hắn từ năm 1929. Tuy nhiên, cho đến giờ chuyện tình duy nhất khiến Hitler dồn hết tâm trí là với cô cháu gái Geli Raubal. Cô ta được phát hiện bị bắn chết trong căn hộ của Hitler, khẩu súng ngắn của hắn ở gần đó. Lời giải thích có vẻ thích hợp nhất là tự sát, một cách để cô bé thoát khỏi sự ghen tuông và kiểm soát của Hitler - "thói chiếm hữu ghê tởm", như sử gia Ian Kershaw đã nêu rõ. Hanfstaengl nghi ngờ Hitler từng ngã gục trước sức quyến rũ của vợ anh là Helena, nhưng cô ta cam đoan rằng chẳng có lí do gì để đi ghen với hắn cả. "Tin tôi đi," cô ta nói, "hắn hoàn toàn là một tên thái giám, không phải đàn ông."

Hanfstaengl gọi đến nhà riêng của Martha.

"Hitler cần một người phụ nữ," anh nói. "Lẽ ra ông ta nên yêu một phụ nữ Mỹ - một người đáng yêu có thể làm thay đổi toàn bộ số

phận châu Âu."

Anh nói thẳng vào trọng tâm. "Martha," anh nói, "em chính là người phụ nữ như thế!"

Phần IV
NỖI ĐAU TẬN XƯƠNG TỦY

Công viên Tiergarten, Tháng Một năm 1934

Chương 20
NỤ HÔN CỦA QUỐC TRƯỞNG

Dodd lên một cầu thang rộng đến văn phòng của Hitler, tại mỗi chỗ ngoặt, ông đều chạm phải bọn SS vũ khí giương cao "theo phong cách Caesar ", như Dodd khẳng định. Ông cúi chào đáp lại, cuối cùng đứng trước cửa phòng chờ của Hitler. Sau vài phút, cánh cửa cao, đen ngòm dẫn vào văn phòng Hitler bật mở. Ngoại trưởng Neurath bước ra chào đón Dodd và dẫn ông đến gặp Hitler. Đó là một căn phòng rộng rãi, Dodd ước tính diện tích khoảng hơn hai trăm mét vuông, với các bức tường và trần nhà được trang trí đẹp mắt. Hitler mặc trang phục công sở bình thường, "gọn gàng và nghiêm trang". Dodd nhận thấy trông hắn lúc này đẹp hơn trên ảnh báo chí nhiều.

Dù vậy, Hitler không chịu chăm chút ngoại hình để trở nên cuốn hút. Hắn hiếm khi làm thế. Từ khi bắt đầu sự nghiệp, những ai mới gặp hắn lần đầu dễ cho rằng hắn chẳng đáng nhắc đến. Hắn xuất thân từ tầng lớp bình dân và cố gắng thế nào cũng không thể khiến bản thân mình nổi bật, không phải trong chiến tranh, không phải trong công việc, không phải trong nghệ thuật - cho dù trong lĩnh vực cuối cùng này, hắn tự tin bản thân mình có tài năng vĩ đại. Người ta cho rằng hắn là kẻ lười nhác. Hắn nổi bật muộn, chẳng làm được gì nhiều, vây quanh hắn là những nhân vật thấp kém hơn, khiến hắn cảm thấy thoải mái nhất. Đó là một đoàn tùy tùng của những linh hồn có trình độ hiểu biết vừa phải, được Putzi Hanfstaengl đặt cho biệt danh "Chauffeureska", bao gồm các vệ sĩ, sĩ quan quân đội và một tài xế. Hắn yêu điện ảnh - King Kong là bộ phim hắn thích - và hắn ngưỡng mộ âm nhạc của Richard Wagner[82]. Gu ăn mặc của hắn rất tồi. Ngoài ria mép và đôi mắt, những đường nét khác trên gương mặt hắn đều chẳng mấy ấn tượng, như thể được nặn bằng đất sét nhưng không nung trong lửa. Nhớ lại ấn tượng đầu tiên của mình về Hitler,

Hanfstaengl viết, “Trông Hitler giống như một thợ cạo ngoại thành ngày rỗi việc.”

[82] Wilhelm Richard Wagner (1813 - 1883): nhà soạn nhạc nổi tiếng người Đức.

Tuy nhiên, người này có năng lực vượt trội tự biến đổi bản thân trở nên hấp dẫn hơn nhiều, đặc biệt khi nói chuyện trước đám đông hay trong các cuộc họp riêng, và khi nổi giận trước vấn đề nào đó. Hắn cũng có sở trường thể hiện sự chân thành thoáng qua, khiến người quan sát không nhận ra những động cơ và niềm tin thực sự, cho dù Dodd vẫn chưa hoàn toàn nhận thức được khía cạnh này trong tính cách của hắn.

Đầu tiên, Dodd đi vào vấn đề nhiều cuộc tấn công nhằm vào người Mỹ. Hitler thân mật, bày tỏ sự hối tiếc và bảo đảm với Dodd rằng thủ phạm các vụ tấn công này sẽ bị “trừng phạt thích đáng”. Hắn cũng hứa sẽ công khai rộng rãi các nghị định trước kia của hắn, cho phép người nước ngoài không phải chào theo kiểu Quốc xã. Sau vài lời nhạt nhẽo nữa về các khoản Đức nợ Mỹ, Dodd nêu chủ đề khiến ông bận tâm nhất, “thắc mắc trên toàn thế giới về thông báo như sét đánh của Đức thứ Bảy tuần trước” - quyết định rút khỏi Hội Quốc Liên của Hitler.

Khi Dodd hỏi Hitler tại sao hắn làm thế, Hitler rõ ràng trở nên giận dữ. Hắn công kích Hiệp ước Versailles và nỗ lực của Pháp muốn duy trì thế vượt trội về vũ trang so với Đức. Hắn mắng nhiếc “sự nhục nhã” khi Đức phải phải chịu tình cảnh bất công, không thể tự bảo vệ chính mình trước những nước láng giềng.

Cơn phẫn nộ bất thần của Hitler khiến Dodd giật mình. Ông cố gắng tỏ ra bình thản, đóng vai trò như một giáo sư xử lí một sinh viên ngỗ nghịch, thay vì như một nhà ngoại giao. Ông nói với Hitler, “Rõ ràng trong thái độ của Pháp có sự bất công, nhưng bất công luôn đi kèm với thất bại trong chiến tranh”. Ông đưa ra ví dụ về hậu quả cuộc Nội chiến Mỹ và giai đoạn “đau đớn” khi miền Bắc nước Mỹ giải quyết miền Nam.

Hitler nhìn ông trừng trừng. Sau quãng thời gian ngắn im lặng, cuộc đối thoại tiếp tục, và trong một lúc, hai người rơi vào hoàn cảnh Dodd miêu tả là “trao đổi những điều tế nhị”. Nhưng lúc này, Dodd đã hỏi “biến cố xảy ra trên biên giới Ba Lan, Áo hay Pháp khiến kẻ thù tràn vào Đế chế” có phải là cái cớ đầy đủ cho Hitler khai chiến hay không.

“Không, không,” Hitler khăng khăng.

Dodd tiếp tục thăm dò. Ông hỏi, giả sử như biến cố có liên quan đến thung lũng Ruhr, một vùng công nghiệp đặc biệt nhạy cảm đối với Đức. Pháp đã chiếm vùng Ruhr từ năm 1923 đến 1925, gây ra sự hỗn loạn lớn về kinh tế và chính trị trong lòng nước Đức. Dodd hỏi, trong trường hợp xảy ra sự xâm nhập tương tự, liệu Đức sẽ phản ứng bằng sức mạnh quân sự của mình, hay kêu gọi mở hội nghị quốc tế để giải quyết vấn đề?

“Đó sẽ là mục đích của tôi,” Hitler đáp, “nhưng chúng tôi không thể kiềm chế được người dân Đức.”

Dodd nói, “Nếu ngài đợi và kêu gọi mở hội nghị, Đức sẽ giành được thiện cảm của thế giới.”

Không lâu sau đó, cuộc gặp kết thúc, kéo dài bốn mươi lăm phút. Cho dù diễn ra thật khó khăn và lạ lùng, nhưng Dodd vẫn rời khỏi dinh thủ tướng mà tin rằng Hitler chân thành mong muốn hòa bình. Tuy nhiên, ông lo lắng có thể đã một lần nữa vi phạm nguyên tắc ngoại giao. “Có lẽ tôi đã ăn nói quá thẳng,” như trong lá thư ông gửi Tổng thống Roosevelt sau đó, “nhưng tôi phải nói thật.”

Sáu giờ sáng cùng ngày, ông đánh bức điện dài hai trang gửi Hull tóm tắt cuộc gặp gỡ và kết thúc bằng câu, “Từ quan điểm duy trì hòa bình thế giới, hiệu quả toàn diện của cuộc phỏng vấn tốt đẹp hơn tôi kì vọng.”

Dodd cũng tâm sự cả với Tổng Lãnh sự Messersmith những ấn tượng này, người sau đó biên thư cho Phó Ngoại trưởng Phillips - độ dài mười tám trang, kiểu viết thư đặc trưng của ông ta. Trong thư, ông ta dường như ngỏ ý xem thường khả năng của Dodd. Ông ta nghi ngờ lời tán dương Hitler của ngài Đại sứ. “Những lời trấn an của Thủ tướng thật êm tai, thật bất ngờ đến mức tôi nghĩ không thể là sự thật,” Messersmith viết. “Tôi tin chúng ta phải luôn tâm niệm một điều, rằng khi Hitler nói bất kì điều gì, hắn phải mất một lúc để thuyết phục bản thân điều đó là đúng. Về cơ bản hắn chân thành, nhưng đồng thời cũng là một kẻ cuồng tín.”

Messersmith nhấn mạnh phải giữ thái độ nghi ngờ sự phản đối của Hitler. “Tôi nghĩ trong lúc này hắn chân thành muốn hòa bình, nhưng đó là hòa bình theo kiểu của hắn, với một lực lượng vũ trang đang ngày càng trở nên thiện chiến hơn để đề phòng, nhằm áp đặt ý nguyện của mình khi có thể cần đến.” Ông ta nhắc

lại ông ta tin rằng không thể xem chính quyền của Hitler như một thực thể biết lẽ phải. “Đã có quá nhiều vụ bệnh hoạn xảy ra, đến mức không thể nói chắc được nay mai chuyện gì sẽ đến, cũng như ông giám đốc một nhà thương điên không thể chắc được, những kẻ điên của ông sẽ làm gì trong một giờ tới hay vào ngày hôm sau.”

Ông ta kêu gọi mọi người thận trọng, thực tế là cảnh báo Phillips nên hoài nghi niềm tin chắc chắn của Dodd rằng Hitler muốn hòa bình. “Tôi nghĩ trong lúc này... chúng ta phải cảnh giác trước bất kì chủ nghĩa lạc quan thái quá nào, mà Thủ tướng có thể khuấy động bằng những tuyên bố rõ là êm tai.”

Vào buổi sáng ngày gặp gỡ Hitler, theo sự sắp xếp của Putzi Hanfstaengl, Martha ăn mặc thật chải chuốt, như thể cô là “người được chọn để thay đổi lịch sử châu Âu”. Đối với cô, đây dường như là một trò đùa bậc nhất. Cô tò mò gặp gỡ người cô từng xem là một thằng hề, nhưng giờ đây hắn là người mà cô tin rằng “mang vẻ đẹp say đắm, có nhân cách tuyệt vời, chắc chắn ông ta phải quyến rũ và cực kì mạnh mẽ”. Cô quyết định diện trang phục “nghiêm túc và đẹp mắt nhất”, không quá hấp dẫn hay khoe da thịt quá nhiều. Người phụ nữ lí tưởng đối với Quốc xã phải trang điểm rất nhẹ, biết quan tâm, săn sóc người đàn ông của mình và sinh càng nhiều con càng tốt. Cô viết, đối với đàn ông Đức, “phụ nữ chỉ để ngắm, chứ không được phép mở miệng, và họ chỉ được xem như những món đồ trang sức của người đàn ông họ tháp tùng”. Cô cân nhắc có nên mang theo mạng che mặt không.

Hanfstaengl đón cô bằng chiếc xe to đùng, lái đến khách sạn Kaiserhof, cách phố Wilhelmplatz bảy dãy nhà, ngay đối diện góc đông nam công viên Tiergarten. Với kiến trúc bề thế, hành lang to như hang động và mái cổng vào uốn cong, Kaiserhof từng là nhà của Hitler, cho đến khi hắn nhận chức Thủ tướng. Giờ thì Hitler thường xuyên ăn trưa hoặc uống trà trong khách sạn với nhóm Chauffeureska xung quanh.

Hanfstaengl đã thu xếp để anh cùng Martha và một người khác lập nhóm ăn trưa, một danh ca tenor người Ba Lan, Jan Kiepura, ba mươi mốt tuổi. Hanfstaengl, quá lừng lẫy và rất dễ nổi bật, được nhân viên nhà hàng đối đãi với sự tôn trọng. Khi đã an tọa, Martha cùng hai người đàn ông chuyện phiếm về trà và chờ đợi. Được một lúc, có tiếng ầm ĩ náo động ngoài lối vào phòng ăn, ngay sau đó là tiếng ghế xô về đằng sau như một điều hiển nhiên, và những tiếng la hét “Hitler Vạn Tuế”.

Hitler cùng nhóm của hắn - thực ra, gồm cả tài xế - tiến vào chỗ

ngồi tại chiếc bàn kế bàn. Đầu tiên, Kiepura được xếp chỗ ngồi bên cạnh Hitler. Hai người trò chuyện về âm nhạc. Dường như Hitler không nhận thức được, theo luật Quốc xã, thì Kiepura bị phân loại là người Do Thái, xét theo nguồn gốc cha mẹ anh ta. Một lúc sau, Hanfstaengl tiến đến cúi xuống nói nhỏ vào tai Hitler, rồi quay lại chỗ Martha và cho cô biết Hitler sẽ gặp gỡ cô.

Martha bước đến bàn Hitler, cô đứng đó một lúc khi Hitler đứng dậy chào. Hắn nắm tay cô, hôn tay cô và nói mấy lời bằng tiếng Đức. Giờ Martha mới được nhìn hắn thật gần: "một gương mặt yếu ớt, mịn màng, với những bọng mỡ dưới mắt, đôi môi dày và cơ mặt xương xẩu rất nhỏ". Cô viết, nhờ lợi thế này mà hàng ria mép "dường như trông không lố bịch như trên các bức ảnh - mà thực ra, tôi chắc chắn chẳng để ý đến nó". Cô chỉ chú ý đến đôi mắt. Cô từng nghe ai nói rằng ánh mắt của hắn có vẻ sắc lẹm và mạnh mẽ, ngay lập tức cô đã hiểu. Cô viết, "Đôi mắt Hitler thật sửng sốt và khó quên - có vẻ như chúng có màu xanh nhạt, mạnh mẽ, không nao núng và rất cuốn hút."

Nhưng tính cách của hắn thì lại nhẹ nhàng - "cực kì nhẹ nhàng," cô viết - giống một đứa trẻ vị thành niên nhút nhát hơn là một kẻ độc tài sắt đá. "Khiêm tốn, cởi mở, không câu nệ, hắn cho thấy một sức quyến rũ nhất định, cách ăn nói và ánh mắt thực sự dịu dàng."

Lúc này, Hitler quay lại với chàng ca sĩ, và dường như mối quan tâm chân thành một lần nữa cuốn họ vào cuộc chuyện trò về âm nhạc.

Hắn "có vẻ giống người thuộc tầng lớp trung lưu, khiêm tốn, khá buồn tẻ và ngượng ngập - thêm vào đó là sự dịu dàng lạ lùng và sự cô độc đáng thương," Martha viết. "Thật khó tin rằng người đàn ông này là một trong những kẻ quyền lực nhất châu Âu."

Martha và Hitler lại bắt tay nhau, hắn hôn tay cô lần nữa. Cô quay lại bàn mình ngồi cùng Hanfstaengl.

Họ vẫn ngồi như thế một lúc lâu nữa, uống trà, nghe lỏm cuộc đối thoại đang tiếp tục giữa Kiepura và Hitler. Chốc chốc Hitler lại nhìn về phía cô, với ánh mắt cô nhận xét là "hiếu kì, bối rối."

Hôm đó trong bữa tối, cô kể cho cha mẹ tất cả về cuộc gặp gỡ trong ngày, chuyện ngài Quốc trưởng trông quyến rũ và bình yên thế nào. Dodd thích thú và thừa nhận "bản thân Hitler không phải kẻ thiếu hấp dẫn".

Ông trêu Martha, bảo cô nên ghi nhớ chính xác đôi môi của Hitler đặt ở đâu trên tay mình, và ông khuyên nếu có "phải" rửa tay, thì cô nên chừa cái chỗ đó ra.

Cô viết, "Tôi thấy hơi giận dỗi."

Martha và Hitler không bao giờ gặp lại nhau nữa, cô cũng không nghiêm túc mong đợi họ sẽ gặp lại nhau, cho dù một điều rõ ràng là vài năm sau, Martha lại lọt vào tâm trí Hitler, ít nhất thêm một dịp nữa. Về phần mình, tất cả những gì cô muốn là gặp gỡ hắn và thỏa mãn tính hiếu kì. Cô thấy những người đàn ông khác trong giới của mình còn hấp dẫn hơn nhiều.

Một người trong số này đã quay lại cuộc đời cô, với một lời mời cho buổi hẹn lạ thường nhất. Cuối tháng Mười, Rudolf Diels đã quay về Berlin, giữ chức vụ cũ, trùm Gestapo, nghịch lí là quyền lực của hắn thậm chí còn lớn hơn cả trước khi bị lưu đày sang Tiệp Khắc. Himmler không chỉ xin lỗi vì đã đột nhập nhà Diels, gã còn hứa sẽ cho Diels làm Standartenführer, hay là Đại tá SS.

Diels gửi hắn lời cảm ơn nịnh nọt, "Bằng cách tiến cử tôi làm Đại tá SS, ngài đã khiến tôi vui mừng đến mức không biết nói gì để cảm ơn ngài."

Ít nhất đã tạm an toàn, hắn mời Martha tham dự phiên tòa xét xử vụ phóng hỏa Nhà Quốc hội, vốn đang được tiến hành tại Tòa án Tối cao ở Leipzig đã gần một tháng, nhưng phiên tòa sắp mở lại ở Berlin, tại hiện trường tội ác. Dự tính phiên xử sẽ diễn ra ngắn gọn, kết thúc bằng lời tuyên án, và lí tưởng nhất là án tử hình cho tất cả năm bị can, nhưng nó đã không diễn ra như Hitler hi vọng.

Giờ đây, một "nhân chứng" đặc biệt theo kế hoạch sẽ xuất hiện.

Chương 21
RẮC RỐI VỚI GEORGE

Trong lòng nước Đức, chiếc bánh đà lớn bắt đầu xoay đều, cuốn cả nước vào một nơi tối tăm, xa lạ với hồi ức của Dodd về một nước Đức ông từng biết thời học tiến sĩ. Khi mùa thu đến và sắc thu nhuộm vàng công viên Tiergarten, ông ngày càng nhận ra sao nó giống hệt khung cảnh ông từng thấy ở Chicago, vào mùa xuân, thời điểm ông thấy cá tính nóng nảy của mình không thích hợp với "ngành ngoại giao cấp cao" phải dối trá và quỳ gối. Ông muốn mình có khả năng tác động: để nước Đức nhận ra những nguy hiểm trên con đường họ đang đi, thuyết phục chính quyền Hitler nên chọn đường lối nhân đạo và sáng suốt hơn. Tuy nhiên, ông nhanh chóng hiểu rằng mình chẳng có tí quyền lực nào để làm được điều đó. Đặc biệt, ông thấy lạ lùng khi Quốc xã kiên trì đi theo mục tiêu chủng tộc thượng đẳng. Một dự thảo luật hình sự mới bắt đầu được ban hành, có đề xuất sẽ trở thành nội dung căn bản của luật pháp Đức. Phó Lãnh sự Mỹ tại Leipzig, Henry Leverich, thấy dự thảo luật này là văn kiện không bình thường nên đã viết bài phân tích, "Do đó, lần đầu tiên trong lịch sử luật pháp Đức, một dự thảo luật mang những gợi ý rõ ràng về việc bảo vệ Nòi giống Đức khỏi thứ được xem là nhơ bẩn, được sinh ra do sự pha trộn giữa dòng máu Do Thái với dòng máu da màu." Nếu dự thảo luật này được thông qua - và không còn nghi ngờ gì nữa, nó sẽ được thông qua - vậy thì sau đó "một nam giới, hay một phụ nữ không phải người Do Thái sẽ bị xem là vi phạm pháp luật, nếu kết hôn với một nam giới hay phụ nữ Do Thái hoặc da màu". Ông cũng lưu ý bộ luật hết sức đề cao tầm quan trọng của gia đình và do đó ngăn cấm phá thai. Tuy nhiên, quy trình phá thai có thể được tiến hành theo lệnh của Tòa, nếu đứa con là hậu quả của sự pha trộn dòng máu giữa người Đức với người Do Thái, hoặc người da màu. Phó Lãnh sự Leverich viết, "Căn cứ theo nhận xét trên báo chí, phần này trong dự thảo luật sẽ gần như chắc chắn nằm trong

bộ luật hoàn chỉnh."

Một luật khác mới được đề xuất khiến Dodd đặc biệt chú ý - có nội dung "cho phép giết chết bệnh nhân mắc bệnh nan y", như ông mô tả trong bản tóm tắt gửi Bộ Ngoại giao đề ngày 26 tháng 10 năm 1933. Các bệnh nhân mắc bệnh nặng nghiêm trọng có thể đề nghị được giải thoát khỏi đau đớn, nhưng nếu không thể đưa ra đề nghị, gia đình họ có thể đề nghị thay. Đề xuất này "cùng với luật đã ban hành, quy định việc khử trùng những ai bị ảnh hưởng vì sức khỏe suy yếu do di truyền và các chứng bệnh tương tự khác, ủng hộ mục đích của Hitler, muốn nâng cao tiêu chuẩn thể chất của người Đức," Dodd viết. "Theo triết lí của Quốc xã, chỉ có người Đức mới là những người về mặt thể chất thích hợp với Đệ tam Đế chế, và họ được kì vọng sẽ tạo nên những gia đình lớn."

Các cuộc tấn công nhằm vào người Mỹ vẫn tiếp tục, bất chấp những phản đối của Dodd, việc khởi tố các vụ trước đó dường như diễn ra chậm chạp, nhưng thế cũng đã là may. Ngày 08 tháng 10, Dodd nhận được một thông báo từ văn phòng ngoại giao Đức, rằng sẽ không có kẻ nào bị bắt trong vụ tấn công con trai của H.V. Kaltenborn, vì Kaltenborn "không thể nhớ được tên hay số hiệu Đảng của hung thủ, và vì không thể tìm ra đầu mối nào khác có thể hữu ích trong cuộc điều tra".

Có lẽ vì càng ngày càng cảm thấy chẳng nên cơm cháo gì, Dodd chuyển trọng tâm từ lĩnh vực các vấn đề quốc tế sang các vấn đề trong Đại sứ quán của mình. Dodd thấy bản thân ông - thanh cao, tần tiện, trung thành với Jefferson - giờ càng tập trung hơn vào những nhược điểm của nhân viên dưới quyền và sự xa hoa trong công việc của Đại sứ quán.

Ông đẩy mạnh chiến dịch phản đối chi phí điện tín đắt đỏ, độ dài và sự dư thừa của các thông điệp, ông tin rằng đó là hậu quả khi có quá nhiều kẻ giàu có trong Bộ Ngoại giao. "Những nhân viên giàu có muốn tổ chức nhiều tiệc cocktail vào buổi chiều, tiệc đánh bài vào buổi tối, rồi mười giờ sáng hôm sau mới bình minh," ông viết thư cho Ngoại trưởng Hull. "Điều này làm sụt giảm tinh thần nghiên cứu và làm việc hiệu quả... ngoài ra khiến họ không chú ý gì đến chi phí của các báo cáo và điện tín." Số lượng các bức điện tín nên giảm đi một nửa, ông viết: "Thói quen từ lâu này khiến tôi không thể rút ngắn các điện tín, để sao cho không ai bị 'bực' khi tôi lược bỏ đi phần lớn nội dung. Tôi toàn phải tự viết ra..."

Có một điều mà cho đến nay Dodd vẫn chưa nhận thức rõ, đó là bằng việc than phiền về các thói quen tiêu pha hoang phí, chuyện

ăn mặc và làm việc của các nhân viên Đại sứ quán, thực ra ông đang tấn công Thứ trưởng Phillips, Trưởng phòng Phụ trách Các Vấn đề Tây Âu Moffatt, và các đồng nghiệp của họ. Chính họ là những kẻ duy trì và chấp nhận văn hóa ngoại giao của câu lạc bộ Pretty Good. Điều này khiến Dodd rất lo lắng. Họ xem lời phàn nàn của ông về chi phí mang tính xúc phạm, tẻ ngắt và làm họ bối rối, đặc biệt xét đến tính chất các tin nhắn của ông. Chẳng lẽ không còn vấn đề quan trọng nào khiến ông ta chú ý?

Phật lòng, Phillips giao bộ phận thông tin liên lạc của Bộ Ngoại giao tiến hành so sánh số lượng các điện tín từ Berlin với điện tín của các đại sứ quán khác. Trưởng bộ phận đó, một người tên là D.A. Salmon, thấy Berlin đã gửi ít hơn Mexico City ba bức điện tín, và chỉ nhiều hơn bốn bức so với viên công sứ tép riu tại Panama. Salmon viết, "Căn cứ vào tình hình khó khăn tại Đức, dường như việc gửi điện báo từ Đại sứ quán Mỹ tại Berlin là rất ít, kể từ khi Đại sứ Dodd nhậm chức."

Phillips gửi báo cáo cho Dodd, kèm theo lá thư có ba câu, theo đó với lời khinh thường mang ý mỉa mai, ông ta trích dẫn thắc mắc gần đây của Dodd về "chi phí điện báo đắt đỏ của Đại sứ quán tại Berlin," Phillips viết, "Nghĩ rằng đây sẽ là điều ngài quan tâm, tôi xin gửi kèm đây bản sao nghiên cứu của chúng tôi."

Dodd hồi âm, "Ngài đừng nghĩ rằng so sánh của ngài Salmon giữa công việc của tôi với công việc của bạn tôi, Daniels, tại Mexico sẽ ảnh hưởng chút nào đến tôi. Daniels và tôi đã là bạn từ khi tôi 18 tuổi, nhưng tôi biết ông ta không biết cách viết các báo cáo súc tích!"

Dodd tin rằng một sản phẩm từ sự dư thừa trong quá khứ - "một dư vị khó chịu lạ lùng nữa", như ông nói với Phillips - đó là Đại sứ quán của ông có quá nhiều nhân viên, đặc biệt là quá nhiều người Do Thái. "Chúng tôi có sáu hoặc tám người thuộc 'chủng tộc được chọn' ở đây đảm nhận các vị trí hữu ích nhưng đáng ngờ nhất," ông viết. Ông thừa nhận vài người là những nhân viên giỏi nhất của mình, nhưng ông lo sợ sự có mặt của họ trong đội ngũ nhân viên sẽ phá hỏng mối quan hệ của ông với chính quyền Hitler, qua đó cản trở hoạt động mỗi ngày của Đại sứ quán. "Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc thuyên chuyển. Tuy nhiên, con số nhân viên quá lớn, và một trong số họ" - ý ông muốn nhắc tới Julia Swope Lewin, nhân viên lễ tân Đại sứ quán - "quá mạnh mẽ, rõ ràng ngày nào tôi cũng phải nghe những phản hồi từ các giới bán công khai." Một ví dụ nữa là kế toán viên Đại sứ quán, mặc dù "rất có chuyên môn", nhưng cũng là "một trong những 'Người Được Chọn', và điều đó

khiến ông gặp bất lợi với các ngân hàng ở đây."

Về mặt này, thật lạ lùng khi Dodd cũng lo nghĩ về cả George Messersmith. "Văn phòng của ông ta rất quan trọng và ông ta rất có năng lực," Dodd viết thư cho Hull, "nhưng các quan chức người Đức đã nói với một trong các nhân viên ở đây: 'hắn ta cũng là một người Do Thái.' Tôi không phải kẻ phân biệt chủng tộc, nhưng nhân viên Do Thái ở đây quá đông, làm ảnh hưởng đến công việc, tăng thêm gánh nặng cho tôi."

Ít nhất trong một khoảng thời gian, Dodd dường như không biết được thực ra Messersmith không phải người Do Thái. Rõ ràng, ông đã nghiêng theo lời đồn đại Putzi Hanfstaengl tung ra, sau khi Messersmith công khai trừng phạt anh ta khi Đại sứ quán đang có một hoạt động, vì tội dám tán tỉnh khiếm nhã một du khách nữ.

Giả định của Dodd hẳn sẽ khiến Messersmith bừng bừng lửa giận, ông ta rất ghét phải nghe quan chức Quốc xã phán ai là người Do Thái ai không. Thứ Sáu, ngày 27 tháng 10, Messersmith tổ chức một bữa ăn trưa tại nhà mình, nơi ông ta giới thiệu Dodd với một số quan chức Quốc xã đặc biệt cuồng bạo, nhằm giúp Dodd ý thức được bản chất thật sự của Đảng Quốc xã. Một tên quan chức Quốc xã có vẻ thông minh và đúng mực tuyên bố thẳng thừng, các thành viên của Đảng có niềm tin rằng, trong tay vợ chồng Tổng thống Roosevelt rặt một lũ cố vấn Do Thái. Messersmith gửi thư cho Thứ trưởng Phillips: "Dường như chúng tin rằng vì chúng ta để người Do Thái nắm những vị trí quan trọng, hoặc các yếu nhân ở trong nước đều có bạn bè là người Do Thái, nên chính sách của chúng ta đều theo lệnh của người Do Thái. Đặc biệt, chúng cho rằng vợ chồng Tổng thống Roosevelt vốn đang tuyên truyền chống Đức, do bị các bạn bè và cố vấn Do Thái xui khiến." Ông ta cho biết chuyện này làm mình tức giận đến thế nào. "Tôi đốp lại rằng chúng không được phép nghĩ thế, vì đang có một phong trào bài Do Thái tại Đức, những ai suy nghĩ thấu đáo và có thiện ý tại Mỹ sẽ không còn hợp tác với người Do Thái. Tôi nói rằng sự ngạo mạn của vài lãnh đạo Đảng ở đây chính là thiếu sót lớn nhất của chúng. Sự tự mãn khi cho rằng có thể áp đặt quan điểm của mình lên phần còn lại của thế giới là một trong những điểm yếu lớn nhất."

Ông ta trích dẫn suy nghĩ này như một ví dụ về "trạng thái tâm lí bất thường" đang chiếm ưu thế tại Đức. "Ngài sẽ thấy rất khó tin rằng các quan điểm này thực sự tồn tại giữa những con người quan trọng trong Chính phủ Đức," ông ta nói với Phillips, "nhưng việc chúng làm đã rõ ràng với tôi, và nhân cơ hội không gặp bất

đồng ngôn ngữ, tôi nêu rõ chúng đã sai lầm ra sao và sự ngạo mạn ấy đã làm hại chúng nhiều đến thế nào."

Xét đến chuyện bản thân Phillips không ưa người Do Thái, rất khó hình dung được ông ta thực sự nghĩ gì về những quan điểm của Messersmith, nhưng điều này không hề được đề cập trong những ghi chép về ông ta.

Tuy nhiên, điều người ta biết là trong số những người dân Mỹ bày tỏ khuynh hướng bài Do Thái, tồn tại lời chế nhạo phổ biến mô tả nhiệm kì tổng thống của Franklin Roosevelt như "chính quyền Rosenberg[83]".

[83] Nhiều người vẫn tưởng lầm Rosenberg là cái họ Do Thái. Nên câu nói này muốn giễu chính quyền Roosevelt là chính quyền thân Do Thái.

Việc Dodd sẵn sàng tin rằng Messersmith là người Do Thái chẳng liên quan gì đến tư tưởng bài Do Thái sơ đẳng của ông, mà dường như là dấu hiệu cho những nghi ngờ sâu sắc của ông, đối với vị Tổng Lãnh sự của mình. Ông càng ngày càng tự hỏi liệu Messersmith có hoàn toàn đứng về phía mình hay không.

Ông không bao giờ nghi ngờ chuyên môn của Messersmith, hay lòng can đảm của ông ta khi dám lên tiếng bảo vệ công dân Mỹ, để quyền lợi của Mỹ không bị xâm phạm. Ông nhận thức được rằng Messersmith "có rất nhiều nguồn tin mà tôi không có". Nhưng trong hai lá thư gửi Thứ trưởng Ngoại giao Phillips, được viết cách nhau hai ngày, Dodd gợi ý Messersmith đã ở lại Berlin lâu quá thời hạn cho phép. "Tôi phải nói thêm rằng ông ta đã ở đây ba hoặc bốn năm, vào đúng những giai đoạn rất nóng bỏng và rắc rối". Trong một lá thư khác Dodd viết, "tôi nghĩ ông ta nhạy cảm và thậm chí còn tham vọng hơn cả trước kia, cho nên ông ta có vẻ bất mãn và sốt ruột. Nói thế này có thể quá thẳng, nhưng ý tôi là vậy."

Dodd không dẫn bằng chứng cho đánh giá của ông. Còn một khuyết điểm nữa mà Dodd không hài lòng - sở thích viết thông điệp dài sến súa về mọi vấn đề của Messersmith, bất kể việc đó có quan trọng hay không. Dodd bảo Phillips rằng độ dài các thông điệp của Messersmith có thể rút ngắn còn một nửa "mà chẳng ảnh hưởng gì đến ai", rằng ông ta cần phải lựa chọn chủ đề thận trọng hơn. "Hitler không thể để yên đó mà không làm gì."

Tuy nhiên, đối với Dodd, các báo cáo chỉ đơn thuần là m ộ t m ụ c t i êu thuận tiện, đại diện cho các nguồn cơn gây khó chịu ông

không thể bỏ qua. Giữa tháng Mười một, sự bất mãn của ông với Messersmith bắt đầu biến thành nghi ngờ. Ông cảm giác Messersmith thèm muốn công việc của ông, ông thấy việc ông ta không ngừng ra báo cáo là một biểu hiện của những tham vọng. "Tôi chợt hiểu rằng," Dodd nói với Phillips, "ông ta cảm thấy mình xứng đáng được thăng chức, và tôi nghĩ sự phục vụ của ông ta đòi hỏi điều đó. Tôi không dám nói chắc, nhưng dường như ông ta không còn hữu ích ở vị trí này nữa. Ngài cũng biết rõ như tôi rằng có những hoàn cảnh, điều kiện và đôi khi cả sự thất vọng là nguyên nhân kh- iến các quan chức Chính phủ có năng lực bị thuyên chuyển." Ông thúc giục Phillips nên thảo luận vấn đề với Trưởng phòng Dịch vụ Lãnh sự quán Wilbur Carr "và xem phải chăng điều đó là không thể thực hiện được."

Ông kết thúc bằng câu, "Không cần phải nói, nhưng tôi hi vọng toàn bộ chuyện này sẽ được giữ kín hoàn toàn."

Việc Dodd hình dung Phillips sẽ kín miệng cho thấy ông không hề biết Phillips và Messersmith vẫn duy trì trao đổi thư từ thường xuyên, nằm ngoài phạm vi tin tức chính thức. Khi trả lời Dodd vào cuối tháng Mười một, Phillips có thêm vào nét mỉa mai thường thấy, giọng nhẹ nhàng và dễ chịu, đến mức cho thấy ông ta chỉ đơn thuần là chiều theo Dodd, thông cảm nhưng đồng thời cũng tỏ ra khinh khi. "Các lá thư và thông điệp của Tổng Lãnh sự đầy thú vị, nhưng nên lược bỏ một nửa - như ngài nói. Ngài thật là quyền lực làm sao! Tôi mong chờ ngài sẽ lan rộng cuộc cải cách được kì vọng này."

Chủ nhật, ngày 29 tháng 10, lúc gần trưa, Dodd đang thả bộ dọc Công viên Tiergarten, trên đường đến khách sạn Esplanade, thì thấy một đội Sư đoàn Bão tố đang diễu hành, trên người mặc áo sơ mi nâu huyền thoại. Các khách bộ hành dừng chân, hô vang khẩu hiệu và chào theo kiểu Hitler.

Dodd quay lưng, bước vào công viên.

Chương 22
NHÂN CHỨNG ĐI ỦNG

Thời tiết lạnh buốt, mỗi ngày ánh hoàng hôn phương bắc dường như xuất hiện sớm hơn hẳn. Có gió, mưa và sương mù. Tháng Mười một ấy, trạm quan trắc khí tượng tại sân bay Tempelhof ghi nhận trong ba mươi ngày thì mười ba ngày có sương mù. Thư viện tại số nhà 27a Tiergartenstrasse trở nên ấm áp đến không thể cưỡng nổi. Lửa trong lò sưởi lớn hắt ánh hổ phách lên những cuốn sách và các bức tường bọc vải damask. Ngày 04 tháng 11, một ngày thứ Bảy đặt dấu chấm hết cho một tuần gió mưa cực kì u ám. Martha đến tòa nhà Quốc hội, nơi một phòng xử án tạm thời ở Berlin được chuẩn bị để xử vụ cố tình phóng hỏa. Cô mang theo tấm vé tham dự Rudolf Diels tặng.

Cảnh sát cầm các khẩu carbine và kiếm vây quanh tòa nhà - "nhung nhúc" cảnh sát, theo lời một nhà quan sát. Ai cố gắng vào trong tòa án sẽ bị chặn lại khám xét. Tám mươi hai phóng viên nước ngoài bu kín nơi trưng bày báo chí, phía sau căn phòng. Năm thẩm phán, dẫn đầu là chủ tọa phiên tòa, Wilhelm Bünger, mặc áo choàng tím. Phần lớn người tham dự nằm trong đội ngũ SS và SA Áo Nâu, cũng như các thường dân, quan chức Chính phủ và nhà ngoại giao. Martha giật mình khi thấy vé của cô không chỉ đưa cô vào ngay sảnh chính, mà còn ở ngay phía trước phòng xử giữa nhiều nhân vật quyền cao chức trọng. "Tôi bước vào, tim đập thình thịch vì tôi ngồi quá gần phía trước," cô nhớ lại.

Phiên xử trong ngày theo kế hoạch sẽ bắt đầu lúc chín giờ mười lăm, nhưng nhân chứng quan trọng nhất, Hermann Göring, đến muộn. Dường như, đây là lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu nghe lời làm chứng vào tháng Chín, mới có sự mong chờ thực sự trong phòng xử án. Phiên xử được cho là sẽ rất ngắn gọn và cung cấp cho Quốc xã một sân khấu tầm cỡ thế giới, để chúng có thể lên tiếng thách thức những ai giữ vững niềm tin rằng chính Quốc xã mới là

bên phóng hỏa. Bất chấp có bằng chứng rõ ràng cho rằng chủ tọa ủng hộ bên nguyên, phiên xử vẫn diễn ra như một tòa án thực sự, với cả hai bên trình diện trước đông đảo người xem. Nhà nước hi vọng chứng minh được tất cả năm bị cáo đều tham gia vào vụ phóng hỏa, bất chấp Marinus van der Lubbe khăng khăng cho rằng chỉ mình anh ta là chủ mưu chính. Các bên nguyên mang theo vô số chuyên gia, hòng cố gắng chứng minh rằng thiệt hại cho tòa nhà nặng nề hơn nhiều, với quá nhiều đám cháy nhỏ ở nhiều nơi, nên không thể là tác phẩm của một tên phóng hỏa duy nhất. Theo lời Fritz Tobias, tác giả bài tường thuật ấn tượng về vụ phóng hỏa và dư âm của nó, trong quá trình này, phiên tòa lẽ ra phải hấp dẫn, gợi mở được nhiều thứ thì lại thành "một vực thẳm buồn tẻ, chán ngắt".

Cho đến lúc này.

Göring sẽ đến vào bất kì lúc nào. Nổi tiếng dễ thay đổi và nói thẳng nói thật, ưa thích trang phục lòe loẹt và luôn thu hút sự chú ý, Göring được mong đợi sẽ tăng thêm sự sinh động cho phiên tòa. Khắp phòng xử vang lên tiếng quần áo sột soạt, khi mọi người cùng quay lại, nhìn ra lối vào.

Nửa tiếng trôi qua, thế nhưng Göring vẫn không xuất hiện. Diels cũng chẳng thấy tăm hơi.

Để giết thời gian, Martha ngắm nhìn các bị đơn. Có Ernst Torgler, một đại diện của Đảng Cộng sản trong Quốc hội trước khi Hitler thăng chức, trông nhợt nhạt và mệt mỏi. Có các nhà cộng sản Bulgaria - Georgi Dimitrov, Simon Popov và Vassili Tanev - trông họ đều "mạnh mẽ, cứng rắn và lãnh đạm". Bị đơn quan trọng nhất, Marinus van der Lubbe, thể hiện "một trong những dấu hiệu xấu xí nhất tôi từng thấy ở con người. To lớn, đồ sộ, gương mặt và cơ thể như không phải của con người, trông anh ta thật ghê tởm, đáng ghét đến mức tôi gần như không thể chịu nổi khi nhìn anh ta."

Một tiếng trôi qua. Sự căng thẳng trong phòng xử ngày càng lớn hơn. Sự sốt ruột và trông ngóng hòa vào nhau.

Phía sau khán phòng chợt ồn ào - tiếng ủng và tiếng ra lệnh, khi Göring cùng Diels bước vào, đứng giữa một nhóm xung kích mặc thường phục. Göring, bốn mươi tuổi, nặng 113 cân hoặc hơn, tự tin sải bước đến phía trước khán phòng, trong bộ áo jacket săn bắn màu nâu, quần cưỡi ngựa và đôi ủng nâu sáng lóe, cao đến đầu gối. Chẳng thứ nào có thể che lấp đi vòng bụng phì nộn của lão,

hoặc khiến lão bớt "trông như mông voi", như một nhà ngoại giao Mỹ đã mô tả. Diels, bảnh trai với bộ trang phục tối màu, trông như một cái bóng mảnh mai.

"Ai cũng nhảy dựng lên như thể bị điện giật," một phóng viên người Mỹ quan sát, "và tất cả những người Đức, gồm cả các thẩm phán, đều giơ tay lên chào kiểu Hitler."

Diels và Göring đứng bên nhau phía trước phòng xử, rất gần với Martha. Hai tên kín đáo trò chuyện.

Chủ tọa mời Göring lên tiếng. Lão bước lên phía trước. Martha nhớ lại, lão có vẻ phô trương và ngạo mạn, nhưng cô cũng cảm nhận được một làn sóng khó chịu ngầm.

Göring đọc bài diễn văn đã chuẩn bị trước, kéo dài gần ba tiếng. Bằng chất giọng cứng và phô, thi thoảng hét lên, lão giận dữ phản đối chủ nghĩa Cộng sản, các bị đơn và hành động phóng hỏa chúng phạm phải, chống nước Đức. Những tiếng hét "Hoan hô!" và tiếng vỗ tay vang dội khắp khán phòng.

"Lão cuồng loạn ra hiệu bằng một tay," Hans Gisevius[84] viết trong hồi kí Gestapo của mình, "tay kia cầm chiếc khăn tay thấm nước hoa, lão lau mồ hôi trên lông mày." Cố gắng ghi lại từng khoảnh khắc, Gisevius mô tả gương mặt của ba diễn viên quan trọng nhất trong phòng - "Dimitrov đầy khinh miệt, Göring nhăn nhó vì giận dữ, Chủ tọa phiên tòa Blinger tái mặt và sợ hãi."

[84] Hans Bernd Gisevius (1904 - 1974): nhà ngoại giao và sĩ quan tình báo của Đức trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Ông từng là thành viên của Gestapo.

Và rồi Diels, mảnh mai, đen tối, không đọc được gì trên nét mặt hắn. Diels giúp thẩm vấn Marinus van der Lubbe vào đêm xảy ra vụ cháy và kết luận rằng nghi phạm là một "kẻ điên", thực sự chính anh ta là kẻ phóng hỏa. Tuy nhiên, Hitler và Göring, ngay lập tức quyết định rằng Đảng Cộng sản đứng đằng sau chuyện này, rằng vụ hỏa hoạn là cú đấm công khai, nằm trong một âm mưu nổi dậy lớn hơn. Đúng vào đêm đầu tiên ấy, Diels đã chứng kiến gương mặt Hitler tím ngắt vì phẫn nộ khi gào lên rằng, từng tên quan chức và thuộc cấp cộng sản sẽ phải bị bắn chết. Lệnh này sau đó được hủy bỏ, thay vào đó là bắt giữ và các hành động bạo lực tùy hứng của Sư đoàn Bão tố.

Lúc này, Diels đứng tựa khuỷu tay vào chiếc ghế dài của thẩm phán. Đôi lúc, hắn thay đổi tư thế như muốn quan sát Göring kĩ

hơn. Martha có niềm tin rằng Diels đạo diễn màn thể hiện của Göring, thậm chí có lẽ đã viết ra bài diễn văn của lão. Cô nhớ lại Diels từng "đặc biệt háo hức muốn cô có mặt vào ngày này, gần như muốn khoe tay nghề khéo léo của mình".

Diels đã cảnh báo đừng mở phiên tòa xử bất kì ai ngoài Marinus van der Lubbe, hắn đã dự đoán các bị đơn khác sẽ được tuyên trắng án. Nhưng Göring không nghe, cho dù lão đã nhận ra những rủi ro. "Một nước cờ đi sai," Göring thừa nhận, "có thể gây ra hậu quả không thể sửa chữa được."

Giờ đến lượt Dimitrov đứng lên phát biểu. Áp dụng lối chế nhạo và logic thận trọng, anh ta hi vọng kích động cá tính nóng nảy trứ danh của Göring. Anh ta cáo buộc những sắc lệnh chính trị từ Göring đã chi phối cuộc điều tra vụ hỏa hoạn của cảnh sát, và việc tòa án xem xét bằng chứng, "qua đó ngăn người ta biết được chân tướng kẻ phóng hỏa thật sự".

"Nếu cảnh sát được phép bị chi phối bởi một sắc lệnh đặc biệt," Göring đáp, "vậy thì trong bất cứ trường hợp nào, họ chỉ chịu chi phối bởi một sắc lệnh đúng đắn."

"Đó là ngài nói thôi," Dimitrov phản pháo. "Ý kiến của tôi khác hoàn toàn."

Göring ngắt lời, "Nhưng ý kiến của ta mới quan trọng." Dimitrov nêu rõ chủ nghĩa Cộng sản, thứ mà Göring đã gọi là "tư duy tội phạm", đã kiểm soát Liên bang Xô Viết, nhà nước "có các quan hệ ngoại giao, chính trị và kinh tế với nước Đức. Các sắc lệnh của Xô Viết mang lại việc làm cho hàng trăm nghìn công nhân Đức. Ngài Bộ trưởng có biết điều đó không?"

"Có, ta biết," Göring đáp. Nhưng lão nói cuộc tranh luận này không liên quan đến chủ đề đó. "Ở đây, ta chỉ nói đến Đảng Cộng sản Đức và những kẻ cộng sản nước ngoài lừa đảo đến đây để phóng hỏa Tòa nhà Quốc hội."

Hai người tiếp tục đấu khẩu, chủ tọa phiên tòa thi thoảng làm trung gian hòa giải, cảnh báo Dimitrov không được "tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản".

Göring, vốn không quen bị bất kì ai lão xem là kẻ dưới thách thức, càng lúc càng tức giận hơn.

Dimitrov bình tĩnh quan sát, "Ngài cực kì sợ hãi trước những câu hỏi của tôi, đúng không ngài Bộ trưởng?"

Nghe câu này, Göring không còn kiểm soát được bản thân. Lão hét lên, "Khi tao bắt mày thì mày sẽ biết thế nào là sợ. Mày cứ đợi đến lúc tòa án không bảo vệ được mày nữa, thằng lừa đảo!"

Thẩm phán ra lệnh trục xuất Dimitrov, khán thính giả vỗ tay vang dội, nhưng lời đe dọa cuối cùng của Göring mới là điều nổi bật. Giây phút ấy được nhìn nhận theo hai mặt - thứ nhất, nó cho thấy Göring lo sợ rằng Dimitrov có thể thực sự được xử trắng án, và thứ hai, nó là cái nhìn sắc sảo vào trái tim nguy hiểm, phi lí của Göring và chế độ Hitler.

Ngày hôm đó cũng làm xói mòn thêm sự đồng cảm của Martha đối với cuộc cách mạng Quốc xã. Göring thì ngạo mạn và đầy đe dọa, trong khi đó Dimitrov thì lạnh lùng và có sức lôi cuốn. Martha bị ấn tượng. Cô viết, Dimitrov là "người đàn ông tuyệt vời, quyến rũ, sâu lắng thể hiện một sức sống, lòng quả cảm kì diệu nhất tôi từng thấy ở những người phải chịu sức ép. Anh ấy thật sống động, anh ấy đang rực sáng."

Phiên tòa rơi vào trạng thái vô hồn như trước kia, nhưng thiệt hại đã rõ ràng. Tay phóng viên người Thụy Sĩ, như hàng tá phóng viên nước ngoài khác trong phòng, nhận ra rằng sự bùng nổ của Göring đã làm thay đổi phiên tòa. "Đối với cả thế giới xem phiên xử này, không cần biết bị cáo bị tuyên án hay được phóng thích theo quyết định của Tòa, thì số phận của anh ta đã được định đoạt."

Chương 23
BORIS CHẾT THÊM LẦN NỮA

Khi mùa đông tới gần, Martha chủ yếu tập trung năng lượng lãng mạn của mình vào Boris. Họ ngủ cách nhà hàng trăm dặm trong chiếc Ford mui trần của anh, với những lần ghé ngang qua vùng nông thôn của Berlin.

Trong một lần như thế, Martha nhận ra một tạo tác của nước Đức cổ, một đền thờ Chúa Jesus bên đường, cô khăng khăng bắt dừng xe lại để xem kĩ hơn. Cô phát hiện dấu thánh giá trong một bức hình đặc biệt. Gương mặt Chúa Jesus biến dạng trong đau khổ, những vết thương của Người đẫm máu. Một lúc sau, cô quay lại nhìn Boris. Cho dù không bao giờ tự mô tả bản thân là người cực kì ngoan đạo, cô vẫn sốc trước điều mình chứng kiến.

Boris đứng đó hai tay vươn dài, hai mắt cá chân bắt chéo, đầu anh gục xuống ngực.

“Boris, thôi đi,” cô nạt. “Anh đang làm cái trò gì thế?”

“Anh đang chết vì em, em yêu. Anh sẵn sàng chết, em biết mà.” Cô tuyên bố trò bắt chước của anh chẳng có gì vui, rồi quay bước đi.

Boris xin lỗi. “Anh không có ý xúc phạm đâu,” anh nói. “Nhưng anh không hiểu được tại sao các tín đồ Cơ Đốc giáo lại ngưỡng mộ hình ảnh một người bị tra tấn.”

Điều đó không đúng, cô đáp. “Họ ngưỡng mộ sự hi sinh vì đức tin của ông ấy.”

“Ồ thật sao?” Anh hỏi. “Em có tin điều đó không? Có bao nhiêu người sẵn sàng chết vì niềm tin của họ, làm theo tấm gương của ông ấy?”

Cô nói đến Dimitrov và sự dũng cảm của anh ta khi đứng lên thách thức Göring, tại phiên tòa xử vụ phóng hỏa nhà Quốc hội.

Boris ném sang cô một nụ cười tuyệt đẹp. “Phải, thưa Quý cô, nhưng anh ta là một nhà cộng sản.”

Chương 24
VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

Sáng Chủ nhật, ngày 13 tháng 11 - lạnh giá, với mưa phùn và sương mù - gia đình Dodd bất ngờ thấy thành phố tĩnh lặng đến khác thường, xét đến chuyện hôm nay là ngày Hitler chọn tổ chức trưng cầu dân ý công khai về quyết định rút khỏi Hội Quốc Liên, và nỗ lực của hắn nhằm đạt được sự bình đẳng vũ trang. Gia đình Dodd đến đâu cũng thấy mọi người đeo huy hiệu nhỏ, không chỉ cho thấy họ đã bỏ phiếu, mà còn cho thấy họ bỏ phiếu thuận. Vào giữa trưa, có vẻ gần như ai đang đi trên phố cũng đeo nó, chứng tỏ những người bỏ phiếu đã dậy sớm làm xong công việc cao cả, nhằm tránh rắc rối gần như chắc chắn sẽ xảy đến, nếu họ bị cho là không làm nghĩa vụ công dân.

Ngay cả ngày bầu cử cũng được lựa chọn kĩ lưỡng. Ngày 12 tháng 11 chính là một ngày sau lễ kỉ niệm mười lăm năm kí kết thỏa thuận ngừng bắn, chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ nhất. Hitler, kẻ từng bay vòng quanh nước Đức vận động bỏ phiếu thuận, đã nói với một khán thính giả; "Vào ngày 11 tháng 11, người dân Đức đã chính thức mất hết danh dự, mười lăm năm sau, một ngày 12 tháng 11, người dân Đức sẽ lấy lại danh dự của mình." Tổng thống Hindenburg cũng vận động hành lang bỏ phiếu thuận. "Ngày mai hãy cho thấy sự đoàn kết dân tộc vững chắc và sự ủng hộ của mọi người với Chính phủ," ông nói trong bài diễn văn ngày 11 tháng 11. "Hãy ủng hộ nguyên tắc quyền hạn bình đẳng và hòa bình trong danh dự, cùng tôi và Thủ tướng Đế chế."

Cuộc bỏ phiếu kín gồm hai phần chính. Một, người dân Đức được đề nghị bỏ phiếu bầu các đại biểu vào Quốc hội mới cải tổ, chỉ bao gồm các ứng cử viên Quốc xã, điều này giúp bảo đảm rằng cơ quan này sẽ ủng hộ các quyết định của Hitler. Hai, vấn đề chính sách ngoại giao được kết hợp nhằm bảo đảm sự ủng hộ tối đa. Từng người dân Đức có thể tìm ra một lí do để biện minh cho lá phiếu

thuận - nếu anh ta mong muốn hòa bình, nếu cảm thấy Hiệp ước Versailles kéo nước Đức đi sai hướng, nếu tin rằng Đức nên được xem như ngang hàng với các quốc gia khác, hoặc nếu chỉ đơn giản muốn bày tỏ sự ủng hộ đối với Hitler và Chính phủ của hắn.

Hitler mong muốn sự tán thành vang dậy. Trên khắp nước Đức, bộ máy Đảng Quốc xã tiến hành các biện pháp phi thường để dân chúng bỏ phiếu. Một báo cáo cho biết các bệnh nhân nằm bẹp trên giường bệnh được vận chuyển đến các điểm bỏ phiếu bằng cáng. Victor Klemperer, nhà ngữ văn Do Thái tại Berlin, ghi trong nhật kí về "hoạt động tuyên truyền quá đáng" để giành được phiếu thuận. "Trên từng chiếc xe thương mại, xe bưu chính, xe đạp của bưu tá, trên từng ngôi nhà và cửa kính bày hàng, trên các tấm băng rôn lớn chăng ngang các con phố - đâu đâu cũng thấy những câu nói của Hitler, và luôn luôn là 'Ủng hộ' hòa bình! Đó là trò ghê tởm nhất trong những trò đạo đức giả."

Các nhân vật của Đảng và đội SA giám sát ai đi bỏ phiếu, ai không. Một đội Sư đoàn Bão tố sẽ đến gõ cửa từng nhà còn chậm chạp, chúng nhấn mạnh đến niềm khao khát được tới các điểm bỏ phiếu. Đối với bất kì ai còn chưa hiểu vấn đề, hãy xem một mục đăng trên tờ tạp chí Quốc xã chính thức ấn bản đặc biệt sáng Chủ nhật, Völkischer Beobachter, "Nhất thiết phải nhắc lại để mọi người cùng hiểu. Kẻ nào không tự giác sánh vai với chúng ta hôm nay, kẻ nào không chịu đến và bỏ phiếu 'thuận' ngày hôm nay, hắn sẽ tự chứng tỏ mình nếu không phải là một kẻ thù đẫm máu của chúng ta, thì ít nhất sẽ là một sản phẩm của sự hủy diệt, và không ai cứu được hắn nữa."

Và đây là câu gây tranh cãi: "Sẽ tốt hơn cho hắn và tốt hơn cho chúng ta, nếu hắn không tồn tại nữa."

Khoảng 45,1 triệu người dân Đức đủ tư cách đi bầu, và 96,5% trong số này thực sự làm điều đó. Trong số đó, lại có 95,1% người bỏ phiếu ủng hộ chính sách ngoại giao của Hitler. Tuy nhiên, thú vị hơn là thực tế 2,1 triệu người Đức - chưa đầy 5% cử tri đã đăng kí - đưa ra quyết định mạo hiểm là bỏ phiếu phản đối.

Hitler sau đó ra tuyên bố cảm ơn người dân Đức, vì "sự thừa nhận thống nhất mang tính lịch sử của họ ủng hộ tình yêu hòa bình thực sự, đồng thời họ cũng lên tiếng vì danh dự và các quyền hạn bình đẳng vĩnh hằng của chúng ta."

Dodd đã biết kết quả trước khi các phiếu bầu được kiểm. Ông viết thư cho Tổng thống Roosevelt, "Cuộc bầu cử ở đây thật lộn xộn."

Không gì chứng minh điều này rõ hơn cuộc bỏ phiếu trong trại tập trung ở Dachau: 2154 trong số 2242 tù nhân - tức là 96% - bỏ phiếu ủng hộ chính quyền của Hitler. Số phận của tám mươi tám linh hồn hoặc không bầu hoặc bỏ phiếu phản đối không được lịch sử nhắc tới.

Thứ hai, ngày 13 tháng 11, Tổng thống Roosevelt dành vài phút soạn một lá thư gửi Dodd. Cho đến lúc này, Tổng thống đều gửi thư khen ngợi Dodd, trong lời ám chỉ rõ ràng đến những mối lo âu của Dodd sau cuộc phỏng vấn Hitler, ông nói, "Tôi rất mừng khi ngài đã thẳng thắn với những người nhất định. Tôi nghĩ đó là một điều tốt."

Ông suy ngẫm về lời nhận xét của phóng viên Walter Lippman, rằng chỉ có 8% dân số thế giới, tức gồm Đức và Nhật Bản, là có thể "vì thái độ của chủ nghĩa đế quốc", mà chống lại hòa bình và không giải trừ vũ trang vì phần còn lại của thế giới.

Ngài Tổng thống viết, "Đôi khi tôi cảm thấy rằng các vấn đề của thế giới đang ngày càng tồi tệ, thay vì tốt hơn lên. Tuy nhiên, trong đất nước của chúng ta, bất chấp bị phe cực hữu lẫn cực tả bắn tỉa, 'lừa đảo' và gầm gừ, chúng ta thực sự đang tạo ra việc làm cho người dân và nâng cao các giá trị."

Ông kết thư bằng câu nói vui "Tiếp tục làm thật tốt nhé!"

Tại Washington, ngoại trưởng Hull cùng các quan chức cấp cao khác, bao gồm Thứ trưởng Phillips, mất nửa tháng lên kế hoạch cho chuyến thăm sắp tới của Maxim Litvinov, Ngoại trưởng Xô Viết, người sắp bắt đầu các cuộc thảo luận với Tổng thống Roosevelt, nhằm mục đích khiến Mỹ công nhận Liên bang Xô Viết. Ý tưởng này bị những ai theo chủ nghĩa biệt lập phản đối sâu sắc, nhưng Tổng thống Roosevelt thấy được những lợi ích chiến lược quan trọng, ví như mở cửa cho Nga đầu tư vào Mỹ và giúp kiểm soát các tham vọng của Nhật Bản tại châu Á. Các "cuộc đối thoại giữa Roosevelt với Litvinov" thường xuyên gây khó khăn và ức chế cho cả hai bên, cuối cùng có kết quả là Tổng thống Roosevelt khẳng định chính thức công nhận Liên bang Xô Viết, ngày 16 tháng 11 năm 1933.

Bảy ngày sau, Dodd một lần nữa diện áo đuôi tôm, đội mũ quả dưa, có chuyến thăm chính thức đầu tiên đến Đại sứ quán Xô Viết. Một nhà nhiếp ảnh của hãng thông tấn AP đã đề nghị chụp ảnh Dodd đứng bên cạnh người đồng cấp Xô Viết. Tay đại sứ người Nga rất sẵn lòng, nhưng Dodd xin thứ lỗi không chụp, sợ rằng "các

tờ báo phản động nhất định tại Mỹ sẽ xuyên tạc mục đích chuyến thăm của tôi và lặp lại các cuộc tấn công của họ vào Roosevelt vì sự công nhận của ngài ấy."

Chương 25
BORIS BÍ ẨN

Lúc này, cả Martha và Boris đều cảm thấy tự do hơn khi tiết lộ quan hệ của họ cho thế giới, dù cả hai hiểu rằng vẫn cần thiết phải kín đáo, xét đến chuyện cả cấp trên của Boris, lẫn cha mẹ của Martha vẫn không ủng hộ. Chuyện tình của họ ngày càng nghiêm túc hơn, cho dù Martha đã nỗ lực hết sức để có chuyện tình nhẹ nhàng và mập mờ. Cô tiếp tục cặp kè Armand Berard của Đại sứ quán Pháp, và có khả năng là Diels, chấp nhận hẹn hò với những kẻ theo đuổi mới mẻ, tiềm năng khác khiến Boris phát điên vì ghen. Anh tấn công cô với cơ man nào là thư từ, hoa hoét, âm nhạc và gọi điện cho cô liên tục. "Mình chỉ muốn yêu anh ấy thật nhẹ nhàng thôi," Martha viết, trong một miêu tả không được xuất bản. "Mình đã cố gắng coi anh ấy như bạn thôi. Mình tự ép bản thân thờ ơ với anh ấy trong một tuần, rồi tuần sau lại ghen tuông một cách ngu ngốc. Mình đã quên hẳn anh ấy, thế rồi lại quấn lấy anh ấy. Đúng là một sự mâu thuẫn khó chịu, khiến cả hai ta đều khốn khổ và tức giận."

Martha vẫn giữ nguyên quan điểm màu hồng về cách mạng Quốc xã, nhưng Boris không ảo tưởng về những gì đang diễn ra quanh họ. Bất chấp Martha bực mình, anh luôn tìm kiếm những động cơ ngầm chi phối hành động của các lãnh đạo Quốc xã, và nhiều nhân vật đến thăm Đại sứ quán Mỹ.

"Anh lúc nào cũng chỉ thấy điều xấu xa," cô giận dữ nói. "Anh nên cố gắng nhìn ra những điều tích cực tại Đức, và ở những vị khách của chúng ta, chứ đừng lúc nào cũng nghi ngờ họ có âm mưu ngầm."

Có lúc, cô cho rằng anh cũng đang che giấu những âm mưu. "Em nghĩ anh ghen tị với Armand," cô nói, "hoặc bất kì ai đưa em đi chơi."

Hôm sau, cô nhận được một gói quà của Boris. Bên trong cô thấy ba con khỉ bằng gốm và một bưu thiếp ghi, "Không Nhìn Thấy Điều Ác, Không Nghe Thấy Điều Ác, Không Nói Đến Điều Ác," Cuối thư Boris viết, "Anh yêu em."

Martha bật cười. Đáp lại, cô gửi cho anh một bức tượng gỗ chạm khảm hình một nữ tu, kèm theo mẩu giấy trấn an anh rằng cô đang làm theo mệnh lệnh của lũ khỉ.

Đằng sau chuyện này hiện ra lờ mờ một câu hỏi: Mối quan hệ của họ có thể đi tới đâu? "Tôi không thể chịu nổi khi nghĩ đến một tương lai, có hoặc không có anh ấy," cô viết. "Tôi yêu gia đình tôi, đất nước tôi và không muốn đối mặt với khả năng phải chia xa cả hai điều đó."

Sự căng thẳng này dẫn đến những hiểu lầm và đau khổ Boris phải chịu đựng.

"Martha!" Anh viết trong lá thư chứa đầy nỗi đau. "Anh buồn đến mức không thể tìm được từ nào để nói về mọi chuyện đã xảy ra. Hãy tha thứ cho anh, nếu anh đã làm gì ích kỉ hoặc xấu xa với em. Anh không cố ý hay mong muốn làm thế. Anh hiểu em nhưng không hoàn toàn hiểu hết, và anh không biết mình nên làm gì. Anh nên làm gì đây? Vĩnh biệt, Martha, hãy hạnh phúc mà không có anh và đừng nghĩ xấu về anh."

Họ luôn quay lại với nhau. Mỗi lần chia tay dường như chỉ càng khiến họ bị hút về phía nhau hơn trước, đồng thời làm tăng thêm những giây phút hiểu lầm và giận hờn - cho đến một buổi chiều Chủ nhật cuối tháng Mười một, mối quan hệ của họ trải qua sự thay đổi quan trọng. Cô nhớ lại hết từng chi tiết một.

Một ngày ảm đạm, bầu trời trông như một hòn than xám xịt, trời se lạnh, nhưng không quá lạnh, nên Boris vẫn bật mui xe Ford. Họ lên đường đến một nhà hàng ấm cúng cả hai cùng yêu thích, nằm trong một nhà thuyền nổi trên hồ ở quận Wannsee. Một khu rừng thông thơm nức bao xung quanh mép nước.

Họ thấy nhà hàng gần như trống trải nhưng vẫn quyến rũ. Những chiếc bàn gỗ vây quanh một sàn nhảy nhỏ. Khi máy nghe nhạc tự động không chơi nhạc, tiếng nước nhẹ vỗ vào hàng cọc bên ngoài nghe rõ mồn một.

Martha gọi món súp hành, salat và bia. Boris gọi vodka, thịt xiên nướng kiểu Nga, cá trích nhúng kem chua và hành. Anh gọi thêm vodka. Martha để ý Boris yêu thích đồ ăn, nhưng dường như

chẳng lên được cân nào cả.

Sau bữa trưa, hai người khiêu vũ. Boris đang cải thiện dần nhưng vẫn xem nhảy và đi bộ là hai hiện tượng có thể giao thoa với nhau. Có lúc cơ thể họ sát gần nhau, cả hai vẫn bất động, Martha nhớ lại, bất chợt cô cảm thấy hơi nóng bừng lên.

Boris đột ngột tránh ra. Anh nắm lấy tay cô, dẫn cô ra ngoài, bước lên một sàn gỗ nhô ra trên mặt nước. Cô nhìn anh và nhận thấy nỗi đau - hai lông mày nhíu lại, môi mím chặt. Dường như anh bị kích động. Họ đứng bên nhau cạnh hàng lan can, ngắm nhìn một bầy thiên nga trắng.

Anh quay sang cô, nét mặt gần như buồn rười rượi. "Martha," anh nói, "Anh yêu em." Lúc này, anh thú nhận mình đã cảm thấy thế, kể từ lần đầu tiên nhìn thấy cô tại căn hộ của Sigrid Schultz. Anh giữ cô đứng trước mặt mình, hai bàn tay nắm chắc khuỷu tay cô. Sự vui vẻ liều lĩnh đã không còn.

Anh bước lùi lại và ngắm cô. "Đừng đùa giỡn với anh nữa, em yêu," anh nói. "Em có quá nhiều kẻ theo đuổi. Em không nên quyết định ngay. Nhưng đừng xem nhẹ anh nhé. Anh không chịu nổi đâu."

Cô nhìn đi chỗ khác. "Em yêu anh, Boris. Anh biết mà. Và anh biết em đã cố gắng rất nhiều để không yêu anh."

Boris quay ra nhìn mặt nước. "Phải, anh biết," anh buồn bã đáp. "Với anh cũng chẳng dễ dàng gì."

Tuy nhiên, Boris không bao giờ có thể buồn bã được lâu. Nụ cười của anh đã xuất hiện trở lại - nụ cười bất ngờ ấy. "Có điều," anh nói, "đất nước của em và của anh giờ là bạn bè, chính thức rồi, và điều đó khiến mọi chuyện tốt hơn nhiều, khiến điều gì cũng có thể xảy ra, đúng không?"

Đúng vậy, nhưng…

Còn một vật cản khác. Boris đang giữ một bí mật. Martha biết điều đó nhưng vẫn chưa nói với anh. Giờ đây khi đối mặt anh, cô nói bằng giọng rất chậm rãi.

"Thêm nữa," cô nói, "anh đã kết hôn rồi."

Một lần nữa Boris lại lùi ra xa. Nước da của anh, vốn đã đỏ lựng vì lạnh, ngày càng đỏ rần. Anh bước đến hàng lan can, tì người trên

khuỷu tay. Dáng người cao của anh tạo nên hình vòng cung mỏng manh và duyên dáng. Cả hai không nói gì.

“Anh xin lỗi,” anh đáp. “Lẽ ra anh nên nói với em. Anh tưởng em đã biết. Hãy tha thứ cho anh.”

Cô nói rằng lúc đầu cô cũng không biết, cho đến khi Armand cùng cha mẹ cô cho cô xem thông tin về Boris, trên thư mục ngoại giao của văn phòng ngoại giao Đức. Ngay sau tên của Boris là phần nhắc đến vợ anh, ghi dòng chữ “abwesend”, có nghĩa là vắng mặt.

“Không phải cô ấy ‘vắng mặt’ đâu,” Boris nói. “Vợ chồng anh li thân rồi. Anh và cô ấy khủng khẳng với nhau đã lâu rồi. Trong danh mục ngoại giao tiếp theo phần ấy sẽ để trống.” Anh cũng tiết lộ thêm rằng mình có một con gái, anh rất yêu thương cô bé. Anh nói chính con bé là nhịp cầu để anh tiếp tục giữ quan hệ với vợ.

Martha nhận thấy mắt anh rưng rưng lệ. Anh đã từng khóc trước mặt cô, và cô luôn thấy thật cảm động nhưng cũng không thoải mái. Một người đàn ông khóc lóc - điều này mới mẻ với cô. Ở Mỹ, đàn ông không khóc bao giờ. Cô chưa thấy. Cho đến giờ, cô mới thấy cha mình rưng rưng nước mắt một lần duy nhất, vì cái chết của Woodrow Wilson, người mà ông xem như bạn thân. Thế rồi cha cô lại khóc một lần nữa, nhưng việc ấy phải vài năm nữa mới xảy ra.

Họ lại vào trong nhà hàng, trở về bàn mình. Boris gọi một ly vodka nữa. Anh có vẻ nhẹ nhõm. Hai người nắm tay nhau qua bàn.

Nhưng lúc này, Martha tiết lộ bí mật của riêng mình. “Em cũng kết hôn rồi,” cô nói.

Âm vực câu trả lời của anh làm cô giật nảy mình. Giọng anh trầm xuống, u sầu. “Martha, không!” Anh tiếp tục nắm hai tay cô, nhưng nét mặt chuyển sang trạng thái bối rối và đau đớn. “Sao em không nói với anh?”

Cô giải thích rằng cuộc hôn nhân của mình ngay từ đầu đã là bí mật, không ai biết hết trừ gia đình cô - rằng chồng cô là một chủ nhà băng ở New York, cô đã từng yêu hắn ta và yêu sâu sắc, nhưng lúc này về mặt pháp lí, họ đã li thân, chỉ còn vài vấn đề thủ tục li dị.

Boris gục đầu xuống hai tay. Anh nói điều gì đó theo hơi thở bằng tiếng Nga. Cô xoa đầu anh.

Anh đột ngột đứng dậy, lại bước ra ngoài. Martha vẫn ngồi yên chỗ cũ. Một lúc sau, Boris trở lại.

“Ach, trời ạ,” anh nói, phá lên cười. Anh hôn lên trán cô. “Ôi, xem mớ hỗn độn chúng ta lâm vào kìa. Một phụ nữ đã kết hôn, một chủ nhà băng, một cô con gái của nhà ngoại giao nước ngoài - Anh không nghĩ còn chuyện gì tệ hơn thế. Nhưng chúng ta rồi sẽ tìm ra cách thôi. Các nhà cộng sản thường làm được điều không thể mà. Nhưng em phải giúp anh.”

Mặt trời đã sắp lặn khi họ rời nhà hàng và bắt đầu quay về thành phố, hoàng hôn vẫn đang dần buông. Hôm nay là một ngày quan trọng. Martha nhớ lại từng chi tiết nhỏ - ngọn gió lao tới xổ tung tóc cô khỏi búi sau gáy. Thói quen của Boris khi lái xe là cánh tay phải của anh khoác vai cô, bàn tay anh ấp lên ngực cô. Những cánh rừng rậm dọc đường ngày càng tối hơn trong ánh sáng nhợt nhạt, tỏa hương thơm ngào ngạt của mùa thu. Mái tóc cô tung bay phía sau trong những sợi vàng.

Cho dù chẳng ai nói thẳng ra, cả hai đều hiểu rằng điều gì đó nghiêm trọng đã xảy đến. Cô đã yêu sâu sắc người đàn ông này, và không thể đối xử với anh như những kẻ theo đuổi khác. Cô không muốn điều này xảy ra, nhưng nó đã xảy ra với người đàn ông mà cả phần còn lại của thế giới đều xem là cực kì không hợp.

Chương 26
DẠ VŨ BÁO CHÍ NHỎ

Cứ vào tháng Mười một hằng năm, Hiệp hội Báo chí Nước ngoài tại Berlin đều tổ chức tiệc tối và vũ hội tại khách sạn Adlon, một sự kiện hấp dẫn khi tất cả các quan chức, nhà ngoại giao và nhân vật nổi tiếng nhất đều được mời. Sự kiện này được đặt biệt danh là Dạ vũ Báo chí Nhỏ, vì có quy mô nhỏ hơn và tự nhiên hơn bữa tiệc hằng năm do giới báo chí Đức tổ chức - vốn ngày càng trở nên ngột ngạt, trước thực tế các tờ báo trong nước giờ đây hầu hết nằm dưới sự kiểm soát của Joseph Goebbels và Bộ Khai sáng Công chúng của lão. Đối với các phóng viên nước ngoài, Dạ vũ Báo chí Nhỏ có giá trị thực tế vô cùng lớn. Sigrid Schultz đã viết, "Chuyện trò với đàn ông khi anh ta dẫn vợ đến dự bữa tiệc dạ vũ của bạn luôn dễ hơn hẳn khi gặp anh ta trong giờ hành chính." Năm 1933, Dạ vũ Báo chí Nhỏ được tổ chức vào tối thứ Sáu, ngày 24 tháng 11, sáu ngày trước lễ Tạ ơn tại Mỹ.

Chưa đến tám giờ, khách sạn Adlon bắt đầu tiếp đoàn khách đầu tiên với những chiếc xe to, nhiều xe có đèn pha cỡ bằng quả dưa hấu bổ nửa. Xuống xe là một nhóm các quan chức Quốc xã cao cấp, các đại sứ, nghệ sĩ, nhà làm phim, diễn viên, nhà văn và dĩ nhiên cả các phóng viên nước ngoài, đến từ các nước lớn nhỏ. Tất cả đều khoác áo choàng và áo lông to sụ, chống lại bầu không khí ẩm thấp, gần đạt nhiệt độ đóng băng. Trong số các vị khách có Quốc Vụ khanh Bernhard von Bülow, Ngoại trưởng Neurath, Đại sứ Pháp François-Poncet, Hiệp sĩ Eric Phipps, Đại sứ Anh, và dĩ nhiên là Putzi Hanfstaengl to lớn, đâu cũng có mặt. Một nhân vật nữa là Bella Fromm, "Dì Voss", nữ phóng viên phụ trách mục xã hội. Theo cô ta, bao trùm bữa tiệc sẽ là bi kịch đen tối nhất, mặc dù chuyện người dân chẳng biết gì đang ngày càng phổ biến ở Berlin. Gia đình Dodd - cả bốn người - đến bằng chiếc Chevrolet cũ kĩ. Phó Thủ tướng của Hitler, Franz von Papen, đi chiếc xe to và

đẹp hơn hẳn, giống gia đình Dodd, ông ta cũng đến cùng vợ, con gái và con trai. Louis Adlon, rực sáng trong bộ áo đuôi tôm, chào đón từng vị khách VIP, trong khi nhân viên trực tầng cất áo khoác, áo lông và mũ mãng cho khách.

Như Dodd sắp phát hiện ra, trong môi trường sống luôn cuồng nhiệt như Berlin, nơi từng hành động công khai của một nhà ngoại giao sẽ tích lại thành hình tượng bị thổi phồng, ngay cả một mẩu đối thoại ở bàn tiệc thôi cũng có thể trở thành một giai thoại nhỏ.

Khách khứa bước vào khách sạn, đầu tiên là đến các phòng tiếp khách trang nhã uống cocktail và dùng món nguội khai vị, tiếp theo là đến sảnh khu vườn mùa đông, bao quanh là hàng ngàn bông hoa cúc trồng trong nhà kính. Căn phòng luôn luôn "chật chội đến khó chịu", theo lối nói của Schultz, nhưng theo truyền thống, buổi vũ hội luôn được tổ chức tại khách sạn Adlon. Theo quy định, khách dự tiệc phải ăn mặc sang trọng, nhưng "không phô trương phẩm tước quan chức", như Fromm ghi trong nhật kí, dù một vài vị khách rất háo hức được chứng tỏ lòng nhiệt tình với Đảng Quốc xã, nên đã mặc trang phục nâu xám xịt của Sư đoàn Bão tố. Một vị khách, ngài công tước tên là Eduard von Koburg, tư lệnh các Lực lượng Mô tô của SA, bước đi khắp nơi, hông giắt thanh đoản kiếm do Mussolini[85] trao tặng.

[85] Benito Amilcare Andrea Mussolini (1883 - 1945): Cựu Thủ tướng của nước Ý, lãnh đạo của phát xít Ý.

Các vị khách được dẫn vào chỗ ngồi tại bàn tiệc theo kiểu các nhà tổ chức tiệc tại Berlin mong muốn, chen vai thích cánh đầy khó chịu. Khách khứa chỉ cách nhau một tầm tay ở hai bên bàn. Sự gần gũi này có nguy cơ tạo ra những tình huống xã hội và chính trị trớ trêu - như kiểu xếp ả nhân tình của một nhà tư bản công nghiệp đối mặt vợ ông ta - nên chủ xị của từng bàn phải chắc chắn rằng sơ đồ chỗ ngồi được các nhân viên phụ trách lễ nghi xem xét rất kĩ. Vài vị trí sát kề nhau đơn giản là không thể tránh khỏi. Các quan chức người Đức quan trọng nhất không chỉ được ngồi tại bàn trung tâm, năm nay do các phóng viên người Mỹ xếp đặt, mà còn được ngồi gần những người chủ xị của bàn - Schultz và Louis Lochner, sếp Hãng Thông tấn AP của Berlin, cùng người Mỹ nổi bật nhất ở bàn, Đại sứ Dodd. Cho nên cuối cùng, Phó Thủ tướng Papen lại ngồi ngay trước mặt Schultz, bất chấp thực tế Papen và Schultz vốn được biết đến là chẳng ưa gì nhau.

Bà Dodd cũng được ngồi chỗ tốt, như Quốc vụ khanh Bülow và

Putzi Hanfstaengl, Martha, Bill Jr., cùng nhiều vị khách khác ngồi kín quanh bàn. Các thợ ảnh chạy vòng xung quanh chụp hình liên hồi, ánh đèn "flash" của họ rọi sáng những làn khói xì gà.

Papen là một người đẹp trai - trông lão ta giống nhân vật phim truyền hình Topper, nhiều năm sau do diễn viên Leo G. Carroll thủ diễn. Nhưng lão ta có tiếng xấu là kẻ cơ hội, bội tín và bị nhiều người xem là cực kì ngạo mạn. Bella Fromm đã gọi lão ta là "Kẻ Đào Huyệt Chôn Nền Cộng hòa Weimar ", ám chỉ vai trò của Papen trong việc thiết kế bổ nhiệm Hitler làm Thủ tướng. Papen là người được Tổng thống Hindenburg đỡ đầu, Tổng thống đã từng âu yếm gọi lão ta là Fränzchen, hay Franz Bé bỏng. Với Hindenburg đứng về phía mình, Papen và những kẻ đồng mưu đã hình dung rằng chúng có thể kiểm soát Hitler. "Hindenburg tin tưởng ta," có lần Papen huênh hoang. "Trong vòng hai tháng, chúng ta sẽ dồn Hitler vào chân tường, khiến hắn kêu lên the thé." Có khả năng đây là tính toán sai lầm lớn nhất thế kỷ Hai mươi. Như sử gia John Wheeler-Bennett nêu rõ, "Phải đến khi cổ tay chúng bị trói nghiến, chúng mới nhận ra ai mới thực sự bị giam cầm và ai mới là kẻ đi bắt giữ."

Dodd cũng căm ghét Papen, nhưng vì nhiều lí do bắt nguồn từ sự phản bội có tính chất rõ ràng hơn. Không lâu trước khi Mỹ tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất, Papen từng là một tùy viên quân sự được phái đến Đại sứ quán Đức tại Washington, nơi lão ta lên kế hoạch và xúi giục rất nhiều hành động phá hoại, bao gồm đặt thuốc nổ các tuyến đường sắt. Lão ta từng bị bắt và trục xuất về nước.

Sau khi tất cả đã yên vị, tiếng trò chuyện như pháo ran vang khắp bàn. Dodd và bà Papen nói chuyện về hệ thống trường đại học của Mỹ, bà Papen tán dương về sự tuyệt vời của nó trong thời gian được bổ nhiệm làm giáo viên tại Washington, con trai của bà theo học trường Đại học Georgetown. Putzi vẫn giữ nguyên bản tính huyên náo vốn có, ngay cả khi anh ta cao hơn tất cả mọi người xung quanh. Một sự im lặng căng thẳng xâm chiếm ranh giới được ngăn cách bởi khăn trải bàn bằng vải lanh, đồ pha lê, đồ sứ giữa Schultz và Papen. Không khí băng giá giữa họ rõ ràng đến mức ai cũng thấy. "Khi mới đến thì lão ta ngọt ngào, lịch thiệp vì danh tiếng của lão đòi hỏi điều đó," Schultz viết, "nhưng qua suốt bốn món ăn đầu tiên của bữa tối, thật đáng nể khi lão quý ông này trước sau như một đều ngó lơ [tôi]." Cô lưu ý, "Việc này không phải dễ làm vì bàn thì hẹp và tôi chỉ ngồi cách lão có một mét."

Cô đã làm tất cả những gì có thể để nói chuyện được với Papen,

nhưng vẫn bị cự tuyệt. Cô thầm hứa sẽ "cố gắng chứng tỏ mình là nữ chủ nhân hoàn hảo, tránh xa những chủ đề gây tranh cãi", nhưng Papen càng làm ngơ cô bao nhiêu, cô càng không muốn làm thế bấy nhiêu. Cô viết, lòng quyết tâm của cô "ngày càng phai nhạt trước cách cư xử tồi tệ rõ nét của Papen".

Sau khi món ăn thứ tư được dọn lên, khi đã chịu đựng hết nổi, cô nhìn Papen, và vận dụng thứ mà cô miêu tả là "tông giọng ngây thơ nhất" có thể, cô lên tiếng, "Ngài Phó Thủ tướng, có một chi tiết trong Hồi kí của Tổng thống Hindenburg, mà tôi chắc chắn ngài có thể giải thích cho tôi hiểu."

Papen chú ý đến cô. Đôi lông mày của lão ta nhướng lên ở hai đầu như những sợi lông, ánh mắt lão ta vì thế có sự tập trung lạnh lẽo của thú săn mồi.

Vẫn giữ vẻ mặt dịu dàng, Schultz nói tiếp, "Ông ta phàn nàn rằng trong cuộc chiến trước kia, năm 1917, Bộ Chỉ huy Tối cao Đức chưa từng nghe gì về các gợi ý hòa bình của Tổng thống Wilson, và rằng nếu ông ta biết về chúng thì chiến dịch tàu ngầm nguy hiểm ấy hẳn sẽ không được triển khai. Chuyện này có không thưa ngài?"

Dù giọng cô rất bình thản, nhưng tất cả mọi người quanh bàn nằm trong tầm nghe đều bất ngờ im lặng và chú ý. Dodd nhìn Papen, Quốc vụ khanh Bülow nghiêng người lắng nghe cuộc trò chuyện, với thái độ như Schultz mô tả là "vẻ thích thú giảo hoạt ánh lên trong đôi mắt ông ta."

Papen cộc cằn đáp, "Tổng thống Wilson chẳng có gợi ý hòa bình nào cả."

Schultz biết nói vậy là rất ngu xuẩn, nhất là khi có sự hiện diện của Đại sứ Dodd, một chuyên gia nghiên cứu về Wilson và giai đoạn được nói đến.

Lặng lẽ nhưng kiên quyết, giọng Dodd phảng phất lớp sương mù ngôn ngữ vùng Bắc Carolina - "đúng chất một quý ông miền Nam về mọi mặt," Schultz nhớ lại - Dodd nhìn Papen và nói, "Thế mà có đấy." Và ông nêu ra ngày, tháng chính xác.

Schultz vui sướng. "Cái răng ngựa dài của Papen như dài ra thêm," cô viết. "Lão thậm chí còn không dám to mồm át giọng bình thản của Đại sứ Dodd."

Thay vào đó, Papen "chỉ càu nhàu" trả lời, "Dù sao đi nữa, tôi

chẳng bao giờ hiểu được tại sao người Mỹ và người Đức cứ bám chặt cuộc chiến ấy thế." Lão nhìn các gương mặt xung quanh, "dương dương tự đắc vì cái giọng ngạo mạn của lão," Schultz viết.

Ngay lập tức, Dodd giành được "sự ngưỡng mộ và biết ơn mãi mãi" của Schultz.

Trong khi đó, ở bàn khác, Bella Fromm trải qua một sự hồi hộp chẳng liên quan gì đến các nội dung đối thoại quanh mình. Cô đến dự vũ hội vì lúc nào ở đó cũng đầy niềm vui và rất hữu ích cho chuyên mục về cộng đồng ngoại giao ở Berlin của cô, nhưng năm nay cô đến với cõi lòng trĩu nặng nỗi phiền muộn sâu sắc. Cho dù hiện giờ cô đang tự làm mình vui, nhưng có những lúc tâm trí cô quay về với người bạn thân nhất, Wera von Huhn, cũng là một phóng viên chuyên mục nổi bật - một người mà ai ai cũng biết đến nhờ biệt danh "Poulette", tiếng Pháp nghĩa là "con chim mái non", trích từ họ của cô ấy, Huhn, tiếng Đức nghĩa là "con gà".

Mười ngày trước, Fromm và Poulette lái xe qua Grunewald, một khu bảo tồn rừng rộng 4450 héc ta, phía tây Berlin. Giống công viên Tiergarten, nơi này cũng trở thành thiên đường của các nhà ngoại giao và những ai muốn trốn tránh sự theo dõi của Quốc xã. Lái xe vào rừng mang lại cho Fromm vài giây phút thật sự bình yên. "Tiếng động cơ càng lớn bao nhiêu, tôi càng thấy dễ chịu bấy nhiêu," cô viết trong nhật kí.

Tuy nhiên, chuyến đi mới nhất này chẳng có gì vô tư hết. Cuộc trò chuyện của họ tập trung vào bộ luật mới ban hành tháng trước, cấm người Do Thái không được biên tập và viết bài cho báo chí Đức. Các thành viên hãng thông tấn trong nước theo quy định phải trình hồ sơ từ các ghi chép của giáo hội và dân sự chứng tỏ mình là "người Aryan thuần chủng". Những người Do Thái nhất định có thể giữ được việc làm, với điều kiện họ phải tham gia cuộc chiến trước kia, hoặc mất con trai trong chiến tranh hoặc là người viết bài cho báo chí Do Thái, nhưng chỉ một số ít đủ tiêu chuẩn hưởng những sự miễn trừ này. Bất kì phóng viên chưa đăng kí nào bị bắt quả tang đang viết bài, hoặc biên tập đều phải đối mặt với án một năm tù. Hạn chót là ngày 01 tháng 01 năm 1934.

Poulette rất đỗi phiền muộn khiến Fromm bối rối. Tất nhiên bản thân cô biết quy định này. Là người Do Thái, cô chấp nhận thực tế rằng mình sẽ mất việc vào năm mới. Nhưng còn Poulette? "Sao cậu lo lắng vậy?" Fromm hỏi.

"Tớ có lí do, Bella yêu dấu ạ. Tớ đã viết bài cho mấy tờ báo của tớ,

rồi chạy long tóc gáy để kiếm tờ báo có bài mình. Cuối cùng tớ phát hiện bà tớ là người Do Thái."

Với tin tức ấy, cuộc đời cô ấy đột ngột thay đổi không thể cứu vãn. Đến tháng Một, cô ấy gia nhập một giai cấp xã hội hoàn toàn mới, gồm hàng nghìn người choáng váng khi biết mình có họ hàng là người Do Thái, ở thời điểm nào đó trong quá khứ. Không cần biết họ tự xem bản thân mình hoàn toàn là người Đức đến thế nào, họ sẽ tự động bị tái phân loại không thuộc giống người Aryan thuần chủng và bị gắn chặt với những mảnh đời mới mẻ, nghèo nàn, sống bên lề của thế giới chỉ thuộc về người Aryan, do chính quyền của Hitler dựng lên.

"Chẳng ai biết chuyện này hết," Poulette nói với Fromm. "Giờ thì mình đang mất cần câu cơm."

Chính bản thân chuyện này đã đủ tệ, nhưng Dạ vũ lại còn vô tình trùng với tưởng niệm ngày mất của chồng Poulette. Trước sự ngạc nhiên của Fromm, Poulette quyết định không tham dự Dạ vũ Báo chí Nhỏ ,vì cô cảm thấy buồn đến mức không đi nổi.

Fromm ghét phải bỏ bạn một mình mà đi vũ hội, nhưng dù sao đi nữa, cô quyết định ngày hôm sau sẽ đến thăm Poulette và đưa cô ấy về nhà mình, vì Poulette rất thích chơi với lũ chó của Fromm.

Suốt cả buổi tối, vào những lúc không còn để tâm đến trò hề của những người ngồi xung quanh, Fromm thấy mình bị ám ảnh khi suy nghĩ về cảm giác chán nản thường thấy ở cô bạn.

Đối với Dodd, nhận xét của Papen được xem là một trong những lời ngu xuẩn nhất ông từng nghe, kể từ khi đến Berlin. Và ông đã được nghe nhiều lời như vậy. Một kiểu tư duy không thực tế đến kì lạ dường như làm kinh ngạc cả nước Đức, ngay cả các cấp cao nhất của Chính phủ. Chẳng hạn hồi đầu năm, Göring cực kì bình thản tuyên bố rằng ba trăm người Mỹ gốc Đức đã bị giết ngay trước Tòa nhà Độc lập tại Philadelphia, vào thời điểm bắt đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất. Trong một thông điệp của mình, Messersmith nhận xét rằng thậm chí cả những người Đức thông minh, đã đi nhiều biết nhiều cũng sẽ "ngồi xuống, từ tốn kể bạn nghe những câu chuyện thần tiên phi thường nhất."

Lúc này đây, ngài Phó Thủ tướng của đất nước tuyên bố mình chẳng hiểu tại sao Mỹ lại tham chiến chống Đức trong Thế Chiến.

Dodd nhìn Papen. "Tôi có thể cho ngài biết lí do," ông nói, giọng ông đều đều thậm chí còn hơn lúc nãy. "Vì sự ngu ngốc không thể

đỡ nổi của các nhà ngoại giao Đức đấy."

Trông Papen kinh ngạc. Vợ lão ta, theo lời Sigrid Schultz, trông thích thú đến lạ lùng. Khắp bàn ăn lại chìm trong câm lặng - không phải là sự dò xét như lúc trước, mà là sự trống trải tăng lên - cho đến khi mọi người bỗng cố gắng lấp đầy khoảng trống bằng những mẩu đối thoại khôi hài.

Ở một thế giới khác, một bối cảnh khác, đây hẳn sẽ là một chuyện nhỏ chẳng đáng để tâm, một màn đối thoại hài hước, sâu cay, sẵn sàng bị quên lãng. Tuy nhiên, vào giữa thời điểm Đức Quốc xã đang tiến hành đàn áp và Đồng bộ hóa, thì chuyện này còn quan trọng và có tính tượng trưng hơn nhiều. Sau buổi dạ hội, như đã thành thông lệ, một nhóm các vị khách quan trọng rút về căn hộ của Schultz, nơi mẹ cô đã chuẩn bị hàng chồng bánh sandwich. Ở đó, câu chuyện về màn đấu khẩu của Dodd được tường thuật lại với những điệu bộ mạnh mẽ, và hẳn nhiên là say mèm. Bản thân Dodd không có mặt, ông có thiên hướng rời khỏi các bữa tiệc càng sớm càng tốt theo nghi thức ngoại giao, thẳng tiến về nhà, khép lại đêm nay bằng một cốc sữa, một bát đào hầm và sự dễ chịu đến từ một cuốn sách hay.

Bất chấp những lúc lo âu trỗi dậy, Bella Fromm thấy buổi dạ hội rất vui. Thật vui làm sao khi chứng kiến cảnh đám quan chức Quốc xã hành xử sau khi nốc vài ly rượu và lắng nghe chúng ngắt lời nhau, ghé tai nhau những lời nhận xét, chỉ trích. Có lúc viên công tước mang kiếm, Koburg, vô tình bước khệnh khạng ngang qua Fromm, khi cô đang nói chuyện với Kurt Daluege, một quan chức cảnh sát được cô miêu tả là kẻ "tàn bạo và máu lạnh". Viên công tước có vẻ muốn chứng tỏ sự ngạo mạn, nhưng như Fromm để ý, ông ta tự biến mình thành trò cười do "vẻ ngoài lom khom, như thằng lùn". Daluege nói với Fromm, "Lão Koburg đó bước đi như thể đang đi cà kheo ấy," rồi nói thêm đầy đe dọa, "Có tin rò rỉ cho rằng bà của lão ta đã cắm sừng Đại Công tước, ngoại tình với một chủ nhà băng Do Thái."

Vào lúc mười giờ sáng hôm sau, Fromm gọi điện cho Poulette nhưng chỉ gặp được bà hầu gái già, bà ta nói, "Nam tước phu nhân để lại mẩu giấy trong bếp nói rằng không được quấy rầy bà."

Poulette không bao giờ ngủ muộn thế này. "Bất ngờ tôi đã hiểu ra," Fromm viết.

Poulette không phải là người Do Thái đầu tiên, hay là người bị phân loại không phải dân Aryan thuần chủng đầu tiên, cố gắng tự

sát khi Hitler trỗi dậy. Người ta đồn đại rằng các vụ tự sát trở nên phổ biến, và thực sự một nghiên cứu của Cộng đồng Người Do Thái ở Berlin phát hiện, từ năm 1932 đến năm 1934, đã có 70,2 vụ tự sát trên 100.000 dân Do Thái ở Berlin, tăng mạnh so với 50,4 vụ từ năm 1924 đến năm 1926.

Fromm lao vào gara của mình, phóng xe nhanh hết tốc lực đến nhà Poulette.

Ngoài cửa, người hầu bảo cô rằng Poulette vẫn đang ngủ. Fromm lao qua bà ta, tiếp tục đi vào trong đến khi tới được phòng ngủ của Poulette. Căn phòng tối om. Fromm mở hết rèm cửa. Cô phát hiện Poulette đang nằm trên giường, vẫn còn thở, nhưng khó khăn. Bên cạnh giường, trên chiếc bàn ngủ, là hai ống thuốc an thần Veronal đã trống rỗng.

Fromm cũng tìm thấy một mẩu giấy gửi cho mình. "Tớ không thể sống nổi nữa, vì tớ biết mình sẽ bị ép buộc phải bỏ việc. Cậu là người bạn thân nhất của tớ, Bella. Làm ơn hãy lấy hết các hồ sơ của tớ và sử dụng chúng. Cảm ơn cậu vì tất cả tình yêu cậu dành cho tớ. Tớ biết cậu là người quả cảm, cậu dũng cảm hơn tớ, và cậu phải sống vì cậu còn phải nuôi con. Tớ chắc chắn rằng cậu sẽ chiến đấu mạnh mẽ hơn tớ…"

Cả ngôi nhà như bừng tỉnh. Các bác sĩ đã đến, nhưng không làm gì được nữa.

Hôm sau, một quan chức văn phòng ngoại giao gọi cho Bella bày tỏ nỗi đau buồn và gửi một thông điệp quanh co. "Cô Bella," ông ta nói, "Tôi hết sức choáng váng. Tôi hiểu mất mát của cô khủng khiếp đến thế nào. Cô von Huhn đã chết vì viêm phổi."

"Vớ vẩn!" Fromm ngắt lời "Ai bảo ông thế? Cô ấy tự…"

"Cô Bella, làm ơn hãy hiểu, bạn chúng ta bị viêm phổi. Những lời giải thích thêm nữa có thể gây rắc rối. Cũng vì cả lợi ích của cô nữa."

Hầu hết các vị khách đều thấy buổi dạ hội là sự sao lãng đáng yêu. "Tất cả mọi người đã có khoảng thời gian vui vẻ," Louis Loch- ner đã viết trong lá thư gửi con gái đang du học Mỹ. Đại sứ Dodd, đúng như dự đoán, đã có một đánh giá khác, "Bữa tối chán ngắt, cho dù nếu vào hoàn cảnh khác, đám khách khứa có mặt hẳn sẽ cung cấp những thông tin giá trị nhất."

Nhưng có một kết quả không ai ngờ tới. Giữa Dodd và Papen, thay

vì tồn tại mối bất hòa cay đắng, sự hợp tác, liên kết nồng ấm và lâu dài lại ngày càng phát triển. "Từ hôm đó trở đi," Sigrid Schultz nhận xét, "Đích thân Papen nuôi dưỡng tình bạn với Đại sứ Dodd hết sức ân cần." Hành vi của Papen với Schultz cũng được cải thiện. Cô viết, dường như lão ta đã quyết định rằng "tốt hơn hết nên bày tỏ thái độ dễ chịu đối với tôi". Cô phát hiện lão ta đúng kiểu một người Đức điển hình. "Hễ khi nào gặp phải ai đó thách thức sự ngạo mạn của mình, họ sẽ đều xuống nước và hành xử đàng hoàng," cô viết. "Họ tôn trọng cá tính của những người họ gặp gỡ, và nếu thêm nhiều người bày tỏ sự cứng rắn, đối với những kẻ sai vặt của Hitler như Papen và đồng bọn của lão ta trong từng cuộc chuyện phiếm mỗi ngày, hay trong những vấn đề lớn của đất nước, sự phát triển của Quốc xã có lẽ đã chậm lại."

Lời đồn đại về nguyên nhân thực sự cái chết của Poulette lan rộng. Sau đám tang, Fromm cùng về nhà với một người bạn tốt mà cô coi như người mẹ thứ hai - "Mammi" von Carnap, vợ một cựu thị thần của hoàng đế Đức và từ lâu là một nguồn cấp tin tuyệt vời cho chuyên mục của Fromm. Cho dù trung thành với nước Đức xưa, gia đình Carnap lại đồng cảm với Hitler và chiến dịch khôi phục sức mạnh quốc gia của hắn.

Mammi dường như có chuyện muốn nói. Một lúc sau, bà ta lên tiếng, "Bellachen, tất cả chúng tôi đều sốc vì các quy định mới chắc đã gây ra chuyện này!"

Fromm giật mình. "Nhưng Mammi," Fromm nói, "bà không nhận ra sao? Đây mới chỉ là bắt đầu. Thứ này rồi sẽ trở mặt chống lại tất cả những ai đã giúp tạo ra nó."

Mammi không để tâm đến lời nhận xét. "Bà von Neurath khu- yên cô nên nhanh chóng làm lễ rửa tội," bà ta nói. "Văn phòng ngoại giao đang rất muốn tránh một vụ Poulette thứ hai."

Người đàn bà này khiến Fromm kinh ngạc - bà ta quá thờ ơ trước những thực tế mới tại Đức, đến nỗi thản nhiên cho rằng chỉ cần làm lễ rửa tội là có thể hô biến ai đó thành người Aryan thuần chủng.

"Bà già ngu ngốc tội nghiệp!" Fromm viết trong nhật kí.

Chương 27
ÔI, CÂY THÔNG NOEL

Giáng sinh đã cận kề. Mặt trời mùa đông, dù ở thời điểm rực rỡ nhất, cũng chỉ rọi sáng được một phần bầu trời phía nam, hắt những bóng chiều vào lúc giữa ngày. Những cơn gió lạnh lẽo thổi từ bên kia các bình nguyên. "Berlin là một bộ xương khô tê tái vì lạnh," Christopher Isherwood viết, mô tả những mùa đông ông đã trải qua trong thời gian làm việc tại Berlin những năm 1930. "Bộ xương của chính tôi đang đau nhức. Tôi cảm thấy trong xương cốt mình, cơn đau buốt của sương giá trong các thanh rầm đường sắt trên đầu, trong các ban công bằng sắt, trong các cây cầu, các tuyến xe điện, các cột đèn và nhà vệ sinh. Đồ sắt run rẩy và co ngót, đá và những viên gạch nhức nhối, xám xịt, lớp thạch cao tê liệt."

Khung cảnh ảm đạm bằng cách nào đó bị xua tan nhờ ánh sáng nhấp nháy trên các con phố ẩm ướt - những ngọn đèn đường, biển hiệu cửa hàng, đèn pha, không gian ấm áp trong vô số xe ô tô - và nhờ thông lệ đón Giáng sinh khắp thành phố. Các ngọn nến xuất hiện trên từng ô cửa sổ, những cái cây to được thắp sáng bằng đèn điện làm lung linh thêm các quảng trường, công viên và những góc phố thương mại sầm uất. Tất cả phản ánh cảm xúc nồng nàn dành cho một mùa, mà ngay cả Sư đoàn Bão tố cũng không thể ra tay đàn áp, thực ra thường vì lợi ích tài chính của chúng. Lính SA bao thầu kinh doanh cây thông Noel. Chúng bán tại các bãi ghép tàu, bề ngoài vì lợi ích của Winterhilfe - tức là Winter Help - quỹ từ thiện của SA dành cho người nghèo và người thất nghiệp. Nhưng nhiều người Berlin hoài nghi rằng quỹ này được dùng hết cho các buổi tiệc và bữa ăn sang trọng của Sư đoàn Bão tố - vốn đã trở thành huyền thoại vì sự xa hoa, trác táng và lượng sâm banh chúng tiêu thụ. Các lính SA gõ cửa từng nhà, mang theo các hộp đựng tiền quyên góp màu đỏ. Ai quyên góp thì được gắn các phù hiệu nhỏ lên quần áo chứng tỏ hoàn thành nghĩa vụ, họ phải

mang những phù hiệu ấy, hòng gây sức ép gián tiếp lên những linh hồn dũng cảm, hoặc liều lĩnh nào còn chưa móc hầu bao.

Một người Mỹ khác lâm vào thế đối đầu với Chính phủ, do bị "những người có thù oán với anh ta" vu khống, căn cứ theo một báo cáo của Lãnh sự quán. Đây chính là sự việc mà nhiều thập niên sau sẽ trở thành mô típ lặp đi lặp lại, trong các phim về kỉ nguyên Quốc xã.

Vào khoảng bốn rưỡi sáng thứ Ba, ngày 12 tháng 12 năm 1933, một công dân Mỹ tên là Erwin Wollstein đứng trên một sân ga tại Breslau, đợi chuyến tàu đến Oppels ở Upper Silenia, nơi anh ta dự định sẽ làm kinh doanh. Anh ta lên đường sớm vì hi vọng sẽ quay về được cùng ngày hôm đó. Tại Breslau, anh ta ở chung với cha mình, là một công dân Đức.

Hai người đàn ông mặc âu phục đến gần gọi tên anh ta. Họ tự xưng là các sĩ quan Gestapo, đề nghị anh ta đi cùng họ đến đồn cảnh sát ở nhà ga.

"Tôi được lệnh cởi hết áo choàng, áo jacket, giày, ghệt, nới cổ áo và cà vạt," Wollstein viết trong bản tuyên thệ. Sau đó, các mật vụ khám người và đồ tùy thân của anh ta. Việc này mất gần nửa tiếng.

Họ tìm thấy hộ chiếu của anh ta, thẩm vấn về tư cách công dân của anh ta. Anh ta khẳng định rằng mình là một công dân Mỹ, và đề nghị họ thông báo cho Lãnh sự quán Mỹ tại Breslau về vụ bắt giữ mình.

Tiếp theo, các mật vụ chở anh ta đến Đồn Cảnh sát Trung ương Breslau, nơi họ nhốt anh ta vào xà lim. Anh ta được ăn một "bữa sáng đạm bạc" và bị nhốt chín giờ đồng hồ sau đó. Trong lúc ấy, cha anh ta bị bắt giữ và căn hộ của họ bị lục soát. Gestapo tịch thu thư từ cá nhân và thư thương mại, cùng các tài liệu khác của hai cha con, bao gồm hai hộ chiếu Mỹ đã hết hạn và bị hủy bỏ.

Vào lúc năm giờ mười lăm phút chiều, hai mật vụ Gestapo đưa Wollstein lên gác, và cuối cùng cũng đọc cho anh ta nghe những lời buộc tội chống lại mình, có trích dẫn những lời tố cáo của ba người mà Wollstein quen biết: bà chủ nhà của anh ta, một người phụ nữ khác và một người ở nam giới dọn dẹp căn hộ. Bà chủ nhà tên là Bleicher, buộc tội rằng hai tháng trước anh ta đã nói, "Tất cả bọn Đức là lũ chó." Tay người ở, Richard Kuhne, buộc tội Wollstein đã tuyên bố rằng nếu một cuộc chiến nữa có diễn ra, anh ta sẽ

tham gia chiến đấu chống Đức. Người thứ ba, bà Strauz, buộc tội Wollstein đã cho chồng bà ta "mượn một cuốn sách cộng sản". Ngẫu nhiên làm sao, cuốn sách mang tên là Dầu mỏ! của Upton Sinclair[86].

[86] Upton Sinclair Jr. (1878 - 1968): nhà văn nổi tiếng người Mỹ, từng đoạt giải Pulitzer năm 1943.

Wollstein bị giam cả đêm trong tù. Sáng hôm sau, anh ta được phép đối chất trực tiếp với những kẻ tố cáo mình. Anh ta buộc tội họ nói dối. Lúc này, không còn nấp sau bức màn nặc danh nữa, những nhân chứng liền nao núng. "Bản thân chúng lại có vẻ bối rối, không dám tự tin vào lí lẽ của mình," Wollstein thuật lại trong bản tuyên thệ.

Vào lúc này, Lãnh sự quán Mỹ tại Breslau báo cáo vụ bắt giữ về Đại sứ quán ở Berlin. Đến lượt mình, Phó Lãnh sự Raymond Geist khiếu nại với trùm Gestapo Ruldolf Diels và đề nghị một báo cáo đầy đủ về vụ bắt giữ Wollstein. Tối hôm đó, Diels gọi điện thoại, trả lời Geist rằng mình sẽ ra lệnh thả Wollstein.

Quay lại Breslau, hai tên Gestapo ra lệnh cho Wollstein kí vào bản tường trình, cam đoan rằng mình không bao giờ "là kẻ thù của Nhà nước Đức". Văn bàn này có bao gồm một đề nghị cao thượng: rằng nếu bao giờ anh ta cảm thấy sự an toàn của mình bị đe dọa, anh ta có thể báo cáo và được chăm sóc dưới dạng "giam giữ bảo hộ".

Và anh ta được thả.

Martha tự lĩnh nhiệm vụ cắt tỉa cây thông gia đình, một cây linh sam to đùng nằm trong phòng khiêu vũ trên tầng hai. Cô kêu gọi Boris, Bill, quản gia Fritz, người lái xe của gia đình và nhiều người bạn đi ngang qua giúp đỡ. Cô quyết tâm trang trí cây chỉ toàn màu trắng và bạc, nên cô mua các quả chuông bạc, kim tuyến bạc, một ngôi sao bạc cỡ lớn và các ngọn nến bạc. Cô tránh dùng đèn điện vì nó không được truyền thống cho lắm và chắc chắn là dễ gây chết người hơn. "Vào thời đó," cô viết, " dùng đèn điện cho cây thông đúng là ý nghĩ khác người". Cô cùng mọi người đặt mấy cái xô nước gần đó.

Cô viết, cha cô "phát chán với mấy trò ngu ngốc này" và tránh xa khỏi kế hoạch, mẹ cô cũng vậy, bà còn bận rộn với vô số những việc khác, chuẩn bị cho ngày lễ. Bill có lúc tỏ ra hữu ích, nhưng anh ấy cứ chực lẩn đi tìm kiếm những thú vui hấp dẫn hơn. Kế

hoạch mất hai ngày và hai tối mới hoàn thành.

Martha vui sướng khi Boris sẵn sàng giúp, xét đến chuyện anh tuyên bố không tin vào sự tồn tại của Chúa. Cô mỉm cười khi nhìn anh đang vắt vẻo trên thang tận tình giúp đỡ, trang trí một biểu tượng của ngày đức tin Giáng sinh thiêng liêng bậc nhất.

"Người tình vô thần của em," cô nhớ mình đã nói với anh, "tại sao anh lại giúp em trang trí cây thông Noel, kỉ niệm ngày sinh của Chúa?"

Anh bật cười. "Không phải là vì Giáng sinh hay vì Chúa, em yêu," anh nói, "mà chỉ vì những kẻ ngoại giáo như anh và em. Vả lại trông nó rất đẹp. Thế em thích gì?" Anh ngồi trên đầu thang. "Em có muốn để mấy nhành phong lan trắng lên ngọn cây không? Hay em thích một ngôi sao đỏ lộng lẫy hơn?"

Cô khăng khăng chỉ dùng màu trắng.

Anh phản đối. "Nhưng màu đỏ đẹp hơn trắng nhiều chứ, em yêu."

Mặc dù có cây thông Noel, Boris, cùng toàn bộ niềm vui trong mùa Giáng sinh ấy, Martha vẫn cảm thấy cuộc đời mình tại Berlin thiếu một yếu tố cơ bản. Cô nhớ bạn bè - Sandburg, Wilder cùng các đồng nghiệp báo Tribune - và ngôi nhà thoải mái của cô tại Hyde Park. Giờ này, bạn bè và hàng xóm của cô chắc đang quây quần bên những bàn tiệc ấm cúng, tham dự những lễ hát mừng Giáng sinh và thưởng thức rượu vang nóng.

Thứ Năm, ngày 14 tháng 12, cô viết một bức thư dài gửi Wilder. Cô cảm thấy liên lạc với anh đang thưa dần. Nhờ có anh truyền cho cô sự tự tin, mà cô tin rằng mình cũng có biệt tài văn chương. Nhưng sau khi gửi cho anh một truyện ngắn của mình, cô không nhận được hồi âm. "Phải chăng anh thậm chí chẳng buồn quan tâm em về mặt văn chương nữa (dẫu chỉ còn một chút nào đó). Và chuyến đi của anh sang Đức. Phải chăng đó là lời từ chối dứt khoát. Lạ thật, chắc chắn anh đã thoát khỏi em, và lúc này em lại quay về với ngôn ngữ bỗ bã của Berlin!"

Cô ít viết về những chủ đề khác, dù cô cảm thấy có chút hài lòng khi nói chuyện và viết về sách, nhờ tình bạn mới của cô với Arvid và Mildred Harnack. Cô nói với Wilder, cùng nhau "bọn em đã rút ra kết luận: bọn em là những người duy nhất ở Berlin quan tâm nghiêm túc chuyện muốn trở thành nhà văn". Mildred và cô đã bắt đầu chuyên mục sách của họ. "Cô ấy cao ráo và xinh đẹp, với mái tóc đẫm màu mật ong - có xen lẫn mấy chỗ nhạt màu... Rất tội

nghiệp, chân thành, tốt bụng, không được ưu ái cho lắm, mặc dù nhà cô ấy là danh gia thế tộc. Một ốc đảo thực sự làm em phát điên vì khát."

Cô nói bóng gió cha cô cảm thấy đang có một âm mưu chống lại ông từ trong Bộ Ngoại giao. "Các mê cung căm ghét và âm mưu ngầm trong Đại sứ quán đến nay vẫn chưa khiến cha em mắc bẫy," cô viết.

Những thù hận mang tính cá nhân hơn cũng khiến cô xúc động. Tại Mỹ, cuộc hôn nhân bí mật của cô với Basett và nỗ lực li hôn cũng bí mật không kém đã bị công khai. "Ghê tởm làm sao những gì các kẻ thù của em thêu dệt về em tại Chicago," cô kể cho Wilder. Đặc biệt có một người phụ nữ, mà Martha hay gọi là Fanny, đã bắt đầu lan truyền những tin đồn khó chịu, Martha cho rằng vì bà ta ghen tị khi thấy cô xuất bản được truyện ngắn. "Bà ta khăng khăng cho rằng em và anh đang yêu nhau, chuyện này em có nghe hai người kể lại. Hôm kia, em viết cho bà ta, chỉ rõ sự nguy hiểm của lời vu cáo vô căn cứ, báo trước đống hỗn độn bà ta có thể mắc vào". Cô nói thêm, "Em cảm thấy tiếc cho bà ta, nhưng không làm thay đổi được thực tế rằng bà ta đúng là con mụ thối mồm bẩn thỉu."

Cô cố gắng kể tóm tắt cho Wilder nghe về mùa đông bên ngoài ô cửa nhà mình, thế giới mới mẻ cô thấy mình trong đó. "Tuyết ở đây mềm mại và nằm rất sâu - ban ngày Berlin chìm trong làn khói màu đồng và tắm dưới ánh trăng đẹp như dát vàng về đêm. Sỏi kêu lạo xạo dưới cửa sổ phòng em khi đêm xuống - Diels gầy còm hốc hác, với đôi môi đáng yêu và gương mặt xảo quyệt của lực lượng Cảnh sát Mật vụ Phổ chắc đang theo dõi. Viên sỏi văng ra từ dưới đôi giày mềm mại của hắn, như cảnh cáo em. Hắn mang những vết sẹo hằn sâu đầy kiêu hãnh, như khi em nhảy lên đón lấy vòng hoa cưới."

Cô bày tỏ nỗi u buồn sâu sắc tràn ngập lòng mình. "Mùi hương của sự thanh bình ấy đã xa rồi, không khí thì giá buốt, những bầu trời trong xanh như sắp vỡ tan, những chiếc lá cuối cùng cũng rụng. Em mặc chiếc áo khoác mùa đông với lớp da như lông cừu và lụa có vân sáng. Những ngón tay em chìm sâu trong mấy lớp găng ấm áp. Em có chiếc áo jacket gắn kim tuyến bạc và những vòng tay nặng chịch bằng san hô. Em đeo trên cổ một dây chuyền như sợi chỉ ba lớp bằng đá lưu ly và ngọc trai. Vẻ dịu dàng và an yên trên gương mặt em như ánh trăng dát vàng. Và trong suốt cuộc đời mình, em chưa bao giờ thấy cô đơn đến thế."

Cho dù lời ám chỉ của Martha về "những mê cung thù ghét" có đôi chút phóng đại, Dodd đã thực sự bắt đầu cảm nhận thấy một chiến dịch đang hình thành chống lại ông trong Bộ Ngoại giao, rằng những kẻ tham gia đều giàu có và bảo thủ. Ông cũng nghi ngờ chúng nhận được sự hỗ trợ của một hoặc nhiều kẻ trong đội ngũ nhân viên của ông, cung cấp thông tin tình báo về ông và hoạt động của Đại sứ quán. Dodd ngày càng nghi ngờ và đề phòng, đến nỗi bắt đầu viết những lá thư nhạy cảm bằng chữ viết tay thường, vì ông không tin tưởng các nhân viên tốc kí của Đại sứ quán sẽ bảo mật nội dung thư.

Ông có lí do để lo lắng. Messersmith tiếp tục thư từ với Thứ trưởng Ngoại giao Phillips. Sau lưng ông, Raymond Geist, quan chức thứ hai của Messersmith (thêm một người nữa đến từ Harvard) cũng không ngừng theo dõi các hoạt động của Dodd và Đại sứ quán. Trong thời gian dừng lại ở Washington, Geist đã có cuộc nói chuyện dài và bí mật với Wilbur Carr, Trưởng phòng Dịch vụ Lãnh sự quán. Trong thời gian đó, Geist cung cấp một phạm vi rộng thông tin tình báo, bao gồm thông tin chi tiết về các bữa tiệc sôi động, phóng túng do Martha và Bill tổ chức, đôi khi kéo dài đến tận năm giờ sáng hôm sau. "Có lần họ đã vui vẻ quá trớn," Geist nói với Carr, rằng Lãnh sự quán đã nhận được một khiếu nại bằng văn bản. Điều này khiến Geist phải gọi Bill vào văn phòng mình và cảnh cáo cậu ta, "Nếu chuyện này còn tái diễn, sẽ phải có báo cáo chính thức ngay lập tức." Geist cũng chỉ trích năng lực của Đại sứ Dodd, "Ngài Đại sứ có tính cách hiền lành và không gây ấn tượng sâu sắc, trong khi người có thể đối phó thành công với chính quyền Quốc xã phải là người thông minh, mạnh mẽ, sẵn sàng giữ thái độ độc tài đối với chính quyền và khăng khăng đòi hỏi các yêu cầu của mình phải được đáp ứng. Ngài Dodd không có khả năng làm được chuyện này."

Chuyện cử người khác đến Berlin, John C. White, thay thế George Gordon làm Cố vấn Đại sứ quán chỉ khiến Dodd thêm lo ngại. Không chỉ là người giàu có và hay có thiên hướng tổ chức các bữa tiệc xa hoa, White còn là chồng của em gái Trưởng phòng Phụ trách Các Vấn đề Tây Âu Jay Pierrepont Moffat. Hai anh em tiếp tục trao đổi thư từ thân mật, gọi nhau là "Jack" và "Pierrepont". Dodd hẳn sẽ không thấy dòng mở đầu của một trong các lá thư của White từ Berlin lại bình thản đến khủng khiếp như vậy, "Có vẻ như còn một máy đánh chữ không ai dùng ở đây, vậy là tôi có thể viết thư cho ngài mà không ai chứng kiến." Trong thư hồi âm, Moffat đã gọi Dodd là "một kẻ lạ lùng mà tôi thấy gần như không thể lí giải nổi."

Như muốn khiến Dodd cảm thấy ngày càng tù túng hơn, thêm một quan chức mới Orme Wilson, người đến gần như cùng lúc, giữ chức bí thư của Đại sứ quán, lại là cháu trai của Thứ trưởng Phillips.

Khi tờ Chicago Tribune đăng bài viết về đề nghị nghỉ phép vào năm sau của Dodd, cùng với phỏng đoán rằng ông có thể từ chức, Dodd phàn nàn với Phillips rằng ai đó trong Bộ Ngoại giao có thể đã làm lộ đề nghị của ông, với dụng ý xấu. Dodd đặc biệt cảm thấy cay đắng trước một nhận xét trong bài viết của một nhà phát ngôn vô danh ở Bộ Ngoại giao. Bài viết nêu rõ, "Nghỉ hưu lâu dài khỏi chức vụ Đại sứ tại Đức vốn không nằm trong dự tính của Đại sứ Dodd, mà điều đó lại được khẳng định ở đây." Với logic công khai vô lí, lời phủ nhận thực sự làm dấy lên câu hỏi về số phận của Dodd - phải chăng ông về hưu hay bị buộc phải từ chức? Không có suy đoán này thì tình hình tại Berlin đã đủ khó khăn rồi, Dodd nói với Phillips, "Tôi tin rằng von Neurath và các đồng nghiệp của ông ấy sẽ cực kì khó chịu, nếu báo cáo này được gửi đến cho họ."

Với giọng điệu tự mãn đã trở nên quen thuộc, Phillips trả lời, "Tôi không thể tưởng tượng có kẻ cung cấp cho tờ Tribune thông tin rằng có thể ngài nghỉ phép mùa xuân sang năm," ông ta viết, "Chắc chắn chẳng có ai hỏi han tôi như thế... Một trong những niềm sung sướng của giới báo chí đó là bắt đầu bàn tán về những vụ từ chức. Đôi khi, tất cả chúng ta đều phải đương đầu với nỗi ám ảnh đó và không xem nó là nghiêm trọng."

Kết thư, Phillips lưu ý rằng Messersmith, người lúc ấy đang về Washington nghỉ phép, đã đến thăm Bộ Ngoại giao. "Messermsith đã ở bên chúng tôi vài ngày, và chúng tôi đã có những cuộc nói chuyện thú vị về nhiều giai đoạn của tình hình nước Đức."

Dodd hẳn đã đúng khi đọc những dòng cuối với nỗi lo âu. Vào một trong những lần ghé thăm văn phòng của Phillips, Messersmith đã bày tỏ một thái độ mà Phillips mô tả trong nhật kí là "cái nhìn thấu suốt vào những điều kiện trong Đại sứ quán ở Berlin". Cả ở đây, vấn đề Martha và Bill cũng bị xới lên. Phillips viết, "Rõ ràng, hai đứa con của ngài Đại sứ chẳng hề hỗ trợ Đại sứ quán, vì quá mê mải tổ chức các hộp đêm với giới báo chí và những tên người Đức đặc biệt đáng ngờ."

Messersmith cũng gặp gỡ vợ chồng Moffat. Ba người đã dành cả buổi chiều nói chuyện về nước Đức. "Chúng tôi đã bàn bạc từ mọi góc độ," Moffat viết trong nhật kí. Ngày hôm sau, ông ta cùng Messersmith ăn trưa, và vài tuần sau họ lại gặp nhau. Theo nhật

kí của Moffat, trong một lần trò chuyện, Messersmith phàn nàn "rất lo lắng với những lá thư Dodd gửi đến nêu rõ ông ta đang chống lại nhân viên của mình".

Cố vấn mới bỏ đi của Dodd, George Gordon, tình cờ đang có kì nghỉ dài ở Mỹ, cùng thời điểm với Messersmith. Cho dù quan hệ của Gordon với Dodd từ đầu đã không tốt đẹp gì, vào lúc này, Dodd miễn cưỡng phải xem Gordon như một tài sản quý giá. Gordon viết thư cho Dodd, "Người bạn chung của chúng ta G.S.M" - tức là Messersmith - "đang chỉ đạo một chiến dịch tích cực nhất, ủng hộ ông ta ứng cử vào vị trí Công sứ Prague[87]." (Messersmith từ lâu đã hi vọng rời khỏi Bộ Ngoại giao, và giờ đây ông ta muốn trở thành nhà ngoại giao tâm huyết, với việc Đại sứ quán Prague đang thiếu người, ông ta nhìn thấy cơ hội của mình.) Gordon lưu ý một tràng những lá thư và bài viết trên báo chứng nhận "chân giá trị" của Messersmith, đang bắt đầu tràn vào Bộ Ngoại giao. "Tất cả đều nghe như một câu chuyện quen thuộc," Gordon viết, "khi tôi biết ông ta đã nói với một trong các quan chức cao cấp, rằng ông ta thực sự hơi xấu hổ trước những lời tán dương của báo chí dành cho mình, vì ông ta không thích thế!!!" Gordon nói thêm bằng chữ viết thường, "O sancta virginitas simplicitasque," tiếng Latin nghĩa là "Đúng kiểu e thẹn giả nhân giả nghĩa."

[87] Prague: thủ đô của Cộng hòa Séc, thời đó là Cộng hòa Tiệp Khắc.

Ngày 22 tháng 12, thứ Sáu, Louis Lochner đến thăm Dodd, mang theo một tin tức đáng lo ngại. Bản thân chuyến thăm này không phải bất thường, vì vào lúc này, Dodd và trưởng hãng thông tấn AP đã là bạn của nhau, thường xuyên gặp gỡ, thảo luận về các sự kiện và trao đổi thông tin. Lochner cho Dodd biết rằng một quan chức cao cấp trong hệ thống của Quốc xã đã báo tin cho ông ta, sáng hôm sau, phiên tòa xử vụ cháy Nhà Quốc hội sẽ tuyên án, rằng tất cả mọi người trừ Marinus van der Lubbe sẽ trắng án. Bản thân tin tức này sẽ gây sốc, tạo thành cú đấm mạnh vào uy tín của chính quyền Hitler và đặc biệt là vào danh tiếng của Göring. Đây chính xác là "thất bại" mà Göring đã lo sợ. Nhưng người đưa tin của Loch-ner cũng biết rằng Göring, vẫn chưa nguôi giận trước hành động láo xược của Dimitrov, khi hai bên đối đầu trong phòng xử, giờ lão muốn Dimitrov phải chết. Cái chết của anh ta sẽ diễn ra, ngay sau khi phiên xử kết thúc. Lochner từ chối xác nhận nguồn tin, nhưng bảo Dodd rằng bằng cách truyền đạt thông tin này, ông ta hi vọng giúp cho danh tiếng trên trường quốc tế của Đức vốn đã thấp, không bị thiệt hại thêm. Dodd nghĩ rằng người đưa tin là Rudolf Diels.

Lochner đã có kế hoạch chặn trước vụ ám sát bằng cách công khai nó, nhưng trước hết ông ta muốn bàn ý kiến này với Dodd, trong trường hợp Dodd cảm thấy những ảnh hưởng ngoại giao là quá lớn. Dodd phê chuẩn nhưng sau đó ông hỏi ý kiến Hiệp sĩ Eric Phipps, Đại sứ Anh, người cũng đồng ý rằng Lochner nên ra tay trước.

Lochner cân nhắc một cách chính xác nên thực thi kế hoạch thế nào. Lạ làm sao ý tưởng công khai đe dọa ám sát ban đầu lại nảy ra với ông ta nhờ tùy viên báo chí của chính Göring, Martin Sommerfieldt, người cũng biết về vụ giết người sắp tới. Có người cho biết, nguồn tin của anh ta là Putzi Hanfstaengl, cho dù hoàn toàn có khả năng rằng Hanfstaengl biết chuyện này từ Diels. Sommerfieldt nói với Lochner rằng, theo kinh nghiệm của anh ta thì "chẳng có cách nào khuyên răn được ông tướng ấy. Khi báo chí nước ngoài tuyên bố một điều về lão ta, thì lập tức lão đều ngang bướng làm ngược lại." Sommerfeildt đề xuất với Lochner câu chuyện này bắt nguồn từ "nguồn tin không thể nghi ngờ!" và nhấn mạnh rằng, vụ án mạng "không chỉ gây hậu quả ở tầm quốc tế". Tuy nhiên, Lochner phải đối mặt với tình huống tiến thoái lưỡng nan. Nếu ông ta đăng tải một báo cáo qua hãng thông tấn AP một cách kích động, ông ta có thể mạo hiểm chọc giận Göring đến mức lão có thể đóng cửa chi nhánh AP tại Berlin. Lochner lí luận, để câu chuyện này bùng nổ trên báo chí Anh còn tốt hơn nhiều. Ông ta, Sommerfeildt và Hanfstaengl cùng chỉnh sửa kế hoạch.

Lochner biết một phóng viên rất trẻ trung vừa tham gia chi nhánh Reuters tại Berlin. Ông ta mời cậu ta đi uống cà phê tại khách sạn Adlon, nơi Hanfstaengl và Sommerfeildt cùng đến không lâu sau đó. Tay phóng viên tin tức trẻ chộp ngay lấy cơ hội vàng, trước sự tập hợp rõ ràng của các quan chức cấp cao.

Một lúc sau, Lochner đề cập với Sommerfeildt tiếng đồn về lời đe dọa đối với Dimitrov. Theo đúng kế hoạch, Sommerfeildt giả vờ ngạc nhiên - chắc chắn Lochner tính sai rồi, vì Göring là người trọng danh dự và nước Đức là một xứ sở văn minh.

Tay phóng viên Reuters biết đây là chuyện lớn, nên xin phép Sommerfeldt cho cậu ta trích dẫn lời phủ nhận của ông ta. Với vẻ rất là miễn cưỡng, Sommerfeildt đồng ý.

Tay phóng viên ba chân bốn cẳng lao đi chuẩn bị câu chuyện. Cuối buổi chiều hôm đó, bài viết được đăng trên các tờ báo tại Anh. Lochner báo cho Dodd. Ông ta cũng cho Dodd xem bức điện tín

Goebbels gửi hãng thông tấn nước ngoài, trong bức điện tín, với vai trò là người phát ngôn của Chính phủ, Goebbels phủ nhận sự tồn tại của bất kì âm mưu ám sát nào đối với Dimitrov. Göring đưa ra lời phủ nhận của lão, phản đối lí lẽ buộc tội, cho là "lời đồn vô căn cứ".

Ngày 23 tháng 12, đúng như Lochner dự đoán, chủ tọa của phiên xử Nhà Quốc hội đọc phán quyết của tòa, tuyên trắng án cho Dimitrov, Torgler, Popov và Tanev, nhưng cho rằng Marinus van der Lubbe phạm tội "phản quốc, cố tình phóng hỏa làm loạn và cố ý phóng hỏa nói chung". Tòa tuyên anh ta án tử hình - bất chấp hàng đống lời làm chứng ngược lại - trong khi vẫn tuyên bố "phải tìm ra những kẻ đồng lõa với van der Lubbe trong hàng ngũ Đảng Cộng sản. Do đó, tòa kết luận chủ nghĩa Cộng sản có tội trong vụ hỏa hoạn Nhà Quốc hội, rằng người dân Đức bước sang năm 1933, trên bờ vực hỗn loạn mà chủ nghĩa Cộng sản cố gắng dẫn họ lao vào, và rằng người Đức đã được cứu vào phút chót."

Tuy nhiên, số phận cuối cùng của Dimitrov vẫn chưa rõ ràng. Cuối cùng ngày giáng sinh cũng đến. Hitler đang ở Munich.

Göring, Neurath cũng như nhiều quan chức cao cấp khác đều rời Berlin. Thành phố chìm trong tĩnh lặng, thực sự thanh bình. Những chiếc xe điện trông như đồ chơi dưới bóng cây.

Vào buổi trưa, cả gia đình Dodd ra ngoài trong chiếc Chevrolet, có chuyến thăm viếng đầy ngạc nhiên đến nhà Lochner. Louis Lochner viết trong lá thư luân chuyển gửi con gái du học ở Mỹ, "Cha mẹ đang ngồi bên nhau uống cà phê, thì bất thình lình cả gia đình Dodd - Ngài Đại sứ, phu nhân Dodd, Martha và cậu Dodd trẻ trung - đã cầm chân cha mẹ chỉ để chúc cha mẹ Giáng sinh vui vẻ. Họ thật là quá tử tế đúng không? Càng làm việc với ngài Dodd cha càng thích ngài ấy, một người có phông văn hóa sâu sắc, và là một trong những người được trời phú cho trí tuệ sắc sảo nhất cha từng tiếp xúc." Lochner mô tả phu nhân Dodd là "người ngọt ngào, nữ tính... cũng như chồng, bà chỉ ưa thích đến thăm gia đình bạn bè hơn là tham gia mấy cái nghi lễ ngoại giao vớ vẩn. Gia đình Dodd không giả vờ tỏ ra là những người nổi tiếng, cha ngưỡng mộ họ vì điều đó."

Dodd dành vài phút chiêm ngưỡng cây thông Noel và nhiều đồ trang trí khác trong nhà Lochner, rồi ông kéo Lochner sang một bên, hỏi thăm tin tức mới nhất về Dimitrov.

Lochner nói, Dimitrov đến lúc này có vẻ đã thoát khỏi hiểm nguy.

Ông ta cho biết nguồn tin rất đáng tin cậy của mình đã cảm ơn ông ta vì giải quyết vấn đề thật khéo léo, mặc dù Dodd vẫn không biết danh tính nguồn tin.

Tuy nhiên, Dodd lo sợ những hậu quả xa hơn. Ông một mực tin rằng Diels chính là kẻ tiết lộ âm mưu. Hắn ta vẫn tiếp tục làm Dodd ngạc nhiên. Ông biết Diels nổi tiếng là kẻ hoài nghi và cơ hội vào hạng nhất, nhưng thi thoảng ông thấy hắn ta là một người liêm chính và đáng được tôn trọng. Thực chất, mới đầu tháng, chính Diels đã thuyết phục Göring và Hitler ra sắc lệnh ân xá dịp Giáng sinh, đối với các tù nhân trong trại tập trung, những người không phải là các tội phạm sừng sỏ, hoặc gây nguy hiểm đối với an ninh nhà nước. Chưa rõ động cơ thực sự của Diels là gì, nhưng ông cho rằng lần đó, khi ông đi từ trại này sang trại khác lựa chọn tù nhân để ân xá, chính là những giây phút tuyệt vời nhất trong sự nghiệp của ông.

Dodd lo sợ Diels có thể đã đi quá xa. Ở mục Ngày Giáng sinh trong nhật kí, Dodd viết, "Trùm Mật vụ đã làm một việc nguy hiểm nhất, và sau này tôi sẽ không ngạc nhiên khi nghe nói hắn ta bị tống giam."

Trong chuyến đi quanh thành phố ngày hôm đó, Dodd choáng váng lần nữa trước thú vui trang hoàng Giáng sinh "rất khác thường" của người dân Đức. Đâu đâu, ông cũng thấy cây thông Noel, tại từng quảng trường công cộng và trên từng cửa sổ.

Ông viết, "Người ta có thể nghĩ rằng, người Đức tin vào Chúa Jesus và đang thực hiện những lời răn của Người!"

NĂM 1934

Phần V
BẤT AN

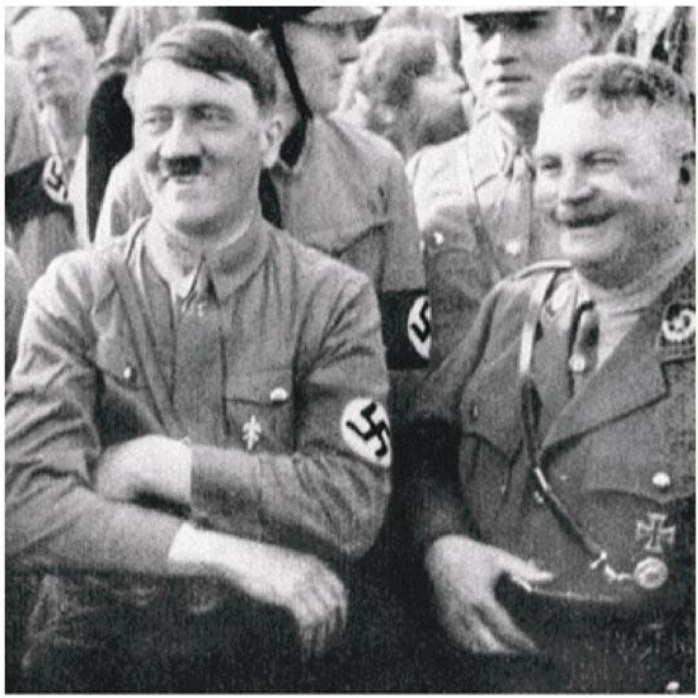

Hitler và Röhm

Chương 28
THÁNG MỘT NĂM 1934

Ngày 09 tháng 01, bị cáo quan trọng nhất trong phiên xử vụ cháy nhà Quốc hội, Marinus van der Lubbe, lắng nghe ủy viên công tố tuyên bố chặt đầu anh ta vào hôm sau.

"Cảm ơn đã cho tôi biết," van der Lubbe nói, "Tôi sẽ gặp ngài vào ngày mai."

Viên đao phủ đội mũ chóp dài và mặc áo đuôi tôm, với một chi tiết nhỏ đặc biệt cầu kì, đôi găng tay trắng. Ông ta vận hành một chiếc máy chém.

Cuộc hành hình van der Lubbe đặt dấu chấm hết rõ ràng nhưng đẫm máu cho loạt sự kiện vụ cháy Nhà Quốc hội, qua đó dập tắt cội nguồn phản kháng làm vẩn đục nước Đức, từ tháng Hai năm ngoái. Giờ đây, bất kì ai cũng cảm thấy Nhà nước cần có hành động chính thức chấm dứt nó, van der Lubbe là kẻ phóng hỏa, và bây giờ hắn phải chết. Dimitrov vẫn còn sống và sẽ bay sang Moscow. Con đường khôi phục nước Đức giờ đã thênh thang.

Khi tháng năm mở rộng trước mắt, bề ngoài nước Đức dường như ngày càng ổn định hơn, khiến các nhà quan sát và nhà ngoại giao nước ngoài thất vọng, vì họ vẫn giữ niềm tin rằng các sức ép kinh tế sẽ làm sụp đổ chế độ Hitler. Vào cuối năm đầu tiên của nhiệm kì Thủ tướng, Hitler có vẻ sáng suốt hơn, gần như là có tinh thần hòa giải, và đi xa đến mức gợi ý rằng hắn ta có thể ủng hộ vài kiểu hiệp ước không quá đáng với Pháp và Anh. Anthony Eden, Người Giữ Ấn của vua Anh, du lịch sang Đức gặp gỡ Hitler, và giống như Dodd, ông ra về và ấn tượng trước sự chân thành mong muốn hòa bình của Hitler. Hiệp sĩ Eric Phipps, Đại sứ Anh tại Đức, viết trong nhật kí, "Ngài Hitler dường như đồng cảm chân thành với ngài Eden, người chắc chắn đã thành công khi phát hiện những phẩm

chất nhất định của con người lạ lùng ấy, những điều mà cho đến nay vẫn bướng bỉnh ngủ yên." Trong một lá thư gửi Thornton Wilder, Martha viết, "Hitler chắc chắn đang tốt lên."

Cảm giác bình thường mơ hồ này rõ nét trong cả các lĩnh vực khác. Thống kê chính thức số lượng công nhân thất nghiệp cho thấy sự sụt giảm nhanh chóng, từ 4,8 triệu người năm 1933 xuống còn 2,7 triệu người năm 1934, cho dù phần lớn trong số này là do các biện pháp như giao việc một người làm cho hai người, và một chiến dịch tuyên truyền mạnh mẽ ngăn cản phụ nữ đi làm. Các trại tập trung "hoang dại" đã bị đóng cửa, một phần nhờ công trùm Gestapo Ruldolf Diels. Trong Bộ Nội vụ Đế chế, người ta đã bàn đến chuyện hủy bỏ giam giữ bảo hộ, cùng các trại tập trung.

Ngay cả Dachau dường như cũng trở nên văn minh. Ngày 12 tháng 02 năm 1934, một đại diện của Hiệp hội Giáo hữu, Gilbert L. MacMaster, lên đường đến thăm trại sau khi được phép gặp gỡ một tù nhân, cựu nghị sĩ Nhà Quốc hội tên là George Simon, sáu mươi hai tuổi. Ông ta từng bị bắt giữ vì là người ủng hộ chủ nghĩa Xã hội. MacMaster bắt một chuyến tàu ở Munich và nửa tiếng sau xuống tàu tại làng Dachau, nơi được ông ta mô tả là một "ngôi làng nghệ sĩ". Từ đây, ông ta cuốc bộ nửa giờ nữa đến trại tập trung.

Ông ta ngạc nhiên trước những gì mình chứng kiến. "Các báo cáo tàn bạo về trại này nhiều hơn bất kì nơi nào khác tại Đức," ông ta viết. "Cho dù vẻ ngoài của nó đẹp hơn bất kì trại nào tôi từng thấy." Nhà máy thuốc súng cũ nơi đặt trại này được xây dựng trong thời Thế chiến I. "Có những ngôi nhà rất đẹp dành cho các nhà hóa học và sĩ quan, các nhà tạm cho công nhân vững chắc hơn, và toàn bộ nhà máy được sưởi ấm bằng hơi nước," MacMaster viết. "Nhờ thế, trang bị tiện nghi cho tù nhân tại Dachau có vẻ tốt hơn hẳn, đặc biệt là trong thời tiết lạnh, so với trại tạm thời ở nhà máy cũ hoặc trang trại. Thực ra, nhìn bề ngoài toàn bộ nơi này giống một cơ sở thường trú hơn là trại tập trung."

Không lâu sau đó, tù nhân Simon được đưa đến trạm gác gặp MacMaster. Ông ta mặc quần áo tù màu xám và trông có vẻ khỏe mạnh. "Ông ta không phàn nàn gì cả," MacMaster viết, "ngoại trừ đang mắc chứng thấp khớp cấp tính."

Cuối ngày hôm đó, MacMaster nói chuyện với một quan chức cảnh sát và được biết trại giam giữ hai nghìn tù nhân. Chỉ có hai mươi lăm người là dân Do Thái, hắn một mực cho rằng họ bị bắt vì

phạm tội chính trị, chứ không phải vì tôn giáo. Tuy nhiên, MacMaster đã nghe báo cáo trại giam giữ ít nhất năm nghìn tù nhân, và khoảng từ bốn mươi đến năm mươi người là dân Do Thái. Trong số này, chỉ có "một, hai người" bị bắt vì tội danh chính trị, số khác bị bắt vì lời tố cáo của những kẻ "muốn phá hoại việc làm ăn của họ, và số khác bị buộc tội quan hệ với những cô gái không phải dân Do Thái." Ông ta ngạc nhiên khi nghe hắn nói rằng hắn xem các trại tập trung "chỉ là tạm thời, và vui vẻ mong cái ngày không còn các trại này nữa."

MacMaster thấy Dachau thậm chí có lúc trông rất đẹp. "Hôm ấy là một buổi sáng trời rất giá buốt," ông ta viết. "Sương mù phủ dày đặc từ đêm qua, khiến tôi đi kiếm khách sạn rất vất vả. Sáng nay thì trời xanh ngăn ngắt đến hoàn hảo. Những sắc màu ở Bavaria[88] là màu trắng của mây, màu xanh ngắt của nền trời và lớp sương muối dày trên cây cối do sương mù đêm qua." Mọi thứ đều chìm trong bức màn tinh thể băng lấp lánh, tạo cho trại tập trung vẻ đẹp thoát tục, như từ trong truyện cổ tích bước ra. Dưới ánh mặt trời, đám cây phong trên cánh đồng hoang xung quanh biến thành những ngọn tháp kim cương.

[88] Bavaria (tiếng Đức: Bayern): một bang của nước Đức với thủ phủ là thành phố Munich.

Tuy nhiên, giống như tình hình ở nước Đức mới, vẻ ngoài của trại Dachau chỉ là trò bịp. Sự vệ sinh và hiệu quả của trại không bắt nguồn từ mong muốn đối xử nhân đạo hơn với tù nhân. Tháng Sáu năm ngoái, một tên sĩ quan SS tên là Theodor Eicke nắm quyền quản lí Dachau. Hắn ban ra một bộ quy tắc, về sau trở thành khuôn mẫu cho tất cả các trại. Được ban hành ngày 01 tháng 10 năm 1933, các quy định mới hệ thống hóa quan hệ giữa lính gác và tù nhân, qua đó bãi bỏ hành động trừng phạt bốc đồng, thất thường, chuyển sang kỉ luật có hệ thống, vô cảm và có thể đoán trước. Giờ đây, ai ai cũng biết về những quy định này, chúng nghiệt ngã và lạnh lùng đến mức không có chỗ cho lòng thương hại.

"Nhân từ là yếu đuối," Eicke viết trong lời giới thiệu quy định của hắn. "Xét theo quan niệm này, trừng phạt sẽ được tiến hành không thương tiếc, hễ khi nào lợi ích của tổ quốc đòi hỏi điều đó." Các tội nhỏ sẽ bị đánh bằng roi và biệt giam. Thậm chí điều mỉa mai là phương pháp này rất tốn kém. Biệt giam tám ngày và "đánh hai mươi lăm roi" là mức phạt dành cho "bất cứ ai có nhận xét chê bai hoặc mỉa mai một thành viên SS, cố tình không thể hiện sự tôn trọng theo quy định, hoặc bằng bất kì cách nào khác cho thấy

sự miễn cưỡng chấp nhận các hình phạt kỉ luật". Một điều khoản bao quát tổng thể, Điều 19, liên quan đến "các hình phạt kèm theo", bao gồm khiển trách, đánh đập và "trói vào cọc". Một mục khác nêu rõ các quy định về hình phạt treo cổ. Cái chết là hình phạt đối với bất cứ ai bàn chuyện chính trị, hoặc bị bắt quả tang đang hội họp với những người khác "nhằm mục đích kích động". Thậm chí việc thu thập "các thông tin đúng hay sai về trại tập trung" hoặc tiếp nhận thông tin như thế, hoặc nói với ai về thông tin này có thể bị treo cổ. "Nếu tù nhân cố gắng vượt ngục," Eicke viết, "sẽ bị bắn chết ngay lập tức." Nổ súng cũng là phản ứng được yêu cầu nhằm dập tắt các cuộc nổi loạn của tù nhân. "Những phát súng cảnh cáo," Eicke viết, "trên nguyên tắc bị cấm."

Eicke chắc chắn tất cả các lính gác mới đều thuộc làu quy định, như một trong các học viên của hắn, Rudolf Höss, về sau này đã chứng nhận. Höss làm lính gác tại Dachau vào năm 1934, và cậu ta nhớ lại cách Eicke không ngừng nhai đi nhai lại cùng một thông điệp: "Bất kì lòng thương hại nào dành cho 'những kẻ thù của Nhà nước' là không xứng đáng đối với một mật vụ SS. Trong hàng ngũ SS, không có chỗ cho những kẻ có trái tim mềm yếu và chúng sẽ sớm phải vào sống trong tu viện. Chúng ta chỉ sử dụng những ai cứng rắn, có quyết tâm sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh, mà không cần hỏi." Là một học viên ưu tú, Höss tiếp tục làm sĩ quan chỉ huy tại trại Auschwitz.

Mới nhìn qua, dường như nạn đàn áp người Do Thái cũng đã ngừng lại. "Trong thời gian tôi ở đây, Berlin cho thấy một vẻ bình thường," David J. Schweitzer, một quan chức cao cấp của Ủy ban Phân phối Liên kết Mỹ - Do Thái, gọi tắt là Joint, một tổ chức giảm nhẹ thương đau cho người Do Thái viết. "Bầu không khí căng tràn nhựa sống, đâu đâu cũng thấy những cử chỉ lịch thiệp." Những người Do Thái từng bỏ đi năm ngoái giờ đang thực sự quay về. Khoảng mười ngàn người Do Thái bỏ đi đầu năm 1933 đã quay về vào đầu năm 1934, cho dù làn sóng di cư sang nước khác - bốn ngàn người trong năm 1934 - vẫn tiếp tục. "Đây mới đúng là tình hình thực tế, hoặc được che giấu rất kĩ, đến nỗi tôi nghe một người Mỹ vừa sang nước láng giềng được một tuần, nhận xét rằng anh ta không thể thấy bất kì chuyện gì thực sự xảy ra, đủ sức làm lay động thế giới bên ngoài."

Nhưng Schweitzer hiểu đây phần lớn là ảo ảnh. Bạo lực công khai đối với dân Do Thái tuy có vẻ đã giảm, nhưng sự đàn áp ngấm ngầm đã bắt đầu khởi động. "Điều bi kịch là bạn bè chúng tôi không thể nhìn ra sự thật, đang xảy ra hằng ngày sau vẻ ngoài ấy, như người ta đang có việc làm dần dần bị mất việc," Schweitzer

viết. Ông đưa ra ví dụ các cửa hàng bách hóa tổng hợp của Berlin, với đặc thù là có nhân viên và chủ cửa hàng là dân Do Thái. "Một mặt, người ta có thể thấy một cửa hàng bách hóa Do Thái đông đúc như thường lệ, với khách hàng cả dân Do Thái lẫn không phải dân Do Thái, nhưng mặt khác ngay tại cửa hàng kế bên, người ta lại chẳng thấy một mống nhân viên Do Thái nào hết." Tương tự, tình hình khác biệt từ cộng đồng này sang cộng đồng khác. Một thành phố có thể cấm cửa dân Do Thái, trong khi ở thành phố gần đó dân Do Thái và sắc dân khác vẫn tiếp tục "cùng chung sống thân thiện với nhau, chí thú làm ăn một cách tốt nhất có thể, mà không bị quấy rầy."

Schweitzer cũng phát hiện những quan điểm khác nhau giữa các nhà lãnh đạo Do Thái ở Berlin. "Một xu hướng chung là chẳng có gì để hi vọng, rằng mọi thứ đang trở nên tồi tệ hơn," ông viết. "Tuy nhiên, một xu hướng khác hoàn toàn trái ngược nhưng rõ ràng, tức là đổi chiều suy nghĩ tập trung vào thời điểm tháng Ba năm 1934 thay vì tháng Ba năm 1933, tự hòa nhập vào tình hình hiện tại, chấp nhận tình trạng không thể tránh khỏi, tự tham gia vào các giới bị cấm đoán và hi vọng rằng, mọi thứ sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt dần lên.

Những lời tuyên bố long trọng không ngừng của Hitler về hòa bình tạo thành sự lừa dối chính thức trắng trợn nhất. Bất kì ai đi về vùng nông thôn ngoài Berlin sẽ hiểu ngay lập tức. Raymond Geist, Quyền Tổng Lãnh sự, đều đặn có những chuyến đi như thế bằng xe đạp. "Trước khi hết năm 1933, trong những cuộc du ngoạn thường xuyên của mình, gần như trên từng con đường ngoại ô Berlin, tôi đều phát hiện các cơ sở quân đội lớn, bao gồm các thao trường huấn luyện, các sân bay, trại lính, bãi thử tên lửa, trận địa chống máy bay và nhiều thứ tương tự."

Ngay cả Jack White, dù mới chân ướt chân ráo đến Berlin cũng nhận thấy bản chất thật của những gì đang diễn ra. "Ai đi về vùng nông thôn ngày Chủ nhật cũng thấy những chiếc áo nâu đang lảng vảng trong rừng," ông ta nói với người anh rể, Moffat.

White kinh ngạc khi biết rằng, con gái út của bạn ông ta phải học ném lựu đạn vào chiều thứ Tư hàng tuần.

Trạng thái bình thường siêu thực của nước Đức cũng che giấu mối xung đột ngày càng trầm trọng giữa Hitler với Röhm. Dodd và những người khác có thời gian ở Đức biết rất rõ Hitler có ý định tăng cường quân đội chính quy, Quân Phòng vệ Đế chế, bất chấp những ngăn cấm rõ ràng trong Hiệp ước Versailles, nhưng Đại úy

Röhm của SA lại muốn tăng gì thì cũng phải bao gồm toàn bộ các đơn vị SA, một phần trong chiến dịch giành quyền kiểm soát quân đội quốc gia của hắn. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Blomberg và các tướng tá hàng đầu quân đội đều căm ghét Röhm, coi khinh đội quân Sư đoàn Bão tố áo nâu hoang dã, thô lỗ mà Röhm chỉ huy. Göring cũng vậy, lão nhìn nhận khao khát quyền lực của Röhm đe dọa quyền kiểm soát lực lượng không quân mới của Göring, đến niềm kiêu hãnh và niềm vui của lão, lực lượng mà giờ đây lão đang âm thầm, nhưng quyết liệt gắng sức xây dựng.

Điều còn chưa rõ ràng là quan điểm chính xác của Hitler về chuyện này. Tháng Mười hai năm 1933, Hitler cho Röhm làm thành viên nội các của mình. Vào đêm Giao thừa, hắn gửi đến Röhm lời chúc mừng ấm áp, được đăng tải trên báo chí, theo đó hắn tán dương đồng minh lâu năm của mình đã xây dựng một đội quân rất hiệu quả. "Cậu phải biết rằng ta rất biết ơn số phận đã cho ta một người như cậu làm bạn và huynh đệ của ta."

Tuy nhiên, không lâu sau đó, Hitler ra lệnh cho Rudolf Diels gửi báo cáo về những vi phạm trắng trợn của SA, những thói quen đồng tính luyến ái của Röhm và đồng bọn. Diels sau này tuyên bố rằng Hitler cũng đề nghị hắn khử Röhm và những "kẻ phản bội" nhất định khác, nhưng hắn từ chối.

Tổng thống Hindenburg, người được xem là vật cản cuối cùng chống Hitler, dường như cảm nhận rõ ràng sức ép đang tăng lên. Ngày 30 tháng 01 năm 1934, Hindenburg tuyên bố công khai chúc mừng Hitler về "bước tiến lớn" nước Đức đạt được trong năm, kể từ khi hắn nhậm chức Thủ tướng. "Với trọn vẹn ân điển của Chúa," ông viết, "Ta rất tự tin rằng sang năm mới, ngài và chính quyền của ngài sẽ tiếp tục thành công trên con đường tái thiết nước Đức vĩ đại mà ngài đã bắt đầu đầy mạnh mẽ, trên nền tảng thành quả quốc gia thống nhất đầy hạnh phúc, vì người dân Đức."

Năm mới bắt đầu với cảm nhận nông cạn về những khoảng thời gian tươi đẹp mở rộng trước mắt, và đối với Dodd là một vòng liên hoan và yến tiệc cao sang mới. Những lời mời trang trọng được gửi đến dưới hình thức các tấm thiệp mời đựng trong phong bì, luôn luôn kèm theo sơ đồ chỗ ngồi. Giới lãnh đạo Quốc xã lại ưa thích kiểu sắp xếp vụng về, tức là các bàn được xếp thành hình chữ U rộng vuông góc, khách khứa ngồi cả trong lẫn ngoài. Những ai ngồi phía trong thì cả buổi tối phải trải qua cảm giác ám ảnh giao tiếp xã hội, khi bị người khác theo dõi từ phía sau. Dodd và gia đình ông nhận được một lời mời như thế từ người láng giềng,

Đại úy Röhm.

Sau này, Martha hẳn sẽ có lí do lưu lại một bản sao sơ đồ chỗ ngồi, theo đó, Hausherr, hay chủ tiệc, ngồi ở trung tâm hình chữ U, có tầm nhìn bao quát tất cả mọi người ngồi trước mặt. Dodd ngồi bên phải Röhm, với tư cách là khách mời danh dự. Ngay trước mặt Röhm bên kia bàn, ngồi ở vị trí khó chịu nhất của móng ngựa, là Heinrich Himmler, kẻ căm ghét Röhm.

Chương 29
CÔNG KÍCH

Tại Washington, Thứ trưởng Phillips cho gọi Jay Pierrepont Moffat vào phòng mình, "để đọc một loạt thư của Đại sứ Dodd", như Moffat ghi trong nhật kí. Trong số này, có những lá thư gần đây Dodd than phiền quá trời về sự xa hoa của các quan chức ngoại giao, số lượng nhân viên là người Do Thái, và dám gợi ý một chính sách ngoại giao nước Mỹ nên theo đuổi. Dodd viết, nước Mỹ phải bỏ ngay "thái độ xa lánh chính đáng" vì "cuộc đấu tranh sinh tử tại châu Âu sẽ khiến tất cả chúng ta lo lắng - đặc biệt nếu song song với đó là cuộc xung đột tương tự ở Viễn Đông (như tôi tin mọi người đều hiểu rõ trong các buổi họp kín)." Dodd nhận thức được Quốc hội miễn cưỡng tham gia vào vấn đề nước ngoài, nhưng nói thêm, "tuy nhiên, tôi nghĩ các thông tin là đáng quan tâm, ngay cả khi khiến chúng ta khó chịu."

Cho dù Phillips và Moffat đều không còn hứng thú với Dodd, họ vẫn thừa nhận rằng họ không có quyền lực đối với ông, vì quan hệ của ông với Tổng thống Roosevelt cho phép Dodd bỏ qua Bộ Ngoại giao và liên hệ thẳng với Tổng thống, bất cứ khi nào ông cần.

Lúc này, trong văn phòng của Phillips, cả hai đọc những lá thư của Dodd và cùng lắc đầu. Moffat viết trong nhật kí, "Như thường lệ, ông ta chẳng hài lòng với cái gì hết." Trong một lá thư, Dodd mô tả hai trong số các nhân viên Đại sứ quán của ông "có chuyên môn nhưng không am hiểu" - buộc Moffat phải công kích, "Bất kể ý của Dodd là thế nào."

Thứ Tư, ngày 03 tháng 01, Phillips, với giọng lãnh đạm và khinh khỉnh, biên thư cho Dodd đáp lại một số phàn nàn của ông, một nhận xét trong số này tập trung vào sự thuyên chuyển cháu trai của Phillips, Orme Wilson sang Berlin. Việc Wilson đến đây tháng Mười một năm ngoái đã gây nên sự cạnh tranh khốc liệt trong Đại

sứ quán. Lúc này, Phillips khiển trách Dodd vì không kiểm soát tình hình tốt hơn. “Tôi hi vọng ngài sẽ dễ dàng cấm nhân viên của ngài bàn tán lung tung.”

Chuyện Dodd liên tiếp than phiền về các thói quen và chuyên môn công tác của nhân viên ngoại giao, Phillips viết, “Tôi thừa nhận mình không hiểu được cảm giác của ngài rằng ‘ai đó trong Bộ Ngoại giao đang khuyến khích mọi người có thái độ đạo đức nghề nghiệp không đúng đắn.’ “

Ông ta trích dẫn nhận xét trước kia của Dodd, rằng có quá nhiều người Do Thái trong đội ngũ nhân viên văn phòng của Đại sứ quán, nhưng thừa nhận “có phần lúng túng” khi tìm cách giải quyết vấn đề. Trước đó, Dodd từng bảo ông ta mình không muốn chuyển ai đi hết, nhưng giờ thì có vẻ ông ta làm thế thật.

“Ngài có muốn chuyển người không?” Phillips hỏi. Và nói thêm, “Nếu... chủng tộc là vấn đề cần phải chỉnh sửa, dựa trên những điều kiện đặc biệt tại Đức, có thể lựa chọn hoàn hảo đối với Bộ Ngoại giao là tiến hành thuyên chuyển, theo khuyến cáo rõ ràng của ngài.”

Cùng ngày thứ tư ấy, tại Berlin, Dodd biên thư cho Tổng thống Roosevelt, nói rằng có vẻ ông quá nhạy cảm, nhưng ông không chỉ biên thư bằng chữ viết thường, mà trước tiên ông còn gửi thư cho Đại tá House, nhờ ông ta chuyển thư đến tận tay Tổng thống. Dodd thúc giục nên cho Phillips từ chức Thứ trưởng và giữ chức vụ khác, có thể làm đại sứ ở quốc gia nào đó. Ông gợi ý làm đại sứ tại Paris, và nói thêm việc Phillips rời Washington “sẽ hạn chế bớt những thiên vị đang đầy rẫy tại đó.”

Ông viết, “Ngài đừng nghĩ tôi có bất kì mục đích vụ lợi hay thù oán cá nhân nào. Tôi hi vọng” - hi vọng - “động cơ cho lá thư [này] chỉ là chuyện công mà thôi.”

Chương 30
ĐIỀM BÁO

Martha ngày càng gắn bó với Boris. Người tình nước Pháp của cô, Armand Berard thấy mặc cảm vì xuất thân nên rất đau khổ. Diels cũng rút lui, cho dù hắn ta vẫn là bạn đồng hành thường xuyên.

Đầu tháng Một, Boris thu xếp một cuộc hẹn với Martha, một trong những cuộc hẹn lãng mạn, lạ lùng nhất cô từng trải qua, cho dù cô không hề biết trước chuyện gì sẽ xảy ra, ngoài việc Boris van xin cô mặc trang phục anh yêu thích nhất - lụa vàng, hở vai, cổ áo xẻ sâu, eo thắt. Cô đeo thêm chuỗi hạt cẩm thạch và đóa hoa cài ngực mà Boris tặng.

Viên quản gia Fritz ra đón Boris ngoài cửa trước, nhưng ông ta chưa kịp thông báo rằng anh chàng người Nga đến, Boris đã chạy như bay lên cầu thang tới tầng một. Fritz đi theo. Đúng lúc ấy, Martha đang bước dọc theo sảnh đến cầu thang, như sau này cô viết trong hồi kí chi tiết về buổi tối hôm đó. Ngay khi vừa thấy cô, Boris quỳ một chân xuống.

"Ôi người tình của anh!" Anh nói bằng tiếng Anh. Rồi nói tiếp bằng tiếng Đức. "Trông em tuyệt lắm."

Cô vui sướng và hơi ngượng ngập, Fritz cười toe toét. Boris dẫn cô ra chỗ xe Ford - ơn trời đã kéo mui xe khỏi lo lạnh - đưa cả hai đến nhà hàng Horcher trên đường Lutherstrasse, cách công viên Tiergarten vài khu phố về phía nam. Đây là một trong những nhà hàng ngon nhất Berlin, chuyên món thịt thú săn, có người cho rằng đây là quán ăn ưa thích của Göring. Trong một truyện ngắn năm 1929 của nhà văn nổi tiếng Gina Kaus[89], nhà hàng này được xem là một nơi phải đến nếu bạn muốn tìm kiếm sự cám dỗ. Bạn có thể ngồi trên một trong những chiếc ghế dài bọc nệm và sẽ

ngồi chung bàn với Göring, rạng rỡ trong bộ đồng phục dành riêng cho dịp này. Lần khác, bạn có thể ngồi cạnh các nhà văn, nghệ sĩ, nhạc sĩ, các nhà tài phiệt Do Thái nổi tiếng và các khoa học gia, nhưng vào thời điểm này nhiều người đã bỏ trốn, hoặc bất ngờ lâm vào hoàn cảnh không cho phép hưởng những đêm trác táng trong thành phố. Tuy nhiên, nhà hàng vẫn tồn tại, dường như chẳng để tâm đến bất kì điều gì làm thay đổi thế giới bên ngoài.

[89] Gina Kaus (1893 - 1985): nhà văn, nhà viết kịch bản nổi tiếng người Mỹ gốc Áo.

Boris đã đặt trước một phòng riêng, nơi anh cùng Martha tha hồ thưởng thức cá hồi hun khói, trứng cá muối, súp rùa và thịt gà, theo phong cách sẽ được biết đến với cái tên "Kievsky". Món tráng miệng là kem Bavaria tẩm rượu brandy. Hai người uống sâm banh và vodka. Mặc dù rượu ngon, đồ ăn hợp khẩu vị, khung cảnh sang trọng, nhưng Martha vẫn bối rối. "Tất cả chuyện này là sao, Boris?" Cô hỏi anh. "Chúng ta đang kỉ niệm điều gì vậy?"

Anh chỉ mỉm cười thay lời đáp. Sau bữa tối, họ đi về phía bắc, rẽ vào phố Tiergartenstrasse như thể quay về nhà Dodd, nhưng thay vì dừng xe, Boris lái tiếp. Họ thong dong đi qua rìa công viên cây cối um tùm, tối om, cho đến khi tới Cổng Brandenburg và đường Unter den Linden, dài sáu mươi mét, đông nghẹt ô tô, với những ánh đèn pha biến cung đường này thành dải kênh đào bạch kim. Cách cổng một khu phố về phía đông, Boris tấp xe vào lề đường tại Đại sứ quán Xô Viết, số 7 đường Unter den Linden. Anh dẫn Martha vào trong tòa nhà, đi dọc theo vài hành lang, lên cầu thang rồi đứng trước một cánh cửa không có biển hiệu.

Anh mỉm cười đưa tay mở cửa, bước vào phòng, nhường lối cho Martha vào theo. Anh bật một ngọn đèn bàn, thắp lên hai ngọn nến đỏ. Ban đầu, căn phòng gợi cô nhớ đến kí túc xá sinh viên, cho dù Boris đã làm hết những gì có thể nhằm tạo sự khác biệt. Cô thấy có một cái ghế lưng thẳng, hai ghế bành và một chiếc giường. Trên gối là tấm vải thêu mà anh cho là có xuất xứ từ Caucasus. Một ấm pha trà samovar nằm trên chiếc bàn gần cửa sổ.

Trong một góc phòng, trên giá sách, Martha thấy bộ sưu tập các bức ảnh Vladimir Lenin[90], nổi bật ở giữa là bức chân dung khổ lớn của ông với phong thái cô chưa từng thấy, như một người bạn bất ngờ bị chụp trộm, thay vì hình ảnh Lenin với nét mặt nghiêm khắc như phía Xô Viết tuyên truyền. Ở đây, còn có mấy cuốn sách nhỏ bằng tiếng Nga, một cuốn mang tựa đề rất tế nhị Boris dịch ra

là "Các đội Thanh tra Công Nông". Boris xem đây như "góc Lenin" của anh, cũng mang chất Xô Viết không kém là những hình ảnh tôn giáo mà theo truyền thống, người Nga theo Chính thống giáo[91] hay treo cao trong góc phòng. "Như em có thể đã đọc trong các tiểu thuyết tiếng Nga yêu thích, đồng bào của anh từng có và vẫn có những góc biểu tượng," anh nói. "Nhưng anh là một người Nga hiện đại, một nhà cộng sản!"

[90] Vladimir Lenin (1870 - 1924): lãnh tụ của Liên bang Xô Viết.

[91] Chính thống giáo Đông phương: một nhánh của Thiên Chúa giáo, phổ biến ở các nước Đông Âu và Nga.

Ở một góc phòng khác, cô phát hiện một "điện thờ" thứ hai, nhưng lại thấy chính mình ở vị trí trung tâm. Boris gọi đây là "góc Martha" của anh. Một bức ảnh chụp cô đứng trên chiếc bàn nhỏ, đang nhảy điệu shimmy, trong ánh lửa đỏ bập bùng từ những ngọn nến của Boris. Xếp xung quanh là vài tấm ảnh và thư từ của cô. Với vai trò nhiếp ảnh gia nghiệp dư nhiệt tình, anh đã chụp rất nhiều ảnh, trong thời gian hai người du lịch vòng quanh Berlin. Có cả quà lưu niệm - một chiếc khăn tay bằng vải lanh cô tặng anh, một cành cây bạc hà từ chuyến dã ngoại của họ tháng Chín năm 1933, giờ đây tuy đã héo khô nhưng vẫn tỏa ra mùi hương phảng phất. Thêm vào đó là bức tượng nữ tu chạm khảm bằng gỗ cô tặng, để đáp lễ bức tượng ba con khỉ "không thấy điều xấu" của anh - có khác chăng là Boris đã trang điểm cho nữ tu với một vầng hào quang nhỏ làm bằng sợi vàng mỏng manh.

Gần đây, ở "điện thờ" Martha xuất hiện thêm mấy quả thông và cành cây thường xuân mới cắt, làm khắp phòng sực nức hương rừng dễ chịu. Anh bảo những bổ sung này mang ý nghĩa tình yêu anh dành cho cô "mãi mãi xanh tươi".

"Chúa ơi, Boris," cô phá lên cười, "anh lãng mạn quá đi thôi! Việc này có hợp với một nhà cộng sản cứng rắn như anh không?"

Đứng cạnh bức ảnh Lenin, anh đáp, "Anh yêu em nhất trên đời." Anh hôn lên bờ vai trần của cô, rồi bỗng trở nên nghiêm túc. "Nhưng đề phòng em chưa hiểu," anh nói, "thì đảng của anh và đất nước anh phải luôn là trên hết."

Cú chuyển đổi bất ngờ biểu hiện trên nét mặt anh - một lần nữa làm Martha phá lên cười. Cô nói với Boris mình đã hiểu. "Cha em nghĩ về Thomas Jefferson gần giống anh nghĩ về Lenin," cô đáp.

Đang chìm trong bầu không khí ấm áp, thì cánh cửa bất chợt lặng

lẽ bật mở, bước vào là một cô bé tóc vàng mà Martha đoán khoảng chín tuổi. Cô biết ngay đây là con gái của Boris. Đôi mắt nó giống hệt cha - "đôi mắt long lanh tuyệt đẹp," Martha viết - cho dù có nhiều nét nó dường như khác cha hoàn toàn. Gương mặt cô bé mộc mạc, không có vẻ ngộ nghĩnh rõ mồn một của cha. Trông nó có vẻ buồn. Boris đứng dậy, đến bên con gái.

"Sao trong này tối thế ạ?" Cô bé hỏi. "Con không thích thế."

Nó nói bằng tiếng Nga, Boris dịch lại. Martha đoán con bé biết tiếng Đức, vì hiện nó đang học tại Berlin. Lúc này, nó đang nói tiếng Nga với giọng hờn dỗi.

Boris bật sáng một ngọn đèn trên đầu, bóng đèn trần. Quầng sáng nhức mắt của ngọn đèn ngay lập tức xua tan không khí lãng mạn anh đã cố tạo nên, bằng nến và những điện thờ. Anh bảo con bé bắt tay Martha, nó làm theo dù rõ ràng là miễn cưỡng. Martha cảm nhận được sự khó chịu thù địch dễ hiểu của nó.

Con bé hỏi cô bằng tiếng Nga, "Tại sao cô mặc đẹp thế ạ?" Boris giải thích đây chính là cô Martha anh từng kể. Anh nói, cô ấy ăn diện đẹp vì đây là lần đầu tiên đến thăm Đại sứ quán Xô Viết, nên đây là một dịp đặc biệt.

Cô bé khen ngợi Martha. Một nụ cười thoáng hiện trên môi. "Cô ấy rất xinh," cô bé nói. "Nhưng cô ấy gầy quá."

Boris bảo thực ra Martha rất khỏe mạnh.

Anh xem đồng hồ, đã gần mười giờ. Anh ngồi xuống ôm con gái vào lòng, kéo vào gần hơn, nhẹ nhàng lùa tay qua tóc con bé. Anh cùng Martha tán chuyện linh tinh, trong khi con bé nhìn cô chằm chằm. Một lúc sau, Boris ngừng vuốt tóc con gái và ôm chầm lấy cô bé, dấu hiệu cho thấy đã đến giờ đi ngủ. Con bé nhún gối cúi chào, nói bằng thứ tiếng Đức nhã nhặn và miễn cưỡng, "Hẹn gặp lại, cô Martha."[92]

[92] Nguyên văn: "Auf Wiedersehen, Fräulein Marta."

Boris nắm tay con gái, dắt ra khỏi phòng.

Còn lại một mình, Martha xem xét kĩ hơn không gian của anh và tiếp tục quan sát, ngay cả sau khi anh quay lại. Thi thoảng cô liếc nhìn về phía anh.

"Lenin cũng chỉ là con người thôi," anh nói, mỉm cười. "Ông ấy

hẳn sẽ hiểu được góc dành riêng cho em."

Họ nằm trên giường ôm nhau. Anh kể cô nghe về cuộc đời mình - cha anh đã bỏ rơi gia đình như thế nào, ở tuổi mười sáu, anh gia nhập Hồng Vệ binh ra sao. "Anh muốn con gái anh được hưởng cuộc sống dễ chịu hơn," anh nói. Anh cũng muốn điều tương tự cho đất nước mình. "Bọn anh chẳng có gì ngoài chuyên chế, chiến tranh, cách mạng, khủng bố, nội chiến và đói khát. Nếu không bị tấn công nữa, bọn anh sẽ có cơ hội xây dựng điều gì đó mới mẻ và duy nhất trong lịch sử loài người. Em hiểu không?"

Đôi lúc, những giọt lệ lăn dài trên má khi anh kể. Giờ đây cô đã quen với việc đó. Anh kể cô nghe những giấc mơ của anh về tương lai.

"Rồi anh ấy ôm tôi sát hơn vào người," cô viết. "Từ dưới xương đòn xuống đến rốn, có lớp lông màu mật ong che phủ, mềm mại như tơ... Nói thật, với tôi chúng tuyệt đẹp, cho tôi một cảm giác ấm áp, dễ chịu và gần gũi."

Khi thời gian buổi tối dần trôi, anh pha trà rót vào cái chén truyền thống, trong suốt có khung kim loại.

"Giờ thì em yêu của anh," anh nói, "còn vài tiếng cuối, em hãy cùng tận hưởng chút hương vị của buổi tối nước Nga đi."

Sau này cô viết, "Làm sao tôi có thể nói với anh ấy rằng đó là một trong những buổi tối lạ lùng nhất tôi từng trải qua?" Một linh tính nào đó khiến cô không vui. Cô tự hỏi phải chăng vì gắn bó với cô - dành hẳn một góc Martha riêng trong Đại sứ quán, dám đưa cô đến với không gian riêng tư của mình - mà Boris đã bước qua giới hạn ngầm. Cô cảm nhận được "con mắt hiểm ác" nào đó đang theo dõi. Cô nhớ lại, "Cảm giác như thể cơn gió độc len lỏi vào phòng."

Đêm muộn hôm ấy, Boris lái xe đưa cô về nhà.

Chương 31
NỖI KINH HOÀNG TRONG ĐÊM

Cuộc sống của gia đình Dodd gặp phải một vài thay đổi.

Trước đây ở nhà mình, họ từng cảm thấy muốn nói gì thì nói, nhưng giờ họ phải đối mặt với rào cản mới mẻ và xa lạ. Cuộc đời họ phản ánh bầu không khí độc hại rộng lớn hơn đang bao trùm thành phố ngoài kia. Có câu chuyện phổ biến được lan truyền. Một người đàn ông gọi điện cho người khác, và trong khi trò chuyện anh ta vô tình hỏi, "Chú Adolf dạo này sao rồi?" Ngay sau đó mật vụ gõ cửa nhà anh ta, một mực bắt anh ta chứng minh rằng anh ta thực sự có một ông chú tên là Adolf, và rằng câu hỏi này không hề ám chỉ một tí nào đến Hitler. Người Đức ngày càng miễn cưỡng ở lại những khu nghỉ dưỡng trượt tuyết chung, lo sợ rằng mình có thể nói mơ trong giấc ngủ. Họ trì hoãn phẫu thuật vì sợ những ảnh hưởng của thuốc mê khiến họ nói năng lung tung. Những giấc mơ bị vây bọc bởi nỗi lo âu. Một người Đức mơ rằng một thành viên SA đã đến nhà anh ta và khám xét cửa lò nướng của anh ta, sau đó lặp đi lặp lại từng nhận xét tiêu cực gia đình này đưa ra phản đối Chính phủ. Sau khi trải nghiệm cuộc sống ở nước Đức Quốc xã, nhà văn Thomas Wolfe viết, "Toàn bộ dân tộc này... bị lây một nỗi sợ hãi thường trực.

Như kiểu một chứng tê liệt từ từ bóp nát và hủy hoại toàn bộ các mối quan hệ con người."

Dĩ nhiên, trải nghiệm của người Do Thái là nhức nhối nhất. Một cuộc khảo sát với những người đã trốn khỏi nước Đức, được các sử gia xã hội Eric A. Johnson và Karl-Heinz Reuband thực hiện từ năm 1993 đến 2001, cho thấy 33% số người được hỏi "không thể rũ bỏ nỗi sợ bị bắt". Trong số những người sống ở các thành phố nhỏ, hơn một nửa nhớ lại từng có nỗi sợ ấy. Tuy nhiên, hầu hết những người không phải Do Thái cho rằng mình ít thấy sợ hãi

hơn - chẳng hạn tại Berlin, chỉ có 3% số người được hỏi mô tả nỗi sợ bị bắt kéo dài mãi không dứt - nhưng họ không cảm thấy hoàn toàn dễ chịu. Đúng hơn là, phần lớn người Đức đều từng trải qua tiếng vang của sự thanh bình. Trong họ, hình thành nhận thức rằng khả năng sống cuộc sống bình thường của họ "phụ thuộc vào việc chấp nhận chế độ Quốc xã, biết nghe lời và không hành xử ngu ngốc". Nếu họ chịu tuân thủ đường lối, tự cho phép mình bị "đồng hóa", thì họ sẽ an toàn - cho dù khảo sát cũng cho thấy xu hướng thi thoảng vi phạm quy định cao ngạc nhiên, giữa những người Berlin không phải Do Thái. Khoảng 32% số người được hỏi nhớ lại họ từng kể các câu chuyện cười chống Quốc xã, và 49% khẳng định rằng họ đã nghe đài địch từ Anh và các nước khác. Tuy nhiên, họ chỉ dám phạm tội trong kín đáo và chia sẻ điều đó với bạn bè thân thiết, vì họ hiểu mình có thể gặp phải những hậu quả chết người.

Ban đầu, đối với gia đình Dodd, tất cả cứ như tiểu thuyết và không ngờ lại vui đến thế. Martha nhớ lại lần đầu tiên cười sằng sặc khi bạn cô, Mildred Fish Harnack khăng khăng phải vào nhà tắm để nói chuyện cho riêng tư. Mildred tin rằng vốn không có nhiều trang bị nội thất, so với một một phòng khách lộn xộn thì nhà tắm sẽ khó gắn máy nghe lén hơn. Ngay cả khi đã vào nhà tắm rồi, Mildred cũng "thì thầm đến không thể nghe nổi", Martha viết.

Chính Ruldolf Diels là người đầu tiên cho Martha biết thực tế u ám của nền văn hóa giám sát đang xuất hiện tại Đức. Một hôm, hắn ta mời cô đến văn phòng mình, với vẻ mặt đầy kiêu hãnh, hắn cho cô xem một loạt thiết bị được sử dụng để ghi âm các cuộc trò chuyện trên điện thoại. Hắn ta khiến cô tin rằng trang thiết bị nghe lén đã thực sự được lắp đặt tại văn phòng lãnh sự của Đại sứ quán Mỹ và ở nhà cô. Giới trí thức đông đảo tin rằng các mật vụ Quốc xã giấu micro trong điện thoại, để ghi âm các cuộc nói chuyện trong những phòng xung quanh. Vào một tối muộn, Diels có vẻ xác nhận điều này. Martha và hắn đi dự khiêu vũ. Sau đó, khi về đến nhà cô, Diels cùng cô đi lên gác tới thư viện uống rượu. Hắn ta có vẻ khó chịu và muốn nói gì đó. Martha lấy một chiếc gối to bước ngang phòng đến chỗ bàn làm việc của cha cô. Diels lúng túng hỏi cô đang làm gì. Cô bảo hắn ta mình muốn chặn cái gối lên điện thoại. Cô nhớ lại, Diels chậm rãi gật đầu, với "một nụ cười xảo quyệt thoáng hiện trên môi".

Hôm sau, cô nói chuyện này với cha. Tin tức khiến ông kinh ngạc. Cho dù ông chấp nhận thực tế thư từ bị chặn, các đường dây điện thoại và điện tín bị theo dõi, cùng khả năng phòng lãnh sự bị nghe lén, nhưng ông không bao giờ tưởng tượng được một chính phủ

trơ trẽn đến mức đặt máy nghe lén tại tư dinh của nhà ngoại giao. Tuy nhiên, ông xem chuyện này là nghiêm túc. Đến giờ này, ông đã chứng kiến đủ hành vi bất thường của Hitler và bè lũ tay sai, để hiểu rằng điều gì cũng có thể xảy ra. Martha nhớ lại ông cho đầy bông vào một cái hộp giấy bồi, và dùng nó che kín điện thoại của mình, bất cứ khi nào cuộc nói chuyện trong thư viện chuyển sang chủ đề tuyệt mật.

Thời gian dần trôi, gia đình Dodd thấy mình đối mặt với nỗi lo âu vô định hình, thấm nhuần vào ngày tháng của họ và dần dần thay đổi cách sống của họ. Sự thay đổi đến có vẻ chậm rãi, như một màn sương mù nhạt len lỏi qua từng kẽ nứt. Một thứ mà hầu như ai sống tại Berlin đều đã trải qua. Bạn bắt đầu nghĩ khác đi về người bạn hẹn đi ăn trưa, về nhà hàng hay quán cà phê bạn lựa chọn, vì đã lan truyền những lời đồn đại về các địa điểm trở thành mục tiêu ưa thích của đám mật vụ Gestapo - lấy ví dụ như quán bar tại Adlon. Bạn cứ lảng vảng ở các góc phố vài phút xem có phải những gương mặt bạn thấy ở góc phố trước đó, giờ lại xuất hiện ở góc phố này không. Ngay cả trong những hoàn cảnh tự nhiên nhất, bạn cũng trò chuyện rất thận trọng, để mắt đến những người xung quanh mình theo cách bạn chưa từng biết. Người Berlin đã thực hành cái sau này được gọi là "liếc mắt kiểu Đức" - quét mắt rất nhanh bốn phương tám hướng khi gặp một người bạn, hay người quen trên phố.

Cuộc sống trong gia đình Dodd ngày càng bớt tự phát hơn. Họ trở nên đặc biệt nghi ngờ lão quản gia Fritz, người có sở trường di chuyển không một tiếng động. Martha ngờ rằng ông ta đã nghe lén, khi cô tiếp bạn bè hoặc người tình trong nhà. Bất cứ khi nào ông ta xuất hiện giữa lúc cả nhà đang nói chuyện, tất cả lập tức ăn nói rời rạc đầu Ngô mình Sở, một phản ứng gần như tức thì.

Sau khi những ngày lễ và kì nghỉ cuối tuần đã rời xa, gia đình trở về nhà với nỗi âu lo trĩu nặng, trước khả năng trong khi họ vắng mặt, các thiết bị mới đã được lắp đặt, thay cho những cái cũ. "Người ta chẳng biết mô tả cái trò do thám này làm được cái quái gì cho loài người," Martha viết. Nó triệt tiêu mọi cuộc chuyện trò theo thường lệ - "những buổi họp gia đình, sự tự do nói và hành động bị hạn chế, đến nỗi thậm chí chúng tôi chẳng còn chút gì giống một gia đình Mỹ bình thường. Cứ hễ lúc nào muốn mở miệng, chúng tôi đều phải tìm đến các xó nhà, đứng đằng sau cửa, cảnh giác với điện thoại và nói thì thầm." Sự căng thẳng của tất cả những chuyện này ảnh hưởng nặng lên mẹ của Martha. "Theo thời gian, nỗi kinh hoàng ngày càng tăng," Martha viết, "sự duyên dáng và lịch thiệp bà thể hiện với các quan chức Quốc xã bà buộc

phải gặp gỡ, phải thù tiếp và ngồi bên cạnh, trở nên một gánh nặng căng thẳng, đến nỗi bà không thể chịu đựng nổi."

Dần dần, Martha sử dụng các mật mã cổ xưa trong giao tiếp với bạn bè, một thông lệ đang ngày càng phổ biến khắp nước Đức. Bạn cô, Mildred sử dụng một mật mã cho những lá thư gửi về nhà, trong thư cô ta trau chuốt các câu mang nghĩa ngược lại với những gì bản thân các từ trong câu muốn ám chỉ. Cách thức này trở nên quen thuộc và cần thiết, khiến những kẻ ngoài cuộc không thể hiểu nổi. Một giáo sư người Mỹ là bạn của gia đình Dodd, Peter Olden, viết thư cho Dodd ngày 30 tháng 01 năm 1934, cho ông biết rằng mình đã nhận được một tin nhắn từ người anh rể tại Đức. Theo đó anh ta mô tả một mật mã anh ta định sử dụng trong tất cả thư từ, kể từ nay. Trong bất cứ bối cảnh nào, từ "mưa" sẽ mang nghĩa là anh ta phải vào sống trong trại tập trung. Từ "tuyết" sẽ mang nghĩa anh ta bị tra tấn. "Có vẻ cực kì khó tin," Olden nói với Dodd. "Nếu ngài nghĩ rằng đây đích thị là một trò đùa quá đáng, tôi tự hỏi liệu ngài có thể làm thế trong lá thư gửi tôi."

Câu trả lời thận trọng của Dodd là một nghiên cứu về việc cố tình bỏ sót, cho dù ý ông đã rõ ràng. Ông bắt đầu tin rằng ngay cả thư từ ngoại giao cũng bị các mật vụ Đức chặn và đọc trước. Một chủ đề ngày càng được quan tâm là số lượng nhân viên người Đức làm việc cho Lãnh sự quán và Đại sứ quán. Đặc biệt một viên thư kí đã khiến các quan chức Lãnh sự quán phải chú ý: Heinrich Rocholl, một nhân viên lâu năm từng giúp chuẩn bị các báo cáo cho Tùy viên Thương mại Mỹ, người có văn phòng nằm trên tầng một của Lãnh sự quán, trên phố Bellevuestrasse. Trong thời gian rảnh, Rocholl đã thành lập một tổ chức thân Quốc xã, mang tên Hội Cựu Sinh viên Đức tại Mỹ, cho phát hành một ấn bản của tờ Rundbriefe. Sau này, Rocholl bị phát hiện đang cố gắng "tìm hiểu nội dung các báo cáo tuyệt mật của Tùy viên Thương mại," căn cứ theo một biên bản ghi nhớ mà Quyền Tổng Lãnh sự Geist gửi về Washington. "Hắn ta cũng nói chuyện nhiều lần với các nhân viên người Đức khác hỗ trợ công tác báo cáo, và tâm sự với họ rằng công việc của họ về mọi mặt phải phụng sự cho chế độ hiện tại." Trong một ấn bản của tờ Rundbriefe, Geist phát hiện một bài viết "có những lời bóng gió chê bai ngài Đại sứ, cũng như ngài Messersmith." Đối với Geist, đây là giọt nước tràn ly. Viện dẫn "hành động ngấm ngầm không trung thành với cấp trên" của viên thư kí, Geist sa thải hắn ta.

Dodd nhận ra rằng cách tốt nhất để có thể nói chuyện riêng thực sự với bất kì ai là gặp gỡ tại công viên Tiergarten khi đi dạo, như

Dodd thường xuyên làm với người đồng cấp Anh của mình, Hiệp sĩ Eric Phipps. “Tôi sẽ đi dạo vào lúc 11 giờ 30 phút, trên đường Hermann-Göring-Strasse, dọc công viên Tiergarten,” một ngày Dodd nói với Phipps trong một cuộc gọi vào lúc mười giờ sáng. “Ngài có thể gặp tôi tại đó và nói chuyện một lúc chứ?” Và một dịp khác, Phipps gửi Dodd một mẩu giấy viết tay hỏi rằng, “Trưa mai, chúng ta có thể gặp nhau lúc 12 giờ được không, tại Siegesalle giữa công viên Tiergarten và đường Charlottenburger Chaussee, (đi từ đây) nó nằm bên phải?”

Dù các thiết bị nghe lén có thực sự được lắp đặt ở Đại sứ quán và ở nhà Dodd hay không, thực tế quan trọng nhất chính là họ nhìn nhận đang bị Quốc xã giám sát ở khắp nơi. Bất chấp cuộc sống ngày càng bị ảnh hưởng bởi trò theo dõi, họ tin mình nắm một lợi thế quan trọng, so với những người Đức cùng địa vị khác - họ sẽ không gặp phải thiệt hại nào. Tuy nhiên, vị thế ngoại giao của Martha không bảo vệ được bạn bè cô. Martha có lí do đặc biệt để lo lắng về bản chất của những người mình kết bạn.

Cô phải thực sự cẩn thận trong quan hệ với Boris - đại diện của một chính phủ bị Quốc xã mắng nhiếc, chửi rủa, không nghi ngờ gì nữa, anh chính là mục tiêu bị giám sát. Mildred cùng Arvid Harnack, cả hai người này ngày càng phản đối mạnh mẽ chế độ Quốc xã, và đang tiến hành những bước đầu tiên trong việc xây dựng một hội nhỏ cam kết phản đối thế lực Quốc xã. Martha viết trong hồi kí “Nếu nói chuyện phản đối Hitler với những người bạn đủ dũng cảm và liều lĩnh, tôi hẳn sẽ trải qua những đêm mất ngủ tự hỏi máy nghe lén hay điện thoại có ghi âm cuộc nói chuyện không, hay liệu họ có bị theo dõi không.”

Mùa đông năm 1933 - 1934, mối lo của cô biến thành nỗi sợ hãi “gần như hoảng loạn”, theo miêu tả của cô. Cô chưa bao giờ cảm thấy khiếp đảm đến như thế. Cô nằm trên giường mình, trong phòng riêng, cha mẹ đang ở trên gác, khách quan mà nói thì đang rất bình yên, vậy nhưng khi ánh đèn đường mờ mờ bên ngoài hắt những cái bóng đen qua trần nhà, cô thấy không thể ngăn mình khiếp sợ màn đêm.

Cô nghe thấy, hoặc tưởng tượng ra mình nghe thấy tiếng giày đế cứng lạo xạo trên đường xe vào nhà rải sỏi bên dưới, âm thanh ngập ngừng và ngắt quãng, như thể ai đó đang theo dõi phòng ngủ của cô. Vào ban ngày, nhiều ô cửa sổ trong phòng cô ngập tràn ánh sáng và sắc màu, nhưng ban đêm chúng chơi trò ảo thuật với tâm hồn dễ bị tổn thương. Ánh trăng hắt những cái bóng đen di động lên các bãi cỏ, lối đi bộ và bên trong hàng cột cao ở cổng vào.

Có vài đêm, cô hình dung mình nghe thấy những tiếng nói chuyện thì thầm, cả những tiếng súng xa xa, cho dù vào ban ngày cô có thể xem những ám ảnh này chỉ do tiếng gió lùa qua lớp sỏi và tiếng nổ của động cơ.

Nhưng điều gì cũng có thể xảy ra. Cô viết, “Tôi thường xuyên cảm thấy khiếp sợ đến nỗi thi thoảng đánh thức mẹ dậy, rủ bà sang ngủ cùng tôi.”

Chương 32
CẢNH BÁO BÃO

Tháng Hai năm 1934, những lời đồn đại rằng cuộc xung đột giữa Hitler và Đại úy Röhm đang ngày càng căng thẳng hơn đến tai Dodd. Những lời đồn rất có cơ sở.

Đến cuối tháng, Hitler xuất hiện trong cuộc họp mặt các quan chức SA cấp cao của Röhm, SS của Heinrich Himmler và quân đội chính quy, Quân Phòng vệ Đế chế. Ngồi bên cạnh hắn trên bục là Röhm và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Blomberg. Bầu không khí trong phòng ngột ngạt. Tất cả những ai có mặt đều biết đến cuộc xung đột đang sôi sục giữa SA và quân đội, họ mong muốn Hitler giải quyết vấn đề này.

Đầu tiên, Hitler chỉ nói những chủ đề rộng hơn. Hắn tuyên bố nước Đức cần mở rộng lãnh thổ hơn nữa, "thêm nhiều không gian hơn cho dân số đông đảo của chúng ta sinh sống." Nước Đức phải sẵn sàng chiếm lấy nó. "Các thế lực phương Tây sẽ không bao giờ chịu nhả không gian thiết yếu này cho chúng ta," Hitler nói. "Đó là lí do tại sao một loạt cú đấm quyết định có thể là cần thiết - trước tiên ở phương Tây, tiếp theo là phương Đông."

Sau một hồi dông dài nữa, hắn quay sang Röhm. Mọi người trong phòng chẳng lạ gì những tham vọng của Röhm. Vài tuần trước, Röhm đã chính thức đề xuất nên hợp nhất Quân Phòng vệ Đế chế, SA và SS thành một bộ duy nhất, ngụ ý ngấm ngầm là bản thân hắn phải được làm Bộ trưởng. Lúc này nhìn thẳng vào mặt Röhm, Hitler nói, "SA phải tự hạn chế các nhiệm vụ chính trị của mình."

Röhm vẫn giữ nguyên nét mặt bình thản. Hitler nói tiếp, "Bộ trưởng Bộ Chiến tranh có thể ra lệnh SA triển khai kiểm soát biên giới và huấn luyện sơ bộ."

Đây cũng là sự sỉ nhục. Không chỉ vì Hitler bắt SA phải làm các nhiệm vụ rõ ràng là nhục nhã như kiểm soát biên giới và tập huấn, mà hắn còn cố tình xem Röhm dưới cơ so với Blomberg, chỉ nhận lệnh mà không được khởi xướng. Röhm vẫn không phản ứng.

Hitler nói, "Ta mong đợi SA trung thành thực thi nhiệm vụ được giao phó."

Sau khi kết thúc bài diễn văn, Hitler quay sang Röhm, nắm cánh tay hắn ta và bắt tay hắn ta. Người này nhìn thẳng vào mắt người kia. Đó là một khoảnh khắc được sắp đặt cẩn thận, ngụ ý muốn truyền tải thông điệp hòa giải. Hitler rời đi. Đóng vai trò chủ trì, lúc này Röhm mời các sĩ quan trong phòng đến ăn trưa tại nhà hắn. Bữa tiệc đúng theo phong cách SA điển hình, rất xa hoa, sâm banh chảy như suối, nhưng bầu không khí thì chẳng lấy gì làm vui. Đến đúng thời điểm, Röhm và nhóm SA của hắn ra dấu hiệu kết thúc bữa trưa. Những gót giày giậm mạnh, một rừng súng giơ lên theo kiểu chào Hitler, những câu Vạn tuế vang lên, các viên chỉ huy tiến đến lối ra.

Röhm cùng lũ tay sai vẫn ở lại. Chúng uống thêm sâm banh, nhưng với tâm trạng ủ rũ.

Đối với Röhm, những nhận xét của Hitler phá hỏng mối quan hệ lâu bền giữa hai bên. Dường như Hitler đã quên vai trò thiết yếu của Sư đoàn Bão tố, trong việc đưa hắn lên đỉnh cao quyền lực.

Lúc này, Röhm lên tiếng, chẳng nhắm vào ai cụ thể, "Đây là một Hiệp ước Versailles mới." Một lúc sau, hắn nói tiếp, "Hitler hả? Giá mà ta có thể loại bỏ thằng yếu sinh lí này."

Bè lũ SA nán lại thêm một lúc nữa, bày tỏ những phản ứng tức giận với bài diễn văn của Hitler - tất cả diễn ra dưới sự chứng kiến của một sĩ quan SA cao cấp tên là Viktor Lutze, người thấy bất an sâu sắc. Vài ngày sau, Lutze báo cáo tình tiết quan trọng cho Rudolf Hess, hiện đang là một trong các sĩ quan phụ tá thân cận nhất của Hitler. Rudolf Hess thúc giục Lutze nên gặp trực tiếp Hitler và kể cho hắn nghe mọi chuyện.

Nghe xong bài tường thuật của Lutze, Hitler đáp, "Chúng ta phải đợi thời cơ chín muồi đã."

Chương 33
BẢN TÓM TẮT CUỘC ĐỐI THOẠI VỚI HITLER

Nỗi mong chờ ngày nghỉ phép sắp tới trong vui vẻ của Dodd bị phủ bóng đen bởi hai yêu cầu bất ngờ. Yêu cầu đầu tiên đến vào thứ Hai, ngày 05 tháng 03 năm 1934, khi ông được triệu tập đến văn phòng Ngoại trưởng Neurath, người đã giận dữ đòi hỏi ông phải làm gì đó ngăn chặn phiên tòa chế nhạo Hitler sẽ diễn ra hai ngày sau đó, tại sân vận động Madison Square Garden ở New York. Phiên xử do Hội Người Mỹ gốc Do Thái tổ chức, với sự hỗ trợ của Liên đoàn Lao động Mỹ và hơn hai mươi tổ chức Do Thái chống Quốc xã khác. Kế hoạch này khiến Hitler phẫn nộ, đến mức hắn ra lệnh cho Neurath cùng các nhà ngoại giao tại Berlin và Washington phải chặn nó lại.

Hậu quả là một chuỗi những phản đối chính thức, những hồi âm và biên bản ghi nhớ hé lộ cả sự nhạy cảm của nước Đức đối với ý kiến từ bên ngoài, và những chặng đường dài các quan chức Mỹ buộc phải đi, nếu không muốn nhận chỉ trích trực tiếp của Hitler và đảng của hắn. Mức độ khống chế hẳn sẽ rất tức cười nếu cái giá phải trả không cao đến thế, làm dấy lên một câu hỏi: tại sao Bộ Ngoại giao và Tổng thống Roosevelt lại quá ngần ngừ không dám nói thẳng những gì họ cảm thấy về Hitler, vào thời điểm rõ ràng những gì họ nói ra có thể giáng đòn mạnh mẽ vào uy tín của hắn trên thế giới?

Đại sứ quán tại Washington ban đầu có nghe phong thanh về phiên tòa chế nhạo vài tuần trước, từ tháng Hai, thông qua những thông tin quảng cáo trên tờ New York Times. Đại sứ Đức tại Mỹ, Hans Luther nhanh chóng khiếu nại lên Ngoại trưởng Hull, người đã thận trọng trả lời, "Tôi xin nói rõ mình rất lấy làm tiếc khi thấy những khác biệt phát sinh giữa người dân ở nước ngài và nước tôi.

Tôi sẽ chú ý tới vấn đề này một cách thích đáng nhất có thể và toàn diện nhất về mọi khía cạnh."

Ngày 01 tháng 03 năm 1934, nhân vật số hai của Đại sứ quán Đức, Rudolf Leitner, đã có buổi gặp gỡ một quan chức Bộ Ngoại giao tên là John Hickerson, thúc giục ông ta "hãy làm gì đó ngăn chặn phiên tòa này vì ảnh hưởng đáng tiếc của nó lên dư luận Đức, nếu nó được diễn ra." Đáp lại, Hickerson cho biết, "vì hiến pháp của chúng tôi bảo đảm quyền tự do ngôn luận", nên Chính phủ Liên bang không thể làm được gì.

Leitner thấy điều này rất khó hiểu. Ông ta nói với Hickerson, "rằng nếu đổi lại là ở Đức thì Chính phủ Đức chắc chắn sẽ tìm ra cách 'chặn đứng một phiên tòa như thế'. "

Hickerson không nghi ngờ gì chuyện này. "Tôi đã trả lời," Hickerson viết, "rằng tôi hiểu rõ Chính phủ Đức không bị giới hạn hành động có thể thực hiện, như Chính phủ Mỹ, đối với những vấn đề như thế."

Hôm sau, thứ Sáu, ngày 02 tháng 02, Đại sứ Luther có cuộc gặp gỡ thứ hai với Ngoại trưởng Hull để phản đối phiên tòa.

Bản thân Hull hẳn cũng mong muốn phiên tòa chế nhạo này đừng có diễn ra. Nó làm phức tạp nhiều thứ và có nguy cơ khiến Đức càng không muốn trả những khoản nợ. Cùng lúc đó, ông cũng không ưa gì chế độ Quốc xã. Cho dù ông tránh đưa ra bất kì tuyên bố chỉ trích thẳng thắn nào, nhưng ông cảm thấy khoan khoái phần nào khi thông báo tới viên đại sứ Đức rằng, những người được chọn lên tiếng tại phiên tòa "đều không hề chịu sự kiểm soát của Chính phủ Liên bang," và do đó Bộ Ngoại giao không có thẩm quyền can thiệp.

Chính lúc này, Ngoại trưởng Neurath triệu tập Dodd đến văn phòng. Neurath bắt ông phải đợi mười phút, Dodd "nhận ra điều đó và phẫn nộ". Sự trì hoãn này nhắc ông nhớ đến lần mất mặt của Neurath tháng Mười năm ngoái, sau bài diễn văn Ngày Columbus về Gracchus và Caesar.

Neurath trao cho ông một bản tóm tắt - thông báo viết tay của một nhà ngoại giao gửi cho một nhà ngoại giao khác, cách thức đặc trưng đối với một vấn đề nghiêm trọng, vì sợ nói miệng có thể làm xuyên tạc thông điệp muốn truyền tải. Bất ngờ là thông báo này đầy lời lẽ hăm dọa và không đúng mực. Gọi phiên tòa chế nhạo sắp diễn ra là "trò diễn hiểm độc", trích dẫn những "màn sỉ

nhục" tương tự từng diễn ra tại Mỹ suốt năm ngoái, được mô tả là "có sức phá hủy ngang với can thiệp trực tiếp vào chuyện nội bộ của nước khác". Tài liệu cũng công kích phong trào tẩy chay hàng hóa Đức của người Mỹ gốc Do Thái do hội của họ xúc tiến. Xoáy vào nỗi sợ hãi Đức bùng nợ trái phiếu của Mỹ, tài liệu cho rằng trò tẩy chay đã làm giảm cán cân thanh toán của Đức với Mỹ, đến mức "các công ty Đức chỉ có thể hoàn thành một phần trách nhiệm trả nợ Mỹ."

Cuối thông báo, Neurath cam đoan chỉ vì phiên tòa chế nhạo này, "mà sẽ cực khó đảm bảo duy trì được các quan hệ hữu nghị, chân thành mà cả hai chính phủ mong muốn."

Đọc xong thông báo, Dodd từ tốn giải thích rằng tại Mỹ, "người ta không thể đàn áp buổi mít tinh riêng tư hoặc công khai", một vấn đề mà nước Đức dường như không hiểu nổi. Dodd cũng gợi ý Đức đã tự gây rắc rối cho các mối quan hệ công chúng này. "Tôi nhắc Bộ trưởng nhớ rằng còn nhiều chuyện xảy ra ở đây cũng khiến dư luận nước ngoài sốc đấy."

Sau cuộc gặp, Dodd đánh điện tín cho Ngoại trưởng Hull, cho biết phiên tòa chế nhạo "đã gây ấn tượng rất mạnh" đối với Chính phủ Đức. Dodd ra lệnh nhân viên của ông chuyển dịch bản tóm tắt của Neurath rồi mới được gửi cho Hull, theo đường thư tín.

Vào buổi sáng trước ngày có phiên tòa chế nhạo, Đại sứ Đức Luther lại cố gắng ngăn chặn nó. Lần này, ông ta kêu gọi Thứ trưởng Ngoại giao William Phillips, người cũng bảo ông ta rằng ông chẳng làm được gì. Luther đòi hỏi Bộ Ngoại giao phải tuyên bố ngay lập tức "không được nói bất kì điều gì đại diện cho quan điểm của Chính phủ tại cuộc mít tinh".

Ngay cả điều này, Phillips cũng ngần ngừ. Ông giải thích mình không có thời gian chuẩn bị báo cáo và nói thêm rằng sẽ là không thích hợp, khi một ngoại trưởng cố gắng dự đoán người ta sẽ nói hoặc không nói cái gì tại phiên tòa.

Luther nỗ lực lần cuối cùng, đề nghị Bộ Ngoại giao ít nhất cũng phải tuyên bố không thừa nhận, vào buổi sáng sau khi diễn ra phiên tòa.

Phillips nói rằng ông ta không thể cam kết với Bộ Ngoại giao, nhưng sẽ "cân nhắc vấn đề này".

Phiên xử diễn ra theo kế hoạch, với sự bảo vệ của 320 cảnh sát Thành phố New York mặc đồng phục. Bên trong sân vận động

Mad- ison Square Garden, bốn mươi thám tử mặc thường phục trà trộn vào khoảng hai mươi ngàn người tham dự. Hai mươi "nhân chứng" tham dự phiên tòa bao gồm Rabbi Stephen Wise, Thị trưởng Thành phố New York Fiorello La Guardia và Cựu Ngoại trưởng Bainbridge Colby, người phát biểu khai mạc phiên tòa. Tòa phán Hitler có tội: "Chúng tôi tuyên bố chính quyền Hitler đang ép người dân Đức rời bỏ nền văn minh, quay về thời đại chuyên chế cổ hủ, tàn bạo, cản trở bước tiến của nhân loại đến hòa bình và tự do, và hiện là mối đe dọa đối với cuộc sống văn minh trên toàn thế giới."

Tại một cuộc họp báo ngày hôm sau, Phillips tuyên bố rằng ông "không có nhận xét gì, ngoài việc nhấn mạnh lại tính chất riêng tư của cuộc mít tinh, rằng không có thành viên nào của Chính phủ có mặt."

Phillips cùng các quan chức hướng sự chú ý vào những vấn đề khác. Tuy nhiên, một điều rõ ràng là Đức sẽ không chịu để yên như thế.

Nhiệm vụ khó chịu thứ hai Dodd phải hoàn thành trước khi về nước là gặp gỡ Hitler. Ông đã nhận được lệnh của Ngoại trưởng Hull chuyển đến ngài Thủ tướng một thông điệp, rằng nước Mỹ thấy bất an trước sự bùng nổ thông tin tuyên truyền của Quốc xã mới đây trong lòng nước Mỹ. Putzi Hanfstaengl đã thu xếp cuộc gặp, sẽ là riêng tư và bí mật - chỉ bao gồm Hitler và Dodd. Thế là, vào thứ Tư, ngày 07 tháng 03, ngay trước một giờ chiều, Dodd một lần nữa thấy mình trong dinh Thủ tướng Đế chế, đang tiến đến văn phòng của Hitler, đi qua đội ngũ lính gác, như thường lệ đang giậm chân và chào mừng.

Đầu tiên, Dodd hỏi Hitler liệu hắn có thông điệp cá nhân nào gửi Tổng thống Roosevelt không, để Dodd có thể đưa trực tiếp cho Tổng thống, khi gặp nhau tại Washington.

Hitler ngập ngừng. Hắn nhìn Dodd một lúc.

"Tôi rất biết ơn ngài," hắn nói, "nhưng việc này khiến tôi ngạc nhiên, nên muốn ngài cho tôi thêm thời gian cân nhắc, sẽ nói cho ngài biết sau."

Dodd và Hitler tán chuyện trên trời dưới đất một lúc nữa, trước khi Dodd chuyển sang vấn đề trước mắt - "thông tin tuyên truyền đáng tiếc bị tung ra tại Mỹ", như Dodd tường thuật trong một biên bản ghi nhớ ông soạn, sau buổi gặp gỡ này.

Hitler "giả vờ ngạc nhiên", Dodd viết, sau đó đề nghị cung cấp thông tin chi tiết.

Dodd nói, mười ngày trước, một cuốn sách mỏng của Quốc xã bắt đầu được lan truyền tại Mỹ, nội dung được Dodd mô tả là "yêu cầu người Đức tại các nước khác hãy luôn nghĩ mình là người Đức và bày tỏ lòng trung thành về mặt đạo đức, thậm chí về chính trị, với tổ quốc." Dodd so sánh điều này với thông tin tuyên truyền tương tự được truyền bá tại Mỹ năm 1913, ngay trước khi Mỹ tham gia Thế Chiến I.

Hitler nổi xung. "Ôi chà," hắn ngắt lời, "tất cả đều do lũ Do Thái dối trá, nếu tôi tìm ra được kẻ nào làm điều đó, tôi sẽ tống cổ hắn ra khỏi đất nước ngay lập tức."

Sau đó, cuộc đối thoại chuyển sang thảo luận về "chủ đề Do Thái" rộng hơn và hiểm hóc hơn. Hitler chỉ trích tất cả dân Do Thái, đổ lỗi cho họ gây ra bất kì ác cảm nào phát sinh trong lòng nước Mỹ, khi nghĩ về nước Đức. Hắn trở nên cuồng nộ và thốt lên, "Lũ Do Thái khốn kiếp!"

Thấy cơn giận của Hitler, Dodd nghĩ biết khôn thì không nên đụng tới vấn đề phiên tòa chế nhạo sẽ diễn ra cuối ngày hôm đó, theo giờ New York. Hitler cũng không nói về nó.

Thay vào đó, Dodd chuyển sang chuyện giải quyết tình hình Do Thái theo hướng hòa bình và nhân đạo. "Ngài biết rằng các nước khác cũng gặp phải vấn đề Do Thái," Dodd nói. Tiếp theo ông mô tả làm sao Bộ Ngoại giao dành sự khuyến khích không chính thức cho một tổ chức mới do Hội Quốc Liên thành lập, dưới sự chỉ đạo của James G. McDonald, tân Cao ủy người tị nạn mới được bổ nhiệm tại Đức, với nhiệm vụ tái định cư cho người Do Thái như Dodd nói rõ, "mà không cần phải quá khổ sở".

Hitler bác bỏ ngay lập tức. Hắn nói nỗ lực này sẽ thất bại, không cần biết đã huy động được bao nhiêu tiền. Hắn nói dân Do Thái sẽ biến nó thành vũ khí để "tấn công Đức và gây ra rắc rối không ngừng".

Dodd phản đối cách tiếp cận vấn đề này của Đức hiện nay, cho rằng nó đang khiến hình ảnh Đức tại Mỹ gặp tổn hại to lớn. Thật lạ lùng, Dodd lúc này đang cố gắng tìm kiếm một điểm trung hòa với tên độc tài. Ông nói, "Ngài biết một số vị trí quan trọng ở đất nước chúng tôi hiện tại do người Do Thái nắm giữ, cả ở New York và Illinois." Ông kể tên vài "người Do Thái công bằng, vô tư nổi

bật", bao gồm Henry Morgenthau Jr, Tân Bộ trưởng Ngân khố của Tổng thống Roosevelt, kể từ tháng Một. Dodd giải thích, "trong khi vấn đề hoạt động thái quá của người Do Thái ở các trường đại học, hoặc trong đời sống viên chức gây rắc rối, chúng tôi cố gắng tái phân phối các văn phòng sao cho không gây ra sự bực mình, rằng những người Do Thái giàu có vẫn tiếp tục ủng hộ các tổ chức hạn chế số lượng người Do Thái nắm giữ vị trí quan trọng." Dodd trích ra một ví dụ tại Chicago rồi nói thêm, "Người Do Thái ở Illinois chẳng gây ra vấn đề gì nghiêm trọng cả."

Trong biên bản ghi nhớ, Dodd giải thích, "Ý tưởng của tôi là gợi ý một quy trình khác với quy trình được tuân thủ ở đây - dĩ nhiên không bao giờ đưa ra lời khuyên thẳng thắn."

Hitler phản pháo, "59% tất cả văn phòng tại Nga do bọn Do Thái nắm giữ, chúng đã phá hủy đất nước đó và chúng có ý định hủy hoại nước Đức." Phẫn nộ hơn bao giờ hết, Hitler thốt lên, "Nếu chúng còn tiếp tục hoạt động, chúng tôi sẽ xóa sổ tất cả bọn chúng trên toàn đất nước này."

Đó là một khoảnh khắc lạ lùng. Đây là Dodd, một người ủng hộ Jefferson khiêm nhường, theo trường phái xem các chính khách như những người sáng suốt, ngồi trước mặt nhà lãnh đạo của một trong những quốc gia vĩ đại của châu Âu, khi nhà lãnh đạo ấy đang ngày càng gần như cuồng loạn và đe dọa hủy diệt một phần lớn dân số của chính mình. Đây là một trải nghiệm lạ lùng, cực kì quái dị đối với ông.

Dodd bình tĩnh chuyển chủ đề đối thoại quay về nhận thức của người Mỹ, ông cho biết "rằng dư luận Mỹ tin chắc người Đức, nếu không muốn nói là Chính phủ Đức là những kẻ quân phiệt, những kẻ thực sự thích chiến tranh" và rằng "hầu hết người dân Mỹ có cảm giác ngày nào đó Đức sẽ muốn gây chiến tranh." Dodd hỏi, "Chuyện này có cơ sở không?"

"Tuyệt đối chẳng có cơ sở nào," Hitler đáp. Cơn giận của hắn dường như đã nguôi. "Nước Đức muốn hòa bình và sẽ làm tất cả trong quyền hạn của mình để gìn giữ hòa bình, nhưng Đức đòi hỏi phải được hưởng quyền hạn bình đẳng về vấn đề vũ trang."

Dodd cảnh cáo rằng Tổng thống Roosevelt cực kì chú trọng đến các ranh giới quốc gia hiện có.

Về chuyện này, Hitler nói thái độ của Roosevelt giống hắn, và vì điều đó hắn thừa nhận "rất biết ơn".

Tốt rồi, Dodd hỏi liệu Đức có cân nhắc tham gia một hội nghị giải trừ vũ trang quốc tế mới không?

Hitler xua tay gạt bỏ câu hỏi, một lần nữa công kích người Do Thái. Hắn buộc tội chính chúng hô hào quan điểm rằng nước Đức muốn chiến tranh.

Dodd đưa hắn về đúng hướng. Ông hỏi Hitler có tán thành hai điểm: rằng "không quốc gia nào được xâm phạm biên giới nước khác, và rằng tất cả các quốc gia châu Âu đều đồng ý với một ủy ban giám sát và tuân thủ quy định của cơ quan đó?"

Có, Hitler đáp, Dodd quan sát, hắn nói câu đó thật sự "chân thành".

Sau này, miêu tả Hitler trong nhật kí của Dodd có đoạn, "Hắn là người có đầu óc lãng mạn và chỉ biết nửa vời các sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử vĩ đại của Đức." Hắn ta là loại người có bản chất "gần như tội phạm". "Có vài dịp, nhất định hắn đã nói rằng người ta sinh tồn nhờ chiến tranh và chết đi do hậu quả của những chính sách thời bình. Ảnh hưởng của hắn trước nay toàn mang tư tưởng hằn thù."

Vậy thì điều này làm sao kết hợp được với nhiều tuyên bố về ý định hòa bình của Hitler? Nếu là trước kia, Dodd từng tin rằng Hitler "cực kì chân thành" muốn có hòa bình. Tuy nhiên, giờ đây, như Messersmith từng nhận ra, ngài đại sứ đã hiểu mục đích thật sự của Hitler là muốn tranh thủ thời gian, cho phép Đức tiến hành tái vũ trang. Hitler muốn hòa bình chẳng qua chỉ nhằm chuẩn bị cho chiến tranh. "Trong đầu óc hắn," Dodd viết, "là ý tưởng của nước Đức cũ, hòng thống trị châu Âu thông qua chiến tranh."

Dodd bắt tay chuẩn bị cho chuyến đi của mình. Cho dù sẽ đi vắng trong hai tháng, nhưng ông muốn vợ mình, Martha và Bill ở lại Berlin. Ông sẽ nhớ họ, nhưng ông háo hức lên tàu thẳng tiến về Mỹ và trang trại của ông. Kém vui vẻ hơn là viễn cảnh những cuộc họp ông phải tham dự tại Bộ Ngoại giao, ngay sau khi về nước. Ông có dự định nhân cơ hội này tiếp tục chiến dịch cải tổ ngành Ngoại giao theo chủ nghĩa quân bình hơn, bằng cách đối đầu trực tiếp với các thành viên của câu lạc bộ Pretty Good.

Thứ trưởng Phillips, Moffat, Carr và một trợ lí ngoại trưởng đang ngày càng có nhiều ảnh hưởng, Sumner Welles, cũng từng tốt nghiệp Harvard và là bạn tâm giao của Tổng thống Roosevelt (thực ra là người giúp tổ chức đám cưới của Roosevelt năm 1905),

từng là nhân tố thiết kế chính sách Hàng xóm Tốt của Tổng thống. Dodd hẳn sẽ thích quay về Mỹ mang theo bằng chứng xác đáng rằng sự tiếp cận với ngành ngoại giao - cách ông giải thích cho nhiệm vụ đại diện cho các giá trị Mỹ mà Tổng thống Roosevelt giao phó - đã có ảnh hưởng khiêm nhường lên chế độ của Hitler. Nhưng tất cả những gì ông thu được cho đến giờ là sự ghê tởm đối với Hitler cùng bè lũ dưới quyền hắn, và nỗi u sầu vì nước Đức trong kí ức của ông đã không còn.

Tuy nhiên, ngay trước khi lên đường, một tia sáng lấp lánh khiến con tim ông như muốn hát lên, cho thấy những nỗ lực của ông đã được đền đáp. Ngày 12 tháng 03, một quan chức của văn phòng ngoại giao Đức, Hans-Heinrich Dieckhoff, đã tuyên bố tại một cuộc họp của câu lạc bộ Báo chí Đức rằng, kể từ nay trở đi, Đức sẽ yêu cầu trước khi bắt giữ bất kì ai, sẽ phải có lệnh bắt, rằng nhà tù Columbia House khét tiếng sẽ bị đóng cửa. Dodd tin rằng cá nhân ông có liên quan nhiều đến mệnh lệnh này.

Hẳn ông sẽ bớt vui đi một chút nếu biết phản ứng kín đáo của Hitler đối với cuộc gặp cuối cùng giữa họ, được Putzi Hanfstaengl ghi lại. “Dodd chẳng tạo được ấn tượng gì hết,” Hanfstaengl viết. “Hitler gần như xem thường ông ta.” Sau cuộc gặp, Hitler đã nói, “Cái lão Dodd ấy mà. Hắn chẳng nói được câu tiếng Đức nào, chẳng hiểu hắn nói cái quái gì hết.”

Quay lại Washington, điều này rất phù hợp với phản ứng của Jay Pierrepont Moffat. Trong nhật kí, Moffat viết, “Đại sứ Dodd, hoàn toàn không được chỉ dẫn đã vội thảo luận với Hitler ý tưởng chính sách không xâm lược của Tổng thống, và hỏi thẳng liệu hắn có tham dự hội nghị quốc tế để thảo luận chuyện này không. Chuyện ngài Đại sứ lấy đâu ra cái ý tưởng chúng tôi muốn tổ chức một hội nghị quốc tế vẫn là điều bí ẩn.”

Với sự bực bội rõ ràng, Moffat viết, “Tôi thấy mừng khi ông ta sắp về nước nghỉ phép.”

Đêm trước khi khởi hành, Dodd về phòng ngủ của mình thì thấy Fritz, viên quản gia, đang gói ghém vali của ông. Dodd thấy bực mình. Ông không tin tưởng Fritz, nhưng đó không phải là vấn đề ở đây. Trái lại, chính những nỗ lực của Fritz đã bào mòn những bản năng Jefferson của chính ông. Dodd viết trong nhật kí, “Tôi không nghĩ một người đàn ông tự gói ghém hành lí lại là điều sỉ nhục.”

Thứ Ba, ngày 13 tháng 03, ông cùng gia đình lái xe đến Hamburg,

cách Berlin 290 cây số về phía tây bắc, nơi ông tạm biệt mọi người và bước vào khoang của ông trên tàu SS Manhattan của Hãng Vận chuyển United State Lines.

Khi Dodd hạnh phúc được lênh đênh trên biển, cơn giận của Chính phủ Đức về phiên tòa chế nhạo một lần nữa bùng lên. Dường như Đệ tam Đế chế chỉ đơn giản là không thể để yên chuyện này.

Vào ngày Dodd ra khơi, tròn sáu ngày sau phiên tòa, Đại sứ Luther tại Washington một lần nữa gọi cho Ngoại trưởng Hull. Theo như Hull tường thuật, Luther đã phản đối "những hành động xúc phạm và sỉ nhục của người dân một nước chống lại Chính phủ, cùng các quan chức của một nước khác."

Đến lúc này, Hull đã mất kiên nhẫn. Sau khi bày tỏ sự thương tiếc chiếu lệ và nhắc lại rằng phiên tòa chế nhạo không liên quan gì đến Chính phủ Mỹ, ông ra đòn một cách khéo léo. "Tôi xin tuyên bố thêm tôi tin rằng trong tương lai, người dân của từng nước sẽ học cách tự kiềm chế không tổ chức mít tinh, hoặc biểu tình quá đáng hoặc không thích hợp, vì những hành động của người dân nước khác. Tôi mong muốn diễn đạt rất dễ hiểu với toàn bộ người Đức. Tóm lại, tôi muốn nói thêm rằng có vẻ thế giới đang chìm trong kích động, và hệ quả là người dân của nhiều nước không chịu suy nghĩ, cũng như hành động cho hợp lí."

Mười ngày sau, giữa một cơn bão tuyết, viên đại sứ Đức lại quay lại, giận dữ hơn cả lần trước. Khi Luther bước vào văn phòng của Hull, ông ta bị viên ngoại trưởng chế nhạo, hi vọng ông ta "không cảm thấy lạnh như lớp tuyết đang rơi bên ngoài".

Dùng thứ ngôn ngữ Hull mô tả là "gần như thô tục", Luther mất bốn mươi lăm phút tiếp theo, giận dữ trích ra một danh sách "những ngôn từ lăng mạ và sỉ nhục mà các công dân Mỹ đã dùng đối với Chính quyền Hitler ".

Hull bày tỏ nỗi buồn vì Mỹ đã trở thành mục tiêu để người Đức chỉ trích, nhưng rồi lưu ý rằng ít nhất "chính phủ của tôi không đơn độc trong hoàn cảnh này. Rõ ràng, tất cả các chính phủ xung quanh nước Đức, cũng như các chính phủ gần gũi với quốc gia của ông ta dường như cùng tỏ thái độ căm ghét rõ ràng về mặt này hay mặt khác. Chính phủ của ông ta hiện tại vì lí do nào đó gần như bị tất cả các nước khác cô lập, cho dù tôi không nêu ra ví dụ cụ thể trách nhiệm của họ như thế nào. Tuy nhiên, tôi cho rằng có lẽ hợp lí hơn là chính phủ của ông ta phải xem lại các điều kiện cô

lập, tìm hiểu xem rắc rối, hoặc sai lầm nằm ở đâu."

Hull cũng nêu rõ quan hệ của Mỹ với các chính phủ Đức trước kia "đều dễ chịu", rằng "chỉ trong thời gian chính phủ hiện thời cầm quyền thì các rắc rối mới bùng lên, về mặt cá nhân cũng như ngoại giao tôi cảm thấy rất tiếc." Ông thận trọng lưu ý rằng chắc chắn điều này chỉ đơn thuần là "trùng hợp".

Hull thông báo mọi rắc rối rồi sẽ qua đi, chỉ cần nước Đức "có thể chấm dứt hoàn toàn những báo cáo về người bị thương đang đều đặn gửi từ Đức sang Mỹ, làm tăng thêm nỗi oán hận cay đắng giữa những người dân ở Mỹ".

Hull viết, "Rõ ràng trong suốt cuộc đối thoại chúng tôi đang nói đến nạn đàn áp người Do Thái."

Một tuần sau, Ngoại trưởng Hull triển khai một phương án được chứng minh là giải pháp cuối cùng cho vấn đề. Cuối cùng, ông đã nhận được bản dịch bản tóm tắt Neurath đưa cho Dodd. Giờ thì đến lượt Hull giận dữ. Ông gửi một bản tóm tắt của riêng mình, được một đại diện lâm thời tại Berlin, John C. White trao tận tay Neurath. White đang điều hành Đại sứ quán, trong thời gian Dodd vắng mặt.

Sau khi mắng mỏ, khiển trách Neurath với "giọng điệu cộc cằn không thích hợp trong giao tiếp ngoại giao" tràn khắp bản tóm tắt bằng tiếng Đức, Hull dành một phần ngắn lên lớp ông ta về các nguyên tắc của Mỹ.

Ông viết, "Ai cũng biết rằng việc tự do thực hành tín ngưỡng, tự do phát biểu và tự do báo chí và quyền được tổ chức hội họp trong hòa bình, không chỉ được Hiến pháp Mỹ bảo đảm cho các công dân của chúng tôi, mà là những niềm tin đã ăn sâu vào tiềm thức chính trị của người dân Mỹ." Hull viết, thế nhưng Neurath trong bản tóm tắt của mình lại mô tả các sự kiện theo kiểu Đức cảm thấy Chính phủ Mỹ lẽ ra phải xem nhẹ những nguyên tắc này. "Do đó, có vẻ như quan điểm của hai chính phủ liên quan đến vấn đề tự do phát biểu và hội họp không thể hòa hợp được với nhau, và rằng bất kì thảo luận nào về sự khác biệt này không thể cải thiện quan hệ mà Chính phủ Mỹ mong muốn giữ gìn, trên cơ sở nhu cầu của hai dân tộc, xem hữu nghị như một lợi ích chung."

Cứ như thế, cuộc chiến về phiên tòa chế nhạo rồi cũng đi đến hồi kết, với các quan hệ ngoại giao tuy lạnh giá nhưng không bị tổn hại. Một lần nữa, không có ai trong Chính phủ Mỹ đưa ra bất kì

tuyên bố công khai nào, hoặc ủng hộ phiên tòa, hoặc chỉ trích chế độ Hitler. Chỉ có một câu hỏi đặt ra: Tất cả đang sợ cái gì?

Một thượng nghị sĩ Mỹ, Millard E. Tydings ở Maryland, đã cố gắng ép Tổng thống Roosevelt lên tiếng phản đối khủng bố người Do Thái, bằng cách tuyên đọc trước Thượng viện một nghị quyết hẳn sẽ chỉ cho Tổng thống "cách gửi đến Đế chế Đức một tuyên bố rõ ràng về những cảm xúc ngạc nhiên và đau đớn sâu sắc người dân Hoa Kỳ trải qua, khi biết đến những phân biệt đối xử và đàn áp, mà Đế chế bắt công dân Do Thái phải hứng chịu."

Một bản tóm tắt của Bộ Ngoại giao về nghị quyết này do một người bạn của Dodd, Trợ lí Ngoại trưởng R. Walton Moore viết, khiến mọi người hiểu thêm về sự miễn cưỡng của Chính phủ. Sau khi xem xét nghị quyết, Thẩm phán Moore kết luận nó chỉ khiến Tổng thống Roosevelt càng "lâm vào thế khó". Moore giải thích, "Nếu ông ấy không làm theo đề nghị này, ông ấy sẽ phải hứng chịu chỉ trích nặng nề. Mặt khác, nếu làm theo, ông ấy sẽ không chỉ khiến Chính phủ Đức phẫn nộ, mà có thể còn phải đối mặt với cuộc thảo luận gay gắt của Chính phủ, chẳng hạn Chính phủ có thể đề nghị ông ấy giải thích tại sao người da màu trong đất nước này không được hưởng quyền đi bầu cử, tại sao lối hành hình kiểu lynch[93] đối với người da màu tại bang của Thượng Nghị sĩ Tydings và các bang khác không bị ngăn chặn hoặc bị trừng phạt nghiêm khắc, và làm sao xu hướng bài Do Thái tại Mỹ, đáng tiếc dường như đang tăng lên, lại không được xem xét."

[93] Hành hình kiểu Lynch: Cách hành hình man rợ người da màu không qua xét xử trong thời gian xảy ra nạn phân biệt chủng tộc của Mỹ, thường do một đám đông mang theo đủ loại vũ khí tiến hành, chúng trói người da màu lại đánh đập, hành hạ rồi treo lên thiêu sống....

Nghị quyết thất bại, theo lời một sử gia, Ngoại trưởng Hull "đã cố gắng gây ảnh hưởng lên Ủy ban Đối ngoại, để nghị quyết mãi mãi bị chôn vùi."

Chương 34
DIELS SỢ HÃI

Khi mùa xuân đang đến gần và nhiệt độ cuối cùng cũng vượt ngưỡng mười độ C, Martha bắt đầu nhận thấy sự thay đổi ở Diels. Thường là người lạnh lùng và ngọt ngào, nhưng giờ đây hắn dường như hay cáu bẳn. Nhưng hắn có lí do chính đáng.

Sức ép từ vị trí của hắn tăng lên rõ rệt khi Đại úy Röhm đẩy mạnh nhu cầu kiểm soát quân sự, và Heinrich Himmler cố gắng siết chặt kiểm soát các hoạt động cảnh sát mật, trên toàn nước Đức. Diels từng nói rằng công việc của hắn đòi hỏi phải "nghiêng theo mọi phe cùng một lúc", nhưng giờ hắn nhận thấy ngay cả vị trí của hắn cũng không vững nữa. Con mắt người trong cuộc cho hắn biết sự căng thẳng tinh thần trong màn đấu trí và tính quyết liệt của những tham vọng làm nền cho sự căng thẳng ấy. Hắn cũng biết tất cả các bên liên quan đều xem giam cầm và ám sát là những công cụ chính trị hữu dụng. Hắn bảo Martha rằng dù giờ đây hắn là đại tá trong lực lượng SS của Himmler, nhưng Himmler và các thuộc cấp của gã vẫn căm ghét hắn. Diels bắt đầu thấy lo sợ cho cuộc đời mình, từng có lúc nói với Martha và Bill rằng hắn có thể bị bắn chết bất cứ lúc nào. "Chúng tôi đã không xem những gì hắn nói là nghiêm túc," cô nhớ lại. Cô biết hắn có xu hướng bi kịch hóa quá đà, cho dù cô nhận thức được "công việc của hắn là loại công việc khiến ai cũng có thể trở nên cuồng loạn hoặc hoang tưởng". Tuy nhiên, sự căng thẳng dường như đang ảnh hưởng đến sức khỏe của hắn. Cô viết, hắn than phiền "bị đau tim và đau dạ dày cấp tính".

Cảm nhận được một bê bối chính trị là không thể tránh khỏi, Diels gặp gỡ Hermann Göring, trên danh nghĩa vẫn là sếp của hắn, đề nghị được nghỉ phép khỏi lực lượng Gestapo, viện cớ đang bệnh tật. Trong hồi kí sau này, hắn đã mô tả phản ứng của Göring.

“Cậu ốm à? Göring khịt mũi. “Tốt hơn cậu nên quyết tâm tỏ ra ốm rất nặng.”

“Vâng, tôi thật sự ốm nặng đấy ạ,” Diels đáp. Hắn cho Göring biết mình đã làm tất cả những gì có thể “nhằm cải thiện tình trạng sức khỏe tốt hơn.” Nhưng hắn nói, bây giờ “hắn không thể tiếp tục.”

“Được rồi, cậu ốm,” Göring nói. “Cho nên cậu không thể tiếp tục phục vụ, dù chỉ lâu hơn một ngày. Cậu phải ở riệt trong nhà từ khi bị ốm. Cậu sẽ không được thực hiện bất cứ cuộc gọi đường dài nào, không được viết bất kì lá thư nào. Trên hết là cảnh giác bước chân của cậu đấy.”

Sự thận trọng chỉ ra một lối đi khác. Một lần nữa Diels rời khỏi đất nước, nhưng lần này hắn vào nghỉ ở một viện điều dưỡng tại Thụy Sĩ. Cho dù đáng ngờ, nhưng có lời đồn hắn mang theo một chồng các tài liệu cực kì tuyệt mật chuyển cho một người bạn ở Zurich, để công bố hết nếu Diels bị bắn chết.

Vài tuần sau, Diels quay về Berlin, không lâu sau đó, hắn mời Martha và Bill đến căn hộ của mình. Vợ Diels dẫn họ vào phòng khách, nơi họ thấy Diels đang nằm trên ghế đệm, trông có vẻ đã bình phục. Hai khẩu súng ngắn nằm trên bàn bên cạnh, gần một tấm bản đồ lớn. Diels bảo vợ ra ngoài, cô ta bị Martha mô tả là “một sinh vật thụ động đáng khinh”.

Martha nhìn thấy tấm bản đồ chứa đầy những biểu tượng và kí hiệu viết bằng các màu mực khác nhau, mô tả một mạng lưới các đồn trú và nhân viên mật vụ. Martha thấy điều này thật khủng khiếp, “một tấm lưới âm mưu khổng lồ”.

Diels tự hào về nó. “Em biết không tất cả là sản phẩm của anh đấy,” hắn nói. “Thực sự anh đã tổ chức được một hệ thống do thám hiệu quả nhất nước Đức từng biết.”

Martha hỏi, nếu có quyền lực lớn như thế, thì tại sao rõ ràng hắn sợ hãi đến vậy?

Hắn đáp, “Bởi vì anh biết quá nhiều.”

Diels cần phải giương lên các vũ khí phòng thủ. Hắn bảo Mar- tha rằng hắn và cô càng bị nhìn thấy bên nhau công khai bao nhiêu, hắn sẽ càng cảm thấy an toàn bấy nhiêu. Đây không chỉ đơn thuần nhằm mục đích nhen lại ngọn lửa lãng mạn của họ. Ngay cả Göring cũng xem Diels như một tài sản đang mất dần giá trị. Và cơn bão những cảm xúc mâu thuẫn với nhau đang cuộn xoáy

khắp Berlin mùa xuân năm đó, mối nguy hiểm khủng khiếp nhất đối với Diels phát sinh từ thực tế rằng hắn tiếp tục không chọn phe cho mình, kết quả là tất cả các phe đều không còn tin tưởng hắn ở nhiều góc độ. Hắn ngày càng hoang tưởng đến nỗi tin rằng có ai đó đang cố đầu độc mình.

Martha không phản đối dành thêm thời gian với Diels. Cô ưa thích gắn bó với hắn và tìm hiểu quan điểm của người trong cuộc hắn truyền cho cô. “Em hẵng còn rất trẻ tuổi và hấp tấp không thể nào theo sát từng việc được,” cô viết. Nhưng một lần nữa, cô có được thứ mà Diels không có, khi là con gái một đại sứ Mỹ, cô được bảo đảm không bị làm hại.

Tuy nhiên, một người bạn cảnh báo cô trong trường hợp này, “cô đang đùa với lửa”.

Martha viết, nhiều tuần nữa trôi qua, Diels vẫn thân thiết với cô, và hành xử “như một con thỏ chết nhát”, cho dù cô cũng cảm nhận được một phần trong Diels - phần Lucifer tự tin trước kia - say sưa với trò chơi tự giải thoát bản thân khỏi tình huống khó khăn.

“Theo cách nào đó, mối nguy hiểm hắn nghĩ mình lâm vào là sự thử thách tính khí nhút nhát và khôn ngoan của hắn,” cô nhớ lại. “Hắn có thể khôn ngoan hơn chúng không, hắn có thể thoát được chúng không?”

Chương 35
ĐỐI ĐẦU VỚI CÂU LẠC BỘ

Tàu của Dodd tiến vào nơi cách li tại cảng New York, thứ Sáu ngày 23 tháng 03. Ông đã hi vọng khi đến nơi sẽ tránh được giới báo chí, nhưng một lần nữa kế hoạch của ông đổ bể. Các phóng viên theo thông lệ đã ra đón từng con tàu biển chở khách trong ngày, với giả định được đa số xác nhận là thật, rằng có một nhân vật quan trọng đã lên tàu. Để phòng trừ, Dodd đã chuẩn bị một bài diễn văn năm câu, và ông sớm thấy mình đang đọc diễn văn với hai phóng viên nhận ra mình. Ông giải thích ông quay về Mỹ "để nghỉ phép ngắn... tặng cho mình sự nghỉ ngơi cần thiết khỏi bầu không khí căng thẳng ở châu Âu". Ông nói thêm, "Trái ngược với dự đoán của các sinh viên về những vấn đề quốc tế, tôi cảm thấy khá chắc chắn rằng, chúng ta sẽ không có chiến tranh trong tương lai gần."

Ông phấn chấn thấy Phó Lãnh sự Đức tại New York ra đón tàu, mang theo lá thư của Hitler gửi cho Tổng thống Roosevelt. Dodd đặc biệt vui mừng khi bạn ông, Đại tá House, đánh "con limousine tuyệt đẹp" ra đón ông và đưa ông về nhà mình tại Manhattan, trên Đường East Sixty-eighth và Đại lộ Park, để đợi tàu về Washington D.C. Dodd viết trong nhật kí, thật là may mắn, vì các lái xe taxi đang đình công "và nếu tôi phải tới khách sạn, báo chí hẳn sẽ quấy rầy tôi, cho đến khi lên tàu về Washington". Dodd và viên đại tá có buổi nói chuyện thẳng thắn. "House đã cung cấp cho tôi các thông tin giá trị về các quan chức không thân thiện trong Bộ Ngoại giao, mà tôi sẽ phải đối phó."

Vui nhất là ngay sau khi đến nơi, Dodd nhận được chương mới nhất cuốn Miền Nam ngày xưa của ông, được người bạn thân của Martha, Mildred Fish Harnack, đánh máy lại hoàn toàn và gửi cho ông theo đường ngoại giao.

Tại Washington, Dodd đăng kí phòng tại Cosmos Club, vào thời điểm này nằm trên Quảng trường Lafayette, ngay phía bắc Nhà Trắng. Vào buổi sáng đầu tiên tại Washington, ông đi bộ đến Bộ Ngoại giao tham dự cuộc họp và bữa trưa đầu tiên, trong vô số dịp khác nữa.

Hồi mười một giờ, ông gặp Ngoại trưởng Hull và Thứ trưởng Ngoại giao Phillips. Cả ba dành phần lớn thời gian suy nghĩ cách trả lời thư của Hitler. Hắn ca ngợi các nỗ lực khôi phục kinh tế Mỹ của Tổng thống Roosevelt, đồng thời nêu rõ "tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hi sinh và kỉ luật" phải là những đức tính nổi bật, trong bất kì nền văn hóa nào. "Những đòi hỏi đạo đức mà Tổng thống đặt ra đối với từng công dân Hoa Kỳ, cũng là tinh hoa triết học của nước Đức được thể hiện trong câu khẩu hiệu, 'Quốc gia Thịnh vượng Quan trọng hơn Lợi ích Cá nhân' ".

Phillips gọi đây là một "thông điệp lạ lùng". Đối với Dodd, cũng như Hull và Phillips, rõ ràng Hitler hi vọng bản thân sánh ngang với Tổng thống Roosevelt và nước Mỹ có trách nhiệm phải soạn câu trả lời thật cẩn thận. Moffatt viết, mục tiêu của nhiệm vụ do Phillips và Trưởng phòng Các Vấn đề Tây Âu Moffatt đảm nhận là "không bị mắc bẫy Hitler ". Lá thư hồi âm cảm ơn Hitler vì sự tử tế của hắn, nhưng lưu ý thông điệp hắn đưa ra không thể trình trực tiếp lên Tổng thống Roosevelt, mà là gửi cho toàn thể người dân Mỹ, "những người tự do và vui sướng đóng góp sức mình, vì lợi ích phục hồi với nỗ lực hào hùng."

Trong nhật kí, Phillips viết, "Chúng tôi cố gắng lảng tránh ấn tượng rằng Tổng thống đang trở thành một tên Phát xít."

Hôm sau, thứ Hai, ngày 26 tháng 03, Dodd tản bộ đến Nhà Trắng ăn trưa với Tổng thống Roosevelt. Họ thảo luận về một tràng cảm xúc thù địch đối với nước Đức phát sinh tại New York, khi bắt đầu phiên tòa chế nhạo hồi đầu tháng. Dodd nghe nói một người New York đã sợ hãi nghĩ rằng "một cuộc nội chiến nhỏ có thể dễ dàng xảy ra" tại Thành phố New York. "Ngài Tổng thống cũng nói đến chuyện này," Dodd viết, "và hỏi xem liệu tôi có thể kêu gọi người Do Thái tại Chicago hoãn Phiên tòa Chế nhạo của họ, dự kiến tổ chức vào giữa tháng Tư không."

Dodd đồng ý thử. Ông viết thư gửi các lãnh đạo Do Thái, bao gồm Leo Wormser, đề nghị họ "hoãn lại nếu có thể", ông gửi thư cho cả Đại tá House, đề nghị ông ta dùng ảnh hưởng ngăn chặn phiên tòa.

Điều khiển Dodd háo hức không kém là được quay về trang trại. Tuy nhiên, ông cũng thực sự thích thú với cuộc hội nghị sắp khai mạc đầu tuần, vì cuối cùng ông sẽ có cơ hội trực tiếp gửi lời chỉ trích các chính sách và thông lệ Ngoại giao, đến các chàng trai của câu lạc bộ Pretty Good.

Ông phát biểu trước khán thính giả bao gồm Hull, Moffatt, Phillips, Wilbur Carr và Sumner Welles. Không như bài diễn văn Ngày Columbus tại Berlin, lần này Dodd cộc cằn và thẳng thắn hơn.

Ông nói, những ngày tháng "theo phong cách vua Louis XIV và Victoria[94]" đã qua rồi. Các quốc gia đang kiệt quệ, "gồm cả quốc gia của chúng ta". Đã đến lúc "chấm dứt những cuộc trình diễn quy mô lớn". Ông lấy ví dụ một quan chức Lãnh sự quán Mỹ sắm đồ nội thất đủ dùng cho căn nhà có hai mươi phòng - trong khi gia đình ông ta chỉ có hai người. Ông nói thêm ngay cả một trợ lí của ông cũng sắm đủ "một tài xế, một gác cổng, một quản gia, một đầy tớ, hai đầu bếp và hai hầu gái".

[94] Nữ hoàng Victoria (1819 - 1901): nữ hoàng của Vương quốc Anh, dưới triều đại Hanover.

Ông nói mỗi quan chức cần phải sống bằng đồng lương của mình, tức là 3.000 USD một năm cho một quan chức cấp thấp, và 17.500 USD nếu bản thân anh ta được làm đại sứ chính thức. Ai cũng phải hiểu biết về lịch sử và phong tục tập quán của đất nước mình làm đại sứ. Những người duy nhất được cử ra nước ngoài thì phải "nghĩ đến lợi ích đất nước mình, thay vì nghĩ đến một bộ veston mới mỗi ngày, hay tham dự những bữa tối, những buổi biểu diễn xa hoa nhưng ngu ngốc, cho đến một giờ sáng".

Dodd cảm nhận được câu cuối này đánh trúng trọng tâm. Ông ghi lại trong nhật kí, "Sumner Welles nhăn nhó một chút: ông ta là chủ nhân tòa dinh thự tại Washington, về nhiều mặt đẹp rạng rỡ hơn hẳn Nhà Trắng và cũng to gần bằng." Dinh thự của Welles được vài người gọi là "ngôi nhà trăm phòng", nằm trên Đại lộ Massachu- setts đối diện Dupont Circle, nổi tiếng vì sự sang trọng. Vợ chồng Welles còn sở hữu cả một tư dinh ở nông thôn, rộng 103 héc ta ngay ngoại ô thành phố, Thái ấp Oxon Hill.

Sau khi Dodd kết thúc bài phê bình, khán thính giả vỗ tay ca ngợi ông. "Tuy nhiên, tôi không ngốc, suốt hai giờ đồng hồ, họ chỉ giả vờ tán thành."

Thực sự, bài giảng của ông chỉ làm trầm trọng thêm những cảm xúc khó chịu của câu lạc bộ Pretty Good. Vào thời điểm nói chuyện, một số thành viên câu lạc bộ, với Phillips và Moffatt là nổi danh nhất, bắt đầu kín đáo bày tỏ sự thù địch thật sự.

Dodd đến thăm văn phòng của Moffatt. Cuối ngày hôm đó, Moffatt viết một đánh giá ngắn về ngài đại sứ trong nhật kí. "Ông ta... nhìn thế nào cũng không phải người có tư duy mạch lạc. Ông ta sẽ bày tỏ sự khó chịu rất lớn với một hoàn cảnh, sau đó lại chối bỏ từng đề xuất để khắc phục nó. Ông ta không ưa thích tất cả nhân viên của mình, nhưng lại không chịu thuyên chuyển ai đi hết. Ông ta nghi ngờ, có hơi ghen tị với gần như tất cả mọi người mình tiếp xúc." Moffatt gọi ông là "một kẻ thừa bất hạnh".

Dodd dường như không nhận thức được, rằng ông đang tác động tới các thế lực có thể gây nguy hiểm cho sự nghiệp của mình. Đúng hơn là, ông vui sướng khi châm chích tính nhạy cảm đặc trưng của các đối thủ. Ông nói với vợ rằng ông rõ ràng cảm thấy hài lòng, "Thần hộ vệ chính của chúng" - có thể ông muốn nói đến Phillips hoặc Welles - "chẳng hề bối rối chút nào. Nếu hắn tấn công, chắc chắn không phải là đòn đánh công khai đâu."

Chương 36
GIẢI CỨU DIELS

Nỗi sợ hãi Diels cảm thấy ngày càng rõ nét hơn, đến nỗi mà vào tháng Ba, hắn lại cầu xin Martha giúp đỡ, lần này hắn hi vọng thông qua cô, hắn có được sự giúp đỡ của chính Đại sứ quán Mỹ. Đây là khoảnh khắc đầy mỉa mai: sếp sòng Gestapo muốn các quan chức Mỹ cứu mạng. Bằng cách nào đó, Diels nghe phong thanh Himmler có âm mưu bắt giữ hắn, có khả năng là ngay trong ngày. Hắn không hề ảo tưởng. Himmler muốn hắn phải chết.

Diels biết mình có đồng minh trong Đại sứ quán Mỹ, là Dodd và Tổng Lãnh sự Messersmith. Hắn tin rằng họ cũng có thể tìm ra giải pháp an toàn, bằng cách bày tỏ với chế độ Hitler rằng mình có quyền lợi khi hắn được an toàn. Nhưng hắn biết Dodd sắp nghỉ phép. Diels đề nghị Martha nói với Messersmith, người vào lúc này đã trở lại sau kì nghỉ phép, để xem ông ta có thể làm được gì.

Dù cho rằng Diels hay bi kịch hóa vấn đề, lần này Martha thực sự tin hắn phải đối mặt với nguy hiểm chết người. Cô đến gặp Messersmith tại Lãnh sự quán.

Cô ta "đúng là lâm vào tình cảnh cực kì đáng lo ngại", Messersmith nhớ lại. Cô ta khóc lóc bảo rằng Diels sẽ bị bắt vào ngày hôm đó, "và gần như chắc chắn sẽ bị hành hình."

Cô kiềm chế cảm xúc, rồi van xin Messersmith đi gặp Göring ngay lập tức. Cô cố gắng tâng bốc, gọi Messersmith là người duy nhất có thể can thiệp "mà bản thân không bị nguy hiểm".

Messersmith không nao núng. Đến giờ này, ông ngày càng ghét Martha. Ông nhận thấy hành vi của cô ta - rất nhiều những chuyện tình ong bướm của cô ta - thật đáng ghê tởm. Dựa trên mối quan hệ giả định của cô ta với Diels, Messersmith không ngạc

nhiên khi cô ta đến văn phòng ông trong "trạng thái hoảng loạn thế này". Ông bảo cô ta rằng mình chẳng làm được gì "và phải khó khăn lắm mới đuổi được cô ta về".

Tuy nhiên, sau khi Martha đi rồi, Messersmith mới cân nhắc lại. "Tôi bắt đầu suy nghĩ về chuyện này, nhận ra rằng cô ta đã nói đúng một chuyện, rằng sau tất cả Diels vẫn là một trong những kẻ tốt nhất trong chế độ, cũng như Göring, và rằng nếu có bất cứ chuyện gì xảy ra cho Diels mà Himmler nhúng tay vào, vị thế của Göring, cùng các thành phần biết điều hơn trong Đảng sẽ bị suy yếu." Nếu Himmler nắm quyền chỉ huy Gestapo, Messersmith tin rằng ông và Dodd sẽ gặp phải khó khăn lớn hơn nhiều, khi giải quyết các vụ tấn công vào người Mỹ trong tương lai, "vì Himmler nổi tiếng là kẻ còn máu lạnh và tàn bạo hơn cả Diels."

Messersmith đã định tham gia bữa tiệc trưa hôm đó tại Herrenklub, một câu lạc bộ của nam giới dành cho thành viên đảng bảo thủ, do hai viên tướng nổi bật của Quân Phòng vệ Đế chế tổ chức. Nhưng bây giờ, hiểu rằng một cuộc nói chuyện với Göring còn quan trọng hơn nhiều, Messersmith thấy ông có thể phải hủy bữa trưa. Ông gọi đến văn phòng Göring thu xếp cuộc gặp và biết rằng Göring cũng vừa đi ăn trưa - tại Herrenklub. Messersmith đến lúc đấy mới biết Göring là vị khách danh dự, tại bữa tiệc trưa của hai vị tướng.

Ông nhận ra hai điều: thứ nhất, nhiệm vụ nói chuyện với Göring bất ngờ trở nên đơn giản hơn nhiều, thứ hai, rằng bữa tiệc trưa này là một cột mốc. "Đó là lần đầu tiên kể từ khi Quốc xã lên nắm quyền, các sĩ quan có cấp bậc cao nhất trong Quân đội Đức... mới ngồi chung một bàn với Göring, hay với bất kì thành viên cao cấp nào của chế độ Quốc xã." Ông kinh ngạc phát hiện bữa trưa này có thể là dấu hiệu, cho thấy quân đội và Chính phủ đang đoàn kết chống lại Đại úy Röhm và lực lượng Sư đoàn Bão tố của hắn. Nếu đúng thế, thì đây là một dấu hiệu báo điềm gở, vì Röhm không thể vứt bỏ những tham vọng của mình mà không phản kháng lại.

Messersmith câu lạc bộ ngay sau buổi trưa và thấy Göring đang chuyện trò với đám tướng tá. Göring khoác vai Mess- ersmith và nói với những người khác, "Các quý ông, đây là người chẳng ưa thích tôi chút nào cả, người chẳng bao giờ nghĩ nhiều đến tôi, nhưng ông ấy là một người bạn của đất nước chúng ta."

Messersmith đợi đúng thời điểm kéo Göring sang bên. "Tôi nói với ông ta rất ngắn gọn rằng một người mà tôi tin tưởng tuyệt đối đã gọi cho tôi sáng hôm đó, bảo tôi rằng Himmler đang có âm mưu

thanh toán Diels trong ngày hôm đó, rằng Diels thực sự sẽ bị khử."

Göring cảm ơn ông về thông tin này. Hai người cùng đi gặp những vị khách khác, nhưng một lúc sau Göring cáo lỗi bỏ về trước.

Chuyện xảy ra tiếp theo - những lời đe dọa là gì, những thỏa hiệp nào được đưa ra, liệu đích thân Hitler có can thiệp không - vẫn chưa rõ ràng. Nhưng vào lúc năm giờ chiều hôm ấy, ngày 01 tháng 04 năm 1934, Messersmith biết rằng Diels bị giáng chức xuống làm Regierungspräsident, hoặc ủy viên địa phương tại Cologne, còn lực lượng Gestapo giờ nằm dưới quyền Himmler.

Diels được cứu, nhưng Göring phải hứng chịu tổn thất nặng nề. Gã không hành động vì tình bạn trước kia, mà là do cơn giận dữ trước viễn cảnh Himmler cố gắng bắt giữ Diels, ngay trong lãnh địa của gã. Tuy nhiên, Himmler đã gặm được phần thưởng lớn nhất, thành phần cuối cùng nhưng quan trọng nhất trong đế chế mật vụ của y. Messermsith viết, "Đó là bước lùi đầu tiên của Göring, kể từ khi bắt đầu chế độ Quốc xã."

Một bức ảnh về khoảnh khắc Himmler chính thức tiếp quản Gestapo, tại lễ kỉ niệm ngày 20 tháng 04 năm 1934, chụp Himmler đang nói trên bục, với nét mặt nhợt nhạt như trước nay vẫn thế, còn Diels đang đứng bên cạnh, mắt nhìn thẳng vào máy ảnh. Gương mặt hắn có vẻ sưng lên như thể đã uống quá nhiều hoặc do thiếu ngủ, những vết sẹo của hắn lồi lên khác thường. Đúng kiểu chân dung một người đang bị cưỡng ép.

Trong cuộc nói chuyện với một quan chức đại sứ Anh diễn ra vào khoảng thời gian này, được trích dẫn trong một biên bản ghi nhớ, về sau được lập thành hồ sơ tại văn phòng ngoại giao ở London, Diels đã độc thoại về sự cắn rứt lương tâm của hắn, "Thực thi hình phạt thể xác không phải là việc người nào cũng làm được, và theo lẽ tự nhiên, chúng ta quá vui mừng khi tuyển mộ được những kẻ không hề đắn đo chút nào khi thi hành nhiệm vụ. Đáng tiếc, chúng ta chẳng biết gì về khía cạnh học thuyết Freud[95] trong chuyện này. Chỉ sau vài trận đòn roi không cần thiết và tàn bạo vô lí, tôi mới ngã ngửa rằng tổ chức của mình đã thu hút tất cả bọn bệnh hoạn từ Đức và Áo, một thời gian rồi mà không biết. Ngoài ra là cả những kẻ bệnh hoạn vô thức, tức là chúng còn không biết bản thân mình có thiên hướng bệnh hoạn, cho đến khi tham gia trừng phạt bằng đòn roi. Và cuối cùng tổ chức đã thực sự tạo ra những kẻ bệnh hoạn. Vì dường như hình phạt đánh đập làm thức tỉnh các thiên hướng bệnh hoạn, ở những người rõ ràng bình thường. Freud có thể lí giải được điều này."

[95] Sigmund Schlomo Freud (1856 - 1939): bác sĩ về thần kinh và tâm lí người Áo. Ông nổi tiếng với lí thuyết về phân tâm học.

Tháng tư đến cùng chút mưa gió lạ lùng, nhưng mang lại những vụ mùa bội thu bí mật mới tinh. Ngay đầu tháng, Hitler và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Blomberg biết rằng Tổng thống Hindenburg đổ bệnh, thậm chí là bệnh rất nặng và không thể qua nổi mùa hè. Hai tên này giữ kín tin tức cho riêng mình. Hitler thèm muốn cái ghế Tổng thống mà Hindenburg vẫn đang nắm giữ, và hắn âm mưu sau khi ông ta chết, sẽ thâu tóm hết cả vai trò Tổng thống lẫn Thủ tướng, qua đó cuối cùng nắm trong tay quyền lực tuyệt đối. Nhưng vẫn còn hai rào cản tiềm năng: Quân Phòng vệ Đế chế và Sư đoàn Bão tố của Röhm.

Giữa tháng Tư, Hitler bay đến căn cứ hải quân ở Kiel và từ đó hắn lên một chiến hạm nhỏ, mang tên Deutschland, trong chuyến hải hành bốn ngày. Tháp tùng hắn có Blomberg, Đô đốc Erich Raeder, Tổng chỉ huy Hải quân và Tướng Werner von Fritsch, Trưởng Tư lệnh Quân đội. Các chi tiết không được biết, nhưng rõ ràng trong các góc kín đáo trên tàu, Hitler và Blomberg đã soạn thảo một thỏa thuận bí mật, thực sự là thương vụ của quỷ, theo đó Hitler sẽ vô hiệu hóa Röhm và lực lượng SA, đổi lại hắn nhận được sự ủng hộ của quân đội để thâu tóm ghế Tổng thống, sau cái chết của Hindenburg.

Thỏa thuận này có giá trị không thể đếm xuể đối với Hitler, vì bây giờ hắn có thể tiếp tục tiến bước, mà không phải lo ngại quân đội quay súng cản trở mình.

Trong khi đó, Röhm ngày càng kiên định với mục tiêu giành quyền kiểm soát các lực lượng vũ trang trong nước. Vào tháng Tư, trong một lần đi dạo công viên Tiergarten như bao lần khác, hắn thấy một nhóm quan chức Quốc xã cao cấp đi lướt qua, rồi hắn quay lại với người bạn đi cùng. “Nhìn những kẻ đằng kia kìa,” hắn nói. “Đảng không còn là một lực lượng chính trị nữa rồi, mà biến thành một viện điều dưỡng. Những lão già này... Chúng ta phải loại bỏ chúng càng sớm càng tốt.”

Hắn ngày càng lớn tiếng bày tỏ sự khó chịu. Tại một cuộc họp báo ngày 18 tháng 04, hắn nói. “Khi chúng ta nghĩ đến những kẻ bảo thủ, những kẻ thuộc tầng lớp trung lưu chỉ biết nghe lời, chúng ta ghê tởm đến mức buồn nôn.”

Hắn tuyên bố, “Lực lượng SA là cuộc Cách mạng Chủ nghĩa Quốc xã.”

Tuy nhiên, hai ngày sau, một thông cáo của Chính phủ có vẻ là gáo nước lạnh cho các tuyên bố ngạo mạn của Röhm: Toàn bộ lực lượng SA được lệnh nghỉ phép vào tháng Bảy.

Ngày 22 tháng 04, Heinrich Himmler bổ nhiệm một người trẻ tuổi được hắn đỡ đầu, Reinhard Heydrich, mới ba mươi tuổi, kế nhiệm Diels làm trùm Gestapo. Heydrich tóc vàng, cao ráo, mảnh mai và được xem là đẹp trai, nếu không có mái đầu được mô tả là quá bé, không cân xứng và đôi mắt quá sát nhau. Giọng y gần giống giọng nam cao, nhưng rất lạc tông với danh tiếng cực kì lạnh lùng và tàn bạo của y. Hitler đặt cho y biệt danh "Người Có Trái Tim Sắt", vậy nhưng người ta nói rằng Heydrich lại chơi violin đầy cảm xúc, đến nỗi y sẽ khóc nức nở ở những đoạn nhất định. Trong cả sự nghiệp, y phải đương đầu với những lời đồn đại rằng y thực ra là người Do Thái, bất chấp cuộc điều tra của Đảng Quốc xã có dụng ý chứng minh lí lẽ trên là sai.

Với sự ra đi của Diels, chút thiện lương cuối cùng còn lại ở Gestapo cũng mất. Hans Gisevius, người viết hồi kí cho Gestapo, ngay lập tức nhận ra dưới thời Himmler và Heydrich, tổ chức này sẽ trải qua sự thay đổi về bản chất. "Tôi có thể liều lĩnh cạnh tranh với Diels, anh chàng tay chơi bất ổn, với ý thức nổi loạn tư sản, lại là người rất biết điều và không chơi xấu," Gisevius viết. "Nhưng ngay sau khi Himmler và Heydrich tham gia vũ đài, tôi biết mình cần phải kiềm chế."

Đến cuối tháng tư, cuối cùng Chính phủ cũng công khai với cả nước tình trạng sức khỏe tồi tệ của Hindenburg. Bất ngờ câu hỏi ai sẽ là người kế nhiệm được bàn tán xôn xao, khắp hang cùng ngõ hẻm. Tất cả những người nhận thức được sự rạn nứt sâu sắc giữa Röhm và Hitler đều hiểu rằng, giờ đây câu chuyện đã xuất hiện thêm tình tiết gay cấn.

Chương 37
NHỮNG KẺ THEO DÕI

Trong khi tất cả những chuyện này đang diễn ra, các gián điệp khác trong nước lại ngày càng quan tâm đến gia đình Dodd. Vào tháng Tư, quan hệ của Martha với Boris khiến các cấp trên của anh ta ở NKVD chú ý. Họ cảm thấy một cơ hội hiếm hoi. "Nói với Boris Winogradov, chúng ta muốn dùng cậu ta để thực hiện kế hoạch chúng ta quan tâm," một người viết trong tin nhắn gửi cho Trưởng Chi nhánh tại Berlin.

Bằng cách nào đó - có thể là thông qua Boris - Moscow đã hiểu rằng Martha đang bắt đầu không còn thiết tha với cuộc cách mạng Quốc xã.

Tin nhắn viết tiếp, "Căn cứ theo nguồn tin của chúng ta, chuyện này liên quan đến thực tế rằng, tình cảm của cậu ta với người yêu (Martha Dodd) thực sự đã đủ chín muồi để tuyển mộ cô ta làm việc cho chúng ta ngay bây giờ."

Chương 38
BỊ LỪA

Điều khiến Dodd phiền muộn nhất, trong thời gian nghỉ phép, đó là ông cảm thấy các đối thủ của mình trong Bộ Ngoại giao đang ngày càng hiếu chiến hơn. Ông ngày càng lo lắng về thứ ông nhìn nhận như khuôn mẫu tiết lộ thông tin tuyệt mật, dường như nhằm mục đích hất cẳng ông. Một biến cố khó chịu xảy ra đêm thứ Bảy, ngày 14 tháng 04, khi ông đang rời khỏi bữa tối hằng năm của câu lạc bộ Gridiron tại Washington. Một quan chức Bộ Ngoại giao trẻ, mà ông không quen biết, tiến đến gần ông và bắt đầu nói chuyện, rằng anh ta công khai thách thức lời Dodd tán dương những điều kiện tại Đức, trích dẫn một thông điệp tuyệt mật ngài đại sứ đánh điện gửi từ Berlin. Tay quan chức trẻ tuổi cao hơn hẳn Dodd và đứng rất gần ông, đến mức Dodd tự nhiên thấy sợ hãi. Trong lá thư giận dữ Dodd định trao tận tay cho Ngoại trưởng Hull, ông mô tả cuộc chạm trán này như "sự sỉ nhục quốc tế".

Tuy nhiên, Dodd bực mình nhất là câu hỏi làm sao tên trẻ ranh kia tiếp cận được thông điệp của ông. "Theo ý kiến của tôi," Dodd viết, "... thì có một nhóm nào đó trong Bộ Ngoại giao chỉ biết nghĩ đến bản thân họ mà chẳng màng gì đến tổ quốc, những kẻ bất chấp nỗ lực bé nhỏ của bất kì đại sứ hay bộ trưởng nào muốn tiết kiệm và cải tổ, mà bắt đầu kéo bè kéo cánh gièm pha và đánh gục ông ấy. Không biết là lần thứ bao nhiêu, thông tin cực kì tuyệt mật tôi cung cấp bị đối xử - hoặc bị biến thành chuyện ngồi lê đôi mách. Tôi chẳng làm như thế để nhận được bất kì lợi ích cá nhân hay địa vị xã hội nào. Tôi sẵn sàng làm bất kì điều gì có thể nhằm đảm bảo công việc và hợp tác tốt hơn, nhưng tôi không muốn phải làm việc một mình hoặc trở thành bung xung, hứng chịu âm mưu hay thủ đoạn liên tiếp. Tuy nhiên, tôi sẽ không nhún nhường trong im lặng, nếu chuyện này còn tiếp tục." Rốt cuộc, Dodd quyết định

không trao thư này cho Hull. Nó nằm lẫn trong đống giấy tờ được xếp loại "không gửi".

Một chuyện Dodd rõ ràng vẫn chưa biết, đó là ông cùng mười lăm đại sứ khác được nhắc đến trong một bài viết quan trọng trên tờ Fortune số ra tháng Tư năm 1934. Bất chấp bài viết đang nổi như cồn, lẫn thực tế chắc chắn nó trở thành chủ đề bàn tán say sưa trong Bộ Ngoại giao, Dodd chỉ biết đến sự tồn tại của nó rất lâu sau này, sau khi quay về Berlin, khi Martha mang về nhà một tờ cô nhận được, khi đi khám bác sĩ nha khoa.

Với tựa đề "Kính thưa các đại sứ của chúng ta", bài viết đánh dấu những người được bổ nhiệm, nêu rõ tài sản cá nhân của họ bằng cách đặt biểu tượng USD cạnh tên họ. Jesse Isidor Straus - đại sứ tại Pháp và là Cựu Chủ tịch R.H.Macy & Company - được ký hiệu là "$$$$ Straus". Dodd thì chỉ có một chữ "¢" bên cạnh tên ông[96]. Bài viết chế giễu cách tiếp cận rẻ tiền của ông với ngành ngoại giao, gợi ý rằng bằng việc thuê nhà tại Berlin với giá khuyến mãi của một chủ nhà băng Do Thái, ông đang muốn lợi dụng hoàn cảnh khốn khổ của người Do Thái tại Đức để kiếm chác. "Và như thế," bài báo nêu, "gia đình Dodd được sống trong căn nhà nhỏ nhắn xinh xắn với giá rất rẻ, cố gắng duy trì nó chỉ với một vài người hầu." Bài báo lưu ý Dodd mang cả chiếc Chevrolet cũ rích của mình sang Berlin. "Con trai ông ta được cho là phải lái xe đưa ông ta đi vào các buổi tối," tác giả cho biết. "Nhưng cậu ta lại muốn đến nhiều nơi và làm nhiều chuyện những cậu trai thích làm, điều đó khiến ngài Dodd lâm vào cảnh không ai đưa đón (cho dù đang mặc đồ tuxedo) bằng chiếc Chevrolet." Bài viết cho rằng Dodd bắt buộc phải đi nhờ xe các quan chức Đại sứ quán cấp thấp hơn, "họ thật may mắn khi limousine của họ có tài xế."

[96] $ là kí hiệu của đồng Đô la Mỹ, còn ¢ là kí hiệu của một xu Mỹ, chỉ bằng một phần một trăm của 01 Đô la.

Tác giả gọi Dodd là "kẻ không xứng với cái mác ngoại giao", bị cái đói nghèo tương đối ngăn cản và không có vẻ tự tin của một nhà ngoại giao. "Về phương diện đạo đức, ông ta là người rất quả cảm, có tri thức, thông minh khác hẳn người thường, đến nỗi ông ta ăn nói quá cao siêu, như thể một quý ông và một học giả nói chuyện với nhau, anh em đồng đạo Đảng Quốc xã thô lỗ, cục cằn chẳng tài nào hiểu nổi ngay cả khi họ muốn. Thế nên trong thâm tâm Dodd sôi sùng sục, và khi ông ta cố tỏ ra cứng rắn, chẳng ma nào thèm để ý đến ông ta."

Dodd tức thời hiểu ngay vài quan chức trong Bộ Ngoại giao, và có

lẽ ngay cả trong văn phòng của ông tại Berlin đã tiết lộ hết những chi tiết nhạy cảm về cuộc sống của ông tại Đức. Ông phàn nàn với Thứ trưởng Ngoại giao Phillips. Ông viết, bài báo "cho thấy một thái độ lạ lùng và thậm chí không yêu nước, đến mức liên quan tới cả hồ sơ và những nỗ lực của tôi. Trong lá thư đồng ý nhậm chức của mình, tôi đã nói với Tổng thống cần phải hiểu chuyện tôi chỉ sống bằng đồng lương. Một thực tế rõ ràng và đơn giản với tôi như thế, chẳng hiểu làm sao và tại sao lại phải thảo luận lắm thế nhỉ?" Ông kể ra các nhà ngoại giao trong lịch sử từng sống khiêm nhường. "Tại sao tất cả lại lên án khi tôi noi theo những tấm gương này?" Ông nói với Phillips ông nghi ngờ chính những người trong Đại sứ quán của ông đang làm rò rỉ thông tin, và trích dẫn các miêu tả tin tức khác bao gồm những báo cáo bị xuyên tạc. "Sao lại phải dựng lên tất cả những câu chuyện bịa đặt, chẳng liên quan gì đến công tác thật sự này chứ?"

Phillips đợi gần một tháng mới hồi âm. "Về bài báo trên tờ Fortune," ông ta viết, "Tôi sẽ chẳng nghĩ tới nó lần thứ hai. Tôi không thể hình dung được thông tin ngài nói đến từ đâu, ngoài việc hình dung cánh Báo chí thu thập tin tức vỉa hè (thường là sai bét) về chính bản thân tôi và các đồng nghiệp khác của ngài." Ông ta thúc giục Dodd, "Đừng để chuyện riêng tư này làm phiền ngài thêm nữa."

Dodd chỉ ở lại Thư viện Quốc hội nghiên cứu cuốn Miền Nam ngày xưa một lúc, rồi cố gắng dành hai tuần về thăm trang trại. Ở đây, ông viết lách và giải quyết các vấn đề ở trang trại, còn thời gian ông làm chuyến du lịch đến Chicago như dự tính, nhưng chẳng vui vẻ gì với những cuộc tái ngộ. "Một khi tới đó," ông biên thư cho Martha, "ai ai cũng muốn gặp cha: những cuộc gọi, thư từ, những cuộc ghé thăm, những buổi tiệc trưa, bữa tối quấy rầy liên tục." Ông nói, bao nhiêu người hỏi han ông về hai đứa con, "nhưng chỉ có một người hỏi về rắc rối của con tại New York", ám chỉ đến cuộc li hôn của cô. Một người bạn muốn cho ông xem các ví dụ "báo chí Chicago ứng xử với chuyện đó lịch sự thế nào", nhưng ông viết, "cha không buồn đọc những mẩu báo cắt ra". Ông đọc các bài diễn văn và giải quyết những vụ cãi nhau vặt vãnh. Trong nhật kí, ông lưu ý mình cũng gặp gỡ hai nhà lãnh đạo Do Thái, mà ông từng liên hệ, khi thi hành các chỉ thị của Tổng thống Roosevelt, dập tắt sự phản đối của người Do Thái. Hai người mô tả "cách họ và bạn bè họ khuyên nhủ đồng bào bình tĩnh và ngăn chặn bất kì cuộc biểu tình bạo lực nào dự tính diễn ra tại Chicago."

Một cuộc khủng hoảng cá nhân đã diễn ra. Trong khi ở Chicago, Dodd nhận được một bức điện tín có tin nhắn của vợ. Sau khi trải

qua nỗi lo âu không tránh khỏi khi đọc điện tín do những người ông yêu thương gửi tới, Dodd biết rằng chiếc Chevy, biểu tượng cho chức đại sứ của ông, đã bị tên tài xế phá hủy tan tành. Lí do là: "ĐỂ TƯƠNG LAI NGÀI CÒN MUA XE MỚI". Thế nên bây giờ, khi Dodd được cho là đang tận hưởng kì nghỉ phép phục hồi, ngôn ngữ lạnh như tiền của bức điện tín ép ông phải mua xe mới và thu xếp vận chuyển về Berlin.

Sau đó, ông viết thư cho Martha, "Cha sợ rằng Mueller lái xe không cẩn thận, trước đây cha đã để ý vài lần." Dodd không hiểu nổi chuyện này. Bản thân ông từng lái xe đi về giữa trang trại và Washington D.C rất nhiều lần, cũng như lái xe khắp thành phố mà chẳng làm sao cả. "Trong khi chuyện này có thể chẳng chứng minh được gì, nó lại cho thấy một điều khác: Những người không có xe thì bất cẩn hơn nhiều so với những người có xe." Căn cứ theo những gì sắp xảy ra vài năm sau, việc Dodd khoe khoang khả năng lái xe chỉ có thể khiến người ta lạnh xương sống. Ông muốn tậu chiếc Buick nhưng xem mức giá - 1.350 USD - là quá cao vì gia đình ông chỉ ở Berlin trong thời gian rất ngắn. Ông cũng lo lắng về khoản tiền 100 USD ông sẽ phải trả để vận chuyển xe qua Berlin.

Cuối cùng, ông cũng tặc lưỡi mua Buick. Ông hướng dẫn vợ cách mua xe từ một nhà buôn ở Berlin. Ông viết, đây là mẫu xe cơ bản, vốn bị các chuyên gia nghi thức ngoại giao Đại sứ quán chê bai là "giản dị đến lố bịch đối với một Đại sứ".

Dodd có thể đến thăm trang trại của ông lần nữa, mặc dù có tâm trạng vui vẻ, nhưng lần giã biệt cuối cùng khiến ông đau đớn hơn nhiều. "Hôm nay là một ngày tuyệt vời," ông viết trong nhật kí hôm Chủ nhật, ngày 06 tháng 04 năm 1934. "Những cái cây mới lớn và những bông hoa táo khoe vẻ đẹp quyến rũ nhất, đặc biệt khi tôi phải ra đi."

Ba ngày sau, tàu của Dodd nhổ neo rời New York. Ông cảm thấy dư vị chiến thắng, khi thuyết phục được các nhà lãnh đạo Do Thái giảm nhẹ những phản đối chống Đức, và hi vọng những nỗ lực của mình sẽ khiến Chính quyền Hitler mềm mỏng hơn. Tuy nhiên, những hi vọng này bị dội gáo nước lạnh vào ngày thứ Bảy, 12 tháng 05, khi vẫn đang lênh đênh trên đại dương, thông qua vô tuyến điện, ông nghe được bài diễn văn Goebbels vừa đọc, trong đó tên Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền gọi người Do Thái là "căn bệnh giang mai của toàn thể dân chúng châu Âu".

Dodd cảm thấy như bị phản bội. Bất chấp những hứa hẹn của Quốc xã về những lệnh bắt giữ và đóng cửa nhà tù Columbia

House, rõ ràng chẳng có gì thay đổi. Ông lo sợ rằng có lẽ mình đã quá ngây thơ. Ông viết thư cho Tổng thống Roosevelt bày tỏ nỗi thất vọng, sau tất cả những gì ông đã làm với các nhà lãnh đạo Mỹ gốc Do Thái. Bài diễn văn của Goebbels đã thắp lại "tất cả những hận thù của mùa đông năm ngoái," ông viết, "và tôi lâm vào tình thế bị lừa bịp, như tôi thực sự đã bị lừa."

Ông về Berlin hôm thứ Ba, ngày 17 tháng 05, vào hồi 22 giờ 30 phút, và nhận thấy một thành phố không còn như trước. Trong hai tháng ông nghỉ phép, toàn bộ cảnh quan chìm trong hoang vắng vì hạn hán đến mức ông chưa từng thấy, nhưng còn một điều khác nữa. "Tôi rất vui được trở về nhà," ông nói, "nhưng ngay lập tức, tôi gặp phải bầu không khí căng thẳng."

Phần VI
BERLIN LÚC NHÁ NHEM

Phòng ngủ của Göring tại Carinhall

Chương 39
BỮA TỐI NGUY HIỂM

Thành phố dường như rung lên bởi một âm thanh nền đầy nguy hiểm, như thể một sợi dây tải điện to lớn đâm xuyên trung tâm thành phố. Tất cả mọi người trong giới của Dodd đều cảm thấy nó. Một phần sự căng thẳng phát sinh do thời tiết bất thường vào tháng Năm, kèm theo đó là những nỗi lo sợ một vụ mùa thất bát. Tuy nhiên nguồn cơn chính gây lo âu là mâu thuẫn ngày càng tăng giữa Sư đoàn Bão tố của Đại úy Röhm với quân đội chính quy. Một phép ẩn dụ phổ biến được sử dụng vào thời gian này mô tả cảm giác tại Berlin, đó là một cơn giông bão đang đến gần - cảm nhận bầu không khí nén lại và lơ lửng.

Dodd hầu như không có cơ hội một lần nữa chìm đắm vào nhịp điệu công việc.

Một ngày sau khi quay về, ông phải đối mặt với viễn cảnh tổ chức một bữa tiệc chia tay hoành tráng cho Messersmith. Ông ta cuối cùng cũng kiếm được cho mình một vị trí cao quý hơn, cho dù không phải ở Prague, như mục tiêu ban đầu. Sự cạnh tranh cho công việc này quá mạnh mẽ, và cho dù Messersmith đã vận động hành lang không biết mệt mỏi, cũng như thuyết phục được các đồng minh mọi cấp bậc gửi thư dồn phiếu cho mình, nhưng đến cuối cùng, công việc này rơi vào tay người khác. Thay vào đó, Thứ trưởng Phillips giới thiệu cho Messersmith một vị trí khác còn trống - Uruguay. Nếu Messersmith có thất vọng, ông ta cũng không thể hiện ra. Ông ta cho rằng mình gặp may, khi đã rời bỏ công việc Lãnh sự quán. Nhưng vận may của ông ta thậm chí còn tốt hơn thế. Vị trí đại sứ sang Áo bất ngờ thiếu người và Messersmith rõ ràng là lựa chọn tốt. Tổng thống Roosevelt đồng ý. Lúc này, Messersmith thực sự sung sướng. Dodd cũng vui y hệt khi tống khứ được ông ta đi, mặc dù ông muốn ông ta đi hẳn sang nước nào xa xa, cho khuất mắt.

Có nhiều buổi tiệc chúc mừng Messersmith - cùng một lúc, tất cả các bữa tối và bữa trưa tại Berlin dường như đều vinh danh ông ta - nhưng bữa tiệc của Đại sứ quán Mỹ ngày 18 tháng 05 là buổi lớn nhất và trang trọng nhất. Trong khi Dodd đang ở Mỹ, phu nhân Dodd, với sự hỗ trợ của các chuyên gia lễ tân Đại sứ quán, đã lập danh sách khách mời dài bốn trang, cách dòng đơn, dường như bao gồm tất cả nhân vật tai to mặt lớn, ngoại trừ Hitler. Với bất kì ai có hiểu biết về xã hội Berlin, điểm thu hút không ở chỗ ai đến dự, mà là những ai không được mời. Göring và Goebbels gửi lời xin lỗi không đến được, tương tự là Phó Thủ tướng Papen và Rudolf Diels. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Blomberg có đến, nhưng trùm SA Röhm thì vắng mặt.

Bella Fromm, Sigrid Schultz và nhiều bạn bè của Martha đến tham dự, bao gồm cả Putzi Hanfstaengl, Armand Berard và Hoàng tử Louis Ferdinand. Bản thân sự lẫn lộn này làm dày thêm không khí căng thẳng trong phòng, vì Berard vẫn còn yêu Martha và Hoàng tử Louis có nhiều tham vọng với cô, cho dù cô vẫn dành trọn sự ngưỡng mộ cho Boris (thật thú vị, anh không có tên trong danh sách khách mời). Liên lạc viên với Hitler trẻ trung, điển trai của Martha, Hans "Tommy" Thomsen, có mặt, người bạn đồng hành lâu năm của anh ta cũng đến, Elmina Rangabe với làn da ngăm đen và gợi cảm. Nhưng đêm nay có vật cản - Tommy đi cùng vợ. Có hơi nóng, rượu sâm banh, cảm xúc, sự ghen tị, kèm theo là cảm nhận điều gì đó khó chịu đang dần hình thành ngay phía chân trời.

Bella Fromm có màn đối thoại ngắn với Hanfstaengl, cô ghi lại cuộc gặp gỡ này trong nhật kí.

"Tôi tự hỏi tại sao hôm nay chúng tôi bị hỏi han," Hanfstaengl nói. "Tất cả sự kích thích vì người Do Thái này. Messersmith này. Rồi Roosevelt nữa. Đảng căm ghét họ."

"Tiến sĩ Hanfstaengl," Fromm nói, "chúng ta từng nói chuyện này rồi. Ngài không cần phải có thái độ ấy đối với tôi."

"Được rồi. Ngay cả nếu họ là người Aryan, cô sẽ không bao giờ biết được điều đó từ hành động của họ."

Vào lúc này, Fromm không cảm thấy đặc biệt bận tâm đến thiện ý của Quốc xã. Hai tuần trước con gái cô, Gonny, đã bay sang Mỹ, với sự trợ giúp của Messersmith, bỏ lại Fromm u buồn nhưng nhẹ nhõm. Một tuần trước đó, tờ báo Vossische Zeitung - "Dì Voss", nơi cô làm việc nhiều năm - bị đóng cửa. Cô ngày càng cảm thấy cái

thời đại cô từng khao khát đạt tới đang đến hồi kết.

Cô nói với Hanfstaengl, "Dĩ nhiên nếu anh không còn muốn nói đến đúng sai, mà về Aryan với không Aryan, vô tình sẽ khiến những người giữ quan niệm khá cũ về đúng sai, về tử tế và khiếm nhã, không còn cơ sở để tiếp tục."

Cô hướng cuộc đối thoại quay về chủ đề Messersmith, người cô miêu tả là được các đồng nghiệp kính trọng, "rằng trên thực tế, ông ta được xem là xứng đáng làm Đại sứ," một nhận xét hẳn khiến Dodd tức giận không để đâu cho hết.

Hanfstaengl dịu giọng, "Được rồi, được rồi," anh ta nói. "Tôi có rất nhiều bạn bè ở Mỹ, và tất cả bọn họ cũng đều ủng hộ người Do Thái. Nhưng kể từ khi điều đó được ra rả trong chương trình Đảng..." Anh ta ngừng lại, nhếch mép. Thọc tay vào túi, anh ta rút ra một túi nhỏ đựng các viên kẹo trái cây. Lutschbonbons. Bella rất yêu thích chúng khi còn bé.

"Ăn một cái đi," Hanfstaengl nói. "Loại kẹo được dành riêng cho Quốc trưởng đấy."

Cô nhón một viên kẹo. Chưa kịp đưa lên miệng, cô chợt thấy nó được in rập nổi một dấu thập ngoặc. Viên kẹo nào cũng bị "đồng hóa".

Cuộc đối thoại chuyển sang xung đột chính trị đang gây ra rất nhiều bức xúc. Hanfsaengl cho biết Röhm không chỉ thèm muốn kiểm soát quân đội Đức, mà còn nhắm đến Lực lượng Không quân của Göring. "Hermann đang nổi điên đấy!" Hanfstaengl nói. "Cô có thể làm bất kì điều gì với gã, ngoại trừ bỡn cợt Lực lượng Không quân của gã, và gã có thể máu lạnh giết chết Röhm đấy." Anh ta hỏi: "Cô có biết Himmler không?"

Fromm gật đầu.

Hanfstaengl nói, "Y là một kẻ chăn gà, khi mà y không bận rộn đi do thám Quân Phòng vệ Đế chế. Y đá văng Diels khỏi vị trí trùm Gestapo. Himmler không thể chịu được bất kì ai, nhưng Röhm là kẻ y ít ghét nhất. Giờ thì chúng đang kéo bè kéo cánh lật đổ Röhm: Rosenberg, Goebbels và tên chăn gà." Cái tên Rosenberg anh ta nhắc đến là Alfred Rosenberg, một kẻ bài Do Thái nhiệt thành và là Giám đốc Cục Đối ngoại của Đảng Quốc xã.

Sau khi thuật lại cuộc đối thoại trong nhật kí, Fromm viết thêm, "Chẳng có ai trong đám quan chức Đảng Quốc xã lại không vui

mừng giẫm đạp kẻ khác, chỉ để bản thân được thăng tiến."

Để đo lường bầu không khí lạ lùng mới mẻ ở Berlin, thì một buổi tiệc tối khác, nhạt như nước ốc, được chứng minh là mang lại những hậu quả thật sự chết người. Người tổ chức tiệc là một chủ nhà băng giàu có tên là Wilhelm Regendanz, một người bạn của gia đình Dodd, cho dù thật may mắn là gia đình Dodd không được mời đến dịp đặc biệt này. Regendanz mở tiệc vào một buổi tối tháng Năm, tại căn biệt thự xa hoa của ông ta ở Dahlem, phía tây nam Berlin rộng lớn, nổi tiếng với những ngôi nhà đáng yêu và vị trí nằm gần vùng Grunewald.

Regendanz, người cha của bảy đứa con, là thành viên của Stahlhelm, hay Mũ Sắt, một tổ chức của các cựu sĩ quan quân đội có thiên hướng bảo thủ. Ông ta thích tụ tập những người giữ chức vụ khác nhau cùng ăn tối, thảo luận và thuyết trình. Với bữa tối đặc biệt này, Regendanz đã mời hai vị khách nổi bật, Đại sứ Pháp François-Poncet và Đại úy Röhm, cả hai đều đã từng tới đây vào những dịp khác.

Röhm đến cùng với ba sĩ quan SA trẻ tuổi, trong số này có một sĩ quan phụ tá tóc vàng xoăn mang biệt danh "Bá tước Điển trai", là thư kí của Röhm, và theo lời đồn đại, thi thoảng là người tình của hắn. Sau này, Hitler đã mô tả cuộc gặp gỡ đó như "một bữa tối bí mật", cho dù trên thực tế, các khách mời chẳng ai phải ngụy trang. Họ đỗ xe ngay ngoài cổng, hoàn toàn có thể thấy từ con phố, chỉ cần nhìn biển số xe sẽ biết ngay họ là ai.

Các vị khách chẳng hợp rơ nhau. François-Poncet không thích trùm SA, như ông ta đã nêu rõ trong hồi kí, Những năm định mệnh: "Luôn nuôi trong mình mối ác cảm sống động nhất đối với Röhm," ông viết, "Tôi lảng tránh hắn ta càng lâu càng tốt, bất chấp chức vụ cao của hắn trong Đệ tam Đế chế." Nhưng Regendanz lại "van xin" François-Poncet hãy đến.

Sau này trong lá thư trình lên Gestapo, Regendanz cố gắng giải thích việc ông khăng khăng muốn hai người ở bên nhau. Ông tổ chức bữa tối này vì François-Poncet, cho rằng ông ta đã giận dữ vì không thể gặp trực tiếp Hitler, và đã nhờ Regendanz chuyển đến Hitler khao khát được diện kiến thông qua ai đó gần gũi. Regendanz gợi ý rằng Röhm có thể là một trung gian đáng giá. Vào lúc diễn ra bữa tối, Regendanz cho rằng ông không nhận thức được sự rạn nứt giữa Röhm và Hitler - "mà ngược lại", ông nói với Gestapo, "có vẻ như Röhm là người có được niềm tin tuyệt đối của Quốc trưởng và là người hầu cận hắn. Nói cách khác, người ta tin

rằng thông báo cho Röhm cũng tức là thông báo cho Quốc trưởng."

Trở lại bữa tối, phu nhân Regendanz cùng con trai, Alex, hiện đang chuẩn bị làm luật sư quốc tế, đến chào hỏi các khách mời. Sau bữa ăn, Röhm và Đại sứ Pháp rút về thư viện của Regendanz nói chuyện thân mật. Röhm nói đến các vấn đề quân sự và phủ nhận bất kì điều gì liên quan đến chính trị, tuyên bố rằng hắn xem mình chỉ là một quân nhân, một sĩ quan. "Kết quả cuộc nói chuyện này," Regendanz nói với Gestapo, "chẳng ra gì cả."

Buổi tối rồi cũng trôi qua - ơn Chúa, theo lời của François-Poncet. "Bữa ăn ảm đạm, đối thoại rời rạc," ông ta nhớ lại. "Tôi thấy Röhm buồn ngủ và uể oải. Hắn chỉ tỉnh táo khi phàn nàn về sức khỏe và chứng thấp khớp của hắn, nói muốn đi gặp bác sĩ tại Wiesee," lời ám chỉ đến Bad Wiessee, nơi Röhm lên kế hoạch tạm trú bên hồ để chăm sóc sức khỏe. "Quay trở về nhà," François-Poncet viết, "tôi đã nguyền rủa lão chủ tiệc về buổi tối chán chết."

Làm sao phía Gestapo biết được về bữa tối và các vị khách vẫn là ẩn số, nhưng vào lúc này chắc chắn Röhm bị đặt dưới sự giám sát chặt chẽ. Biển số những chiếc xe đỗ tại nhà Regendanz hẳn sẽ cung cấp cho bất kì kẻ theo dõi nào thông tin về chủ nhân trong nhà.

Bữa tối đó trở nên khét tiếng. Sau này, vào giữa hè, Đại sứ Anh Phipps nhận xét trong nhật kí rằng, trong số bảy người đã ngồi ăn tối tại dinh thự Regendanz hôm đó, bốn người đã bị giết, một người trốn khỏi đất nước vì sợ chết, và một người bị cầm tù trong trại tập trung.

Phipps viết, "Danh sách thương vong vì một bữa tiệc tối có thể khiến ngay cả Borgia[97] cũng phải ghen tị."

[97] Borgia: một gia tộc người Ý gốc Tây Ban Nha, nổi lên vào giữa thế kỷ XV ở Ý. Họ khét tiếng là không từ thủ đoạn nào để đoạt được quyền lực.

Có chuyện thế này:

Thứ Năm, ngày 24 tháng 05, Dodd đi bộ đến ăn tiệc trưa với một quan chức cao cấp của Bộ Ngoại giao Đức, Hans-Heinrich Dieckhoff, người được Dodd miêu tả "đúng là một Trợ lí Ngoại trưởng". Họ gặp nhau tại một nhà hàng nhỏ, kín đáo trên đường Unter den Linden, đại lộ rộng lớn chạy thẳng về hướng đông từ Cổng Brandenburg, và tại đây, hai người chìm trong cuộc trò

chuyện, mà Dodd xem là rất lạ thường.

Lí do chủ yếu Dodd muốn gặp Dieckoff đó là bày tỏ sự khó chịu, khi ông thấy mình bị lừa bởi bài diễn văn của Goebbels, ví người Do Thái với căn bệnh giang mai, sau tất cả những gì ông đã làm nhằm dập tắt những phản đối của người Do Thái tại Mỹ. Ông nhắc lại với Dieck- off dự định đóng cửa nhà tù Columbia House, yêu cầu của Đế chế khi bắt ai phải có lệnh bắt, và nhiều bảo đảm khác rằng nước Đức "đang làm dịu đi nỗi bức xúc của người Do Thái".

Dieckhoff đồng cảm. Ông ta thừa nhận mình không tin tưởng mấy ở Goebbels và bảo rằng mình mong đợi Hitler sẽ sớm bị lật đổ. Dodd viết trong nhật kí rằng Dieckoff "đã cung cấp bằng chứng ông ta cho là chính xác, rằng người Đức sẽ sớm chịu hết nổi cái hệ thống khiến họ phải luyện tập không ngừng nghỉ và suýt chết đói."

Lời bộc trực này khiến Dodd kinh ngạc. Dodd lưu ý, Dieckoff ăn nói tự do như thể ông ta đang ở Anh hay Mỹ, thậm chí đến mức bày tỏ hi vọng rằng các làn sóng phản đối của người Do Thái tại Mỹ sẽ tiếp tục. Dieckoff nói, nếu không làm vậy thì những cơ hội lật đổ Hitler sẽ không còn.

Dodd biết ngay cả với một quan chức cao như Dieckoff, ăn nói như vậy vẫn nguy hiểm. Ông viết, "Tôi cảm thấy quan ngại sâu sắc, khi một quan chức cấp cao có thể mạo hiểm cả tính mạng chỉ trích chế độ đương thời."

Rời nhà hàng, hai người đi bộ về phía tây dọc đường Unter den Linden đến Wilhelmstrasse, con phố của Chính phủ. Dodd viết, họ chia tay nhau, "khá buồn bã".

Dodd quay về văn phòng, làm việc thêm hai tiếng nữa, rồi có chuyến đi bộ dài quanh công viên Tiergarten.

Chương 40
NƠI ẨN DẬT CỦA NHÀ VĂN

Bằng chứng về đàn áp xã hội và chính trị ngày một nhiều càng khiến Martha thêm sầu muộn, bất chấp sự nhiệt tình cô dành cho những thanh niên trẻ trung tóc vàng, rạng rỡ - hàng ngàn người bị Hitler thu hút. Một trong những khoảnh khắc học hỏi quan trọng nhất của cô đến vào tháng Năm. Một người bạn, Heinrich Maria Ledig-Rowohlt, vị khách thường xuyên tham dự cuộc họp với Mildred và Arvid Harnack, mời cô cùng Mildred đến thăm một trong những tác giả nổi tiếng nhất, người không lên chuyến bay vĩ đại của những nghệ sĩ tài năng rời khỏi nước Đức Quốc xã. Đó là một cuộc di tản bao gồm Fritz Lang[98], Marlene Dietrich[99], Walter Gropius, Thomas và Heinrich Mann, Bertolt Brecht[100], Albert Einstein cùng nhạc sĩ Otto Klemperer[101]. Con trai của vị nhạc sĩ, Werner Klemperer, tiếp tục khắc họa hình ảnh một sĩ quan chỉ huy nhà tù - trại tập trung Quốc xã nhân hậu, ngớ ngẩn trong phim truyền hình nhiều tập Những anh hùng của Hogan. Ledig-Rowohlt là đứa con trai ngoài giá thú của nhà xuất bản Ernst Rowohlt và làm biên tập trong công ty của cha. Tay tác giả được nói tới ở trên là Rudolf Ditzen, được biết đến rất nhiều với biệt danh, Hans Fallada.

[98] Fritz Lang (1890 - 1976): nhà làm phim và viết kịch bản người Mỹ gốc Áo.

[99] Marlene Dietrich (1901 - 1992): diễn viên và ca sĩ nổi tiếng người Mỹ gốc Đức.

[100] Bertolt Brecht (1898 - 1956): nhà viết kịch và nhà thơ nổi tiếng người Đức.

[101] Otto Klemperer (1885 - 1973): nhạc trưởng và nhạc sĩ nổi tiếng người Đức.

Cuộc viếng thăm đáng lí đã diễn ra vào hồi đầu năm, nhưng Fallada đã trì hoãn đến tận tháng Năm, vì lo lắng chuyện xuất bản cuốn sách mới nhất của mình, Một khi là chim trong lồng. Vào lúc này, danh tiếng của Fallada đã nổi như cồn trên toàn thế giới với tiểu thuyết Người bé nhỏ - làm gì bây giờ?, viết về cuộc đấu tranh của một cặp vợ chồng, trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế xã hội của nền Cộng hòa Weimar. Fallada lo âu vì Một khi là chim trong lồng, là tác phẩm lớn đầu tiên của ông được xuất bản, kể từ khi Hitler làm Thủ tướng. Ông không chắc chắn về chỗ đứng của mình trong mắt Phòng Văn chương Đế chế dưới quyền Goebbels, nơi tự cho mình cái quyền quyết định cái gì tạo nên tác phẩm văn chương được chấp nhận. Với mục đích cố gắng dọn đường cho cuốn sách mới, Fallada thêm vào phần giới thiệu một thông báo tán dương Quốc xã, hòng đảm bảo tình hình tồi tệ ở giữa cuốn sách không thể xảy ra nữa. Ngay cả nhà xuất bản của ông ta, Rowholt, cũng cho rằng Fallada đã đi quá xa, rằng lời giới thiệu "có vẻ QUÁ tâng bốc". Fallada vẫn giữ phần giới thiệu đó lại.

Vài tháng sau khi Hitler nhậm chức, các nhà văn Đức không phải thành viên Đảng Quốc xã nhanh chóng chia thành hai phe - một phe tin rằng ở lại là không đạo đức, còn một phe cảm thấy chiến lược tốt nhất là ở đâu yên đó, càng xa lánh thế sự càng tốt, đợi chờ chế độ Hitler sụp đổ. Sự tiếp cận của phe này được biết đến với cái tên "di cư nội tâm" và là con đường Fallada đã chọn.

Martha đề nghị Boris đi cùng. Anh đồng ý, cho dù từng nêu rõ quan điểm Mildred là người Martha không nên kết giao.

Họ lên đường vào sáng Chủ nhật, ngày 27 tháng 05, với chuyến đi dài ba tiếng đến trang trại của Fallada ở Carwitz, trong vùng thôn quê bên hồ Mecklenburg, phía bắc Berlin. Boris lái chiếc Ford và dĩ nhiên đã hạ mui trần. Buổi sáng mát mẻ và dễ chịu, những con đường hầu như vắng bóng xe. Khi đã ra khỏi thành phố, Boris tăng tốc. Chiếc Ford phóng vun vút dọc những con đường quê với hai hàng cây hạt dẻ và cây keo, không gian đầy hương xuân thơm lừng.

Qua nửa chặng đường, khung cảnh trở nên tối hơn. "Những ánh chớp nhỏ sắc nhọn rạch ngang trời," Martha nhớ lại, "khung cảnh hoang dã và chói lọi sắc màu, màu xanh, màu tím, màu hoa oải hương và màu xám sặc sỡ căng thẳng." Một cơn mưa bất thần đổ xuống, những giọt mưa bắn tung tóe trên kính chắn gió, nhưng ngay cả ở đây, trước sự phấn khích của tất cả mọi người, Boris vẫn hạ mui xuống. Chiếc xe lao đi dưới làn mây xám.

Bầu trời đột ngột quang mây, bỏ lại làn hơi nước được ánh mặt trời chiếu xuyên qua và sắc màu bất ngờ, như thể họ đang đi qua một bức tranh. Không khí đầy mùi hương đất ẩm tinh khôi.

Khi đến gần Carwitz, họ tiến vào vùng đất có những quả đồi, bình nguyên và mặt hồ xanh nhạt, với những lối đi đầy cát xung quanh. Các ngôi nhà và kho thóc trông như những cái hộp đơn giản với mái dốc cheo leo. Họ chỉ cách Berlin ba giờ chạy xe, nhưng nơi này dường như rất xa xôi và khuất nẻo.

Chiếc Ford của Boris dừng lại cạnh một trang trại gần hồ. Ngôi nhà nằm trên một dải đất nhô ra có tên là Bohnenwerder chạy tới hồ, tạo thành những quả đồi.

Fallada từ trong nhà đi ra, sau lưng là một cậu bé khoảng bốn tuổi cùng cô vợ tóc vàng, đẫy đà đang bế đứa con thứ hai, một bé sơ sinh. Một con chó cũng nhảy xổ ra. Fallada có dáng người vuông vắn với cái đầu vuông, miệng rộng, xương gò má tròn và cứng như thể những quả bóng golf được cấy vào dưới da. Cặp kính có gọng tối màu và hai mắt kính tròn. Vợ chồng ông ta dẫn những vị khách tham quan nhanh một vòng trang trại, họ đã mua nó bằng tiền nhuận bút cuốn Người bé nhỏ. Martha choáng váng trước vẻ mãn nguyện rõ nét trên mặt họ.

Chính Mildred là người đầu tiên lên tiếng, với những câu hỏi vốn đã luôn quanh quẩn trong đầu kể từ khi cả nhóm đến nơi, cho dù cô đã cẩn thận lựa lời. Khi cô cùng Fallada thả bước ra đến hồ, căn cứ theo bài tường thuật chi tiết của một trong số những người viết tiểu sử cho Fallada, cô kể về cuộc đời mình tại Mỹ, từng có sở thích đi dạo dọc bờ hồ Michigan.

Fallada nói, “Sống ở nước ngoài chắc khó khăn cho cô lắm, đặc biệt là khi sở thích của cô là văn học và ngôn ngữ.”

Đúng, cô nói, “nhưng sống ngay trong nước mình mà quan tâm đến văn chương cũng chẳng dễ dàng gì.”

Fallada đốt một điếu thuốc.

Lúc này rất chậm rãi, Fallada nói, “Tôi không bao giờ viết được bằng thứ ngôn ngữ khác, cũng như không thể sống ở đâu ngoài Đức.”

Mildred đáp ngay, “Ngài Ditzen, có lẽ sống ở đâu không quan trọng bằng sống như thế nào.”

Fallada không nói gì.

Một lúc sau, Mildred hỏi, "Thời buổi này, người ta có thể viết những gì mình muốn được không?"

"Còn phụ thuộc vào quan điểm của họ," ông đáp. Có những khó khăn và đòi hỏi, những từ ngữ phải tránh né, nhưng đến cuối cùng ngôn ngữ phải chịu khổ, ông nói. "Phải, tôi tin người ta vẫn có thể viết ở đây thời buổi này, nếu chịu nghe lời và nhượng bộ một chút. Dĩ nhiên là tránh những vấn đề gai góc."

Mildred hỏi, "Cái gì là gai góc và cái gì không gai góc?"

Mọi người dùng bữa trưa và cà phê. Martha và Mildred đi bộ lên đồi Bohnenwerder thưởng lãm cảnh quan. Một lớp sương mù mềm mại, lặng lẽ và nhiều màu sắc tạo nên cảm nhận thanh bình tràn ngập. Tuy nhiên, phía dưới kia, tâm trạng của Fallada biến thành bão tố. Ông cùng Ledig-Rowhlt chơi cờ. Chủ đề phần giới thiệu cuốn Chim trong lồng của Fallada được bàn đến, Ledig-Rowohlt thắc mắc về sự cần thiết của nó. Anh ta thổ lộ đây chính là chủ đề trò chuyện trong chuyến đi tới Carwitz. Nghe xong, Fallada giận dữ. Ông phẫn nộ khi mình biến thành chủ đề ngồi lê đôi mách, tranh cãi xem ai là người có quyền phát xét ông, đặc biệt là hai phụ nữ người Mỹ kia thì càng không.

Khi Martha cùng Mildred quay về, cuộc trò chuyện vẫn tiếp tục, Mildred tham gia. Martha cố gắng lắng nghe hết sức có thể, nhưng tiếng Đức của cô vẫn chưa thuần thục để hiểu hết các chi tiết. Tuy nhiên, cô đoán rằng Mildred "đang nhẹ nhàng thăm dò" việc Fallada xa lánh thế cuộc. Sự khó chịu của ông ta do đó rõ ràng bị thách thức.

Sau đó, Fallada dắt mọi người đi xem nhà - gồm có bảy phòng, có đèn điện, một tầng gác mái rộng rãi và nhiều lò sưởi ấm áp. Ông cho họ xem thư viện, với rất nhiều phiên bản tiếng nước ngoài các cuốn sách của chính ông, tiếp theo là đến phòng đứa trẻ sơ sinh của ông đang ngủ trưa. Martha viết, "Vẻ lo lắng và ngượng ngập hiện rõ trên mặt ông ta, cho dù ông ta cố gắng tỏ ra hãnh diện và hạnh phúc về con cái, về mảnh vườn tự tay mình chăm bón, về người vợ mập mạp giản dị, về nhiều bản dịch và ấn bản ngoại văn các cuốn sách của mình đang xếp trên giá. Nhưng ông ta là một người bất hạnh."

Fallada chụp cho cả nhóm mấy bức ảnh, Boris cũng làm theo. Trong suốt chuyến đi về Berlin, cả bốn người một lần nữa lại nói

về Fallada. Mildred mô tả ông ta là kẻ hèn nhát, yếu ớt nhưng rồi nói thêm, "Ông ta là người tốt và có lương tâm. Ông ta không hạnh phúc, nhưng không phải là kẻ Phát xít, không hẳn là vô vọng đâu."

Martha ghi lại một ấn tượng khác, "Lần đầu tiên, tôi nhận thấy nỗi sợ hãi không giấu giếm hiện trên gương mặt nhà văn."

Về cơ bản, Fallada trở thành một nhân vật gây tranh cãi trên văn đàn Đức, bị nhiều nhóm chửi rủa vì đã không đứng lên dũng cảm đương đầu với Quốc xã, nhưng lại được các nhóm khác bảo vệ vì không lựa chọn con đường lưu đày an toàn hơn. Nhiều năm sau chuyến thăm của Martha, Fallada thấy mình ngày càng bị buộc phải bẻ cong ngòi bút vì những đòi hỏi của nhà nước Quốc xã. Ông chuyển sang chuẩn bị các bản dịch cho Rowohlt, trong số này có cuốn Sống bên cha của Clarence Day, hồi ấy rất nổi tiếng tại Mỹ, viết các tác phẩm vô thưởng vô phạt mà ông hi vọng sẽ không chạm đến dây thần kinh nhạy cảm của Quốc xã. Trong số này là tuyển tập các truyện thiếu nhi về chiếc xe kéo đồ chơi của trẻ em, (Hoppelpoppel, bạn ở đâu?).

Ông thấy sự nghiệp có khởi sắc ngắn ngủi, khi cuốn tiểu thuyết mang tựa đề Sói giữa bầy sói được xuất bản năm 1937, cuốn sách mà nhiều quan chức Đảng cho rằng là đòn tấn công xứng đáng vào thế giới Weimar cũ, được đích thân Goebbels mô tả là "một tác phẩm siêu phàm". Ngay cả thế, Fallada vẫn ngày càng nhượng bộ nhiều hơn nữa, cuối cùng ông cho phép Goebbels viết phần kết tiểu thuyết mới của mình, Gustav sắt, khắc họa đời sống gian nan trong cuộc Thế chiến vừa qua. Fallada xem đây như sự nhượng bộ khôn ngoan. "Tôi không thích những cử chỉ vĩ đại," ông viết, "như bị sát hại trước ngai vàng kẻ bạo chúa, chết một cách vô nghĩa, chẳng có lợi cho ai mà con cái tôi còn phải khổ cực, đó không phải cách của tôi."

Tuy nhiên, ông nhận ra rằng nhiều nhượng bộ ảnh hưởng tới việc viết lách. Ông viết thư cho mẹ kể rằng ông không hài lòng với công việc. "Con không thể hành động theo ý mình - nếu còn muốn sống. Đến thằng ngu cũng chẳng nhượng bộ nhiều đến thế."

Các nhà văn khác trên đường lưu đày, đã theo dõi Fallada với sự khinh bỉ, khi ông và nhiều anh em di cư nội tâm uốn gối nghe lời Chính phủ. Thomas Mann, người sống ở nước ngoài suốt thời gian Hitler cầm quyền, về sau đã viết bài văn bia cho họ: "Có thể là mê tín, nhưng trong mắt tôi, bất kì cuốn sách nào có thể được in tại Đức, vào khoảng năm 1933 đến 1945, đều là rác phẩm chẳng ma

nào thèm đụng tới. Một thứ mùi hôi thối của máu kèm theo đó là nỗi nhục nhã. Tất cả bọn chúng đều đáng bị nghiền nát."

Nỗi sợ hãi và sự đàn áp Martha cảm thấy ở Fallada ngự trên đỉnh ngọn núi bằng chứng ngày càng tăng suốt mùa xuân, bắt đầu gặm mòn sự mê đắm của cô với nước Đức mới. Sự đồng tình mù quáng của cô với chế độ Hitler lần đầu tiên phai nhạt thành chủ nghĩa hoài nghi đồng cảm, nhưng khi mùa hè đến gần, cô cảm thấy khiếp sợ sâu sắc.

Cô đã từng có thể gạt bỏ vụ đánh đập tại Nuremberg như một chương riêng rẽ, giờ đây cô nhận thấy hành hạ người Do Thái tại Đức đã biến thành trò tiêu khiển trên toàn quốc. Cô thấy mình bị đánh gục bởi tiếng sấm tuyên truyền không ngừng của Quốc xã, khắc họa người Do Thái như kẻ thù của Nhà nước. Giờ đây khi lắng nghe câu chuyện phản Quốc xã của Mildred và Arvid Harnack cùng bạn bè họ, cô không còn cảm thấy thực sự có xu hướng bảo vệ "những kẻ xa lạ" của cuộc cách mạng non nớt, những người cô đã từng say đắm. "Vào mùa xuân năm 1934," cô viết, "những gì tôi đã nghe, đã thấy và cảm nhận cho tôi biết rằng điều kiện sống còn tồi tệ hơn những ngày trước khi có Hitler, rằng cái hệ thống khủng bố phức tạp nhất, nghẹt thở nhất đang cai trị đất nước, bóp nghẹt tự do và niềm hạnh phúc của người dân. Điều không tránh khỏi là các nhà lãnh đạo nước Đức đang dẫn dắt đám đông ngoan ngoãn, nhân hậu này vào một cuộc chiến khác, trái với ý muốn và nhận thức của họ."

Tuy nhiên, cô vẫn chưa sẵn sàng công khai tuyên bố thái độ mới của mình với thế giới. "Tôi vẫn cố gắng giữ kín thái độ thù địch của mình, không biểu hiện ra ngoài."

Thay vào đó, cô chọn cách quanh co khi cố tình để lộ ra xu hướng trái ngược, niềm hứng thú mới mẻ và nhiệt thành đối với kẻ thù lớn nhất của chế độ Hitler, Liên bang Xô Viết. Cô ghi lại, "Trong tôi bắt đầu nảy sinh sự hiếu kì đối với bản chất của chính phủ này, bị nước Đức và dân Đức căm ghét, được mô tả là cực kì tàn bạo."

Trái ý cha mẹ, nhưng lại được Boris khuyến khích, cô bắt tay lên kế hoạch cho một chuyến đi thăm Liên bang Xô Viết.

Đến tháng sáu, Dodd đã hiểu "vấn đề Do Thái", như ông tiếp tục gọi thế, chẳng được cải thiện một chút nào. Lúc này, trong lá thư gửi Ngoại trưởng Hull, ông nói "triển vọng chấm dứt có vẻ ngày càng xa vời." Như Messersmith, ông thấy rằng sự hành hạ đang lan tràn rộng khắp, cho dù nó đã thay đổi về tính chất, trở nên

“tinh tế và ít phô trương hơn”.

Vào tháng Năm, ông báo cáo Đảng Quốc xã đã triển khai một chiến dịch chống lại “bọn hay càu nhàu và bới bèo ra bọ”, tức là tái đẩy mạnh Đồng hóa. Điều này không tránh khỏi sẽ làm tăng sức ép lên người Do Thái. Tờ báo của Goebbels, Der Angriff bắt đầu thúc giục độc giả “giữ đôi mắt sắc sảo nhìn bọn Do Thái và báo cáo bất kì thiếu sót nào của chúng,” Dodd viết. Các ông chủ Do Thái của tờ Frankfurter Zeitung bị ép phải từ bỏ lợi ích kiểm soát của mình, như những người chủ Do Thái trước kia của đế chế xuất bản danh tiếng Ullstein. Một công ty cao su lớn được lệnh phải cung cấp bằng chứng không có nhân viên Do Thái, trước khi có thể nộp thầu cho các chính quyền thành phố tự trị. Hội Chữ Thập Đỏ Đức bất thình lình bị yêu cầu phải chứng thực rằng các mạnh thường quân mới có nguồn gốc Aryan. Và hai thẩm phán ở hai thành phố khác nhau cho phép hai người đàn ông được li hôn vợ, với lí do duy nhất rằng họ là phụ nữ Do Thái, rằng những cuộc hôn nhân này sẽ sinh ra lũ trẻ pha trộn chủng tộc, chỉ tổ làm suy yếu nước Đức.

Dodd viết: “Những ví dụ này và nhiều ví dụ khác ít quan trọng hơn cho thấy một cách thức đối xử mới với người Do Thái - một biện pháp được tính toán làm sao ít phải nhận chỉ trích từ bên ngoài, nhưng vẫn phản ánh được quyết tâm của Quốc xã muốn ép buộc người Do Thái phải rời khỏi đất nước.”

Siết chặt kiểm soát kiểu mới cũng áp dụng với dân Aryan. Trong một thông điệp khác viết cùng ngày, Dodd mô tả Bộ Giáo dục tuyên bố phân chia tuần học của trường, sao cho các buổi tối thứ Bảy và thứ Tư sẽ dành riêng cho Lực lượng Thanh niên Hitler.

Kể từ đó, ngày thứ Bảy được gọi là Staatsjugendtag, Ngày Thanh niên Quốc gia.

Thời tiết vẫn ấm, thi thoảng có mưa. Thứ Bảy, ngày 02 tháng 06 năm 1934, với nhiệt độ lên đến hai mươi bảy độ C, Đại sứ Dodd viết nhật kí: “Nước Đức lần đầu tiên khô hạn: cây cối và những cánh đồng vàng úa. Giấy tờ ngập đầy các mô tả về hạn hán ở Bavaria và cả ở Mỹ.”

Tại Washington, Moffat cũng ghi chép về thời tiết. Trong nhật kí, ông ta gọi kiểu thời tiết này là “nóng kinh hoàng” và ngày Chủ nhật, 20 tháng 05, trời bắt đầu nóng cao độ, với đỉnh điểm ba mươi tư độ C, trong văn phòng của ông ta.

Dĩ nhiên, chưa ai biết nước Mỹ sắp bước vào đợt hạn hán thứ hai trong hàng loạt đợt hạn hán do sự cố địa chất, sẽ sớm biến Đại Bình nguyên[102] thành một Vùng Bão Bụi.

[102] Đại Bình nguyên: vùng đồng cỏ và cao nguyên rộng lớn, trải dọc theo miền Trung nước Mỹ và một phần lãnh thổ Canada.

Chương 41
RẮC RỐI Ở NHÀ HÀNG XÓM

Khi mùa hè đến gần, cảm giác khó chịu ở Berlin trở nên nhức nhối. Tâm trạng thì "căng thẳng và bức bối," Martha viết. "Ai cũng cảm thấy trong không khí có cái gì đó, nhưng không biết rõ được."

Bầu không khí lạ lùng và tình hình mong manh của nước Đức là những chủ đề nói chuyện tại Tee-Engsfang - một bữa tiệc trà cuối chiều do Putzi Hanfstaengl tổ chức vào thứ Sáu, ngày 08 tháng 06 năm 1934, có sự tham dự của gia đình Dodd.

Trên đường về nhà từ buổi tiệc trà, gia đình Dodd không thể không để ý một chuyện bất thường đang xảy ra tại Bendlerstrasse, con phố nhỏ cuối cùng họ đi qua trước khi đến nhà. Tại đó rất dễ thấy là các tòa nhà của Bendler Block, các trụ sở quân sự. Thực chất, gia đình Dodd và quân đội vốn gần như là hàng xóm sát sườn, chỉ cách nhau một tầm gạch ném.

Sự thay đổi quá rõ ràng. Binh lính đứng trên sân thượng các tòa nhà. Các nhóm tuần tra vũ trang đầy đủ đi dọc vỉa hè. Các xe tải quân đội và xe ô tô Gestapo đỗ chật kín con phố.

Những lực lượng này vẫn đóng đô ở đây suốt cả đêm thứ Sáu và ngày thứ Bảy. Rồi đến sáng Chủ nhật, ngày 10 tháng 06, binh lính và xe tải bỏ đi hết.

Không khí mát mẻ từ công viên Tiergarten sum suê cây cối thổi sang nhà Dodd. Lúc nào cũng vậy, tiếng người cưỡi ngựa vang lên rõ mồn một trong buổi sáng Chủ nhật thanh bình.

Chương 42
NHỮNG MÓN ĐỒ CHƠI CỦA HERMANN

Giữa nhiều tin đồn về sự lật đổ sắp xảy ra, Dodd cùng các đồng nghiệp trong ngoại giao đoàn vẫn không dễ hình dung Hitler, Göring và Goebbels có thể chịu đựng được lâu hơn nữa. Dodd vẫn xem chúng là những thanh thiếu niên nguy hiểm và vớ vẩn - "tuổi 16", như lúc này ông khẳng định - những kẻ đang phải đối mặt với sự tích tụ những rắc rối gây nản chí. Hạn hán vẫn ngày càng nặng nề hơn. Nền kinh tế cho thấy rất ít dấu hiệu cải thiện, ngoại trừ sự sụt giảm tỉ lệ thất nghiệp hão huyền. Rạn nứt giữa Röhm và Hitler dường như sâu sắc hơn. Và những khoảnh khắc lạ lùng, lố bịch vẫn tiếp tục xảy ra, như cho thấy nước Đức chỉ đơn thuần là một sân khấu hài kịch kệch cỡm nào đó, chứ không phải là một đất nước đang trong giai đoạn nóng bỏng.

Chủ nhật, ngày 10 tháng 06 năm 1934, đã cho thấy một chương như thế, khi Dodd, Đại sứ Pháp François-Poncet và Đại sứ Anh, Hiệp sĩ Eric Phipps, cùng hơn ba mươi vị khách khác tham dự một tiệc chiêu đãi tại dinh thự rộng lớn của Göring, cách Berlin một giờ đi xe về phía bắc. Gã đặt tên cho nó là Carinhall để tưởng nhớ người vợ Thụy Điển quá cố, Carin, người mà gã rất kính trọng. Cuối tháng, gã lên kế hoạch đưa thi hài vợ từ nơi yên nghỉ ở Thụy Điển về Đức an táng, ở lăng mộ nằm trong khuôn viên dinh thự. Tuy nhiên, hôm nay, Göring chỉ muốn khoe khoang các khu rừng và bãi nuôi bò rừng mới của gã, với hi vọng sẽ nuôi dưỡng chúng ở đây, rồi thả rông trong mảnh đất của mình.

Gia đình Dodd đến muộn bằng chiếc Buick mới mẻ, dù phải dừng lại vì chết máy giữa đường, nhưng vẫn cố gắng đến nơi sớm hơn cả Göring. Họ được hướng dẫn lái xe vào bãi đỗ đặc biệt trong khuôn viên. Nhằm đảm bảo khách không bị lạc, Göring bố trí

người đứng ở những nút giao để chỉ đường. Vợ chồng Dodd thấy các vị khách bu quanh một người đang nói về nơi nào đó trên mảnh đất. Gia đình ông biết rằng họ đang ở ngay ngoài bãi nuôi bò rừng.

Cuối cùng, Göring cũng có mặt, đến một mình và lái xe rất nhanh, Phipps mô tả là như lái xe đua. Gã xuống xe, trên người mặc đồng phục nửa giống phi công, nửa giống một thợ săn thời Trung cổ. Gã đi đôi ủng Ấn Độ bằng cao su, thắt lưng giắt một con dao săn cỡ lớn.

Göring thế chỗ người chỉ đường đầu tiên. Gã dùng micro nhưng nói rất to, tạo cảm giác khó chịu với mọi người xung quanh. Gã mô tả kế hoạch xây một khu bảo tồn rừng, tái hiện các điều kiện của nước Đức nguyên thủy, hoàn chỉnh với các động vật thời cổ như bò rừng, đang lười nhác đứng cách đó một quãng. Ba nhiếp ảnh gia và một "nhà quay phim" đã chộp được khoảnh khắc này.

Elisabetta Cerruti, bà vợ xinh đẹp mang hai dòng máu Hungary và Do Thái của Đại sứ Italia, nhớ lại chuyện xảy ra sau đó.

"Thưa quý vị," Göring nói, "vài phút nữa quý vị sẽ được chứng kiến màn thể hiện độc đáo của tự nhiên". Gã chỉ tay về phía cái lồng sắt. "Trong cái lồng này là một con bò đực mạnh mẽ, một động vật gần như không còn được thấy trên Lục địa... Và đây, ngay trước mắt quý vị, con bò rừng này sẽ gặp con bò cái cùng loài. Vui lòng giữ yên lặng và đừng sợ hãi."

Những người trông coi bò rừng của Göring mở cửa lồng. "Ivan Kinh hoàng[103]," Göring ra lệnh, "Tao ra lệnh cho mày rời lồng."

[103] Ivan IV Vasilyevich (1530 - 1584): Sa hoàng đầu tiên của nước Nga. Ông có công chinh phục các Hãn quốc ở Kazan, Astrakhan và Sibir. Do về cuối đời thần kinh của ông không ổn định, ông thường được gọi là Ivan Bạo chúa hay Ivan Kinh hoàng.

Con bò đứng im.

Göring lặp lại mệnh lệnh. Một lần nữa, con bò phớt lờ gã. Những người trông coi cố gắng thúc giục Ivan hành động. Các nhiếp ảnh gia sẵn sàng cho cuộc tấn công đầy nhục dục chắc chắn sẽ diễn ra.

Đại sứ Anh Phipps viết trong nhật kí rằng con bò bước ra khỏi lồng "cực kì miễn cưỡng, và sau khi dò xét đám đông với ánh mắt có vẻ buồn bã, nó cố gắng quay trở vào lồng." Phipps cũng mô tả sự kiện này trong bản tóm tắt sau đó gửi về London, trở nên nổi

tiếng ở văn phòng ngoại giao Anh với cái tên "thông điệp bò rừng".

Tiếp theo, Dodd cùng Mattie và các vị khách trèo lên ba mươi chiếc xe ngựa nhỏ, do nông dân điều khiển, mỗi xe chở hai hành khách, bắt đầu chuyến đi kéo dài, quanh co qua những cánh rừng và đồng cỏ. Göring ngồi trong chiếc xe dẫn đầu do hai con ngựa lực lưỡng kéo, cùng bà Cerruti ngồi bên phải. Một giờ sau, đoàn xe dừng lại gần một đầm lầy. Göring xuống xe đọc một bài diễn văn nữa, lần này về vẻ đẹp rực rỡ của chim chóc.

Rồi các vị khách lại lên xe, và sau một cuốc xe dài hơi nữa, họ đến một khoảng rừng thưa, gần bãi đỗ xe. Göring cố gắng nhét tấm thân phì nộn vào xe mình, rồi phóng vút đi với tốc độ cao. Các vị khách nối đuôi theo xe gã giữ tốc độ chậm hơn, và sau hai mươi phút, họ đến một cái hồ nằm cạnh một căn nhà nghỉ mới xây to lớn, dường như gợi lên hình ảnh ngôi nhà của lãnh chúa nguyên thủy. Göring đang đứng đợi, đã thay đồ hoàn toàn mới, "bộ trang phục mùa hè mới tinh đẹp tuyệt," Dodd viết - với giày tennis trắng, quần dài vải bông trắng, sơ mi trắng, áo khoác da ngụy trang màu xanh lục, và vẫn giắt bên thắt lưng con dao săn lúc nãy. Trên tay gã cầm một công cụ dài, như lai giữa gậy có móc của dân chăn cừu và lao móc bắt cá voi.

Lúc này đã gần sáu giờ, cảnh quan chìm trong sắc màu hổ phách vàng óng dưới nắng chiều. Với cây gậy trong tay, Göring dẫn khách bước vào nhà. Một bộ sưu tập kiếm treo ngay phía sau cửa chính. Gã khoe khoang các căn phòng "vàng" và "bạc", phòng chơi bài, thư viện, phòng tập thể hình và rạp chiếu phim. Một tiền sảnh treo hàng tá bộ gạc hươu. Trong phòng khách chính, họ thấy một cái cây sống nguyên, một bức tượng Hitler bằng đồng, và một không gian vẫn còn trống mà Göring định đặt một bức tượng Wotan, vị thần chiến tranh của người Đức cổ. Gã "phô trương sự rỗng tuếch ở từng góc nhà", Dodd nhận xét. Ông lưu ý rằng một số vị khách trao nhau những ánh mắt thích thú nhưng kín đáo.

Sau đó, Göring đưa mọi người ra ngoài, nơi tất cả được dẫn đến ngồi tại các bàn ngoài trời dùng bữa, dưới sự đạo diễn của nữ diễn viên Emmy Sonnemann, người được Göring xem là "thư kí riêng", cho dù ai cũng biết thừa cô ta dan díu với Göring. (Bà Dodd yêu thích Sonnenman và trong vài tháng tới "khá gắn bó với cô ta", như Martha lưu ý). Đại sứ Dodd thấy mình ngồi tại bàn với Phó Thủ tướng Papen, Phipps và François-Poncet, cùng những người khác. Ông thất vọng với kết quả này. "Trò chuyện chẳng ăn nhập gì cả," ông viết - mặc dù ông thấy mình chỉ tham gia cho có lệ, khi

câu chuyện chuyển sang chủ đề cuốn sách mới về hải quân Đức trong Thế Chiến I. Thế rồi vì mọi người tranh luận quá nhiệt tình, Dodd buộc phải chen vào, "Nếu ai ai cũng hiểu sự thật lịch sử, thì đã chẳng bao giờ có cuộc chiến đó."

Phipps và François-Poncet gượng cười.

Rồi tất cả im lặng.

Một lúc sau, cuộc đối thoại lại tiếp tục: "Chúng tôi quay sang người bên cạnh," Dodd viết, "và lảng tránh những chủ đề nhạy cảm."

Dodd và Phipps đoán - hi vọng - rằng sau khi bữa ăn này kết thúc, hai người có thể cáo từ sớm và quay về Berlin, vì cả hai còn buổi tiệc tối cần phải tham dự, nhưng lúc này Göring tuyên bố rằng điều tuyệt với nhất của chuyến đi này - hay "màn hài kịch lạ lùng này", như Phipps gọi - vẫn còn chưa đến.

Göring dẫn các vị khách ra một chỗ khác trên bờ hồ cách đó khoảng 450 mét, nơi gã đứng lại phía trước một hầm mộ dựng bên mép nước. Tại đây, Dodd thấy một thứ ông gọi là "cấu trúc tinh tế nhất tôi từng gặp". Nằm lọt thỏm giữa hai cây sồi lớn và sáu viên đá sa thạch to là một lăng mộ, gợi nhớ lại hình ảnh của Stonehenge[104]. Göring bước đến một trong hai cây sồi, dừng lại đứng trước cái cây, hai chân giạng ra, như một vị thần rừng khổng lồ nào đó. Con dao săn bắn vẫn giắt trên thắt lưng, một lần nữa gã dùng đến cây gậy Trung cổ. Gã nói về những đức tính tốt của người vợ quá cố, về sự bố trí hầm mộ của bà với phong cảnh điền viên, và các kế hoạch cải táng vợ của gã sẽ được thực hiện mười ngày tới, vào tiết Hạ chí - một ngày ý thức hệ ngoại giao của Quốc xã coi là có tầm quan trọng mang tính biểu tượng. Hitler sẽ tham dự, cũng như binh lính của các tướng tá trong quân đội, SS và SA.

[104] Stonehenge: một công trình cổ đại ở đảo Anh, gồm nhiều khối đá hình chữ nhật xếp chồng lên nhau.

Cuối cùng, "mệt mỏi vì sự phô trương hiếu kì", Dodd cùng Phipps buộc phải tạm biệt Göring. Bà Cerruti, rõ ràng đang đợi chờ cơ hội chuồn, thậm chí còn hành động nhanh hơn. "Thấy chúng tôi bỏ đi," Dodd viết, "Phu nhân Cerruti đứng dậy rất nhanh, không một ai kịp ngăn cản bà ấy."

Hôm sau, Phipps viết về buổi chiêu đãi của Göring trong nhật kí: "Toàn bộ diễn biến có những lúc lạ lùng đến mức có cảm giác không thực," ông viết, nhưng sự kiện này đã mang lại cho ông cái

nhìn thấu suốt đáng lo ngại, nhưng giá trị, vào bản chất của chế độ Quốc xã. “Ấn tượng bao trùm là sự ngây thơ đến thảm hại của Tướng Göring, người khoe với chúng tôi thùng đồ chơi của mình như một đứa trẻ to xác, béo ị và hư đốn: những cánh rừng nguyên thủy, con bò rừng, bầy chim, khu săn bắn, mặt hồ và bãi tắm của gã, nàng “thư kí riêng” tóc vàng của gã, lăng mộ của vợ gã, với những con thiên nga và đá thạch anh... Tôi nhớ còn những đồ chơi khác, có cánh nhưng kém dễ thương hơn, và một ngày nào đó những món đồ chơi này sẽ được triển khai trong nhiệm vụ tàn sát của chúng, cũng với vẻ hồn nhiên trẻ thơ như thế.”

Chương 43
TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI LÙN

Giờ đây, dù cha con Martha đi đến đâu, họ cũng nghe thấy những lời đồn đại và suy đoán rằng sự sụp đổ của chế độ Hitler có thể sắp xảy ra. Qua mỗi ngày nóng nực của tháng Sáu, các tin đồn càng trở nên chi tiết hơn. Tại những quán bar và quán cà phê, các vị khách quen có trò tiêu khiển rõ ràng là nguy hiểm, lập và so sánh các danh sách nội các Chính phủ mới. Tên tuổi hai Cựu Thủ tướng thường xuyên xuất hiện: Tướng Kurt von Schleicher và Heinrich Brüning. Có lời đồn Hitler sẽ vẫn làm Thủ tướng nhưng chịu sự giám sát của nội các mới mẻ, mạnh mẽ, với Schleicher làm Phó Thủ tướng, Brüning làm Ngoại trưởng và Đại úy Röhm làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ngày 16 tháng 06 năm 1934, chưa đầy một tháng nữa là kỉ niệm một năm ông đến Berlin, Dodd viết thư cho Ngoại trưởng Hull, "Tôi đi đến đâu cũng nghe nói đến chuyện kháng chiến, về những cuộc nổi dậy chớp nhoáng có thể xảy ra ở các thành phố lớn."

Và rồi xảy ra một chuyện mà cho đến mùa xuân năm đó, dường như vẫn không ai nghĩ là có thể xảy ra, xét đến những ngăn cấm bày tỏ ý kiến bất đồng đầy hiệu quả dưới thời Hitler.

Chủ nhật, ngày 18 tháng 06, Phó Thủ tướng Papen theo kế hoạch sẽ đọc bài diễn văn ở Marburg, tại trường đại học mang tên thành phố này, cách Berlin một quãng đường ngắn bằng xe lửa về phía tây nam. Ông ta không hề xem bài diễn văn mãi đến sau khi lên tàu, đây hoàn toàn là âm mưu giữa người chấp bút bài diễn văn Edgar Jung và thư kí của ông ta, Fritz Gunther von Tschirschky und Boegendorff. Jung là nhà bảo thủ hàng đầu từng phản đối quyết liệt Đảng Quốc xã, đến nỗi từng có thời gian ngắn bị xem có âm mưu ám sát Hitler. Cho đến giờ, ông ta chưa gài những quan điểm bài Quốc xã vào các diễn văn của Papen, nhưng ông ta cảm thấy cuộc xung đột ngày càng tăng trong Chính phủ là một cơ hội

duy nhất. Jung lí luận, nếu chính Papen lên tiếng chống chế độ, những bình luận này cuối cùng có thể thúc đẩy Tổng thống Hindenburg và quân đội đứng lên lật đổ Quốc xã và quét sạch Sư đoàn Bão tố, vì lợi ích khôi phục giang sơn. Jung đã kiểm tra kĩ lưỡng bài diễn văn với Tschirschky, nhưng để thận trọng, cả hai không cho Papen xem nó cho đến phút cuối cùng, nhằm ép Papen lâm vào thế đã rồi. "Bài diễn văn phải mất hàng tháng chuẩn bị," sau này Tschirschky nói. "Cần phải chọn dịp thích hợp để đọc, rồi chuẩn bị mọi thứ với sự cẩn trọng cao nhất có thể."

Giờ đây, ngồi trên tàu, khi đọc bản thảo lần đầu tiên, Tschirschky thấy nét sợ hãi thoáng qua mặt Papen. Đó là sự đánh giá tâm trạng thay đổi của nước Đức - người ta rỉ tai nhau rằng có thể có sự thay đổi to lớn - rằng Papen, một nhân vật khiêm nhường, cảm thấy mình có thể bước lên, đọc diễn văn mà vẫn sống sót. Không phải vì ông ta có nhiều lựa chọn. "Chúng tôi không ít thì nhiều đã ép ông ấy đọc nó," Tschirschky nói. Các bản sao đã được phân phối cho phóng viên nước ngoài. Ngay cả nếu Papen có từ chối hợp tác vào phút chót, bài diễn văn vẫn sẽ tiếp tục được phát tán. Rõ ràng nội dung đã bị rò rỉ, vì khi Papen đến tòa nhà, nơi này đã nóng lên vì chờ đợi. Nỗi lo lắng của ông ta chắc chắn tăng đột ngột, khi thấy vài người mặc áo nâu và đeo băng thập ngoặc ngồi phía dưới.

Papen bước lên bục.

"Tôi được biết rằng," ông ta bắt đầu, "việc tôi góp phần vào các sự kiện diễn ra tại nước Phổ và giúp hình thành nên Chính phủ hiện thời" - một lời ám chỉ vai trò của ông ta trong việc đưa Hitler lên làm Thủ tướng - "đã có ảnh hưởng nặng nề lên các diễn biến của nước Đức, đến nỗi tôi buộc phải xem chúng nghiêm trọng hơn hầu hết mọi người nghĩ."

Những lời nhận xét sau đó hẳn sẽ đủ điều kiện tống giam bất kì nhân vật tầm cỡ nào. Papen nói, "Chính phủ hoàn toàn nhận thức được tính ích kỉ, thiếu kỉ luật, giả dối, hành vi hèn mạt và ngạo mạn đang bành trướng dưới lớp vỏ cuộc cách mạng Đức." Nếu Chính phủ hi vọng thiết lập được "mối quan hệ thân thiện và gần gũi với người dân," ông ta cảnh báo, "vậy thì Chính phủ không được xem thường trí tuệ của nhân dân, phải đền đáp niềm tin của nhân dân và không được tiếp tục dọa nạt dân."

Ông ta nói, người Đức sẽ đi theo Hitler trung thành tuyệt đối "với điều kiện họ được phép góp sức mình vào quá trình ra và thực thi các quyết định, từng lời phê bình của họ không ngay lập tức bị xem là lời nói mang tính hiểm độc, và những người yêu nước

tuyệt vọng không bị khép tội phản quốc."

Ông ta tuyên bố, đã đến lúc "làm câm lặng những kẻ cuồng tín cố chấp".

Phản ứng của khán thính giả như thể họ đã phải chờ đợi quá lâu để được nghe các nhận xét này. Papen đọc xong, đám đông đứng bật dậy. "Tiếng vỗ tay như sấm động", Papen lưu ý, lấn át hoàn toàn "những phản đối phẫn nộ" của mấy kẻ Quốc xã mặc đồng phục trong đám đông. Sử gia John Wheeler-Bennett, lúc đó đang cư trú tại Berlin, đã viết, "Không thể miêu tả hết niềm vui bài diễn văn mang lại ở Đức. Như thể tâm hồn nước Đức được giải thoát khỏi gánh nặng ngàn cân. Cảm nhận nhẹ nhõm có thể thấy được ngay cả trong không khí. Papen đã truyền tải vào con chữ tiếng lòng của hàng ngàn, hàng vạn người dân vốn bấy lâu chôn chặt nơi đáy tim, vì sợ phải hứng chịu những hình phạt khủng khiếp nếu nói ra."

Cùng ngày hôm đó, theo kế hoạch, Hitler sẽ có buổi diễn thuyết ở đâu đó tại Đức, nói về chuyến thăm vừa rồi của hắn sang Italia gặp Mussolini. Hitler biến cơ hội này thành đòn tấn công Papen và các đồng minh bảo thủ của ông ta, mà không nói thẳng tên Papen. "Tất cả những thằng lùn nhóc con tưởng rằng có thể lên tiếng phản đối ý tưởng của chúng ta, sẽ bị quét sạch bằng sức mạnh tập thể của chúng ta," Hitler hét lên. Hắn mắng nhiếc "con sâu bé tí lố bịch", "thằng nhóc lùn này tưởng rằng chỉ với vài câu nói, mà có thể chặn đứng sự đổi thay vĩ đại trong cuộc sống của nhân dân."

Hắn đưa ra lời cảnh cáo phe của Papen, "Nếu vào bất kì lúc nào, ngay cả bằng cách lén lút, chúng cố phát triển từ phê bình chỉ trích thành khai man trước tòa, chúng có thể chắc chắn rằng những gì chúng đối mặt hôm nay không chỉ là giai cấp tư sản hèn nhát và thối nát của năm 1918, mà là nắm đấm của toàn thể nhân dân. Là nắm đấm siết chặt lại của cả một đất nước và sẽ đập nát bất kì kẻ nào dám có hành động phá hoại dù là nhỏ nhất."

Goebbels hành động ngay lập tức, hòng đán áp bài diễn văn của Papen. Lão ngăn cấm phát sóng và ra lệnh tiêu hủy các đĩa hát đã thu bài diễn văn. Báo chí cũng không được phép đăng bài viết, cho dù ít nhất có một tờ báo, Frankfurter Zeitung, vẫn cố gắng đăng các đoạn trích. Goebbels sốt sắng ngăn chặn truyền bá bài diễn văn, tới mức "các khách hàng trong quán cà phê, trong nhà hàng giành giật các bản sao của nó", Dodd báo cáo.

Những đồng minh của Papen tận dụng các máy in tại tòa soạn báo

của riêng ông ta, Germania, để sao bài diễn văn rồi phân phối thầm lặng cho các nhà ngoại giao, phóng viên báo chí và nhiều người khác. Bài diễn văn khiến toàn thế giới chấn động. Tờ New York Times đề nghị Đại sứ quán của Dodd cung cấp toàn văn bài viết theo đường điện tín. Bài viết trở thành một hiện tượng trên các tờ báo ở London và Paris.

Sự kiện này củng cố thêm cảm nhận bất an tràn ngập Berlin. "Có điều gì đó trong bầu không khí ngột ngạt này," Hans Gisevius, tác giả của hồi kí về Gestapo viết, "đám dân chúng sợ sệt phải đón nhận trận lũ những lời đồn hết sức kì quái và có khả năng là đúng sự thật. Những câu chuyện vớ vẩn lại được tin tưởng một cách ngu ngốc. Ai ai cũng thì thầm và ngồi lê đôi mách những tin đồn nóng sốt." Dân chúng ủng hộ hai phe "ngày càng quan tâm đến vấn đề liệu họ có bị sát thủ thuê giết không, và chúng có thể là ai."

Có người ném một trái lựu đạn cầm tay từ trên mái nhà xuống đường Unter den Linden. Lựu đạn phát nổ, nhưng chỉ ảnh hưởng đến tinh thần của nhiều quan chức Chính phủ và các chỉ huy SA vô tình có mặt quanh đó. Karl Ernst, chỉ huy trẻ tuổi và tàn bạo của sư đoàn SA tại Berlin, năm phút trước vừa đi qua đó, liền cho rằng hắn là mục tiêu và Himmler muốn khử hắn.

Trong tình huống căng thẳng và sợ hãi, ý tưởng Himmler muốn khử Ernst là cực kì hợp lí. Ngay cả sau khi cảnh sát điều tra xác định rằng sát thủ có thể là một công nhân bất mãn làm việc bán thời gian, một nỗi sợ hãi và nghi ngờ thoáng qua vẫn chưa chịu tan, như làn khói vơ vẩn bay quanh nòng súng. Gisevius viết, "Có quá nhiều tiếng thì thầm, quá nhiều cái nháy mắt và gật đầu, những dấu vết cho thấy nỗi nghi ngờ vẫn còn."

Đất nước dường như sẵn sàng chờ đón đỉnh điểm kịch tính như trong phim. "Căng thẳng đang ở mức cao nhất," Gisevius viết. "Sự mơ hồ phiền nhiễu này còn khó chịu hơn cả độ ẩm và cái nóng ngột ngạt. Chẳng ai biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo, ai cũng cảm thấy một điều đáng sợ đang lơ lửng." Victor Klemperer, nhà ngữ văn Do Thái, cũng cảm thấy chuyện này. "Đâu đâu cũng thấy những mơ hồ, náo động, những bí mật," ông viết trong nhật kí vào giữa tháng Sáu. "Chúng ta sống sót qua từng ngày một."

Đối với Dodd, bài diễn văn Marburg của Papen có vẻ khẳng định điều từ lâu ông đã tin - rằng chế độ của Hitler quá tàn bạo và phi lí đến nỗi không thể tồn tại lâu dài. Đích thân Phó Thủ tướng của Hitler lên tiếng phản đối chế độ và sống sót. Phải chăng đây thực sự là tia sét sẽ chấm dứt triều đại của Hitler? Và nếu thế, thật lạ

lùng làm sao, khi tia sét ấy lại phát ra từ một linh hồn chết nhát như Papen.

"Giờ khắp nước Đức đang cực kì phấn khích," Dodd viết trong nhật kí thứ Tư, ngày 20 tháng 06. "Tất cả người dân Đức già cũng như trẻ đều vui sướng cao độ." Bất ngờ các mảnh tin tức khác bắt đầu trở nên có ý nghĩa hơn, bao gồm cơn giận lôi đình trong các bài diễn văn của Hitler và các thuộc cấp của hắn. "Tất cả lính cận vệ của các chỉ huy được cho là đang có ý muốn nổi dậy," Dodd viết. "Cùng lúc đó, người ta thấy ngày càng nhiều các điểm diễn tập, huấn luyện quân sự và thực hành lái phi cơ chiến đấu."

Cũng hôm Thứ Tư, Papen đến gặp Hitler than phiền bài diễn văn của mình bị Goebbels ngăn trở. "Tôi đọc diễn văn tại Marburg như một người đại diện của Tổng thống," ông ta nói. "Sự can thiệp của Goebbels sẽ buộc tôi phải từ chức. Tôi sẽ thông báo cho Hindenburg ngay lập tức."

Đây là lời đe dọa nghiêm trọng đối với Hitler. Hắn thừa nhận Tổng thống Hindenburg có thẩm quyền lập hiến đủ sức ra lệnh phế truất hắn và yêu cầu sự trung thành của quân đội chính quy. Cả hai yếu tố này biến Hindenburg thành một thế lực thực sự mạnh mẽ ở Đức, mà hắn không kiểm soát được. Hitler cũng hiểu giữa Hinden- burg và Papen - "người Pháp" của tổng thống - duy trì mối quan hệ riêng tư thân thiết, rằng Hindenburg đã đánh điện cho Papen chúc mừng ông ta về bài diễn văn.

Papen lúc này bảo Hitler mình sẽ đến dinh thự của Hindenburg, ở Neudeck, và đề nghị Hindenburg ủy quyền xuất bản trọn vẹn bài diễn văn.

Hitler cố gắng xoa dịu ông ta. Hắn hứa hẹn sẽ gỡ bỏ lệnh cấm xuất bản của Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền và dặn Papen đi cùng hắn đến Neudeck gặp Hindenburg. Trong khoảnh khắc ngây thơ đáng kinh ngạc, Papen đồng ý.

Đêm đó, những kẻ tham dự cuộc vui hạ chí đốt các đống lửa mừng trên khắp nước Đức. Phía bắc Berlin, chuyến xe lửa tang tóc chở thi hài vợ Göring, Carin, tới điểm dừng trước cửa một nhà ga, nơi một dàn nhạc đang chơi bài "Hành khúc Tang tóc" của Beetho- ven[105]. Đầu tiên, tám cảnh sát khênh quan tài, tiếp theo với một nghi lễ trang trọng, quan tài được chuyển sang cho tám người khác, và cứ như thế, cho đến khi quan tài được khiêng lên cỗ xe tang sáu ngựa kéo cho hành trình cuối cùng đến lăng mộ bên hồ của Göring. Hitler đi theo đám rước. Những người lính mang theo

đuốc. Tại hầm mộ, có những cái bát lớn đựng đầy lửa. Với màn xúc động kì quái, được đạo diễn tỉ mỉ, tiếng khóc than ai oán của những chiếc tù và thợ săn vang lên từ khu rừng phía bên kia đống lửa.

[105] Ludwig van Beethoven (1770 - 1827): nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.

Himmler cũng đến. Y rõ ràng bị kích động. Y kéo Hitler và Göring sang một bên, thông báo cho họ tin tức chấn động - Himmler chắc chắn nhận thức được tin này không đúng sự thật, nhưng là một đòn hữu ích nữa kích động Hitler xuống tay với Röhm. Himmler phẫn nộ nói rằng kẻ nào đó vừa cố gắng giết chết y. Một viên đạn xuyên qua kính chắn gió. Y đổ lỗi cho Röhm và lực lượng SA. Không để phí thời gian, y nói: Sư đoàn Bão tố rõ ràng đang hăm he muốn tạo phản.

Thực ra, lỗ thủng trên kính chắn gió không phải do đạn gây ra. Hans Gisevius đã xem báo cáo cuối cùng của cảnh sát. Thiệt hại này do một chiếc xe đi ngang qua bắn tung sỏi lên thì đúng hơn. "Thật là tính toán lạnh lùng, khi [Himmler] đổ tội âm mưu ám sát cho SA," Gisevius viết.

Hôm sau, ngày 21 tháng 06 năm 1934, Hitler bay đến dinh thự của Hindenburg - mà không có Papen, chắc chắn đây là ý định của hắn từ rất lâu. Tuy nhiên, tại Neudeck, chưa gì hắn đã chạm trán ngay Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Blomberg. Trong bộ quân phục, viên tướng gặp hắn trên các bậc thềm dẫn lên lâu đài của Hindenburg. Blomberg lạnh lùng và thẳng thắn. Ông ta bảo Hitler rằng Hinden- burg lo lắng về sự căng thẳng đang tăng lên trong lòng nước Đức. Blomberg nói, nếu Hitler không thể kiểm soát được, Hindenburg sẽ tuyên bố thiết quân luật và đặt Chính phủ vào tay quân đội.

Khi Hitler gặp Hindenburg, hắn cũng được nghe thông điệp tương tự. Chuyến thăm đến Neudeck của hắn kết thúc chỉ trong ba mươi phút. Hắn quay về Berlin.

Suốt cả tuần, Dodd toàn nghe nói về Phó Thủ tướng Papen, về bài diễn văn của ông ta và việc ông ta sống sót một cách kì diệu. Các phóng viên và nhà ngoại giao ghi chú lại những hoạt động của Papen - tham dự những bữa tiệc trưa nào, nói chuyện với ai, xa lánh ai, đỗ xe ở đâu, sáng sáng còn đi dạo công viên Tiergarten không - tìm kiếm các dấu hiệu cho thấy điều gì đang đợi chờ ông ta và nước Đức. Thứ Năm, ngày 21 tháng 06, Dodd cùng Papen

tham dự buổi đọc diễn văn của Chủ tịch Ngân hàng Đế chế Hjalmar Schacht. Sau đó, Dodd để ý, Papen dường như được chú ý hơn cả diễn giả. Goebbels cũng có mặt. Dodd thấy Papen đi đến bàn của lão, bắt tay và cùng uống trà với lão. Dodd kinh ngạc, bởi cũng chính Goebbels đó "đã ra lệnh hành hình Papen ngay lập tức sau bài diễn văn Marburg, nếu Hitler và Hindenburg không can thiệp."

Bầu không khí tại Berlin vẫn căng thẳng. Dodd ghi vào nhật kí hôm thứ Bảy, ngày 23 tháng 06. "Một tuần lặng lẽ kết thúc nhưng rất khó chịu."

Chương 44
THÔNG ĐIỆP TRONG PHÒNG TẮM

Lúc này, biến động của Papen ở Berlin dường như không gây xôn xao nữa, ngày 24 tháng 06 năm 1934, Papen du lịch sang Hamburg với tư cách là đại diện của Hindenburg đến xem German Derby, một cuộc đua ngựa, nơi đám đông nhiệt liệt tung hô ông ta. Goebbels cũng đến, lão chen qua đám đông phía sau một đội hình SS, mọi người cùng la ó phản đối. Cả hai bắt tay nhau, các thợ ảnh liền chộp ngay khoảnh khắc đó.

Edgar Jung, người chấp bút bài diễn văn của Papen, lại khép mình hơn. Đến giờ, ông ta đã tin mình sẽ phải trả giá bằng mạng sống vì bài diễn văn Marburg. Sử gia Wheeler-Bennett đã thu xếp một cuộc gặp gỡ bí mật với ông ta, trong vùng rừng rậm ngoài Berlin. "Ông ta hoàn toàn bình thản và ủng hộ thuyết định mệnh," Wheeler-Bennett nhớ lại, "nhưng ông ta ăn nói tự do theo kiểu một người chẳng có gì để mất và kể tôi nghe mọi chuyện."

Lối ăn nói khoa trương của chế độ ngày càng mang tính đe dọa. Trong một bài diễn văn trên radio hôm thứ Hai, ngày 25 tháng 06, Rudolf Hess cảnh cáo, "Buồn cho những kẻ nào đánh mất niềm tin, ngây thơ tin rằng chỉ cần một cuộc nổi dậy, hắn có thể phụng sự cho Cách mạng." Hắn nói, Đảng sẽ dập tắt nổi loạn bằng sức mạnh tuyệt đối, tuân thủ theo nguyên tắc "Đánh rắn phải đánh dập đầu!"

Sáng hôm sau, thứ Ba, ngày 26 tháng 06, quản gia của Edgar Jung đến nhà ông thì phát hiện nhà bị lục soát, đồ đạc nội thất chổng ngược, quần áo và giấy tờ vứt vương vãi khắp nơi. Trên tủ thuốc trong phòng tắm, Jung viết nguệch ngoạc một từ: GESTAPO.

Bản thân Diels đã sẵn sàng tuyên thệ làm ủy viên địa phương tại Cologne. Nhân dịp này, Göring bay đến thành phố. Chiếc máy bay trắng của gã xuất hiện trên nền trời xanh ngăn ngắt, vào một ngày Diels mô tả là "ngày hè Rhineland tuyệt đẹp". Tại lễ tuyên thệ, Diels mặc bộ quân phục SS đen, Göring mặc quân phục trắng được thiết kế riêng. Sau đó, Göring kéo Diels sang một bên và nói, "Nhớ bảo trọng trong vài ngày tới."

Diels khắc sâu lời dặn này. Kẻ thông minh biết chuồn đúng lúc, hắn rời khỏi thành phố đến lưu trú tạm thời trong dãy núi Eifel gần đó.

Chương 45
NỖI LO LẮNG CỦA BÀ CERRUTI

Trong mục nhật kí thứ Năm, ngày 28 tháng 06 năm 1934, Đại sứ Dodd viết, "Chỉ trong năm ngày qua, đã diễn ra đủ mọi chuyện, khiến bầu không khí ở Berlin căng thẳng hơn bất kì thời điểm nào tôi từng biết khi ở đây." Bài diễn văn của Papen tiếp tục là chủ đề bàn tán mỗi ngày. Với sự tàn bạo ngày một tăng, Hitler, Göring, và Goebbels cảnh báo những hậu quả đối với bất kì kẻ nào dám chống đối Chính phủ. Trong bức điện tín gửi Bộ Ngoại giao, Dodd so sánh không khí căng thẳng này với không khí của cuộc Cách mạng Pháp - "tình hình gần như giống hệt ở Paris năm 1792, khi hai phe Girodin và Jacobin[106] tranh giành quyền thống trị."

[106] Sau Cách mạng Pháp năm 1789, chính giới Pháp chia làm hai phe. Phe Girodin ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến, còn phe Jacobin thì muốn lật đổ ngôi vua, dựng lên nền cộng hòa. Năm 1793, phe Jacobin chiến thắng và giành được chính quyền.

Còn trong nhà ông, xuất hiện thêm một lớp căng thẳng nữa chẳng liên quan gì đến thời tiết hay biến động chính trị. Không nghe lời cha mẹ, Martha tiếp tục lên kế hoạch chuyến đi sang Nga. Cô một mực cho rằng sự quan tâm của cô chẳng liên quan gì đến chủ nghĩa Cộng sản, mà chỉ vì tình yêu của cô với Boris và sự khó chịu đang hình thành với cuộc cách mạng Quốc xã. Cô nhận ra Boris thực sự là một nhà cộng sản trung thành, nhưng cô tuyên bố anh ấy gây ảnh hưởng lên quan điểm chính trị của cô "chỉ bằng sức cuốn hút, sự giản dị và tình yêu nước của anh ấy". Cô thú nhận mình cảm thấy mâu thuẫn giày vò "liên quan đến anh ấy, những điều anh ấy tin tưởng, hệ thống chính trị ở đất nước anh ấy và tương lai của chúng tôi bên nhau". Cô đòi đi một mình không có Boris theo cùng.

Cô muốn ngắm nhìn nước Nga càng nhiều càng tốt, không bận

tâm tới lời khuyên của Boris chỉ tập trung vào mấy thành phố thôi. Anh muốn cô thấu hiểu sâu sắc quê hương mình, chứ không nên cưỡi ngựa xem hoa. Anh cũng nhận ra du lịch vào đất nước anh không phải chuyến đi thoải mái, nhanh chóng như ở Tây Âu, cũng như không phải thành phố nào cũng có những ngôi làng đẹp như tranh vẽ, giống ở Đức và Pháp. Thực ra, Liên bang Xô Viết không phải là thiên đường cho công nhân, như những kẻ ngoài cuộc có khuynh hướng cánh tả tưởng tượng. Dưới thời Sta- lin, nông dân phải tham gia các hợp tác xã khổng lồ. Nhiều người phải đến các trại lao động xa xôi. Nhà ở thì lạc hậu, hàng hóa tiêu dùng gần như không tồn tại. Nạn đói đã nuốt chửng Ukraina. Số lượng vật nuôi tụt dốc nhanh chóng mặt. Từ năm 1929 đến 1933, tổng số gia súc giảm từ 68,1 triệu xuống còn 38,6 triệu con. Ngựa giảm từ 34 triệu xuống còn 16,6 triệu con. Boris biết rõ đối với một du khách, khung cảnh tự nhiên, xã hội và đặc biệt là cách ăn mặc buồn tẻ của công nhân Nga chẳng thể quyến rũ được ai, nhất là khi vị khách ấy đã mệt mỏi sau chuyến đi dài, với sự hiện diện bắt buộc của hướng dẫn viên hãng Intourist.

Tuy nhiên, Martha đã chọn Tour số 9, Volga-Caucasus-Crimea, dự kiến khởi hành ngày 06 tháng 07 với một chuyến bay - lần đầu tiên trong đời cô - từ Berlin đến Leningrad. Sau hai ngày ở Leningrad, cô sẽ đi tàu đến Moscow, ở lại đây bốn ngày, rồi bắt chuyến tàu đêm đến Gorki. Hai tiếng sau khi đến nơi vào lúc 10 giờ 04 phút, cô sẽ lên tàu hơi nước Volga, lênh đênh trên biển bốn ngày với các điểm dừng tại Kazan, Samara, Saratov và Stalingrad, nơi cô có chuyến thăm đến các công trường máy kéo. Rồi từ Stalingrad, cô sẽ đi tàu đến Rostov-on-Don, với lựa chọn ghé thăm trang trại nhà nước, cho dù đến đây, cuốn sách giới thiệu nhỏ cho thấy chút mùi vị của chủ nghĩa tư bản, vì tour tham quan trang trại đòi hỏi một khoản "phụ phí". Tiếp theo sẽ là các điểm dừng Ordzhonikidze, Tiflis, Batumi, Yalta, Sebastopol, Odessa, Kiev và cuối cùng, đi tàu quay về Berlin. Cô sẽ về đến nơi ngày 07 tháng 08, ngày thứ ba mươi ba trong hành trình của cô, và nếu mọi thứ thuận lợi, cô sẽ xuống tàu vào đúng 19 giờ 22 phút.

Quan hệ của cô với Boris tiếp tục mặn nồng, dù trải qua rất nhiều cung bậc hết nồng nàn rồi giận hờn, sau đó là những dòng thư xin lỗi và những bó hoa tươi từ anh. Có thời điểm cô trả lại anh ba con khỉ gốm "không thấy điều xấu". Rồi anh gửi lại cho cô.

"Martha!" Anh viết, dồn bao tình cảm vảo tiếng gọi thân thương ấy.

"Cảm ơn em vì những lá thư và vì 'không mắc chứng hay quên'. Ba

con khỉ của em đã lớn lắm rồi (to lắm rồi) và đang mong ngóng được ở bên em đây. Anh đang gửi chúng rồi. Anh phải nói rất thẳng thắn với em thế này, ba con khỉ ấy rất nhớ em. Và không chỉ ba con khỉ ấy đâu, anh biết còn một thanh niên đẹp trai, tóc vàng (Aryan!!) cũng hoài nhớ em. Anh chàng đẹp trai này (chưa quá 30) - là anh đấy."

"Martha! Anh muốn gặp em, anh cần phải nói với em rằng anh cũng chưa quên Martha đáng yêu dễ thương bé bỏng của anh đâu! Anh yêu em, Martha! Anh biết phải làm gì để khiến em thật lòng tin anh đây?"

"Boris của em."

Trong bất kì thời đại nào, mối quan hệ của họ hẳn sẽ thu hút sự chú ý của những kẻ ngoài cuộc, nhưng vào tháng Sáu năm đó tại Berlin, mọi thứ như khoác thêm tấm áo trang trọng mới. Ai ai cũng ngắm nhìn người khác. Vào lúc đó, Martha không suy nghĩ nhiều đến quan điểm của người xung quanh, nhưng nhiều năm sau, trong lá thư gửi Agnes Knickerbocker, vợ người bạn phóng viên của cô, Knick, cô thừa nhận quan điểm ấy có thể bẻ cong thực tế như thế nào. "Tôi chưa bao giờ có âm mưu lật đổ hay thậm chí phá hoại Chính phủ Mỹ, kể cả ở Đức hay ở Mỹ cũng không!" Cô viết. "Tuy nhiên, tôi nghĩ chỉ riêng việc quen biết và yêu Boris cũng là đủ để một số người nghi ngờ điều tồi tệ nhất."

Vào thời điểm chẳng có gì để nghi ngờ, cô vẫn khăng khăng. "Thay vào đó, một trong những điều hấp dẫn nhất ở mối quan hệ của chúng tôi chẳng liên quan quái gì đến chính trị, ngoại trừ việc thông qua anh ấy, tôi biết nhiều hơn về Liên bang Xô Viết."

Thứ sáu, ngày 29 tháng 06 năm 1934, báo hiệu cơn bão sắp đến, hệt như bầu không khí thống trị nhiều tuần trước. "Đó là ngày nóng nhất chúng tôi biết vào mùa hè năm đó," Elisabetta Cerruti, vợ Đại sứ Italia nói. "Không khí mang đầy hơi ẩm đến mức không thở nổi. Những đám mây đen hiện ra mờ mờ phía chân trời, nhưng mặt trời bỏng rẫy luôn ở trên đầu."

Ngày hôm đó, gia đình Dodd ăn trưa tại nhà, có mời Phó Thủ tướng Papen cùng các quan chức ngoại giao và Chính phủ khác, bao gồm nhà Cerruti với Hans Luther, Đại sứ Đức tại Mỹ, người tình cờ ở Berlin vào khoảng thời gian này.

Martha cũng tham dự. Cô thấy cha cô cùng Papen cáo lỗi các vị khách và bước vào thư viện nói chuyện riêng, phía trước lò sưởi đã

tắt. Cô viết, Papen "có vẻ tự tin và ngọt ngào như thường lệ".

Có lúc, Dodd thấy Papen và Luther đang tránh né nhau với "thái độ khá thù địch". Dodd bước đến can thiệp và dẫn họ ra khu vườn mùa đông yêu dấu, nơi những vị khách khác cùng đến góp chuyện. Ám chỉ đến những bức ảnh báo chí trong thời gian diễn ra German Derby, Dodd nói với Papen, "Hôm kia ngài và Tiến sĩ Goebbels có vẻ khá thân thiện ở Hamburg."

Papen bật cười.

Tại bữa trưa, bà Cerruti ngồi bên phải Dodd và Papen ngồi ngay phía đối diện, bên cạnh phu nhân Dodd. Sự lo lắng của bà Cerruti như có thể sờ thấy được, ngay cả với Martha, đang nhìn từ khoảng cách xa. Martha viết, "Bà ngồi bên cạnh cha tôi trong trạng thái gần như sắp đổ gục, hầu như không nói gì hết, mặt tái nhợt, vẻ bồn chồn và cứ nhấp nhổm."

Bà Cerruti nói với Dodd, "Ngài Đại sứ, có chuyện khủng kh- iếp sắp diễn ra tại Đức. Tôi cảm thấy điều đó trong không khí."

Một lời đồn cuối ngày cho rằng không hiểu bằng cách nào bà Cerruti biết trước chuyện sắp xảy ra. Bà thấy điều này thật kì cục. Nhiều năm sau, bà cho rằng nhận xét bà nói với Dodd chỉ liên quan đến thời tiết.

Thứ sáu hôm đó, tại Mỹ, "cái nóng đổ lửa" ngày càng tồi tệ. Tại những nơi ẩm ướt như Washington, người ta gần như không thể làm việc nổi. Moffatt ghi vào nhật kí, "Nhiệt độ hôm đấy là 38 độ C và giảm còn một nửa dưới bóng râm."

Cái nóng và hơi ẩm quá khó chịu tới mức đến tối, Moffatt, Phillips và một quan chức nữa đến nhà một người bạn của Moffatt để tắm bể bơi nhà ông ta. Lúc đó, người bạn này không có nhà. Ba người cởi quần áo và trèo xuống bể. Làn nước ấm áp mang lại cảm giác dễ chịu vừa đủ. Nhưng không ai bơi. Thay vào đó, cả ba ngồi lặng lẽ nói chuyện, chỉ ngẩng đầu lên khỏi mặt nước.

Có khả năng chủ đề cuộc trò chuyện là nói về Dodd. Mới vài ngày trước, Phillips đã viết trong nhật kí về đòn tấn công không ngừng của Dodd vào thói xa hoa của các nhà ngoại giao và quan chức Lãnh sự quán.

"Có lẽ ngài Đại sứ đang than phiền với Tổng thống," Phillips càu nhàu trong nhật kí. Dodd "luôn luôn than phiền vì thực tế rằng họ đang tiêu tiền tại Berlin vượt quá mức lương. Ông ta kịch liệt

phản đối điều này, có khả năng vì một lí do đơn giản rằng bản thân ông ta không có đồng nào để tiêu ngoài lương. Dĩ nhiên, đó là kiểu thái độ quê mùa."

Thật tình cờ, mẹ của Moffatt, Ellen Low Moffatt, lại có mặt ở Berlin hôm thứ Sáu, nhân dịp đến thăm cô con gái (em gái Moffatt), người đã kết hôn với một bí thư Đại sứ quán, John C. White. Tối hôm ấy, bà tham dự một bữa tiệc tối, vô tình ngồi cạnh Papen. Về sau bà kể với con trai, tay Phó Thủ tướng ấy "mạnh khỏe và cực kì phấn chấn."

Chương 46
ĐÊM THỨ SÁU

Tối thứ Sáu ấy, ngày 29 tháng 06 năm 1934, Hitler ở khách sạn Dresden, chốn ưa thích của hắn, tại khu nghỉ dưỡng Bad Godesberg, nằm dọc sông Rhine, ngay ngoại ô thành Bonn. Hắn du lịch đến đây từ Essen, nơi hắn nhận tiếp một tin tức đáng lo ngại nữa - Phó Thủ tướng Papen có kế hoạch thực hiện lời đe dọa của ông ta, gặp gỡ Tổng thống Hindenburg vào ngày hôm sau, thứ Bảy, 30 tháng 06, nhằm thuyết phục Quý ông Già tiến hành các bước kiềm chế chính quyền của Hitler và SA.

Hơn cả các báo cáo tích tụ từ Himmler và Göring rằng Röhm đang có âm mưu tạo phản, tin tức này khiến Hitler hiểu rằng đã đến lúc hành động. Göring bay về Berlin chuẩn bị sẵn sàng. Hitler ra lệnh cho Quân Phòng vệ Đế chế ở trạng thái cảnh giác, cho dù lực lượng hắn muốn triển khai hầu hết là các đơn vị SS. Hitler gọi điện cho một trong số các thuộc cấp chủ chốt của Röhm, ra lệnh toàn bộ chỉ huy SA tập hợp vào sáng thứ Bảy, tại Bad Wiessee, gần Munich. Tại đây, Röhm đang thoải mái an tọa ở khách sạn Hanselbauer để chữa bệnh, vì vào đêm thứ Sáu ấy, hắn đã uống quá nhiều. Sĩ quan phụ tá của hắn, Edmund Heines qua đêm với một tên Sư đoàn Bão tố đẹp trai mười tám tuổi.

Goebbels đến gặp Hitler tại Bad Godesberg. Hai người nói chuyện trên tầng thượng khách sạn, trong khi một đám diễu hành hò reo bên dưới. Những ánh chớp xanh thắp sáng bầu trời thành phố Bonn, tiếng sấm rền vang khắp nơi nơi, cộng thêm vào đó là những âm thanh lạ lùng ở Thung lũng Rhine.

Goebbels sau đó có bản tường thuật lâm li bi đát về những giây phút cuồng nhiệt ấy, trước khi Hitler ra quyết định cuối cùng. Không khí vẫn dồn nén, khi cơn bão đằng xa tiến đến. Bất chợt, cơn mưa nặng hạt bắt đầu rơi. Lão cùng Hitler vẫn ngồi một lúc

lâu nữa, thưởng thức trận mưa như trút nước làm sạch nhân gian. Hitler phá lên cười. Hai người tìm chỗ trú. Khi cơn bão qua đi, họ quay trở ra sân thượng. "Quốc trưởng dường như đang có tâm trạng nghiêm túc, suy nghĩ rất nhiều," Goebbels nói. "Ông ấy nhìn trừng trừng ra ngoài bóng tối trong vắt của màn đêm. Sau khi được cơn bão gột sạch, bóng đêm thanh bình nằm vắt qua khung cảnh hiền hòa, rộng lớn."

Đám đông trên con phố vẫn nán lại bất chấp bão bùng. "Không ai trong đám đông dưới kia biết mối đe dọa nào sẽ tới," Goebbels viết. "Ngay cả giữa những kẻ vây quanh Lãnh tụ trên sân thượng này, cũng chỉ vài người được biết. Trong giờ khắc này, ông ấy còn hơn cả những gì chúng ta từng ngưỡng mộ. Mặt ông ấy không hề biến sắc, mặc cho mọi thứ đang vần vũ bên trong. Chỉ vài người chúng tôi, những ai cùng đứng bên ông ấy trong thời khắc khó khăn này, mới hiểu sâu sắc rằng ông ấy đang đau khổ. Nhưng ông ấy cũng đầy quyết tâm muốn xóa sổ không thương tiếc những kẻ phản loạn, những kẻ đang muốn làm trái lời thề trung thành với ông ấy, dưới chiêu bài tiến hành cuộc Cách mạng thứ hai."

Sau nửa đêm, Himmler gọi điện thông báo vài tin xấu nữa. Y cho Hitler biết rằng Karl Ernst, Tư lệnh Sư đoàn SA Berlin, đã ra lệnh cho các lực lượng của mình tiếp tục cảnh giác. Hitler thét lên, "Loạn rồi!" - cho dù trên thực tế, Himmler biết chắc, Ernst gần đây mới lập gia đình, và hắn ta vừa thẳng tiến đến cảng Bremen, chuẩn bị cho chuyến hải trình tuần trăng mật.

Vào lúc 02 giờ sáng. Thứ bảy, ngày 30 tháng 06 năm 1934, Hitler rời khỏi khách sạn Dreesen và lái xe phóng vun vút đến sân bay, nơi hắn bước lên chiếc Ju 52, một trong hai máy bay luôn sẵn sàng cho hắn sử dụng. Đi cùng hắn là hai sĩ quan quân đội và một sĩ quan SA cao cấp, người mà hắn tin tưởng, Viktor Lutze. (Chính Lutze là người báo cho Hitler những nhận xét gay gắt của Röhm, sau bài diễn văn của Hitler tháng Hai năm 1934, gửi các lãnh đạo quân đội và SA). Các tài xế của Hitler cũng bay cùng. Chiếc máy bay thứ hai chở một đội lính SS vũ trang đầy đủ. Cả hai chiếc cùng bay sang Munich, đến nơi lúc bốn rưỡi sáng, đúng vào lúc mặt trời bắt đầu mọc. Một trong số các tài xế của Hitler, Erich Kempka, choáng ngợp trước vẻ đẹp của buổi ban mai và bầu không khí mang hơi nước tươi mát, mặt cỏ "lấp lánh trong nắng sớm".

Sau khi hạ cánh một lúc, Hitler nhận được tin tức kích động cuối cùng - hôm kia, khoảng ba nghìn lính Sư đoàn Bão tố đã diễu hành qua các đường phố Munich. Tuy nhiên, hắn không biết đây là cuộc biểu tình tự phát, do những kẻ trung thành với hắn chủ

mưu, bản thân họ cũng đang cảm thấy bị đe dọa, bị phản bội và lo sợ mình bị quân đội chính quy tấn công.

Cơn phẫn nộ của Hitler lên đến đỉnh điểm. Hắn tuyên bố hôm nay "là ngày đen tối nhất cuộc đời mình". Hắn quả quyết rằng không thể chờ đến tận cuộc họp các lãnh tụ SA dự kiến diễn ra gần trưa hôm đó tại Bad Wiensee. Quay sang Kempka, Hitler giục giã, "Đến Wiesee, càng nhanh càng tốt!"

Goebbels gọi Göring, chỉ gửi cho gã mật mã khởi động kế hoạch hành động ở Berlin - nghe có vẻ rất bình thường. "Kolibri."

Chim ruồi[107].

[107] Chiến dịch Chim ruồi (trong tiếng Đức, Kolibri nghĩa là chim ruồi) hay Đêm của những con dao dài, là một cuộc thanh trừng lớn trong nội bộ Đức Quốc xã.

Tại Berlin, ánh hoàng hôn phương bắc vấn vương mãi nơi đường chân trời, khi gia đình Dodd ngồi trong nhà vào đêm thứ Sáu thanh bình. Dodd đọc một cuốn sách và thưởng thức thực đơn hỗ trợ tiêu hóa quen thuộc của ông, đào hầm và sữa. Vợ ông tự cho phép mình nghĩ đến bữa tiệc lớn trên bãi cỏ - ý tưởng của hai vợ chồng cho ngày 04 tháng 07[108] - trong chưa đầy một tuần nữa, theo đó họ sẽ mời tất cả nhân viên Đại sứ quán và vài trăm khách khứa. Bill Jr. ở lại nhà đêm đó và có kế hoạch lấy con Buick đi chơi sáng hôm sau. Martha cũng mong ngóng trời mau sáng, vì cô cùng Boris dự định tiếp tục đi chơi về nông thôn, lần này sẽ là dã ngoại và tắm nắng bên bờ hồ ở quận Wannsee. Trong sáu ngày nữa, cô sẽ lên đường sang Nga.

[108] Quốc khánh Mỹ - ngày 04 tháng 07.

Bên ngoài, những điếu thuốc lấp lóe trong công viên, thi thoảng một chiếc xe to, mui trần phóng vút qua đường Tiergartenstrasse. Trong công viên, bầy côn trùng bu quanh quầng sáng của đèn đóm, các pho tượng trắng tuyệt đẹp trên Siegesallee - Đại lộ Chiến thắng - tỏa sáng yếu ớt như những bóng ma. Cho dù trời ngày càng nóng và ngột ngạt hơn, đêm nay trông rất giống đêm đầu tiên của Martha ở Berlin, thanh bình, với khung cảnh lặng lẽ của thành phố nhỏ cô đã từng say đắm.

Phần VII
KHI MỌI THỨ THAY ĐỔI

Chương 47
BẮN BẮN

Sáng hôm sau, thứ Bảy, ngày 30 tháng 06 năm 1934, Boris lái chiếc Ford mui trần đến nhà Martha, trang bị đầy đủ nào làn đựng thức ăn nào chăn dã ngoại, cả hai lên đường đến quận Wannsee, phía tây nam Berlin. Là bối cảnh cho những cuộc hẹn hò, địa điểm này có một lịch sử hỗn loạn. Ở đây, trên mặt hồ có tên là Kleiner Wannsee - Tiểu Wannsee - nhà thơ người Đức Heinrich von Kleist đã nổ súng tự sát vào năm 1811, sau khi bắn chết người tình đang mắc phải căn bệnh vô phương cứu chữa. Martha và Boris thẳng tiến đến mặt hồ xinh xắn, hoang vắng nằm ở phía bắc có tên là Gross Glienicke, địa điểm ưa thích của Martha.

Thành phố xung quanh họ đang say ngủ trong cái nóng mới mẻ. Cho dù hôm nay vẫn sẽ rất khó khăn đối với nông dân và người lao động, nhưng với những người tắm nắng bên hồ thì sẽ là một ngày thư giãn lí tưởng. Khi Boris lái xe về hướng ngoại ô thành phố, mọi thứ dường như cực kì bình thường. Những cư dân khác khi nhớ lại, cũng có nhận xét tương tự. Người Berlin "thong dong dạo bước qua các con phố, đến sở làm", Hedda Adlon, vợ chủ khách sạn Adlon bình phẩm. Khách sạn vẫn giữ nhịp điệu công việc như thường lệ, cho dù cái nóng ban ngày chắc sẽ làm tăng thêm các thách thức hậu cần, khi khách sạn có bữa tiệc thết đãi Đức vua Xiêm, dự kiến tổ chức cuối ngày hôm đó tại Schloss Bellevue - Điện Bellevue - rìa phía bắc Tiergarten, bên sông Spree. Các xe vận chuyển thức ăn, đồ uống và món ăn nhẹ hẳn sẽ chạy như con thoi bất chấp kẹt xe và nắng nóng, cùng nhiệt độ được dự báo sẽ tăng lên đến ba mươi hai độ C.

Đến hồ, Boris cùng Martha trải chăn ra. Họ bơi rồi nằm tắm nắng, cuộn tròn mình trong vòng tay nhau, cho đến khi phải buông tay vì quá nóng. Họ uống bia, vodka và ăn bánh sandwich.

“Đúng là một ngày trời trong, cảnh đẹp mĩ lệ, mặt hồ tỏa ánh sáng mờ mờ, lấp lánh trước mắt chúng tôi, mặt trời hắt nắng ôm trọn hai tấm thân,” cô viết. “Một ngày dịu dàng và tĩnh lặng - chúng tôi thậm chí mệt đến nỗi chẳng muốn trò chuyện, hay thảo luận về không khí căng thẳng mới xuất hiện.”

Ở một nơi khác vào sáng hôm ấy, ba chiếc xe to hơn phóng hết tốc lực qua vùng nông thôn giữa Munich và Bad Wiesee - một xe chở Hitler cùng hai xe khác ken đặc lính vũ trang đầy đủ. Điểm đến là khách sạn Hanselbauer, nơi Đại úy Röhm đang ngủ say trong phòng. Hitler dẫn một nhóm binh lính có vũ trang xông vào khách sạn. Theo một bản tường thuật, một tay hắn cầm theo cây roi, trên tay kia là khẩu súng ngắn. Tất cả lên cầu thang, gót giày khua rầm rập.

Đích thân Hitler gõ cửa phòng Röhm, rồi xông vào phòng, đi theo là hai viên thanh tra. “Röhm,” Hitler gầm lên, “mày đã bị bắt.”

Röhm đứng không vững, rõ ràng bị giật mình. Hắn nhìn Hitler. “Quốc trưởng vạn tuế,” hắn nói.

Hitler lại thét lên, “Mày đã bị bắt,” rồi quay ra hành lang. Hắn tiến tới phòng sĩ quan phụ tá của Röhm, Heines, phát hiện anh ta đang trên giường với người tình SA trẻ tuổi. Lái xe của Hitler, Kempka, đang có mặt trong hành lang. Ông ta nghe thấy tiếng quát của Hitler, “Heines, nếu mày không ăn mặc cho tử tế trong năm phút nữa, tao sẽ bắn chết mày ngay tại chỗ.”

Heines xuất hiện, như Kempka khẳng định, anh ta “đi sau một thằng nhóc tóc vàng hoe 18 tuổi dáng õng ẹo.”

Khắp các hành lang khách sạn, vang tiếng thét lác của lính SS đang lùa các thành viên Sư đoàn Bão tố còn ngái ngủ, choáng váng và loạng choạng xuống phòng giặt là ở tầng hầm khách sạn. Có những thời điểm, nếu ở vào bối cảnh khác, điều này hẳn tức cười lắm, khi một trong số các nhóm đột kích của Hitler đi ra từ phòng ngủ khách sạn, và hô lớn rất quả quyết, “Thưa Quốc trưởng!... Chủ tịch Lực lượng Mật vụ Breslau không chịu mặc đồ!”

Hoặc: Bác sĩ của Röhm, một Trung tướng SA tên là Ketterer, bước ra khỏi phòng với một phụ nữ. Trước sự ngạc nhiên của Hitler và các thanh tra, người phụ nữ ấy hóa ra là vợ ông ta. Viktor Lutze, sĩ quan SA được tin cẩn, người bay cùng Hitler sáng hôm đó, đã thuyết phục hắn rằng vị bác sĩ này là một đồng minh trung thành. Hitler bước đến và lịch sự chào hỏi ông ta. Hắn bắt tay bà

Ketterer, rồi nhẹ nhàng khuyên cặp vợ chồng nên rời khách sạn. Họ lập tức làm theo không hỏi một câu.

Tại Berlin sáng hôm đó, Frederick Birchall của tờ New York Times choàng tỉnh, tiếng chuông điện thoại cạnh giường ngủ reo không ngừng. Đêm hôm qua, anh ta đi chơi về muộn, nên ban đầu đã định kệ xác. Anh ta tính toán và khấp khởi hi vọng rằng chắc cuộc gọi này chẳng có gì quan trọng, chắc là một lời mời đi ăn trưa. Điện thoại vẫn reo. Cuối cùng, đúng như câu châm ngôn "Đặc biệt ở Đức, không nghe máy luôn nguy hiểm," anh ta nhấc máy và nghe thấy một giọng nói từ văn phòng. "Tốt hơn cậu nên dậy và sẵn sàng bận rộn đi. Có chuyện đang diễn ra đấy." Những gì nghe được khiến Birchall tỉnh cả ngủ. "Rõ ràng có rất nhiều người đang bị bắn."

Louis Lochner, phóng viên hãng Thông tấn AP, được một nhân viên văn phòng của hãng này đi làm muộn, cho biết rằng Prinz-Albrecht-Strasse, nơi đóng trụ sở Gestapo, đã bị phong tỏa, các xe tải và lính SS có vũ trang xuất hiện đầy đường, mặc đồng phục đen như thường lệ. Lochner gọi vài cuộc. Anh ta càng biết nhiều bao nhiêu, dường như mọi chuyện càng gây lo lắng bấy nhiêu. Trước nguy cơ tất cả các đường điện thoại gọi đi quốc tế có thể bị chặn, Lochner gọi đến văn phòng AP London, dặn các nhân viên ở đây, cứ mười lăm phút gọi cho anh ta một lần đến khi có thông báo thêm, lí luận rằng các cuộc gọi đến có thể không bị chặn.

Sigrid Schultz đến quận trung tâm, cẩn thận theo dõi các số biển kiểm soát nhất định, đặc biệt là biển kiểm soát của Papen. Cô sẽ làm việc không ngừng cho đến bốn giờ sáng hôm sau, ghi lại trong nhật kí các cuộc hẹn hằng ngày, "mệt tới mức - [có thể] khóc được."

Một trong những lời đồn chấn động nhất là vô số loạt đạn bắn ra từ sân sau một trường thiếu sinh quân cũ, trong khuôn viên khá yên bình của trường Gross-Lichterfelde.

Tại khách sạn Hanselbauer, Röhm mặc bộ vest màu xanh dương bước ra khỏi phòng, vẫn còn bối rối và rõ ràng chưa hết khiếp sợ vì cơn giận dữ của Hitler, hoặc vì sự náo động trong khách sạn. Một điếu xì gà thòi ra trên khóe miệng hắn. Hai viên thanh tra đưa hắn đến hành lang khách sạn, hắn ngồi xuống ghế và gọi cà phê, khi một bồi bàn đi ngang qua.

Thêm nhiều vụ bắt bớ nữa, thêm nhiều người bị lôi vào phòng giặt là. Röhm vẫn ngồi yên trong hành lang. Kempka nghe thấy

hắn gọi thêm cà phê nữa, đến giờ là ba cốc rồi.

Röhm bị giải lên xe con, đám tù nhân còn lại bị dồn lên các xe buýt trực chỉ Munich, đến Nhà tù Stadelheim, nơi chính Hitler đã thụ án một tháng năm 1922. Những kẻ bắt giữ chọn đi đường nhỏ nhằm tránh đụng phải bất kì thành viên Sư đoàn Bão tố nào muốn giải cứu. Hitler cùng đội tấn công không ngừng tăng quân số của hắn lại leo lên xe, lúc này có khoảng hai mươi chiếc, chạy hết tốc lực về phía Munich, chặn đường bất kì xe nào chở các chỉ huy SA - những người còn chưa biết đang xảy ra chuyện gì, vẫn định đến tham dự cuộc họp của Hitler dự kiến diễn ra gần trưa hôm đó.

Tại Munich, Hitler duyệt qua danh sách tù nhân và đánh dấu "X" cạnh sáu cái tên. Hắn ra lệnh lập tức bắn chết cả sáu người. Một đội SS thi hành mệnh lệnh, trước khi nổ súng, nói với các tù nhân rằng, "Quốc trưởng đã phán chúng mày tội chết! Quốc trưởng Vạn tuế."

Rudolf Hess tính hay giúp đỡ thích tự mình bắn chết Röhm, nhưng Hitler vẫn chưa muốn hắn ta chết ngay. Có lúc, thậm chí hắn còn thấy ý tưởng giết chết một người bạn lâu năm thật đáng ghê tởm.

Vừa đến văn phòng Berlin sáng hôm sau, Hans Gisevius, người viết hồi kí về Gestapo, đã dò đài radio theo tần số của mật vụ, lắng nghe các báo cáo phác thảo hành động trên phạm vi rộng. Các quan chức SA cao cấp đều bị bắt giữ, kể cả những ai chẳng liên quan gì đến Sư đoàn Bão tố. Gisevius và sếp của anh ta, Kurt Daluege, lên đường tìm kiếm thông tin chi tiết hơn và đến thẳng dinh thự của Göring trên đường Leipziger Platz, từ đây các mệnh lệnh của Göring được ban ra. Gisevius bám sát gót Daluege, đi với sếp sẽ an toàn hơn là đi một mình. Anh ta cũng tính rằng sẽ chẳng ai ngờ phải tìm kiếm mình ở nhà riêng của Göring.

Cho dù chỉ cần đi bộ là tới cung điện, hai người vẫn lái xe. Họ kinh ngạc trước không khí tĩnh lặng tuyệt đối trên các con phố, như thể chẳng có gì bất thường đang diễn ra. Tuy nhiên, họ chẳng thấy các thành viên Sư đoàn Bão tố đâu nữa.

Cảm giác bình thường của họ tan biến, ngay khi ngoặt vào góc phố đến dinh thự của Göring. Trên từng điểm cao đều có súng máy thòi ra. Sân sau tràn ngập mật vụ.

Gisevius viết: "Khi tôi theo Daluege đi qua một loạt lính gác, bước

lên hành lang rộng, tôi cảm thấy như thể mình không thở nổi. Một bầu không khí ác độc gấp gáp, căng thẳng, bồn chồn và trên hết là đẫm máu, dường như đập thẳng vào mặt tôi."

Gisevius tiến đến căn phòng gần nơi làm việc của Göring. Các sĩ quan quân đội và người đưa tin vội vã chạy qua. Một lính SA đang run rẩy vì sợ hãi, khi nghe Göring bảo rằng anh ta sắp bị bắn chết. Những người hầu mang bánh sandwich đến. Cho dù đông người, căn phòng vẫn yên tĩnh. "Ai cũng thì thầm như đang ở trong nhà xác," Gisevius nhớ lại.

Qua một ô cửa rộng, anh trông thấy Göring đang bàn bạc với Himmler và trùm Gestapo mới của Hitler, Reinhard Heydrich. Những người đưa tin của Gestapo đến rồi đi mang theo các mẩu giấy, mà Gisevius đồ rằng trên đó ghi tên những người đã chết hoặc sắp phải chết. Bất chấp tính chất nghiêm trọng của hoạt động trước mắt, Gisevius nghe thấy tiếng cười khàn khàn, thô lỗ và những tiếng quát đều đặn vang lên từ "Giết!"

"Ha ha ha!" "Bắn hắn đi."

"Cả lũ này dường như đều có khiếu hài hước đấy," Gisevius nhớ lại.

Thi thoảng, anh liếc thấy Göring đang sải bước ngang phòng, mặc sơ mi trắng, quần xanh xám túm gọn trong đôi ủng đen cao đến trên đầu gối. "Chú mèo đi hia[109]," Gisevius bất chợt nghĩ.

[109] Chú mèo đi hia: một câu chuyện cổ tích rất phổ biến ở châu Âu. Nhân vật chính của truyện là một chú mèo rất thông minh, biết nói tiếng người và lúc nào cũng mang ủng.

Có lúc, một thiếu tá mật vụ mặt đỏ gay lao ra khỏi phòng làm việc, theo sau đó là Göring cũng đang phẫn nộ không kém. Rõ ràng một mục tiêu lớn đã sổng mất.

Göring la hét những chỉ dẫn.

"Bắn hết chúng đi!... Tóm hết cả lũ chúng nó.... Bắn hết.... Bắn ngay lập tức!"

Gisevius kinh hoàng đến mức không mô tả nổi. "Không từ ngữ nào có thể khắc họa được cơn khát máu, sự phẫn nộ, khao khát báo thù dữ dội không giấu giếm, và cùng với đó, là nỗi sợ hãi, kinh hoàng thuần khiết mà khung cảnh này đã gợi lên."

Dodd chẳng nghe nói gì về biến cố đang diễn ra đâu đó trong thành phố, cho đến chiều thứ Bảy, khi hai vợ chồng đang ngồi ăn trưa trong vườn nhà. Gần như cũng vào lúc đó, con trai họ, Bill xuất hiện, vừa trở về từ chuyến đi chơi. Trông cậu có vẻ bối rối. Cậu thông báo một vài con phố đã bị chặn, bao gồm cả Unter den Linden ngay giữa quận trung tâm, có nhiều đội SS vũ trang đến tận răng đi tuần tra quanh đó. Cậu cũng nghe nói rằng nhiều vụ bắt bớ đã xảy ra tại trụ sở SA, chỉ cách nhà họ vài con phố.

Ngay lập tức, vợ chồng Dodd cảm thấy vô vàn lo âu cho Mar- tha, đang đi chơi xa cùng Boris Vinogradov. Bất chấp vị thế ngoại giao của Boris, ngay cả trong những hoàn cảnh bình thường, Quốc xã vẫn có thể xem anh ta là kẻ thù của Nhà nước.

Chương 48
NHỮNG KHẨU SÚNG TRONG CÔNG VIÊN

Boris và Martha nằm trên bờ hồ cả ngày, chỉ lui vào bóng râm khi nắng bắt đầu gay gắt, rồi lại về chỗ cũ. Sau năm giờ chiều, họ miễn cưỡng quay về thành phố, "đầu óc chúng tôi quay cuồng," Martha nhớ lại, "cơ thể chúng tôi sạm đen vì nắng." Hai người đi chậm hết sức có thể, ai cũng muốn ngày hôm nay kéo dài ra mãi, cả hai đều thích ngâm mình dưới nước, trốn mặt trời. Ngày càng nóng hơn, khi hơi ấm tích tụ dưới mặt đất một lần nữa bốc lên.

Họ đi qua khung cảnh điền viên mềm mại bởi cơn gió nóng thổi đến từ những cánh đồng và khu rừng chung quanh. Những người đi xe đạp bắt kịp và vượt qua họ, vài người để trẻ con ngồi trong rổ gắn vào ghi đông, hoặc trong các xe con kéo bên cạnh. Phụ nữ cầm hoa còn đàn ông mang theo ba lô, tham gia những chuyến đi bộ nhanh chóng, vui vẻ theo kiểu Đức. "Đúng là một ngày thoải mái, nóng bỏng và thân thiện," Martha viết.

Để đón ánh mặt trời lúc cuối chiều và những cơn gió nhẹ thổi qua mui trần, Martha kéo rèm váy lên quá đùi. "Tôi rất hạnh phúc," cô viết, "vui vẻ cả ngày hôm nay cùng người bạn đồng hành của tôi, rất đồng cảm với những người Đức nghiêm túc, giản dị và nhân hậu, đang đi bộ rất mệt nhọc hoặc đang nghỉ ngơi, tự hài lòng với bản thân và yêu thương quê hương của họ bằng tình yêu mãnh liệt."

Họ về thành phố lúc sáu giờ. Martha ngồi thẳng dậy, buông rèm váy xuống, "giữ gìn hình ảnh con gái nhà ngoại giao."

Thành phố đã thay đổi. Họ nhận ra điều đó trên từng quãng đường, khi ngày càng đến gần Tiergarten. Khách bộ hành trên

phố có vẻ vắng hơn bình thường, tập hợp thành "các nhóm chiến thuật đáng ngờ", như Martha khẳng định. Các phương tiện di chuyển chậm rãi. Có lúc Boris vừa định tiến vào Tiergartenstrasse, thì tất cả các xe gần như khựng lại. Họ trông thấy các xe tải quân sự, các khẩu súng máy và bỗng nhận ra vây quanh họ toàn những người mặc quân phục, hầu hết là màu đen của SS và màu xanh lá của lực lượng mật vụ dưới trướng Göring. Sự vắng mặt dễ thấy nhất là đồng phục nâu của SA. Điều này trở nên đặc biệt lạ lùng vì trụ sở của SA và nhà riêng của Đại úy Röhm đều ở rất gần đây.

Họ đến một trạm kiểm soát. Biển số xe Boris cho thấy rõ vị thế ngoại giao của anh. Đám mật vụ cho phép họ đi qua.

Boris chậm rãi đi qua một khung cảnh đáng sợ mới mẻ. Bên kia đường nhà Martha, cạnh công viên, là một dãy binh lính, vũ khí và xe tải quân sự. Xuôi xuống phố Tiergartenstrasse, tại nơi giao cắt với Standartenstrasse - con phố có nhà riêng của Röhm - họ trông thấy nhiều lính hơn và một sợi dây chắn ngang đường.

Bầu không khí nghẹt thở. Những chiếc xe tải xám xịt chắn tầm nhìn vào công viên. Kèm theo đó là cái nóng. Trời đang tối dần, đã quá sáu giờ, nhưng mặt trời vẫn phả xuống hơi nóng hầm hập. Đã từng mang vẻ đẹp quyến rũ, nhưng giờ đây trong mắt Martha, mặt trời như đang "nướng chả". Cô và Boris tạm biệt nhau. Cô chạy về phía cửa trước, nhanh chóng biến vào trong. Bóng tối đột ngột, không khí mát lạnh như đá ở tiền sảnh ùa vào mặt khiến cô lảo đảo, "trong một lúc, tôi như bị mù vì thiếu ánh sáng."

Cô đi lên cầu thang, gặp ngay anh trai ở tầng một. "Cả nhà rất lo cho em," anh cô nói. Anh cho biết Tướng Schleicher đã bị bắn chết. Ông Dodd đã đến Đại sứ quán, chuẩn bị gửi thông điệp cho Bộ Ngoại giao. "Cả nhà không biết đang xảy ra chuyện gì," Bill nói. "Ở Berlin đang có thiết quân luật."

Nhất thời cái tên "Schleicher " nghe mơ hồ. Rồi cô nhớ ra. Ông ta là người chính trực và có tác phong quân ngũ, từng làm Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

"Tôi ngồi xuống, vẫn hoang mang và vô cùng đau đớn," Martha nhớ lại. Cô không thể hiểu nổi tại sao Tướng Schleicher lại phải chết. Cô vẫn nhớ về ông như một người "lịch thiệp, quyến rũ và thông thái."

Bill cho biết vợ Schleicher cũng chung số phận. Cả hai đều bị bắn rất nhiều phát vào lưng, ngay trong vườn nhà mình. Câu chuyện

sẽ còn thay đổi trong vài ngày tới, nhưng sự thật không thể chối cãi là cả hai đều đã chết.

Bà Dodd bước xuống nhà, cùng Bill và Martha bước vào một trong các phòng tiếp tân. Ba mẹ con ngồi sát vào nhau, lặng lẽ nói chuyện. Họ để ý Fritz xuất hiện nhiều hơn hẳn bình thường. Họ đóng hết tất cả cửa nẻo. Fritz tiếp tục thông báo tin tức từ các cuộc gọi mới của bạn bè và phóng viên. Ông ta có vẻ sợ hãi, "tái nhợt và khiếp đảm," Martha viết.

Câu chuyện Bill kể thật lạnh sống lưng. Cho dù từng tiết lộ mới vẫn ẩn trong màn sương đồn đại, tuy nhiên những sự thật nhất định vẫn rõ ràng. Cái chết của vợ chồng Schleicher chỉ là hai trong số hàng tá, có lẽ là hàng trăm vụ giết người chính thức diễn ra tới thời điểm này, trong ngày hôm đó, và con số còn tiếp tục tăng. Có tin nói rằng Röhm đã bị bắt, số phận ra sao vẫn chưa rõ.

Từng cuộc gọi lại mang đến tin mới, phần nhiều cực kì khó tin. Các đội ám sát được cho là đang lượn khắp vùng nông thôn, săn lùng các mục tiêu. Karl Ernst, trùm SA tại Berlin, buộc phải cắt đứt chuyến hải hành trăng mật. Một lãnh tụ nổi bật của Giáo hội Công giáo đã bị giết trong văn phòng. Một viên tướng thứ hai bị bắn chết, một nhà phê bình âm nhạc cũng bị giết. Các vụ giết người có vẻ lung tung và bừa bãi.

Có một khoảnh khắc cười ra nước mắt. Gia đình Dodd nhận được một lời phúc đáp gọn lỏn từ văn phòng của Röhm, nêu rõ "cảm thấy rất tiếc" vì không thể dự bữa tối tại nhà Dodd dự kiến tổ chức vào thứ Sáu, ngày 06 tháng 07, "vì ông ta sẽ đi nghỉ để chữa bệnh".

"Xét đến sự mơ hồ của tình cảnh này," Dodd viết trong nhật kí, "có lẽ tốt nhất ông ta đừng nhận lời mời ấy."

Thêm vào cảm nhận hỗn loạn trong ngày là vụ va chạm xảy ra ngay ngoài cửa số nhà 27a, khi tài xế của Đại sứ quán - có tên là Pickford - đâm vào một xe mô tô và làm gãy chân người lái mô tô. Một cái chân gỗ.

Khi tất cả chuyện này đang diễn ra, một câu hỏi nhức nhối vẫn ám ảnh tâm trí Dodd: Chuyện gì đã xảy ra với Papen, người anh hùng của Marburg, người mà Hitler căm ghét? Các báo cáo cho biết Edgar Jung, người chấp bút bài diễn văn của Papen, đã bị bắn và thư kí báo chí của Papen cũng không thoát khỏi cái chết. Trong bầu không khí tanh mùi máu, liệu Papen có thể tự cứu mình không?

Chương 49
NHỮNG NGƯỜI ĐÃ CHẾT

Vào hồi ba giờ chiều ngày thứ Bảy, các phóng viên nước ngoài ở Berlin tề tựu tại phủ Thủ tướng Đế chế trên đường Wilhelmstrasse, tham dự cuộc họp báo do Hermann Göring tổ chức. Một nhân chứng là Hans Gisevius, người dường như có mặt ở khắp nơi ngày hôm đó.

Göring đến muộn, mặc quân phục, to béo và ngạo mạn. Căn phòng nóng nực, âm ỉ "sự căng thẳng không thể chịu đựng nổi", Gisevius viết. Göring tự bước lên bục. Gã quét mắt nhìn đám đông nhằm tăng sự gay cấn, rồi với một loạt những cử chỉ có vẻ được luyện tập kĩ càng, gã chống tay đỡ cằm và đảo mắt, như thể điều gã sắp nói hệ trọng với gã lắm. Gisevius nhớ lại, gã nói "bằng chất giọng u sầu, đều đều của một người chuyên đọc điếu văn."

Göring tường thuật vắn tắt về "hành động", mà theo gã vẫn đang được triển khai. "Sau nhiều tuần theo dõi, chúng tôi biết một số tên cầm đầu SA đảm nhiệm những vị trí không đúng mục đích ban đầu của phong trào, chỉ nhằm thỏa mãn lợi ích và tham vọng riêng, nuông chiều những thị hiếu khốn khổ, hư hỏng của chúng."

Röhm đã bị bắt, gã cho biết. Một "thế lực nước ngoài" có dính líu. Ai ai trong phòng cũng cho rằng gã ám chỉ nước Pháp. "Lãnh tụ Tối cao tại Munich và tôi, thuộc cấp của người tại Berlin, đều ra tay nhanh như chớp giật, không có sự tôn trọng nào dành cho chúng."

Tiếp theo, Göring cho phép đặt câu hỏi. Một phóng viên đã hỏi về những cái chết của người chấp bút của Papen, Jung, thư kí báo chí của ông ta, Herbert von Bose và Erich Klausener, một nhà phê bình chế độ nổi bật theo Công giáo. Liệu cái chết của họ có thể liên quan gì tới cuộc nổi dậy của SA?

“Tôi mở rộng nhiệm vụ tiêu diệt cả những kẻ phản Cách mạng,” Göring đáp, giọng gã ôn tồn như thể trích dẫn một cuốn danh bạ.

Vậy còn cái chết của Tướng Schleicher? Göring ngừng lại, cười toe toét.

“À, phải rồi, nhà báo các người luôn thích một câu chuyện làm tin chính, được rồi. Tướng von Schleicher có âm mưu chống chế độ. Tôi ra lệnh bắt giữ hắn. Nhưng hắn lại ngu ngốc đến mức phản kháng lại. Nên hắn đã chết.”

Nói rồi, Göring bước xuống bục.

Không ai biết chính xác bao nhiêu người mất mạng trong cuộc thanh trừng. Các bản thống kê chính thức của Quốc xã tính tổng cộng chưa đến một trăm người. Hiệp sĩ Eric Phipps, Đại sứ Anh được Ngoại trưởng Đức Neurath thông báo có “ba mươi tư đến ba mươi sáu” vụ hành hình, rằng tất cả những ước tính khác đều “không tin được và bị phóng đại”. Trong lá thư gửi một người bạn, Daniel Roper, Dodd viết rằng những báo cáo từ các lãnh sự quán Mỹ tại các thành phố khác của Đức ước tính tổng cộng có 284 người chết. “Hầu hết các nạn nhân,” ông viết, “đều không hề phạm tội phản quốc, mà chỉ đơn thuần là phản đối chính trị hoặc tôn giáo”. Những bản thống kê khác của các quan chức Mỹ còn đưa ra con số cao hơn. Lãnh sự tại Brandenburg viết rằng một sĩ quan SS cho ông con số năm trăm người bị giết, mười lăm ngàn người bị bắt, và rằng Rudolf Diels lẽ ra phải chết nhưng được tha theo đề nghị của Göring. Một biên bản tóm tắt từ một trong số các bí thư của Dodd ở Đại sứ quán tại Berlin cũng đưa ra con số năm trăm vụ hành hình, lưu ý rằng những người sống gần các trại lính ở Lichterfelde “có thể nghe thấy các đội hành quyết nổ súng suốt đêm”. Sau này, Diels ước tính có bảy trăm người chết, những người khác trong cuộc tính tổng cộng trên một ngàn người. Không có con số tổng cộng cuối cùng.

Cái chết của Tướng Schleicher được xác nhận - ông ta bị bắn bảy phát đạn, thi thể vợ chồng ông ta được cô con gái mười sáu tuổi phát hiện. Một vị tướng khác, Ferdinand von Bredow, thành viên nội các của Schleicher khi ông ta còn làm Thủ tướng, cũng bị bắn chết. Bất chấp các vụ tàn sát này, quân đội tiếp tục đứng ngoài, sự ghê tởm SA của họ lấn át cả sự chán ghét khi có hai tướng của họ bị giết. Gregor Strasser, một cựu lãnh đạo SA từng có những ràng buộc với Schleicher, đang ăn trưa với gia đình thì hai xe chở Gestapo đỗ xịch trước cửa nhà ông ta, sáu tên lính xông vào nhà. Ông ta bị bắt đi và bắn chết trong xà lim, trong nhà tù dưới tầng

hầm tại trụ sở Gestapo. Hitler là cha đỡ đầu hai đứa con sinh đôi của ông ta. Một người bạn của Straser, Paul Schulz, chỉ huy SA cao cấp, bị bắt vào rừng và bắn chết. Khi những tên đao phủ tương lai quay lại xe lấy chăn để quàng lên xác ông ta, thì ông ta đứng dậy, chạy hết tốc lực và sống sót. Rõ ràng, đây là cuộc đào tẩu thổi bùng lên cơn điên cuồng khát máu của Göring. Gustav Ritter von Kahr, đã bảy mươi ba tuổi và không thể là mối đe dọa đối với Hitler, cũng không thoát - "bị chém đến chết", theo lời sử gia Ian Kershaw - rõ ràng nhằm trả đũa việc ông ta dám xem thường nỗ lực cách mạng của Quốc xã mười năm trước. Karl Ernst, vừa mới cưới được hai ngày, không hề biết gì về chuyện đang diễn ra thì bỗng bị bắt giữ tại Bremen, ngay trước khi có chuyến đi biển hưởng tuần trăng mật. Hitler từng là khách dự đám cưới của anh ta. Khi Ernst nhận ra mình sắp bị bắn chết, anh ta kêu lên, "Tôi vô tội. Nước Đức muôn năm! Hitler Vạn tuế!" Ít nhất năm người Do Thái bị bắn vì tội là người Do Thái. Và còn hằng hà sa số những linh hồn vô danh bị đội hành quyết xử tử tại các trại lính ở Lichterfelde. Mẹ một thành viên Sư đoàn Bão tố đã chết chỉ nhận được thông báo chính thức về cái chết của con trai sáu tháng sau đó, bằng một lá thư cộc lốc chỉ gồm một đoạn cho biết anh ta bị bắn chết khi bảo vệ Nhà nước, và do đó không cần giải thích thêm. Cũng như tất cả những lá thư khác của nước Đức mới, kết thư luôn là câu: "Hitler Vạn tuế!"

Một lần nữa có chuyện cười ra nước mắt. Một mục tiêu, Gottfried Reinhold Treviranus, một bộ trưởng dưới thời Tướng Schleicher khi ông còn làm Thủ tướng, đang trong trận tennis tại câu lạc bộ Tennis Wannsee thì nhận ra bốn tên SS bên ngoài. Tin tưởng ở bản năng của mình, ông ta xin lỗi rồi bỏ chạy. Ông ta trèo tường, bắt taxi và cuối cùng tìm đường trốn sang Anh.

Ngay giữa Berlin, một thành viên SA đang làm thêm ngoài giờ, lái xe tải chở đồ ăn cho khách sạn Adlon, thấy mình bị SS chặn lại ở chốt kiểm soát tại Cổng Brandenburg, cách khách sạn không xa. Tay tài xế bất hạnh đã dại dột khi vẫn mặc sơ mi nâu của Sư đoàn Bão tố bên trong áo khoác jacket.

Tên sĩ quan SS hỏi anh ta đang đi đâu.

"Đến gặp đức vua Xiêm," anh ta đáp, và mỉm cười.

Tên lính SS xem đây như hành động khiếm nhã. Tức giận với thái độ láo xược của tay tài xế, hắn lôi thành viên Sư đoàn Bão tố xuống xe, ép anh ta phải mở cửa sau. Không gian bên trong đầy các khay đồ ăn.

Vẫn nghi ngờ, hắn buộc tội anh ta mang đồ ăn đến một trong các cuộc thác loạn của Röhm.

Tay tài xế, lúc này không cười nữa, phân bua, "Không, tôi chở đồ ăn đến cho vua Xiêm thật mà."

Tên SS vẫn không tin thằng cha tài xế xấc láo. Hai tên SS trèo vào trong xe tải, ra lệnh cho anh ta tiếp tục lái xe đến nơi bữa tiệc được cho là đang diễn ra. Và chúng thực sự chán nản khi biết rằng bữa tiệc chào mừng vua Xiêm thực sự đã được lên kế hoạch, và rằng Göring là một trong những vị khách được mời.

Rồi còn Willi Schmid tội nghiệp - Wilhelm Eduard Schmid, ông ta đang chơi cello tại nhà riêng cùng vợ và ba đứa con ở gần đó, thì bọn SS ào vào nhà, lôi ông ta đi và bắn chết.

Tuy nhiên, bọn SS đã giết nhầm. Đáng ra mục tiêu của chúng là một người mang họ Schmid khác. Hay đúng hơn là Schmitt.

Hitler sai Rudolf Hess đích thân đến xin lỗi bà vợ của nhà phê bình quá cố.

Putzi Hanfstaengl, người có quan hệ ngày càng căng thẳng với Hitler, bị đồn đại có tên trong danh sách mục tiêu của Hitler. Để phòng xa, anh ta đã sang Mỹ tham dự cuộc họp lớp Harvard, sau hai mươi lăm năm. Lời mời tham dự đã gây ra làn sóng phản đối kịch liệt tại Mỹ, và cho đến phút chót, Hanfstaengl không muốn nói rõ mình có thực sự tham gia hay không. Đêm ngày 10 tháng 06 năm

1934, anh ta tổ chức một bữa tiệc tối, ngẫm lại việc chọn thời gian dường như quá thuận tiện, nếu xét đến chuyện anh ta chắc chắn biết cuộc thanh trừng sắp diễn ra. Giữa buổi tiệc, anh ta lẻn ra khỏi phòng ăn, khoác lên người chiếc áo mưa và đeo kính râm cải trang, bước ra ngoài phố. Anh ta bắt chuyến tàu đêm đến Cologne, nơi anh ta lên chiếc máy bay đưa thư bay thẳng đến Cherbourg, Pháp, và từ đây anh ta lên chiếc tàu thủy, mang tên Europa, trực chỉ New York. Anh ta mang theo năm va li và ba thùng đựng các bức tượng điêu khắc bán thân làm quà tặng.

Phòng Cảnh sát hình sự Thành phố New York, đang lo sợ những kẻ phản đối gửi lời đe dọa giận dữ đến Hanfstaengl, nên cử sáu sĩ quan trẻ lên đón anh ta. Tất cả đều mặc áo jacket và thắt cà vạt Harvard.

Ngày 30 tháng 06 năm 1934, ngày thanh trừng, Putzi đến

Newport, Rhode Island, tham dự đám cưới giữa Ellen Tuck French và John Jacob Astor III, được xem là cử nhân giàu có nhất nước Mỹ. Cha cậu ta đã chết trong vụ đắm tàu Titanic. Đám đông khoảng một ngàn người tụ tập bên ngoài thánh đường để xem mặt cô dâu chú rể và các vị khách mời. Một trong số những người đầu tiên "khiến đám đông hổn hển vì phấn khích", như một nhà báo xã hội của tờ New York Times với cảm xúc dâng trào đã viết, chính là Hanfstaengl, "đội chiếc mũ cao, mặc áo khoác đen và quần xám ca rô."

Hanfstaengl chẳng biết gì về các sự kiện ở quê nhà, cho đến khi được các phóng viên hỏi về chúng. "Miễn bình luận," anh ta nói. "Tôi đến đây tham dự đám cưới của con gái bạn tôi." Sau này, khi đã biết thêm thông tin, anh ta tuyên bố, "Lãnh tụ của tôi, Adolf Hitler, phải hành động và đã hành động như luôn vậy. Hitler đã chứng tỏ mình chưa từng vĩ đại hơn thế, chưa từng con người hơn thế, trong vòng bốn mươi tám giờ qua."

Tuy nhiên, trong thâm tâm, Hanfstaengl lo lắng về sự an toàn của chính bản thân, của vợ và con trai anh ta đang ở Berlin. Anh ta bí mật gửi yêu cầu cung cấp thông tin cho Ngoại trưởng Neurath.

Hitler quay về Berlin tối hôm đó. Và Gisevius lại là người chứng kiến. Máy bay của Hitler xuất hiện "nổi bật trên nền trời đỏ rực như máu, một màn kịch không ai có thể đạo diễn nổi," Gisevius viết. Sau khi máy bay dừng lại, một đội quân nhỏ tiến lên phía trước chào mừng Hitler, trong số này có Göring và Himmler. Hitler là người đầu tiên xuống máy bay. Hắn mặc áo sơ mi nâu, áo jacket da màu nâu, cà vạt nâu sẫm và đôi ủng cao màu đen. Trông hắn nhợt nhạt và mệt mỏi, chưa cạo râu nhưng có vẻ không buồn phiền lắm. "Rõ ràng hắn ta chẳng gặp khó khăn gì khi giết hại bạn bè mình," Gisevius viết. "Hắn ta chẳng có cảm xúc gì cả, chỉ đơn thuần là hành động trong cơn giận dữ."

Trong một bài diễn văn trên radio, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền Goebbels trấn an người dân. "Tại nước Đức," lão nói, "giờ đây chỉ có hòa bình và trật tự tuyệt đối.

An ninh công cộng đã được khôi phục. Quốc trưởng chưa từng làm chủ hoàn toàn tình hình đến thế. Cầu mong số phận ưu ái chúng ta, để có thể thực hiện đến cùng nhiệm vụ vĩ đại cùng Adolf Hitler!"

Tuy nhiên, Dodd tiếp tục nhận các báo cáo cho biết cuộc thanh trừng còn lâu mới kết thúc. Vẫn chưa có tin tức nào xác nhận

chuyện gì đã xảy ra với Röhm và Papen. Hàng loạt tiếng súng tiếp tục vang lên từ sân sau trường Quân sự Lichterfelde.

Chương 50
VẪN CÒN SỐNG À

Buổi sáng Chủ nhật mát mẻ, ngập nắng và gió nhẹ hiu hiu. Dodd bàng hoàng khi toàn bộ sự kiện diễn ra hai mươi tư giờ qua biến mất không còn vết dấu. "Đúng là một ngày lạ lùng," ông viết, "với toàn tin tức bình thường trên báo chí."

Papen được cho là còn sống, nhưng bị giam lỏng tại căn hộ của ông ta cùng gia đình. Dodd hi vọng dùng chút ảnh hưởng của mình giữ mạng sống cho ông ta - nếu các báo cáo cho rằng Papen sống sót là chính xác. Có lời đồn Phó Thủ tướng phải bị hành hình và chuyện này có thể xảy ra bất kì lúc nào.

Dodd và Martha lái chiếc Buick đến tòa chung cư của Papen. Họ đi qua cổng vào rất chậm rãi, vì muốn lính gác SS nhìn rõ xe và nhận ra họ là ai.

Gương mặt nhợt nhạt của con trai Papen xuất hiện trên cửa sổ, một nửa mặt bị rèm che khuất. Một sĩ quan SS đứng gác ngoài cổng vào tòa nhà, khi chiếc xe đi qua. Martha hiểu rõ hắn đã nhận ra biển số xe ngoại giao.

Chiều hôm đó, Dodd lại đến nhà Papen, nhưng lần này ông dừng lại và trình danh thiếp cho một trong các lính gác, trên danh thiếp ông có viết, "Tôi hi vọng chúng tôi có thể sớm lại thăm ngài."

Cho dù Dodd không đồng tình với những mưu đồ chính trị của Papen cùng hành vi trước kia của ông ta tại Mỹ, nhưng ông thực sự yêu mến con người này và thích thú dành thời gian bên cạnh ông ta, kể từ lần đối đầu trong bữa tối tại Vũ hội Báo chí Nhỏ. Điều thúc đẩy Dodd chính là nỗi khiếp sợ vì Hitler bất ngờ muốn lấy đầu Papen, không qua xét xử hoặc cần lệnh bắt giữ.

Dodd lái xe về nhà. Sau này, con trai Papen thổ lộ với gia đình Dodd, rằng anh ta cùng gia đình rất biết ơn vì sự xuất hiện của chiếc Buick giản dị trước cửa nhà mình, vào buổi chiều nguy hiểm ấy.

Báo cáo về các vụ bắt chữ và sát hại tiếp tục bay đến nhà Dodd. Vào tối Chủ nhật, Dodd biết chắc chắn rằng Đại úy Röhm đã chết.

Khi chắp nối lại các tình tiết, câu chuyện như sau:

Ban đầu, Hitler chần chừ chưa quyết có nên hành hình đồng minh cũ hay không, sau khi giam Röhm vào xà lim tại Nhà tù Stadelheim, nhưng dần dần hắn không chịu nổi sức ép từ Göring và Himmler. Tuy nhiên, ngay cả như thế, Hitler vẫn khăng khăng trước tiên phải cho Röhm có cơ hội tự sát.

Kẻ nhận nhiệm vụ trao cơ hội này cho Röhm là Theodor Eicke, tư lệnh ở Dachau, gã lái xe đến nhà tù hôm Chủ nhật cùng tên cấp dưới, Michael Lippert và một thành viên SS của trại tập trung. Cả ba tên được dẫn đến xà lim giam Röhm.

Eicke trao cho Röhm một khẩu Browning tự động và số báo Völkischer Beobachter nóng hổi vừa ra mắt, có đăng bài miêu tả mà tờ báo gọi là "Cuộc nổi dậy của Röhm", rõ ràng cố tình để Röhm thấy rằng tất cả đã mất hết.

Eicke ra khỏi xà lim. Mười phút trôi qua mà không có tiếng súng. Eicke cùng Lippert quay lại lấy khẩu Browning cất đi, rồi rút súng ra. Chúng thấy Röhm đang đứng trước mặt, cởi trần.

Mỗi báo cáo nói một cách về chuyện xảy ra tiếp theo. Vài báo cáo cho rằng Eicke và Lippert chẳng nói gì và bắt đầu nổ súng. Một báo cáo khẳng định rằng Eicke hét lên, "Röhm, chuẩn bị sẵn sàng đi", lúc đó Lippert bắn hai phát. Nhưng báo cáo khác lại cho rằng Röhm là người can đảm, hắn hét lớn, "Nếu tao sắp phải chết, hãy để chính tay Adolf giết chết tao."

Loạt đạn đầu không giết được Röhm. Hắn ngã gục xuống sàn rên rỉ, "Quốc trưởng của tôi, Quốc trưởng của tôi." Viên đạn cuối cùng bắn vào thái dương hắn.

Phần thưởng cho Eicke là được phụ trách toàn bộ các trại tập trung của Đức. Hắn đem áp dụng nguyên xi các quy định hà khắc ở Dachau cho tất cả các trại.

Chủ nhật hôm đó, Quân Phòng vệ Đế chế lòng đầy hàm ơn, tiếp

tục đạt được một thỏa thuận nữa trên con tàu Deutschland. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Blomberg trong trình nghị sự hôm Chủ nhật đã tuyên bố, "Bằng quyết định đúng chất lính và lòng quả cảm mẫu mực, Quốc trưởng đã tấn công, nghiền nát những kẻ phản bội và giết người. Là những cánh tay nối dài của toàn thể nhân dân, quân đội không bị lôi vào các xung đột của hoạt động chính trị trong nước, quân đội xin nguyện tận tụy và trung thành để bày tỏ lòng biết ơn. Quan hệ tốt đối với lực lượng SA mới theo yêu cầu của Quốc trưởng sẽ được Quân đội trân trọng nâng niu, với nhận thức rằng cả hai cùng chia sẻ những lí tưởng chung. Tình hình khẩn cấp trên toàn quốc đã đến hồi kết thúc."

Khi cuối tuần trôi qua, gia đình Dodd biết người ta đang rỉ tai nhau lối diễn đạt mới ở Berlin, mỗi khi gặp bạn bè hoặc người quen trên phố, lí tưởng là đi kèm với nhướng một bên mày giễu cợt, và nói "Lebst du noch?" Câu này có nghĩa là, "Vẫn còn sống à?"

Chương 51
ẢO TƯỞNG CUỐI CÙNG

Cho dù những lời đồn tiếp tục vẽ nên chiều hướng đáng sợ của cuộc thanh trừng đẫm máu, vợ chồng Đại sứ Dodd vẫn không muốn hủy lễ ăn mừng ngày 04 tháng 07 của Đại sứ quán, một bữa tiệc với ba trăm khách mời. Việc tổ chức tiệc còn nhằm một lí do khác: biểu tượng cho một nước Mỹ tự do và mang lại quãng thời gian thư giãn, sau sự kinh hoàng ngoài kia. Đây sẽ là dịp chính thức đầu tiên để người Mỹ và người Đức gặp gỡ nhau trực tiếp, kể từ ngày nghỉ cuối tuần. Các bạn bè của Martha cũng được mời, bao gồm Mildred Fish Harnack cùng chồng, Arvid, còn Boris hình như không tham dự. Một vị khách, Bella Fromm, tả lại rằng "bầu trời sấm chớp" tỏa khắp bàn tiệc. "Các nhà ngoại giao có vẻ bồn chồn," cô viết. "Những người Đức đang bị kích động."

Vợ chồng Dodd đứng trước cửa phòng khiêu vũ chào đón từng vị khách. Martha thấy bề ngoài cha cô đang cư xử như ông luôn làm thế, khéo che giấu nỗi chán chường bên trong bằng những câu nói hóm hỉnh, những lời châm biếm mỉa mai. Ông mang sắc mặt của kẻ đa nghi thích thú, bề ngoài trông lúc nào cũng như sắp cười.

Mẹ cô diện chiếc váy dài màu xanh dương và trắng, chào đón khách khứa với phong thái bình lặng vốn có - tất cả sự duyên dáng miền Nam, với mái tóc bạc và trọng âm dễ nghe. Nhưng Martha phát hiện thấy hai má bà đỏ bừng, mắt bà ánh lên màu đen đẹp đến choáng ngợp, đặc biệt là vào những dịp này.

Trên các bàn tiệc, khắp phòng khiêu vũ và trong vườn được trang trí các bó hoa ba màu đỏ, xanh dương và trắng cùng các lá cờ Mỹ cỡ nhỏ. Một ban nhạc lặng lẽ chơi các ca khúc Mỹ. Trời ấm áp nhưng nhiều mây. Các vị khách dạo quanh nhà và vườn. Nhìn chung, ngôi nhà chìm trong cảnh thanh bình và không thực, tương phản mạnh mẽ với cảnh đẫm máu suốt hai mươi tư giờ

qua. Anh em Martha hẳn cũng nhận ra sự khác biệt quá rõ nét này, nên họ quyết định chào đón các vị khách Đức trẻ tuổi hơn bằng câu hỏi, "Vẫn còn sống à?"

"Chúng tôi nghĩ rằng mình đang châm biếm, cho bọn Đức thấm thía cơn tức giận của chúng tôi," cô viết. "Tất nhiên nhiều người rất khó chịu. Mấy tên Quốc xã vô cùng tức giận."

Khách khứa mang theo tin tức mới mẻ. Thi thoảng một phóng viên hoặc nhân viên Đại sứ quán lại kéo Dodd ra một bên để nói chuyện. Một chủ đề chắc chắn được nói tới, là luật mới được nội các Hitler ban hành hôm kia, hợp pháp hóa tất cả các vụ giết người, biện minh là những hành động được thực thi nhằm "bảo vệ quốc gia khẩn cấp". Các vị khách trông nhợt nhạt và run rẩy, lo sợ điều tồi tệ nhất xảy ra cho bạn bè họ khắp thành phố.

Fritz, lão quản gia, chuyển lời cho Martha rằng một vị khách đang đợi cô dưới nhà.. "Cậu bé nhà Papen," Fritz nói. Chàng Papen nhỏ tuổi - con trai Phó Thủ tướng, Franz Jr. Martha đang đợi cậu ta và bảo mẹ rằng nếu cậu ta xuất hiện, bà sẽ phải tránh đi. Cô vỗ nhẹ cánh tay mẹ và rời khỏi khu tiếp tân.

Franz cao ráo, tóc vàng và mảnh mai, gương mặt được chạm khắc sắc nét, với "một vẻ đẹp tinh khiết - như con cáo lông vàng," Martha nhớ lại. Cậu ta cũng rất phong nhã. Cô viết, khiêu vũ với cậu ta "cứ như sống cùng âm nhạc vậy".

Franz nắm cánh tay cô, nhanh nhẹn kéo cô ra khỏi nhà. Họ băng qua đường vào công viên Tiergarten, đi dạo một lúc, xem có ai theo dõi không. Thấy không có ai, họ bước đến một quán cà phê ngoài trời, chọn một bàn rồi gọi đồ uống.

Nỗi khiếp đảm của vài ngày qua còn vương trên mặt Franz và trong thái độ của cậu. Khiếu hài hước, dí dỏm thường thấy cũng biến mất vì lo âu.

Cho dù biết ơn sự xuất hiện của Đại sứ Dodd bên ngoài nhà mình, Franz hiểu rằng thứ đã thực sự cứu mạng cha cậu là quan hệ của ông ta với Tổng thống Hindenburg. Tuy nhiên, ngay cả sự gần gũi ấy cũng không ngăn cản được SS khủng bố Papen và gia đình ông ta, như Franz lúc này thổ lộ. Hôm thứ Bảy, lính SS có vũ trang đã chiếm các vị trí trong căn hộ của gia đình cậu và tại lối vào con phố. Chúng nói với ngài Phó Thủ tướng rằng hai trong số các nhân viên của ông ta đã bị bắn chết, và cảnh báo rằng kết cục tương tự đang chờ đợi ông ta. Chúng nói rằng mệnh lệnh sẽ đến vào bất kì

lúc nào. Cả gia đình cậu trải qua một kì nghỉ cuối tuần cô độc và kinh hoàng.

Franz và Martha nói chuyện một lúc lâu nữa, sau đó cậu hộ tống cô ra khỏi công viên. Cô quay về bữa tiệc một mình.

Một buổi chiều muộn trong tuần đó, bà Cerruti, phu nhân Đại sứ Italia, vô tình nhìn ra từ cửa sổ nhà riêng của bà, đối diện nhà Röhm bên kia đường. Vào lúc ấy, một chiếc xe to tấp vào lề bên đó. Hai người đàn ông xuống xe, đi vào nhà, rồi bước ra, tay xách theo các bộ vest và quần áo khác của Röhm. Xe còn quay lại vài lần nữa.

Nhìn cảnh này, các sự kiện của tuần trước hiện ra rõ mồn một trong tâm trí bà. "Hình ảnh những bộ quần áo bị cướp khỏi tay chủ nhân của chúng, khiến tôi buồn nôn," bà nhớ lại trong hồi kí. "Rõ ràng là 'quần áo của người đã khuất', khiến tôi phải quay mặt đi."

Bà trải qua "cơn căng thẳng thần kinh định kì". Bà chạy lên gác và thề ngay lập tức rời khỏi Berlin. Ngay hôm sau, bà đi Venice.

Gia đình Dodd biết rằng Wilhelm Regendanz, chủ nhà băng giàu có từng chủ trì bữa tối định mệnh dành cho Đại úy Röhm và Đại sứ Pháp François-Poncet tại nhà riêng ở Dahlem, đã cố gắng thoát khỏi Berlin vào ngày thanh trừng và an toàn đến London. Tuy nhiên, bây giờ ông ta sợ rằng có thể không bao giờ về nước được nữa. Tồi tệ hơn, vợ ông ta vẫn đang ở Berlin. Đứa con trai đã trưởng thành của ông ta, Alex, người cũng có mặt trong bữa tối hôm ấy, đã bị Gestapo bắt giữ. Ngày 03 tháng 07, Regendanz gửi thư cho bà Dodd hỏi rằng liệu bà có thể đến Dahlem xem vợ con ông ta thế nào, và gửi đến vợ ông ta "những lời chúc chân thành nhất của tôi". Ông ta viết, "Có vẻ như bây giờ tôi trở thành nghi phạm rồi, vì quá nhiều nhà ngoại giao đã từng đến nhà tôi, và vì tôi cũng là bạn của Tướng von Schleicher."

Bà Dodd và Martha lái xe đến Dahlem gặp bà Regendanz. Một cô hầu gái gặp họ ngoài cửa, mắt đỏ hoe. Không lâu sau đích thân bà Regendanz bước ra, trông đen sạm và gầy đi, đôi mắt trũng sâu, vẻ căng thẳng thay thế thái độ cầu kì, kiểu cách thường ngày. Bà ta quen biết Martha và Mattie, nên lúng túng khi thấy hai người đến nhà mình. Bà dẫn họ vào nhà. Nói chuyện một hồi, hai mẹ con thuật lại thông điệp của chồng bà ta. Hai tay ôm mặt, bà vợ khóc nức nở.

Bà ta kể lại nhà mình bị lục soát ra sao, hộ chiếu của bà ta bị tịch

thu như thế nào. “Khi bà ấy nói về con trai mình,” Martha viết, “vẻ tự tin của bà ấy sụp đổ, bà ấy trở nên hoang tưởng vì sợ hãi.” Bà ta không biết Alex đang ở đâu, hay liệu nó còn sống hay đã chết.

Bà ta van xin mẹ con Martha hãy tìm Alex và đến thăm nó, mang thuốc lá cho nó, làm bất kì điều gì để bọn bắt giữ hiểu rằng thằng bé được Đại sứ quán Mỹ để mắt đến. Gia đình Dodd hứa sẽ cố gắng. Bà Dodd và bà Regendanz đồng ý rằng từ nay trở đi bà Regendanz sẽ dùng biệt danh, Carrie, trong bất kì liên hệ nào với gia đình Dodd hoặc Đại sứ quán.

Qua vài ngày tiếp theo, gia đình Dodd nói chuyện với những người bạn có ảnh hưởng, các nhà ngoại giao và các quan chức Chính phủ thân thiện về tình hình này. Sự can thiệp của họ có giúp được hay không chẳng ai biết được, nhưng Alex được thả tự do sau một tháng bị giam. Cậu rời khỏi Đức ngay lập tức, trên chuyến tàu đêm, đến ở với cha cậu tại London.

Nhờ các mối liên hệ, bà Regendanz cũng xoay được một hộ chiếu mới và sự bảo đảm có thể rời khỏi Đức theo đường hàng không. Ngay khi gia đình đoàn tụ ở London, bà ta gửi một tấm bưu thiếp cho bà Dodd, “Đã đến nơi an toàn bình yên. Gửi đến bà lòng biết ơn sâu sắc nhất. Yêu thương. Carrie.”

Tại Washington, trưởng phòng các vấn đề Tây Âu Jay Pierrepont Moffat nhận thấy các du khách người Mỹ gửi hàng loạt câu hỏi, liên quan đến chuyện liệu du lịch đến Đức còn an toàn không. “Chúng tôi trả lời họ,” ông ta viết, “rằng trong tất cả rắc rối đến thời điểm này, không thấy người nước ngoài nào bị quấy nhiễu, và chúng tôi thấy chẳng cần phải lo việc kinh doanh của mình có bị ảnh hưởng không, hay phải làm gì để tránh rắc rối.”

Mẹ Moffatt từng sống sót qua cuộc thanh trừng bình an vô sự, sau này ông ta viết trong nhật kí, bà thừa nhận chuyện đó “hết sức hấp dẫn”.

Nhà em gái ông ta nằm trong quận Tiergarten, nơi “lính chặn hết các ngả, họ phải đi đường vòng để ra, vào.” Tuy nhiên, mẹ, con gái và cháu gái ông ta vẫn lên đường bằng ô tô, có tài xế, trong chuyến đi vòng quanh nước Đức đã lên kế hoạch từ trước.

Vấn đề Bộ Ngoại giao quan tâm là khoản tiền khổng lồ Đức chưa trả các chủ nợ Mỹ. Có sự tương đồng lạ lùng. Tại Đức, có máu, có lục phủ ngũ tạng và tiếng súng, thì ở Bộ Ngoại giao có sơ mi trắng, những bút chì đỏ của Hull và cơn giận dữ ngày càng tăng với

Dodd, vì không thể thúc ép Đức thanh toán nợ nần. Trong bức điện tín gửi từ Berlin hôm thứ Sáu, ngày 06 tháng 07, Dodd báo cáo ông đã thảo luận với Ngoại trưởng Neurath về vấn đề trái phiếu, rằng Neurath đã hứa sẽ làm những gì có thể, nhằm bảo đảm thanh toán lãi suất, nhưng "việc này sẽ cực kì khó khăn". Khi Dodd hỏi Neurath có thể bảo đảm ít nhất đối xử với Mỹ như với các chủ nợ khác hay không, Neurath "chỉ bày tỏ hi vọng có thể làm được".

Bức điện tín khiến Ngoại trưởng Hull và các bậc bô lão trong câu lạc bộ Pretty Good tức điên người. "Với màn thể hiện của mình," Moffatt viết trong nhật kí, Dodd đã "quá yếu ớt, để mặc von Neurath cứ thế phủi tay. Ngài Ngoại trưởng biết rằng [Dodd] có quan tâm tới các lợi ích tài chính của chúng ta, nhưng ngay cả như thế, bức điện tín của Dodd khiến tôi chán ngấy."

Hull giận dữ yêu cầu Moffatt soạn câu trả lời gay gắt dành cho Dodd, ép ông "không chỉ nắm lấy, mà còn phải biết tạo cơ hội đòi lại công bằng cho các khiếu nại của chúng ta".

Kết quả là bức điện tín được gửi vào hồi 16 giờ, thứ Bảy, ngày 07 tháng 07, kí tên Ngoại trưởng Hull, hỏi rằng Dodd liệu có khả năng đàm phán với Đức chuyện trả nợ trái phiếu cho Mỹ hay không, "cùng với thái độ cực kì mạnh mẽ, xét trên quan điểm về logic, công bằng và tác động của nó lên gần 60.000 người nắm giữ trái phiếu vô tội ở đất nước này..."

Moffat viết, "Đó là bức điện tín khá cứng rắn, một câu trong đó ngài Ngoại trưởng đã sửa đi, với bản tính vô cùng tốt bụng của mình, nhằm xoa dịu cảm xúc của Dodd." Moffatt lưu ý, "những kẻ bất kính" ở Bộ Ngoại giao đã bắt đầu gọi Dodd là "Đại sứ Bù nhìn."

Trong một cuộc họp khác về tình hình trái phiếu cuối tuần đó, Hull tiếp tục bày tỏ bất mãn với Dodd. Moffatt viết, "Ngài Ngoại trưởng nhắc đi nhắc lại rằng trong khi Dodd là một người rất tốt về nhiều mặt, nhưng chắc chắn ngài có thành kiến đặc biệt với tính cách của Dodd."

Hôm đó, Moffatt tham dự một bữa tiệc ngoài vườn tại nhà người bạn giàu có - nhà có bể bơi - "gần như toàn thể Bộ Ngoại giao" đều được mời. Có các trận đấu tennis mang tính biểu diễn và các cuộc bơi thi. Tuy nhiên, Moffatt bỏ về sớm, ông ta không muốn bỏ lỡ chuyến đi xuôi dòng Potomac bằng du thuyền "trang bị nội thất sang trọng đủ sức thỏa mãn bất kì linh hồn nào ưa hưởng lạc."

Tại Berlin, Dodd vẫn bình thản. Ông cho rằng chẳng ích gì khi đòi bằng được khoản tiền đầy đủ, vì đơn giản nước Đức không có nhiều tiền, và còn nhiều vấn đề quan trọng hơn cần phải quan tâm. Trong một lá thư gửi Ngoại trưởng Hull vài tuần sau đó, ông viết, "Người dân chúng ta đành chịu mất tiền thôi."

Sáng sớm thứ Sáu, 06 tháng 07, Martha đến phòng ngủ của cha chào tạm biệt ông. Cô biết ông không cho phép cô sang Nga, nhưng khi hai cha con ôm hôn, dường như ông khá thoải mái. Ông dặn dò cô phải cẩn thận, nhưng hi vọng cô sẽ có "một chuyến đi thú vị".

Mẹ và anh trai tiễn cô đến sân bay Tempelhof. Dodd vẫn ở lại trong thành phố, hẳn nhiên ông nhận thức được báo chí Quốc xã có thể cố gắng lợi dụng sự có mặt của ông ở sân bay, vẫy tay chào từ biệt con gái mình bay sang Liên bang Xô Viết đáng ghét.

Martha đi trên cầu thang thép dẫn lên máy bay Junker ba động cơ, nó sẽ đưa cô tới chặng đầu tiên của cuộc hành trình. Một nhà nhiếp ảnh đã chụp tấm ảnh cô vui vẻ, hoạt bát trên đầu cầu thang, chiếc mũ đội lệch ngang tàng. Cô mặc áo khoác không tay ngoài áo blouse chấm bi và khăn quàng cổ hợp tông. Thật khó tin, xét đến chuyện trời nóng, cô vẫn mang theo chiếc áo khoác dài vắt trên cánh tay, cùng đôi găng tay trắng.

Sau này, cô cho rằng không biết chuyến đi có khiến báo chí hứng thú không, hay sẽ tạo ra cái gì đó như một vụ bê bối ngoại giao. Tuy nhiên, điều này có vẻ cực kì khó tin. Sau một năm, cô đã hiểu rõ những kẻ có âm mưu ngầm như Rudolf Diels và Putzi Hanfstaengl, cô sẽ không thể không nhận ra rằng ở nước Đức của Hitler, dù chỉ một hành động nhỏ nhất cũng bị phóng đại thành một quyền lực mang tính biểu tượng.

Trên phương diện cá nhân, chuyến đi của cô đánh dấu sự thật rằng các cảm tình còn sót lại trong cô đối với những con người lạ lùng, cao quý của cuộc cách mạng Quốc xã đã không còn. Và cho dù cô có nhận ra hay không, chuyến đi này được các phóng viên ảnh ghi lại, được các quan chức Đại sứ quán và những kẻ theo dõi ở Gestapo để ý, nhưng nó chính là sự thừa nhận công khai rằng ảo tưởng cuối cùng của cô đã tan vỡ.

Cô viết, "Những máu me và nỗi kinh hoàng tôi đã thấy đủ để ám ảnh tôi suốt quãng đời còn lại."

Cha cô cũng trải qua khoảnh khắc biến đổi tương tự. Trong suốt

năm đầu tiên tại Đức, Dodd không ngừng choáng váng trước sự lãnh đạm lạ lùng đối với cảnh tàn bạo diễn ra khắp đất nước này - việc quần chúng và cả những thành phần khiêm nhường trong Chính phủ này sẵn sàng chấp nhận từng mức độ đàn áp, từng hành động bạo lực mới, mà không hề phản đối. Cứ như thể ông bước vào một khu rừng tối trong truyện cổ tích, nơi tất cả các quy định về đúng sai đều đảo ngược. Ông viết thư cho bạn mình, Roper, "Tôi không thể hình dung nổi sự bùng phát bạo lực chống người Do Thái, khi ai ai cũng phải khổ sở, bằng cách này hay cách khác do thương mại sụt giảm. Cũng như không ai tưởng tượng nổi màn khủng bố kinh hoàng ngày 30 tháng 06 lại có thể được phép xảy ra ở thời hiện đại."

Dodd tiếp tục hi vọng rằng các vụ giết người sẽ khiến quần chúng Đức phẫn nộ đến mức chế độ này sẽ sụp đổ, nhưng rồi nhiều ngày trôi qua, ông chẳng thấy cơn phẫn nộ ấy đâu cả. Ngay đến quân đội cũng bất động, dù cho hai vị tướng của họ bị sát hại. Tổng thống Hindenburg gửi Hitler một bức điện tín tán dương. "Từ những báo cáo trước mặt tôi đây, tôi được biết rằng bằng hành động quyết tâm và sự can thiệp trực tiếp quả cảm của ngài, âm mưu phản quốc đã bị bóp chết từ trong trứng nước. Ngài đã cứu nước Đức khỏi mối nguy nghiêm trọng. Vì điều này, tôi xin bày tỏ đến ngài những lời cảm ơn tận đáy lòng." Trong bức điện tín khác, Hindenburg cảm ơn Göring vì "đã hành động mạnh mẽ, nghiền nát thành công âm mưu phản nghịch".

Dodd biết Göring đã đích thân chỉ đạo trên bảy mươi lăm vụ hành hình. Ông rất mừng khi Göring, cũng như Röhm trước đó, đã xin lỗi không thể tham dự bữa tiệc gia đình Dodd tổ chức tối thứ Sáu, ngày 06 tháng 07. Dodd viết, "Thật nhẹ nhõm khi hắn không xuất hiện. Tôi chẳng biết phải làm gì nếu hắn đến thật."

Đối với Dodd, trở thành nhà ngoại giao là tình cờ, chứ không phải lựa chọn của ông, toàn bộ chuyện này khiến ông cực kì khiếp đảm. Ông là một học giả và nhà dân chủ ủng hộ chủ nghĩa Jefferson, một chủ trang trại đam mê nghiên cứu lịch sử và yêu mến nước Đức ngày xưa, nơi ông đã từng theo học hồi trẻ. Giờ đây, con số những vụ giết người chính thức đang tăng lên kinh hoàng. Các bạn bè, người quen của Dodd, những người đã từng tham dự bữa tối và tiệc trà tại nhà ông đều bị bắn chết. Dodd chưa hề sẵn sàng để đón nhận chuyện này. Tất cả đã rõ ràng, ông tự hỏi rằng liệu ông có đạt được điều gì khi làm đại sứ hay không. Nếu câu trả lời là không, vậy thì ở lại Berlin còn ý nghĩa gì nữa, nhất là khi tình yêu lớn của đời ông, cuốn Miền Nam ngày xưa đang mỏi mòn chờ ông trên bàn?

Trong ông, hi vọng chỉ còn le lói. Trong nhật kí ngày 08 tháng 07, một tuần sau khi cuộc thanh trừng bắt đầu và ngay trước ngày kỉ niệm một năm đến Berlin, ông viết, "Nhiệm vụ của tôi ở đây là nỗ lực vì hòa bình và xây đắp những quan hệ tốt đẹp hơn. Tôi chẳng biết nên thực hiện điều ấy ra làm sao, chừng nào Hitler, Göring và Goebbels còn là những kẻ điều hành đất nước này. Tôi chưa từng nghe hay chưa từng biết về ba kẻ cầm quyền nào thiếu tư cách đến thế. Tôi có nên từ chức không?"

Ông đã thề không bao giờ mời Hitler, Göring hoặc Goebbels đến Đại sứ quán hay đến nhà mình, và kiên quyết thêm rằng "tôi sẽ không thèm nghe diễn văn của Thủ tướng, không thèm hỏi han Thủ tướng nữa, ngoại trừ vì công việc. Tôi cảm thấy ghê sợ phải gặp gỡ con người đó."

Chương 52
CHỈ ƯỚC MÌNH LÀ NGỰA

Nhưng có lẽ cũng như mọi người dân Berlin, Dodd muốn nghe những gì Hitler nói về cuộc thanh trừng. Chính phủ tuyên bố Hitler sẽ phát biểu vào tối thứ Sáu, ngày 13 tháng 07, trong một bài diễn văn trước các nghị sĩ Quốc hội, tại phòng hội nghị tạm thời, gần nhà hát opera Kroll. Dodd quyết định không đến tham dự mà chỉ nghe đài. Viễn cảnh gặp gỡ và lắng nghe trực tiếp Hitler biện minh vụ thảm sát hàng loạt, cùng hàng trăm kẻ nịnh hót, bợ đỡ không ngừng chĩa thẳng cánh tay lên chào quá sức chịu đựng đối với ông.

Chiều thứ Sáu hôm đó, ông cùng François-Poncet thu xếp gặp gỡ trong công viên Tiergarten, như họ đã làm trong quá khứ, nhằm tránh bị nghe lén. Dodd muốn biết François-Poncet có tham dự buổi đọc diễn văn không, nhưng ông e sợ nếu mình đến thăm Đại sứ quán Pháp, những mật vụ Gestapo sẽ theo dõi ông và biết ông đang có âm mưu kêu gọi các cường quốc lớn tẩy chay buổi diễn văn. Đầu tuần, Dodd đã ghé thăm Hiệp sĩ Eric Phipps ở Đại sứ quán Anh và biết rằng Phipps cũng tham dự. Hai chuyến thăm đến các đại sứ quán lớn trong thời gian ngắn chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý.

Hôm đó trời mát mẻ và đầy nắng, chính vì thế công viên đông nghẹt người, hầu hết đều đi bộ, chỉ có vài người cưỡi ngựa, di chuyển chậm rãi trong bóng râm. Thi thoảng lại có tiếng cười, tiếng chó sủa phá tan bầu không khí, và những chùm khói xì gà bay lên như những bóng ma, chậm rãi tan đi trong tĩnh lặng. Hai ngài đại sứ dành một giờ dạo bộ.

Khi sắp chia tay nhau, François-Poncet lên tiếng trước, "Tôi sẽ không tham dự buổi đọc diễn văn." Sau đó, ông ta chia sẻ nhận xét mà Dodd chưa từng nghe từ một nhà ngoại giao hiện đại, ở một

trong những thủ đô lớn của châu Âu. “Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu bị bắn chết trên các con phố ở Berlin,” ông ta nói. “Chính vì thế, vợ tôi vẫn ở lại Paris. Những người Đức căm ghét chúng tôi và bộ máy lãnh đạo của họ thì điên rồ.”

Hồi tám giờ tối hôm đó, trong thư viện ở số nhà Tiergartenstrasse 27a, Dodd bật đài nghe Hitler đứng trên bục đọc diễn văn trước Quốc hội. Mười hai nghị sĩ không có mặt, vì đã bị giết trong cuộc thanh trừng.

Nhà hát opera chỉ cách nơi Dodd đang lắng nghe hai mươi phút đi bộ qua công viên Tiergarten. Phía công viên gần nhà ông, tất cả thật thanh bình và tĩnh lặng, mùi hương buổi tối quyện với mùi hương của những đóa hoa đêm. Thậm chí qua radio, Dodd cũng có thể nghe thấy những tiếng xô ghế, tiếng khán thính giả chào Hitler.

“Thưa các nghị sĩ,” Hitler nói. “Những con người của Quốc hội Đức!”

Hitler thuật lại chi tiết các sự kiện hắn mô tả là âm mưu lật đổ Chính phủ của Đại úy Röhm, với sự trợ giúp của một nhà ngoại giao nước ngoài, chưa xác định được danh tính. Hắn nói, trong việc ra lệnh thanh trừng, hắn chỉ hành động vì những lợi ích tốt nhất của nước Đức, để cứu quốc gia này không chìm vào hỗn loạn.

“Chỉ có đàn áp tàn bạo và đẫm máu mới bóp chết cuộc nổi dậy trong trứng nước.” Hắn nói đích thân hắn đã chỉ đạo cuộc tấn công tại Munich, trong khi Göring, với “nắm đấm thép” cũng làm điều tương tự ở Berlin. “Nếu ai đó hỏi tại sao chúng ta không cần tòa án chính quy, ta sẽ trả lời: vào lúc đó ta phải chịu trách nhiệm trước dân tộc Đức, bởi thế cho nên, trong vòng hai mươi tư giờ đó, bản thân ta chính là Tòa án Công lí Tối cao của Nhân dân Đức.”

Dodd nghe thấy tiếng khán giả ầm ĩ đứng bật dậy, reo hò, tung hô vạn tuế.

Hitler nói tiếp, “Ta đã ra lệnh bắn chết các chỉ huy vi phạm. Ta cũng hạ lệnh phải thiêu đốt những vết loét là hậu quả của chất độc cả bên trong lẫn bên ngoài cơ thể chúng ta, cho đến khi cháy vào lớp thịt sống. Giết chết ngay lập tức bất kì kẻ phản loạn nào chống cự khi bị bắt. Toàn dân cần biết rằng sự tồn tại của chúng phải bị triệt tiêu, và rằng bất kì kẻ nào ra tay chống lại Nhà nước đều phải chết.”

Hắn kể ra “nhà ngoại giao nước ngoài” đã gặp gỡ Röhm, cùng

nhiều kẻ khác được cho là bày mưu, và tuyên bố sau đó của nhà ngoại giao rằng cuộc gặp gỡ này "hoàn toàn vô thưởng vô phạt". Đây là ám chỉ rõ ràng đến bữa tối François-Poncet đã tham dự vào tháng Năm, tại nhà của Wilhelm Regendanz.

"Tuy nhiên, khi ba kẻ có khả năng phản nghịch họp nhau tại Đức với một chính khách nước ngoài, một cuộc gặp gỡ mà bản thân chúng xem là vì 'công việc', khi chúng đuổi hết người hầu cận ra ngoài, ra các nghiêm lệnh không được thông báo cho ta về cuộc họp ấy, chúng xứng đáng bị ta bắn chết - ngay cả khi trong suốt quá trình thảo luận bí mật này, chúng chỉ nói về thời tiết, những đồng xu cũ rích và những chuyện tương tự."

Hitler thừa nhận cái giá của cuộc thanh trừng này "rất cao", rồi hắn lòe bịp khán giả tổng số người bị giết là bảy mươi bảy người.

Hắn cố gắng làm mềm đi con số này, khi tuyên bố hai trong số các nạn nhân đã tự sát - điều đáng nực cười - đó là trong tổng số này có bao gồm ba tên SS bị bắn chết do "ngược đãi tù nhân".

Kết thúc bài diễn văn, hắn nói, "Trước lịch sử, ta sẵn sàng chịu trách nhiệm về hai mươi tư giờ quyết định cay đắng nhất trong cuộc đời ta, trong thời gian đó, định mệnh một lần nữa đã dạy ta phải kiên định với ý nghĩ về điều đáng trân trọng nhất chúng ta có trong tay - người dân Đức và Đế chế Đức."

Cả hội trường vang lên tiếng hoan hô như sấm dậy, bao người cùng hòa giọng hát bài "Horst Wessel Lied". Giá mà Dodd có mặt ở đây, hẳn ông đã thấy hai cô gái mặc đồng phục của Liên đoàn Thanh nữ Đức, chi nhánh toàn nữ của Đoàn Thanh niên Hitler, lên tặng hắn những bó hoa tươi thắm. Hẳn ông sẽ thấy Göring mạnh mẽ bước lên bục nắm tay Hitler, theo sau là các quan chức chen nhau, cúi đầu chúc mừng hắn. Göring và Hitler đứng cạnh nhau cùng tạo dáng cho các phóng viên ảnh gần đó tha hồ chụp. Fred Birchall của tờ Times chứng kiến chuyện này. "Chúng đứng đối diện nhau trên bục gần một phút, tay nắm chặt tay, nhìn thẳng vào mắt nhau, trong khi ánh đèn flash chớp lên tục."

Dodd tắt đài. Phía công viên gần nhà ông đêm nay mát mẻ và quạnh quẽ. Hôm sau, thứ Bảy ngày 14 tháng 07, ông gửi bức điện tín mã hóa cho Thứ trưởng Hull: "KHÔNG GÌ GHÊ TỞM HƠN VIỆC PHẢI CHỨNG KIẾN ĐẤT NƯỚC CỦA GOETHE VÀ BEETHOVEN PHẢI QUAY VỀ CHỦ NGHĨA MỌI RỢ CỦA NƯỚC ANH THỜI STUART[110] VÀ NƯỚC PHÁP THỜI BOURBON[111]..."

[110] *Stuart (1603 - 1714): một vương triều của nước Anh. Đây là giai đoạn đen tối của Anh quốc, khi nội chiến và xung đột tôn giáo ngập tràn.*

[111] *Bourbon (1272 - 1848): một vương triều lâu đời ở nước Pháp.*

Cuối chiều hôm đó, ông dành hai giờ lặng lẽ với cuốn Miền Nam ngày xưa, để bản thân mình lạc trôi vào kỉ nguyên khác, kỉ nguyên thấm đẫm phong cách hiệp sĩ.

Putzi Hanfstaengl, sau khi được Ngoại trưởng Neurath đảm bảo về sự an toàn, đã dong buồm về nhà. Về đến văn phòng, anh ta bàng hoàng trước vẻ ủ rũ, ngây ngây của tất cả mọi người xung quanh. Anh ta viết, họ hành xử "như thể bị chuốc thuốc mê".

Cuộc thanh trừng của Hitler sau này nổi tiếng với cái tên "Đêm Dao Dài", vào thời đó được xem là một trong những chương quan trọng nhất trên con đường thăng tiến của hắn, phân cảnh đầu tiên trong bi kịch vĩ đại của chính sách xoa dịu. Tuy nhiên, ban đầu không ai nhận ra tầm quan trọng của nó. Không một chính phủ nào triệu hồi đại sứ về, hoặc gửi thư từ lên án, quần chúng không ai đứng lên phản đối.

Phản ứng đúng đắn nhất của một quan chức nhà nước tại Mỹ là của Tướng Hugh Johnson, người đứng đầu Ủy ban Phục hồi Kinh tế Quốc gia Hoa Kỳ. Giờ đây, ông ta khét tiếng với những bài diễn văn có thái độ không đúng mực về đủ các chủ đề. (Khi một vụ đình công lớn diễn ra tại San Francisco vào tháng Bảy, do một phu khuân vác tại bến tàu là dân nhập cư Australia khởi xướng, Johnson đã kêu gọi trục xuất toàn bộ dân nhập cư.) "Vài ngày trước, tại Đức, đã diễn ra các sự kiện khiến cả thế giới bị sốc," Johnson nói trong bình luận công khai. "Chúng ảnh hưởng đến mọi người ra sao tôi không biết, nhưng chúng khiến tôi muốn bệnh - không phải ẩn dụ, mà là bệnh nặng thật sự. Cái ý tưởng rằng người trưởng thành, biết chịu trách nhiệm có thể bị lôi ra khỏi nhà mình, bắt đứng dựa vào tường, quay lưng về phía những họng súng và bị bắn chết không ngôn từ nào diễn tả nổi."

Văn phòng ngoại giao Đức phản đối. Đáp lại, Ngoại trưởng Hull cho rằng Johnson "phát biểu với tư cách cá nhân, không đại diện cho Bộ Ngoại giao hoặc Chính phủ".

Phản ứng thưa thớt một phần do nhiều người Đức và sắc dân khác trên thế giới đã chọn cách tin vào tuyên bố của Hitler, rằng hắn đã đàn áp cuộc bạo loạn sắp xảy ra hứa hẹn sẽ còn đổ máu hơn nữa.

Tuy nhiên, sớm có bằng chứng cho rằng, thực ra bản tường thuật của Hitler không đúng sự thật. Ban đầu, Dodd có vẻ muốn tin thực sự có chuyện như thế, nhưng ông nhanh chóng nghi ngờ. Một sự thật có vẻ rõ ràng nhất để bác bỏ kịch bản chính thức: khi trùm SA ở Berlin, Karl Ernst, bị bắt giữ, gã vừa định lên đường hưởng tuần trăng mật trên biển, không hề giống hành động của một kẻ được cho là có âm mưu lật đổ Chính phủ, vào đúng dịp cuối tuần đó. Hitler có tin vào chuyện của Ernst từ đầu hay không vẫn chưa rõ. Chắc chắn Göring, Goebbels và Himmler đã làm tất cả những gì có thể nhằm khiến hắn tin là thế. Hiệp sĩ Eric Phipps của Anh ban đầu chấp nhận câu chuyện chính thức, nhưng phải mất sáu tuần, ông mới nhận ra nó không tồn tại. Khi Phipps gặp Hitler mặt đối mặt vài tháng sau đó, những suy nghĩ của ông vụt quay về cuộc thanh trừng. "Điều đó chẳng khiến hắn thêm hấp dẫn hay quyến rũ," Phipps viết trong nhật kí. "Trong khi tôi nói, hắn nhìn xoáy vào mắt tôi như hổ đói. Từ ấn tượng rõ nét ấy, tôi hiểu rằng nếu như tôi mang quốc tịch khác và vị thế khác, hẳn tôi đã biến thành một phần bữa tối của hắn."

Với đánh giá này, ông ta đã gần hiểu rõ thông điệp thật sự của vụ thanh trừng Röhm, vốn khiến cả thế giới khó hiểu. Những vụ thảm sát được giải thích bằng những từ ngữ lẽ ra không thể bị làm ngơ về việc Hitler sẵn sàng đi xa đến đâu để bảo toàn quyền lực. Thế nhưng những kẻ ngoài cuộc lại chọn cách hiểu bạo lực chỉ đơn thuần là giải quyết ân oán nội bộ - "một kiểu bạo lực băng nhóm đẫm máu gợi nhớ vụ thảm sát ngày Valentine của Al Capone[112]," như sử gia Ian Kershaw khẳng định. "Họ vẫn nghĩ rằng trong ngoại giao, họ có thể đối phó với Hitler như một chính khách có trách nhiệm. Nhiều năm tiếp theo, họ thấm thía bài học cay đắng, rằng Hitler đang vận dụng chính sách ngoại giao ấy cũng chính là kẻ đã hành xử với sự tàn bạo dã man, bất cần đạo lí ở quê nhà, ngày 30 tháng 06 năm 1934." Rudolf Diels, trong hồi kí của mình, nhận thức được rằng ban đầu hắn cũng hiểu nhầm. "Tôi... không hề biết rằng giờ khắc ánh chớp lóe lên cũng là điềm báo một cơn bão tố, cơn bão bạo lực sẽ xé nát những nền móng đã thối rữa của các hệ thống ở châu Âu và thiêu đốt cả thế giới trên ngọn lửa hung tàn - bởi vì đây mới thực sự là ý nghĩa của ngày 30 tháng 06 năm 1934."

[112] *Alphonse Gabriel Capone (1899 - 1947): trùm tội phạm khét tiếng người Mỹ.*

Không ngạc nhiên, báo giới bị kiểm soát tung Hitler lên mây vì hành động quyết đoán của hắn, và trong dân chúng, hắn nổi tiếng bần bật. Quá mệt mỏi vì những vụ xâm nhập của Sư đoàn Bão tố

vào cuộc đời mình, nên đối với người Đức, cuộc thanh trừng như món quà của Chúa. Một thông tin tình báo từ các nhà Dân chủ Xã hội lưu vong cho rằng nhiều người Đức "đang ca tụng Hitler vì sự quyết tâm tàn nhẫn" và nhiều người trong tầng lớp lao động "cũng sẵn sàng tôn sùng Hitler như thánh, không cần phán xét".

Dodd tiếp tục hi vọng chất xúc tác nào đó sẽ đặt dấu chấm hết cho chế độ này, và tin tưởng cái chết sắp đến của Hindenburg - người Dodd gọi là "linh hồn cao quý duy nhất" của nước Đức - có thể mang lại chất xúc tác ấy, nhưng một lần nữa ông lại thất vọng. Ngày 02 tháng 08, ba tuần sau bài diễn văn của Hitler, Hindenburg qua đời tại dinh thự ở quê ông. Hitler hành động rất nhanh. Ngày chưa kịp trôi hết, hắn tự tuyên bố gánh vác trách nhiệm của cả Tổng thống lẫn Thủ tướng, nhờ đó cuối cùng hắn đã nắm được quyền lực tuyệt đối tại Đức. Cho rằng chức vụ "Tổng thống" thấp kém chỉ gắn liền với mỗi Hindenburg, người đã giữ nó quá lâu, Hitler tuyên bố từ nay trở đi, chức vụ chính thức của hắn là "Quốc trưởng kiêm Thủ tướng Đế chế".

Trong mật thư gửi Ngoại trưởng Hull, Dodd cảnh báo sự xuất hiện của "một chế độ thậm chí còn kinh khủng hơn chế độ chúng ta từng chịu đựng, kể từ ngày 30 tháng 06."

Nước Đức chấp nhận sự thay đổi mà không phản kháng, trước sự thất vọng của Viktor Klemperer, nhà ngữ văn Do Thái. Ông ta cũng hi vọng cuộc thanh trừng đẫm máu cuối cùng cũng khiến quân đội can thiệp và lật đổ Hitler. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra. Và bây giờ, là sự sỉ nhục mới mẻ này. "Người dân hầu như không để ý đến cuộc đảo chính gọn ghẽ này," ông ta viết trong nhật kí. "Tất cả diễn ra trong im lặng, bị chìm lấp trong những lời ca tụng Hindenburg. Tôi dám thề rằng hàng triệu triệu người sẽ chẳng biết chuyện quái lạ nào vừa diễn ra."

Tờ báo Munich Münchner Neueste Nachrichten tuôn trào cảm xúc, "Hôm nay Hitler là Toàn thể nước Đức", rõ ràng họ chọn cách làm ngơ thực tế mới tháng trước, nhà phê bình âm nhạc lịch thiệp của họ vừa bị bắn nhầm.

Cuối tuần ấy trời đổ mưa, một cơn mưa rào kéo dài suốt ba ngày làm cả thành phố ướt sũng. Với lực lượng SA đã sạch bóng, đồng phục nâu của chúng tạm thời cất tủ, toàn dân khóc thương cái chết của Hindenburg. Cảm giác hòa bình hiếm hoi lan tràn khắp nước Đức, cho Dodd vài giây phút suy nghĩ về một chủ đề, tuy mỉa mai nhưng gần gũi với một phần trong ông, hình ảnh một chủ trang trại ở Virginia.

Trong nhật kí ngày Chủ nhật, 05 tháng 08 năm 1934, Dodd nhận xét về một đức tính của người Đức ông đã quan sát vào những ngày ở Leipzig, và vẫn tồn tại ngay cả dưới thời Hitler: đó là tình yêu động vật, đặc biệt là ngựa và chó.

“Vào lúc mà gần như mỗi người Đức đều sợ nói chuyện với bất kì ai, ngoại trừ với những người bạn thân thiết nhất, thì những con chó và con ngựa đều hạnh phúc, đến mức người ta có cảm tưởng rằng chúng muốn nói chuyện,” ông viết. “Một phụ nữ có thể tố cáo người hàng xóm vì tội không trung thành và khiến anh ta gặp nguy hiểm, thậm chí có thể chết, lại dắt theo con chó to, trông hiền lành của bà ta vào công viên Tiergarten đi dạo. Bà ta nói chuyện với nó, cưng nựng nó khi ngồi trên ghế đá và con chó thì đang phóng uế.”

Dodd để ý, tại Đức chẳng ai lạm dụng chó, kết quả lũ chó rất dạn người, lúc nào cũng béo múp và rõ ràng được chăm sóc tốt. “Hình như chỉ có lũ ngựa mới được chăm sóc tốt như thế, chứ không phải trẻ con hay thanh niên,” ông viết. “Trên đường đến văn phòng, tôi luôn dừng lại nói mấy lời với một cặp ngựa tuyệt đẹp, khi chúng đang đợi chất hàng xuống xe. Trông chúng sạch sẽ, béo tốt và hạnh phúc, đến mức người ta tưởng chúng sắp nói đến nơi.” Ông gọi đây là “hạnh phúc của ngựa” và để ý các hiện tượng tương tự tại Nurem- berg và Dresden. Ông biết một phần sự hạnh phúc này là nhờ luật pháp Đức, cấm tiệt các hành vi tàn bạo với động vật, kẻ nào vi phạm sẽ bị tống giam, và ở đây Dodd có nhận xét mỉa mai sâu sắc nhất. “Khi mà hàng trăm con người có thể bị giết chết mà không qua xét xử, hoặc không cần bất kì bằng chứng kết tội nào, và khi con người theo đúng nghĩa đen run rẩy vì sợ hãi, súc vật lại được hưởng những quyền được ban phát cho chúng, những quyền lợi mà đàn ông và phụ nữ không dám nghĩ mình được hưởng.”

Ông nói thêm, “Người ta có thể dễ dàng ước mình là ngựa!”

Chương 53
JULIET SỐ 2

Boris đã đúng. Martha ôm đồm quá nhiều thứ trong hành trình của mình, hệ quả là cô thấy chuyến đi chẳng mang lại cho cô được gì. Các chuyến du lịch khiến cô cáu kỉnh và ưa chỉ trích, về Boris và nước Nga, khi cô choáng váng nhận ra đó là xứ sở mệt mỏi, buồn tẻ và xám xịt. Boris thất vọng. "Anh rất buồn khi nghe nói rằng em chẳng thích gì tại Nga," anh viết cho cô ngày 11 tháng 07 năm 1934. "Con mắt em nhìn nước Nga phải khác với cách em nhìn nước Mỹ. Em không nên hời hợt thế (chỉ căn cứ vào quần áo xấu và thức ăn không hợp khẩu vị). Anh xin em, tiểu thư ạ, hãy nhìn vào 'bên trong', sâu sắc chút nữa đi."

Thật không công bằng, Martha bực mình ở chỗ Boris không ở bên cô trong các chuyến đi này, cho dù ngay sau khi cô lên đường, anh cũng sang Nga, đầu tiên là đến Moscow và sau đó là khu nghỉ dưỡng trong vùng Caucasus vào kì nghỉ. Trong lá thư ngày 05 tháng 08 từ khu nghỉ dưỡng, Boris nhắc nhở cô, "Chính em bảo chúng ta không cần ở bên nhau tại Nga." Tuy nhiên, anh thừa nhận đã xuất hiện những vật cản khác, cho dù anh còn mơ hồ về bản chất thật sự của những rào cản đó. "Trong kì nghỉ này, anh không thể ở bên em được, vì nhiều lí do. Lí do quan trọng nhất: Anh phải ở lại Moscow. Quãng thời gian anh ở lại đây cũng chẳng vui vẻ gì, số phận của anh vẫn chưa rõ ràng."

Anh thừa nhận đọc thư cô làm anh tổn thương. "Em không nên gửi anh những lá thư với lời lẽ như vậy. Anh không đáng bị thế. Ở Moscow, anh rất buồn khi đọc thư em, đến mức anh cảm thấy em quá xa xôi, anh không thể nào với tới. Nhưng sau lá thư giận dữ của em, anh còn hơn cả buồn. Tại sao em lại làm thế hả Martha? Đã xảy ra chuyện gì vậy? Em không thể thiếu anh trong hai tháng à?"

Hệt như lúc dùng những người tình làm tổn thương chồng cũ, B a s sett, cô cho Boris biết có thể mình sẽ nối lại tình cũ với Armand Berard ở Đại sứ quán Pháp. “Ngay lập tức lấy Armand đe dọa anh à?” Boris viết. “Anh không thể ra lệnh hoặc gợi ý bất kì điều gì cho em. Nhưng đừng làm mấy trò ngốc nghếch này nữa. Cứ bình tĩnh và đừng phá hủy hết những gì tốt đẹp chúng mình từng có với nhau.”

Trong hành trình, thi thoảng các gián điệp của NVKD Xô Viết tiếp cận Martha, tìm cách chọn cô làm nguồn cấp tin ngầm. Có lẽ Boris không được phép can thiệp, cho dù anh cũng góp phần tuyển dụng cô, căn cứ theo các ghi chép của tình báo Xô Viết được chuyên gia hàng đầu về lịch sử của KGB (và cũng là một cựu điệp viên KGB) Alexander Vassiliev giải mật gửi cho các học giả. Các cấp trên của Boris cảm thấy anh không đủ khả năng chính thức hóa vai trò của Martha. Họ thuyên chuyển anh quay về Moscow, và sau đó sang đại sứ quán tại Bucharest[113], nơi anh không hề ưa thích.

[113] *Bucharest: thủ đô của Ro*mania.

Trong khi đó, Martha đã quay về Berlin. Cô yêu Boris, nhưng hai người vẫn xa cách nhau. Cô hẹn hò những người khác, bao gồm cả Armand Berard. Mùa thu năm 1936, Boris lại được thuyên chuyển, lần này là đến Warsaw[114]. NKVD chỉ định một mật vụ khác, Đồng chí Bukhartsev, tiếp tục cố gắng tuyển mộ Martha. Trong báo cáo về tiến trình này, các hồ sơ NKVD nêu rõ: “Toàn thể gia đình Dodd căm ghét Đảng Quốc xã, Martha có những mối liên hệ thú vị, sử dụng chúng để thu thập thông tin cho cha. Cô ta giữ quan hệ mật thiết với một số người quen.”

[114] *Warsaw: thủ đô của Ba Lan.*

Bất chấp xa cách liên tục, những giằng xé tình cảm và chuyện Martha qua lại đều đặn với Armand cùng những người tình khác, nhưng chuyện tình của cô với Boris vẫn ngày càng nồng đượm. Đến nỗi vào ngày 14 tháng 03 năm 1937, trong lần thứ hai sang Moscow, cô chính thức đệ đơn lên Stalin xin được phép kết hôn. Stalin có xem hay trả lời đề nghị này không thì không rõ, nhưng NKVD giữ thái độ nước đôi về chuyện này. Cho dù các cấp trên của Boris thừa nhận họ không phản đối cuộc hôn nhân này, nhưng đôi khi họ dường như có ý muốn loại bỏ Boris, nhằm tập trung kĩ hơn vào Martha. Có lúc, cơ quan ép họ phải xa nhau trong sáu tháng, “vì lợi ích công việc”.

Boris còn miễn cưỡng hơn cả Martha. Trong bản tóm tắt khó chịu gửi các cấp trên tại Moscow, ngày 21 tháng 03 năm 1937, Boris phàn nàn, "Tôi không hiểu tại sao mọi người lại quá soi mói đám cưới của chúng tôi như vậy. Tôi đã đề nghị mọi người nói rõ với cô ấy nói chung chuyện này là không thể, và dù sao đi nữa, trong vài năm tới cũng sẽ không xảy ra. Mọi người đã nói về chuyện này bằng giọng điệu quá lạc quan, và quy định thời gian trì hoãn chỉ là sáu tháng hay một năm." Nhưng rồi chuyện gì sẽ xảy ra? Anh hỏi. "Sáu tháng sẽ trôi qua rất nhanh, và ai biết được đấy? Cô ấy có thể đẩy tôi hoặc mọi người vào tình thế không thể trốn tránh. Nếu thực sự phải hứa hẹn thì chi bằng nói thẳng ra cho cô ấy hiểu có phải tốt hơn nhiều rồi không?"

Cũng trong bản tóm tắt này, anh gọi Martha là "Juliet số 2". Chuyên gia KGB Vasiliev và Allen Weinstein, trong tác phẩm Khu rừng ma ám của họ, tin rằng cách gọi đó ám chỉ có người phụ nữ khác trong cuộc đời anh, "Juliet số 1".

Martha và Boris đã hẹn hò tại Warsaw tháng Mười một năm 1937, sau đó Boris gửi báo cáo về Moscow. Cuộc gặp gỡ "diễn ra suôn sẻ," anh viết. "Tâm trạng cô ấy rất vui vẻ." Cô ấy vẫn giữ nguyên ý định kết hôn, và "sẽ chờ đến hết thời hạn sáu tháng, bất chấp cha mẹ cô ấy cảnh báo mọi chuyện sẽ chẳng đi đến đâu."

Nhưng một lần nữa, Boris tiết lộ mình không quan tâm đến chuyện thực sự kết hôn với cô. Anh thận trọng, "Tôi nghĩ rằng không nên giấu giếm cô ấy tình hình thực tế. Vì nếu chúng ta lừa dối cô ấy, có thể vì quá cay đắng mà cô ấy mất lòng tin vào chúng ta."

Chương 54
GIẤC MỘNG TÌNH YÊU

Chiều tháng sau khi Hitler đăng quang, cảm giác bất lực của Dodd ngày càng sâu sắc, thêm vào đó là nỗi mong mỏi được quay về trang trại của mình, trên sườn núi thoai thoải của dãy núi Appalachian, làm bạn với những cây táo đỏ sum suê và những đàn bò lười nhác. Ông viết, "Tôi cảm thấy nhục nhã, khi bắt tay những kẻ sát nhân nổi tiếng và được tung hô." Ông là một trong số không nhiều người trong Chính phủ Mỹ dám lên tiếng cảnh báo những tham vọng thật sự của Hitler và sự nguy hiểm trong quan điểm trung lập của Mỹ. Trong lá thư ngày 30 tháng 08 năm 1934, ông nói với Ngoại trưởng Hull, "Với tình hình nước Đức đoàn kết như chưa từng có, 1.500.000 nam giới đang được cung cấp vũ khí và huấn luyện rầm rộ, mỗi ngày chúng được nhồi sọ rằng cả châu Âu phải thuộc về chúng." Ông nói thêm, "Tôi nghĩ chúng ta phải từ bỏ ngay cái gọi là trung lập." Ông viết thư cho Tham mưu Trưởng Quân đội, Douglas MacArthur, "Theo nhận định của tôi, giới chức trách Đức đang chuẩn bị cho cuộc chiến lớn tranh giành lục địa. Có rất nhiều bằng chứng. Chỉ là vấn đề thời gian."

Tổng thống Roosevelt đồng tình với quan điểm của Dodd, nhưng hình như hầu hết dân Mỹ có thiên hướng muốn tránh xa các xung đột ở châu Âu hơn bao giờ hết. Chuyện này Dodd lấy làm lạ. Ông viết thư cho Tổng thống Roosevelt tháng Tư năm 1935, "Nếu Woodrow Wilsonn sống dậy dưới hầm mộ Thánh đường, tôi e ông ấy chẳng bao giờ yên nghỉ được. Có lẽ ngài phải làm gì đó, nhưng theo dõi các báo cáo về thái độ của Quốc hội, tôi cực kì nghi ngờ. Vẫn còn quá nhiều người... cho rằng trung lập tuyệt đối là nấc thang lên thiên đường."

Bản thân Dodd không chấp nhận thái độ ông gọi là "chẳng dám làm gì chỉ ngồi nhìn."

Lương tâm dằn vặt khiến Dodd không tích cực hợp tác với Đệ tam Đế chế của Hitler. Về phía mình, chế độ nhận ra ông đã biến thành một đối thủ đáng gờm, nên chúng buộc phải loại ông khỏi hoạt động ngoại giao.

Phát hoảng với thái độ của Dodd, Phillips viết trong nhật kí, "Đời thuở nhà ai có Đại sứ không thèm nói chuyện với Chính phủ?"

Nước Đức tiếp tục tiến đến chiến tranh và tăng cường ngược đãi người Do Thái, thông qua các bộ luật mới tước quyền công dân của người Do Thái, không cần biết gia đình họ đã sống tại Đức bao lâu, hoặc họ đã chiến đấu quả cảm đến thế nào vì nước Đức trong Thế Chiến I. Giờ đây trên đường đi bộ qua công viên Tiergarten, Dodd đã thấy vài chiếc ghế dài sơn màu vàng cho thấy chúng dành cho người Do Thái. Số còn lại, dĩ nhiên đẹp đẽ hơn, được dành cho người Aryan.

Dodd đã chứng kiến trong bất lực, khi quân Đức xâm chiếm Rhineland ngày 07 tháng 03 năm 1936, mà không gặp phải kháng cự nào. Ông thấy Berlin chuyển mình chào đón Thế vận hội Olympics khi Quốc xã chỉnh trang thành phố, loại bỏ những biểu ngữ bài Do Thái, chỉ nhằm mục đích tăng cường ngược đãi sau khi người hâm mộ về nước. Ông thấy hình tượng Hitler ở Đức như một vị thánh. Những người đàn bà gào khóc khi hắn đi qua gần họ, những kẻ săn đồ lưu niệm đào lên các miếng đất hắn giẫm chân lên. Tại buổi mít tinh của Đảng tháng Chín năm 1936 ở Nuremberg, mà Dodd không tham dự, khán thính giả gần như cuồng loạn vì Hitler. "Mọi người tìm thấy ta... trong hàng triệu người đó là điều kì diệu của thời đại chúng ta!" Hắn hét lên. "Và ta tìm thấy mọi người, đó là may mắn của nước Đức!"

Ngày 19 tháng 09, năm 1936, trong lá thư đóng dấu "Riêng tư và Tuyệt mật", Dodd bày tỏ với Ngoại trưởng Hull nỗi giận dữ, khi chẳng thấy ai can thiệp vào các sự kiện đang diễn ra. "Với các đội quân đang tăng lên cả về quy mô lẫn sự thiện chiến mỗi ngày, với hàng ngàn máy bay luôn sẵn sàng ném bom và rải khí độc xuống các thành phố lớn vào bất kì lúc nào, và tất cả các quốc gia khác, lớn cũng như bé, đều đang ầm ầm trang bị vũ khí hơn hẳn trước kia, không còn nơi nào an toàn hết," ông viết. "Lại lặp lại những sai lầm ngớ ngẩn của năm 1917[115], và đặc biệt là trong mười hai tháng qua - các dân tộc ủng hộ nền dân chủ chẳng buồn làm gì cả, không có hình phạt nào về kinh tế hay đạo đức để chặn đứng quá trình này!" Ý định từ chức trở nên lí tưởng đối với Dodd. Ông viết thư cho Martha, "Con không được nói chuyện này cho bất kì ai, nhưng cha không biết làm thế nào để tiếp tục hít thở bầu không

khí này quá mùa xuân sang năm. Cha không thể phụng sự đất nước mình nữa, lúc nào cũng ngồi yên chẳng làm gì là sức ép quá nặng đối với cha."

[115] *1917: một năm trước khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc.*

Trong khi đó, những đối thủ của ông trong Bộ Ngoại giao xúc tiến chiến dịch hòng loại bỏ ông. Kẻ từ lâu phản đối ông, Summer Welles, kế nhiệm chức vụ Thứ trưởng Bộ ngoại giao thay thế William Phillips, người sẽ làm đại sứ tại Italia vào tháng Tám năm 1936. Trước mắt là đối thủ mới vừa xuất hiện, William C. Bullitt, thêm một người được Tổng thống Roosevelt lựa chọn cẩn thận (dù cho, ông ta tốt nghiệp Đại học Yale), sau khi thôi làm đại sứ tại Nga, ông ta quay về làm đại sứ Mỹ tại Paris. Trong lá thư gửi Tổng thống Roosevelt ngày 07 tháng Mười hai năm 1936, Bullitt viết, "Dodd có rất nhiều đức tính đáng quý và thân thiện, tuy nhiên ông ta hoàn toàn chẳng được trang bị gì cho công việc hiện tại. Ông ta quá căm ghét Quốc xã nên không thể làm được gì cho họ, hoặc nhận được bất kì cái gì của họ. Chúng ta cần một người ít nhất có thể thân thiện với Quốc xã và nói chuẩn tiếng Đức ở Berlin."

Việc Dodd kiên quyết từ chối tham dự các buổi mít tinh của Đảng Quốc xã tiếp tục khiến các kẻ thù của ông bực bội. "Cá nhân tôi chẳng hiểu tại sao ông ta lại nhạy cảm quá như thế," Moffatt viết trong nhật kí. "Tại sao ông ta lại nghĩ là tồi tệ khi nghe người Đức công kích hình thức chính phủ của chúng ta, khi tại Phòng Quốc hội, chính ông ta đã lựa chọn công kích khán giả Đức về hình thức chính phủ chuyên quyền của họ?"

Một khuôn mẫu rò rỉ tiếp tục diễn ra, càng tăng thêm sức ép cách chức Dodd. Tháng Mười hai năm 1936, phóng viên phụ trách chuyên mục Drew Pearson, tác giả đầu tiên cùng với Robert S. Allen đứng chuyên mục trên tờ United Features Syndicate, có tên là "Vòng quay ngựa gỗ Washington", mở cuộc tấn công nặng nề nhằm vào Dodd, "công kích tôi mạnh mẽ như thể tôi đã thất bại toàn tập ở đây và giả vờ rằng Tổng thống cũng có ý kiến tương tự," Dodd viết ngày 13 tháng 12. "Đây là tin tức không hay ho gì đối với tôi."

Đòn tấn công của Pearson gây tổn thương sâu sắc cho Dodd. Ông đã dành quãng thời gian tươi đẹp nhất trong bốn năm cố gắng hoàn thành ủy thác của Tổng thống Roosevelt, để trở thành hình mẫu về các giá trị Mỹ, và ông tin rằng mình đã làm tốt như bất cứ

ai có thể làm ở vị trí này, xét đến tính chất lạ lùng, vô lí và bạo tàn của chính quyền Hitler. Ông lo sợ rằng nếu ông từ chức bây giờ, với đám mây đen lơ lửng trên đầu, ông hẳn sẽ để lại ấn tượng rằng mình bị ép phải làm thế. "Tình thế của tôi rất khó khăn, nhưng dưới sự chỉ trích này, tôi không thể từ chức vào mùa xuân sang năm, như tôi đã định," ông viết trong nhật kí. "Từ chức ở đây trong những hoàn cảnh này, tôi sẽ lâm vào tình thế phòng vệ và tích cực giả dối tại quê nhà." Ông thừa nhận việc mình từ chức "sẽ ngay lập tức bị xem là thừa nhận thất bại".

Ông quyết định hoãn lại việc từ chức, cho dù ông biết rằng đã đến lúc bước xuống. Trong khi đó, ông đề nghị về Mỹ nghỉ phép lần thứ hai, để dành thời gian nghỉ ngơi thêm tại trang trại và gặp gỡ Tổng thống Roosevelt. Ngày 24 tháng 07 năm 1937, Dodd cùng vợ lái xe đường dài đến Hamburg, nơi Dodd lên tàu City of Baltimore, bắt đầu chuyến hải hành chậm xuôi dòng Elbe ra biển vào hồi 19 giờ.

Tiễn Dodd lên tàu, trái tim vợ ông tan nát. Tối hôm sau, Chủ nhật, bà viết thư cho Dodd để ông có thể nhận được, ngay sau khi đến nơi. "Anh yêu của em, em đã nghĩ đến anh trên suốt chặng đường về Berlin, em cảm thấy rất buồn và cô đơn, đặc biệt khi nhìn anh đi xa mãi, trong em chỉ cảm thấy u sầu và đau khổ."

Bà nài nỉ ông phải thư giãn, cố gắng trị dứt điểm "những cơn đau thần kinh" dai dẳng đã làm khổ ông hai tháng qua. "Xin anh, nếu không phải vì anh thì hãy vì chúng ta, em xin anh hãy biết chăm sóc tốt cho bản thân, đừng lao lực quá làm gì," Bà nói nếu ông biết quý trọng sức khỏe, ông hẳn sẽ vẫn còn đủ thời gian đạt được những gì ông hằng mong muốn - và có lẽ ý bà muốn nói đến việc hoàn thành cuốn Miền Nam ngày xưa.

Bà lo rằng tất cả những căng thẳng và phiền muộn này, thời gian bốn năm tại Berlin, một phần là lỗi của bà. "Có lẽ em đã quá kì vọng ở anh, nhưng điều này không có nghĩa là em yêu anh ít hơn chút nào," bà viết. "Em không thể kiềm chế được - những gì em trông đợi ở anh. Vì sinh ra em đã như thế."

Bà nói nhưng giờ thì tất cả đã kết thúc. "Anh hãy quyết định điều gì tốt nhất cho mình và điều gì anh mong muốn nhất. Em sẽ vẫn toại nguyện."

Thư của bà chuyển tông u sầu. Bà mô tả chuyến đi về Berlin đêm đó. "Chúng ta đã có quãng thời gian vui vẻ, mặc dù đã vượt qua và nhìn thấy nhiều xe tải quân đội - chở theo những công cụ của cái

chết và sự hủy diệt. Cả người em vẫn còn đang run rẩy khi em nhìn thấy chúng và nhiều hình ảnh về thảm họa sắp xảy đến. Liệu có cách khả dĩ nào ngăn chặn những người lính, những quốc gia không hủy hoại lẫn nhau không hả anh? Thật khủng khiếp!"

Đây là thời điểm bốn năm rưỡi, trước khi Mỹ tham gia Thế Chiến II.

Dodd cần phải được nghỉ ngơi. Sức khỏe của ông thực sự bắt đầu đi xuống. Kể từ khi tới Berlin, ông đã trải qua các chứng đau dạ dày và nhức đầu, nhưng càng về sau chúng càng nặng hơn. Những cơn đau đầu của ông đôi khi kéo dài mấy tuần liền. Ông viết, cơn đau "lan khắp các dây thần kinh giữa dạ dày, hai vai và não bộ cho đến khi không ngủ nổi". Các triệu chứng ngày càng tồi tệ, đến mức vào một trong các kì nghỉ phép trước, ông phải đến gặp chuyên gia, Bác sĩ Thomas R. Brown, Trưởng Khoa Bệnh Tiêu hóa tại Bệnh viện Johns Hopkins ở Baltimore (vị bác sĩ này, tại hội nghị chuyên đề bác sĩ chuyên khoa dạ dày - ruột năm 1934, đã cực kì lạnh lùng khi tuyên bố rằng "chúng ta không được phép quên sự cần thiết phải nghiên cứu phân ở mọi góc độ"). Khi biết rằng Dodd đang bận viết cuốn sử thi vĩ đại về phương Nam, xem việc hoàn thành nó là mục tiêu lớn của đời ông, bác sĩ Brown đã nhẹ nhàng gợi ý ông nên thôi việc ở Berlin. Ông ta nói, "Ở tuổi sáu mươi lăm, người ta phải biết cân nhắc, quyết định cái gì là quan trọng, và đặt ra các kế hoạch hoàn thành một công việc lớn lao, nếu có thể."

Vào mùa hè năm 1937, Dodd thông báo những cơn nhức đầu liên tục tương tự và các đợt đau dạ dày, có lần từng khiến ông không ăn uống được gì suốt ba mươi tiếng.

Điều gì đó nghiêm trọng hơn sức ép công việc có thể là gốc rễ những rắc rối sức khỏe của ông, cho dù căng thẳng nhất định là một yếu tố góp phần vào đó. George Messersmith, người cuối cùng đã chuyển từ Vienna sang Washington làm Trợ lí Ngoại trưởng, đã viết trong hồi kí không được xuất bản rằng ông ta tin Dodd đã trải qua chứng suy sụp trí tuệ hữu cơ. Những lá thư của Dodd dông dài, lan man và chữ viết tay của ông xấu đến độ nhiều người trong Bộ Ngoại giao phải mang đến cho Messersmith nhờ "giải mã" giùm. Dodd tăng cường áp dụng lối viết chữ thường vì ngày càng mất niềm tin vào các nhân viên tốc kí. "Chắc chắn đã có chuyện xảy ra với Dodd," Messersmith viết. "Ông ta đang mắc phải một chứng suy thoái nào đó."

Messersmith tin rằng, nguyên nhân của tất cả chuyện này là do

Dodd không thể điều chỉnh hành vi của chế độ Hitler. Hành vi bạo lực, sự chuẩn bị cho chiến tranh đến ám ảnh, đối xử tàn tệ với người Do Thái - tất cả khiến Dodd "trầm cảm nghiêm trọng", Messersmith viết. Dodd không thể hiểu nổi làm sao những chuyện này lại đang xảy ra ở nước Đức ông từng biết, từng yêu thương, khi còn là học giả trẻ tuổi tại Leipzig.

Messersmith viết: "Tôi nghĩ ông ta quá kinh hoàng trước mọi thứ đang diễn ra tại Đức cùng những nguy hiểm nó gây ra cho thế giới, đến nỗi ông ta không còn khả năng suy nghĩ và phán xét logic nữa."

Sau một tuần ở trang trại, Dodd cảm thấy đỡ hơn nhiều. Ông tới Washington và đến thứ Tư, ngày 11 tháng 08, ông gặp gỡ Tổng thống Roosevelt. Trong cuộc trò chuyện dài cả tiếng đồng hồ, Roos- evelt nói rằng ông ta muốn Dodd ở lại Berlin thêm vài tháng. Ông ta thúc giục Dodd thuyết trình càng nhiều càng tốt khi đang ở Mỹ và "nói sự thật về mọi thứ", một hiệu lệnh khiến Dodd chắc chắn rằng Tổng thống vẫn tin tưởng ở ông.

Nhưng trong khi Dodd đang ở Mỹ, câu lạc bộ Pretty Good đã thiết kế màn lăng mạ khác thường. Một trong số các nhân viên mới tuyển của Đại sứ quán, Prentiss Gilbert, đại diện cho Quyền Đại sứ - đại diện lâm thời - được Bộ Ngoại giao khuyên nên tham dự cuộc mít tinh của Đảng Quốc xã sắp diễn ra tại Nuremberg. Gilbert làm theo. Anh ta đáp chuyến tàu đặc biệt dành cho các nhà ngoại giao đến Nuremberg, và được đón chào bằng mười bảy máy bay quân sự đang xếp thành hình dấu thập ngoặc.

Dodd cảm nhận được bàn tay của Thứ trưởng Summer Welles. "Từ lâu, tôi đã tin rằng Welles chống lại tôi và mọi khuyến cáo của tôi," Dodd viết trong nhật kí. Một trong số vài đồng minh của Dodd trong Bộ Ngoại giao, R. Walton Moore, Trợ lí Ngoại trưởng, đã chia sẻ sự khó chịu của Dodd đối với Welles và khẳng định những nỗi sợ hãi của ông. "Tôi không hề nghi ngờ rằng ngài đã đúng, khi cho rằng có thế lực đang thao túng phần lớn hành động của Bộ Ngoại giao, kể từ tháng Năm năm ngoái."

Dodd giận dữ. Ông tin rằng không tham dự các cuộc họp này là một trong vài cách có thể cho thấy những cảm xúc thật của ông, cũng như của nước Mỹ đối với chế độ Hitler. Ông gửi lời phản đối sắc sảo - và ông nghĩ - là tuyệt mật đến Ngoại trưởng Hull. Và Dodd vô cùng kinh ngạc, khi ngay cả lá thư này cũng bị lộ cho báo chí. Sáng ngày 04 tháng 09 năm 1937, ông thấy một bài viết về chủ đề này trên tờ New York Herald Tribune, có trích cả một đoạn

dài từ lá thư, cùng một bức điện tín sau đó.

Lá thư của Dodd làm chính quyền Hitler điên tiết. Tân Đại sứ Đức tại Mỹ, Hans-Heinrich Dieckhoff, nói với Ngoại trưởng Hull rằng, trong khi ông ta không đưa ra đề nghị chính thức cách chức Dodd, nhưng ông ta "mong muốn nêu rõ Chính phủ Đức không cảm thấy ông ấy là nhà ngoại giao được nước sở tại chấp thuận."

Ngày 19 tháng 10 năm 1937, Dodd gặp Tổng thống Roosevelt lần thứ hai, lần này là tại nhà riêng của Tổng thống ở Hyde Park - "một chốn tuyệt vời," Dodd viết. Ông đi cùng con trai. "Tổng thống bày tỏ nỗi lo âu của ông ấy về vấn đề quốc tế," Dodd viết trong nhật kí.

Họ thảo luận về xung đột Trung Quốc - Nhật Bản, thời điểm ấy đang bùng nổ mạnh mẽ, và những triển vọng từ hội nghị hòa bình quan trọng sắp diễn ra tại Brussels, nhằm mục đích chấm dứt nó. "Có một vấn đề khiến ông ấy lo ngại," Dodd viết. "Rằng liệu Mỹ, Anh, Pháp và Nga có thực sự hợp tác không?"

Hai người lại nói chuyện về Berlin. Dodd đề nghị Tổng thống Roosevelt tiếp tục để ông làm đại sứ ít nhất đến ngày 01 tháng Ba năm 1938, "một phần vì tôi không muốn những kẻ cực đoan ở Đức cho rằng những khiếu nại của chúng... lại quá hiệu quả đến thế." Ông có ấn tượng rằng Tổng thống Roosevelt đồng ý.

Dodd thúc giục Tổng thống lựa chọn giáo sư lịch sử cùng hội, James T. Shotwell của trường Đại học Columbia, làm người thay thế mình. Tổng thống Roosevelt có vẻ sẵn sàng cân nhắc ý kiến này. Khi cuộc nói chuyện gần kết thúc, Tổng thống Roosevelt mời Dodd cùng ăn trưa. Mẹ Tổng thống cùng các thành viên khác trong đại gia đình Delano cùng ngồi ăn. Dodd gọi đây là "một dịp rất thú vị".

Khi ông chuẩn bị ra về, Tổng thống Roosevelt nói, "Gửi thư riêng cho tôi về các sự kiện ở châu Âu. Tôi đọc chữ viết tay của ngài rất tốt."

Trong nhật kí, Dodd viết thêm, "Tôi đã hứa sẽ gửi thư tuyệt mật cho ông ấy, nhưng sao làm được mà không bị gián điệp xem?"

Dodd quay về Berlin. Ông viết vào nhật kí ngày thứ Sáu, 29 tháng 10, ngày ông đến Berlin, tuy ngắn nhưng gây ấn tượng mạnh, "Lại ở Berlin. Tôi còn biết làm gì?"

Ông không nhận thức được Tổng thống Roosevelt đã nhượng bộ

trước sức ép từ cả Bộ Ngoại giao lẫn văn phòng ngoại giao Đức, chấp thuận buộc Dodd phải rời khỏi Berlin trước cuối năm. Sáng ngày 23 tháng 11 năm 1937, Dodd giật mình khi nhận được bức điện tín gọn lỏn từ Hull, đóng dấu "Tuyệt Mật" nêu rõ: "Tổng thống rất tiếc vì những sự bất tiện có thể gây ra cho ngài, ông ấy mong muốn tôi đề nghị ngài nên thu xếp rời Berlin nếu có thể, vào ngày 15 tháng 12. Trong bất kì trường hợp nào, đừng chần chừ quá Giáng sinh, vì dễ nảy sinh những tình thế phức tạp ngài hẳn cũng biết và sẽ còn nghiêm trọng hơn nữa."

Dodd phản đối, nhưng Hull và Tổng thống Roosevelt vẫn kiên định. Dodd đành đặt chỗ cho bản thân và vợ trên tàu SS Washington, khởi hành ngày 29 tháng 12 năm 1937.

Martha ra khơi từ hai tuần trước, nhưng trước đấy cô và Boris đã gặp nhau tại Berlin chào từ biệt. Cô viết, để có mặt vào ngày hôm ấy, anh đã tự ý bỏ vị trí tại Warsaw mà không xin phép. Một quãng thời gian giải lao đầy lãng mạn và nước mắt, ít nhất đối với cô. Một lần nữa, cô thổ lộ mong muốn kết hôn với anh.

Đây là lần cuối cùng họ gặp nhau. Từ Nga, Boris viết thư cho cô ngày 29 tháng 04 năm 1938, "Cho đến giờ, anh đã sống với hồi ức về lần cuối chúng mình bên nhau ở Berlin. Thật tiếc vì đó là hai đêm dài duy nhất. Anh muốn kéo dài khoảng thời gian ấy đến hết cuộc đời chúng ta. Em yêu, em đã rất tốt và ân cần với anh. Anh sẽ không bao giờ quên điều ấy... Chuyến đi băng qua đại dương của em thế nào? Có dịp chúng mình sẽ cùng nhau vượt đại dương, cùng nhau ngắm những con sóng bất diệt và cảm nhận một tình yêu vĩnh hằng. Anh yêu em. Anh cảm thấy em, anh mơ về em và chúng ta. Đừng quên anh. Anh của em, Boris."

Quay về Mỹ, đúng với bản chất của mình nhưng trái ý muốn của Boris, Martha cặp kè và nhanh chóng yêu người mới, Alfred Stern, một anh chàng New York nhạy cảm với thiên hướng tả khuynh. Anh ta hơn cô mười tuổi, cao một mét bảy mươi bảy, đẹp trai và giàu có, vừa nhận được một khoản kếch xù từ cuộc li hôn trước đó, với người thừa kế chính thức đế chế Sears Roebuck. Hai người đính hôn và gần như chỉ trong chớp mắt họ kết hôn, ngày 16 tháng 06 năm 1938, cho dù các bản tin cho thấy có lễ kỉ niệm thứ hai sau đó, tại trang trại ở Round Hill, Virginia. Cô mặc váy nhung đen thêu mấy bông hồng đỏ. Nhiều năm sau, cô viết rằng Stern là mối tình thứ ba và là cuối cùng của cuộc đời mình.

Cô kể cho Boris về đám cưới trong lá thư ngày 09 tháng 07 năm 1938. "Anh biết đấy, anh yêu, rằng đối với em, anh có ý nghĩa hơn

bất kì ai trong cuộc đời em. Anh cũng biết rằng, nếu anh cần, em sẽ sẵn sàng có mặt khi anh gọi tên em." Cô nói thêm. "Em mong đợi ngày gặp lại anh ở nước Nga trong tương lai."

Vào lúc lá thư này đến Nga, Boris đã chết, bị hành hình, một trong vô số mật vụ NKVD trở thành nạn nhân do chứng hoang tưởng của Stalin. Sau này, Martha biết rằng Boris bị buộc tội hợp tác với Quốc xã. Cô xem lời buộc tội này là "ngớ ngẩn". Về sau, cô luôn tự hỏi phải chăng số phận của anh đã được định đoạt, vì mối quan hệ của cô với anh, đặc biệt là cuộc hẹn hò trái phép lần cuối cùng của hai người tại Berlin.

Martha không bao giờ biết được rằng lá thư cuối cùng của Bo- ris, trong đó anh viết rằng mình mơ về cô, là thư giả Boris viết theo chỉ đạo của NKVD, ngay trước khi bị hành hình, nhằm mục đích bảo đảm rằng cái chết của anh không hủy hoại tình cảm tốt đẹp của cô dành cho lí tưởng của đất nước Xô Viết.

Chương 55
CHÌM TRONG BÓNG TỐI

Một tuần trước khi lên tàu về nước, Dodd đọc bài diễn văn từ biệt tại bữa tiệc trưa của Phòng Thương mại Mỹ ở Berlin, nơi vừa mới bốn năm trước, lần đầu tiên ông chọc Quốc xã tức điên với những ám chỉ về các chế độ độc tài xa xưa. Ông nói, thế giới "phải đối mặt với thực tế đáng buồn, trong một kỉ nguyên mà hợp tác quốc tế lẽ ra phải trở thành mục tiêu quan trọng nhất, các quốc gia giờ đây chia rẽ hơn bao giờ hết." Rằng vẫn chưa ai thèm rút kinh nghiệm từ những bài học của Thế Chiến I. Ông ca ngợi người Đức "về cơ bản là dân chủ và đối xử tử tế với nhau." Ông nói thêm, "Tôi nghi ngờ bất kì Đại sứ nào ở châu Âu thật sự thực thi nghiêm túc bổn phận của họ, hay chỉ muốn kiếm tiền."

Ngay sau khi về Mỹ, giọng ông mang sắc thái khác. Ngày 13 tháng 01 năm 1938, tại một bữa tối tổ chức vinh danh ông tại khách sạn Waldorf-Astoria, New York, Dodd tuyên bố, "Nhân loại đang gặp phải nguy hiểm to lớn, nhưng các chính quyền dân chủ chẳng biết phải làm gì. Nếu họ chẳng chịu làm gì, nền văn minh phương Tây, các tôn giáo, sự tự do kinh tế và tự do cá nhân, tất cả sẽ phải đối mặt với nguy hiểm." Ngay lập tức, Đức lên tiếng phản đối các nhận xét của Dodd, đáp lại Ngoại trưởng Hull cho rằng Dodd giờ đây là một công dân bình thường, có thể nói bất kì điều gì mình muốn. Tuy nhiên, ban đầu các quan chức trong Bộ Ngoại giao đã tranh luận có nên gửi lời xin lỗi bằng một tuyên bố, với những dòng như "Chúng tôi rất tiếc vì bất kì điều gì gây phản ứng không tốt ở nước ngoài." Không ai khác ngoài Jay Pierrepont Moffat là người bác bỏ ý tưởng này, ông ta viết trong nhật kí, "Ngang với việc không thích và không ủng hộ ngài Dodd, cá nhân tôi mạnh mẽ cho rằng chẳng cần phải xin lỗi hộ ngài ấy làm gì."

Với bài diễn văn này, Dodd bắt đầu một chiến dịch đề cao cảnh giác về Hitler và các kế hoạch của hắn, phản đối xu hướng ủng hộ

chính sách cô lập đang ngày càng tăng tại Mỹ, sau này ông được đặt tên là Cassandra[116] của các nhà ngoại giao Mỹ. Ông thành lập Hội đồng Mỹ Phản đối Thông tin Tuyên truyền của Quốc xã, làm thành viên Hội Những Người bạn Mỹ của Nền Dân chủ Tây Ban Nha. Trong bài diễn văn tại Rochester, New York, ngày 21 tháng 02 năm 1938, trước một giáo đoàn Do Thái, Dodd cảnh cáo một khi Áo bị Hitler khống chế - một sự kiện có vẻ sắp xảy ra - Đức sẽ tiếp tục tìm cách mở rộng quyền lực của mình ở bất kì đâu, rằng Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc đang lâm nguy. Hơn nữa, ông dự đoán Hilter sẽ tự do theo đuổi các tham vọng của hắn, mà không gặp phải sự kháng cự có vũ trang từ các nền dân chủ châu Âu khác, vì họ sẽ chọn cách nhượng bộ để né chiến tranh. "Nước Anh," ông nói, "đang cực kì phẫn nộ nhưng cũng vô cùng khao khát hòa bình."Gia đình Dodd phân tán, Bill làm công tác giảng dạy, còn Martha sang Chicago và sau đó là New York. Dodd cùng Mattie lui về trang trại ở Round Hill, Virginia, nhưng thi thoảng hai ông bà vẫn đến Washington. Ngày 26 tháng 02 năm 1938, ngay sau khi tiễn Dodd tại sân ga Washington để bắt đầu chuyến đi giảng dạy liên miên, Mattie viết thư cho Martha tại Chicago, "Mẹ rất mong tất cả chúng ta sẽ ở gần nhau hơn để có thể thảo luận mọi chuyện, và dành nhiều thời gian hơn cho nhau. Cuộc sống của chúng ta đang trôi tuột đi quá nhanh. Cha con thường xuyên nói đến chuyện con ở cùng cha mẹ, và thật vui biết bao nếu ba cha con cùng ở gần nhau. Mẹ thực sự mong ước cha con trẻ hơn và mạnh mẽ hơn. Ông ấy rất ốm yếu, tinh thần ông ấy cũng kém rồi."

[116] Cassandra là con gái của vua Priam và nữ hoàng Hecuba của thành Troy trong thần thoại Hy Lạp. Thần Apollo si mê nàng và trao cho nàng một món quà là quyền năng thấy được tương lai. Trong một dị bản khác, nàng được những con rắn trong đền thờ thần Apollo liếm (hoặc thì thầm) vào tai nên có thể nghe thấy tương lai. Khi Cassandra từ chối tình cảm của Apollo, nàng ta bị nguyền rủa rằng "nàng và con cháu của nàng sẽ thấy được tương lai nhưng không một ai tin vào điều đó.'' Từ đó "Lời tiên tri Cassandra" là lời cảnh báo về một sự cố hoặc một điều không may, dù chính xác nhưng không ai tin.

Bà rất quan tâm đến các sự kiện tại châu Âu. Trong lá thư khác gửi Martha ngay sau đó, bà viết, "Dường như bây giờ thế giới này loạn rồi. Mẹ không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Cái thằng điên ấy lại được phép tự tung tự tác lâu như vậy mà không bị kiềm chế, đúng là quá tệ hại. Chúng ta không sớm thì muộn có thể tham chiến, lạy Chúa đừng để điều đó xảy ra."

Bà Dodd không chia sẻ tình yêu sâu sắc với trang trại Round Hill của chồng. Nơi ấy thật tuyệt vào những ngày hè và trong các kì nghỉ, nhưng không phải là nơi cư trú lâu dài. Bà hi vọng họ có thể tìm được một căn hộ ổn định tại Washington, mỗi năm bà có thể sống ở đó vài tháng, dù ông ở bên cạnh hay không. Trong khi chờ đợi, bà xắn tay áo chỉnh trang trang trại cho dễ sống hơn. Bà mua các tấm rèm bằng lụa vàng, một chiếc tủ lạnh General Electric và một cái bếp mới. Vì mùa xuân đã đến gần, bà ngày càng cảm thấy không vui vì cả hai mục tiêu, tìm kiếm một chỗ ở tạm tại Washington và sửa sang ngôi nhà ở trang trại đều dở dang. Bà viết thư cho Martha, "Cho đến giờ, mẹ chưa làm xong bất cứ cái gì mẹ muốn trong nhà, nhưng khoảng 8 đến 10 người [đang] làm việc trên các hàng rào đá, trang trí các cánh đồng của cha con, dọn đá, chuyên chở vân vân… Mẹ cảm thấy mình muốn 'bỏ cuộc' và tung hê tất cả."

Ngày 23 tháng 05 năm 1938, trong lá thư khác gửi con gái, bà viết, "Mẹ ước gì chúng ta có nhà riêng - ở Washington thay vì ở Chicago. Hẳn sẽ thú vị lắm."

Năm ngày sau, bà Dodd qua đời. Sáng ngày 28 tháng 05 năm 1938, bà không thể cùng Dodd ăn bữa sáng, như thói quen của bà. Hai vợ chồng ngủ ở hai phòng riêng. Ông đến hỏi thăm bà. "Đó là cú sốc lớn nhất tôi từng trải qua," ông viết. Bà mất vì suy tim trên giường ngủ, không một dấu hiệu cảnh báo trước. "Bà ấy chỉ mới sáu mươi hai, còn tôi sáu mươi tám," Dodd viết trong nhật kí. "Nhưng bà ấy nằm đó, im lìm như đá, chẳng còn làm được gì để giúp bà ấy, tôi kinh sợ và đau buồn đến mức không biết mình nên làm gì nữa."

Martha cho rằng "cuộc sống căng thẳng và kinh hoàng" tại Berlin là nguyên nhân gây ra cái chết của mẹ. Ngày tang lễ, Martha găm những bông hồng lên bộ váy mẹ cô mặc khi chôn cất, trên tóc cô cũng cài những bông hồng. Bây giờ, mới là lần thứ hai, Martha trông thấy mắt cha cô đẫm lệ.

Trang trại ở Round Hill bất chợt không còn là chốn nghỉ ngơi yên bình nữa mà chỉ toàn đau khổ. Nỗi buồn và sự cô độc của Dodd ảnh hưởng nặng nề lên sức khỏe vốn đã yếu ớt của ông, nhưng ông vẫn gắng gượng, tiếp tục đi giảng dạy khắp đất nước, ở Texas, Kansas, Wisconsin, Illinois, Maryland và Ohio. Ông ra rả nhắc đi nhắc lại những chủ đề giống nhau - rằng Hitler và chủ nghĩa Phát xít đặt cả thế giới trước mối nguy lớn, rằng một cuộc chiến tranh châu Âu là không thể tránh khỏi, và rằng một khi chiến tranh nổ ra thì Mỹ sẽ thấy mình không thể cứ mãi đứng ngoài. Một bài

giảng thu hút sự chú ý của bảy ngàn khán thính giả. Trong bài diễn văn ngày 10 tháng 06 năm 1938, tại câu lạc bộ Harvard, Boston - một nơi của những đặc quyền - Dodd nói về sự căm thù người Do Thái của Hitler và cảnh báo ý định thực sự của hắn muốn "giết hết người Do Thái".

Năm tháng sau, ngày 09 và 10 tháng 11, Đêm Thủy Tinh đã đến, cuộc tàn sát người Do Thái của Quốc xã làm rung chuyển nước Đức, cuối cùng đã buộc Tổng thống Roosevelt phải lên án công khai. Trước các phóng viên, ông phát biểu, "không thể tin nổi một chuyện như thế có thể xảy ra, trong nền văn minh của thế kỷ Hai mươi."

Ngày 30 tháng 11, Sigrid Schultz viết thư cho Dodd từ Berlin. "Tôi có linh cảm rằng ngài đã có rất nhiều cơ hội để nói hoặc nghĩ cái câu 'Tôi đã bảo mà?'. Mọi chuyện diễn ra đúng như vậy chẳng phải là sự an ủi lớn lao gì khi thế giới dường như bị chia rẽ, giữa một bên là những kẻ cố ý phá hoại tàn bạo, và một bên là những người tử tế không thể đương đầu với chúng. Chúng ta đã chứng kiến nhiều vụ tàn phá và cướp bóc diễn ra, vậy nhưng đôi khi ngài phải tự hỏi liệu những gì ngài thấy có thực sự đúng - bầu không khí ghê rợn vẫn quanh quất đâu đây, thậm chí còn khủng khiếp hơn cuộc đàn áp ngày 30 tháng 06."

Một sự kiện lạ lùng làm Dodd sao nhãng. Ngày 05 tháng 12 năm 1938, khi đang lái xe đến buổi nói chuyện tại McKinney, Virginia, xe của ông đâm phải một bé gái da đen bốn tuổi tên là Gloria Grimes. Cú đâm gây cho cô bé chấn thương nặng, bao gồm cả sang chấn ngoài. Dodd không dừng xe lại. "Đó không phải là lỗi của tôi," sau này ông giải thích với một phóng viên. "Con nhóc ấy chạy vào đường đi của xe tôi, cách nó chín mét. Tôi đã đạp phanh, tránh rồi lái tiếp vì tôi nghĩ con bé đã né được." Mọi chuyện càng tồi tệ vì ông tỏ ra hơi vô tâm, trong lá thư gửi cho mẹ cô bé, ông viết thêm, "Ngoài ra, tôi không muốn báo chí khắp đất nước đăng tải về tai nạn này. Bà biết báo chí thích phóng đại những chuyện kiểu này ra sao rồi đấy."

Ông bị truy tố, nhưng vào ngày bắt đầu phiên xử, 02 tháng 03 năm 1939, ông nhận tội. Bạn của ông, Thẩm phán Moore và Martha, ngồi bên cạnh ông. Tòa tuyên phạt ông 250 USD nhưng không giam giữ, vì lí do sức khỏe yếu và thực tế ông đã chịu 1.100 USD chi phí y tế cho cô bé. Hiện nay theo báo cáo, cô bé đã gần bình phục. Ông bị tước bằng lái và mất quyền bầu cử, một mất mát đặc biệt đau đớn đối với một người từng có niềm tin nhiệt thành vào nền dân chủ.

Bị hủy hoại bởi tai nạn này, vỡ mộng nhờ trải nghiệm làm đại sứ và bị mài mòn dần vì sức khỏe kiệt quệ, Dodd rút về trang trại. Sức khỏe của ông ngày càng tệ hại. Ông được chẩn đoán mắc hội chứng thần kinh tên là liệt hành não, một chứng tê liệt tiến triển chậm các cơ cổ họng. Tháng Bảy năm 1939, ông được chuyển vào bệnh viện Mount Sinai tại New York làm tiểu phẫu bụng, nhưng trước khi tiến hành phẫu thuật, ông bị viêm cuống phổi, một biến chứng thường gặp của chứng liệt hành não. Ông ốm nặng. Khi đang hấp hối, những kẻ Quốc xã chế nhạo ông từ xa.

Một bài viết đăng trên trang nhất tờ báo của Goebbels, Der Angriff, cho rằng Dodd đang nằm trong "phòng mạch Do Thái". Tiêu đề bài viết là dòng chữ: "Kết cục của Dodd, kẻ kích động chống Đức."

Tác giả tung ra đòn tấn công hiểm ác tầm thường đặc trưng của tờ Der Angriff. "Lão già 70 tuổi là một trong những nhà ngoại giao lạ lùng nhất từng tồn tại, giờ đây lão quay về sống giữa những kẻ mình từng phục vụ suốt 20 năm - nhà hoạt động chính trị kích động người Do Thái gây chiến." Bài viết gọi Dodd là "kẻ thấp hèn, khô khan, lúc nào cũng sợ và thích ra vẻ mô phạm... sự kiện ngoại giao hay xã hội nào mà có mặt lão, người ta đều phát ngấy."

Bài viết lưu ý về chiến dịch của Dodd nhằm cảnh báo các tham vọng của Hitler. "Sau khi về Mỹ, Dodd thể hiện mình như một kẻ vô trách nhiệm và không biết xấu hổ bậc nhất đối với Đế chế Đức. Các vị quan chức của Đế chế ấy với lòng vị tha vô bờ bến, suốt bốn năm đã nhắm mắt bỏ qua các vụ bê bối, những lời nói và hành động hớ hênh về chính trị của chính lão và gia đình lão."

Dodd xuất viện, lui về trang trại, nơi ông tiếp tục nuôi hi vọng mình sẽ có thời gian viết nốt các tập còn lại của Miền Nam ngày xưa. Thống đốc bang Virginia đã khôi phục quyền bầu cử cho ông, giải thích rằng vào thời điểm gây tai nạn, Dodd "đang ốm và không hoàn toàn phải chịu trách nhiệm."

Tháng Chín năm 1939, các đội quân của Hitler xâm lược Ba Lan và khơi mào chiến tranh tại châu Âu. Ngày 18 tháng 09, Dodd viết thư cho Roosevelt nói rằng chúng ta đã có thể tránh được cuộc chiến này nếu "các nền dân chủ tại châu Âu" cùng hành động chặn đứng Hitler, như ông đã luôn luôn thúc giục. "Nếu tất cả cùng hợp tác," Dodd viết, "hẳn họ đã thành công rồi. Giờ thì đã quá muộn."

Vào mùa thu, Dodd nằm bẹp trên giường, chỉ giao tiếp được bằng

một tập giấy và bút chì. Tình cảnh này kéo dài thêm vài tháng nữa, cho đến đầu tháng Hai năm 1940, khi ông trải qua một đợt viêm phổi nữa. Ngày 09 tháng 02 năm 1940, ông qua đời trên giường vào hồi 15 giờ 10 phút, với Martha và Bill Jr bên cạnh. Công trình của cả đời ông - cuốn Miền Nam ngày xưa - vẫn chưa xong. Hai ngày sau đó, ông được an táng tại trang trại, Carl Sandburg làm người hộ tang danh dự.

Năm năm sau, trong cuộc tấn công cuối cùng vào Berlin, một chuồng ngựa ở góc phía tây công viên Tiergarten trúng đạn pháo Nga. Phố Kurfürstendamm gần đó, từng có thời là một trong những con phố giải trí và mua sắm hàng đầu Berlin, giờ đây chỉ còn cảnh tượng kinh hoàng - bầy ngựa, những sinh vật hạnh phúc nhất của Đức Quốc xã, bị đạn pháo xé nát, máu thịt văng đầy trên phố, bờm và đuôi cháy rừng rực.

Các đồng hương của Dodd phán xét sự nghiệp đại sứ của ông ra sao, dường như phụ thuộc phần lớn vào việc họ đứng về phe nào.

Với những người ủng hộ chủ nghĩa biệt lập, ông là kẻ khiêu khích vô bổ. Với các đối thủ trong Bộ Ngoại giao, ông là một chính khách phi đảng phái lúc nào cũng chỉ biết than phiền, không đáp ứng các tiêu chuẩn của câu lạc bộ Pretty Good. Trong lá thư gửi Bill Jr, Tổng thống Roosevelt tỏ ra lấp lửng đến phát bực. "Hiểu được niềm đam mê của ông ấy đối với sự thật lịch sử, và khả năng hiếm có giúp chúng ta thấy được những ý nghĩa của lịch sử, sự ra đi của ông ấy đúng là tổn thất thực sự của quốc gia."

Với những ai quen biết Dodd tại Berlin và đã chứng kiến ngay từ đầu sự đàn áp, khủng bố của chính quyền Hitler, ông luôn là một anh hùng. Sigrid Schultz gọi Dodd là "ngài đại sứ tốt nhất chúng ta có tại Đức", người luôn sẵn sàng đứng lên bảo vệ những lí tưởng Mỹ, thậm chí ngay cả khi Chính phủ nước mình phản đối. Cô viết, "Washington đã không dành cho ông ấy sự ủng hộ mà một đại sứ tại Đức Quốc xã đáng được hưởng, một phần vì có quá nhiều người trong Bộ Ngoại giao yêu say đắm người Đức, và vì quá nhiều doanh nhân có sức ảnh hưởng của đất nước chúng ta tin rằng mình 'có thể làm ăn với Hitler '." Rabbi Wise viết trong hồi kí, Những tháng năm thách thức, "Hiểu rõ những ngụ ý chính trị cũng như đạo đức của chủ nghĩa Hitler, Dodd đã đi trước Bộ Ngoại giao bao nhiêu năm. Và hình phạt cho sự hiểu biết ấy là bị cách chức, chỉ vì ông là con người đúng đắn và quả cảm duy nhất trong các đại sứ, người không tham dự lễ kỉ niệm Nuremberg hàng năm, một dịp để ca ngợi Hitler."

Vào lúc cuối đời, Messersmith cũng phải khen ngợi Dodd có tầm nhìn xa. "Tôi thường nghĩ không nhiều người nhận thức được chuyện gì đang diễn ra tại Đức thấu đáo hơn ông ấy, và chắc chắn có rất ít người hiểu rõ hơn ông ấy những ảnh hưởng của việc đó đối với phần còn lại của châu Âu, với chúng ta và với cả thế giới."

Lời ca ngợi cao quý nhất là của Thomas Wolfe, người từng có chuyện tình ngắn ngủi với Martha, trong thời gian thăm Đức mùa xuân năm 1935. Anh ta viết thư cho biên tập viên của mình, Maxwell Perkins, rằng Đại sứ Dodd đã giúp gợi lên trong anh ta "lòng tự hào và niềm tin mới mẻ vào nước Mỹ, niềm tin rằng bằng cách nào đó, tương lai tuyệt đẹp vẫn đang chờ đón chúng ta". Rằng ngôi nhà của Dodd trên phố Tiergartenstrasse 27a, "đã trở thành nơi ẩn náu an toàn và tự do cho những người có quan điểm khác nhau. Ở nơi ấy, những ai sống và bước đi trong nỗi kinh hoàng có thể thở mạnh không chút sợ hãi và nói thẳng những gì mình nghĩ. Tôi biết đó là sự thật, và hơn thế nữa, trái tim chúng ta reo vui khi biết rằng, bằng cái vẻ lãnh đạm, khô khan, chất phác ấy, ngài Đại sứ đã quan sát được tất cả sự phô trương, hào nhoáng, màu mè và tiếng bước chân hành quân nặng nề."

Người kế nhiệm Dodd là Hugh Wilson, một nhà ngoại giao theo phong cách cũ mà Dodd từ lâu đã xỉ vả, mắng nhiếc. Thực ra, chính Wilson là người đầu tiên mô tả ngoại giao là "một câu lạc bộ rất vui". Câu châm ngôn của Wilson ban đầu do Talleyrand[117] đưa ra, không hẳn mang tính kích động: "Hơn hết, không quá hăng hái." Là đại sứ, Wilson cố gắng nhấn mạnh các viễn cảnh tích cực của Đức Quốc xã và tiếp tục chiến dịch nhân nhượng một phía. Ông ta hứa hẹn với Tân Ngoại trưởng Đức, Joachim von Ribbentrop, rằng nếu chiến tranh xảy ra tại châu Âu, ông ta sẽ làm tất cả những gì có thể giúp Mỹ tránh xa cuộc chiến. Wilson buộc tội giới báo chí Mỹ "bị lũ Do Thái kiểm soát", đang hát "bài ca căm ghét những nỗ lực được tiến hành ở đây nhằm xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn". Ông ta tán dương Hitler như "người dẫn dắt nhân dân thoát khỏi hố sâu tuyệt vọng về đạo đức và kinh tế, đến với sự thịnh vượng rõ nét và đầy tự hào mà họ đang được hưởng." Ông ta đặc biệt ngưỡng mộ chương trình "Sức khỏe từ niềm vui" của Quốc xã, theo đó tất cả công nhân Đức được tận hưởng những kì nghỉ và nhiều hình thức giải trí khác miễn phí. Wilson nhìn nhận đây như một phương thức mạnh mẽ giúp Đức chống lại những cuộc xâm nhập của Cộng sản và đàn áp các đòi hỏi tăng lương của công nhân - họ tất nhiên sẽ hoang phí khoản tiền đó "vào những trò vô bổ". Ông ta xem đây là cách tiếp cận "sẽ mang lại lợi ích cho toàn thế giới".

[117] *Charles Maurice de Talleyrand - Périgord (1754 - 1838): Thủ tướng đầu tiên của Pháp, sau này là Đại sứ Pháp tại Anh quốc.*

William Bullitt, trong lá thư gửi từ Paris ngày 07 tháng 12 năm 1937, ca ngợi Tổng thống Roosevelt vì đã lựa chọn Wilson, nêu rõ, "Tôi nghĩ rằng những cơ hội hòa bình tại châu Âu sẽ tăng lên nếu Hugh được bổ nhiệm đến Berlin và xin chân thành cảm ơn ngài."

Tất nhiên, đến cuối cùng, phương pháp tiếp cận của cả Dodd lẫn Wilson đều chẳng còn quan trọng nữa. Vì Hitler đã thâu tóm hết quyền lực của hắn và làm khiếp đảm dân chúng, chỉ có hành động phản đối của Mỹ mới có thể tạo nên chút tác động, có thể là "can thiệp bằng vũ lực" theo gợi ý của George Messersmith, tháng Chín năm 1933. Tuy nhiên, một hành động như vậy hẳn sẽ không thể tưởng tượng nổi về mặt chính trị, khi Mỹ đang không ngừng ôm mộng rằng, có thể họ không bị cuốn vào những xung đột ở châu Âu. Người bạn của Dodd, Claude Bowers, đại sứ tại Tây Ban Nha và sau này là Chi Lê, viết, "Nhưng rồi lịch sử sẽ ghi nhận rằng, trong khoảng thời gian tên bạo chúa đang tập hợp lực lượng, nhằm xóa sổ nền tự do và dân chủ khắp năm châu, khi chính sách 'nhượng bộ' sai lầm đã trang bị các kho vũ khí cho chính quyền chuyên chế, khi mà nhiều giới xã hội, chính trị cao cấp, vẫn xem chủ nghĩa Phát xít chỉ là sự phản đối dân chủ nhất thời, thì ông ấy vẫn mạnh mẽ ủng hộ phong cách sống dân chủ của chúng ta, chiến đấu cho cái thiện và giữ vững niềm tin. Kể cả sau khi chết, ngọn cờ của ông ấy vẫn mãi tung bay."

Vì tờ Der Angriff của Goebbels tấn công Dodd, ngay cả khi ông đang nằm bẹp trên giường bệnh, thực sự người ta phải tự hỏi: liệu ông có thực sự vô dụng như các kẻ thù của ông đã tin? Đến cuối cùng, Dodd đã chứng tỏ mình đúng như Tổng thống Roosevelt mong muốn, một ngọn đèn hiệu cô độc tỏa ánh sáng tự do và hi vọng của nước Mỹ, ở xứ sở bị bóng tối bao trùm.

Phần kết
KẺ LẬP DỊ LƯU ĐÀY

Công viên Tiergarten sau khi bị Nga tấn công, đằng sau là Tòa nhà Quốc hội Đức

Martha và Alfred Stern sống trong một căn hộ trên đường Central Park West, Thành phố New York và sở hữu một dinh thự tại Ridgefield, Connecticut. Năm 1939, cô xuất bản một hồi kí mang tựa đề Góc nhìn Đại sứ quán. Cuốn sách nhanh chóng bị cấm xuất bản tại Đức, không có gì ngạc nhiên, nếu xét đến những đánh giá của Martha về các lãnh tụ hàng đầu chế độ - chẳng hạn, "Nếu có

bất cứ logic hoặc tính khách quan nào trong các luật tiệt trùng của Quốc xã, Tiến sĩ Goebbels hẳn đã được tiệt trùng từ lâu rồi." Năm 1941, cô cùng Bill Jr. xuất bản nhật kí của cha họ. Hai chị em cũng hi vọng cho ra mắt bộ sưu tập các lá thư của Dodd dài bằng một cuốn sách, đề nghị Messersmith cho phép họ sử dụng vài lá thư ông đã gửi cho Dodd từ Vienna. Messersmith từ chối. Khi Martha nói rằng đằng nào cô cũng xuất bản, vốn chưa bao giờ yêu quý cô, ông ta cứng rắn. "Tôi bảo cô ta rằng nếu dám xuất bản các lá thư của tôi, cho dù là thông qua nhà xuất bản, hay bất kì phương thức nào khác, tôi sẽ tung hết những gì tôi biết về cô ta lên mặt báo, cả những chương đặc biệt trong cuộc đời cô ta. Đảm bảo bài báo của tôi sẽ còn thú vị hơn bất cứ cái gì được nói đến trong cuốn sách của cô ta." Ông nói thêm, "Và thế là xong."

Đây là những tháng năm rất hấp dẫn. Cuộc chiến Dodd báo trước đã bùng nổ và Đồng minh giành chiến thắng. Năm 1945, rốt cuộc Martha cũng đạt được điều cô hằng mơ đã lâu: xuất bản một cuốn tiểu thuyết. Có tựa đề Gieo Gió, cuốn sách rõ ràng được dựa trên cuộc đời một trong số những người tình trước kia của cô, Ernsst Udet. Tác phẩm mô tả làm sao chủ nghĩa Quốc xã quyến rũ, sau đó hạ nhục một phi công Thế Chiến I ưu tú, tận tâm. Cũng năm đó, cô cùng chồng nhận nuôi một bé sơ sinh, đặt tên là Robert.

Cuối cùng, Martha cũng sở hữu được một chốn gặp gỡ dành cho văn nghệ sĩ của riêng cô, thi thoảng thu hút được các nhân vật như Paul Robeson[118], Lillian Hellman[119], Margaret Bourke-White[120] và Isamu Noguchi[121]. Chủ đề thảo luận tươi sáng, hấp dẫn gợi Martha nhớ đến những buổi chiều thú vị ở nhà người bạn, Mildred Fish Harnack - cho dù giờ đây hồi kí về Mildred đã bị viền đen. Tin tức Martha nhận được về bạn cũ bất ngờ biến cuộc gặp gỡ cuối cùng của họ tại Berlin quyện trong điềm gở. Cô nhớ lại họ đã lựa chọn cái bàn khuất trong một nhà hàng kín đáo như thế nào, và Mildred đã mô tả "tính hiệu quả ngày càng cao" của mạng lưới ngầm vợ chồng cô ta thiết lập ra sao. Mildred không còn là một phụ nữ thích thổ lộ tâm tình tự nhiên như xưa, nhưng đến cuối bữa trưa, cô ta vẫn tặng Martha một nụ hôn.

[118] Paul Leroy Robeson (1898 - 1976): ca sĩ, diễn viên, nhà hoạt động vì nhân quyền người Mỹ.

[119] Lillian Florence Hellman (1905 - 1984): nhà viết kịch nổi tiếng người Mỹ

[120] Margaret Bourke-White (1904 - 1971): nhà nhiếp ảnh nổi tiếng người Mỹ

Tuy nhiên, giờ đây Martha biết rằng vài năm sau cuộc gặp ấy, Mildred bị Gestapo bắt, cùng Arvid và vài người khác trong mạng lưới của họ. Arvid bị xét xử và tuyên án tử hình, anh ta bị treo cổ tại Nhà tù Plötzensee ở Berlin, ngày 22 tháng 12 năm 1942. Tên đao phủ dùng một sợi dây thừng ngắn để bảo đảm cuộc hành hình diễn ra thật lâu. Mildred bị ép phải chứng kiến. Tại phiên tòa của chính mình, cô nhận bản án sáu năm tù. Đích thân Hitler ra lệnh xét xử lại. Lần này là án tử hình. Ngày 16 tháng 02 năm 1943, vào hồi 18 giờ, cô bị chặt đầu. Những lời cuối cùng của cô là, "Và tôi đã yêu nước Đức đến thế."

Sau khi rời Berlin, có thời gian Martha tiếp tục ngấm ngầm qua lại với tình báo Xô Viết. Mật danh của cô là "Liza", cho dù cái tên này có vẻ được dùng trên sân khấu nhiều hơn là mật danh của điệp viên trong hồ sơ. Sự nghiệp tình báo của cô dường như chủ yếu chỉ dừng lại ở bàn bạc và khả năng, cho dù triển vọng tham gia rõ rệt hơn chắc chắn khiến các quan chức tình báo Xô Viết hứng thú.

Một bức điện tín bí mật từ Moscow sang New York tháng Một năm 1942 gọi Martha là "một phụ nữ có giáo dục và thông minh, có năng khiếu", nhưng lưu ý rằng "cần phải không ngừng kiểm soát hành vi của cô ta". Một mật vụ Xô Viết đúng đắn chẳng ấn tượng gì với điều đó. "Cô ta tự xem mình như một người Cộng sản và tuyên bố chấp nhận cương lĩnh của Đảng."

Nhờ những nỗ lực của Martha, chồng cô cũng tự ứng tuyển vào KGB - mật danh của anh là "Louis". Martha và Stern cùng công khai tuyên bố quan tâm đến chủ nghĩa Cộng sản và các chiến dịch của cánh tả. Năm 1953, họ thu hút sự chú ý của Ủy ban Nghị viện về Các Hoạt động Chống Mỹ, chủ tịch hồi đó là Đại diện Martin Dies, người đã gửi cho hai vợ chồng các trát hầu tòa yêu cầu chứng thực. Hai người bay sang Mexico, nhưng khi sức ép của Chính quyền Liên bang tăng lên, họ tiếp tục hành trình, cuối cùng định cư tại Prague, nơi họ sống trong một biệt thự ba tầng, mười hai phòng, với người hầu kẻ hạ. Họ mua chiếc Mercedes đen mới coong.

Ban đầu, ý tưởng trở thành kẻ đào tẩu quốc tế hấp dẫn Martha vì cô luôn xem mình như người đàn bà nguy hiểm, nhưng tháng năm qua đi, sự mệt mỏi xâm chiếm cô. Trong những năm lưu đày đầu tiên của hai vợ chồng, con trai họ bắt đầu cho thấy những dấu hiệu bất ổn tâm lí nghiêm trọng, thằng bé được chẩn đoán mắc

bệnh tâm thần phân liệt. Martha bị "ám ảnh" - theo cách nói của chồng - khi cho rằng tình hình náo động trên máy bay và những chuyến đi sau đó là nguyên nhân khiến Robert mắc bệnh.

Martha và Stern nhận thấy Prague là chốn xa lạ với thứ ngôn ngữ khó hiểu. "Thành thật mà nói, bảo rằng chúng tôi thích ở đây là nói dối," cô viết thư cho một người bạn "Tất nhiên chúng tôi muốn về nhà, nhưng nhà chưa chào đón chúng tôi... Đây là cuộc sống với những hạn chế đáng kể về tri thức và sáng tạo (ngoài ra chúng tôi không nói được ngôn ngữ bản xứ, một vật cản lớn) và cảm thấy bị cô lập, thường xuyên cảm thấy cô đơn." Cô dành thời gian sửa sang nhà cửa và làm vườn. "những cây ăn quả, cây tử đinh hương, các loại rau, các loài hoa, chim chóc, côn trùng... mãi bốn năm mới có một con rắn!"

Vào lúc này, Martha biết một người yêu cũ của cô, Rudolf Diels, đã chết, và chết theo cách hoàn toàn không tin nổi đối với một kẻ thành thạo thuật sống còn như hắn. Sau hai năm ở Cologne, hắn trở thành ủy viên địa phương vùng Hannover, để rồi bị sa thải vì cho thấy quá nhiều đắn đo về đạo đức. Hắn nhận việc làm giám đốc vận chuyển nội địa cho một công ty dân sự, nhưng sau đó bị bắt trong cuộc bố ráp quy mô lớn sau ngày 20 tháng 07 năm 1944, nhằm ám sát Hitler. Sau này, hắn làm quan chức cấp cao trong chính quyền Tây Đức. Vận may của hắn chấm dứt vào ngày 18 tháng 11 năm 1957, trong một chuyến đi săn. Khi hắn đang lấy khẩu súng trường ra khỏi xe, súng bị cướp cò.

Cô nối lại các tình bạn cũ bằng thư từ. Cô cùng Max Delbrück trao nhau những lá thư sinh động. Cô gọi anh ta là "Max, tình yêu của em", anh ta gọi cô là "Martha vô cùng yêu dấu của anh." Họ trêu chọc nhau về những rắc rối sức khỏe ngày càng tăng của mình. "Anh ổn, ổn, rất ổn." anh ta nói, "ngoại trừ một chút bệnh tim và một tí đa u tủy thôi mà." Anh ta thể liệu pháp hóa trị khiến tóc anh ta mọc lại.

Những người khác thì không được thành công như đánh giá trước kia của Martha. Hoàng tử Louis Ferdinand thì "rất tệ", còn Putzi Hanfstaengl là "thằng hề thực sự".

Nhưng một tình yêu lớn giờ đây tỏa sáng rực rỡ hơn bao giờ hết. Martha bắt đầu viết thư cho Bassett, anh chồng cũ - người đầu tiên trong số ba tình yêu lớn của cô - và chẳng bao lâu sau họ thư đi thư lại như thể quay về những năm hai mươi tuổi, phân tích chuyện tình đã qua của hai người, nhằm cố gắng tìm hiểu lí do vì sao họ mất nhau. Bassett thừa nhận anh đã hủy hết tất cả những

lá thư tình cô từng viết cho anh, vì nhận ra "ngay cả thời gian có qua đi, anh vẫn không thể chịu đựng nổi khi đọc chúng, nói gì đến chuyện muốn bất kì ai khác chia sẻ chúng sau khi anh qua đời."

Nhưng Martha vẫn giữ lại hết những lá thư của anh. "Ôi, những lá thư tình!" Cô viết.

"Có một điều em chắc chắn," cô viết cho anh trong lá thư tháng Mười một năm 1971, khi sáu mươi ba tuổi. "Giá như chúng ta ở bên nhau, hẳn chúng ta sẽ có một cuộc sống nồng nàn, phong phú và sinh động cùng nhau... Em tự hỏi liệu anh vẫn còn cảm thấy hạnh phúc với người phụ nữ, trước kia cũng như bây giờ, toàn làm trái quy tắc như em không, ngay cả cho dù chúng ta sẽ không mắc phải những biến chứng xảy đến với em sau này. Mặc dù vậy, em vẫn vui với nỗi u sầu, sống hữu ích với vẻ đẹp và cú sốc! Em đã yêu anh, yêu Alfred và một người khác, giờ vẫn vậy. Kẻ lập dị là thế đó, vẫn hoạt bát, sống động, người anh đã từng yêu và từng cưới!"

Năm 1979, một tòa án liên bang xóa hết tất cả tội danh của cô và Stern, mặc dù miễn cưỡng, lấy lí do thiếu bằng chứng và các nhân chứng đã chết. Họ mong ngóng ngày được trở về Mỹ, và đã cân nhắc chuyện đó, nhưng rồi họ nhận ra vẫn còn một vật cản khác. Suốt bao năm tháng bị lưu đày, họ vẫn chưa thanh toán hết các khoản thuế tại Mỹ. Món nợ chất chồng giờ đây cao đến mức không trả nổi.

Họ cân nhắc chuyển đến nơi khác - có thể là Anh hoặc Thụy Sĩ - nhưng lại xuất hiện chướng ngại khác, vật cản lớn nhất trong tất cả: tuổi già.

Giờ đây thời gian và bệnh tật đã ảnh hưởng nặng nề lên thế giới hồi ức của Martha. Bill Jr. qua đời tháng Mười năm 1952 vì ung thư, bỏ lại một vợ hai con trai. Cậu mất sáu năm kể từ khi rời Berlin làm hết việc này đến việc khác, cuối cùng làm thư kí trong cửa hàng sách Macy tại San Francisco. Suốt quãng thời gian đó, những sự đồng cảm với cánh tả khiến cậu lâm vào thế đối đầu với Ủy ban của Dies. Chúng tuyên bố cậu không "thích hợp" để làm việc cho bất kì cơ quan liên bang nào, vào lúc này cậu đang làm việc cho Ủy ban Thông tin Liên lạc Liên bang. Cái chết của cậu biến Martha thành người duy nhất trong gia đình còn sống. "Bill là một cậu chàng cừ nhất, một người tốt bụng và ấm áp, đã phải chịu đựng quá nhiều thất vọng và đau khổ - có thể còn nhiều hơn những gì anh ấy có thể chịu đựng," Martha viết trong lá thư gửi vợ đầu của Bill, Audrey. "Em nhớ anh ấy khủng khiếp, cảm thấy trống rỗng và cô độc khi anh ấy không còn."

Quentin Reynolds mất ngày 17 tháng 03 năm 1965, không thọ lắm, mới sáu mươi hai tuổi. Putzi Hanfstaengl, người có vóc dáng cơ thể có vẻ giúp anh ta không thể bị tổn thương, qua đời ngày 06 tháng 11 năm 1975, tại Munich, thọ tám mươi tám tuổi. Sigrid Schultz, Con Rồng Chicago, mất ngày 14 tháng 05 năm 1980, ở tuổi tám mươi bảy. Và Max Delbrück, được xem là người rậm tóc, đã từ trần vào tháng Ba năm 1981, cuối cùng vẻ hồ hởi, cởi mở của ông ta cũng chấm dứt. Ông ta thọ bảy mươi tư tuổi.

Sự tiều tụy nghiêm trọng này mang sắc u ám, làm dấy lên những câu hỏi mạnh mẽ. Tháng Ba năm 1984, khi Martha đã bảy mươi lăm tuổi, còn Stern tám mươi sáu, cô đã hỏi một người bạn, "Cậu nghĩ xem nếu được lựa chọn, chúng ta sẽ chết ở đâu? Chết ở đây hay ở nước ngoài? Bỏ mặc người sống sót ở đây cùng những hồi ức đau đớn liệu có dễ dàng hơn không? Hay vứt bỏ tất cả, một mình tìm đến một nơi mới mẻ, hoặc tốt hơn là cùng nhau đi, để rồi cảm thấy mất mát, u buồn bởi những giấc mơ dang dở và thiếu vắng bạn bè trong môi trường mới, nhưng vẫn dành ra vài năm xây dựng được ngôi nhà mới ở nước ngoài?"

Martha là người sống sót. Stern qua đời năm 1986. Cô vẫn ở lại Prague, cho dù như cô viết thư cho bạn bè, "Với mình, chẳng còn nơi nào cô độc như nơi này nữa."

Cô mất năm 1990 ở tuổi tám mươi hai, không hẳn là một nữ anh hùng nhưng chắc chắn là một phụ nữ có nguyên tắc, người không bao giờ chịu từ bỏ niềm tin giúp Xô Viết chống Quốc xã là điều đúng đắn nên làm, vào thời điểm hầu như cả thế giới không chịu làm gì cả. Cô chết nhưng vẫn khiêu vũ ngoài rìa nguy hiểm - một kẻ lập dị lưu đày, nhiều hứa hẹn, thích ve vãn, tán tỉnh và được nhớ đến - sau khi Berlin đã quen với vai trò của cô như một bà nội trợ, họ không thể một lần nữa nhìn nhận bản thân cô như một nữ anh hùng vĩ đại và tỏa sáng rực rỡ.

Bassett, chàng trai thủy chung già cỗi, tiếp tục sống lâu hơn Martha sáu năm nữa. Rời xa cây ngô đồng kì diệu ở Larchmont, anh dọn đến một căn hộ ở khu Upper East Side của Manhattan, nơi anh ra đi thanh thản ở tuổi 102.

Khúc cuối
CÂU CHUYỆN TRONG BỮA ĂN

Nhiều năm sau chiến tranh, một nơi lưu trữ tài liệu được hé lộ chứng minh rằng đây là bản thảo các cuộc đối thoại giữa Hitler với thuộc cấp, do cấp phó của hắn, Martin Bormann ghi chép lại. Một trong số các bản thảo này liên quan đến màn đối thoại trên bàn ăn tối tháng Mười năm 1941 tại Wolfsschanze, hoặc Hang Sói, vị trí cố thủ của Hitler ở Đông Phổ, chủ đề là Martha Dodd.

Là người từng hôn tay Martha, Hitler nói, “Cứ nghĩ rằng chẳng ai trên đời này có thể nắm tay con gái viên cựu đại sứ Mỹ - nhưng không khó tiếp cận cô ta đâu. Đó là việc của họ và lẽ ra phải làm thế từ lâu. Nói ngắn gọn, cần phải khuất phục con nhãi đó... Nhớ ngày xưa, khi chúng ta muốn vây chặt nhà tư bản công nghiệp, chúng ta đã tấn công ông ta thông qua con cái ông ta. Lão già Dodd đúng là khờ, thông qua con gái lão, chúng ta nắm được lão rồi.”

Một trong số những người cùng ngồi ăn với Hitler hỏi, “Ít nhất thì cô ta có xinh không?”

Một vị khách khác khịt mũi, “Tởm lắm.”

“Nhưng phải nhìn xa hơn thế, bạn của ta,” Hitler nói. “Đó là một trong những phẩm chất. Nếu không cho ta hỏi, thế tại sao các nhà ngoại giao của chúng ta lại được trả lương? Trong trường hợp đó, ngoại giao không còn là một nghề nữa, mà là lạc thú. Và nó có thể kết thúc bằng hôn nhân!”

CÁC NGUỒN TÀI LIỆU VÀ LỜI CẢM ƠN

CÂU LẠC BỘ THÔN QUÊ NƠI CÓ TRANG TRẠI CỦA DODD

Khi trải qua những tháng ngày đen tối dưới sự cai trị của Hitler, tôi đã không nhận ra bóng tối sẽ tràn ngập linh hồn mình nhiều bao nhiêu. Nói chung, tôi tự hào với bản thân khi sở hữu năng lực của phóng viên, khả năng khóc than vì bi kịch, nhưng đồng thời lại thưởng thức thứ quyền lực tường thuật của nó. Tuy vậy, đi ra đi vào, sống cùng Quốc xã quả thật là một trải nghiệm gay go, độc đáo. Có thời, tôi giữ trong ngăn kéo một cuốn Hitler 1889-1936: Kẻ xấc xược của Ian Kershaw, một tác phẩm đại quy mô mà tôi xem như cuốn sách minh họa cho các hoạt động chính trị của kẻ nguyên này. Bìa sách là bức ảnh chụp Hitler mà với tôi - xin lỗi Hiệp sĩ Ian - nó ghê tởm đến mức tôi luôn phải lật sấp nó, như lúc này đây, vì nếu phải bắt đầu mỗi ngày bằng cách nhìn vào đôi mắt chất chứa nỗi căm ghét, đôi má xệ và một nhúm lông Brillo mà xem như hàng ria mép ấy, thì đúng là chịu hết nổi.

Có nhiều tác phẩm lịch sử về Hitler và Thế Chiến II phải đọc, dù cho tình tiết mình muốn nghiên cứu nhỏ đến thế nào. Tất cả những nội dung này làm tinh thần của tôi ngày càng kiệt quệ thêm, không phải vì dung lượng khổng lồ của chúng mà vì những nỗi kinh hoàng được tiết lộ. Chiều rộng và chiều sâu của bối cảnh cuộc chiến do Hitler tạo ra không thể đánh giá nổi - người Do Thái bị lưu đày đến các trại diệt chủng, ngay cả sau khi Đức thất bại là điều ai cũng biết. Những trận đấu xe tăng với các lực lượng Nga cướp đi hàng chục ngàn mạng sống chỉ trong vài ngày. Những vụ thảm sát trả đũa khét tiếng của Quốc xã, khi mà vào một buổi chiều ngập nắng nào đó, trong một ngôi làng tại Pháp, mười hai người bị đuổi ra khỏi nhà và cửa hàng, bị bắt đứng dựa vào tường, rồi bị bắn chết. Không có lời mào đầu, không chào tạm biệt, chỉ có tiếng chim hót và máu đổ.

Một vài tác phẩm, nhất là cuốn Kẻ xấc xược của Kershaw, cực kì hữu ích, vì nêu chi tiết cách bố trí lực lượng và con người một cách quy mô, trong những tháng năm trước Thế Chiến II. Những cuốn này bao gồm cả hai tác phẩm cổ điển, tuy cũ nhưng vẫn đáng giá, Hitler: Nghiên cứu về sự bạo ngược của Alan Bullock và Sự trỗi dậy và suy tàn của Đế chế thứ ba của William Shirer, cũng như các tác phẩm gần đây hơn của một tác giả ngang tầm Kershaw về trí tuệ uyên bác, Richard J. Evans, với hai cuốn Đệ tam Đế chế nắm quyền: 1933 - 1939 và Đệ tam Đế chế trong chiến tranh: 1939 - 1945. Đây đều là những cuốn sách khổng lồ, đầy những chi tiết hấp dẫn, mặc dù khiến người ta kinh hãi.

Một số cuốn sách tập trung chặt chẽ hơn vào một phần rất hữu ích, trong số này có Chống lại Hitler: Mildred Harnack và Dàn Giao hưởng Màu đỏ của Shareen Blair Brysac, Khu rừng quỷ ám của các sử gia KGB Allen Weinstein và Alexander Vassiliev, Gián điệp: Thăng trầm của KGB tại Mỹ của Vassiliev, John Earl Haynes và Har- vey Klehr.

Tác phẩm đặc biệt, rõ ràng có giá trị là Nhật kí của Đại sứ Dodd, qua sự biên tập của Martha và Bill Jr., cùng hồi kí của Martha, Góc nhìn Đại sứ quán. Chẳng tác phẩm nào hoàn toàn đáng tin cậy, cả hai phải được nghiên cứu cẩn trọng và chỉ nên sử dụng cùng với các nguồn tư liệu khác vững chắc hơn. Hồi kí của Martha là tiếng nói của riêng cô về những con người và sự kiện cô gặp, cũng là một ô cửa sổ không thể thiếu để soi vào những suy nghĩ, cảm xúc của cô, nhưng lại bao gồm những thiếu sót rất thú vị. Chẳng hạn, không một dòng nào cô gọi thẳng tên của Mildred Fish Harnack hoặc Boris Winogradov, có thể vì cô đã làm thế trong tác phẩm xuất bản năm 1939 và khiến cả hai người lâm vào nguy hiểm lớn.

Tuy nhiên, bằng phép đo tam giác, các tài liệu nằm trong đống giấy tờ của Martha ở Thư viện Quốc hội cho thấy có những thời điểm trong hồi kí của cô xuất hiện cả hai cái tên Harnack và Winogradov. Những giấy tờ của cô bao gồm các miêu tả chi tiết, không bao giờ được xuất bản về mối quan hệ của cô với Boris và Mildred, cùng những lá thư hai người gửi cho cô. Boris viết thư khi ở Đức, có điểm xuyết những câu tiếng Anh và thi thoảng anh dùng từ "Darling!". Để biên dịch những câu ngoại ngữ này, tôi nhờ một người bạn ở Seattle, Britta Hirsch, người cũng từng liều lĩnh dịch cả những đoạn dài dằng dặc của nhiều tài liệu tẻ ngắt hơn nhiều, trong số này có hóa đơn bán căn nhà Tiergartenstrasse đã cũ và các đoạn trong hồi kí của Rudolf Diels, Lucifer Ante Portas.

Về phần nhật kí của Đại sứ Dodd, vẫn còn nguyên thắc mắc rằng liệu đây có thực sự là cuốn nhật kí như mọi người đã hiểu không, hay đúng hơn là bản tóm tắt những văn bản của ông được Martha và Bill tổng hợp lại dưới dạng nhật kí. Martha luôn một mực khẳng định rằng cuốn nhật kí này là thật. Robert Dallek, ngươi viết tiểu sử cho các tổng thống, trăn trở với câu hỏi này khi viết tiểu sử cho Dodd năm 1968, mang tựa đề Nhà Dân chủ và Nhà Ngoại giao. Ông may mắn nhận được lá thư của chính Martha, trong thư cô mô tả quá trình hình thành cuốn nhật kí. "Cuốn sách tuyệt đối chân thực," cô nói với Dallek. "Cha tôi có hai mươi tư cuốn sổ tay kích cỡ trung bình, màu đen sáng bóng, đêm nào ông cũng cố gắng viết vào đó, trong phòng làm việc tại Berlin, trước khi đi ngủ và vào cả những khoảng thời gian khác nữa." Cô giải thích, những thông tin này hợp thành phần cốt lõi của nhật kí, cho dù hai anh em cô có thêm vào những yếu tố khác như các bài diễn văn, thư từ và báo cáo họ thấy được viết thêm vào giữa các trang. Martha viết, bản thảo ban đầu là 1.200 trang nhật kí, biên tập viên chuyên nghiệp do nhà xuất bản thuê đã lược bớt đi. Dallek tin rằng cuốn nhật kí "nói chung là chuẩn xác."

Tất cả những gì tôi có thể thêm vào cuộc thảo luận là vài khám phá nhỏ của riêng mình. Trong khi tìm kiếm tại Thư viện Quốc hội, tôi tìm thấy một cuốn nhật kí bìa da, kín mít các mục từ năm 1932. Chí ít điều này minh chứng cho thiên hướng của Dodd là hay giữ lại một bản ghi chép như vậy. Nó nằm ở Gian 58. Trong số các tài liệu khác của Dodd, tôi tìm thấy những tham khảo chéo cho cuốn nhật kí toàn diện hơn và bí mật hơn. Điều ấn tượng nhất của phần tham khảo này nằm trong lá thư ngày 10 tháng 03 năm 1938 của bà Dodd gửi cho Martha, được viết không lâu trước khi ngài Đại sứ về hưu, có chuyến đi sang New York. Bà Dodd nói với Martha rằng, "Ông ấy có mang theo vài cuốn nhật kí cho con xem qua. Xem xong gửi lại khi ông ấy cần nhé. Hãy cẩn thận với những

gì con trích dẫn."

Cuối cùng, tôi chỉ đưa ra một nhận xét mơ hồ sau khi đọc xong hồi ký của Martha, tiểu thuyết Udet cùng các giấy tờ của cô và hàng nghìn trang thư từ, điện tín, báo cáo của Đại sứ Dodd. Đó là cuốn nhật kí được xuất bản của Dodd có vẻ giống Dodd nhất, cảm thấy nó chân thực, diễn tả những cảm xúc hoàn toàn ăn khớp với những lá thư ông gửi cho Roosevelt, Hull và nhiều người khác.

Chi nhánh Kho Lưu trữ Quốc gia ở College Park, Maryland - nổi tiếng là Kho Lưu trữ Quốc gia II - được xem là nơi sở hữu bộ sưu tập kì diệu các tư liệu, trị giá hai mươi bảy két sắt đựng tiền, liên quan đến đại sứ quán và lãnh sự quán Berlin. Trong số này bao gồm bản mô tả tất cả đồ ăn tối trong từng đại sứ quán và lãnh sự quán, đến số lượng các chậu nước rửa tay sau khi ăn tráng miệng. Thư viện Quốc hội, nơi lưu trữ các tài liệu của William và Martha Dodd, Cordell Hull cùng Wilbur J. Carr, luôn được thừa nhận là món quà từ thiên đường cho giới nghiên cứu. Tại trường Đại học Delaware ở Newark, tôi đã xem xét các tài liệu của George Messersmith, một trong số những bộ sưu tập được lưu trữ đẹp nhất tôi từng xem qua, rồi cảm thấy ngây ngất khi ngồi trong ngôi nhà của những người bạn lớn, Karen Kral và John Sherman, uống rượu thả phanh. Tại Harvard - nơi đã từng từ chối đơn xin vào trường cao đẳng cho sinh viên chưa tốt nghiệp của tôi vài năm trước, chắc chắn là bị bỏ sót, và tôi đã tha thứ cho điều đó, gần như thế - tôi dành mấy ngày vui vẻ lật qua các trang tài liệu của William Phillips với Jay Pierrepont Moffat, cả hai đều ở Harvard. Mấy anh bạn ở Thư viện Bản thảo và Sách hiếm Beinecke của Đại học Yale rất tử tế lùng sục bộ sưu tập các tài liệu của Thornton Wilder giùm tôi, và cung cấp cho tôi các bản sao những lá thư Martha Dodd gửi cho ông. Các kho lưu trữ khác cũng hữu ích không kém, đặc biệt là các bộ sưu tập lịch sử truyền miệng tại cả trường Đại học California lẫn Thư viện Công cộng New York.

Tôi có xu hướng không tin tưởng các nguồn tài liệu trực tuyến, nhưng có tìm được vài trang cực kì hữu ích. Trong số này có một bộ sưu tập các lá thư giữa Roosevelt và Dodd, nhã ý của Thư viện Tổng thống Franklin Delano Roosevelt ở Hyde Park, New York, cùng với các cuốn sổ tay của Alexander Vassiliev, cựu điệp viên KGB hóa ra lại là học giả, người đã rất độ lượng công khai các tài liệu này trên trang web của Dự án Lịch sử Quốc tế Chiến tranh Lạnh, tại Trung tâm Học giả Woodrow Wilson ở Washington, D.C. Bất kì ai muốn cũng có thể truy cập thông qua cái gọi là Verona Intercepts, những thông tin liên lạc giữa Trung tâm Moscow và các mật vụ KGB tại Mỹ, được các quan chức tình báo Mỹ chặn được

và giải mã, bao gồm công văn liên quan đến Martha Dodd và Alfred Stern. Từng là một trong những bí mật được bảo vệ chặt chẽ nhất của Mỹ, những tư liệu này giờ đây nằm trên trang web công cộng của Cơ quan An ninh Quốc gia, không chỉ tiết lộ rằng nước Mỹ đầy rẫy những gián điệp, mà sự theo dõi này có xu hướng biến thành cuộc săn đuổi trần tục rất tỉ mỉ.

Một thách thức tôi phải đối mặt khi nghiên cứu cuốn sách này là làm sao mường tượng ra được quận Tiergarten của Berlin trước chiến tranh, nơi Dodd và Martha dành rất nhiều thời gian. Phần lớn quận này đã bị phá hủy tan tành bởi các máy bay ném bom của quân Đồng minh và cuộc tấn công cuối cùng của quân Nga vào thành phố. Tôi thu được một bản hướng dẫn Baedeker trước chiến tranh, mang lại thông tin vô giá, giúp tôi xác định được những cột mốc lịch sử, như quán cà phê Romanisches trên đường Kurfürstendamm 238 và khách sạn Adlon trên đường Unter den Linden 1. Tôi đọc càng nhiều hồi kí về giai đoạn này càng tốt, khai thác chúng để có cái nhìn thấu suốt vào cuộc sống hằng ngày ở Berlin. Tuy nhiên, vẫn không được quên một điều, những hồi kí trong kỉ nguyên Quốc xã thường có xu hướng tự chỉnh sửa, nhằm mục đích đảm bảo tác giả không dính líu đến sự trỗi dậy và cai trị của Đảng Quốc xã, trong khi có lẽ anh ta thực sự có liên can. Ví dụ điển hình nhất cho điều này chắc chắn là cuốn Những hồi kí của Franz von Papen, xuất bản vào năm 1953, theo đó ông ta cho rằng mình đã chuẩn bị bài diễn văn Marburg "cực kì thận trọng", một lí lẽ không ai xem là nghiêm túc. Bài diễn văn cũng gây ngạc nhiên lớn đối với ông, cũng như với khán giả của ông.

Các tiểu thuyết theo kiểu hồi kí của Christopher Isherwood, có tựa là, Những ngày cuối cùng của Ngài Norris và Tạm biệt Berlin, được xem là đặc biệt hữu ích đối với các nhà quan sát về vẻ đẹp và cảm xúc của thành phố, trong những năm ngay trước khi Hitler trỗi dậy, khi bản thân Isherwood cũng cư trú ở Berlin. Thi thoảng, tôi cực kì vui sướng khi đăng nhập vào trang Youtube.com, tìm kiếm những thước phim lưu trữ đã cũ về Berlin và tìm thấy kha khá phim, bao gồm bộ phim câm năm 1927 Berlin: Bản giao hưởng của một thành phố vĩ đại, hướng tới mô tả trọn vẹn cuộc sống hằng ngày tại thành phố Berlin. Tôi thực sự vui khi tìm được một cuốn phim tài liệu năm 1935, Điều kì diệu của chuyến bay, nhằm mục đích kêu gọi các thanh niên đăng kí vào Lực lượng Không quân Luftwaffe. Trong phim, người tình một thời của Martha, Ernst Udet đóng vai của chính mình và thậm chí còn quay cả căn hộ của anh ta ở Berlin, trông rất giống cách Martha mô tả trong hồi kí của cô.

Tôi nhận thấy Hội Lịch sử Nhà nước Wisconsin là nơi lưu trữ các tư liệu có liên quan, chuyển tải nền móng căn bản của cuộc sống tại Berlin thời Hitler. Tại đó, trong một mục tôi tìm được các giấy tờ của Sigrid Schultz, Hans V. Kaltenborn và Louis Lochner. Tôi đã đến thư viện trường Đại học Wisconsin sau cuốc dạo bộ ngắn và thú vị, tìm thấy một nguồn phong phú các tư liệu chỉ nói về cô gái từng học trường Wisconsin bị chặt đầu theo mệnh lệnh của Hitler, Mildred Fish Harnack.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là trải nghiệm của tôi về chính Berlin. Thành phố này vẫn còn lại đầy đủ bằng chứng cho tôi cảm nhận được toàn bộ mọi thứ. Thật lạ kì khi các tòa nhà Bộ Không quân của Göring phần lớn vẫn còn nguyên vẹn, cũng như nhiều trụ sở quân đội ở Khu phố Bendler. Điều làm tôi kinh ngạc nhất là mọi thứ sao gần nhà của Dodd đến thế, với từng cơ quan chính phủ quan trọng chỉ cần đi bộ là tới, bao gồm các trụ sở Gestapo và dinh thủ tướng của Hitler, không một công trình nào trong số này còn tồn tại đến ngày nay. Nhà của Dodd từng ở trên phố Tiergartenstrasse 27a giờ bỏ không, khoảnh đất cỏ mọc um tùm bao quanh là hàng rào dây xích. Có thể nhìn thấy Khu phố Bendler đằng sau.

Tôi còn nợ Gianna Sommi Panofsky và chồng bà lời cảm ơn đặc biệt. Ông ấy chính là Hans, con trai của Alfred Panofsky, chủ cho thuê nhà của gia đình Dodd tại Berlin. Cặp vợ chồng định cư tại Evanston, Illinois. Hans giảng dạy tại trường Đại học Northwestern. Bà Panofsky tử tế cung cấp cho tôi các bản vẽ mặt bằng gốc ngôi nhà trên phố Tiergartenstrasse (được một sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành báo chí Northwestern, Ashley Keyser, thận trọng giữ gìn và sao chép thay mặt tôi). Bà Panofsky rất vui được nói chuyện với tôi. Đáng buồn là bà đã mất đầu năm 2010, do ung thư ruột kết.

Trên hết, tôi xin cảm ơn những độc giả đầu tiên trung thành của tôi: Carrie Dolan cùng chồng cô ấy, Ryan Russell: các con gái tôi, Kristen, Lauren và Erin: rồi lúc nào cũng thế, là vợ tôi, vũ khí bí mật của tôi, Christine Gleason, với những dòng ghi chú bên lề - hoàn chỉnh với các khuôn mặt cười và các dòng zzzzzzz dài dằng dặc - một lần nữa được xem là không thể thay thế. Xin cảm ơn các con gái tôi vì những lời phê bình ngày càng sắc sảo của chúng cho bản thảo của tôi. Tôi mang món nợ to lớn đối với Betty Prashker, biên tập viên của tôi trong ngót hai thập niên, và John Glusman, với bàn tay khéo léo đã dẫn đường cho cuốn sách này đến với độc giả. Tôi cũng xin cảm ơn Domenica Alioto, vì đã đảm nhận những nhiệm vụ lẽ ra không nên đảm nhận, và Jacob Bronstein, vì sự

khéo léo khi băng qua giới tuyến giữa trang Web và thế giới. Một tiếng hoan hô nữa cho Penny Simon, vì tình bạn và chuyên môn của cô ấy khiến tôi làm được những việc mà tôi không muốn làm; cho Tina Constable vì sự tự tin của cô ấy; cho David Black, nhân viên lâu năm của tôi, một nhà tư vấn rượu vang, và là một người bạn tuyệt vời. Cuối cùng, một cái ôm thật lâu dành cho Molly, chú chó đáng yêu, ngọt ngào của chúng tôi. Nó đã phải chịu đựng căn bệnh ung thư gan ở tuổi lên mười, khi công trình của tôi gần hoàn tất. Tuy nhiên, trong những tuần cuối đời, nó vẫn bắt được một con thỏ, việc nó đã cố gắng làm nhiều năm nhưng không thành công. Chúng tôi ngày nào cũng nhớ về nó.

Khi tôi ở Berlin, một chuyện lạ lùng đã xảy ra, một trong những khoảnh khắc kì lạ của sự trùng hợp không gian và thời gian, dường như luôn xảy ra khi tôi hoàn toàn chìm đắm vào công việc nghiên cứu một cuốn sách. Tôi đã ở Ritz-Carlton gần công viên Tiergarten, không phải vì đây là khách sạn Ritz mà vì đây là khách sạn hoàn toàn mới, cho thuê phòng với mức giá thấp rất gọi mời. Việc lúc ấy là tháng Hai cũng giúp ích nhiều. Vào buổi sáng đầu tiên, quá mệt mỏi sau chuyến bay dài, không làm nổi chuyện gì quá tham vọng, tôi đi tản bộ và tiến thẳng đến công viên Tiergarten, với ý tưởng mơ hồ rằng tôi sẽ đi tiếp đến khi tìm thấy nhà của gia đình Dodd, trừ phi trước đó tôi chết vì lạnh. Hôm ấy là buổi sáng buốt giá, gió mạnh dữ dội, thi thoảng có sự xuất hiện của những bông tuyết rơi theo góc nghiêng. Trên đường đi, tôi bước qua một di tích kiến trúc đặc biệt thú vị - phần lớn mặt tiền một tòa nhà lỗ chỗ vết đạn, nằm khuất sau bức tường kính khổng lồ. Sàn nhà như cây cầu, dọc suốt chiều dài mặt tiền đỡ vài tầng của căn hộ xa hoa hiện đại. Vì tò mò ngẫu hứng, tôi bước đến chỗ tấm biển giới thiệu thông tin về mặt tiền này. Nó thuộc về khách sạn Esplanade, nơi gia đình Dodd từng ở khi họ mới đến Berlin. Cũng ở đây, cũng đằng sau tấm kính này, là bức tường trong của căn phòng ăn sáng ở Esplanade, được khôi phục lại y như cũ. Thật lạ lùng khi chứng kiến các món tạo tác kiến trúc này nằm ẩn sau bức tường kính, giống như con cá khổng lồ, bất động nhưng cũng hé lộ nhiều điều. Trong thoáng chốc, tôi có thể thấy Dodd và Martha lên đường bắt đầu những ngày mới. Dodd đang đi rất nhanh về phía bắc đến công viên Tiergarten, để tới các văn phòng đại sứ quán trên đường Bendlerstrasse. Martha thì đang lao về phía nam để gặp Rudolf Diels, tại một trường nghệ thuật cũ trên phố Prinz-Albrecht-Strasse, trước khi có bữa ăn trưa yên tĩnh ở một nơi kín đáo.

Những ghi chú tiếp theo đây chắc chắn không thể nào thấu đáo hết được. Tôi luôn rất cẩn thận ghi ra nội dung trích dẫn từ các tác

phẩm khác, ghi chú những sự thật và quan sát vì một lí do, hoặc vì tiếng kêu gào đòi dẫn chứng, chẳng hạn như tiết lộ của Ian Kershaw - trong cuốn Kẻ xấc xược, trang 485 - rằng một trong những bộ phim yêu thích nhất của Hitler là King Kong. Thường thì, đối với những độc giả thích đọc ghi chú - mà số này rất nhiều - tôi đã bao gồm các câu chuyện và sự thật nhỏ không thích hợp với mạch truyện chính, nhưng tôi thấy nó quá hấp dẫn hoặc thú vị, không thể bỏ sót. Xin hãy tha lỗi cho tôi vì sự đắm đuối này.

Nguồn hình ảnh

Trang tiêu đề: Kho lưu trữ Nghệ thuật / Marc Charmet

P1.1: (Thư viện Quốc hội)

P2.1: ullstein bild / Bộ sưu tập Granger, New York P3.1: ullstein bild / Bộ sưu tập Granger, New York P3.2: (Thư viện Quốc hội)

P4.1: ullstein bild / Bộ sưu tập Granger, New York

P5.1: Albert Harlingue / Roger-Violet/ Tác phẩm Ảnh

P6.1: Bildarchiv Preussischer Kulturbesitz / Tài nguyên Nghệ thuật, NY

P7.1: Bildarchiv Preussischer Kulturbesitz / Tài nguyên Nghệ thuật, NY

Epl.1: Bildarchiv Preussischer Kulturbesitz / Tài nguyên Nghệ thuật, NY

Tôi thả bước trên mặt đường trống trải phủ đầy tuyết, ở công viên Tiergarten. Nơi đây có một pho tượng vỡ và một cây non mới trồng. Phía trên Cổng Brandenburg, lá cờ đỏ bay phấp phới giữa nền trời xanh mùa đông. Đằng chân trời là mái của nhà ga xấu xí, trông y hệt một bộ xương cá voi. Dưới ánh nắng ban mai, cảnh tượng này nguyên sơ và thẳng thắn như tiếng nói của lịch sử, nhắc bạn không được tự lừa dối mình. Chuyện này có thể xảy đến với bất kì thành phố nào, với bất kì ai và với chính bạn.

- Chistopher Isherwood, Một chuyến thăm -

VỀ TÁC GIẢ

ERIK LARSON là tác giả của những cuốn sách phi hư cấu như Ác quỷ thành phố trắng, Sấm sét, Cơn bão của Isaac, cùng những tác phẩm khác. Ông từng viết bài cho nhiều tạp chí ở Mỹ, đặc biệt là Wall Street Journal và Time. Hiện ông sống ở Seattle cùng với vợ và ba người con gái. Ông có một chiếc ô tô thể thao, được đặt tên là Bà Peel.

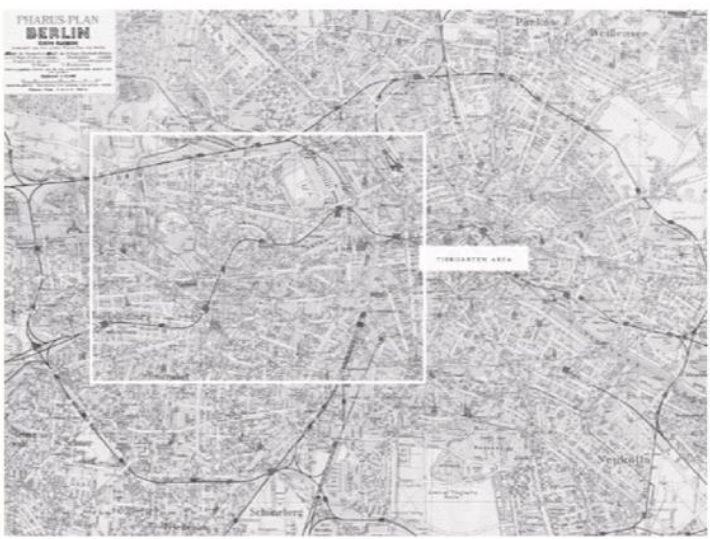

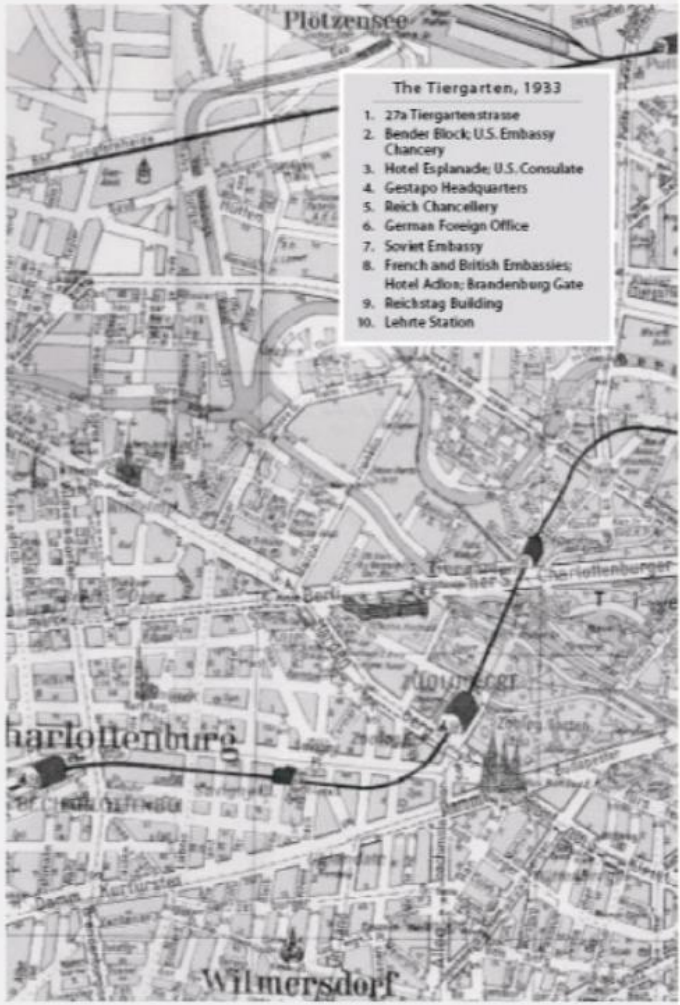
Plötzensee
The Tiergarten, 1933
1. 27a Tiergartenstrasse
2. Bender Block; U.S. Embassy Chancery
3. Hotel Esplanade; U.S. Consulate
4. Gestapo Headquarters
5. Reich Chancellery
6. German Foreign Office
7. Soviet Embassy
8. French and British Embassies; Hotel Adlon; Brandenburg Gate
9. Reichstag Building
10. Lehrte Station
harlottenburg
Wilmersdorf

LEHRTER BF
Tiergarten
Unter den Linden
Potsdamer Platz
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10